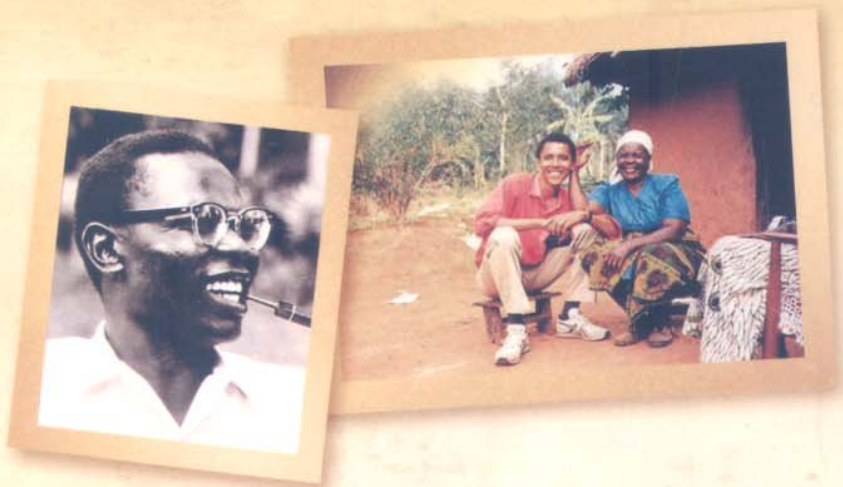




những  
giấc mơ  
từ  
Cha tôi



BARACK OBAMA

you  
books

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



## BARACK OBAMA

tốt nghiệp Trường Luật Harvard vào năm 1991, nơi ông phục vụ trên cương vị là chủ tịch người Mỹ gốc Phi đầu tiên của tờ Harvard Law Review. Ông đã từng làm việc với tư cách là một nhà tổ chức cộng đồng, một luật sư dân quyền, và giáo sư luật. Từ năm 1997, ông đại diện cho các thành phần ở South Side tại Chicago trong Đại Hội Đồng Illinois, và hiện là người được chỉ định Đảng Dân Chủ để trở thành thượng nghị sĩ Mỹ ở Illinois. Ông sống ở Chicago với vợ, Michelle, và hai cô con gái, Malia và Sasha.

Những  
giấc mơ  
từ cha tôi

BARACK OBAMA

Những  
giấc mơ  
từ cha tôi

Dịch giả: NGUYỄN QUANG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



*Vì chúng ta là những kẻ xa lạ  
trước mặt họ, những người lưu trú,  
như tất cả cha ông chúng ta.*

BIÊN NIÊN SỬ 29:15

# Lời tựa cho ấn bản 2004

**G**ẤN MỘT THẬP KỶ đã trôi qua kể từ khi quyển sách này lần đầu tiên được xuất bản. Như tôi đề cập trong phần giới thiệu ban đầu, cơ hội để viết quyển sách này đã đến trong lúc tôi đang học ở trường luật, kết quả của cuộc bầu cử của tôi với tư cách là chủ tịch người Mỹ gốc Phi đầu tiên của tờ *Harvard Law Review*. Theo sau sự ủng hộ khiêm tốn nào đó của công chúng, tôi đã nhận được một đề bạt từ nhà xuất bản và tiếp tục làm việc với niềm tin rằng câu chuyện về gia đình tôi, và những nỗ lực của tôi để hiểu câu chuyện đó, có thể nói trong một cách nào đó đối với những rạn nứt chủng tộc tiêu biểu cho kinh nghiệm nước Mỹ, cũng như trạng thái nhân diện dễ thay đổi - những bước nhảy qua thời gian, sự xung đột về văn hóa - vốn đánh dấu cuộc sống hiện đại của chúng ta.

Như phần lớn những tác giả đầu tay, trong tôi đầy những hy vọng và nản lòng về việc xuất bản cuốn sách - hy vọng rằng cuốn sách có thể thành công vượt quá những ước mơ tuổi trẻ của tôi, và nản lòng rằng tôi đã không nói được những gì đáng nói. Hiện thực rằm ở đâu đó giữa hai điểm này. Những bài phê bình có phần ưu ái. Người ta thật sự thờ ơ trước những đề mục mà chủ biên của tôi sắp xếp. Doanh số bán ra không mấy thuyết phục. Và, sau vài tháng tôi tiếp tục công việc của đời mình khi chắc rằng sự nghiệp viết lách của tôi sẽ không

sống lâu, nhưng vui vì đã sống qua giai đoạn này với lòng tự trọng ít nhiều còn nguyên vẹn.

Tôi ít có thời gian cho việc ngắm nghĩ về mười năm tiếp theo. Tôi điều hành một dự án đăng ký cử tri trong đợt bầu cử năm 1992, bắt đầu một hoạt động dân quyền, và khởi sự giảng dạy luật hiến pháp tại trường Đại học Chicago. Vợ tôi và tôi đã mua một ngôi nhà, với hai cô con gái tinh nghịch, khỏe mạnh và dễ thương làm niềm hạnh phúc, và vật lộn để trang trải những hóa đơn. Khi cơ quan lập pháp tiểu bang khuyết một ghế vào năm 1996, vài người bạn đã thuyết phục tôi vận động chức vụ đó, và tôi đã thắng. Tôi đã được nhắc nhở, trước khi nhậm chức, rằng sân khấu chính trị tiểu bang thiếu vẻ rực rỡ nơi nguyên mẫu Washington của nó; nơi đây người ta bằng lòng dốc sức một cách thâm lặng, chủ yếu vào những đề tài vốn có nhiều ý nghĩa chỉ với một vài người nhưng lại chẳng là gì cả với thậm chí một người bình dân nhất trên đường phố (chẳng hạn quy định về những ngôi nhà lưu động, tác động thuế khóa của sự khấu hao thiết bị nông trang). Tuy nhiên, tôi rất hài lòng với công việc, chủ yếu vì quy mô của chính trị tiểu bang cho phép những kết quả cụ thể - sự mở rộng về bảo hiểm y tế cho trẻ em nghèo, hoặc cải cách những điều luật phi lý - trong một khung thời gian có ý nghĩa. Và cũng vì trong tòa trụ sở quốc hội của một tiểu bang công nghiệp lớn, ta nhìn thấy diện mạo quốc gia trong dòng luân chuyển không dứt: những bà mẹ nội thành và những người nông dân trồng bắp và đậu, những người lao động công nhật nhập cư bên cạnh những ông chủ đầu tư ngoại ô - tất cả chen chúc để được lắng nghe, tất cả sẵn sàng kể lên câu chuyện của mình.

Vài tháng trước đây, tôi đã giành được sự đề cử của Đảng Dân chủ cho chiếc ghế thượng nghị sĩ Mỹ tại bang Illinois. Đó là một cuộc đua khó khăn, trong một đấu trường đông nghẹt những ứng cử viên lỗi lạc, giàu kỹ năng và chỗ dựa tài chính; không có sự hậu thuẫn về mặt tổ chức hoặc tài chính cá nhân, một người da đen với cái tên buồn cười, tôi bị coi như một đấu thủ ít có cơ may. Và vì thế, khi tôi giành được đa số phiếu trong cuộc bầu chọn ứng viên Đảng Dân chủ, chiến thắng trong những khu vực da trắng cũng như da đen, trong các vùng ngoại ô cũng như ở Chicago, chiến thắng này là sự lặp lại vẻ vang

thắng lợi của tôi khi được bầu làm chủ tịch tờ *Law Review*. Những nhà bình luận lớn đã biểu lộ sự ngạc nhiên và hy vọng chân thành rằng thắng lợi của tôi đã báo hiệu sự thay đổi trên quy mô rộng trong nền chính trị mang tính chủng tộc của chúng ta. Trong phạm vi cộng đồng người da đen, có một sự cảm nhận về niềm kiêu hãnh liên quan đến thành tựu của tôi, một niềm kiêu hãnh được trộn lẫn với sự thất vọng mà năm mươi năm sau phán quyết bước ngoặt trong vụ án *Brown và Bộ Giáo dục* và bốn mươi năm sau khi thông qua Đạo luật quyền bầu cử, chúng ta vẫn nên tán dương cái tiềm năng (và chỉ là tiềm năng, bởi tôi có một cuộc tổng tuyển cử gay gò sắp đến) rằng tôi có thể là người Mỹ gốc Phi duy nhất - và người thứ ba kể từ Thời tái thiết - phục vụ trong thượng viện. Gia đình, bạn bè tôi và tôi hơi bối rối bởi sự quan tâm, và luôn nhận thức về vực thẳm giữa tính hào nhoáng khắc khe của những bình luận truyền thông và những hiện thực hỗn độn, thế tục của cuộc sống như bản chất của nó.

Cũng như sự phản ứng dồn dập của công chúng thúc đẩy sự quan tâm của nhà xuất bản của tôi một thập kỷ trước, thì một loạt những mẩu tin mới mẻ này đã cổ vũ việc tái bản nó. Lần đầu tiên trong nhiều năm, tôi rút ra một bản và đọc vài chương để xem giọng văn đã thay đổi bao nhiêu qua ngần ấy thời gian. Tôi thú nhận đã rất thường cau mày với mỗi một lần chọn từ kém cỏi, một câu cắt xén vụng về, một sự diễn đạt tình cảm dường như quá dễ dãi hoặc quá lọc lõi. Tôi có xu hướng muốn cắt quyền sách xuống còn năm mươi trang hoặc gần thế, vì một sự cảm kích sâu sắc đến ám ảnh của tôi về tính chất khúc chiết. Tuy nhiên, thật tình tôi không thể nói giọng điệu trong quyển sách này không phải của tôi - rằng hôm nay tôi đã kể câu chuyện thật khác xa với mười năm trước, ngay cho dù một số đoạn tỏ ra phiền phức về mặt chính trị, đầy những bình luận học thuật và mang tính bối rối đối thủ.

Dĩ nhiên, điều đã thay đổi một cách triệt để và quyết đoán là bối cảnh trong đó quyển sách có thể được đọc. Tôi bắt đầu viết từ bối cảnh cơ sở là Thung Lũng Silicon và sự bùng nổ thị trường chứng khoán; sự sụp đổ của Bức tường Berlin; Mandela - trong từng bước chậm chạp, ngoan cường - đã đứng lên từ một tù nhân để lãnh đạo một quốc gia; việc ký kết những hiệp ước hòa bình ở Oslo. Về đối

nội, những tranh cãi văn hóa của chúng ta - xung quanh chuyện súng đạn, phá thai và nhạc rap - dường như quá gay gắt bởi chính vì Con đường thứ ba của Bill Clinton, một chế độ phúc lợi trung dung không có tham vọng lớn lao cũng không có những thách thức gay go, dường như thể hiện một sự nhất trí mang tính cơ bản và phổ biến về những vấn đề cơm áo, một sự nhất trí mà ngay cả chiến dịch vận động đầu tiên của George W. Bush, với khẩu hiệu "bảo thủ trong tình thương" của nó cũng phải gật gù tán thưởng. Về đối ngoại, nhiều tác giả đã tuyên bố sự kết thúc của lịch sử, uy thế của những thị trường và nền dân chủ tự do, sự thay thế những hận thù và chiến tranh xưa cũ giữa các quốc gia bằng những cộng đồng và sự tranh giành thị phần.

Và rồi, vào ngày 11 tháng 9, 2001, thế giới đã rạn nứt.

Việc nắm bắt trọn vẹn ngày hôm đó, cùng những ngày tiếp theo vượt quá kỹ năng viết lách của tôi - những chiếc máy bay, như những bóng ma, đâm sầm vào một khối kính và thủy tinh; rồi sự sụp đổ từ từ của những tòa tháp thành những đống đổ nát oằn oại; những đám hình đầy tro bụi thất thủ trên đường; sự đau đớn và kinh hoàng. Tôi cũng không làm ra vẻ hiểu được thứ chủ thuyết hư vô cay nghiệt nào đã kích động những tên khủng bố và đồng đảng của chúng ngày hôm đó. Năng lực thấu cảm, khả năng chạm đến tâm can người khác cũng không thể giúp tôi thâm nhập vào những cái nhìn trống rỗng của những kẻ sát hại người vô tội trong sự thỏa mãn khó hiểu và thần nhiên của chúng.

Điều tôi biết là vào ngày đó lịch sử đã quay lại với một sự trả thù; rằng, thật ra, như Faulkner đã nhắc chúng ta, quá khứ không bao giờ chết và chôn vùi - thậm chí nó không phải là quá khứ. Lịch sử chung này, cái quá khứ này, tác động trực tiếp đến tôi. Không đơn thuần là những quả bom của Al Qaeda đã đánh dấu, với một sự chính xác kỳ quái, lên một số *cảnh quan* nào đó trong cuộc đời tôi - những tòa nhà, những con đường và những gương mặt ở Nairobi, Bali, Manhattan; không đơn thuần bởi vì, như hậu quả của ngày 11/9, tên tuổi tôi là một mục tiêu hấp dẫn mạnh mẽ của những trang web nhạo báng từ những phần tử cộng hòa quá đố kỵ. Nhưng còn bởi vì sự xung đột cơ bản - giữa những thế giới dư dật và cùng túng; giữa hiện đại và

cổ xưa; giữa những người mang trong mình sự đa dạng hỗn độn, thái quá, đầy va chạm, trong khi một mực bám vào một hệ thống giá trị trói buộc chúng ta với nhau, với những người tìm kiếm, dưới bất kỳ lá cờ, khẩu hiệu hoặc niềm tin thiêng liêng nào, một sự chắc chắn hoặc đơn giản hóa nhằm biện minh cho sự tàn ác đối với những người không giống như chúng ta - là cuộc xung đột dựng nên, trên một tỉ lệ thu nhỏ, trong sách này.

Tôi biết, tôi đã thấy, sự tuyệt vọng và hỗn loạn của tình trạng bất lực; nó giày xéo thế nào cuộc đời những em bé trên đường phố Jakarta hoặc Nairobi rất giống như cách nó giày xéo cuộc đời những trẻ em ở khu vực South Side của Chicago, lối đi hạn hẹp thế nào cho chúng giữa một bên là sự lãng nhục và một bên là sự thịnh nộ tuôn trào, thật dễ dàng làm sao để chúng trượt vào con đường bạo lực và tuyệt vọng. Tôi biết phản ứng của những kẻ có quyền đối với tình trạng hỗn loạn này - luân phiên giữa một sự tự mãn trì độn và, khi sự hỗn loạn đó đã tràn ra ngoài những ranh giới cấm đoán của nó, thì một kiểu áp dụng vũ lực cứng nhắc và thiếu suy nghĩ, những án tù kéo dài và những thứ vũ khí hạng nặng rắc rối - là không thích đáng với tình hình. Tôi biết rằng sự cứng rắn của những lập trường, sự bám riết vào trào lưu chính thống và bộ tộc, sẽ hủy diệt tất cả chúng ta.

Và vì vậy về phía tôi, cái gì là một nỗ lực tha thiết, sâu sắc hơn để hiểu được sự giằng co này và tìm một chỗ đứng của tôi trong đó, đã hồi quy về một cuộc tranh luận chung rộng lớn hơn, một cuộc tranh cãi mà trong đó tôi thể hiện vai trò của mình một cách chuyên nghiệp, một cuộc tranh cãi sẽ định hình cuộc sống chúng ta và con cháu chúng ta trong những năm tới.

Những hàm ý chính sách về tất cả vấn đề này là một chủ đề cho một quyển sách khác. Thay vì vậy ở đây tôi sẽ kết lại bằng một nhận định cá nhân. Hầu hết những nhân vật trong sách này vẫn là một phần của cuộc đời tôi, dù trong nhiều mức độ khác nhau - một chức năng công việc, trẻ em, địa lý, và những bước ngoặt của số phận.

Một trường hợp ngoại lệ là người mẹ đã mất của tôi, với một sự chóng vánh tàn ác về căn bệnh ung thư chỉ vài tháng sau khi cuốn sách này được xuất bản.



Bà đã dành mười năm qua để làm những gì bà yêu thích. Bà đi khắp thế giới, làm việc trong những ngôi làng xa xôi ở châu Á và châu Phi, giúp phụ nữ mua một chiếc máy may hoặc một con bò sữa hoặc một sự học vấn có thể mang lại cho họ một vị trí vững chắc trong nền kinh tế thế giới. Bà giao du với bạn bè đủ mọi tầng lớp, những chuyến đi bộ dài, ngắm trăng, và lòng sực trong những chợ địa phương ở Delhi hoặc Marrakesh để tìm một số thứ vật vĩnh, một cái khăn choàng hoặc một tác phẩm điêu khắc đá có thể giúp bà vui hoặc thích mắt. Bà viết báo cáo, đọc tiểu thuyết, chọc ghẹo bọn trẻ, và mơ về những đứa cháu.

Chúng tôi thường gặp nhau, mối liên hệ giữa chúng tôi không hề đứt. Trong suốt thời gian viết sách này, bà đã đọc bản thảo, hiệu chỉnh những câu chuyện mà tôi hiểu sai, cảnh trọng tránh phê bình những mô tả tính cách của tôi về bà nhưng lập tức giải thích hoặc bênh vực trước những khía cạnh ít tò vè về tính cách của cha tôi. Bà đối mặt với căn bệnh này bằng sự can đảm và hài hước, và đã giúp em gái tôi và tôi vững bước trong cuộc sống của mình, bất chấp sự khiếp sợ, phủ nhận, hoặc những hoang mang bất chợt trong lòng chúng tôi.

Đôi khi tôi nghĩ rằng giá tôi biết bà sẽ không sống sót qua căn bệnh, có thể tôi đã viết một quyển sách khác - ít hơn về sự hòa giải với người cha vắng mặt, nhiều hơn dành cho sự tán dương một người đã luôn là người đồng hành đơn độc trong cuộc đời tôi. Tôi nhìn thấy bà, niềm vui của bà, khả năng kinh ngạc của bà, nơi hai cô con gái của tôi. Tôi cố không thể hiện nỗi thương tiếc sâu sắc của tôi đến thế nào với bà. Tôi biết rằng bà vẫn là người ân cần, rộng lượng nhất mà tôi từng biết, và rằng những gì tốt nhất tôi có đều nhờ nơi bà.

# Giới thiệu

**N**GAY TỪ ĐẦU tôi có ý định viết một quyển sách khác. Cơ hội viết nó lần đầu tiên đã đến khi tôi ở trường luật, sau khi tôi được chọn làm chủ tịch da đen đầu tiên của *Harvard Law Review*, một tạp chí luật xuất bản định kỳ ít được biết đến ngoài giới chuyên môn. Một sự bùng nổ của công luận sau cuộc tuyển cử đó, kể cả vài bài báo ít chứng thực đến những thành tựu khiêm tốn của tôi cho bằng vị thế đặc biệt của Trường luật Harvard trong huyền thoại Mỹ, cũng như sự khao khát của nước Mỹ về một dấu hiệu lạc quan từ mặt trận chủng tộc - một mảnh bằng chứng, rốt cuộc chứng tỏ có một sự tiến bộ nào đó. Vài chủ báo gọi đến, và tôi, hình dung mình có điều gì đó đặc biệt để nói về hiện trạng đương thời của các mối quan hệ chủng tộc, đã quyết định dành một năm sau khi tốt nghiệp để dồn hết tư tưởng vào báo chí.

Trong năm cuối đó tại trường luật, tôi bắt đầu sắp xếp trong đầu, với một niềm tin khủng khiếp, cách thức nào để quyển sách được tiếp tục. Có một tiểu luận về những giới hạn của việc tổ tụng dân quyền trong việc mang lại quyền bình đẳng chủng tộc, những suy nghĩ về ý nghĩa của cộng đồng và sự phục hồi cuộc sống công chúng thông qua việc tổ chức từ nền móng, trầm ngâm về hành động quyết đoán và chủ nghĩa da màu ôn hòa - danh sách các chủ đề chiếm trọn cả trang.

Tôi có đề cập một số giai thoại cá nhân, để chắc hơn, và phân tích những nguồn gốc của một số cảm xúc luôn tái diễn nào đó. Nhưng nói chung đó là một cuộc hành trình tri thức mà tôi hình dung cho chính mình, với những sơ đồ, những điểm dừng chân, và một lịch trình nghiêm ngặt: phần đầu hoàn tất vào tháng Ba, phần thứ hai được nộp để điều chỉnh vào tháng Tám...

Dẫu vậy, khi tôi thật sự ngồi xuống và bắt đầu viết, tôi thấy tâm trí mình như kéo về những bờ đá. Những khao khát ban đầu vục dậy choán lấy tâm hồn tôi. Những giọng nói xa xôi xuất hiện, chìm lặng rồi lại xuất hiện. Tôi nhớ những câu chuyện mà mẹ tôi và ông bà ngoại đã kể tôi nghe khi tôi còn bé, những câu chuyện về gia đình cố tự giải thích. Tôi nhớ lại năm đầu tiên của tôi với tư cách là người tổ chức cộng đồng của tôi ở Chicago và những bước vụng về trở thành người đàn ông. Tôi lắng nghe bà ngoại, ngồi dưới cây xoài khi bà tết tóc cho em gái tôi, miêu tả về người cha mà tôi thật sự không bao giờ biết.

So với dòng ký ức này, tất cả những lý thuyết được sắp xếp quy củ của tôi dường như trở nên mong manh và non nớt. Song, tôi cực lực chống lại cái ý tưởng dồn nén quá khứ của tôi trên một quyển sách, một quá khứ luôn làm tôi thấy như bị vạch trần, thậm chí hơi xấu hổ. Không phải vì quá khứ đó đặc biệt đau đớn hoặc éo le nhưng vì nó nói lên những khía cạnh đi ngược lại sự lựa chọn ý thức của riêng tôi và - ít ra ở bề mặt - trái ngược với thế giới tôi đang sống. Rốt cuộc tôi cũng đã ba mươi tuổi; tôi làm việc như một luật sư tích cực trong đời sống xã hội và chính trị ở Chicago, một thành phố vốn đã quen với những vết thương chủng tộc và tự kiêu hãnh vì một sự thiếu tình cảm nào đó của mình. Nếu có thể dẹp bỏ được tính yếm thế, tôi dẫu sao vẫn thích coi mình như một người sáng suốt ở đời, cẩn trọng không mong đợi quá nhiều.

Thế nhưng điều gây ấn tượng trong tôi nhất khi tôi nghĩ về câu chuyện gia đình mình là một chuỗi tiếp diễn của sự ngây ngô, sự ngây ngô dường như không thể tưởng tượng được ngay cả theo những chuẩn mực của trẻ con. Em họ của vợ tôi, chỉ mới sáu tuổi, đã đánh mất quá nhiều sự ngây thơ đó: Vài tuần trước nó đã kể với cha mẹ rằng mấy đứa bạn học lớp một của nó đã không chịu chơi cùng vì

màu da đen bóng của nó. Dĩ nhiên, bố mẹ nó, những người được sinh ra và lớn lên ở Chicago và Gary, đã đánh mất sự ngây thơ của họ lâu rồi, và mặc dù họ không thấy cay đắng - hai người họ cũng mạnh mẽ, kiêu hãnh và tháo vát như bất kỳ bậc cha mẹ nào tôi biết - người ta vẫn nghe được nỗi đau trong giọng nói của họ khi họ bắt đầu suy nghĩ đến lần thứ hai về việc dọn khỏi thành phố để sống trong một khu ngoại ô hầu hết là người da trắng, một chuyển di họ thực hiện để bảo vệ đứa con trai khỏi nguy cơ bị lạc đạn trong một vụ thanh toán băng nhóm nào đó và chắc chắn phải học trong một ngôi trường thiếu thốn mọi mặt.

Họ biết quá nhiều, tất cả chúng ta đã nhìn thấy quá nhiều, để không phải nhìn nhận sự kết hợp ngắn ngủi của cha mẹ tôi - một người đàn ông da đen và một phụ nữ da trắng, một người châu Phi và một người Mỹ - như vẻ bề ngoài của nó. Bởi vậy, một số người khó mà xét đoán giá trị bên ngoài của tôi. Khi người ta không biết rõ tôi, da trắng hay da đen, họ khám phá lai lịch tôi (và thường như vậy, vì tôi đã thôi khai báo về gốc gác người mẹ của mình vào năm tôi được mười hai mươi ba tuổi, khi tôi bắt đầu ngỡ rằng làm như vậy là tôi đang lấy lòng người da trắng), tôi thấy chính xác những lời nói dàn xếp của họ, sự tìm kiếm trong ánh mắt tôi một dấu hiệu tiết lộ chân tướng nào đó. Họ không còn biết tôi là ai nữa. Cá nhân tôi nghĩ họ phỏng đoán trong cõi lòng phiền muộn của tôi - nào là dòng máu pha trộn, tâm hồn bị chia cắt, hình ảnh ma quái của một gã lai thảm thương bị mắc kẹt giữa hai thế giới. Và nếu tôi thanh minh rằng không, bị kịch đó không phải của tôi, hoặc ít nhất không phải của một mình tôi, đó là của các bạn, con trai và con gái của Dây Plymouth và Đảo Ellis, đó là của các bạn, những người con của châu Phi, đó là bị kịch của cả đứa em họ sáu tuổi của vợ tôi và những đứa bạn cùng lớp một của nó, vì vậy bạn không cần phỏng đoán cái gì khiến tôi phiền muộn, nó nằm cả trên những bản tin đêm cho tất cả mọi người đọc, và rằng nếu chúng ta có thể thừa nhận ít ra rằng chu kỳ bi thảm ấy đã bắt đầu sụp đổ... vâng, tôi ngỡ rằng nghe như tôi ngây ngô một cách ương ngạnh quá, bám riết vào những hy vọng đã mất, như những người cộng sản bán rong những tờ báo của mình ngoài rìa những thành phố đại học khác nhau. Hoặc tệ hơn, nghe như thể tôi đang cố lẫn trốn bản thân mình vậy.

Tôi không chê trách mọi người vì sự ngờ vực của họ. Rất lâu trước đây tôi đã học cách ngờ vực thời thơ ấu của mình và những câu chuyện khắc họa nó. Chỉ đến nhiều năm sau, khi tôi ngồi trước nấm mộ cha và nói chuyện với ông qua lớp đất đỏ Phi Châu, tôi mới có thể lần trở lại và tự mình đánh giá những câu chuyện ban đầu này. Hoặc, chính xác hơn, chỉ đến lúc bấy giờ tôi mới hiểu rằng tôi đã dành phần nhiều cuộc đời mình để cố viết lại những câu chuyện này, bít lại những lỗ hổng trong lối kể chuyện, điều chỉnh những chi tiết khó chịu, phóng chiếu những lựa chọn cá nhân trên sự lướt nhanh mù quáng của lịch sử, tất cả nằm trong hy vọng rút ra một vài phiến đá sự thật trên đó để con cái sau này của tôi có thể đứng vững chãi.

Có vài thời điểm, bất chấp một mong mỏi khó lay chuyển là bảo vệ bản thân khỏi sự khảo sát kỹ lưỡng, bất chấp sự thôi thúc định kỳ hãy từ bỏ toàn bộ kế hoạch, điều tìm được lỗi vào những trang giấy này là một ghi nhận về một hành trình cá nhân, nội tâm - sự tìm kiếm người cha của một cậu bé, và qua cuộc tìm kiếm đó là một ý nghĩa thực tế cho cuộc sống của cậu như một người Mỹ da đen. Kết quả là một tự truyện, mặc dù hễ khi nào ai đó hỏi tôi trong giai đoạn ba năm sau cùng này quyển sách đã chứa đựng điều gì, tôi thường lần tránh một sự miêu tả như vậy. Một tự truyện thì hứa hẹn những kỳ công đáng ghi lại, những cuộc trò chuyện với người nổi tiếng, một vai trò trung tâm trong những sự kiện quan trọng. Ở đây chẳng có điều gì thuộc loại như vậy cả. Chỉ ít thì đây cũng là một tự truyện hàm chứa một tổng kết, một tiết lộ nào đó, vốn suýt soát thích hợp với một ai đó về những năm tháng của tôi, vẫn còn tất bật vẽ nên đường đi của mình giữa thế giới này. Tôi thậm chí không thể nêu lên kinh nghiệm của mình bằng cách nào đó như là hiện thân cho kinh nghiệm của người Mỹ da đen ("Rốt cuộc, anh không xuất thân từ một tầng lớp nghèo khổ", một chủ xuất bản đã nhấn mạnh một cách hữu ích điều đó với tôi); thật ra, việc học cách chấp nhận sự thật đặc biệt đó - rằng tôi có thể ôm những anh chị em da đen của mình, dù ở đất nước này hay ở châu Phi, và xác quyết một vận mệnh chung mà không tỏ vẻ phải nói đến tất cả những cuộc vật lộn khác nhau của chúng tôi - là một phần những gì có trong sách này.

Cuối cùng, có những mối nguy gắn liền trong bất kỳ tác phẩm tự truyện nào: sự cảm dỗ thôi thúc việc tô vẽ những sự kiện theo hướng có lợi cho tác giả, xu hướng đánh giá quá cao tầm quan trọng mà những kinh nghiệm của một người có đối với người khác, sự lầm lẫn có lựa chọn của ký ức. Những rủi ro đó chỉ có tăng lên khi người viết thiếu sự khôn ngoan từng trải của tuổi tác; cái khoảng cách có thể lấp đầy một số sự trống rỗng nào đó. Tôi có thể nói mình đã né tránh được tất cả những rủi ro này. Mặc dù phần nhiều trong sách này dựa trên những nhật ký đương thời hoặc lịch sử truyền miệng của gia đình tôi, tác phẩm đối thoại tất nhiên là một xấp xỉ của những gì thật sự được nói hoặc truyền đạt đến tôi. Vì mục đích cô đọng, một vài nhân vật xuất hiện trong đây có vẻ như là những phức hợp của những người tôi từng biết, và một số sự kiện có vẻ không đúng một cách nghiêm ngặt về mặt niên đại. Với ngoại lệ là gia đình tôi và một số nhỏ những nhân vật công chúng, tên của phần lớn nhân vật đã được sửa đổi vì mục đích riêng tư.

Bất luận có dán lên sách này nhãn hiệu gì - tự truyện, hồi ký, lịch sử gia đình, hoặc một cái gì đó - điều tôi cố làm là viết lên một miêu tả trung thực về một địa phương đặc biệt trong đời tôi. Khi tôi lạc đề, tôi có thể nhờ đến nhân viên của mình, Jane Dystel, vì niềm tin và sự tận tụy của cô; với biên tập viên của tôi Henry Ferris, vì sự chu đáo và chính xác vững vàng của anh; với Ruth Fecych và nhân viên tại Times Books, vì sự nhiệt tình và cẩn trọng trong việc xử lý bản thảo qua nhiều giai đoạn khác nhau; với các bạn tôi, nhất là Robert Fisher, vì sự yên bác bao la của họ; và với người vợ tuyệt vời của tôi, Michelle, vì sự dí dỏm, duyên dáng, vô tư, và khả năng không lầm lẫn của nàng đã khích lệ sự thôi thúc lớn nhất của tôi.

Tuy nhiên, chính là gia đình tôi - mẹ tôi, ông bà tôi, anh chị em ruột của tôi, tận bên kia những đại dương và lục địa - mà tôi biết ơn sâu sắc nhất và với họ tôi dành tặng quyển sách này. Không có tình yêu và sự nâng đỡ liên tục của họ, không có sự sẵn lòng để mặc tôi ca bài ca của họ và sự dung thứ khi thỉnh thoảng ghi chép sai, tôi có thể không bao giờ hy vọng hoàn tất được. Nếu không còn gì nữa, tôi hy vọng rằng tình yêu và sự tôn trọng tôi dành cho họ sẽ tỏa sáng qua mọi trang sách.

# phần một: NGUỒN GỐC

## Chương một

Một vài tháng sau lần sinh nhật thứ hai mươi mốt của tôi, một vị khách lạ gọi đến để báo tin cho tôi. Lúc ấy tôi đang sống ở New York, trên đường 94 nằm giữa đại lộ Một và Hai, một phần của ranh giới chưa được đặt tên ngăn cách Hướng Đông Harlem và phần còn lại của Manhattan. Đó là một khu vực tẻ nhạt, cằn cỗi và chẳng có lấy một bóng cây, đối mặt với những căn hộ màu bồ hóng tỏa bóng râm ẩm đậm hầu như suốt cả ngày. Căn hộ nhỏ nhắn, mặt sàn nghiêng, độ ẩm thất thường và chuông điện nằm dưới cầu thang đã bị hư, chính vì vậy khách đến thăm phải kêu cửa từ buồng điện thoại nằm ở góc trạm xăng, nơi con chó đen Doberman to cỡ con sói lai văng tới lui suốt đêm để tuần tiễu với sự cẩn trọng cao độ, hàm nó ngoạm chai bia đã uống cạn.

Tất cả những điều này chẳng gây phiền hà gì đến tôi bởi lẽ tôi không có nhiều khách. Vào những ngày đó, tôi không được kiên nhẫn cho lắm, bận bịu với công việc và những kế hoạch chưa hoàn tất, và thường coi những người khác như là sự quấy nhiễu không cần thiết. Điều đó không có nghĩa là tôi hoàn toàn xa lánh mọi người. Tôi thích thú khi pha trò với những người láng giềng Puerto Rico bằng tiếng Tây Ban Nha và trên đường đi học về tôi thường dừng chân lại để nói chuyện với những cậu bé lai vãng đây đó suốt mùa hè dài về

Knicks hoặc những tiếng súng mà chúng đã nghe được từ đêm hôm trước. Khi đẹp trời, tôi và người bạn cùng phòng có thể ngồi ở cửa thoát hiểm để hút thuốc và ngắm nhìn màn đêm đang phủ dần màu xanh của bầu trời bao trùm lấy thành phố, hoặc nhìn những người da trắng từ khu vực sang trọng ở lân cận dắt những con chó theo hướng dẫn đến tòa nhà của chúng tôi và để mặc chúng phóng uế lên vỉa hè - “Nè dọn đi nhé, đồ chết tiệt!” anh bạn của tôi hét lên với sự giận dữ thật ấn tượng, và chúng tôi cười nhạo vào mặt của tên chủ và con chó, thật ác nghiệt và chẳng một lời xin lỗi và cứ thế họ bỏ đi.

Tôi vui thú với những khoảnh khắc này - nhưng chỉ trong thoáng chốc. Nếu sự việc lan ra hoặc vượt đường ranh giới thì tôi sẽ sớm tìm ra lý do để bào chữa cho chính mình. Tôi đã trở nên quá thoải mái trong cái nơi hiu quạnh này, nơi an toàn nhất mà tôi biết.

Tôi nhớ có một ông cụ sống bên cạnh nhà, cụ ấy dường như sở hữu chung với căn hộ của tôi. Cụ sống đơn độc, thân hình gầy còm khẳng khiu và vào những dịp hiếm hoi nào đó cụ thường rời căn hộ trong chiếc áo bành tô màu đen nặng nề và chiếc mũ rộng vành méo mó. Thỉnh thoảng tôi đối mặt với cụ khi cụ từ cửa hiệu trở về và tôi đã ngỡ ý giúp cụ mang các đồ tạp hóa lên dãy cầu thang dài ngoằn. Cụ nhìn tôi và nhún vai tỏ vẻ e ngại, và chúng tôi bắt đầu bước lên tam cấp, dừng lại ở mỗi chiều nghỉ để cụ có thể lấy hơi. Cuối cùng khi đến căn hộ của cụ, tôi thận trọng đặt những túi đồ xuống sàn nhà và cụ gật đầu đón nhận một cách tử tốn trước khi rút vào nhà và cài then cửa. Chẳng ai nói một lời nào và ngay cả lúc cụ ấy muốn cảm ơn tôi về những nỗ lực của mình.

Sự yên lặng của cụ đã gây ấn tượng cho tôi; tôi nhận ra cụ ấy có một điều gì đó tâm đầu ý hợp với mình. Về sau, một người bạn cùng phòng đã thấy cụ ngã quỵ trên chiếu nghỉ tầng ba, đôi mắt mở to, tay chân cứng đờ và nằm co quắp như một đứa bé. Đám đông tụ tập; một số phụ nữ làm dấu thánh giá và những đứa trẻ khác thì thậm gì đó với sự phấn khích. Cuối cùng những người thu dọn cũng đã đến để mang thi thể đi và cảnh sát đồng ý cho họ được vào trong căn hộ ông cụ. Căn phòng ngăn nắp và hầu như trống trơn - chỉ có một chiếc ghế, một chiếc bàn và một bức họa đã nhạt màu về một người phụ



nữ với cặp chân mày rậm và một nụ cười hiền dịu được treo bên trên chiếc lò sưởi. Họ mở tủ lạnh và phát hiện những tờ tiền giấy mệnh giá nhỏ có giá trị gần một ngàn đô la được cuộn tròn bên trong những tờ báo cũ rách và được đặt một cách cẩn thận phía sau những chiếc lọ đựng dưa cải và mứt.

Khung cảnh đơn độc này đã tác động đến tôi, và trong cái khoảnh khắc ngắn ngủi nhất tôi hối tiếc mình đã không hỏi tên của cụ ấy. Và rồi, ngay tức khắc tôi ân hận về sự khát khao của mình cùng với nỗi đau buồn về một người bạn hữu đã ra đi. Tôi cảm thấy như thể một sự cảm thông giữa chúng tôi đã tan vỡ - như thể, trong căn phòng lạnh lẽo ấy, ông cụ muốn thì thầm về một quá khứ chưa được kể ra, về những điều mà tôi không muốn nghe.

Có thể là một tháng sau đó hoặc hơn, vào một buổi sáng lạnh lẽo và buồn tẻ, bầu trời u ám phía sau những làn mây, tiếng chuông điện thoại khác lại vang lên. Trong lúc tôi đang chuẩn bị bữa điểm tâm, cà phê trên lò và hai quả trứng trong chảo thì anh bạn cùng phòng trao cho tôi chiếc điện thoại. Đường dây lẽ nhè vì sóng nhiễu.

“Barry? Barry, có phải cháu đó không?”

“Vâng... Ai vậy?”

“Vâng, Barry hả... Cô Jane của cháu đây. Cháu nghe tiếng cô nói không?”

“Xin lỗi - chị là ai vậy?”

“Cô Jane. Nghe không Barry, cha cháu mất rồi. Ông ấy chết trong một vụ tai nạn xe. Alô? Cháu nghe không? Cô đây, cha cháu mất rồi. Barry, hãy gọi cho chú cậu ở Boston và báo tin cho ông ấy. Lúc này cô không thể nói chuyện được, nhớ nhé Barry. Cô sẽ cố gọi cho cháu sớm...”.

Mọi chuyện chỉ có vậy. Đường dây ngắt và tôi ngồi trên chiếc trường kỷ, cảm nhận hương vị của trứng chiên trên bếp, nhìn chằm chằm vào các khe nứt của tường nhà và cố lường sự mất mát của mình.

Vào thời điểm cha tôi chết, ông vẫn là điều bí ẩn của tôi, một người đàn ông vừa khiêm khuyết vừa mạnh mẽ khác thường. Ông

rời Hawaii vào năm 1963 khi tôi mới hai tuổi, vì vậy tôi chỉ biết về ông qua những câu chuyện mà mẹ và ông bà ngoại kể lại. Họ có những câu chuyện ưa thích riêng của mình, mỗi câu chuyện đều suôn sẻ, được gọt dũa mạch lạc do quá trình kể đi kể lại nhiều lần. Tôi có thể hình dung ông ngoại ngồi tựa lưng vào chiếc ghế nệm cũ kỹ của mình sau bữa ăn tối, nhâm nhi một tí whiskey và chùi răng bằng tờ giấy bóng của gói thuốc lá, kể lại thời điểm lúc cha tôi suýt ném một người đàn ông qua lan can của đồi Pali Lookout chỉ vì chiếc ống điếu...

"Mẹ và bố con quyết định đưa anh bạn này đi tham quan xung quanh hòn đảo. Vì vậy, họ lái xe đến đồi Lookout và có thể Barack đã đi trái đường trong suốt chuyến hành trình đến đó -

"Bố con là một tay lái xe thật khủng khiếp", mẹ tôi nói. "Ông ấy thường đi bên trái theo cách của người Anh và nếu con có nói điều gì ông sẽ cầu nhàu về những nội quy khờ khạo của người Mỹ -"

"Vào thời điểm đặc biệt này tất cả đến nơi bình an vô sự. Mọi người bước ra khỏi xe và đứng ở lan can để chiêm ngưỡng khung cảnh. Và Barack bập bập chiếc ống điếu mà mẹ đã tặng nhân ngày sinh nhật của ông ấy và dùng cái ống tẩu chỉ khắp mọi hướng trông oai vệ như một viên thuyền trưởng -"

"Cha con thật sự tự hào về chiếc ống điếu này", mẹ tôi lại xen vào. "Ông ấy hút suốt đêm khi nghiên cứu hay suy gẫm về một điều gì đó -"

"Này, Ann, con có muốn kể câu chuyện này không hay để cho bố kể nốt?"

"Xin lỗi bố. Bố tiếp tục đi ạ".

"Thế là, anh bạn tội nghiệp này - cũng là một sinh viên châu Phi, phải không nhỉ? Chưa thuần thục về văn hóa. Anh ta hẳn rất ấn tượng với cách ngậm ống điếu của Barack chính vì vậy mà anh ta muốn Barack cho thử một lần. Sau vài phút đắn đo, cuối cùng cha con đã đồng ý và ngay khi rít một hơi đầu tiên anh bạn đáng thương kia bắt đầu ho như tử đến nỗi cái ống điếu trượt khỏi tay của anh ta và rơi xuống dưới cách mặt vách đá khoảng ba chục mét".

Ông ngoại dừng lại và nhấp một hớp whiskey trước khi tiếp tục. “Lúc này, cha con vẫn đủ rộng lượng để chờ cho đến khi người bạn của ông dừng ho để yêu cầu anh ta trèo qua thành lan can và mang về lại chiếc ống điếu. Người đàn ông liếc nhìn xuống thành lan can với độ nghiêng chín mươi độ và nói với Barack sẽ mua lại cho ông một chiếc khác?”

“Khá hợp lý”, Toot nói vọng lên từ nhà bếp. (Chúng tôi thường gọi bà ngoại là Tutu, đọc ngắn lại là Toot; có nghĩa là “ông bà ngoại” theo cách nói của người dân Hawaii, bởi vào ngày tôi sinh ra bà đã quyết định như vậy vì cho rằng bà vẫn còn quá trẻ để gọi là bà ngoại.) Ông ngoại cau mày bực bội nhưng đã quyết định làm ngơ.

“- nhưng Barack vẫn kiên quyết với việc lấy lại cho bằng được chiếc ống điếu của *mình*, bởi đó là món quà và không thể thay thế được. Thế rồi anh bạn đáng thương kia lại nhìn xuống bên dưới một lần nữa và lắc đầu, đó là lúc cha con nhất bồng anh ta khỏi mặt đất và treo lủng lẳng ngoài thành lan can”.

Ông ngoại huýt một tiếng và vỗ bốp vào đầu gối một cách vui vẻ. Khi ông cười, tôi tưởng tượng chính mình đang nhìn lên khuôn mặt bố, sự đen sẫm tương phản với bầu trời rực sáng, hai cánh tay của kẻ phạm tội quờ quạng vì đã bị nhắc bồng lên cao. Một cảnh tượng đầy hãi hùng của công lý.

“Ông ấy thật sự đã không nhắc anh ta ra khỏi thành lan can, Bố à”, mẹ tôi nói, nhìn tôi với vẻ lo lắng, nhưng ông ngoại lại uống một ngụm whiskey và tiếp tục.

“Lúc này, những người xung quanh bắt đầu ngó nhìn, và mẹ con van nài Barack chấm dứt ngay hành động đó. Ông đoán anh bạn của Barack cũng đang nín thở và cầu nguyện. Nhưng sau vài phút cha con đặt người đàn ông đó xuống, vỗ nhẹ vào lưng anh ta và ngó ý tất cả cùng đi uống bia. Và con biết không, đó là cách cha con hành xử trong suốt thời gian còn lại của cuộc tham quan - như thể chẳng có gì xảy ra cả. Dĩ nhiên, mẹ con khá tức giận khi họ trở về nhà. Thực ra bà ấy hầu như chẳng nói gì với bố con. Barack cũng không quan tâm đến những vấn đề đó bởi khi mẹ con cố nói cho ông bà ngoại

nghe về những gì đã xảy ra ông ấy chỉ lắc đầu và cười. 'Hãy thư giãn đi Anna,' ông ấy nói với mẹ con - xem nè, bố em có một chất giọng truyền cảm sâu lắng, một chất giọng đích thực của người Anh. "Lúc này, ông tôi ép sát cằm vào cổ để phát huy hết tác dụng. "'Thư giãn đi Anna', ông ấy nói. 'Anh chỉ muốn dạy cho anh bạn đó một bài học về việc bảo quản tài sản của người khác!'"

Ông ngoại lại cười cho đến khi bị ho mới thôi, và bà ngoại lẩm bẩm cho rằng đó là một nghĩa cử tốt nếu bố tôi nhận ra rằng việc đánh rơi ống điều chỉ là vô tình bởi đâu ai biết chuyện gì sẽ xảy ra sau đó, và mẹ tôi lướt mắt nhìn tôi và nói họ chỉ cường điệu thôi.

"Cha con có thể hơi bạo ngược", mẹ tôi thừa nhận với một nụ cười nhẹ. "Nhưng về bản chất ông là một người chân thật. Điều đó đôi khi làm cho ông khó nhân nhượng được với ai".

Bà ấy rất thích bức chân dung dịu dàng của cha tôi. Bà kể lại câu chuyện về việc ông đến tham dự một buổi lễ đón nhận chức vị quan trọng của Hội Phi Beta Kappa trong bộ y phục Jeans ưa thích nhất của ông và chiếc sơ mi cũ với hoa văn hình con báo. "Chẳng ai cho ông ấy biết đây là một vinh dự lớn lao, vì thế ông cứ bước vào và nhận ra mọi người đứng xung quanh căn phòng thanh lịch này trong những bộ vest xi-móc-kinh sang trọng. Đó là lần duy nhất mẹ nhìn thấy ông ấy lúng túng".

Và ông ngoại, đột nhiên trầm xuống, gật đầu "Đúng đấy Bar à". "Cha con có thể ứng phó với bất kỳ tình huống nào và điều đó đã làm cho mọi người quý mến ông. Nhớ lại lúc ông ấy đăng ký hát tại buổi Liên hoan Ca nhạc Quốc tế? Ông ấy đồng ý hát một vài ca khúc châu Phi, nhưng khi ông ấy đến thì hóa ra đây là một sự kiện nào đó thôi, và người trình diễn trước lượt ông là một ca sĩ bán chuyên nghiệp, một cô gái Hawaii với sự hỗ trợ của cả một dàn nhạc. Con biết đấy, bất cứ ai nếu đứng ngay đó đều nhận thấy có một sai sót. Nhưng không phải là Barack. Ông ấy đứng dậy và bắt đầu hát trước một đám đông khổng lồ - vốn không phải là một việc dễ dàng - và ông ấy không phải là gì lớn lao nhưng ông rất tự tin vào chính mình đến mức trước khi con biết thì ông đã nhận được sự tán thưởng như bất cứ ai khác".

Ông ngoại tôi lắc đầu, rời khỏi ghế và đến bật chiếc TV. “Bây giờ có một điều gì đó con có thể học hỏi từ cha con”, ông nói với tôi. “Sự tự tin. Bí quyết thành công của bất cứ người đàn ông nào”.

Đó là cách thức tất cả những câu chuyện diễn ra - chặt chẽ, cường điệu và được kể theo trình tự nối tiếp nhau trong suốt cả buổi tối, rồi dành lại cho những tháng sau và đôi khi là hàng năm sau, trong ký ức của gia đình tôi. Giống như một vài bức ảnh của cha tôi vẫn còn lưu giữ trong nhà, kiểu trắng đen cũ kỹ mà tôi tình cờ phát hiện trong lúc sục sạo ở các căn phòng để tìm kiếm những vật trang trí Giáng Sinh hoặc bộ dụng cụ bơi lội đã cũ. Lúc này, những ký ức của tôi bắt đầu hiện ra, mẹ tôi đã nảy sinh tình cảm với một người đàn ông người sau này là chồng thứ hai của bà, và tôi cảm nhận một cách rành rành rằng tại sao những bức ảnh đó phải được cất kỹ. Đôi lúc, khi ngồi trên sàn nhà với mẹ, mùi bụi và lông não phát ra từ cuốn album cũ nát, tôi nhìn chằm chằm vào bức chân dung của cha tôi - khuôn mặt tươi cười đen bóng, vầng trán đỏ và cặp kính đen dày cộm khiến ông có vẻ như già trước tuổi - và lắng nghe những biến cố trong cuộc đời ông tuôn trào thành một câu chuyện xuyên suốt.

Ông là người Kenya thuộc bộ tộc Luo ở Phi Châu, sinh ra cạnh bờ Hồ Victoria, một nơi gọi là Alego. Đó là một khu làng nghèo, nhưng cha ông ấy - ông nội Hussein Onyango Obama - đã từng là một nông dân xuất chúng, một vị trưởng lão của bộ tộc này, một thầy lang với những cách thức chữa trị hiệu quả. Cha tôi phụ giúp chăn dắt đàn dê cho ông nội và đi học ở một ngôi trường địa phương được thiết lập bởi chính quyền thuộc địa Anh, nơi ông chứng tỏ những hứa hẹn lớn lao của mình. Cuối cùng ông đã dành được học bổng để học ở Nairobi; và rồi, vào dịp trước ngày độc lập của Kenya, ông được các nhà lãnh đạo Kenya và những nhà tài trợ Mỹ chọn tham dự vào một trường đại học ở Mỹ, tham gia cùng làn sóng của những người châu Phi được cử đi để nắm bắt nền công nghệ Tây Âu và mang về phục vụ cho một Phi Châu hiện đại và tân tiến.

Vào năm 1959, ở tuổi hai mươi ba, ông đến trường Đại học Hawaii với tư cách là một sinh viên châu Phi đầu tiên của tổ chức. Ông học

về kinh tế học, làm việc với sự tập trung không ai sánh được, và tốt nghiệp dẫn đầu lớp sau ba năm. Bạn của ông nhiều không kể xiết và ông đã giúp họ tổ chức Hội Sinh viên Quốc tế, và ông đã trở thành vị chủ tịch đầu tiên. Trong khóa học tiếng Nga, ông đã gặp một cô gái người Mỹ then thùng và vụng về, mới mười tám tuổi, và họ đã yêu nhau. Bố mẹ cô ấy, thoát đầu có vẻ dè dặt, nhưng về sau đã bị thuyết phục bởi sức cuốn hút và trí tuệ của ông; đôi uyên ương này đã làm lễ cưới, và họ đã có một đứa con trai, người mà ông đã đặt tên theo tên của mình. Ông dành một suất học bổng khác - lần này là cố đeo đuổi học vị tiến sĩ ở Harvard - nhưng đã không có đủ tiền để mang gia đình mới này theo cùng. Việc ly thân xảy ra, và ông đã trở về châu Phi để hoàn tất lời ước hẹn của mình đối với châu lục. Người mẹ và đứa trẻ vẫn ở phía sau, nhưng sự ràng buộc của tình yêu đã vượt qua mọi khoảng cách...

Lúc này cuốn album đóng lại, và tôi hoang mang về nội dung, được gói gọn trong một câu chuyện vốn đặt tôi vào trung tâm của vũ trụ mệnh mông và trật tự. Ngay cả phiên bản xúc tích nhất mà mẹ và ông ngoại tôi kể, có nhiều điều tôi vẫn không hiểu. Nhưng tôi hiếm khi hỏi về những chi tiết liên quan đến ý nghĩa của “Tiến sĩ” hoặc “thuộc địa”, hoặc xác định vị trí của Alego trên bản đồ. Nhưng con đường của cha tôi cũng giống như cuốn sách mà mẹ tôi có lần đã mua cho tôi, cuốn sách với tiêu đề *Origins* (Nguồn gốc), một tuyển tập những câu chuyện sáng tạo vòng quanh thế giới, những câu chuyện trong Sáng Thế Ký và gốc cây nơi con người được sinh ra, Prometheus và món quà của lửa, con rùa của truyền thuyết Hindu trôi nổi bồng bềnh trong không gian mang trọng lượng của thế gian trên lưng. Sau này, khi đã hiểu rõ hơn về con đường chật hẹp dẫn đến hạnh phúc thông qua truyền hình và phim ảnh, tôi đã trở nên bối rối trước nhiều vấn đề. Ai đã mang con rùa? Tại sao Thiên Chúa tuyệt đối lại để con rắn gây ra nỗi khổ đau cho nhân loại đến như vậy? Tại sao cha tôi đã không trở lại? Nhưng khi lên năm hoặc sáu tuổi, tôi cảm thấy thỏa mãn vì đã giữ nguyên trạng những câu chuyện bí ẩn xa vời đó, mỗi câu chuyện có những vấn đề riêng và thật như câu chuyện tiếp theo, tất cả được mang vào những giấc mơ an bình.

Cha tôi trông chẳng giống với những người xung quanh - ông ấy đen như hắc ín còn mẹ tôi thì trắng như sữa - nhưng điều ấy hầu như chẳng ghi vào tâm trí tôi.

Thực ra, tôi có thể kể lại một câu chuyện vốn đề cập một cách dứt khoát đến vấn đề chủng tộc; khi tôi lớn lên, câu chuyện đó được kể đi kể lại thường xuyên hơn, như thể nó bộc lộ cốt lõi của quan điểm đạo đức mà cuộc đời của cha tôi hướng đến. Theo như câu chuyện, sau nhiều giờ nghiên cứu, cha tôi đã cùng với ông ngoại và một vài người bạn khác đến một quán bar địa phương có tên là Waikiki. Mọi người đều vui như hội, uống và hát theo âm thanh của tiếng đàn guitar thì đột nhiên một gã đàn ông tuyên bố với người pha chế rượu, tiếng hắn đủ lớn để mọi người có thể nghe thấy, rằng hắn không muốn uống thứ rượu ngon “bên cạnh một gã da đen”. Căn phòng trở nên yên lặng và mọi người hướng mắt về cha tôi, nghĩ sẽ có một trận đánh nhau xảy ra. Nhưng, cha tôi đứng dậy, bước đến bên hắn, mỉm cười và bắt đầu thuyết cho hắn một bài học về sự điên rồ của mù quáng, về sự hứa hẹn của giấc mơ nước Mỹ, và quyền cơ bản của con người. “Khi Barack hoàn tất bài diễn thuyết” ông ngoại nói “hắn cảm thấy hổ thẹn đến nỗi đã thọc tay vào túi và đưa cho Barack một trăm đô la. Số tiền đó dùng để trả tiền rượu, các món khai vị của tất cả chúng tôi cho suốt cả đêm - và tiền thuê phòng của cha con trong tháng còn lại”.

Khi đã là một thiếu niên, tôi đã trở nên nghi ngờ về tính trung thực của câu chuyện này và đã gạt nó sang một bên. Cho đến sau đó nhiều năm tôi nhận một cú điện thoại từ một người đàn ông người Mỹ gốc Nhật nói rằng ông đã từng là bạn học của cha tôi ở Hawaii và hiện đang dạy tại một trường đại học ở trung tây. Ông là người tử tế, hơi lúng túng bởi sự bất đồng của chính mình; ông giải thích là đã xem bài phỏng vấn của tôi trên một tờ báo địa phương và sự xuất hiện tên của cha tôi đã gợi lại một luồng những ký ức. Và, trong suốt cuộc đối thoại của chúng tôi, ông ấy lặp đi lặp lại câu chuyện mà cha tôi từng kể. “Tôi không bao giờ quên điều đó” người đàn ông nói với tôi qua điện thoại; và trong giọng nói của ông ấy tôi nghe một âm điệu gì đó mà tôi đã từng nghe từ ông ngoại nhiều năm trước đây, âm điệu của sự hoài nghi - và hy vọng.

*Miscegenation* (Hôn nhân dị chủng). Từ nghe có vẻ dị biệt, xấu xa báo trước một hậu quả khôn lường: như *antebellum* (trước nội chiến) hay *octoroon* (người da đen một vòng), nó gợi lên những hình ảnh về một kỷ nguyên khác, một thế giới xa xôi của roi ngựa và lửa, hoa mọc lan chết và những cánh cổng đổ nát. Và cho đến năm 1967 - năm mà tôi tổ chức sinh nhật lần thứ sáu của mình và Jimi Hendrix biểu diễn ở Monterey, ba năm sau khi Dr. King nhận Giải thưởng Nobel Hòa bình, thời kỳ mà nước Mỹ bắt đầu bất mãn trước những yêu sách bình đẳng của người da đen, vấn đề kỳ thị chủng tộc dường như đã được giải quyết - Tòa án Tối cao Mỹ rút cuộc cũng tuyên bố trong tiểu bang Virginia rằng việc cấm đoán của họ đối với những cuộc hôn nhân đa sắc tộc đã vi phạm Hiến pháp. Vào năm 1960, năm mà cha mẹ tôi cưới nhau, *hôn nhân dị chủng* vẫn bị cho là trọng tội trong phần nữa các tiểu bang của Hợp Chúng quốc. Ở nhiều vùng thuộc Miền Nam, cha tôi có thể sẽ bị treo ngược trên cành cây nếu chỉ nhìn mẹ tôi theo cách không đúng chuẩn mực. Ở những thành phố tinh tế nhất thuộc Miền Bắc, những lời thì thầm hoặc những cái nhìn thù địch có thể gán người phụ nữ như trường hợp của mẹ tôi vào tội phá thai một cách bất chính - hoặc ít nhất là đứa trẻ sẽ được đưa đến một nhà tu kín nào đó để được đem đi làm con nuôi. Tất cả quan điểm đó của họ được coi là khủng khiếp và tàn ác, một sự răn đe hiệu lực đối với một số người khờ khạo vốn là những người ủng hộ cho quyền công dân.

Chắc chắn là như thế - nhưng anh có để con gái của mình lấy một người như vậy không?

Việc ông bà ngoại tôi trả lời có trước câu hỏi này, dẫu có bất đắc dĩ đến mức nào, vẫn là điều khó hiểu dai dẳng đối với tôi. Chẳng có gì trong lai lịch của họ để tiên đoán trước một câu trả lời như vậy, họ chẳng phải là những người theo thuyết tiên nghiệm New England hay những người theo chủ nghĩa xã hội nhìn xa trông rộng trong cây gia hệ của họ. Thật vậy, Kansas đã chiến đấu về phía Hợp Chúng quốc trong cuộc Nội chiến; ông ngoại muốn gợi lại cho tôi biết rằng một số thành phần trong gia phả là những người theo chủ nghĩa bãi nô nhiệt thành. Nếu được hỏi, bà ngoại tôi sẽ quay đầu sang một bên để phờ ra chiếc mũi khoằm và đôi mắt đen sẫm của bà được coi là bằng chứng của dòng máu Cherokee.



Nhưng một bức ảnh màu nâu đỏ cũ kỹ trên chiếc kệ đã minh chứng hùng hồn nhất về nguồn gốc của họ. Bức ảnh về ông bà của Toot, thuộc dòng dõi Anh và Scotland, đứng trước một lán trại siêu vẹo, nghiêm nghị trong bộ đồ bằng len thô, mắt họ hướng đến một cuộc đời đầy nắng cháy và khắc nghiệt đang trải dài phía trước họ. Khuôn mặt họ đậm nét Gô-tích Mỹ, những người anh em thuộc dòng máu Anglo - Saxon da trắng theo đạo Tin lành, và trong ánh mắt của họ người ta có thể nhìn thấy được những sự thật mà sau này chính tôi phải biết đến như là những sự kiện: đó là Kansas gia nhập vào Hợp Chúng quốc ngay sau khi có điểm báo rõ rệt về cuộc Nội chiến, một cuộc chiến mà thanh gươm của John Brown đã vấy những vết máu đầu tiên; trong khi một trong những bậc tổ của tôi, Christopher Columbus Clark, là một người lính tình nguyện của Hợp Chúng quốc, thì mẹ vợ ông được đồn là em họ thứ hai của Jefferson Davis, vị tổng thống của Liên minh; mặc dù là một người bà con xa vốn là anh em ruột thịt của dòng máu Cherokee, song sự liên hệ như vậy chính là căn nguyên của nỗi nhục lớn lao đối với bà cố ngoại tôi, người sẽ trở nên bất bình nếu bất cứ ai đề cập đến sự kiện đó và bà hy vọng được mang bí mật đó theo mình cho đến lúc lâm chung.

Đó là thế giới mà ông bà ngoại tôi đã lớn lên, một trung tâm của quốc gia ở giữa đất liền, nơi mà sự đoàn chính, sự chịu đựng và tinh thần tiên phong tương giao với sự tuân thủ, nghi ngờ và tiềm năng của tội ác kiên định. Họ lớn lên ở những vùng đất cách nhau chưa tới hai mươi dặm - bà ngoại tôi ở Augusta còn ông tôi thì ở El Dorado, những thị trấn quá nhỏ bé để có thể được in đậm trên bản đồ - và thời thơ ấu mà họ muốn kể lại cho tôi hầu như chỉ xoay quanh một thị trấn nhỏ, nước Mỹ thời kỳ Suy thoái trong tất cả vinh quang ngây ngô của nó: những cuộc diễu hành vào ngày Bốn tháng Bảy và bức ảnh thể hiện mặt bên của một kho thóc; những con đom đóm trong chiếc lọ và hương vị của nho và những quả cà chua chín, ngọt ngào như những quả táo; bão bụi và mưa đá, các lớp học đầy ắp những cậu bé nhà nông được bó chặt trong những chiếc quần đùi bằng len trong những ngày đầu của mùa đông và bốc mùi hôi thối như lợn khi tháng ngày trôi qua.

Ngay cả sự mất mát trước những vụ vỡ nợ và tịch thu nông trang cũng có vẻ như lãng mạng khi được thêu dệt qua khung cửa ký ức của ông bà ngoại, thời kỳ mà sự cay nghiệt, người chủ trương bình đẳng vĩ đại vốn đưa con người đến gần với nhau hơn, được sẽ chia cùng tất cả. Vì vậy bạn phải lắng nghe một cách thấu đáo để nhận ra những thứ bậc tinh tế và những chuẩn mực ngấm ngấm vốn kiểm soát cuộc đời trước đây của họ, những nét khác biệt của những người vốn chẳng có nhiều của cải và sống ở một nơi hẻo lánh. Phải liên quan đến một điều gì đó gọi là sự kính trọng - có những con người đáng kính và những con người không đáng như vậy - và dẫu bạn không được giàu có để được kính trọng, chắc chắn bạn phải làm việc cật lực hơn nếu bạn không muốn điều đó.

Gia đình của Toot đáng được kính trọng. Cha của bà có một công việc ổn định trong suốt thời kỳ Suy thoái, quản lý một hợp đồng dầu mỏ cho tập đoàn Standard Oil. Mẹ bà dạy trong một trường học trước khi những đứa trẻ ra đời. Gia đình đã gìn giữ ngôi nhà không bị vấy bẩn và đặt mua sách qua thư tín, họ đọc Kinh Thánh nhưng thường tránh những bài nhỏ nhét về sự phục hồi đức tin, thích hình thức của Hội Giám lý vốn đánh giá cao lý trí hơn là xúc cảm và sự chứng mục hơn cả hai điều này.

Thân thể ông ngoại tôi còn rắc rối hơn. Không ai hiểu rõ tại sao - ông bà những người đã nuôi dưỡng ông và người anh trai không được giàu có cho lắm nhưng họ rất đoan chính, những tín đồ kính sợ Chúa, tự kiếm sống bằng công việc ở các giàn khoan xung quanh Wichita. Thế nhưng ông ngoại tôi té ra là người hơi ngông cuồng. Một số người láng giềng đã hiểu rõ về vụ tự tử của mẹ ông: rốt cuộc, chính Stanley, lúc ấy chỉ mới tám tuổi, là người đã phát hiện thi thể của bà. Những linh hồn thiếu sự khoan dung khác đơn giản chỉ lác đầu: Cậu bé ấy chăm sóc người cha trắng hoa của mình, họ hiểu rõ nguyên nhân về sự ra đi bất hạnh của người mẹ.

Dẫu cho nguyên nhân đó là gì, danh dự của ông ngoại hầu như đáng được kính trọng. Lúc mười lăm tuổi, ông bị đuổi khỏi trường trung học vì đã lấy kim đâm vào mũi thầy hiệu trưởng. Ba năm sau đó ông sống nhờ vào các công việc lật vật, nhảy lên tàu lửa đến

Chicago, rồi California, sau đó lại quay trở lại, đắm mình vào rượu chè, bài bạc và phụ nữ. Khi ông muốn kể về nó, ông đã biết quá rõ về Wichita, nơi mà gia đình của ông và bà ngoại lúc ấy đã từng sinh sống trong thời gian đó, và bà đã không can ngăn ông; tất nhiên cha mẹ của bà ngoại đã tin vào những câu chuyện mà họ đã nghe về một thanh niên trẻ và kịch liệt phản đối về mối tình đang bắt đầu nảy nở. Lần đầu tiên Toot (bà ngoại) đã đưa Gramps (ông ngoại) về nhà ra mắt gia đình, cha bà nhìn thẳng vào mái tóc phía sau bóng loáng và đen nhánh của Gramps và nụ cười xéch mang tai thường trực như kẻ hợm đời và ông đã đưa ra một lời nhận xét thẳng thắn.

“Anh ta trông chẳng khác gì một thằng rờm”.

Bà ngoại tôi không quan tâm. Đối với bà, ngành kinh tế gia đình đã ngốn hết toàn bộ thời gian ở học trung cấp và đã quá chán ngấy cái gọi là sự kính trọng, ông ngoại tôi hẳn đã có một dáng vẻ hăng hái. Đôi khi tôi tưởng tượng họ có mặt ở mỗi thị trấn ở nước Mỹ trong những năm tháng trước chiến tranh, ông ấy trong chiếc quần cụt thùng thình và chiếc áo lót cứng nhắc, chiếc vành mũ được hát ngược ra phía sau, tay đưa thuốc lá cho một cô gái thông minh với quá nhiều son môi và một mái tóc nhuộm vàng hoe, đôi chân đủ xinh xắn để làm người mẫu cho các mặt hàng dệt kim của cửa hàng bách hóa địa phương. Ông kể cho cô ấy nghe về những thành phố lớn, về xa lộ bất tận, về những cuộc trốn chạy sắp tới khỏi những vùng đất đầy bụi và trống rỗng nơi những kế hoạch lớn là giám đốc nhà băng và giải trí với kem sô-đa và kịch ngày Chủ nhật, nơi sự sợ hãi và thiếu sáng tạo sẽ bóp nẹt những giấc mơ của bạn vì thế ngay từ lúc sinh ra bạn đã biết nơi mình sẽ chết và chính nơi đó sẽ chôn vùi bạn. Ông ấy không kết thúc như vậy; ông có những ước mơ, những kế hoạch; ông tiềm nhiễm vào bà ngoại một sự thôi thúc muốn đi đây đi đó vốn dĩ đã khiến cho các bậc tổ tiên của họ phải vượt Đại Tây Dương và một nửa châu lục nhiều năm về trước.

Họ trốn chạy đúng vào thời điểm Trân Châu Cảng bị ném bom, và ông ngoại tôi đã nhập ngũ. Đến điểm này câu chuyện lướt nhanh trong tâm trí tôi như một trong những bộ phim thời xưa quay cảnh những trang lịch treo tường được xé bỏ mỗi lúc một nhanh bởi những

bàn tay vô hình, những tiêu đề về Hitler, Churchill và Roosevelt và Normandy xoay quanh tiếng gầm rú của cuộc oanh tạc, giọng của phát thanh viên Edward R. Murrow và BBC. Tôi dõi theo lúc mẹ tôi được sinh ra ở căn cứ quân đội nơi Gramps đóng quân; ngoại tôi thuộc thành viên của Rosie the Riveter (lực lượng lao động nữ hậu phương hỗ trợ cho cuộc chiến ở Hoa Kỳ), làm việc trong dây chuyền lắp ráp máy bay ném bom; ông ngoại tôi thì lợi bị bom trong vùng bùn của nước Pháp, một phần của đội quân Patton.

Gramps trở về sau cuộc chiến và chưa bao giờ tiếp cận với một trận đánh thật sự, gia đình dọn đến California nơi ông đăng ký gia nhập vào Berkeley theo bộ luật GI. Nhưng ở đây không thể thỏa mãn những tham vọng và tính chất hiếu động của ông và vì thế gia đình lại tiếp tục dọn đến nơi khác, trước hết là trở về Kansas, rồi qua hàng loạt những thị trấn nhỏ ở Texas, và cuối cùng là Seattle, nơi họ lưu lại đủ lâu để mẹ tôi hoàn tất trung học. Gramps làm việc với tư cách là người bán hàng nội thất; họ mua một căn nhà và coi mình như là những đối tác môi giới. Họ hài lòng vì mẹ tôi tỏa sáng trong trường, nhưng khi mẹ tôi được tuyển thẳng vào Đại học Chicago, ông ngoại đã ngăn cản vì cho rằng mẹ tôi vẫn còn quá trẻ để có thể tự lập.

Và đó là nơi mà câu chuyện có thể đã dừng lại: một ngôi nhà, một mái ấm gia đình và một cuộc đời đáng được kính trọng. Ngoại trừ một điều gì đó hằn vằn đang giày vò ông ngoại tôi. Tôi có thể hình dung ông đang đứng bên rìa của Thái Bình Dương, tóc ông điểm bạc sớm, thân hình cao gầy thuở nào của ông giờ đây đã trở nên kèn càng, hướng mắt đến tận chân trời cho đến khi ông có thể nhìn thấy một đường cong vòng, và sâu tận bên trong mũi, ông vẫn cảm nhận hương vị của những giàn khoan, lá ngô và những cuộc sống cay nghiệt mà ông nghĩ là đã để lại phía sau. Vì vậy khi giám đốc của công ty nội thất nơi ông làm việc tình cờ đề cập đến việc khai trương một cửa hiệu mới ở Honolulu, nơi cơ hội làm ăn là vô hạn và quyền tự trị tiểu bang cũng gần kề, cùng ngày hôm đó ông đã vội vã về nhà và bảo bà ngoại bán nhà và tiếp tục cuộc hành trình, thực hiện chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình, về hướng tây đến nơi mặt trời lặn...

Ông ngoại tôi luôn là người như thế, luôn tìm kiếm những khởi đầu mới mẻ, luôn chạy xa những gì là quen thuộc. Vào thời điểm gia đình đến Hawaii, tôi nghĩ tính cách ông đã được hình thành một cách trọn vẹn - sự rộng lượng và háo hức làm theo ý mình, sự pha trộn khó hiểu giữa sự tinh tế và tác phong tỉnh lẻ, sự non nớt trong cảm xúc vốn có thể làm cho ông đôi lúc trở nên vụng về và dễ bị tổn thương. Ông là tính cách của người Mỹ, tính cách tiêu biểu của những người thuộc thế hệ ông, những người luôn khát khao ý niệm về tự do và chủ nghĩa cá nhân và con đường rộng mở mà không bao giờ phải hiểu được cái giá của nó, sự nhiệt thành của họ có thể dễ dàng dẫn đến sự yếu hèn của chủ nghĩa McCarthy cũng như tính hùng mạnh khác thường của Thế chiến Thứ hai. Con người vốn vừa nguy hiểm vừa đầy hứa hẹn chính xác là bởi sự ngây ngô cơ bản của họ; con người, rốt cuộc, cũng chỉ đi đến sự tuyệt vọng.

Vào năm 1960, ông ngoại tôi vẫn chưa được sát hạch; những sự thất vọng sau đó đã đến, và ngay cả lúc ấy chúng đến một cách chậm chạp, không có sự bạo lực vốn có thể đã thay đổi được ông, bất luật là gì. Trong đáy lòng, ông luôn coi mình như một điều gì đó của người có tư tưởng độc lập - thậm chí là người tự do phóng túng. Thỉnh thoảng ông sáng tác thơ ca, nghe nhạc Jazz, nhớ lại những người Do Thái mà ông đã gặp trong ngành nội thất như là những người bạn thân nhất của mình. Một sự bất đồng duy nhất của ông là với một tôn giáo có tổ chức. Ông kết nạp gia đình vào giáo đoàn Phổ độ Nhất Vị luận; ông thích ý niệm của những người theo thuyết nhất vị luận viết lên sách kinh của những tôn giáo lớn ("Giống như bạn có năm tôn giáo trong một vậy", ông nói). Về sau, Toot đã can ngăn ông về những quan điểm đối với giáo hội ("Vì Chúa, Stanley à, tôn giáo không được coi như mua chiếc bánh ngũ cốc cho buổi điểm tâm"), nhưng về bản chất nếu bà ngoại tỏ ra hoài nghi hơn, và bất đồng với Gramps trước những ý niệm ngày càng kì dị của ông thì tính độc lập kiên định của bà, sự nhất quán của bà trong việc cân nhắc một điều gì đó cho chính mình, nói chung chỉ khiến cho mối liên kết của họ thêm phiền toái mà thôi.

Tất cả điều này chứng tỏ họ tự do một cách mơ hồ, mặc dù những quan điểm của họ chẳng hề kết dính vào bất cứ điều gì chẳng hạn

như hệ tư tưởng kiên định; và lại, họ là người Mỹ. Và rồi, có lần mẹ tôi về nhà và đề cập về một người bạn mà bà đã gặp tại trường Đại học Hawaii, một sinh viên da đen tên là Barack, sự thôi thúc đầu tiên của họ là mời anh ấy dùng bữa ăn tối. Cậu bé đáng thương kia hẳn là cô đơn lắm bởi sống xa quê, có lẽ Gramps đã nghĩ thế. Tốt nhất là nhìn vào anh ấy, mẹ tôi tự nhủ. Khi cha tôi bước đến cửa, ngay lập tức Gramps tỏ ra sững sốt trước vẻ hao hao Phi Châu của cha tôi với Nat King Cole, một trong những ca sĩ ưa thích nhất của ông; tôi tưởng tượng ông sẽ hỏi liệu cha tôi có thể hát không, không hiểu được vẻ hổ thẹn trên khuôn mặt của mẹ tôi. Gramps có lẽ sẽ quá mãi mê với việc kể một trong những câu chuyện vui của ông hoặc tranh luận với Toot về cách thức làm các món bít tết đến nỗi không nhận ra mẹ tôi chìa tay véo vào cánh tay gân guốt và nhẵn bóng bên cạnh mình. Toot nhận thấy, nhưng bà ấy đủ lịch sự để bặm môi và ngơ ý món tráng miệng; bản năng luôn mách bảo với bà không nên gây ra tranh cãi. Buổi tối kết thúc, cả hai ông bà nhận xét về dáng vẻ thông minh và phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên trẻ, với những cử chỉ thận trọng đắn đo và nét duyên dáng trong tư thế ngồi chéo chân - và còn cả chất giọng nữa!

Nhưng họ có đồng ý để con gái lấy anh chàng này không?

Chúng tôi không chắc lắm; chi tiết này trong câu chuyện chưa giải thích đủ. Sự thật là, cũng như phần lớn những người Mỹ da trắng trong thời kỳ này, họ thật sự chưa bao giờ để tâm nhiều đến người da đen. Jim Crow đã theo hướng bắc vào Kansas rất lâu trước khi ông bà ngoại tôi ra đời, nhưng ít ra ở quanh khu vực Wichita hình thức của nó có vẻ thượng lưu nhưng không quá nổi nghiêm ngặt và bạo lực xảy ra không lan tràn như ở Deep South. Cùng những quy tắc ngầm như vậy vốn đã kiểm soát cuộc sống của những người da trắng đã đẩy sự liên hệ giữa các chủng tộc xuống mức tối thiểu; khi những người da đen xuất hiện ở Kansas trong ký ức của ông bà ngoại tôi, những hình ảnh đó chỉ thoáng qua - Đôi khi họ đến các khu vực đầu mỏ hồng kiếm một công việc làm thuê; phụ nữ thì làm công việc giặt ủi cho những người da trắng hoặc giúp họ lau chùi nhà cửa. Người da đen có mặt ở đó nhưng không phải ở đó, giống như Sam, nghệ sĩ dương cầm hay cô hầu gái Beulah, hay Amos và

Andy trong vở kịch truyền thanh - những sự hiện hữu mờ ảo và cảm lạnh vốn chẳng chẳng bộc lộ tí gì về cảm xúc hoặc sợ hãi.

Cho đến khi gia đình tôi chuyển đến Texas, sau khi chiến tranh kết thúc, những vấn đề chủng tộc bắt đầu len lỏi vào trong cuộc sống họ. Trong suốt tuần đầu tiên làm việc ở đây, Gramps nhận được một vài lời khuyên từ những người bạn bán hàng nội thất về việc phục vụ cho những khách hàng da đen và Mexico: "Nếu người da màu muốn xem hàng, họ cần đến sau giờ làm việc và tự sắp xếp việc giao hàng". Sau này, tại ngân hàng nơi Toot làm việc, bà làm quen với một người phụ việc, một cựu chiến binh da đen trong Thế chiến Thứ hai, dáng người cao lớn và chính tề mà bà nhớ là Mr. Reed. Một ngày nọ, trong lúc họ đang trò chuyện ở đại sảnh, một người thư ký trong văn phòng xốc tới và rít lên giận dữ rằng "Đừng, đừng gọi bọn da đen là Ông". Không lâu sau đó Toot nhìn thấy Mr. Reed ngồi trong góc của tòa nhà đang thẫn khóc. Khi bà hỏi chuyện gì đã xảy ra, ông đứng thẳng người dậy, lau nước mắt và trả lời.

"Chúng tôi đã làm gì để bị đối xử hèn hạ như vậy?"

Ngày hôm đó, bà ngoại tôi không có câu trả lời, nhưng câu hỏi đó cứ dai dẳng mãi trong tâm trí bà, câu hỏi mà ông bà ngoại tôi thỉnh thoảng thảo luận ngay khi mẹ tôi đã ngủ. Họ thống nhất rằng Toot cứ việc gọi Mr. Reed là "Ông", mặt dù bà tôi vẫn hiểu được, với một cảm xúc pha trộn giữa khuấy khỏa và đau buồn, rằng người phụ việc này vẫn luôn giữ một khoảng cách cẩn trọng bất cứ lúc nào họ gặp nhau trong đại sảnh. Gramps bắt đầu từ chối những lời mời đi uống bia của những đồng nghiệp và nói với họ rằng ông phải về nhà để vợ được vui. Họ trở nên khép kín, khó hiểu và luôn e sợ một cách mơ hồ như thể họ là những người lạ thường trực trong thị trấn.

Không khí tồi tệ này đã ảnh hưởng nặng nề đến mẹ tôi. Lúc ấy bà chỉ mới mười một hoặc mười hai tuổi, là một đứa trẻ vừa mới qua khỏi cơn hen tồi tệ. Căn bệnh này, cùng với việc di chuyển nhiều, đã khiến bà thui thui một mình - vui vẻ, tính khí dễ chịu nhưng có xu hướng chôn vùi trong sách vở hoặc lang thang đơn độc một mình - và bà ngoại bắt đầu lo lắng rằng lần di chuyển gần đây nhất chỉ làm cho tính khí lập dị của con gái bà trở nên rõ ràng hơn. Mẹ tôi có được

một vài người bạn trong ngôi trường mới này. Bà bị chọc ghẹo một cách không thương tiếc bởi cái tên của mình, Stanley Ann (một trong những ý tưởng không sáng suốt của ông ngoại - ông ấy muốn một đứa con trai). Bọn chúng gọi bà là Stanley Steamer. Khi bà ngoại đi làm về, bà thường thấy mẹ tôi lẻ loi một mình ở sân trước, lắc lư hai chân ở hiên nhà hoặc nằm dài trên bãi cỏ như bị cuốn hút vào một thế giới đơn độc nào đó của riêng mình.

Ngoại trừ một ngày nọ. Đó là một ngày nắng nóng và lặng gió, Toot về nhà và thấy một đám trẻ con tụ tập bên ngoài hàng rào bao quanh ngôi nhà. Khi Toot tiến lại gần hơn, bà có thể nhận ra những tiếng cười cay nghiệt, những nét nhăn nhó của sự giận dữ và khinh miệt trên khuôn mặt của những đứa trẻ. Chúng hò hét trong âm điệu chất chứa và thay đổi luân phiên.

“Người tình của mọi đen!”

“Một gã Yankee bẩn thỉu!”

“Người tình của mọi đen!”

Khi thấy Toot bọn chúng tản ra, nhưng ngay lúc đó một thằng bé trong đám ném một viên đá có sẵn trong tay qua hàng rào. Đôi mắt Toot dõi theo đường bay của viên đá cho đến khi nó rơi xuống gốc cây. Và ngay lập tức bà hiểu được căn nguyên của sự phẫn khích này: mẹ tôi và một cô gái da đen cùng tuổi nằm úp cạnh nhau trên bãi cỏ, váy tụt lên trên đầu gối, những ngón chân cắm xuống mặt đất, đầu tựa lên hai bàn tay ngay trước một trong những cuốn sách của mẹ tôi. Từ đằng xa hai cô gái dường như có vẻ thanh thản bình yên dưới bóng mát của ngọn cây. Ngay lúc Toot mở cánh cổng và bà nhận ra cô gái da đen kia giật mình đánh thót còn mẹ tôi ánh lên những giọt nước mắt. Hai cô gái vẫn còn bất động, tê cứng vì sợ hãi, cho đến khi Toot cúi xuống và đặt hai bàn tay lên đầu họ.

“Nếu các con thích chơi với nhau”, bà tôi nói, “vậy thì vì sự tốt đẹp các con hay đi vào nhà. Cả hai con. Đi nào”. Bà bế mẹ tôi lên và chìa tay cho cô gái kia, nhưng trước khi bà muốn nói một điều gì đó, cô gái bỗng vụt bỏ chạy, đôi chân dài của cô như chân của một con chó đua khi cô chạy mất hút ra đường.



Gramps giận dữ khi biết những gì đã xảy ra. Ông hỏi mẹ tôi và ghi lại tên những đứa trẻ. Ngày hôm sau, ông nghỉ làm buổi sáng và đến gặp hiệu trưởng của trường. Ông đích thân gọi điện đến bố mẹ của những đứa trẻ lằng mọ kia để phê bình thẳng thắn. Và với mỗi vị phụ huynh, ông đều nhận cùng một sự phản hồi:

“Tốt nhất là hãy nói chuyện với con gái ông, Ông Dunham à. Những cô gái da trắng không được chơi với những đứa da màu trong thị trấn này”.

Thật khó biết được phải tạo ảnh hưởng đến mức nào trong những tình tiết này, tính chất gắn kết nào của chúng được tạo ra hoặc phá bỏ, hoặc liệu chúng có chống cự để bênh vực cho những biến cố sau này không. Bất cứ lúc nào Gramps nói chuyện với tôi về điều này, ông luôn nằng nặc rằng gia đình đã rời Texas một phần là vì sự bất an của họ trước chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Toot thì tỏ ra thận trọng hơn; một lần, khi chỉ có chúng tôi ở nhà, bà cho tôi biết rằng họ dọn khỏi Texas chỉ vì Gramps không phù hợp với công việc và một người bạn ở Seattle đã hứa với ông một điều gì đó tốt hơn. Theo bà, từ *chủ nghĩa phân biệt chủng tộc* thậm chí không có trong bộ từ vựng của họ vào thời kỳ ấy. “Bà và ông ngoại cháu luôn hiểu một điều rằng chúng ta nên cư xử với tất cả mọi người theo khuôn phép, Bar à. Chỉ có vậy thôi”.

Bà ngoại tôi là người khôn ngoan theo cách đó, bà nghi ngờ trước những tình cảm quá ủy mị hoặc những yêu sách thái quá và luôn hài lòng với những lẽ phải thực tế. Đó là lý do tại sao tôi tin vào lời kể của bà về những biến cố; nó tương thích với điều mà tôi biết về ông ngoại tôi, xu hướng của ông để viết lại quá khứ của mình theo hình ảnh mà ông muốn tạo ra cho chính mình.

Và tôi cũng không hoàn toàn bác bỏ hồi tưởng của ông về những biến cố như là một kiểu tăng bốc tiện lợi, một thái độ khác của chủ nghĩa xét lại của người da trắng. Tôi không thể, bởi vì tôi biết rõ rằng Gramps tin vào những điều hư cấu của mình mãnh liệt đến mức nào, cách mà ông muốn chúng phải là sự thật ra làm sao, ngay cả khi ông hoàn toàn không biết làm thế nào để được như vậy. Sau khi rời Texas, tôi nghi ngờ rằng người da đen đã trở thành một phần trong những

câu chuyện tưởng tượng của ông, câu chuyện đã xuyên suốt những giấc mơ của ông. Điều kiện của chủng tộc da đen, nỗi đau của họ, những vết thương của họ - trong tâm trí ông đã trở nên hòa quyện với những gì của riêng ông: người cha vắng mặt và vụ tai tiếng, người mẹ đi xa, sự tàn ác của những đứa trẻ khác, một hiện thực là ông không phải là đứa trẻ cứng - mà trông chẳng khác nào một "thằng rơm". Chủ nghĩa chủng tộc là một phần của quá khứ đó, bản năng đã mách bảo với ông như thế, một phần của quy ước, địa vị và sự kính trọng, những nụ cười tự mãn, những lời thì thầm to nhỏ và chuyện phiếm vốn đã khiến ông luôn nhìn từ ngoài vào.

Những bản năng ấy lý giải một điều gì đó, tôi nghĩ; đối với nhiều người da trắng thuộc thế hệ và lai lịch của ông bà ngoại tôi, những bản năng luôn chạy theo hướng ngược lại, hướng của đám đông. Và mặc dù mối quan hệ giữa Gramps với mẹ tôi đã thật sự căng thẳng kể từ lúc họ đến Hawaii - bà không bao giờ tha thứ cho tính khí thiếu kiên định và hung bạo và hổ thẹn trước phong cách thô lỗ và vùng vẫy của ông - đó chính là sự mong mỏi của ông để hủy bỏ quá khứ, tin tưởng vào khả năng làm lại thế giới từ những điều phi sự thật, vốn được coi là gia sản lâu đời nhất của ông. Dẫu Gramps có nhận biết hay không, sự xuất hiện của con gái ông bên cạnh người đàn ông da đen, dưới mức độ thâm sâu bí hiểm nào đó, đã mang lại một cái nhìn vào tận cội lòng ông.

Không phải rằng sự thiếu hiểu về chính mình, ngay cả khi có thể tiếp cận được, đã khiến cho việc hứa hôn của mẹ tôi trở nên dễ dàng hơn cho ông để chấp nhận. Thực ra, việc kết hôn như thế nào và ở đâu vẫn là điều chưa rõ ràng, một bảng liệt kê các chi tiết vốn là cái tôi không bao giờ có đủ can đảm để khám phá. Không có ghi nhận gì về một đám cưới thật sự, bánh, nhẫn và quà tặng cho cô dâu. Không có gia đình nào tham dự; thậm chí cũng không biết liệu những người ở Kansas có được thông báo không. Chỉ là một đám cưới nhỏ, một công lý của hòa bình. Trong sự hồi tưởng, tất cả mọi thứ dường như rất mong manh và hỗn độn. Và có lẽ đó là cách mà ông bà ngoại tôi dự định, một thách thức rồi sẽ qua, chỉ là vấn đề thời gian, miễn là họ giữ miệng và không làm bất cứ điều gì tỏ ra quyết liệt.

Nếu vậy, họ đã đánh giá sai không những về sự quyết tâm thâm lặng của mẹ tôi mà còn là sức mạnh trong cảm xúc của họ. Trước hết là một đứa bé ra đời, nặng hơn bốn ki lô gram, mười ngón chân, mười ngón tay và đòi ăn. Họ phải làm cái quái gì đây?

Thế rồi không gian và thời gian bắt đầu nhen nhúm, biến đổi sự bất hạnh tiềm tàng thành một điều gì đó có thể chịu đựng được, ngay cả cội nguồn của sự kiêu hãnh. Chia sẻ một vài ly bia với cha tôi, Gramps có thể nghe con rể mới của mình nói về chính trị và kinh tế, về những nơi xa xôi như Whitehall hay Kremlin, và tưởng tượng chính mình đang nhìn về tương lai. Ông bắt đầu đọc báo kỹ hơn, tìm thấy những báo cáo trước đây về hệ thống tín điều hợp nhất vừa mới khám phá của nước Mỹ, và quyết định trong đầu ông rằng thế giới ngày càng nhỏ hơn, những sự cảm thông cũng đang thay đổi; thật sự gia đình từ Wichita này đã thật sự chuyển đến mặt trận của chương trình New Frontier của Kennedy và ước mơ vĩ đại của Dr.King. Làm sao nước Mỹ có thể đưa con người vào không gian trong khi vẫn giữ các công dân da đen của nó trong cảnh nô lệ? Một trong những kỷ ức xa xôi nhất của tôi là ngồi trên đôi vai của ông ngoại khi những phi hành gia của tàu Apollo đến Căn cứ Không quân Kikam sau khi đáp xuống mặt biển thành công. Tôi nhớ những phi hành gia này, trong các cặp kính phi công, đứng ở rất xa và chỉ có thể nhìn thấy qua chiếc cổng lớn của một gian phòng cách biệt. Nhưng Gramps luôn thề rằng một trong những phi hành gia đã sẽ vẫy tay chào tôi và tôi đã vẫy tay chào lại. Đó là một phần trong câu chuyện mà ông đã kể lại. Với đứa con rể da đen và cháu trai da nâu của mình, Gramps đã bước vào kỷ nguyên không gian.

Và hải cảng nào tốt hơn cho việc khởi sự cuộc phiêu lưu mới này như là Hawaii, một thành viên mới nhất của Hiệp Chúng Quốc? Ngay cả lúc này, dân số của tiểu bang đã tăng gấp bốn, bãi biển Waikiki san sát với những cửa hiệu thức ăn nhanh và phim ảnh khiêu dâm, những khu vực phân chia nhỏ hơn chạy dài liên tục đến mỗi khúc rẽ của ngọn đồi xanh, tôi có thể lần về những bước đi đầu tiên của mình khi còn là một đứa trẻ và sững sốt trước vẻ đẹp của những hòn đảo này. Sự êm dịu của mặt biển Thái Bình Dương xanh thắm. Những vách đá phủ đầy rêu xanh, những dòng nước chảy xối xả và

mát lạnh của thác Manoa, những rừng hoa rực rỡ và những mái vòm ngập tràn âm thanh của những loài chim ẩn khuất đâu đó. Những ngọn sóng lớn ở North Shore, đổ ập xuống trông như cảnh quay chậm trong phim. Những bóng râm trên đỉnh vách đá Pali; không khí thanh thoát và đầy cảm xúc.

Hawaii! Đối với gia đình tôi, vừa mới đặt chân đến vào năm 1959, đó như thể là chính trái đất này, mệt mỏi với những đoàn người tảo loạn và nền văn minh ác nghiệt, họ đã vươn đến dãy đá màu ngọc bả này nơi những người khai phá từ khắp nơi trên thế giới có thể định cư và con cái họ sẽ được đắm mình trong ánh nắng sạm màu đồng thiết của mặt trời. Sự chinh phục hèn hạ của người Hawaii bản xứ thông qua các hiệp ước đã bị hủy bỏ và căn bệnh bại liệt do những người truyền giáo mang đến; việc phân chia những vùng đất nham thạch màu mỡ bởi các tập đoàn Mỹ để trồng dứa và mía; hệ thống giao ước đã làm cho những người nhập cư Nhật, Trung Quốc và Phillipin cuối gặp người trên cùng những khu đất này từ lúc bình minh cho đến hoàng hôn; việc giam cầm những người Mỹ gốc Nhật trong suốt thời kỳ chiến tranh - tất cả đã là lịch sử. Và khoảng thời gian gia đình tôi chuyển đến, một cách nào đó nó đã biến mất khỏi ký ức chung của mọi người, giống như sương mù buổi sáng bị tiêu tan bởi ánh nắng mặt trời. Có quá nhiều chủng tộc, với quyền lực giữa họ đã bị phân tán quá rộng để có thể áp đặt một hệ thống đặc quyền khắc khe cho vùng đất; và quá ít chủng tộc da đen vì thế người chủ trương phân biệt chủng tộc hăng hái nhất có thể tận hưởng một kỳ nghỉ mát vì biết chắc rằng sự hòa trộn chủng tộc ở Hawaii không liên quan nhiều đến trật tự đã được thiết lập ở quê nhà.

Vì vậy truyền thuyết được viết về Hawaii như là một vùng đất tụ cư đích thực, một nơi thí điểm về sự hài hòa chủng tộc. Ông bà tôi - đặc biệt là Gramps, người thường xuyên tiếp xúc với đủ các hạng người qua công việc kinh doanh hàng nội thất của mình - đã lao mình vào việc tìm hiểu mối quan hệ giữa con người. Cuốn *How To Win Friends And Influence People* (Cách để có nhiều bạn và tạo ảnh hưởng đến người khác) của Dale Carnegie vẫn còn nằm trên kệ sách của ông. Và khi lớn lên, tôi thường thấy ở ông một phong cách trò chuyện dí dỏm, vui vẻ mà ông đã áp dụng vốn đã trợ giúp ông rất

hiều trong công việc bán hàng của mình. Ông đem ra những bức ảnh của gia đình và kể câu chuyện về cuộc đời mình cho người lạ thân thiết nhất; ông lắc lư bàn tay của người đưa thư hoặc trêu đùa một cách thô tục với những cô hầu bàn ở nhà hàng.

Những cách đùa như thế đã từng làm cho tôi ái ngại, nhưng những người tỏ vẻ thông cảm hơn thì lại thích bản tính kỳ dị của ông, vì vậy mặc dù ông chưa bao giờ tạo sự ảnh hưởng nhiều đến người khác, xung quanh ông luôn đông đúc bạn bè. Một người Mỹ gốc Nhật, người tự gọi là Freddy và điều hành một cửa hàng nhỏ gần nhà tôi, thường cho chúng tôi những lát cá ngừ ngon nhất để dùng làm món sashimi (món ăn sống của người Nhật) và kẹo nếp có thể ăn được cả bọc ngoài. Thông thường, những người Hawaii làm việc ở cửa hiệu của ông tôi như là những người giao hàng đã mời chúng tôi thưởng thức món khoai sọ và thịt lợn nướng, món mà Gramps rất thích (Toot thì hút thuốc cho đến khi bà có thể về nhà và tự thưởng cho mình món chả trứng). Thỉnh thoảng tôi cùng Gramps đến Công Viên Ali'i, nơi mà ông thích chơi cờ đam với mấy cụ già Phillipin, họ hút loại xì gà rẻ tiền và nhổ nước trái cau trông giống như máu vậy. Và tôi vẫn nhớ, vào một buổi sáng sớm, vài giờ trước khi mặt trời mọc, một người đàn ông Bồ Đào Nha người mà ông tôi bán một bộ trường kỷ với giá rất rẻ, đã đưa chúng tôi đến Vịnh Kailua để dùng món cá cờ. Chiếc đèn gas treo lủng lẳng ở cabin trên con thuyền nhỏ khi tôi quan sát những người đàn ông lặn xuống vùng nước đen như mực, những tia sáng của đèn flash tỏa xung quanh phía dưới mặt nước cho đến khi họ trồi lên cùng với một con cá lớn, sáng bóng và vùng vẫy ở đầu cây sào. Gramps cho tôi biết tên nó bằng tiếng Hawaii, humu - humu - nuku - nuku - apuaa, mà chúng tôi lặp đi lặp lại trong suốt chặng đường trở về nhà.

Trong môi trường đó, dòng dõi chủng tộc của tôi đã khiến cho ông ngoại gặp phải một số vấn đề, và ngay lập tức họ đón nhận thái độ khinh rẻ của những người địa phương dành cho bất cứ du khách nào thể hiện hành vi ái ngại như vậy. Thỉnh thoảng, khi Gramps chứng kiến một số du khách nhìn tôi đùa giỡn với cát trên bãi biển, ông liền bước đến bên cạnh họ và thì thầm với sự kính trọng rằng tôi là cháu trai của Vua Kamehameha, quốc vương đầu tiên của Hawaii. "Ta chắc

rằng ảnh của con sẽ có trong một ngàn cuốn sổ dán ảnh, Bar à". Ông nói với một nụ cười xé rách mang tai, "từ Idaho đến Maine". Tôi nghĩ câu chuyện đặc biệt đó thật khó hiểu; tôi nhìn thấy trong đó một nghệ thuật nhằm tránh những vấn đề hóc búa. Và rồi Gramps lại kể một câu chuyện khác, câu chuyện về một du khách, người đã tình cờ nhìn thấy tôi bơi, và không biết người mà cô đang nói chuyện là ai, đã nhận xét rằng "những người Hawaii này biết bơi một cách tự nhiên". Ông đã đáp lại rằng khó để khẳng định như thế bởi vì "cậu bé đó hóa ra là cháu trai tôi, mẹ nó đến từ Kansas và bố nó từ vùng nội địa Kenya, và cách xa ở những nơi chết tiệt mà họ sinh sống đến hàng dặm dài đều không có biển". Đối với ông ngoại tôi, chủng tộc không phải là điều mà bạn thật sự lo lắng; nếu sự ngu dốt vẫn còn tồn tại ở một số vùng thì vẫn an toàn để thừa nhận rằng chẳng bao lâu nữa phần còn lại của thế giới sẽ xóa sạch.

Cuối cùng tôi cho rằng đó là điều mà tất cả những câu chuyện về cha tôi thật sự đề cập đến. Chúng đề cập đến chính người đàn ông không nhiều bằng những thay đổi xảy ra ở những người xung quanh ông, quá trình ngắt đoạn mà theo đó thái độ về chủng tộc của ông bà ngoại tôi thay đổi. Các câu chuyện đã thể hiện một tinh thần vốn đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đất nước trong thời kỳ giữa cuộc bầu cử Kennedy và việc thông qua Luật Quyền Bầu cử: dường như chiến thắng đã thuộc về thuyết phổ biến vượt qua chủ nghĩa địa phương và tư tưởng hẹp hòi, một thế giới mới sáng ngời nơi những khác biệt về văn hóa hoặc chủng tộc được khai sáng, được làm mới và thậm chí được làm cho trở nên cao quý. Một câu chuyện hư cấu hữu ích, câu chuyện ám ảnh tôi không kém gì nó đã ám ảnh gia đình tôi, gợi lên hình ảnh một Thiên đường nào đó đã mất vốn vượt quá những điều chỉ là thời thơ ấu.

Chỉ có một vấn đề duy nhất: cha tôi đã mất tích. Ông ấy rời bỏ thiên đàng, và không có điều gì mà mẹ tôi hoặc ông bà kể lại có thể tẩy xóa sự kiện duy nhất và không thể bác bỏ được. Những câu chuyện của họ không cho tôi biết tại sao ông ấy bỏ đi. Họ không thể miêu tả vấn đề sẽ như thế nào nếu ông ấy ở lại. Cũng như người phụ việc, Mr. Reed, hoặc cô gái da đen người đã khuấy tung bụi lên khi cô

chạy xuống con đường Texas, cha tôi đã trở thành công cụ trong lời kể của người khác. Một công cụ hấp dẫn - một nhân vật xa lạ với trái tim bằng vàng, một người lạ bí hiểm đã cứu thị trấn và chinh phục được cô gái - nhưng dù sao cũng chỉ là công cụ.

Tôi thật sự không đổ lỗi cho mẹ tôi và ông bà ngoại về điều này. Cha tôi có thể đã thích hình ảnh mà họ đã tạo ra cho ông - quá thực có thể ông đã đồng lõa trong việc tạo ra nó. Trong một bài báo được đăng trên tờ *Honolulu Star-Bulletin* về lễ tốt nghiệp của ông, ông dường như thận trọng và đầy trách nhiệm, một sinh viên kiểu mẫu, một đại sứ cho châu lục của ông. Ông nhẹ nhàng chỉ trích trường đại học vì đã dẫn những sinh viên khách vào trong các ký túc xá và buộc họ tham dự những chương trình nhằm khuếch trương sự nhận thức về văn hóa - một điều lệch lạc, ông nói, không như chương trình đào tạo thực tế mà ông cần. Mặc dù bản thân ông không gặp phải bất cứ vấn đề nào, ông vẫn nhận thấy việc tự chia tách và kỳ thị công khai đang diễn ra giữa những nhóm thiểu số khác nhau và biểu lộ sự thích thú có vẻ châm biếm của mình trước một thực tế rằng "những người thuộc chủng tộc da trắng" ở Hawaii thỉnh thoảng chính là nạn nhân của định kiến. Nhưng nếu sự đánh giá của ông là tương đối tình tường, ông sẽ cẩn thận kết thúc bằng một lời tích cực: Một điều mà những quốc gia khác có thể học từ Hawaii, ông nói, là thiện chí làm việc cùng nhau của các chủng tộc nhằm hướng đến một sự phát triển chung, một điều gì đó mà ông đã từng thấy những người da trắng không muốn làm ở một nơi nào đó khác.

Tôi đã phát hiện bài báo này, được gấp lại bên cạnh tờ khai sinh và những đơn tiêm chủng vắc-xin cũ nát của tôi khi còn học trung học. Đó là một bài viết ngắn có đăng hình ông. Không có đề cập gì đến mẹ tôi và tôi cả, và tôi cảm thấy hoang mang liệu sự bỏ sót đó có phải là ý định của ông để phòng trường hợp ông có kéo dài cuộc hành trình của mình. Có thể người phóng viên đã không đặt ra những câu hỏi riêng tư, bị khớp trước phong cách cao ngạo của cha tôi; hoặc có thể đó là quyết định của ban biên tập, không thuộc nội dung mà họ đang tìm. Tôi cũng phân vân không biết liệu sự bỏ sót đó có gây ách tắc giữa bố mẹ tôi.

Vào lúc đó có thể tôi chưa biết, vì tôi quá nhỏ để nhận ra rằng tôi có một người cha ngoài giá thú, cũng như tôi quá nhỏ để biết rằng tôi cần một chủng tộc. Trong một thời gian ngắn ngủi đến mức khó tin dường như cha tôi bị vướng phải một loại bùa mê như chính mẹ tôi và ông bà ngoại đã mắc phải; và trong sáu năm đầu của cuộc đời, ngay cả khi loại bùa đó bị phá vỡ và những thế giới mà họ nghĩ đã để lại phía sau lại được tái tạo, tôi đã sống ở nơi mà những giấc mơ của họ hiện hữu.



## Chương hai

Con đường dẫn đến tòa đại sứ ngọt ngào với xe hơi, xe ba bánh, xe kéo, xe buýt và những loại xe rẻ tiền, hành khách được nhét chặt cứng gấp đôi sức chứa cho phép, một đoàn người và xe tranh giành nhau khoảng trống trong cái nóng xé trưa. Chúng tôi di chuyển về phía trước được vài mét, dừng lại, tìm thấy một lối mở, rồi lại dừng. Anh tài xế taxi của chúng tôi đuổi một lũ nhóc đang rao bán những miếng thuốc lá rời và kẹo sing - gum, và vừa đủ tránh một chiếc scooter mang cả gia đình trên lưng - ông bố, bà mẹ, con trai và con gái tất cả nghiêng người khi chiếc xe rơi vào khúc rẽ, miệng họ bịt kín bởi những chiếc khăn mùi soa để cản bớt khí thải, một gia đình của những kẻ ăn cướp. Dọc theo lề đường, những phụ nữ da nâu trong những bộ sà rông úa màu đang chất cao những giỏ trái cây chín bằng rơm và một vài người thợ máy ngồi chồm hóm phía trước bãi sửa chữa ô tô, uể oải chùi những chiếc bánh đà khi họ tháo rời một động cơ. Phía sau họ, một dải đất nâu dẫn vào một hố rác âm ỉ nơi một vài thằng bé đang điên loạn đuổi bắt một con gà mái đen gầy gơ xương. Những đứa trẻ trượt trên vũng bùn, trên những tàu lá chuối và lá ngô, hét lên với sự thích thú cho đến khi chúng biến mất khỏi con đường bẩn thỉu phía tận bên kia.

Mọi thứ trở nên dễ chịu hơn ngay khi chúng tôi đến xa lộ, và chiếc taxi thả chúng tôi ở phía trước đại sứ quán, nơi một vài anh

lính thủy đánh bộ ăn mặc rất bánh bao cúi đầu chào. Bên trong sân của tòa đại sứ, tiếng ồn ào xô bồ trên đường phố được thay thế bởi nhịp điệu đều đặn của chiếc kéo xén làm vườn. Ông chủ của mẹ tôi là một người đàn ông da đen quý phái với mái tóc cắt ngắn gần sát da hơi điểm bạc ở hai bên thái dương. Một lá cờ Mỹ rủ xuống từ cây cột bên cạnh bàn làm việc của ông. Ông hướng người về trước và ngó ý một cái bắt tay nồng nhiệt: "Khỏe không, anh bạn trẻ?" Người ông ta toát lên hương thơm của dầu cạo râu và chiếc cổ áo cứng nhắc trịnh trọng của ông ép sát vào cổ. Tôi đứng nghiêm khi trả lời những câu hỏi về sự tiến triển trong công việc học hành của mình. Không khí trong văn phòng mát và khô ráo, giống như không khí trên các đỉnh núi: những ngọn gió của đặc ân trong lành và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ.

Buổi yết kiến của chúng tôi kết thúc, mẹ tôi đặt tôi ngồi trong thư viện rồi mất hút để làm một vài công việc. Tôi đọc xong vài cuốn truyện tranh và hoàn tất bài tập ở nhà mà mẹ tôi bắt phải mang theo trước khi rời khỏi ghế để lướt mắt qua các kệ sách. Phần lớn những cuốn sách này chẳng có gì lỗi cuốn đối với một cậu bé chín tuổi - những báo cáo của Ngân hàng Thế giới, những cuộc thăm dò địa lý, kế hoạch phát triển năm năm. Nhưng trong một góc phòng tôi nhận thấy một bộ sưu tập các tạp chí *Life* được trưng bày một cách ngăn nắp bên trong những tấm bìa kẹp trong suốt bằng nhựa. Tôi lật qua những mẫu quảng cáo hào nhoáng sắc sỡ - Lớp Xe Goodyear và Dodge Fever, Zenith TV ("Tại sao không là tốt nhất?") và Món Súp của Campbell ("Mm-mm ngon quá!"), những người đàn ông trong y phục cổ lọ trắng chế biến món kem lạnh của Seagram trong sự thần phục của các cô gái với những chiếc váy ngắn màu đỏ - và cảm thấy được trấn an một cách mơ hồ. Khi tôi bất chợt nhìn thấy một bức ảnh trong bản tin thời sự, tôi cố đoán đề tài của câu chuyện trước khi đọc tựa đề của nó. Bức ảnh về những đứa trẻ Pháp vụt chạy trên những con đường sỏi cuội: đó là một khung cảnh hạnh phúc, một trò chơi trốn tìm sau một ngày đọc sách và làm các công việc vặt; nụ cười của chúng nói lên sự tự do. Bức ảnh về một người phụ nữ Nhật đặt một bé gái trần truồng vào chiếc bồn tắm nông cạn: một cảnh tượng buồn tẻ; cô bé đang ốm, chân nó bị trật, đầu nó ngã về phía sau tựa

vào ngực của người mẹ, khuôn mặt của người mẹ căng thẳng với nỗi buồn vô hạn, có lẽ bà đang tự trách mình...

Cuối cùng tôi nhìn qua một bức ảnh về một ông già trong cặp kính đen và chiếc áo mưa đang rảo bước trên một con đường trống không. Tôi không thể đoán được bức ảnh này muốn ám chỉ điều gì; dường như chẳng có gì khác thường về đề tài này cả. Trang tiếp theo là một bức ảnh khác, bức ảnh này chụp cận cảnh hai bàn tay của cùng người đàn ông này. Chúng mang một vẻ xanh xao kỳ lạ khác thường; như thể máu đã được hút hết. Quay trở lại bức ảnh đầu tiên, lúc này tôi nhận thấy rằng mái tóc bù xù của người đàn ông, đôi môi dày và rộng cùng với chiếc mũi to bự của ông, tất cả đều mang cùng một sắc thái ma quái và thất thường.

Ông ta hẳn là rất ốm, tôi nghĩ. Một nạn nhân của bức xạ, hoặc có thể là bệnh nhân của chứng bạch tạng - tôi đã chứng kiến một trong những người này trên đường phố cách đây vài ngày, và mẹ tôi đã giải thích về những điều như vậy. Nhưng khi tôi đọc những lời đi kèm với bức ảnh, thì hoàn toàn không phải như vậy. Người đàn ông đã được điều trị bằng hóa học, bài báo giải thích, để làm cho da của ông sáng hơn. Ông đã trả chi phí này bằng tiền riêng của mình. Ông biểu lộ sự tiếc nuối về việc cố mạo nhận mình là người da trắng, không ngờ rằng mọi việc hóa ra lại tai hại đến như vậy. Nhưng kết quả không thể thay đổi được nữa. Có hàng ngàn người như ông, đàn ông và phụ nữ da đen ở Mỹ đã từng trải qua cùng kiểu điều trị để hưởng ứng cho những mẫu quảng cáo vốn hứa hẹn những điều tốt đẹp với tư cách là một người da trắng.

Tôi cảm thấy khuôn mặt và cổ nóng lên. Dạ dày tôi thắt lại; chữ bắt đầu mờ dần trên trang giấy. Mẹ tôi có biết về điều này không? Còn ông chủ của bà thì sao - tại sao ông ta lại điềm tĩnh như vậy, khi đọc qua những bản báo cáo của mình cách đại sảnh chỉ có vài mét? Tôi cảm thấy một sự thôi thúc dữ dội muốn nhảy ra khỏi chỗ ngồi của mình để chỉ cho họ điều mà tôi đã học được, yêu cầu một lời giải thích hay một sự đảm bảo nào đó. Nhưng một điều gì đó đã níu tôi lại. Như trong một giấc mơ, tôi không có tiếng nói cho sự sợ hãi vừa mới được tìm thấy trong tôi. Cùng lúc đó mẹ tôi đến và đưa tôi

về nhà, khuôn mặt tôi nở một nụ cười và các tờ tạp chí đã được đặt đúng vào chỗ cũ. Căn phòng, bầu không khí lại yên tĩnh như trước.

Chúng tôi sống ở Indonesia lúc bấy giờ đã hơn ba năm, kết quả của cuộc hôn nhân giữa mẹ tôi và một người Indonesia tên là Lolo, một sinh viên mà bà đã gặp ở Trường Đại học Hawaii. Theo ngôn ngữ Hawaii tên của ông ta có nghĩa là "điên", điều này đôi lúc làm cho ông ngoại cảm thấy rất buồn cười, nhưng nghĩa đó chẳng phù hợp tí nào với người đàn ông này, bởi Lolo có cách xử sự rất tốt và nét duyên dáng dễ chịu đối với những người cùng quê của ông. Ông có nước da nâu và thấp người, đẹp trai, với mái tóc đen dày và những nét đặc trưng vốn chỉ có thể là người Mexico hoặc người Samoa; ông chơi tennis rất giỏi, nụ cười của ông điểm đậm một cách khác thường, và tính khí của ông không hề nao núng trước bất cứ tình cảnh nào. Trong hai năm, từ lúc tôi bốn tuổi cho đến khi lên sáu, ông đã chịu đựng hàng giờ liền chơi cờ với Gramps và những khoảng thời gian dài chơi trò nhào lộn với tôi. Một ngày nọ khi mẹ tôi đặt tôi ngồi và nói với tôi rằng Lolo ngờ ý và muốn chúng ta cùng đi với ông ấy đến một nơi xa xôi, tôi không ngạc nhiên và cũng không biểu lộ sự phản đối. Tôi đã hỏi mẹ tôi liệu bà có yêu ông ấy không - Tôi đã đủ lớn để biết những điều như vậy là quan trọng. Chiếc cằm của mẹ tôi run run và nó vẫn thường như vậy mỗi khi bà kiềm chế những giọt nước mắt, bà kéo tôi vào lòng và ôm tôi thật lâu, điều này đã làm cho tôi cảm thấy rất can đảm mặc dù tôi không hiểu tại sao.

Ngay sau đó Lolo đột ngột rời Hawaii, mẹ tôi và tôi dành nhiều tháng trời để chuẩn bị hộ chiếu, thị thực, vé máy bay, đăng ký khách sạn và chụp ảnh. Trong lúc chúng tôi sắp xếp hành lý, ông ngoại kéo ra một tờ bản đồ và đánh dấu những cái tên trong dãy các hòn đảo của Indonesia: Java, Borneo, Sumatra, Bali. Ông nói rằng ông nhớ một vài trong những cái tên đó do đã đọc tác phẩm của Joseph Conrad khi còn là một đứa bé. Quần đảo Spice Islands, những cái tên quyến rũ, lúc ấy chúng đã được gọi lại, bị che lấp trong bức màn huyền bí. "Ngay đây cọp vẫn còn lảng vảng", ông nói. "Và cả khỉ hình người nữa". Ông nhìn lên và mắt mở to. "Ở đây thậm chí còn có cả *lũ săn đầu người*!" Cùng lúc đó Toot đã gọi điện đến Bộ Ngoại giao Mỹ để

tìm hiểu liệu quốc gia đó có ổn định không. Mọi người ở đó đều báo cho bà biết rằng tình hình đang được kiểm soát. Song, bà nằng nặc rằng chúng tôi cần phải mang theo vài thùng thực phẩm: táo bẹ, sữa bột, cá mòi đóng lon. "Các con không bao giờ biết được những người này ăn gì", bà nói một cách kiên quyết. Mẹ tôi thở dài nhưng Toot tung hứng một vài hộp kẹo để kéo tôi về phía bà.

Cuối cùng, chúng tôi bước lên chiếc Pan Am jet để thực hiện chuyến bay vòng quanh thế giới. Tôi mặc một chiếc sơ mi trắng tay dài và thắt một chiếc nơ màu xám, và cô nữ chiêu đãi viên tấn công tôi dồn dập với những câu hỏi khó hiểu cùng với những hạt lạt cho thêm và bộ huy hiệu phi công bằng kim loại mà tôi đeo ở trước ngực. Ở chặng quá cảnh kéo dài ba ngày ở Nhật, chúng tôi đi bộ qua những cơn mưa lạnh thấu xương để xem bức tượng Phật bằng đồng lớn ở Kamakura và ăn kem lạnh trà xanh trên một con phà băng qua những con lạch len giữa những ngọn núi cao. Vào những buổi tối mẹ tôi học qua những tấm thẻ hình. Bước xuống máy bay ở Djakarta, mặt lát nhựa của đường băng gợn sóng với cái nóng, mặt trời chói chang như một cái lò nung, tôi bám chặt lấy tay mẹ, quyết tâm bảo vệ mẹ trước bất cứ điều gì có thể xảy đến.

Lolo đã có mặt ở đó để đón chúng tôi, nặng hơn thêm một vài pound, bộ râu quai nón rậm rạp lúc này lấp cả nụ cười của ông. Ông ôm lấy mẹ tôi, nhắc bóng tôi lên trên không, và bảo chúng tôi đi theo một người đàn ông nhỏ người nhưng dẻo dai, người này mang hành lý của chúng tôi bằng ngang qua một hàng người dài ở quầy hải quan và đến một chiếc xe đang đợi. Người đàn ông mỉm cười một cách vui vẻ khi ông ta đẩy những túi hành lý vào thùng xe, và mẹ tôi cố nói một điều gì đó với gã nhưng gã chỉ cười và gật đầu. Mọi người tập nập xung quanh chúng tôi nói rất nhanh một ngôn ngữ gì đó mà tôi chẳng hiểu, cảm nhận có vẻ xa lạ. Chúng tôi quan sát Lolo đang nói chuyện rất lâu với một nhóm lính trong đồng phục màu nâu. Những người lính này đều mang súng nhưng họ dường như trong tâm trạng rất vui vẻ, cười giỡn vào điều gì đó mà Lolo nói. Cuối cùng khi Lolo quay lại với chúng tôi, mẹ tôi hỏi liệu những người lính này có phải kiểm tra hành lý của chúng ta không.

“Đừng lo... tất cả đã xong hết rồi”, Lolo nói, trèo vào chỗ ngồi của tài xế. “Họ là những người bạn của anh”.

Chiếc xe này là của mượn, ông nói với chúng tôi, nhưng ông có một chiếc xe gắn máy mới cấu cạnh - kiểu dáng Nhật Bản, nhưng đủ tốt cho lúc này. Ngôi nhà đã hoàn tất xong vẫn còn phải sơn dặm lại vài chỗ. Tôi đã được đăng ký vào học trong một ngôi trường lân cận, và những người thân nóng lòng muốn gặp tôi. Khi ông và mẹ tôi nói chuyện, tôi thò đầu ra ngoài cửa ở ghế sau và nhìn khung cảnh vùn vụt lướt qua, những ngôi làng xanh và nâu liên tục lùi về sau và chìm vào trong khu rừng, mùi của dầu đi-ê-zen và khói củi. Đàn ông và đàn bà bước đi như những con sếu qua những cánh đồng lúa, khuôn mặt của họ bị che khuất bởi những chiếc nón rộng vành. Một thằng bé, ướt đầm và bóng loáng như một con rái cá, ngồi trên lưng con trâu nước dầm dề, quất vào hông nó bằng chiếc gậy tre. Những con đường trở nên đông nghịt, những cửa hiệu và những khu chợ nhỏ, những người đàn ông kéo những cỗ xe chất đầy sỏi cát và gỗ, rồi những tòa nhà cao tầng trông chẳng khác gì những tòa nhà ở Hawaii - Khách sạn Indonesia, rất hiện đại, Lolo nói, và một trung tâm mua sắm mới, trắng và sáng bóng - nhưng chỉ có một vài tòa nhà là cao hơn những gốc cây lúc này đang rợp bóng mát cho con đường. Khi chúng tôi băng qua một dãy những ngôi nhà lớn với những bờ gậy cao và các chốt canh gác, mẹ tôi nói một điều gì đó mà tôi không thể hiểu được, một điều gì đó về chính phủ và một người đàn ông tên là Sukarno.

“Sukarno là ai?” tôi la lên từ chiếc ghế phía sau, nhưng Lolo tỏ vẻ như không nghe tôi nói. Thay vào đó, ông chạm vào cánh tay tôi và ra hiệu nhìn về phía trước. “Nhìn kia”, ông nói, chỉ ngón tay về trước. Đứng ngang chân giữa đường là một con quái vật khổng lồ cao ít nhất là mười tầng, thân là hình người và mặt là của con khỉ hình người.

“Đó là Hanuman”, Lolo nói khi chúng tôi dạo vòng quanh bức tượng, “thần khỉ”. Tôi quay lại trong vị trí ngồi của mình, bị mê hoặc bởi một hình tượng đơn độc, một màu đen sẫm tương phản với ánh sáng mặt trời, trong tư thế sẵn sàng nhảy vào bầu trời khi luồng giao thông yếu ớt tắc nghẽn quanh chân nó. “Ông ta là một chiến binh vĩ đại”, Lolo nói một cách dứt khoát. “Mạnh mẽ bằng cả một trăm

người đàn ông. Khi chiến đấu với lũ quỷ, ông ta không bao giờ bị đánh bại”.

Ngôi nhà nằm trong vùng vẫn đang phát triển ở ngoại ô thị trấn. Con đường chạy qua một chiếc cầu hẹp bắc ngang qua một con sông nâu rộng; khi chúng tôi băng qua, tôi có thể nhìn thấy những cư dân trong làng đang tắm và giặt quần áo phía dưới dọc theo hai bờ sông nghiêng dốc. Con đường chuyển từ nhựa sang đá sỏi và rồi là đất khi nó uốn lượn qua những cửa hiệu nhỏ và những ngôi nhà boongalô được quét vôi trắng xóa cho đến khi nó mất dần vào một con đường làng hẹp của khu vực có hàng rào bao quanh. Ngôi nhà được trát vữa một cách bình dị và ngói đỏ, nhưng nó thoáng mở và mát mẻ, với một cây xoài lớn ở sân nhỏ phía trước nhà. Khi chúng tôi băng xuyên qua cánh cổng, Lolo tuyên bố sẽ mang lại cho tôi một sự ngạc nhiên; nhưng trước khi ông giải thích chúng tôi nghe một tiếng hú inh tai từ tận cao trên cây. Mẹ tôi và tôi giật mình lùi lại và nhìn thấy một con vật to lớn và rậm lông, cái đầu dẹt và nhỏ, hai cánh tay dài đầy đe dọa bám vào một cành cây thấp.

“Một con khỉ!” Tôi hét lên.

“Một con khỉ hình người”, mẹ tôi sửa lại.

Lolo lấy ra một hạt đậu phụng từ chiếc túi của mình và chìa vào những ngón tay đang chộp lấy của con thú. “Tên nó là Tata”, ông nói. “Chú mua nó trong suốt chuyến đi từ New Guinea cho cháu đấy”.

Tôi bắt đầu bước tới trước để nhìn kỹ hơn, nhưng Tata đe dọa sẽ tấn công, hai con mắt có một vòng đen bao quanh trông có vẻ ngờ vực và dữ tợn. Tôi quyết định không dịch chuyển nữa.

“Đừng lo”, Lolo nói, trao cho Tata một hạt đậu phụng khác. “Nó bị cột rồi. Đến đây đi - nữa nè”.

Tôi ngược mặt nhìn mẹ, và bà nhìn tôi nở một nụ cười thâm dò. Ở sân sau, chúng tôi nhận thấy nó như là một vườn bách thú nhỏ: gà vịt chạy khắp nơi, một con chó vàng lớn với tiếng hú khủng khiếp, hai con chim seo cờ, một con vẹt màu trắng, và cuối cùng là hai chú cá sấu con, ngụp nửa thân người trong một hồ nước có hàng rào bao quanh hướng đến rìa của bờ rào. Lolo nhìn xuống những con bò sát này. “Có

ba con", ông nói, "nhưng con lớn nhất bò ra ngoài qua một cái lỗ ở hàng rào. Trườn vào cánh đồng lúa của một ai đó và ăn một trong những con vịt của ông ta. Chúng tôi phải săn nó bằng đèn pha".

Ánh sáng còn lại không nhiều nhưng chúng tôi thực hiện một cuộc đi bộ ngắn theo con đường bùn dẫn vào khu làng. Những lũ trẻ lảng giềng cười khúc khích vẫy tay từ khu vực của chúng, và một vài ông già chân trần xuất hiện và bắt tay chúng tôi. Chúng tôi dừng lại ở một khu đất chung, nơi đây một trong những người của Lolo đang cho dê ăn, và một cậu nhóc xuất hiện bên cạnh tôi tay cầm một con chuồn chuồn bay lớn vờn ở đầu của sợi dây. Khi chúng tôi trở về nhà, người đàn ông trước đó đã mang hành lý của chúng tôi đang đứng ở sân sau tay kẹp một con gà mái màu sét rỉ và một con dao dài ở tay kia. Ông ta nói một điều gì đó với Lolo, ông gật đầu và gọi hai mẹ con tôi. Mẹ tôi bảo tôi đợi ở đây và liếc nhìn Lolo với có vẻ dò hỏi.

"Anh không nghĩ nó còn quá nhỏ không?"

Lolo nhún vai và nhìn tôi. "Cậu bé nên biết buổi ăn tối đến từ đâu. Cháu nghĩ gì, Barry?" Tôi nhìn vào mẹ tôi và quay mặt về người đàn ông đang giữ con gà. Lolo lại gật đầu, và tôi quan sát người đàn ông đặt con vật xuống, cột nhẹ vào chân nó và kéo cổ nó vắt ngang qua một cái máng hẹp. Trong một thoáng chốc, con vật giãy giụa, đập đôi cánh nó mạnh xuống mặt đất, một vài chiếc lông vũ bay lên theo nhịp đập của đôi cánh. Rồi nó hoàn toàn bất động. Người đàn ông kéo lưỡi dao ngang qua cổ con vật trong một động tác nhẹ nhàng ngọt xót. Máu chảy ra theo một chiếc ống dài đỏ thẫm. Người đàn ông đứng dậy, đưa con vật cách xa người ông, và đột nhiên ném mạnh nó lên cao. Con vật rơi ục xuống đất, rồi giãy giụa với đôi chân của nó, đầu nó ngoẹo sang một bên trông thật kỳ cộm, hai chân nó đập loạn xạ theo một vòng tròn rộng bất định. Tôi quan sát vòng tròn mỗi lúc một nhỏ hơn, máu giọt xuống cùng với âm thanh ồ ồ ọc, cho đến lúc con vật ngã gục xuống, bất động trên bãi cỏ.

Lolo xoa vào đầu tôi và bảo tôi và mẹ rửa tay trước khi dùng bữa tối. Ba chúng tôi ăn một cách lặng lẽ dưới ánh sáng mờ ảo của bóng đèn vàng - gà hầm và cơm, rồi đến món tráng miệng bằng một loại trái cây màu đỏ, vỏ có gai mềm rất ngọt ở phần trong mà chỉ có cơm



đau bụng mới có thể làm cho tôi dừng lại. Sau đó, khi nằm một mình phía dưới vòm màn chống muỗi, tôi lắng nghe âm thanh thô thể của những chú dế dưới ánh trăng và nhớ lại khoảnh khắc giây giụa cuối cùng của một cuộc sống mà tôi đã chứng kiến một vài giờ trước. Tôi hầu như không thể tin vào sự may mắn tốt đẹp của mình.

“Điều đầu tiên cần phải nhớ là cách để tự vệ”.

Lolo và tôi đối mặt nhau ở sân sau. Một ngày trước tôi về nhà với một cục u cỡ cái trứng ở bên đầu. Lolo nhìn lên trong lúc đang lom khom rửa chiếc xe máy của mình và hỏi chuyện gì đã xảy ra, và tôi đã cho ông ấy biết về cuộc ẩu đả giữa tôi với một thằng bé lớn tuổi hơn, nó sống tận phía dưới con đường này. Thằng bé chạy mất cùng với quả bóng của bạn tôi, tôi nói, trong lúc trò chơi đang diễn ra. Khi tôi đuổi theo nó, thằng bé nhặt lên một hòn đá. Thật không công bằng, tôi nói, giọng tôi nghẹn lại với sự tức tối. Một thằng bịp bợm.

Lolo dùng những ngón tay của mình để rẽ mái tóc của tôi và lặng lẽ xem xét vết thương. “Không chảy máu”, cuối cùng ông nói, trước khi quay lại với chất crom gì đó.

Tôi nghĩ mọi thứ đã xong. Nhưng ngày hôm sau khi từ sở về, ông mang theo hai đôi găng tay quyền anh. Chúng có mùi da còn mới tinh, đôi lớn hơn màu đen và đôi kia màu đỏ, những sợi dây buộc chặt lại với nhau và vắt qua vai của ông ấy.

Lúc này ông ta hoàn tất việc buộc những sợi dây trên đôi găng của tôi và lùi lại để kiểm tra công việc của mình. Hai bàn tay tôi lúng lảng hai bên trong như hai bóng đèn ở đầu những sợi dây tóc mong manh. Ông lắc đầu và nâng đôi găng tay lên che mặt tôi.

“Nè. Giữ tay lên như thế này nhé”. Ông điều chỉnh lại khuỷu tay của tôi, rồi né người chuyển sang tư thế đánh và bắt đầu lắc người lên xuống như một võ sĩ quyền anh trong lúc thi đấu. “Cháu cần phải di chuyển liên tục, nhưng luôn cúi thấp người - đừng tạo cơ hội cho họ. Cháu cảm thấy thế nào?” Tôi gật đầu, nhái theo những động tác của ông tốt nhất mà tôi có thể. Sau một vài phút, ông dừng lại và đưa lòng bàn tay của ông lên trước mũi tôi.

“Okay”, ông nói. “Hãy quan sát sự dịch chuyển qua lại của cháu”.

Động tác này tôi có thể làm được. Tôi bước lui một bước, uốn người và tung một cú đánh mạnh nhất mà tôi có thể. Tay của ông ấy hầu như không lay động.

“Không tệ lắm”, Lolo nói. Ông tự gạt đầu, sự biểu cảm của ông không thay đổi. “Không tệ lắm đâu. A, nhưng bây giờ hãy xem vị trí của hai bàn tay cháu. Ta đã nói gì với cháu? Hãy nâng chúng lên...”

Tôi nâng hai cánh tay lên, thọt một cú nhẹ vào tay của Lolo, thường xuyên liếc mắt nhìn lên ông và nhận ra khuôn mặt của ông ấy sao mà trở nên ngày càng quen thuộc sau hai năm chúng tôi đã sống chung với nhau, sự quen thuộc giống như mặt đất mà trên đó chúng ta đứng. Tôi mất chưa tới sáu tháng để học tiếng Indonesia, tập tục và những truyền thuyết của nó. Tôi đã qua được các bệnh thủy đậu, ban sởi và sự nhức nhối từ những chiếc gậy tre của thầy giáo. Những đứa trẻ của những người nông dân, công chức và viên chức cấp thấp đã trở thành những người bạn thân nhất của tôi, và cùng với nhau chúng tôi chạy trên các đường phố sáng và tối, những công việc lật vật đầy hồi hã, bất dễ, thi thả diều chìm én với những sợi dây cước mảnh và sắc như lưỡi dao cạo - người thua cuộc quan sát con diều của mình bay cùng với ngọn gió và biết rằng một nơi nào đó những đứa trẻ khác đang tạo ra một con tàu dài uyển chuyển, đầu của chúng hướng về phía bầu trời, đợi chờ giải thưởng của chúng rơi xuống đất. Ở với Lolo, tôi biết ăn món tiêu xanh sống trong bữa ăn tối (nhiều cơm) và, ngoài bữa ăn tối thông thường, tôi được nếm món thịt chó (dai), thịt rắn (dai hơn), và châu chấu nướng (cứng). Cũng như những người Indonesia, Lolo theo một kiểu Đạo Hồi vốn có thể mang lại không gian cho những tàn tích còn sót lại của tín đồ Hindu và người theo thuyết duy linh cổ xưa. Ông giải thích rằng một người đàn ông sẽ nắm bắt được sức mạnh từ bất cứ những gì mà ông ta ăn vào: Một ngày không xa, ông hứa sẽ mang về nhà một miếng thịt hổ để chúng tôi cùng sẽ chia.

Đó là cách thức diễn biến của mọi sự, một cuộc phiêu lưu dài, tính hào hiệp từ cuộc đời của một cậu bé non trẻ. Trong những bức thư gửi cho ông bà ngoại, tôi ghi lại một cách trung thực về những

sự kiện này, tin tưởng sẽ nhận được những thời sô cô la và những gói bơ đậu phộng tân tiến hơn. Nhưng không phải mọi điều đều có thể được đưa vào những bức thư của tôi; một số điều quá khó để có thể giải thích. Tôi không kể cho Toot và Gramps về khuôn mặt của người đàn ông đến trước cửa nhà chúng tôi một ngày nọ với một cái lỗ há hốc mà lẽ ra ở đó phải là chiếc mũi: âm thanh như tiếng sáo mà ông tạo ra khi xin mẹ tôi thức ăn. Tôi cũng không đề cập đến thời gian mà một trong những người bạn của tôi kể rằng đứa em trai của nó đã chết vào đêm trước do một thực thể ma quái nào đó được mang đến trong cơn gió - sự kinh hoàng đó đã hiện lên trong đôi mắt của bạn tôi trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nhất trước khi nó bật ra một nụ cười kỳ lạ và thoi vào cánh tay tôi và đột nhiên vụt chạy không kịp lấy hơi. Có những nét vô cảm hiện lên trên khuôn mặt của những người nông dân vào năm mà mưa không bao giờ đến, vai họ còm xuống khi họ lang thang chân trần xuyên qua những cánh đồng cần cỗi và nứt nẻ, thỉnh thoảng lại cúi xuống dùng những ngón tay bẻ vụn một mẩu đất; và sự tuyệt vọng của họ xảy đến trong năm tiếp theo khi những cơn mưa kéo dài liên tục trong hơn một tháng, các dòng sông, cánh đồng và các con đường tràn ngập nước và nước dâng cao đến ngang hông; nhiều gia đình phải vật lộn để cứu sống đàn dê gà của họ và ngay cả những khúc gỗ trong các túp lều của họ cũng bị cuốn phăng.

Tôi hiểu được rằng thế giới này thật thảm khốc, tàn ác và không thể lường trước được điều gì. Ông bà ngoại tôi chẳng biết gì về một thế giới như vậy; chẳng có gì gây phiền toái đến họ với những câu hỏi mà họ không thể trả lời. Thỉnh thoảng, khi mẹ tôi đi làm về, tôi thường kể cho bà nghe về những điều tôi nghe hoặc thấy, bà vỗ vỗ vào trán tôi, lắng nghe một cách chăm chú, cố hết sức để giải thích những gì bà có thể. Tôi luôn cảm kích sự chú ý - giọng nói, sự âu yếm từ bàn tay của bà, tất cả những điều đó mang lại cho tôi sự bình an. Nhưng kiến thức của bà về những trận lũ, bùa phép và chọi gà đã để lại nhiều điều đáng được khao khát. Mọi thứ đối với bà đều mới mẻ và cũng vậy đối với tôi, và tôi để lại trong những cuộc đối thoại như vậy với một sự cảm nhận rằng những câu hỏi của tôi chỉ mang lại cho bà cái cơ để lo lắng không cần thiết.

Vì vậy chính Lolo là người mà tôi luôn cậy đến để được chỉ dẫn. Ông ta không nói nhiều nhưng ông lại là người dễ gần gũi. Với gia đình và bạn bè ông giới thiệu tôi là con trai, nhưng ông chưa bao giờ ép buộc mọi điều vượt quá lời chỉ bảo thực tế hoặc giả vờ rằng mối quan hệ của chúng tôi hơn cả thực tại. Tôi luôn cảm kích khoảng cách này; điều đó ám chỉ đến một niềm tin mãnh liệt. Và sự hiểu biết của ông về thế giới này là vô tận. Không phải chỉ biết cách thay đổi lớp xe xếp hay khai thông một nước cờ. Ông biết về những điều khó hiểu, những cách để kiểm soát được cảm xúc mà tôi cảm nhận, những cách để lý giải về những bí ẩn bất biến của vận mệnh.

Cũng như cách để đối xử với những người ăn xin. Họ dường như có mặt khắp mọi nơi, một tập hợp những căn bệnh - đàn ông, phụ nữ, trẻ em, trong những bộ quần áo rách tả tơi dính đầy bụi bẩn, một số không có tay, số khác không có chân, những nạn nhân của căn bệnh sco-bút hay nhiễm khuẩn hay bệnh hủi di chuyển bằng tay hoặc lê lết trên các lề đường đông đúc bằng những chiếc xe lăn được làm qua loa, chân họ vịn treó về phía sau giống như những người làm trò uốn mình. Thoạt đầu, tôi quan sát mẹ tôi cho tiền đến bất cứ người nào đứng ở cửa nhà hoặc giơ tay ra khi chúng tôi đi trên đường. Sau này, khi đã thấu hiểu được rằng sự dâng trào của khổ đau là vô tận, bà ban phát một cách có chọn lọc hơn, biết xác định mức độ của sự khốn khổ. Lolo nghĩ rằng những suy nghĩ đạo đức của mẹ tôi là đáng quý trọng nhưng khờ khạo, và bất cứ lúc nào ông nhận thấy tôi theo tấm gương của mẹ tôi với một vài đồng cắt thuộc sở hữu của mình, ông liền nhướn mày và kéo tôi sang một bên.

“Cháu có bao nhiêu tiền?” Ông hỏi.

Cháu đã sạch túi. “Ba mươi rupiah”.

“Có bao nhiêu kẻ ăn mày trên đường phố?”

Tôi cố hình dung con số đã xuất hiện ở nhà vào tuần trước. “Cháu thấy chưa?” ông nói, ngay khi đã hiểu ra tôi không còn nhớ đã đếm được bao nhiêu. “Tốt nhất là dành tiền và nhớ là đừng vung vãi trên đường phố”.

Ông ấy cũng có thái độ như thế đối với những người làm công. Họ phần lớn là những người trẻ tuổi ở làng quê vừa mới lên thành

phố, thường làm việc cho những gia đình vốn không khá gì lắm so với bản thân họ, gởi tiền về cho thân nhân của họ ở quê hoặc dành dụm đủ để mở doanh nghiệp riêng. Nếu họ có tham vọng, Lolo sẵn sàng giúp đỡ họ khởi sự công việc làm ăn riêng, và nói chung là ông thường bỏ qua cho những đặc tính riêng của họ: trong hơn một năm, ông thuê một thanh niên trẻ người thích ăn diện như một phụ nữ vào những ngày cuối tuần - Lolo thích cách nấu nướng của ông ta. Nhưng ông cũng sẵn sàng sa thải những người làm công không có thái độ hối hận nếu họ tỏ ra vụng về, hay quên hoặc gây tổn thất tiền bạc cho ông; và ông cũng trở nên lưỡng lự khi tôi hoặc mẹ cố bảo vệ họ khỏi sự phán xét của ông.

"Mẹ con có một trái tim dịu dàng", Lolo cho tôi biết một ngày sau khi mẹ tôi cố nhận lỗi về việc làm rơi chiếc radio từ chiếc bàn trang điểm. "Đó là một điều tốt đẹp ở người phụ nữ. Nhưng một ngày nào đó con sẽ là một người đàn ông, và một người đàn ông cần phải có sự suy xét đúng đắn hơn".

Điều đó chẳng liên quan gì đến sự xấu xa hay tốt đẹp, ông giải thích, cũng như thích hay không thích. Vấn đề là đặt cuộc sống vào trong những bản chất thật của nó.

Tôi cảm nhận một cú đấm mạnh vào hàm, và nhìn vào khuôn mặt đầm đìa mồ hôi của Lolo.

"Chú ý. Giữ tay cao lên".

Chúng tôi tiếp tục tập luyện trong nửa giờ nữa trước khi Lolo quyết định đã đến lúc phải nghỉ ngơi. Hai cánh tay tôi nóng ran; đầu tôi nảy dóm dóm với những cú đánh đều đều và chắc nịch. Chúng tôi lấy một chiếc vại đựng đầy nước và ngồi bên cạnh hồ cá sấu.

"Mệt không?" ông hỏi tôi.

Tôi ngồi xuống một cách nặng nề và hầu như không gật đầu nổi. Ông mỉm cười, và vén một ống quần lên để gãi vào bắp chân. Tôi nhận thấy một dãy dài những vết sẹo lồi chạy dọc từ mắt cá đến giữa ống quyển.

"Những cái gì kia vậy?"

“Vết đĩa cắn”, ông nói. “Từ lúc chú ở New Guinea. Chúng bò vào trong đôi ủng lính của chú trong lúc chú hành quân xuyên qua những vùng đầm lầy. Vào ban đêm, khi chú cởi tất ra, chúng vẫn còn bám vào đó, đẩy máu. Chú rắc muối lên và chúng chết nhưng chú phải dùng đến một con dao nóng để gỡ chúng ra”.

Tôi lướt ngón tay của mình trên một trong những đường rãnh hình oval. Nó nhẵn nhụi và trơn tru, không có lông và nơi đây da đã bị cháy xén. Tôi hỏi Lolo có đau không.

“Tất nhiên là đau chứ”, ông nói, nhấp một ngụm nước từ trong vại. “Đôi khi cháu không phải lo về sự đau đớn. Và đôi khi cháu chỉ lo về việc đến được nơi cháu cần đến”.

Chúng tôi trở nên im lặng và tôi trộm quan sát ông ấy. Tôi nhận ra rằng tôi chưa bao giờ nghe ông nói về những cảm xúc của mình. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông thật sự buồn bã hay giận dữ. Ông dường như định cư trong một thế giới với những bề mặt thô ráp và những tư tưởng đã được định rõ. Một ý niệm lạ lùng đột nhiên nảy sinh trong đầu tôi.

“Chú có bao giờ chứng kiến một người bị giết chưa?” Tôi hỏi ông ấy.

Ông nhìn xuống, ngạc nhiên trước câu hỏi tôi đặt ra.

“Có không?” Tôi hỏi lại.

“Có chứ”, ông trả lời.

“Có máu không?”

“Có”.

Tôi suy nghĩ trong chốc lát. “Tại sao người đàn ông bị giết? Người mà chú nhìn thấy đó?”

“Bởi vì ông ta yếu”.

“Chỉ có vậy thôi sao?”

Lolo nhún vai và đặt bàn chân bị ngứa xuống. “Thường như vậy cũng đủ rồi. Con người luôn lợi dụng những điểm yếu của kẻ khác. Họ cũng giống như những quốc gia theo hàm ý đó. Người mạnh sẽ cướp đất đai của kẻ yếu. Hắn sẽ buộc kẻ yếu làm việc trên những

nông trại của hắn. Nếu vợ của kẻ yếu đẹp, người mạnh sẽ chiếm đoạt". Ông dừng lại để nhấp một ngụm nước nữa, rồi hỏi, "Cháu muốn thuộc loại nào?"

Tôi không trả lời, và Lolo ngược mắt nhìn lên bầu trời. "Tốt hơn là kẻ mạnh", cuối cùng ông nói, bật đứng dậy. "Nếu cháu không thể là kẻ mạnh, hãy khôn ngoan và biết cách hòa giải với một người nào đó mạnh mẽ. Nhưng tốt nhất bản thân mình phải là kẻ mạnh. Luôn luôn là như vậy".

Mẹ tôi nhìn chúng tôi từ trong nhà, tựa người vào chồng giấy trên bàn làm việc của bà. Họ đang nói gì thế nhỉ? Bà tự hỏi. Có thể là chuyện bạo lực; nuốt dinh. Vui nhỉ, chuyện của đàn ông.

Bà cười to, rồi tự kiểm lại. Thật không công bằng. Bà thật sự cảm ơn về sự quan tâm lo lắng của Lolo đối với tôi. Ông đã không đối xử khác biệt với đứa con riêng của mình. Bà biết rằng bà đã gặp may với sự tốt bụng vốn có của Lolo. Bà đặt chồng giấy sang một bên và nhìn tôi hút đất. Nó lớn quá nhanh, bà nghĩ. Bà cố tưởng tượng ngày mà chúng tôi vừa mới đến đây, một người mẹ 24 tuổi với một đứa trẻ bé bỏng, đã sinh sống với một người đàn ông mà lai lịch, quốc tịch của ông ấy bà hầu như không biết rõ. Giờ đây bà đã nhận ra rằng lúc ấy bà biết rất ít và sự ngây ngô của bà đã hành trang cùng với hộ chiếu nước Mỹ của mình. Mọi thứ lẽ ra đã trở nên tồi tệ hơn. Tồi tệ hơn nhiều.

Bà nghĩ điều đó sẽ rất khó khăn, một cuộc sống mới của bà. Trước khi rời Hawaii, bà cố học tất cả những gì có thể về Indonesia: dân số, đứng thứ năm trên thế giới, với hàng trăm bộ tộc và bản ngữ; lịch sử của chủ nghĩa thực dân, trước hết là người Hà Lan trong hơn ba thế kỷ, rồi người Nhật trong suốt cuộc chiến tranh, dành quyền kiểm soát trên những khu dầu khổng lồ, kim loại và gỗ; cuộc đấu tranh giành độc lập sau chiến tranh và sự xuất hiện của một chiến sĩ đấu tranh vì tự do mang tên Sukarno như là vị tổng thống đầu tiên của đất nước. Gần đây Sukarno đã bị thay thế, nhưng tất cả các báo cáo đều cho rằng đó là một hành động phi thường không đổ máu, và dân tộc đang ủng hộ cho sự thay đổi này. Sukarno đã trở nên tồi tệ, họ nói; ông ấy là kẻ mị dân, cực quyền, quá thoải mái với những người Cộng sản.

Một đất nước nghèo nàn, kém phát triển, hoàn toàn xa lạ - bà biết nhiều về điều này. Bà sẵn sàng đối phó với bệnh lỵ và sốt, tắm nước lạnh và phải ngồi xổm trên một cái lỗ dưới đất để tiểu tiện, điện cúp sau một vài tuần, cái nóng và dày đặc muối. Không gì tốt hơn những sự bất tiện ấy, thật vậy, và bà trông khát khổ hơn là diện mạo thật của mình, khát khổ hơn ngay cả khi bà nhận biết chính mình là như vậy. Và dấu sao, đó là một phần của điều vốn đã kéo bà về với Lolo sau khi Barack bỏ đi, sự hứa hẹn một điều gì đó mới mẻ và quan trọng, giúp chồng bà tái thiết lại một đất nước ở một nơi đầy thách thức và biến động ngoài tầm với của bố mẹ bà.

Nhưng bà chưa chuẩn bị cho sự cô đơn. Đó là điều bất biến như khoảng ngắt của hơi thở. Chẳng có gì rõ ràng mà bà thật sự có thể hướng đến. Lolo đã đón tiếp bà một cách nồng nhiệt và chấp nhận mọi thứ để bà được tự nhiên như ở nhà, mang lại cho bà bất cứ những gì mà ông có thể đáp ứng. Gia đình ông đã đối xử với bà với sự tế nhị và rộng lượng, và với đứa con trai bà như là đứa con riêng của họ.

Song, một điều gì đó đã xảy ra giữa bà và Lolo vào năm mà họ chia tay. Ở Hawaii, ông ấy tràn đầy sức sống, rất hứng khởi với những kế hoạch của mình. Đêm xuống, khi họ một mình bên nhau, ông thường kể cho bà về sự trưởng thành trong suốt cuộc chiến tranh khi còn là một cậu bé, chứng kiến bố và người anh cả gia nhập vào đội quân giải phóng, nghe tin cả hai người đã thiệt mạng và mất mát mọi thứ, quân đội Hà Lan đã đốt nhà họ, họ bay về miền quê, mẹ của ông đã bán dần các trang sức bằng vàng của bà để đổi lấy thực phẩm. Mọi thứ giờ đây đang đổi thay khi người Hà Lan đã bị đánh đuổi, Lolo đã kể cho mẹ tôi nghe; ông sẽ trở về quê hương và dạy đại học, là một phần trong sự thay đổi đó.

Ông đã không nói về điều này nữa. Thực ra, có vẻ như ông không muốn nói với bà, chỉ khi cần thiết hoặc khi được đề cập đến, và thậm chí khi trách nhiệm phải cần đến, chuẩn bị tiết lộ bí mật hoặc chuẩn bị một chuyến viếng thăm một người bà con nào đó ở xa. Như thế ông rút lui vào một nơi ẩn khuất tối tăm nào đó, ngoài tầm với, mang theo ông một phần tươi sáng nhất của chính mình. Có những đêm, bà nhìn thấy ông đứng dậy sau khi mọi người khác đã đi ngủ, lang



thang khắp nhà với một chai whiskey nhập ngoại, áp ủ những bí mật của riêng mình. Những đêm khác, ông giấu một khẩu súng ngắn dưới gối nằm trước khi thiếp đi. Bất cứ lúc nào bà hỏi ông chuyện gì đã xảy ra, ông nhẹ nhàng khước từ và nói rằng ông chỉ cảm thấy mệt mỏi. Như thế ông đã lằm tằm vào những lời lẽ nào đó. Những lời lẽ, những quan điểm ẩn chứa.

Bà nghi ngờ những vấn đề này có liên quan đến công việc của Lolo. Ông làm việc cho quân đội với tư cách là một nhà địa chất, thăm dò đường sá và đường hầm lúc chúng tôi mới đặt chân đến. Một công việc cực kỳ chán nản và lương bổng cũng không đáng là bao; chiếc tủ lạnh không thời cũng mất hết hai tháng tiền lương. Và giờ đây thêm một người vợ và một cậu bé... không có gì lạ khi ông thường xuyên căng thẳng như vậy. Bà chủ trương rằng bà không đến đây để trở thành một gánh nặng. Bà sẽ tự gánh vác cuộc sống của chính mình.

Ngay lập tức bà đã tự tìm cho mình một công việc giảng dạy tiếng Anh cho các doanh nhân Indonesia tại Đại sứ quán Hoa Kỳ, một phần trong kế hoạch cứu trợ ngoại giao của Hoa Kỳ đối với những nước đang phát triển. Tiền bạc thì có nhưng không thể giải tỏa sự cô đơn của bà. Các doanh nhân Indonesia không quan tâm nhiều đến những chi tiết tế nhị của ngôn ngữ, và một số người có thái độ khiếm nhã với bà. Người Mỹ hầu hết là những người lớn tuổi, những người ham danh lợi ở Bộ Ngoại giao, nhà báo hay nhà kinh tế học phụ động, cùng một lúc họ biến mất một cách khó hiểu trong nhiều tháng trời, tư cách hoặc vai trò của họ trong đại sứ quán không bao giờ là rõ ràng cả. Một số ít trong họ là hình ảnh về người Mỹ xấu xí, có khuynh hướng giễu cợt về người Indonesia cho đến khi họ nhận ra rằng bà đã có gia đình, và rồi họ cố đánh lạc hướng - Đừng quá coi trọng Jim, anh ấy giận dữ rồi đấy, nhân tiện con trai của anh thế nào, thằng bé khỏe chứ.

Tuy vậy, đó là những người đàn ông hiểu về đất nước này hoặc dấu sao thì một phần trong đó, những vụ bê bối phải giấu giếm. Trong giờ ăn trưa hoặc qua các cuộc nói chuyện ngẫu nhiên họ thường chia sẻ với bà về những điều mà bà không thể hiểu được trong các bản tin tức được đăng tải. Họ giải thích việc Sukarno trở nên gay gắt kịch liệt với chính phủ Hoa Kỳ bởi cuộc hành quân của chủ nghĩa cộng sản

xuyên khắp Đông Dương đã thật sự là nỗi ám ảnh, điều mà với lối khoa trương chủ nghĩa dân tộc và chính kiến về sự không liên kết của ông - ông chẳng khác nào Lumumba hay Nasser, thậm chí còn tệ hơn, theo tầm quan trọng chiến lược của Indonesia. Vấn đề là CIA đã góp phần vào hành động phi thường này mặc dù không ai dám chắc cả. Một sự kiện chắc chắn hơn là quân đội đã càn quét khắp cả nước để truy tìm những người được coi là ủng hộ chủ nghĩa cộng sản. Danh sách người chết chỉ là sự đoán chừng của bất cứ ai: vài trăm ngàn người, có thể là nửa triệu. Ngay cả những gã thông minh của Tổ chức cũng không thể nhớ được là bao nhiêu.

Những lời bóng gió, những lời thì thầm to nhỏ; đó là lý do tại sao bà đã nhận ra được rằng chúng tôi đến Djakarta chưa đến một năm sau một trong những chiến dịch đàn áp tàn bạo và nhanh chóng ở thời hiện đại. Ý niệm đó đã đe dọa bà, ý niệm rằng lịch sử có thể bị nuốt chửng hoàn toàn, cũng giống như cách mà người giàu và đất đai trù phú có thể hấp thụ những con sông đầm máu vốn có lần đã chảy xuyên qua những con phố; cách mà con người có thể tiếp tục công việc làm ăn của họ phía dưới những áp phích lớn của vị tổng thống mới như thể chẳng có gì xảy ra, một quốc gia hồi hả để phát triển chính mình. Khi giới bạn bè của bà ở Indonesia ngày càng nhiều, một số ít trong họ sẵn sàng kể cho bà nghe những câu chuyện khác - về sự tham nhũng vốn tràn ngập khắp các cơ quan chính phủ, sự tống tiền của cảnh sát và quân đội, tất cả mọi lĩnh vực đều phải được cắt xét một phần cho gia đình tổng thống và đoàn tùy tùng của họ. Và với mỗi câu chuyện mới, bà thường gặp riêng Lolo và hỏi ông: "Có thật thế không?"

Ông không bao giờ trả lời. Bà càng hỏi chừng nào, ông càng trở nên kiên định trong sự thỉnh lặng vốn là bản chất tốt của ông. "Tại sao em lại lo lắng về những câu chuyện như vậy?" Ông hỏi bà. "Tại sao em không mua một chiếc áo mới để tham dự một buổi tiệc?" Cuối cùng bà cũng than phiền với một trong những bà con của Lolo, một bác sĩ khoa nhi người đã giúp chăm sóc Lolo trong suốt cuộc chiến tranh.

"Cô không hiểu đâu", Người bà con nói với bà một cách dịu dàng.

"Hiểu về chuyện gì?"

“Những hoàn cảnh về sự trở lại của Lolo. Anh ấy không có ý định quay trở về từ Hawaii sớm như vậy, cô biết đấy. Trong suốt cuộc thanh lọc, tất cả sinh viên du học ở nước ngoài đã bị triệu tập không một lời giải thích và hộ chiếu của họ đã bị thu hồi. Khi Lolo bước xuống máy bay, anh ấy không hề biết điều gì có thể xảy đến. Chúng tôi không thể gặp mặt anh ta; những sĩ quan quân đội đã mang anh ta đi và chất vấn. Họ báo anh ấy vừa mới được nhập ngũ và sẽ tập kết ở rừng rậm New Guinea trong một năm. Và anh ấy là một trong những người may mắn. Các sinh viên học ở những nước thuộc khối Đông Âu làm những điều còn tệ hơn nhiều. Phần lớn trong số họ vẫn còn bị giam giữ. Hoặc đã đào tẩu”.

“Cô không nên quá căng thẳng về Lolo”, người bà con lặp lại. “Những thời khắc đó đã qua rồi”.

Mẹ tôi rời khỏi ngôi nhà của người bà con trong sự sợ hãi. Bên ngoài, mặt trời lên cao, không khí đầy bụi cát, nhưng thay vì đón taxi về nhà, bà bắt đầu rảo bước mà không biết theo hướng nào. Bà thấy mình đang ở trong một khu vực giàu có nơi các viên tướng và các nhà ngoại giao sinh sống trong những căn nhà nằm ngổn ngang với những cánh cổng cao bằng sắt. Bà nhìn thấy một phụ nữ đi chân đất trong chiếc khăn choàng rách nát lang thang qua một cánh cổng mở và bước theo con đường dành cho xe vào nhà, nơi một nhóm đàn ông đang rửa những chiếc Mercedes - Benzes và Land Rovers. Một trong số họ quát đuổi người phụ nữ nhưng bà vẫn đứng đó, một cách tay xương xẩu chìa ra trước mặt bà, khuôn mặt bà được đậy kín trong một tấm màn che. Một người đàn ông khác cuối cùng thọc tay trong túi quần và rút ra một nắm bạc cất. Người phụ nữ chạy theo những đồng钞票 với một tốc độ khủng khiếp, kiểm tra con đường một cách khả nghi khi bà gom chúng lại trong ngực mình.

*Quyền lực.* Từ đó gắn chặt trong tâm trí mẹ tôi như một lời nguyện rửa. Ở Mỹ, nói chung nó được ẩn giấu khỏi tầm nhìn cho đến khi bạn đào sâu phía dưới bề mặt của những vấn đề; cho đến khi bạn viếng thăm vùng dành riêng cho người da đỏ hoặc nói chuyện với một người da đen mà sự tin cậy của anh ta bạn đã chiếm được. Nhưng quyền lực ở đây không nguy trang, không phân biệt, không che đậy,

luôn rạch ròi trong tâm trí. Quyền lực đã tóm lấy Lolo và kéo ông trở về với hàng ngũ ngay lúc mà ông cứ tưởng mình đã trốn thoát, khiến cho ông cảm thấy sức nặng của mình, để cho ông biết rằng cuộc đời ông không phải là của riêng ông. Đó là bản chất của mọi điều nơi đây; bạn không thể thay đổi được, bạn chỉ có thể sống theo những nguyên tắc, rất đơn giản ngay khi bạn đã học được chúng. Và chính vì lẽ đó Lolo đã tạo sự dung hòa với quyền lực, học sự khôn ngoan là biết cách lãng quên; cũng như người anh rể của ông đã từng làm, kiếm được hàng triệu đô la với tư cách là một viên chức cấp cao trong một công ty dầu mỏ quốc gia; cũng như một người anh trai khác đã cố để làm như vậy, chỉ khi ông ta suy tính sai lệch và lúc này đây buộc phải đi ăn cắp những mẫu đồ bạc bất cứ nơi đâu ông đến để sau này bán chúng đổi lấy những điều thuốc rời.

Mẹ tôi nhớ những gì Lolo đã nói ngay lúc sự tra hỏi dai dẳng của bà cuối cùng đã khiến cho ông không thể im lặng được nữa. "Tôi lỗi là một thứ xa xỉ mà chỉ có những người ngoại quốc mới có thể mua được", ông nói. "Giống như nói bất kỳ lời chỉ trích nào vào đầu em". Bà không biết sẽ như thế nào nếu mất tất cả, để rồi thức dậy và cảm nhận bao tử của mình đang tự nhai nó. Bà không biết con đường dẫn đến sự bảo đảm có thể đông đúc và nguy hiểm đến mức nào. Nếu không có sự tập trung tuyệt đối, bạn có thể dễ dàng trượt ngã, tụt về phía sau.

Đĩ nhiên ông ấy đúng. Bà là người ngoại quốc, thành phần trung lưu và được bảo vệ bởi gia hệ của mình dầu cho bà có muốn hay không. Bà có thể ra đi nếu mọi thứ trở nên quá hỗn loạn. Khả năng đó đã phủ nhận bất cứ điều gì bà có thể nói với Lolo; đó là rào cản không thể phá vỡ được giữa họ. Lúc này bà nhìn ra ngoài cửa sổ và nhìn thấy Lolo và tôi di chuyển trên bãi cỏ phẳng lì nơi hai chúng tôi đã từng đến. Cảnh tượng ấy khiến bà nhún vai một cách nhẹ nhàng, và bà đứng dậy, lòng tràn ngập một nỗi sợ hãi đột ngột.

Quyền lực sẽ bắt đi đứa con của bà.

Nhìn lại, tôi không chắc Lolo hoàn toàn hiểu được những gì mà mẹ tôi đang trải qua suốt những năm này, tại sao những điều mà ông ấy làm một cách cực nhọc để cung cấp cho bà dường như chỉ làm tăng

thêm khoảng cách giữa họ. Ông không phải là người đàn ông để đặt những câu hỏi đó cho chính mình. Thay vào đó, ông vẫn duy trì sự tập trung của mình, và qua giai đoạn mà chúng tôi sống ở Indonesia, ông ấy bắt đầu vươn lên. Với sự trợ giúp của người anh rể, ông có được một công việc mới trong văn phòng quan hệ chính phủ của một công ty dầu khí của Mỹ. Chúng tôi dọn đến một ngôi nhà nằm trong khu vực tốt hơn; một chiếc xe hơi thế chỗ cho chiếc xe máy; một chiếc TV và máy nghe nhạc hi-fi thế chỗ cho những con cá sấu và con khỉ Tata; Lolo có thể đăng ký những bữa ăn tối của chúng tôi tại một câu lạc bộ của công ty. Thành thạo tôi nghe lén ông ấy và mẹ tôi tranh luận trong phòng ngủ, thường là về việc bà ấy từ chối dự những bữa tiệc tối của công ty ông, nơi các doanh nhân Mỹ đến từ Texas và Louisiana vỗ vào lưng của Lolo và khoác lác về việc họ đút lót để có được quyền khoan dầu ngoài khơi, trong khi đó những người vợ của họ thì phàn nàn với mẹ tôi về chất lượng công việc của người Indonesia. Ông ấy nói thật khó coi nếu để ông đi một mình, và gợi lại cho bà biết rằng đây là những người của bà, và giọng của mẹ tôi phát ra thành một tiếng hét lớn.

Họ *không phải* là người của tôi.

Mặc dầu vậy, những cuộc tranh cãi như thế này không thường xảy ra; mẹ tôi và Lolo vẫn giữ quan hệ thân tình xuyên suốt thời gian em gái tôi được sinh ra, Maya, qua sự xa cách và cuối cùng là ly dị, cho đến lần cuối cùng tôi nhìn thấy Lolo, mười năm sau đó, khi mẹ tôi giúp ông ấy chuyển đến Los Angeles để trị bệnh gan, căn bệnh đã kết liễu cuộc đời ông ở tuổi năm mươi mốt. Mức độ căng thẳng mà tôi nhận thấy chủ yếu liên quan đến sự thay đổi dần dần trong thái độ của mẹ tôi đối với tôi. Bà luôn động viên về sự tiếp ứng nhanh của tôi ở Indonesia: nó đã khiến tôi trở nên khá tự mãn, dễ thỏa mãn với một ngân sách hạn hẹp, và cực kỳ nhả nhận khi so với những đứa trẻ Mỹ khác. Bà dạy tôi phải khinh rẻ sự trộn lẫn của ngu dốt và bướng bỉnh vốn thường xuyên là những đặc tính nổi bật của người Mỹ ở nước ngoài. Nhưng giờ bà đã hiểu rằng, cũng như Lolo đã hiểu, vực thăm vón đã ngăn cách những cơ hội sống của một người Mỹ với cơ hội sống của một người Indonesia. Bà biết rõ mình muốn con trai sẽ ở mặt nào trong sự ngăn cách đó. Bà khẳng định rằng mình là người Mỹ và cuộc sống thật của tôi phải thuộc ở một nơi khác.

Những nỗ lực tiên khởi của bà tập trung vào giáo dục. Không có tiền để gửi tôi đến trường Quốc tế, nơi hầu hết những đứa trẻ ngoại quốc ở Djakarta học ở đó, bà đã sắp xếp ngay từ lúc chúng tôi đến để bổ sung học bạ của tôi ở Indonesia cùng với những bài học từ một khóa học hàm thụ ở Hoa Kỳ.

Những nỗ lực của bà giờ đây được nhân lên gấp bội. Năm ngày một tuần, bà đến phòng tôi vào lúc bốn giờ mỗi buổi sáng, ép tôi dùng điểm tâm, và tiến hành dạy tiếng Anh cho tôi trong ba tiếng đồng hồ trước khi tôi đến trường còn bà thì đến công sở. Tôi tỏ sự chống đối dữ dội trước lịch biểu như thế này, nhưng để đáp trả trước mỗi chiến thuật tôi bày ra, đầu là không thuyết phục ("dạ dày con đau") hoặc một sự thật hiển nhiên (mắt tôi nhắm nghiền cứ sau năm phút), bà kiên nhẫn lặp lại cách tự vệ mạnh mẽ nhất của bà:

"Chẳng có phiền nhiễu gì cho con cả, nhóc à".

Rồi có những nỗi lo lắng định kỳ về sự an toàn của tôi, giọng nói đầy uy lực của bà ngoại. Tôi nhớ có lần trở về nhà sau khi trời đã sẩm tối và nhìn thấy một đám đông lớn những người láng giềng đang tìm kiếm được tụ tập trong sân trước nhà tôi. Mẹ tôi trông có vẻ không được vui nhưng bà trở nên khuây khỏa đến mức phải mất vài phút bà mới nhận ra chiếc vớ ướt đầm của tôi, biến thành màu nâu vì bùn, bao phủ xung quanh bắp tay tôi.

"Chuyện gì vậy?"

"Gì hả mẹ?"

"Nhìn kia. Tại sao con lại phủ chiếc vớ xung quanh bắp tay vậy?"

"Con bị cắt phải".

"Để mẹ xem".

"Cũng không đến nỗi nào".

"Barry. Hãy để mẹ xem nó".

Tôi tháo chiếc vớ ra, để lộ một vết thương dài chạy từ khuỷu tay đến cùi chỏ. Nó cách mạch máu khoảng một in-sơ, nhưng chạy sâu hơn vào tận cơ, nơi phần thịt màu hồng nhạt dao động dưới làn da. Hy vọng để trấn an mẹ, tôi giải thích những gì đã xảy ra: Một người bạn và tôi cùng

quá giang xe đi về trang trại của gia đình cậu ấy, và trời bắt đầu mưa, và trên trang trại là một nơi khủng khiếp có thể dẫn đến lũ bùn, và sợi dây thép gai dùng để đánh dấu vùng biên giới của trang trại, và...

“Lolo!”

Mẹ tôi phá lên cười ở chi tiết này khi bà kể câu chuyện dưới đây, nụ cười của một người mẹ tha thứ cho đứa con của mình vì những lỗi lầm đã qua. Nhưng giọng điệu của bà hơi thay đổi khi bà nhớ lại rằng Lolo đã đề nghị phải đợi đến sáng để đưa tôi đi khâu lại vết thương, và bà phải bắt nạt người láng giềng duy nhất của chúng tôi để lấy xe đưa chúng tôi đến bệnh viện. Bà nhớ rằng hầu hết điện đèn ở bệnh viện đã tắt hết khi chúng tôi đến, không có nhân viên tiếp tân nào cả; bà gọi lại âm thanh của những bước chân vội vã của bà vang vọng xuyên qua hành lang lối đi cho đến khi bà nhìn thấy hai người đàn ông trẻ trong chiếc quần ngắn của võ sĩ quyền anh đang chơi cờ domino trong một căn phòng nhỏ ở phía sau. Khi bà hỏi họ bác sĩ ở đâu, họ vui vẻ đáp lại “Chúng tôi là bác sĩ đây” và tiếp tục hoàn tất ván cờ trước khi mặc quần dài và cho tôi hai mươi mũi khâu để rồi phải mang lấy một vết sẹo xấu xí. Và qua tất cả những điều này là một sự cảm nhận thấm sâu trong tâm trí bà rằng cuộc sống của con bà có thể sẽ lâm nguy khi bà không để ý đến, khi mọi người xung quanh bà quá bận rộn cố tồn tại chỉ để biết rằng - khi việc đã xảy ra, bà sẽ nhận được nhiều sự đồng cảm nhưng không ai bên cạnh bà tin vào sự đấu tranh chống lại một nghịch cảnh đang đe dọa.

Lúc này tôi nhận thức được rằng đó là những vấn đề vốn không xác thực hơn là kết quả hoặc tập ở trường hay dịch vụ y tế vốn đã trở thành tiêu điểm trong các bài học bà dạy cho tôi. “Nếu con muốn trở thành một con người, con sẽ cần đến những giá trị”.

Tính chân thật - Lolo lẽ ra đã không cất giấu chiếc tủ lạnh trong nhà kho khi các viên chức thuế đến, thậm chí những người khác kể cả chính những viên chức thuế cũng sẽ như vậy. Sự công bằng - phụ huynh của những học sinh giàu có không nên biếu tặng máy vô tuyến cho những giáo viên trong suốt lễ Ramadan, và con cái họ không thể tự hào vào số điểm cao mà họ có thể nhận được. Nói thẳng - Nếu con không thích chiếc áo mà mẹ đã mua cho con nhân

ngày sinh nhật thì con cũng nên nói ra thay vì phải dùng nó để lót dưới chân tủ. Sự quyết đoán độc lập - chỉ vì những đứa trẻ khác trên chóc một cậu bé nghèo vì mái tóc mới cắt của nó không có nghĩa là con cũng phải làm như vậy.

Điều đó như thể xa vời với sự tự mãn và đạo đức giả mà sự thân thuộc quá mức đã phơi bày, bởi việc du lịch nửa vòng trái đất, mẹ tôi có thể bày tỏ những phẩm chất quá khứ của bà ở miền trung tây và biểu lộ chúng dưới hình thức đã được tinh lọc. Vấn đề là bà có sự khích lệ; bất cứ khi nào bà gặp riêng tôi về lời bình luận như vậy, tôi gật đầu tán thành một cách nghiêm túc, song bà hẳn đã biết rằng hầu hết những ý kiến của bà dường như thiếu thực tế. Lolo chỉ giải thích về sự nghèo đói, nạn tham nhũng, sự giành giật để có được sự bảo đảm; ông đã không tạo ra nó. Tất cả điều đó vẫn ở xung quanh tôi và là mầm mống của sự hoài nghi triền miên. Sự tự tin của mẹ tôi vào đức hạnh phụ thuộc vào một tín ngưỡng mà tôi không có, một tín ngưỡng mà bà không coi như là tôn giáo; thực ra việc trải nghiệm mách bảo bà chính là sự xúc phạm thần thánh: một tín ngưỡng mà những người có lý trí có thể định hình vận mệnh riêng của chúng. Ở một vùng đất nơi thuyết định mệnh vẫn là một công cụ cần thiết để chịu đựng sự khắc nghiệt, nơi những sự thật tất yếu được giữ tách biệt với những hiện thực diễn ra hàng ngày, bà là nhân chứng đơn độc cho chủ nghĩa nhân đạo thể tục, một chiến sĩ cho Thỏa ước Mới, Những Tổ chức Hòa bình, chủ nghĩa tự do.

Bà chỉ có một đồng minh duy nhất trong tất cả điều này, đó là quyền lực có vẻ như không chắc chắn của cha tôi. Bà thường gọi cho tôi về lai lịch của ông, ông đã trưởng thành như thế nào trong một quốc gia và châu lục nghèo nàn; cuộc đời của ông cay đắng như thế nào, cay đắng như bất cứ những gì mà Lolo có thể đã biết. Ông không đi tất cũng không đi sâu và tất cả các khía cạnh. Ông siêng năng và thật thà dẫu cho có tổn thất bất cứ điều gì. Ông đã sống một cuộc sống tuân theo những nguyên tắc vốn đòi hỏi một kiểu cay nghiệt khác hẳn, những nguyên tắc hứa hẹn một hình thức quyền lực cao hơn. Tôi noi theo gương ông, mẹ tôi muốn như vậy. Tôi không có sự lựa chọn. Nó ở trong gen.



“Con giống mẹ ở đôi chân mày này... chân mày của cha con cũng nhỏ nhắn mảnh mai như thế này không sếch cao lắm. Nhưng bộ não của con, tính cách của con, con thừa hưởng từ ông ấy”.

Thông điệp của bà nói chung như ôm chầm lấy những người da đen. Bà trở về nhà với những cuốn sách về phong trào nhân quyền, những đĩa nhạc của Mahalia Jackson, những bài diễn thuyết của Dr.King. Khi bà kể cho tôi nghe những câu chuyện về các học sinh ở miền Nam bị ép buộc phải đọc những cuốn sách truyền lại từ các trường học của người da trắng giàu có nhưng chúng lại trở thành những luật sư, bác sĩ và khoa học gia, tôi cảm thấy bị chế ngự bởi sự lưỡng lự thúc dẩy và học vào mỗi buổi sáng. Nếu tôi kể cho bà nghe về những cuộc biểu tình diễu hành chân ngỗng mà nhóm hướng đạo sinh của tôi ở Indonesia tổ chức phía trước dinh tổng thống, có thể bà sẽ đề cập đến một kiểu diễu hành khác, một kiểu diễu hành của những đứa trẻ không lớn hơn tôi, một cuộc diễu hành vì tự do. Mỗi một người đàn ông da đen là Thurgood Marshall hoặc Sidney Poitier; mỗi một người phụ nữ da đen là Fannie Lou Hamer hoặc Lena Horne. Người da đen là người thừa hưởng một gia sản to lớn, một định mệnh đặc biệt, những gánh nặng vinh quang mà chỉ chúng ta mới đủ mạnh để mang lấy.

Những gánh nặng chúng ta mang cùng với nét đặc trưng riêng. Nhiều lần mẹ tôi đã chỉ ra: “Harry Belafonte là người đàn ông đẹp nhất hành tinh này”.

Chính trong ngữ cảnh này mà tôi đã tình cờ thấy được bức ảnh về người đàn ông da đen trong tạp chí *Life*, người đã cố lột da của mình. Thỉnh thoảng tôi tưởng tượng đến những đứa trẻ da đen khác cũng trải qua những khoảnh khắc như vậy. Có thể điều đó rồi cũng sẽ đến trong nay mai cho hầu hết chúng nó - sự cảnh báo của bố mẹ không vượt qua ranh giới của khu vực đặc biệt nào đó, hoặc sự tuyệt vọng vì không có được mái tóc như Barbie cho dù bạn tháo rời và chải bóng mượt như thế nào chẳng nữa, hoặc câu chuyện về việc một ông chủ hoặc một viên cảnh sát lãng mạ một ông bố hoặc ông nội, đã bị nghe lén trong lúc họ tưởng như đã ngủ. Chỉ một liều lượng nhỏ cũng rất dễ dàng để một đứa trẻ đón nhận một tin xấu, bất chấp hệ thống tự vệ được củng

cố - mặc dù tôi nghi ngờ mình là một trong những người may mắn hơn, được ban tặng một tuổi thơ không có sự hoài nghi.

Tôi biết rằng việc xem bài báo đó là bạo lực cho tôi, một cuộc tấn công du kích. Mẹ tôi cảnh báo với tôi về những người tin tưởng mù quáng - họ là những người ngu dốt, thiếu giáo dục mà con nên tránh. Nếu tôi không thể xem xét bản chất phải chết của con người trong tôi, Lolo đã giúp tôi hiểu được tiềm năng của những căn bệnh dẫn đến què quặt, những tai nạn dẫn đến thương tật, và những số phận đi đến suy sụp. Tôi có thể nhận ra một cách chính xác lòng tham hoặc sự tàn ác ở những người khác, và đôi khi ngay trong bản thân tôi. Nhưng một bức ảnh đã cho tôi biết một điều gì đó khác: rằng có một kẻ thù ẩn khuất đâu đó, nó có thể chộp lấy tôi mà không ai biết cả, ngay cả chính bản thân tôi. Khi tôi về nhà vào tối hôm đó từ thư viện của đại sứ quán, tôi bước vào phòng tắm và đứng trước gương với tất cả giác quan và tứ chi dường như còn nguyên vẹn, trông như chính tôi mọi khi, và tự hỏi không biết có điều gì bất ổn xảy đến với tôi. Sự lựa chọn đó thật đáng hải hùng - rằng người lớn xung quanh tôi sống trong sự điên loạn.

Cơn sợ hãi lúc đầu đã qua và tôi tiêu khiển một năm còn lại ở Indonesia như tôi đã từng trước đây. Tôi giữ lại một niềm tin vốn không bao giờ được coi là chính đáng và một tài năng mãnh liệt trước những nghịch cảnh. Nhưng tầm nhìn của tôi đã thay đổi vĩnh viễn. Trong các chương trình truyền hình được phát vào các buổi tối, tôi bắt đầu nhận thấy Cosby không bao giờ ve vãn cô gái trong vở "*I Spy*" và người đàn ông da đen trong *Nhiệm vụ bất khả thi* tiêu khiển toàn bộ thời gian của mình ở dưới mặt đất. Tôi nhận thấy chẳng có ai giống tôi trong catalog Giáng Sinh của Sears, Roebuck mà Toot và Gramps đã gửi cho chúng tôi, và ông già Noel là một người da trắng.

Tôi giữ tất cả những điều nhận thấy này cho riêng mình, quyết định rằng hoặc mẹ tôi không nhìn thấy chúng hoặc bà đang cố bảo vệ tôi và tôi không nên coi những nỗ lực của bà đã thất bại. Tôi vẫn trông cậy vào tình yêu của mẹ tôi - nhưng lúc này tôi đối mặt với triển vọng rằng việc thuật lại của bà về thế giới và vị trí của cha tôi trong đó, một cách nào đó vẫn chưa hoàn hảo.

## Chương ba

Tôi phải mất một hồi lâu mới nhận ra họ trong đám đông. Khi những cánh cửa trượt bắt đầu mở ra, tất cả những gì tôi có thể nhận thấy là sự xuất hiện lơ mơ của những khuôn mặt mỉm cười nồn nóng nghiêng người trên thành lan can. Cuối cùng, tôi nhận ra một người đàn ông cao, tóc điểm bạc đang hướng về cuối đám đông cùng với một phụ nữ thấp người, trông có vẻ nghiêm nghị bên cạnh ông. Hai người đó bắt đầu vẫy tay chào theo hướng của tôi, nhưng trước khi tôi có thể chào lại thì họ đã mất hút phía sau lớp kính mờ.

Tôi nhìn về phía đầu dãy người đang xếp hàng, nơi một gia đình Trung Quốc hình như đang mắc phải một số vấn đề với các viên chức hải quan. Họ trông có vẻ tươi vui trong suốt chuyến bay từ Hồng Kông, ông bố thì cởi giày và đi bộ lên xuống giữa lối đi, những đứa trẻ trèo qua những chiếc ghế, bà mẹ và bà ngoại thì thu dọn chăn gối và tán gẫu với nhau không dứt. Lúc này cả gia đình đang đứng hoàn toàn bất động, cố để tự giải thoát mình, mắt lạng lẹ dõi theo những bàn tay lật qua những trang hộ chiếu và hành lý với sự trầm tĩnh đầy hăm dọa. Người cha làm cho tôi nhớ về Lolo, và tôi nhìn xuống chiếc mặt nạ bằng gỗ mà tôi đang cầm trong tay. Đó là một món quà từ viên trợ lý phi công, một người bạn của mẹ tôi, người đã dẫn tôi

đi khi bà và Lolo và em gái mới sinh của tôi, Maya đứng ở cổng. Tôi nhắm mắt lại và ép chiếc mặt nạ vào mặt mình. Gỗ có mùi hạt phi và quế, và tôi tự cảm nhận mình đang trôi dạt về phía sau băng qua đại dương và trên các tầng mây, vào chân trời tím ngắt, về lại nơi mà tôi một lần đã ở...

Một ai đó la to tên của tôi. Chiếc mặt nạ rơi xuống sang một bên và cùng với nó là sự mơ mộng của tôi, và tôi đã nhìn thấy ông bà ngoại đang đứng đó, lúc ấy đang vẫy tay một cách điên cuồng. Tôi vẫy lại; và rồi không cần phải nghĩ ngợi gì, tôi lại đưa chiếc mặt nạ lên mặt, lắc lư cái đầu trong điệu múa hơi kỳ lạ. Ông bà ngoại cười to và chỉ vào tôi và tiếp tục vẫy tay cho đến khi anh nhân viên hải quan vỗ nhẹ vào lưng tôi và hỏi có phải tôi là người Mỹ không. Tôi gật đầu và trao cho ông ta hộ chiếu của mình.

"Người tiếp theo", ông ta nói, và báo gia đình người Hoa đứng sang một bên. Những cánh cửa trượt đóng lại phía sau tôi. Toot ôm chầm lấy tôi và choàng xung quanh cổ tôi những vòng kẹo và sing gum. Gramps đặt cánh tay lên vai tôi và nói với tôi rằng chiếc mặt nạ là một sự cải tiến hoàn hảo. Họ đưa tôi đến chiếc xe mới mà họ mới mua, và ông ngoại chỉ cho tôi cách vận hành hệ thống điều hòa. Chúng tôi đi dọc theo xa lộ, băng qua những nhà hàng thức ăn nhanh và những khách sạn hạng thường, những bãi đậu xe cũ được trang hoàng bởi những tràng hoa trang trí. Tôi kể cho ông bà nghe về chuyến đi và mọi người ở Djakarta. Gramps cho tôi biết những gì họ dự định cho buổi ăn tối mừng tôi trở về. Toot đề nghị tôi phải cần quần áo mới để đi học.

Thế rồi, đột nhiên, cuộc nói chuyện dừng lại. Tôi nhận ra mình đã sống với những người lạ.

Sự sắp xếp này có vẻ cũng không tệ lắm khi lần đầu mẹ tôi giải thích điều đó cho tôi. Đã đến lúc tôi phải học ở trường Mỹ, mẹ tôi nói; tôi đã học qua tất cả những bài học trong chương trình hàm thụ của mình. Mẹ nói rằng bà sẽ cùng với Maya sớm gặp lại tôi ở Hawaii - chậm nhất cũng chỉ một năm - và bà sẽ cố có mặt ở Mỹ trong dịp Giáng sinh. Bà gọi lại cho tôi về những khoảnh khắc tuyệt vời mà tôi có được khi sống cùng với Gramps và Toot mùa hè trước - kem lạnh,

phim hoạt hình và những ngày ở bãi biển. “Và con sẽ không phải thức dậy vào lúc bốn giờ vào mỗi buổi sáng”, bà nói, một điều mà tôi thấy cuốn hút nhất.

Lúc này, khi tôi bắt đầu thích nghi với lần ở lại đây mãi mãi và nhìn ông bà sau hàng loạt những hoạch định của cuộc sống, và tôi đã nhận ra ông bà đã thay đổi quá nhiều. Sau khi mẹ tôi và tôi rời Hawaii, họ đã bán ngôi nhà rộng và lớn gần trường đại học, và lúc này họ thuê một căn hộ nhỏ, hai phòng ngủ trong khu vực nhà chọc trời ở phố Beretania. Gramps đã bỏ nghề kinh doanh nội thất để trở thành một đại lý bảo hiểm, nhưng khi ông không thể tự thuyết phục mình rằng người ta cần cái mà ông bán và nhạy cảm với sự từ chối, thế là công việc tiến triển một cách tồi tệ. Mỗi buổi tối Chủ nhật, tôi nhìn thấy ông ngày càng trở nên cáu kỉnh khi ông tập hợp tài liệu và bật TV phía trước ghế ngồi, cố để tâm trí được cuốn hút theo mọi sự xao lãng có thể, cho đến khi ông đuổi tất cả chúng tôi ra khỏi phòng khách và dùng điện thoại sắp xếp những cuộc hẹn với những khách hàng tiềm năng. Thỉnh thoảng tôi đi khê xuống nhà bếp để làm một ly xô đa, và tôi có thể nghe sự thất vọng toát ra từ giọng của ông, một khoảng yên lặng kéo dài sau đó khi những người ở đầu dây bên kia giải thích tại sao thứ Năm không tốt và thứ Ba cũng chẳng hợp lý gì cho lắm, và sau đó là tiếng thở dài nặng nề của ông ngoại sau khi ông gác máy, hai bàn tay ông dò dẫm qua các tập tài liệu trên đùi ông giống như tay của một người chơi bài trong tình trạng bất lợi.

Cuối cùng, một vài người động lòng thương, nổi đau đã trôi qua, và Gramps lang thang vào phòng tôi và kể cho tôi nghe những câu chuyện về thời niên thiếu của ông hoặc là một mẫu chuyện vui mà ông đọc trong tạp chí *Reader's Digest*. Nếu những cuộc gọi của ông tiến triển tốt đẹp vào đêm đó, hẳn là ông đã thảo luận với tôi về một kế hoạch gì đó mà ông vẫn còn nuôi dưỡng - tập thơ mà ông bắt đầu viết, một bản phát thảo sớm sẽ thành một bức họa, những bản vẽ mặt bằng cho ngôi nhà lý tưởng của ông, hoàn thiện với những tiện nghi của những nút nhấn và một vườn cây cảnh bậc thang. Tôi nhận thấy rằng kế hoạch càng táo bạo chừng nào thì khả năng hiện thực hóa càng xa vời, nhưng trong chúng tôi nhận thấy ở ông một sự nhiệt thành nào đó, và tôi thường cố nghĩ ra những câu hỏi khích lệ

vốn có thể duy trì tâm trạng phấn chấn của ông. Rồi, ở một nơi nào đó trong lúc ông đang thuyết trình, cả hai chúng tôi nhận thấy Toot đang đứng ở hành lang ngoài phòng tôi, đầu bà nghiêng sang một bên trong sự buột tội.

“Bà muốn gì Madelyn?”

“Ông đã hoàn tất những cuộc gọi của ông chưa?”

“Vâng, Madelyn. Tôi đã hoàn tất các cuộc gọi. Vào lúc mười giờ tối”.

“Không cần phải la to Stanley à. Tôi chỉ muốn biết là có thể vào nhà bếp được không”.

“Tôi đâu có la! Lay Chúa, tôi không hiểu tại sao -” Nhưng trước khi ông hoàn thành, Toot phải rút lui vào phòng ngủ của họ, và Gramps rời phòng tôi với nét mặt buồn bã và tức tối.

Những cuộc đối thoại như vậy trở nên quen thuộc với tôi, bởi vì những cuộc tranh luận của ông bà ngoại tôi theo sau một vết xe cũ, vết xe bắt nguồn từ một thực tế hiếm khi được đề cập đến đó là Toot kiếm được nhiều tiền hơn Gramps. Bà luôn tỏ ra là người tiên phong, phó chủ tịch nữ đầu tiên của một ngân hàng địa phương, và mặc dù Gramps thích nói rằng ông luôn động viên bà trong sự nghiệp, nhưng chính công việc của bà trở thành căn nguyên của sự khéo léo và cay đắng giữa họ bởi khoản hoa hồng ông lãnh được không thể chi trả cho tất cả các hóa đơn trong gia đình.

Không phải là Toot đã biết trước sự thành công của mình. Không có bằng cấp cao đẳng, bà đã khởi sự công việc với tư cách là một nhân viên thư ký để giúp chi trả những khoản chi phí cho sự sinh nở không mong muốn của tôi. Nhưng bà có một đầu óc nhanh nhẹn và sự suy xét logic và khả năng tạo ra công việc liên tục. Bà đã thăng tiến dần dần, làm việc theo những nguyên tắc, cho đến khi bà đạt đến một ngưỡng cửa nơi đó năng lực vẫn chưa đủ. Bà dừng tại đây trong hai mươi năm, chắc chắn là không còn cơ hội nào khác, nhìn những cộng sự nam giới của mình tiếp tục bước lên những bậc thang của công ty, chơi trò trao đổi thông tin với nhau từ lỗ golf thứ chín đến nhà câu lạc bộ, trở thành những người đàn ông giàu có.

Nhiều lần mẹ tôi thường bảo với Toot rằng ngân hàng không nên áp dụng kiểu phân biệt đối xử nam nữ như vậy. Nhưng Toot chỉ gạt phăng những lời nhận xét của mẹ tôi, nói rằng mọi người có thể tìm ra một lý do để phân nân về một điều gì đó. Toot thì không như vậy. Mỗi buổi sáng bà thức dậy vào lúc năm giờ và thay bộ đầm rộng vai mà bà thường mặc trong nhà sang bộ vest lịch lãm với đôi giày cao gót. Mặt bà được đánh phấn, hông cài thắt lưng, mái tóc thưa thớt được dọn thêm, bà bước lên chiếc xe buýt khởi hành lúc sáu giờ ba mươi để đến công sở sớm hơn bất kỳ ai khác. Thỉnh thoảng bà thừa nhận một sự tự hào bất đắc dĩ trong công việc của mình và cảm thấy vui sướng khi kể cho chúng tôi nghe câu chuyện bên trong đằng sau bản tin tài chính trong nước. Dầu vậy, khi tôi lớn lên, bà thường tâm sự với tôi rằng bà không bao giờ ngừng mơ ước về một căn nhà nhỏ với một hàng rào màu trắng, tiêu khiển những ngày dài vào công việc nướng bánh hoặc chơi bài brit hoặc tình nguyện làm việc không công cho một thư viện ở địa phương. Tôi lấy làm ngạc nhiên về điều này, bởi vì bà hiếm khi đề cập đến sự hy vọng hay nuôi tiếc. Có thể bà mong đến một lịch sử khác mà bà tưởng tượng ra cho chính mình, nhưng tôi hiểu rằng sự nghiệp của bà đã trải qua một khoảng thời gian khi công việc của một người vợ ngoài xã hội chẳng có gì để đáng phải tự hào cả, cho chính bà cũng như cho Gramps - đó chỉ là những năm tháng mất mát và những hứa hẹn tan vỡ. Điều mà Toot tin là tiếp tục bước đi là những nhu cầu của những đứa cháu và sự chịu đựng của ông bà tổ tiên.

“Miễn là các cháu nên người, Bar à”, bà thường nói như vậy “đó mới thật sự là vấn đề”.

Đó là cách mà ông bà tôi đã sống. Họ vẫn chuẩn bị món sashimi để đãi những vị khách mà giờ đây đã là những vị khách không thường xuyên đến căn hộ của họ. Gramps vẫn mặc những chiếc áo sơ mi Hawaii để đến công sở, và Toot vẫn nặng nề phải được gọi là Toot. Nếu không thì những tham vọng mà họ mang theo đến Hawaii đã từ từ tan biến cho đến khi sự đơn điệu - những kế hoạch, trò tiêu khiển và thời tiết - đã trở thành niềm an ủi duy nhất của họ. Họ thỉnh thoảng cầu nhàu về làm thế nào mà người Nhật chiếm đóng các hòn đảo, làm thế nào người Trung Quốc kiểm soát được tài chính của hòn đảo. Trong các phiên xử vụ Watergate, mẹ tôi thường khai thác thông

tin từ những người đã từng bỏ phiếu cho Nixon, một ứng cử viên luật và trật tự, vào năm 1968. Chúng tôi không còn đi biển hay dã ngoại cùng nhau nữa; vào buổi tối, Gramps xem truyền hình trong khi Toot ngồi trong phòng đọc về những bí ẩn của các vụ ám sát. Sự phấn khích chính của họ lúc này đến từ những tấm rèm mới hoặc là chiếc tủ lạnh tự động. Điều đó như thể họ đã bỏ qua sự thỏa mãn vốn có ở tuổi trung niên, sự hội tụ về tính thuần thực với thời gian còn lại, sức lực với tiền bạc, một sự công nhận về thành quả vốn sẽ giải thoát cho tâm hồn. Vào khoảng thời gian mà tôi vắng mặt, họ quyết định cắt giảm chi tiêu và chấp nhận đợi chờ. Họ không nhìn thấy tiêu đích nào để hy vọng cả.

Khi mùa hè đến gần, tôi càng lúc càng thấy tất bật để bắt đầu cho việc học hành. Mối quan tâm chính của tôi là tìm kiếm những người bạn cùng tuổi tôi; nhưng đối với ông bà ngoại tôi, việc tôi nhập vào học ở Học viện Punahou báo trước một sự khởi đầu của điều gì đó lớn lao, một sự đi lên về thân thế gia đình mà họ đã chấp nhận đau đớn để cho mọi người biết. Được khởi sự bởi những người truyền giáo vào năm 1841, Punahou đã trở thành một trường dự bị đại học uy tín, một nơi dành cho những người quyền thế nhất trên đảo. Danh tiếng của nó đã làm lay động mẹ tôi trong quyết định của bà gởi tôi trở về Mỹ: Không dễ gì đưa được nó vào đâu, ông bà ngoại tôi nói với mẹ; có một danh sách đợi dài ngoằn, và tôi được coi là trường hợp duy nhất nhờ sự can thiệp từ ông sếp của Gramps, người nguyên là nam sinh của trường này (trải nghiệm đầu tiên của tôi về sự ưu ái này, dường như, nó có liên quan ít nhiều đến chủng tộc).

Tôi đã trải qua vài cuộc phỏng vấn với giám thị của trường Punahou mùa hè trước. Bà là một phụ nữ nhanh nhẹn và rất hiệu quả người không hề cảm thấy phiền hà khi tra hỏi tôi về những mục tiêu nghề nghiệp ngay khi chân tôi vừa mới chạm đến sàn nhà. Sau cuộc phỏng vấn, người phụ nữ đã đưa Gramps và tôi đi tham quan khu vực trường, một khu vực trải trên những vùng đất xanh tươi rộng đến vài mẫu Anh và những gốc cây tỏa bóng mát, những lớp học bằng gạch ngói đã cũ và những kết cấu hiện đại của thép và kính. Có sân tennis, hồ bơi và phòng chụp ảnh. Đến một lúc nào đó khi chúng tôi tụt phía sau người hướng dẫn, Gramps chộp lấy cánh tay tôi.



“Quý thật, Bar à”, ông thì thầm, “đây không phải trường học. Đây là thiên đường. Cháu có thể để ta cùng trở lại trường với cháu chứ”.

Thông báo nhập học của tôi là một gói thông tin dày cộm mà Toot đã cất kỹ để nghiền ngẫm suốt một buổi chiều Chủ nhật. “Chào mừng đã đến với gia đình Punahou”, bức thư ghi. Một chiếc tủ có khóa được giao cho tôi; tôi được ghi tên vào danh sách có phần ăn trừ khi một chiếc hộp được kiểm tra; có một danh sách những thứ phải mua - một bộ đồng phục, kéo, thước, hai cây bút chì, một máy tính (tùy chọn). Gramps tiêu khiển cả buổi tối đọc toàn bộ catalog của trường, một tập sách dày liệt kê một chuỗi những tiến triển được mong chờ của tôi xuyên suốt bảy năm tới - những khóa học dự bị đại học, các hoạt động ngoại khóa, những truyền thống nổi trội bao quát. Với mỗi một mục mới, Gramps trở nên sôi nổi hẳn lên; vài lần ông bật đứng dậy, dùng ngón tay cái giữ lại chi tiết mình đang xem, bước về phía phòng nơi Toot đang đọc sách, giọng ông đầy sự phấn khích: “Madelyn, xem cái này nè!”

Một sự tuôn trào hứng khởi lớn lao về việc Gramps đã sát cánh cùng tôi vào ngày học đầu tiên của tôi ở ngôi trường này. Ông nâng nấc rằng chúng tôi phải đến sớm, và Castle Hall, tòa nhà dành cho học sinh lớp năm và lớp sáu, vẫn chưa mở cửa. Một nhóm trẻ nhỏ đã đến rồi, bận rộn giành nhau đọc bản tin mùa hè. Chúng tôi ngồi bên cạnh một cậu bé người Hoa nó mang một vòng kẹp răng lớn được buộc xung quanh cổ nó.

“Chào cháu”, Gramps nói với cậu bé. “Đây là Barry. Ta là ông ngoại của Barry. Cháu có thể gọi ta là Gramps”. Ông bắt tay cậu bé, tên nó là Frederick. “Bạn mới của Barry”.

“Tôi cũng vậy”, Frederick nói, và cả hai bắt đầu một cuộc nói chuyện sôi nổi. Tôi ngồi, lúng túng, cho đến khi những cánh cửa cuối cùng đã mở và chúng tôi bước lên bậc cầu thang vào lớp học của mình. Ở cánh cửa ra vào, Gramps vỗ vào lưng của hai chúng tôi.

“Đừng làm bất cứ điều gì mà ta làm nhé”, ông nói với một nụ cười rộng xé mang tai.

“Ông ngoại của bạn vui tính quá”, Frederick nói khi chúng tôi quan sát Gramps tự giới thiệu mình với cô Hefty, giáo viên chủ nhiệm của chúng tôi.

“Vâng”.

Chúng tôi ngồi ở bàn cùng với bốn đứa trẻ khác, và cô Hefty, một phụ nữ trung niên mạnh mẽ với mái tóc ngắn đã điểm bạc, cùng tham dự. Khi bà đọc tên đầy đủ của tôi, tôi nghe tiếng cười khúc khích vang lên khắp phòng. Frederick nghiêng người về phía tôi.

“Tôi tưởng tên của bạn là Barry”.

“Cháu có thích chúng tôi gọi cháu là Barry không?” cô Hefty hỏi.

“Barack là một cái tên đẹp. Ông ngoại cháu đã cho cô biết rằng cha cháu là người Kenya. Cháu biết đấy, cô từng sống ở Kenya. Dạy cho những đứa trẻ độ tuổi cháu đấy. Đó là một đất nước xinh đẹp. Cháu có biết cha cháu thuộc bộ tộc nào không?”

Câu hỏi của cô càng khiến tiếng cười lớn hơn, và tôi hầu như cảm lạnh trong chốc lát. Cuối cùng khi tôi phát ra “Luo”, một cậu bé có mái tóc hung đỏ phía sau tôi lập lại từ đó bằng một tiếng huýt lớn, nghe như âm thanh của một con khỉ. Những đứa trẻ không thể dằn lòng được nữa, và cô Hefty phải đưa ra lời khiển trách nghiêm khắc trước khi lớp học đi vào ổn định và chúng tôi có thể tiếp tục người tiếp theo trong danh sách.

Tôi tiêu khiển thời gian còn lại trong ngày với sự sống sờ. Một cô gái có mái tóc hoe đỏ muốn chạm vào tóc tôi và dường như bị tổn thương khi tôi từ chối. Một thằng bé với khuôn mặt hồng hào hỏi tôi rằng ba tôi có ăn thịt người không. Khi tôi về nhà, Gramps đang chuẩn bị bữa tối.

“Sao, thế nào hả cháu? Không tuyệt vời lắm sao khi cô Hefty đã từng sống ở Kenya? Bà ấy muốn ngày đầu tiên được thoải mái một tí, ta cược là như vậy”.

Tôi đi vào phòng và đóng cửa lại.

Sự kỳ lạ vì tôi hiện diện trong lớp đã nhanh chóng trôi qua, mặc dù tôi cảm nhận rằng tôi không thuộc ở đây. Quần áo mà Gramps và

tôi đã chọn là quá lỗi thời, đôi sandal Indonesia vốn rất hợp với tôi ở Djakarta thì lại quá tồi tàn ở đây. Hầu hết những bạn học của tôi đã kẻ cạ bên nhau từ thời còn học mẫu giáo; chúng sống trong cùng một xóm, trong những ngôi nhà xây theo tầng với cả hồ bơi; bố chúng huấn luyện những đội bóng bầu dục Little League còn mẹ chúng thì tài trợ bánh nướng. Không ai chơi bóng đá, cầu lông hay cờ cá, và tôi chẳng biết cách ném một quả bóng theo hình tròn ốc hoặc giữ thăng bằng trên tấm ván có bánh xe trượt.

Cơn ác mộng của một cậu bé mười tuổi. Song, với nỗi lo lắng trong suốt tháng đầu tiên, tôi cũng không đến nỗi tệ hại như những đứa trẻ khác, những đứa vốn bị liệt vào loại không phù hợp - những cô gái quá cao hoặc quá hồ thẹn, thằng bé - người tỏ ra khá hoạt bát, những đứa khác thì bệnh hen suyễn của chúng là cơ để chúng khỏi phải tham gia giờ thể dục.

Có một đứa trẻ khác trong lớp của tôi, nó gọi lại cho tôi về một nỗi đau khác. Tên nó là Coretta, và trước khi tôi đến đây cô ấy là người da màu duy nhất trong lớp của chúng tôi. Cô ấy đen và phúng phính và dường như không có nhiều bạn. Ngay từ ngày đầu tiên, chúng tôi tránh mặt nhau nhưng thường quan sát nhau từ đằng xa, như thể việc gặp gỡ trực tiếp cũng chỉ khiến cho chúng tôi nhạy cảm hơn về sự cô lập của mình.

Cuối cùng, trong giờ giải lao vào một ngày nắng nóng không có mây, chúng tôi nhận ra mình đang ngồi trên cùng một góc sân trường. Tôi không nhớ là chúng tôi đã nói với nhau những gì, nhưng tôi nhớ rằng đột nhiên cô ấy đuổi tôi chạy vòng quanh trò chơi leo trèo và xích đu. Cô ấy cười một cách tươi vui, còn tôi thì trêu ghẹo và lạng bên này sang bên kia, cho đến khi cô ấy bắt được tôi và chúng tôi cùng té xuống đất như muốn hết hơi. Khi tôi ngược mặt lên, tôi nhìn thấy một nhóm trẻ, tôi không thể thấy được mặt chúng do ánh nắng chói chang của mặt trời, đang chỉ vào chúng tôi.

"Coretta có bạn trai! Coretta có bạn trai!"

Tiếng hò hét mỗi lúc một to hơn khi có thêm nhiều đứa trẻ khác tụ lại.

“Cô ấy không phải là bạn gái của tôi”, tôi nói lấp bắp. Tôi quay mặt về Coretta để cầu sự hỗ trợ nào đó, nhưng cô ấy chỉ đứng đó và nhìn xuống đất. “Coretta có bạn trai! Tại sao mà không hôn cô ấy, anh bạn?”

“Tôi không phải là bạn trai của cô ấy!” tôi la lên. Tôi chạy đến Coretta và đẩy nhẹ cô ấy; cô ấy loạng choạng lùi về phía sau và nhìn tôi, nhưng vẫn không nói gì. “Hãy để tôi yên!” tôi lại la lên. Và đột nhiên Coretta bỏ chạy, càng lúc càng nhanh, cho đến khi cô ấy biến mất. Những nụ cười đầy cảm kích vang lên xung quanh tôi. Thế rồi tiếng chuông điểm và thầy giáo xuất hiện gọi chúng tôi trở lại lớp.

Trong suốt buổi chiều đó, tôi bị ám ảnh bởi thần sắc hiện lên trên khuôn mặt của Coretta ngay trước khi cô bắt đầu bỏ chạy: sự thất vọng của cô ấy, và sự kết tội. Tôi muốn giải thích cho cô ấy một cách nào đó rằng đây không phải là chuyện cá nhân; tôi chưa bao giờ có bạn gái trước đây và không cảm thấy một nhu cầu đặc biệt nào để có bạn gái vào lúc này. Nhưng tôi thậm chí cũng không biết liệu đó có phải là sự thật không. Tôi chỉ biết rằng đã quá trễ để giải thích về điều đó, rằng một cách nào đó tôi đã được kiểm nghiệm và được công nhận là đang mong muốn; và bất cứ khi nào tôi lên nhìn Coretta ở bàn học, tôi thường thấy cô ấy cúi đầu chăm chỉ vào tập vở, như thể chẳng có gì xảy ra, như thể đang kéo tất cả mọi thứ vào mình và không cần đòi hỏi bất cứ đặc ân nào.

Hành động phản bội của tôi đã tạo một khoảng trống nào đó giữa tôi với những đứa trẻ khác và cũng như Coretta, tôi hầu như cảm thấy lẻ loi. Tôi làm quen với một vài người bạn, học cách nói ít hơn, và tập cách ném một quả bóng theo hình tròn ốc. Nhưng kể từ ngày đó trở đi, một phần trong tôi đã bị chà đạp, bị nghiền nát và tôi đã tìm nơi ẩn náu trong cuộc sống của ông bà ngoại. Sau khi tan trường, tôi đi bộ qua năm tòa nhà để về đến căn hộ của chúng tôi; nếu tôi có một ít tiền lẻ trong túi, tôi có thể dừng lại ở một sạp báo do một người mù quản lý và ông ta sẽ cho tôi biết những tập truyện tranh mới nào vừa mới ra. Gramps phải có mặt ở nhà để đón tôi, và khi ông nằm ngủ trong giờ xế chiều, tôi thường xem những bộ phim hoạt hình hoặc các

vở hài kịch tình huống trên sóng truyền hình. Vào bốn giờ ba mươi, tôi đánh thức Gramps dậy và chúng tôi cùng lái xe xuống phố để đón Toot. Bài tập ở nhà của tôi được hoàn tất vào đúng giờ ăn tối được dọn phía trước máy truyền hình. Ở đó tôi ngồi lại trong suốt buổi tối, thương thảo với Gramps về những chương trình nào cần xem, chia sẻ món snack mới nhất mà chúng tôi vừa khám phá ở siêu thị. Lúc mười giờ tôi trở về phòng mình (Johnny Carson xuất hiện vào giờ đó, và chẳng có thương thảo gì về điều này), và tôi thiếp đi theo âm thanh của các bản nhạc thuộc nhạc Top 40 trên đài phát thanh.

Được ẩn mình trong một chiếc nôi êm dịu và khoan dung của nền văn hóa tiêu dùng Mỹ, tôi cảm thấy an toàn; như thể tôi rơi vào một cuộc nghỉ đông kéo dài. Thình thoảng tôi tự hỏi mình có thể phải lưu lại đó trong bao lâu nếu không vì bức điện tín mà Toot đã tìm thấy trong thùng thư ngày nào.

“Cha con sẽ đến thăm con”, bà nói. “Tháng tới. Hai tuần sau khi mẹ con về Mỹ. Cả hai sẽ ở đây nhân dịp Năm mới”.

Bà cẩn thận gấp tờ báo và bỏ vào ngăn kéo trong kệ tủ nhà bếp. Cả bà và Gramps rơi vào thinh lặng, cách mà tôi hình dung về những người thường phản ứng khi bác sĩ báo cho họ về một căn bệnh nghiêm trọng nhưng có thể chữa trị được. Trong một thoáng chốc căn phòng như trở nên ngột ngạt, và chúng tôi đứng như trời trồng, cô đơn với những suy nghĩ của mình.

“Vâng”, cuối cùng Toot nói, “Bà nghĩ tốt nhất là chúng ta nên tìm một nơi để ông ấy có thể lưu lại”.

Gramps lấy cặp kính ra và chà vào mắt.

“Cần một chốn địa ngục cho đêm Giáng Sinh”.

Trong giờ ăn trưa, tôi giải thích với một nhóm nam sinh rằng ba tôi là một hoàng tử.

“Ông nội tớ, các bạn biết đấy, là một thủ lĩnh. Một phần nào đó giống như vua của bộ tộc... như những thổ dân da đỏ. Và điều đó đã làm cho cha tôi trở thành một hoàng tử. Ông ấy tiếp quản khi ông nội tôi qua đời”.

“Còn sau đó thì sao?” Một trong những người bạn của tôi hỏi khi chúng tôi đổ những chiếc khay vào thùng rác. “Ý tớ là cậu có quay trở lại và trở thành một hoàng tử không?”

“Vâng... nếu tớ muốn tớ có thể làm được. Các bạn biết đấy, điều này hơi phức tạp bởi vì bộ tộc đẩy áp những chiến binh. Như Obama... có nghĩa là ‘Ngọn lê rực cháy’. Những người đàn ông trong bộ tộc của chúng tôi đều muốn trở thành thủ lĩnh, vì vậy cha tôi phải giải quyết những mối hận thù này trước khi tôi có thể đến”.

Khi những lời nói vội vã thốt ra khỏi miệng tôi, và tôi cảm thấy những cậu nam sinh cố để thích ứng lại với tôi, hiếu kỳ và thân thuộc hơn khi chúng tôi va vào nhau trong lúc xếp hàng vào lớp, một phần trong tôi thật sự bắt đầu tin vào câu chuyện. Nhưng một phần khác của tôi biết rằng những gì tôi kể cho chúng nghe là giả dối, một điều gì đó tôi đã dựng lên từ những mẩu thông tin nho nhỏ mà tôi thu thập được từ mẹ tôi. Sau một tuần cùng với cha tôi bằng xương bằng thịt, tôi quyết định rằng tôi thích hình ảnh xa xưa của ông ấy, một hình ảnh mà tôi có thể thay đổi theo một suy nghĩ bốc đồng - hoặc lờ đi nếu tiện lợi. Nếu cha tôi đích thực không làm cho tôi thất vọng, ông vẫn là một điều gì đó bí ẩn, một điều gì đó không kiên định và đáng sợ một cách mơ hồ.

Mẹ tôi cảm nhận sự e sợ của tôi trong những ngày chuẩn bị đón ông ấy đến - Tôi nghĩ điều đó phản ánh chính bản thân bà - và trong nỗ lực của bà để chuẩn bị căn hộ được thuê lại cho ông, bà cố trấn an tôi rằng sự đoàn tụ này sẽ tiến triển suông sẻ. Bà vẫn thường liên lạc thư từ với ông ấy trong suốt thời gian chúng tôi ở Indonesia, bà giải thích, và ông ấy đã biết tất cả về tôi. Cũng như mẹ tôi, ông ấy đã tái hôn, và lúc này tôi có năm anh em trai và một chị gái ở Kenya. Ông đã bị tai nạn xe nghiêm trọng, và chuyến đi này là một phần nhằm khôi phục sức khỏe sau một thời gian dài ở bệnh viện.

“Hai người sẽ trở thành những người bạn tuyệt vời”, bà khẳng định.

Bên cạnh tin tức về cha tôi, bà bắt đầu nhồi nhét trong đầu tôi với những thông tin về Kenya và lịch sử của nó - thông tin từ một cuốn sách về Jomo Kenyatta, vị tổng thống đầu tiên của Kenya, cuốn sách mà tôi ăn cắp cộm từ Ngọn lê rực cháy. Nhưng chẳng có điều gì mẹ

tôi kể có thể giải tỏa được những nghi ngờ trong tôi, và tôi chỉ hấp thụ một ít thông tin mà bà truyền đạt. Chỉ có một lần bà thật sự khơi dậy sự quan tâm của tôi, khi bà kể với tôi rằng bộ tộc của cha tôi, Luo, là những người Nilotic di cư đến Kenya từ quê hương cội nguồn của họ nằm dọc theo bờ của con sông lớn nhất thế giới. Điều này có vẻ nhiều hứa hẹn; Gramps vẫn còn giữ một bức họa mà có lần ông ấy đã vẽ, một phiên bản về những người Ai Cập gầy còm và bóng đồng trên một chiến xa bằng vàng được kéo bởi những con tuần mã màu tuyết bông. Tôi có những cái nhìn về Ai Cập cổ đại, những vương quốc vĩ đại và tôi đã đọc về, những kim tự tháp và các pha-ra-ông, Nefertiti và Cleopatra.

Một ngày thứ Bảy nọ tôi đến thư viện công cộng gần căn hộ của chúng tôi, và với sự trợ giúp của ông quản thủ thư viện có giọng nói nghe có vẻ gay gắt, người vốn cảm kích trước vẻ nghiêm túc của tôi, tôi đã tìm thấy một cuốn sách về Đông Phi. Trong đó chẳng có đề cập gì đến các kim tự tháp. Thực ra, những người Luo chỉ được viết trong một đoạn ngắn. Hóa ra từ *Nilote*, được dùng để mô tả về một số các bộ tộc du cư vốn bắt nguồn từ Sudan dọc theo sông Nin Trắng, tận phía nam của các đế quốc Ai Cập. Bộ tộc Luo chăn nuôi gia súc và sống trong các túp lều đất và ăn ngô, khoai mỡ và một món ăn gì đó gọi là hạt kê. Y phục truyền thống của họ là dây da quấn qua đùi quấn. Tôi để cuốn sách vẫn đang lật dở như vậy và bước ra ngoài quên cả cảm ơn ông quản thủ thư viện.

Ngày trọng đại cuối cùng cũng đã đến, và cô Hefty cho phép tôi được về sớm, và chúc tôi gặp nhiều may mắn. Tôi rời trường học cảm thấy mình như một người bị kết tội. Hai chân tôi nặng trĩu, và mỗi bước chân hướng về căn hộ của ông bà ngoại tôi, nhịp đập trong lồng ngực tôi mỗi lúc mỗi lớn hơn. Khi tôi bước vào thang máy, tôi đứng mà không nhấn nút. Cánh cửa đóng lại rồi mở ra, và một ông già người Phillipin sống ở tầng tư bước vào.

“Ông ngoại của cậu nói cha cậu hôm nay sẽ đến thăm cậu”, người đàn ông nói một cách vui vẻ. “Hắn là cậu vui lắm”.

Rồi - sau khi đứng trước cánh cửa và hướng về con tàu từ đằng xa phía chân trời Honolulu, và rồi ngược mắt lên quan sát những chú

chim sẻ đang lượn quanh trên bầu trời - Tôi không thể nghĩ ra một phương tiện trốn thoát nào nữa cả, tôi bấm chuông, Toot mở cửa.

“Ông ấy kia! Nào, Bar... hãy đến chào cha con đi”.

Và nơi ấy, trong cái hành lang không ánh sáng đèn điện, tôi nhìn thấy ông ấy, một người da đen, cao di chuyển với dáng đi hơi khập khiễng. Ông cúi xuống và dùng hai cánh tay ôm choàng lấy tôi, và tôi mặc cho tay mình buông lỏng. Sau lưng ông là mẹ tôi, chiếc cằm bà run rẩy như ngày nào.

“Chào Barry”, cha tôi nói. “Thật là tuyệt vời khi gặp lại con sau một thời gian dài. Tuyệt diệu lắm”.

Ông dùng bàn tay dẫn tôi vào phòng khách, và tất cả chúng tôi cùng ngồi xuống.

“Barry, bà con kể với cha rằng con ngày càng tiến bộ ở trường”.

Tôi nhún vai.

“Ta nghĩ nó cảm thấy hơi e thẹn”, Toot nói. Bà mỉm cười và xoa đầu tôi.

“Vâng” cha tôi nói, “con không có lý do gì phải thẹn thùng về sự tiến triển tốt đẹp của mình. Bố đã không nói với con rằng anh và chị con cũng rất xuất sắc trong học tập đó sao? Bố nghĩ nó thuộc dòng máu rồi”, ông nói và cười to.

Tôi quan sát ông rất kỹ khi những người lớn bắt đầu trò chuyện. Ông ấy ốm hơn nhiều so với suy nghĩ của tôi, xương đầu gối ông tạo nên những nếp gấp rất rõ rệt trên ống quần; tôi không thể tưởng tượng ông có thể nâng bất cứ ai lên khỏi mặt đất. Bên cạnh ông, một cây gậy với phần đầu màu ngà cụt lùn tựa vào tường. Ông mặc chiếc áo cộc tay màu xanh da trời, chiếc sơ mi trắng, với chiếc cà vạt lớn màu đỏ. Cặp kính gọng sừng của ông phản chiếu ánh sáng của bóng đèn vì vậy tôi không thể nhìn rõ mắt ông, nhưng khi ông lấy kính ra để cọ vào sống mũi, tôi nhận thấy rằng mắt ông hơi vàng, mắt của người vốn đã bị sốt rét ít nhất là hai lần. Có một sự yếu ớt nào đó trong thân thể ông, tôi nghĩ, một sự cẩn trọng khi ông đốt điếu thuốc hoặc với người lấy cốc bia. Sau một tiếng đồng hồ hoặc gần



vậy, mẹ tôi nói rằng ông ấy có vẻ mệt mỏi và cần phải nghỉ ngơi một tí, và ông đã đồng ý. Ông nhặt túi sách du lịch của mình lên, và rồi dừng lại và bắt đầu lục lại khắp trong đó cho đến lúc ông lấy ra ba bức tượng nhỏ bằng gỗ - một con sư tử, một con voi, và một người đàn ông bằng gỗ mun trong y phục bộ tộc đang đánh trống - và đưa chúng cho tôi.

“Cám ơn bố đi con, Bar”, mẹ tôi nói.

“Cám ơn bố”, tôi nói khẽ.

Bố tôi và tôi cùng nhìn vào những chi tiết điêu khắc, bất động trong hai bàn tay tôi. Ông chạm vào vai tôi.

“Chúng chỉ là những vật nhỏ nhặt”, ông nói một cách dịu dàng. Rồi ông cúi đầu chào Gramps, và tất cả cùng gom góp hành lý của ông và bước xuống lầu đến căn hộ khác.

Một tháng. Đó là khoảng thời gian chúng tôi ở bên nhau, năm người chúng tôi trong phòng khách của ông bà ngoại hầu hết mỗi buổi tối, ban ngày thì lái xe dạo quanh hòn đảo hoặc thực hiện những cuộc tản bộ ngắn qua những địa điểm nổi bật riêng của một gia đình: khu đất nơi mà căn hộ của cha tôi đã từng tọa lạc; bệnh viện được cải tạo lại nơi tôi được sinh ra; ngôi nhà đầu tiên của ông bà ngoại tôi ở Hawaii, trước cả ngôi nhà ở Đại lộ Đại học, một ngôi nhà mà tôi chưa bao giờ biết đến. Có quá nhiều điều để kể cho nhau trong một tháng duy nhất này, nhiều ước hẹn để thực hiện; và tuy nhiên khi tôi quay trở về với ký ức của mình để tìm những lời nói của cha tôi, những cuộc đàm thoại hoặc tương tác nho nhỏ mà chúng tôi có thể đã có, tất cả chúng dường như đã biến mất không thể tìm lại được. Có lẽ chúng đã được khắc ghi quá sâu, tiếng nói của ông - mằm mống của tất cả các kiểu tranh luận hỗn độn mà tôi mang theo mình, lúc này là không thể hiểu thấu được như chính kiểu gien của tôi, vì vậy tất cả những gì tôi có thể cảm nhận được là cái vỏ bọc bị mài mòn. Vợ tôi đưa ra một lời giải thích đơn giản - rằng những đứa trẻ và cha chúng thường không có gì nhiều để nói với nhau trừ phi và cho đến khi họ tin tưởng - và có thể gần hơn ở điểm này, vì tôi thường cảm thấy mình không thể nói được gì trước ông, và ông không bao giờ ép thúc tôi phải nói. Tôi được để lại với những hình ảnh xuất hiện và mất đi

khỏi tâm trí như những âm thanh xa xôi: đầu ông hất lùi về sau trong tiếng cười rộn rã trước những mẩu chuyện vui của Gramps khi tôi và mẹ treo những vật trang trí cho lễ Giáng sinh; ông bóp chặt vào vai tôi khi ông giới thiệu tôi với một trong những người bạn cũ của ông thời đại học; mắt ông nheo lại, tay ông vuốt ve hàm râu thưa thớt của mình khi ông đọc những cuốn sách quan trọng của mình.

Những hình ảnh, và sự ảnh hưởng của ông đến những người khác. Vì bất cứ lúc nào ông nói - một chân của ông thường vắt chéo qua chân kia, hai bàn tay to lớn của ông duỗi thẳng ra để hướng hoặc làm chệch sự chú ý, giọng ông sâu và chắc nịch, thuyết phục và vui vẻ - tôi nhận thấy một sự thay đổi đột ngột xảy ra trong gia đình. Gramps trở nên nhiệt huyết và ưu tư, mẹ tôi rụt rè bền lên hơn; ngay cả Toot, cũng chui ra khỏi phòng ngủ, bắt đầu tranh cãi với ông ấy về chính trị hoặc tài chính, hai cánh tay đầy gân xanh của bà khua khua vào không khí để thể hiện quan điểm của mình. Như thể sự hiện diện của ông ấy gợi lên tinh thần của những giai đoạn trước đây và cho phép mỗi một giai đoạn đó tái lập vai trò của ông hoặc bà; như thể Dr.King chưa bao giờ bị bắn chết, và gia tộc Kennedy tiếp tục lãnh đạo quốc gia, và chiến tranh, nạn đói và nổi loạn không gì khác hơn là những bước lùi tạm thời, và không có gì để sợ hãi cả ngoại trừ chính sự sợ hãi đó.

Điều đó đã mê hoặc tôi, sức lôi cuốn kỳ lạ của ông ấy, và lần đầu tiên tôi bắt đầu nghĩ về cha tôi như là một điều gì đó rất thật và gần gũi, thậm chí là vĩnh cửu. Tuy vậy, sau vài tuần, tôi có thể cảm nhận sự căng thẳng bắt đầu trỗi dậy trong tôi. Gramps phàn nàn về việc cha tôi ngồi trong chiếc ghế của ông. Toot cầu nhàu, trong lúc chuẩn bị các món ăn, rằng bà không phải là người phụ việc của ai cả. Miệng mẹ tôi bậm lại, mắt bà như lảng tránh ông bà ngoại, trong lúc chúng tôi dùng bữa tối. Một buổi tối, tôi mở TV để xem một chương trình hoạt hình đặc biệt - *Grinch đã quấy rối mùa Giáng sinh* - và tiếng thì thầm vỡ òa thành tiếng la lớn.

"Barry, tối nay con đã xem đủ rồi đấy", cha tôi nói. "Bây giờ hãy vào phòng và học bài đi, để người lớn nói chuyện".

Toot đứng dậy và tắt TV. "Bar, tại sao con không mở chương trình đó trong phòng ngủ".

“Không, Madelyn”, cha tôi nói, “đó không phải là điều con muốn nói. Nó đã xem chiếc máy đó liên tục, và bây giờ là lúc phải học bài”.

Mẹ tôi cố giải thích rằng trong những dịp Giáng sinh, phim hoạt hình là chương trình ưa thích nhất mà tôi đã ngóng đợi suốt cả tuần. “Nó không kéo dài đâu”.

“Anna, đó chỉ là những thứ vô nghĩa. Nếu thằng bé đã làm bài tập của nó cho ngày mai, nó có thể bắt đầu các bài tập khác cho ngày hôm sau. Hoặc là các bài tập mà nó sẽ phải làm khi những ngày nghỉ đã hết”. Ông quay sang tôi, “Barry, con không làm việc cực nhọc lắm đâu. Bây giờ hãy đi đi trước khi cha nổi giận”.

Tôi đến căn phòng của tôi và đóng sầm cửa lại, lắng nghe những giọng nói bên ngoài mỗi lúc một lớn hơn, Gramps nặng nề rằng đây là nhà của ông, Toot nói cha tôi không có quyền vào đây và dọa nạt bất cứ ai, kể cả tôi, sau khi đã mất hút trong suốt thời gian qua. Tôi nghe cha tôi nói rằng chúng sẽ hủy hoại tôi, và tôi cần có một bàn tay vững chắc, và tôi lắng nghe mẹ tôi nói với ông bà ngoại rằng đối với họ chẳng có gì thay đổi được. Tất cả chúng tôi đứng như những bị cáo, và ngay cả khi cha tôi bỏ đi thì Toot bước vào và nói rằng tôi có thể xem năm phút cuối cùng của chương trình, tôi cảm thấy như thể một cái gì đó nứt vỡ ra ở giữa chúng tôi và những con quái vật vụt phóng lên từ cái một cái hang phong kín lâu ngày. Xem nhân vật Grinch hiện trên màn hình TV, dốc sức vào việc tàn phá mùa Giáng Sinh, cuối cùng được thay đổi bởi niềm tin của những tạo vật với những đôi mắt ngây thơ đang sống ở Whoville, tôi nhận thấy điều mà nó phải hướng đến: lời dối trá. Tôi bắt đầu đếm từng ngày cho đến khi cha tôi ra đi và mọi thứ trở lại bình thường.

Ngày hôm sau, Toot bảo tôi xuống căn hộ nơi cha tôi đang lưu lại để xem ông ấy có đồ giặc ủi nào không. Tôi gõ cửa, và cha tôi mở cửa, mình trần. Bên trong, tôi nhìn thấy mẹ đang ủi vài bộ quần áo của ông ấy. Tóc bà cột ngược về phía sau theo kiểu tóc đuôi gà, mắt bà đen thẫm và dịu dàng, như thể bà đang khóc. Mẹ tôi bảo tôi ngồi cạnh ông trên giường, nhưng tôi nói với ông rằng Toot đang cần sự giúp đỡ của tôi lúc này, và bỏ đi sau khi chuyển lại thông điệp đó.

Lên lại cầu thang, tôi bắt đầu lau chùi căn phòng của mình thì mẹ tôi bước vào.

“Con không nên bực bội với cha con như vậy, Bar à. Ông ấy rất yêu con. Đôi lúc ông ấy có ương ngạnh một chút”.

“Được rồi mẹ à”, tôi nói mà không ngước mặt lên và tôi cảm nhận như đôi mắt bà dõi theo tôi trong suốt căn phòng cho đến lúc bà thở dài và bước về phía cánh cửa.

“Mẹ biết tất cả thứ này chỉ gây phiền toái cho con”, bà nói. “Đối với mẹ cũng vậy. Hãy cố nhớ lại những gì mẹ nói nhé”. Bà đặt bàn tay lên nắm đấm của cánh cửa. “Con có muốn mẹ đóng cánh cửa này không?”

Tôi gật đầu, nhưng vừa mất hút chỉ độ một phút thì bà quay trở lại căn phòng.

“Nhân đây mẹ quên cho con biết rằng cô Hefty mời cha con đến trường vào ngày thứ Năm. Bà muốn ông ấy nói chuyện với lớp”.

Tôi không thể tưởng tượng một tin nào tệ hơn thế. Toàn bộ đêm đó và cả ngày hôm sau tôi cố đè nén những suy nghĩ về điều không thể tránh khỏi: những gương mặt của các bạn học khi chúng nghe về những túp lều bằng đất bùn, tất cả những lời nói dối của tôi đã bị phơi bày, những trò chế nhạo khủng khiếp sẽ đến sau đó. Mỗi lần tôi nhớ lại, cơ thể tôi quặn lại như thể nó nhận phải cú đấm choáng váng vào dây thần kinh.

Tôi cố nghĩ ra mình có thể giải thích như thế nào đây khi cha tôi bước vào lớp ngày hôm sau. Cô Hefty chào đón ông ấy một cách niềm nở, và khi tôi ngồi xuống tôi nghe một vài đứa trẻ hỏi nhau về chuyện gì đang xảy ra. Tôi càng thất vọng hơn khi thầy giáo dạy toán của chúng tôi, một người Hawaii cao to và nghiêm nghị tên là Mr. Eldredge, bước vào phòng học, theo sau là ba mươi đứa trẻ khác có vẻ lúng túng ngượng ngùng từ lớp học kế bên.

“Chúng tôi có một điều thú vị đặc biệt dành cho các cháu đây”, cô Hefty bắt đầu. “Cha của Barry Obama có mặt ngày hôm nay, và ông ấy đến từ Kenya, châu Phi, để kể cho chúng ta nghe về đất nước của ông ấy”.

Những đứa trẻ khác nhìn vào tôi khi cha tôi đứng dậy, và tôi giữ cái đầu của mình bất động, cố tập trung và một điểm trống rỗng nào đó trên bảng đen phía sau ông. Ông nói một điều gì đó trước khi tôi có thể mang chính mình trở về lại với khoảnh khắc này. Ông ấy dựa người vào chiếc bàn dày cộm làm bằng gỗ sồi của cô Hefty và miêu tả một vết cắt sâu vào tận trái đất nơi con người lần đầu tiên xuất hiện. Ông nói về những động vật hoang dã vẫn đang lảng vảng đâu đó trên những đồng cỏ, những bộ tộc vốn cần một thanh niên trẻ để giết chết con sư tử nhằm chứng tỏ được dũng khí của nam giới. Ông nói về những tập tục của Luo, cách thức những bậc tiền bối đón nhận sự kính trọng cao nhất và thiết lập những luật lệ cho tất cả cùng noi theo phía dưới những gốc cây thân to. Và ông kể cho chúng tôi nghe về cuộc đấu tranh giành tự do của đất nước Kenya, cách thức người Anh muốn đặt chân đến và cai trị dân tộc này một cách bất công, như chúng đã từng tiến hành ở Mỹ; biết bao nhiêu người đã bị bắt làm nô lệ chỉ vì màu da của họ, như họ đã từng bị bạc đãi ở Mỹ; nhưng người Kenya, cũng như tất cả chúng ta trong phòng học này, luôn mong muốn tự do và phát triển đi lên qua sự hy sinh và lao nhọc.

Khi ông hoàn tất buổi nói chuyện, cô Hefty tươi cười rạng rỡ với sự hân diện. Tất cả học sinh vỗ tay hoan hô một cách nồng nhiệt, và một vài đứa dồn hết can đảm để đưa ra một vài câu hỏi, đối với các câu hỏi đó cha tôi dường như phải cân nhắc rất cẩn thận trước khi trả lời. Tiếng chuông vang lên báo giờ ăn trưa, và Mr.Eldredge tiến về phía tôi.

“Cháu có một người cha thật ấn tượng”.

Thằng bé có khuôn mặt hồng hào đã từng hỏi về tục ăn thịt người cũng nói rằng, “Cha cậu khá cuốn hút”.

Và tận bên kia, tôi nhìn thấy Coretta đang quan sát cha tôi nói lời tạm biệt với một vài đứa trẻ. Cô dường như quá chú tâm đến mức không nở được một nụ cười; khuôn mặt cô thể hiện một nét hài lòng đơn giản.

Hai tuần sau cha tôi ra đi. Trong thời gian đó, chúng tôi đứng cạnh nhau phía trước cây Giáng sinh và chụp ảnh, những bức ảnh duy

nhất về chúng tôi, hình ảnh tôi đang cầm một quả bóng màu cam, món quà ông ấy tặng tôi, hình ảnh ông ấy chưng diện chiếc cà vạt mà tôi đã mua cho ông ("A, mọi người sẽ biết ta quan trọng đến mức nào khi đeo chiếc cà vạt như thế này"). Tại buổi hòa nhạc Dave Brubeck, tôi cố ngồi một cách lặng lẽ trong một thính đường tối tăm bên cạnh ông ấy, không thể nào theo dõi sự uốn éo của âm thanh mà các nhạc công thể hiện, khéo léo vỗ tay mỗi khi cha tôi vỗ. Vào những dịp nghỉ ngắn trong ngày tôi thường nằm bên cạnh ông ấy, hai cha con trong căn hộ được thuê lại từ một phụ nữ đã lớn tuổi về hưu, tôi không nhớ tên của bà ấy, một chiếc giường đầy đủ chăn nệm, khăn lót và vỏ bọc ghế được thêu hoa văn một cách tinh tế, tôi đọc cuốn sách của tôi còn ông ấy đọc cuốn của mình. Ông ấy vẫn là điều nửa hư nửa thật với tôi, một khối kết hiện hữu; khi tôi bắt chước những cử chỉ hoặc cách diễn đạt của ông ấy, tôi không biết nguồn gốc cũng như là hậu quả của chúng, không thể nhận biết cách thức chúng thể hiện theo thời gian. Nhưng tôi đã trở nên quen dần việc kẻ cận với ông ấy.

Ngày ông ấy rời Mỹ, trong lúc tôi và mẹ tôi giúp ông sắp xếp hành lý, ông rút ra hai đĩa nhạc, loại bốn mươi lăm phút, được kẹp trong bìa sách cứng màu nâu nhạt.

"Barry! Nhìn nè - cha quên là đã mua cho con thứ này. Âm thanh từ châu lục của con".

Phải mất một hồi lâu ông ấy mới hiểu được chiếc stereo cũ rích của ông bà ngoại tôi, nhưng khi chiếc đĩa bắt đầu quay ông nhẹ nhàng đặt mũi kim lên rãnh. Tiếng guitar vang lên, rồi đến tiếng tù va lạnh lạnh, âm thanh rộn ràng của trống, rồi lại tiếng guitar, và giọng hát cất lên, trong trẻo và vui nhộn hòa vào nhịp điệu mạnh mẽ, kích thích sự hưng phấn của chúng tôi.

"Đến đây, Barry", cha tôi nói. "Con sẽ học từ một bậc thầy". Và đột nhiên cơ thể mảnh khảnh của ông ấy lắc lư qua lại, âm thanh sống động nổi lên, hai cánh tay ông lắc lư như họ đang thả một tấm lưới vô hình, hai bàn chân ông nhún nhảy trên sàn nhà theo nhịp điệu đều đều, cái chân đau của ông cứng nhấc nhưng móng ông vênh cao, đầu ông ngửa về sau, hông uốn lượn theo một vòng tròn khép kín. Nhịp điệu được đẩy nhanh hơn, tiếng tù va vang lên, mắt ông nhắm

lại để cuốn theo cùng với niềm thích thú của mình, và rồi một mắt mở ra để liếc nhìn tôi và khuôn mặt nghiêm nghị biến thành một nụ cười xếch mang tai trông dí dỏm lạ lùng, và mẹ tôi mỉm cười, ông bà ngoại bước vào để xem những sự hỗn độn ồn ào đó là gì. Tôi thực hiện mười bước thử đầu tiên của mình với hai mắt nhắm lại, lên, xuống, hai cánh tay tôi đứng đưa, giọng nâng lên. Và tôi vẫn nghe tiếng ông: Khi tôi được cuốn hút cùng cha tôi vào âm thanh này, ông bậc lên một tiếng hét nhanh, trong và cao, một tiếng hét vốn để lại nhiều điều phía sau và tiếp tục vươn xa để nắm bắt nhiều điều khác nữa, một tiếng hét kêu gọi một niềm vui bất tận.

## Chương bốn

“**N**ày anh bạn, tớ sẽ không đến dự những bữa tiệc Punahou chết tiệt này nữa đâu”.

“Vâng, chứ không phải cậu đã nói điều đó lần trước rồi sao”.

Ray và tôi ngồi xuống ở một chiếc bàn và mở gói hamburger của chúng tôi. Anh ấy lớn hơn tôi hai tuổi, một người có thâm niên, do sự chuyển giao quân đội của cha, anh ấy đã đến đây từ Los Angeles năm trước. Bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác, chúng tôi đã nhanh chóng trở thành những người bạn thân thuộc, chủ yếu là do chúng tôi cùng thuộc phân nửa số học sinh trung học da màu của trường Punahou. Tôi thích thú được kết bạn với anh ấy; anh ấy có lòng nhiệt thành và khiếu hài hước sôi nổi vốn bù đắp cho sự liên tưởng thường xuyên của anh ta về lối sống cổ hủ ở Los Angeles - một hàng dài những cô gái hàng đêm vẫn thường xuyên gọi điện cho anh ta, những thành tích bóng đá chói ngời trước đây và những nhân vật nổi tiếng mà anh ta biết đến. Hầu hết những điều anh ta kể cho tôi nghe tôi thường tỏ ra ít coi trọng, nhưng không phải là tất cả mọi thứ; chẳng hạn, một số người nói rằng anh ta là một trong những người chạy nhanh nhất trên hòn đảo này, một kỷ lục Olympic, bất chấp một cái bao tử lớn một cách khó tin luôn đập nhẹ phía dưới chiếc áo nịt thấm đẫm mồ



hồi bất cứ lúc nào anh ta chạy và khiến cho các huấn luyện viên và đối phương phải lắc đầu trông sự hoài nghi. Thông qua Ray tôi hiểu thêm về những bữa tiệc của những người da màu thường tổ chức tại trường hoặc ngoài trời trong các căn cứ quân sự, hy vọng anh ta sẽ khai thông lối đi của tôi qua những địa hình xa lạ. Đổi lại, tôi mang đến cho anh ta một sự xoa dịu trong những lúc tuyệt vọng.

"Lần này tôi muốn nói về điều đó", anh ta nói với tôi. "Những cô này là loại A-1, những người phân biệt chủng tộc được Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ công nhận. Tất cả họ. Những cô gái da trắng. Những cô gái Á châu - quái thật, những cô gái Á châu này còn tệ hơn những người da trắng. Cứ nghĩ chúng ta nhiễm phải một căn bệnh hoặc một điều gì đó".

"Có thể họ đang nhìn vào cái mông to tướng của anh đấy. Anh bạn à, tớ nghĩ anh đang trong giai đoạn huấn luyện".

"Cất tay khỏi món thịt rán này của tớ. Cậu không phải là con mụ quý cái của tớ, anh bạn da đen ạ... hãy mua món thịt rán chết tiệt đó cho riêng anh đi. Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận gì nào?"

"Chỉ vì một cô gái không hẹn hò với cậu không có nghĩa cô ta là một kẻ phân biệt chủng tộc"

"Đừng ngu dần như vậy, hiểu chứ? Tớ đâu chỉ nói về chuyện đó một lần. Nhìn này, tớ mời Monica đi chơi, cô ấy từ chối. Tớ nói O.K... dù sao thì phản của cô em cũng không nóng như vậy đâu". Ray dừng lại để kiểm tra phản ứng của tôi, rồi mỉm cười. "Ồn rồi, có thể tớ thật sự không muốn nói về chuyện đó. Tớ chỉ mời thôi, cậu biết đấy, chúng ta vẫn thắt chặt với nhau mà. Điều tiếp theo mà tớ biết, cô ấy cặp kè với Steve Yamaguchi 'Không Cố', chúng nắm tay nhau và quý thật trông như một đôi uyên ương si tình đích thực. Tuyệt vời lắm - tớ nghĩ còn có nhiều cá ở đại dương. Tớ sẽ hẹn với Pamela. Cô ấy nói rằng cô không khiêu vũ. Tôi nói O.K. Đến sàn nhảy, thử đoán xem ai đang đứng đó, cầm tay cô ấy choàng qua Rick Cook. 'Chào Ray', cô nói như thể cô ta chẳng biết những gì đang xảy ra. Rick Cook! Giờ cậu đã biết về cái gã chết tiệt ấy. Con lừa đó chẳng là gì với tớ cả, cậu hiểu không? Chẳng là gì cả".

Anh ta bỏ một nắm thịt rán vào miệng. "Không chỉ riêng gì tớ. Tớ chẳng thấy cậu làm một điều gì đó tốt hơn ở bộ phận chiến lợi phẩm cả".

Bởi vì tôi mắc cỡ, tôi tự nghĩ thế; nhưng tôi không bao giờ thừa nhận điều đó với anh ta cả. Ray nhấn mạnh uy thế của mình.

"VẬY điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta cùng đến dự một buổi tiệc với một vài chị gái? Điều gì nào? Tớ sẽ cho cậu biết. Đáng trách thật! Họ ảnh hưởng đến chúng ta như thể chẳng có ngày mai. Những cô gái ở trường trung học, đại học - chẳng sao cả. Họ cư xử dịu dàng và luôn nở nụ cười trên môi. 'Chắc rồi anh có thể có số của em mà, anh yêu.' Cưng đấy".

"Vâng..."

"Vâng gì nào? Hãy nghe này, tại sao cậu không dành nhiều thời gian cho đội bóng rổ? Ít nhất hai gã phía trước cậu chẳng là gì cả, và cậu biết điều đó và họ cũng vậy. Tôi nhìn thấy cậu gây khó khăn cho họ trên sân, không cần phải bàn cãi. Tại sao tôi không tham gia vào đội túc cầu trong mùa này dù có bao nhiêu đường chuyển mà gã kia có đã bỏ lỡ? Hãy cho tôi biết chúng ta sẽ không bị đối xử khác đi nếu chúng ta là người da trắng. Hoặc người Nhật. Hoặc người Hawaii. Hoặc là người Eskimo chết tiệt nào đó".

"Đó không phải là điều tớ nói".

"VẬY thì cậu nói gì nào?"

"ĐƯỢC rồi, nghe này. Thật không dễ tí nào để có được những cuộc hẹn bởi vì không có cô gái da đen nào xung quanh đây. Nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả các cô gái ở đây là người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Có thể họ chỉ muốn một người nào đó tựa tựa như bố của họ, hoặc anh trai họ hoặc đại loại như thế và chúng ta thì không được như vậy. Đúng thế, tớ không thể có được những cơ hội trong đội bóng mà các gã kia có được, nhưng họ chơi theo cách của người da trắng, và đó là phong cách mà vị huấn luyện viên thích, và họ sẽ dành chiến thắng theo cách đó. Tôi thì ngược lại.

"Còn đối với cái bản chất miệng mồm của anh", tôi thêm vào, với tay gấp miếng thịt rán cuối cùng của anh ta, "Tôi nghĩ những huấn

luyện viên có thể không thích anh bởi vì anh là một gã da màu ngạo mạn, nhưng cũng sẽ khác đi nếu anh dừng ăn tất cả những món thịt rán, khiến cho anh trông như đang mang thai sáu tháng. Đó là điều tớ muốn nói”.

“Này anh bạn, tôi không hiểu tại sao cậu tìm lời biện hộ cho những người này”, Ray đứng dậy và vo tròn gói giấy đựng thịt nướng lại. “Chúng ta hãy đi ra khỏi đây. Cậu chỉ làm cho mọi thứ trở nên phức tạp cho tớ đây”.

Ray đúng; mọi thứ đã trở nên rắc rối. Đã năm năm rồi kể từ chuyến viếng thăm của cha tôi, và ít nhất đó cũng là một khoảng thời gian bình yên được đánh dấu bởi những sự kiện và lễ nghi thường lệ mà nước Mỹ mong đợi từ những đứa con của mình - những báo cáo về thành tích học tập và những cuộc viếng thăm đến văn phòng của thầy hiệu trưởng, những công việc bán thời gian ở cửa hàng bánh và cửa hiệu mỹ phẩm, những cuộc thi bằng lái xe và sự khao khát ngổ nghịch. Tôi đóng góp phần mình cùng với những người bạn, tiếp tục một học kỳ của tuổi trẻ đầy ngớ ngẩn; và nếu thỉnh thoảng tôi bối rối trước việc sắp xếp lại theo thân thể một cách khó hiểu xảy ra giữa những người bạn học trong lớp, khi một số được nâng lên và số khác hạ xuống phụ thuộc vào việc nhìn nhận cơ thể của chúng hoặc nhận hiệu xe mà chúng đi, tôi đón nhận một phần an ủi vì biết rằng vị trí của riêng mình liên tục được cải thiện. Hiếm khi tôi gặp những đứa trẻ mà gia đình chúng không đầy đủ như gia đình tôi và điều này có thể gợi cho tôi về sự may mắn mình có được.

Mẹ tôi đã cố hết sức để luôn nhắc nhở tôi. Bà đã chia tay với Lolo và trở về Hawaii để đeo đuổi bằng thạc sĩ về ngành nhân loại học không lâu lắm sau khi tôi có mặt ở Mỹ. Trong ba năm tôi đã sống cùng với bà và Maya trong một căn hộ nhỏ cách Punahou chỉ một dãy nhà, học bổng sinh viên của mẹ tôi là sự trang trải cho ba người. Thỉnh thoảng khi tôi đưa một vài người bạn về nhà sau giờ tan học, mẹ tôi thường nghe lồm chúng nói về sự thiếu thực phẩm trong tủ lạnh hoặc việc nội trợ không được chu toàn, bà kéo tôi sang một bên và bảo rằng bà là người mẹ duy nhất phải đến trường trở lại đồng

thời còn phải nuôi hai con nhỏ, vì vậy công việc nấu nướng không hoàn toàn có trong danh sách những điều ưu tiên của bà, và trong lúc mà bà cảm kích về nền giáo dục tốt đẹp tôi đang đón nhận ở Punahou, bà không muốn chịu đựng thêm bất cứ một thái độ khinh khỉnh nào từ tôi hoặc bất cứ ai khác, hiểu chưa nào?

Điều đó đã được thấu hiểu. Bất chấp sự thừa nhận thường xuyên - và đôi khi có phần ương ngạnh - của tôi về tính độc lập, cả hai chúng tôi vẫn luôn kề cận nhau, và tôi đã cố gắng để giúp bà đi ra ngoài ở bất cứ nơi đâu có thể, mua sắm các vật dụng tạp hóa, làm công việc giặt ủi, chăm sóc cho đứa em gái mất đen và đã có phần hiểu biết. Nhưng khi mẹ tôi sẵn sàng trở về Indonesia để làm công tác thăm dò hiện trường của mình, và đã đề nghị tôi cùng trở về với bà và Maya để học ở trường quốc tế ở đó, ngay lập tức tôi đã từ chối thẳng thừng. Tôi nghi ngờ về những gì mà Indonesia giờ đây sẽ mang lại và chán ngất với việc phải tiếp tục là người mới. Hơn thế nữa, tôi đã có một thỏa ước ngầm với ông bà ngoại rằng: tôi có thể sống với họ và họ sẽ để cho tôi được tự lập miễn là tôi không gây ra bất cứ rắc rối nào. Sự sắp xếp đó phù hợp với mục đích của tôi, một mục đích mà tôi hầu như không thể thổ lộ với chính mình và đối với họ lại càng không. Xa mẹ tôi, xa ông bà ngoại, tôi bị lâm vào một sự dằn vặt nội tâm từng đợt. Tôi cố tự nâng chính mình trở thành một người da màu trên đất Mỹ, và trên cả một thực tế màu da của mình, không ai xung quanh tôi dường như biết chính xác điều đó có ý nghĩa gì.

Những bức thư của cha tôi cung cấp một vài chi tiết khơi mở. Những bức thư thỉnh thoảng mới được gửi đến tôi, trên một trang giấy xanh và phần chữ viết ở rìa bị che lấp bởi nắp bì thư dán đè lên. Ông kể rằng mọi người đều khỏe mạnh, khen ngợi tôi về sự tiến bộ trong học tập, và nhất mực rằng mẹ tôi, Maya và tôi tất cả đều được chào đón trở về sống bên cạnh ông bất cứ lúc nào chúng tôi muốn. Thỉnh thoảng ông đưa vào những lời khuyên nhủ dưới hình thức là các câu cách ngôn mà tôi hoàn toàn không hiểu gì cả ("Như nước tìm đến mực của nó còn bạn, bạn sẽ vươn đến một sự nghiệp phù hợp với bạn"). Ngay lập tức tôi hỏi âm cho ông trên một trang giấy kẻ ô vuông khổ rộng, và những bức thư của ông được cất vào ngăn kéo nằm cạnh những bức ảnh của ông mà mẹ tôi còn lưu lại.

Gramps có một vài người bạn nam da màu, hầu hết là những người chơi poker và bài brit, và trước khi tôi đủ lớn để không còn phải lo lắng việc gây tổn hại đến cảm xúc của ông, tôi để ông mang tôi theo đến nơi chơi cờ. Họ đều đã lớn tuổi, ăn mặt gọn gàng, giọng nói khàn khàn và quần áo sặc mùi thuốc lá, họ thuộc kiểu người mà đối với họ mọi thứ đều có vị trí của nó và luôn nghĩ rằng họ đã chứng kiến đủ để không còn phải hoang phí nhiều thời gian nói về nó. Bất cứ lúc nào họ trông thấy tôi họ thường vỗ nhẹ vào lưng tôi một cách vui vẻ và hỏi thăm về mẹ tôi; nhưng ngay khi bắt đầu chơi, họ không nói một lời nào trừ khi muốn phàn nàn với người kia về lượt tổ bài.

Có một trường hợp ngoại lệ, một nhà thơ tên là Frank người sống trong một ngôi nhà xiêu vẹo ở một khu vực đồ nát Waikiki. Có lần ông bị mang tiếng xấu, ông là người cùng thời với Richard Wright và Langston Hughes trong suốt những năm ông ở Chicago - Gramps đã từng cho tôi xem một vài tác phẩm của ông ấy được tổng hợp trong một tập thơ da màu. Nhưng vào thời điểm tôi gặp Frank hẳn ông đã ở tuổi tám mươi, với khuôn mặt lớn, cằm chảy và mái tóc kiểu Afro xám tro bù xù vốn khiến cho ông trông giống như một con sư tử bờm xồm. Ông đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ của ông mỗi khi chúng tôi ghé chơi ở nhà ông, uống whiskey cùng với Gramps cho đến khi không còn một giọt nào trong chiếc hũ đựng thạch. Khi buổi tối trôi qua, cả hai ông nhờ tôi giúp đỡ trong việc sáng tác những bài thơ tục tĩu. Cuối cùng, cuộc nói chuyện chuyển sang những lời than van về người phụ nữ.

"Họ sẽ đẩy cháu xa đà vào các cuộc chè chén, nhóc ạ", Frank nói với tôi một cách nhã nhặn. "Và nếu cháu để mặc họ, họ sẽ đẩy cháu xuống mồ".

Tôi bị hấp dẫn bởi Frank già đáng kính, với những cuốn sách của ông và hơi thở đậm mùi whiskey và kiến thức quý báu phía sau đôi mắt sâu hoắm. Những cuộc viếng thăm nhà ông luôn để lại cho tôi một cảm giác dường như chẳng dễ chịu tí nào, dẫu rằng, như thể tôi đang chứng kiến một cuộc giao dịch phức tạp, ngấm ngấm giữa hai người đàn ông, một cuộc giao dịch mà tôi hoàn toàn chẳng

hiếu tí nào. Cùng một cảm giác như vậy mỗi khi Gramps dẫn tôi đến một trong những quán bar ưa thích nhất của ông ở quận đèn đỏ Honolulu.

“Đừng cho bà ngoại cháu biết nhé”, ông nói với một cái nháy mắt và chúng tôi đi ngang qua những cô gái đứng đường với những khuôn mặt lạnh lùng và thân hình mềm mại để bước vào một quán bar nhỏ, tối đen với một máy hát tự động và vài bàn bi - da. Dường như không ai ý thức được rằng Gramps là người da trắng duy nhất ở đây, hoặc tôi là thằng bé chỉ mới mười một hoặc mười hai tuổi. Một vài gã đàn ông ngồi tựa người trên quầy bar vẫy tay chào chúng tôi, và người bartender, một phụ nữ to lớn, nước da ngăm với hai cánh tay trần mập ú, lấy một chai Scotch cho Gramps và một Coke cho tôi. Nếu chẳng có ai đang chơi tại bàn bi da kia hẳn là Gramps đã chấp tôi vài bi và dạy tôi cách chơi, nhưng thường là tôi ngồi ở quầy bar, hai chân tôi lủng lẳng trên chiếc ghế cao, thổi bong bóng vào ly nước uống và xem một vài bức ảnh khiêu dâm trên tường - những thân hình lửa lò, những nhân vật hoạt hình Disney trong tư thế chào mời. Nếu ông lảng vảng đâu đó, một người đàn ông tên là Rodney với chiếc nón rộng vành đến bên cạnh tôi và mở lời chào.

“Việc học hành thế nào rồi, cậu nhóc?”

“Tốt”.

“Chú mày có nhận được hạng A cho tất cả các môn học không?”

“Chỉ một vài”.

“Tốt lắm. Sally, lấy cho anh bạn này một chai Coke khác”, Rodney nói, rút một tờ hai mươi đô từ xấp tiền dày cộm gã ta móc từ túi quần của mình trước khi mất hút vào bóng tối.

Tôi vẫn có thể nhớ sự phấn khích tôi cảm nhận được trong suốt những chuyến đi ban đêm này, sự cảm dỗ của bóng đêm và tiếng lách cách của những viên bi, và ánh đèn xanh đỏ phát ra từ chiếc máy nhạc tự động, và những tiếng cười mệt mỏi lan tỏa khắp căn phòng. Thậm chí lúc ấy, với một người trẻ như tôi cũng bắt đầu cảm nhận được rằng hầu hết những người trong quán bar này đến đây không phải vì tự nguyện, rằng những gì ông ngoại tôi tìm kiếm

ở đây chính là những người bạn, họ có thể giúp ông quên đi nỗi bức dọc của mình, những người ông tin tưởng sẽ không xét đoán ông. Có thể quán bar thật sự đã giúp ông quên đi, nhưng tôi biết với những bản năng xác thực của một đứa trẻ rằng ông ấy sai lầm về việc không bị xét đoán. Sự hiện diện của chúng tôi ở đó cảm thấy như bị cưỡng bức, và vào thời điểm tôi học trung học tôi biết được mình cần phải từ chối những lời mời của Gramps, hiểu được rằng bất cứ điều gì tôi đeo đuổi, bất cứ điều gì tôi cần đều xuất phát từ một nguồn nào đó khác.

TV, phim ảnh, đài phát thanh là những nơi dễ bắt đầu. Văn hóa Pop, rốt cuộc, cũng được mã hóa theo màu với một dãy những hình ảnh từ đó bạn có thể nắm bắt một dáng đi, một cuộc chuyện trò, một bước chân, một phong cách. Tôi không thể ngâm nga hay như Marvin Gaye, nhưng tôi có thể học nhảy nhót tất cả các bước của *Soul Train*. Tôi không thể dùng súng như Shaft hoặc Superfly, nhưng tôi chắc chắn có thể chải rửa như Richard Pryor.

Và tôi có thể chơi bóng rổ, với một sự đam mê chi phối vốn vượt quá tài năng hạn hẹp của mình. Món quà Giáng sinh của cha tôi đến vào thời điểm khi đội bóng rổ của trường Đại học Hawaii được lọt vào bảng xếp hạng quốc gia nhờ vào sức mạnh của năm cầu thủ toàn da màu mà nhà trường đã chuyển đến từ đất liền. Cùng mùa xuân năm đó, Gramps đã đưa tôi đến xem một trong những trận đấu của họ và tôi quan sát các cầu thủ khởi động làm nóng bên ngoài, họ cũng chỉ là những cậu bé nhưng với tôi đó là những anh hùng đầy tự tin và trong tư thế sẵn sàng, họ tán gẫu với nhau về câu chuyện hài riêng tư nào đó, lướt qua dây ghế của các cổ động viên để đá lông nheo với các cô gái, ngẫu nhiên tung quả bóng vào rổ hoặc uốn người nhảy cao cho đến khi tiếng còi vang lên và cầu thủ trung phong giao bóng, tất cả cùng khởi đầu cho một trận đấu ác liệt.

Tôi quyết định trở thành một phần trong thế giới đó, và bắt đầu đến một sân chơi gần căn hộ của ông bà ngoại sau giờ học. Từ cánh cửa sổ phòng ngủ của bà, ở tầng thứ mười, Toot có thể nhìn thấy tôi trên sân ngay cả khi trời tối khi tôi ném quả bóng, lúc đầu phải dùng đến hai tay, sau đó là một cú tung người bỏ bóng một cách vụng về,

một pha rê bóng cắt ngang, niệt mài với cùng một động tác đơn điệu như vậy hết giờ này đến giờ nọ. Khoảng thời gian khi tôi chính thức vào trung học, tôi chơi cho đội của Punahou, và có thể chơi trên sân của trường, nơi một đám những gã da đen, hầu hết là vận động viên thể dục và là những cầu thủ hết thời, họ dạy cho tôi về thái độ vốn chẳng liên quan gì đến thể thao. Sự kính trọng đó xuất phát từ những gì anh làm chứ không phải bố anh là ai. Rằng anh có thể nói một điều gì đó để làm cho đối phương lúng túng, nhưng cũng nên cảm mến lại nếu anh không thể đưa ra phương án đối phó. Rằng anh đừng để bất cứ ai lén lút phía sau để thăm dò những cảm xúc - như sự sợ hãi hay tổn thương - anh không được để họ nhìn thấy.

Và một điều gì đó nữa, một điều mà không ai nói đến: cách mà chúng ta cùng gắn kết với nhau khi trận đấu trở nên căng thẳng, mồ hôi nhễ nhại và cầu thủ hay nhất thì không lo ngại gì về điểm số của họ còn cầu thủ chơi tồi nhất hầu như bị lấn lướt hoàn toàn trong khoảnh khắc đó và tỉ số chung cuộc là cách để anh thể hiện sự xuất thần của mình. Trong giây phút đó anh có thể thực hiện một động tác di chuyển hoặc một cú chuyển vốn làm sững sốt ngay chính bản thân anh, đến độ ngay gã kèm chặt anh cũng phải cười, như thể muốn nói rằng, "Chết tiệt..."

Ngay lúc này đây vợ tôi tròn xoe đôi mắt. Cô lớn lên cùng với một ngôi sao bóng rổ là anh trai mình, và khi cô muốn đánh lừa một trong hai chúng tôi cô ấy thường nằng nặc rằng cô thà nhìn thấy con trai mình chơi vi-ô-lôn-xen còn hơn. Dĩ nhiên là cô ấy đúng. Tôi đã dựng lên một hình ảnh hài hước về quãng đời thanh xuân da màu của mình, hình ảnh của một người Mỹ mạnh mẽ và vênh váo. Song có một thời khi các cậu bé được coi là không muốn theo những vết chân mệt mỏi của cha chúng, khi mà những đòi hỏi về công việc hoặc kết quả mang lại không cần phải áp đặt sự tương đồng, vì vậy cách sống không hoàn toàn theo ý riêng của mình hoặc điều đó chỉ được tìm thấy trong các tạp chí, sự khác nhau cơ bản giữa tôi với hầu hết những gã xung quanh tôi - vận động viên lướt ván, cầu thủ bóng đá, nhạc công ghi-ta rock-and-roll - nằm trong sự chọn lựa hạn hẹp của tôi. Mỗi chúng tôi chọn cho mình một trang phục, một chiếc áo giáp chống lại sự bất ổn. Ít nhất là trên sân bóng tôi có thể tìm thấy một



cộng đồng thuộc đủ hạng người, với một cuộc sống đầy ẩn kín của từng cá nhân họ. Chính ở đó tôi có được những người bạn da trắng thân thiết nhất của mình, trên sân nơi màu da không thể là yếu tố bất lợi. Và chính ở đó tôi đã gặp Ray và những người da màu khác trạc tuổi tôi, những người bắt đầu đổ xô vào hòn đảo này, những người bạn trẻ mà sự giận dữ và hoang mang của họ đã giúp định hình cho cái riêng của chính tôi đây.

"Đó là cách những người da trắng sẽ đối xử với anh", một trong số họ nói khi chỉ còn lại chúng tôi. Mọi người cười và lắc đầu, tâm trí tôi lướt qua những điều hèn hạ đáng khinh thường: thằng bé đầu tiên, học sinh lớp bảy, gọi tôi là thằng mọi đen; những giọt nước mắt sưng sốt tuôn trào trên khuôn mặt nó - "Tại sao mày làm vậy?" khi tôi cho hấn một cú đấm mạnh vào mũi đến đổ cả máu. Một vận động viên tennis chuyên nghiệp đã bảo tôi trong suốt cuộc tranh tài rằng tôi không nên chạm tay vào lịch thi đấu được dán trên bản tin tức hàng ngày bởi vì màu da của tôi có thể bị tróc ra đấy; một nụ cười trên khuôn mặt ửng đỏ với đôi môi mỏng của hấn - "Mày không thể đùa như thế được chứ?" - khi tôi dọa sẽ tố giác hấn. Người phụ nữ lớn tuổi hơn trong khu nhà của ông bà ngoại tôi đã trở nên bực bội khi tôi bước vào thang máy phía sau bà và đã chạy ra ngoài báo với người quản lý rằng tôi đang bám theo bà; bà cũng chẳng hề nói một lời xin lỗi khi được biết rằng tôi sống cùng trong tòa nhà đó. Người trợ lý huấn luyện bóng rổ của chúng tôi, một người trẻ và dẻo dai đến từ New York với một chiếc áo thu ba lỗ xinh xắn, sau một trận đấu sàng lọc với một vài gã da đen mỡ mạp, đã lằm bằm trong tầm nghe của tôi và ba cầu thủ đội nhà khác rằng chúng ta lẽ ra không nên để thua trước lũ mọi đen kia; khi tôi bảo hấn - với một sự giận dữ mà ngay cả tôi cũng không ngờ được - hãy cầm mỡ mạp lại đi, và chính hấn ta đã bình tĩnh giải thích một sự thật hiển nhiên rằng "đó là những người da màu, và là bọn mọi đen. Những gã đó là loại mọi đen".

Đó là cách những người da trắng sẽ đối xử với bạn. Đó không chỉ là sự tàn ác; tôi hiểu được rằng người da đen có thể thấp kém và dẫu thế cũng không phải là tất cả. Chính một kiểu kiêu ngạo nào đó, một sự âm ỉ trong những người nếu thật sự không đến nỗi loạn trí đã mang lại một tiếng cười cay đắng cho chúng ta. Như thể người

da trắng không biết họ nhìn tâm như thế nào. Hoặc ít nhất cũng cho rằng bạn xứng đáng với sự khinh miệt của họ.

*Người da trắng.* Thoạt đầu cụm từ này chẳng dễ chịu tí nào khi tôi phát ra. Tôi cảm thấy như mình không thuộc người bản ngữ đang gặp phải một cụm từ khó. Thành thạo tôi thấy mình đang nói chuyện với Ray về *người da trắng* theo kiểu này hay *người da trắng* theo kiểu kia, và đột nhiên tôi nhớ lại nụ cười của mẹ tôi, và những từ tôi nói dường như vụng về và trật lất. Hoặc tôi giúp Gramps lau chén bát sau bữa ăn tối còn Toot thì xen vào nói rằng bà chuẩn bị đi ngủ, và tất cả cùng những từ như thế - *người da trắng* - lóe sáng trong đầu tôi như bóng đèn neon, và đột nhiên tôi trở nên trầm lặng như thể tôi có những điều bí mật cần giữ kín.

Sau này, khi đối diện với chính mình, tôi cố tháo gỡ những suy nghĩ rối bời này. Dĩ nhiên rằng một số người da trắng có thể được loại ra khỏi cái kiểu hoài nghi chung chung của chúng tôi: Ray luôn nói với tôi về phong cách ấn tượng của ông bà ngoại. Tôi cho rằng, từ *da trắng* đối với anh ấy chỉ là kiểu viết ngắn, một từ kèm theo để nhấn mạnh cho cái mà mẹ tôi gọi là kẻ cuồng tín. Và mặc dù tôi nhận ra sự liễu lĩnh trong cách dùng từ của ông - thật dễ dàng để mắc vào cùng một lối suy nghĩ tùy tiện mà vị huấn luyện viên bóng rổ của tôi đã thể hiện ("Có những người da trắng, và rồi những thằng chết tiệt dốt nát như ông", cuối cùng tôi nói với vị huấn luyện viên trước khi bước ra khỏi sân bóng ngày hôm đó) - Ray cam đoan với tôi rằng chúng tôi sẽ không bao giờ nói về người da trắng nếu chẳng biết chính xác điều chúng ta đang làm. Không biết được rằng sẽ có một cái giá phải trả.

Nhưng như vậy có đúng không? Phải chăng vẫn còn cái giá phải trả? Đó là một phần rắc rối, điều mà Ray và tôi không bao giờ có thể chấp nhận. Đó là những lúc tôi nghe anh ấy nói chuyện về một cô gái tóc vàng nào đó mà anh chỉ mới vừa gặp trên những con phố bẩn thỉu của Los Angeles, hoặc nghe anh ta giải thích những vết sẹo của nạn phân biệt chủng tộc cho một gã giáo viên trẻ hăng hái nào đó, và tôi có thể nguyên rủa điều đó trước lối biểu hiện nghiêm túc của Ray đối với tôi. Sự phẫn nộ của chúng tôi về thế giới của người da

trắng không cần bất cứ đối tượng nào, dường như anh ta nói với tôi như vậy, không cần một sự xác quyết độc lập nào; nó có thể được tắt mở tùy vào ý muốn của chúng tôi. Thỉnh thoảng, sau những lần thi đấu, tôi đặt câu hỏi về sự xét đoán của anh ta, nếu đó không phải là sự ngay thẳng. Tôi gọi lại cho anh ấy biết rằng chúng ta không còn sống trong hệ thống Jim Crow nữa. Chúng ta không thuộc dạng di dời của dự án xây cất ở Harlem hoặc Bronx. Chúng ta đang ở vùng Hawaii chết tiệt này. Chúng ta nói những điều chúng ta thích, ăn những gì chúng ta muốn, và có quyền ngồi ở hàng ghế trước trên xe buýt. Không một người bạn da trắng nào của chúng ta, những gã như Jeff hay Scott trong đội bóng rổ, cư xử với chúng ta khác biệt như họ cư xử với nhau. Họ yêu chúng ta, và chúng ta cũng yêu mến họ lại. Quái thật, hình như một phần nửa trong số họ còn muốn là những người da đen như chính ta đây - hoặc ít nhất là Tiến Sĩ J.

Vâng, chính xác là vậy, Ray thừa nhận.

Có lẽ chúng ta được quyền thôi nói đến thân phận những tên da đen thảm hại này. Hãy dành lại đến khi ta thực sự cần nói.

Và Ray lắc đầu. Thân phận à, hử? Cậu nói thì tự mà nghe.

Và tôi hẳn biết rằng Ray đã phô bày lá chủ bài của mình, lá chủ bài mà vì nó anh ta sẽ được tán thưởng, chứ hiếm khi anh dùng đến. Nói cho cùng, tôi không phải như vậy, có khả năng chỉ là một kẻ nghi ngờ; tôi không biết bản thân mình là ai nữa. Không sẵn sàng liều lĩnh phơi bày, tôi đã ngay lập tức rút lui vào khu vực an toàn của mình.

Có thể nếu chúng ta sống ở New York hoặc L.A., tôi sẽ nhanh chóng nắm bắt những quy định của trò chơi nhiều rủi ro mà chúng ta sẽ chơi. Như thế, tôi biết cách luồn lách giữa hai thế giới da trắng và da màu, hiểu được rằng mỗi một người sở hữu riêng một ngôn ngữ, một tập tục và những cấu trúc ý nghĩa, hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ cần một ít sự chuyển dịch từ phía tôi thì hai thế giới cuối cùng sẽ hòa hợp. Tuy nhiên, sự cảm nhận rằng một điều gì đó chưa hoàn toàn đúng vẫn day dứt mãi trong tôi, một báo hiệu vang lên bất cứ khi nào một cô gái da trắng đề cập giữa cuộc nói chuyện rằng cô ta ngưỡng mộ Stevie Wonder nhiều đến mức nào; hoặc khi một phụ nữ trong siêu thị hỏi tôi có biết chơi bóng rổ không; hoặc khi hiệu trưởng

trường nói rằng tôi thật ấn tượng. Quả thật tôi thích Stevie Wonder, tôi yêu bóng rổ, và tôi cố hết mình để trở nên lời cuốn mọi lúc mọi nơi. Thế thì tại sao những lời bình phẩm như vậy luôn luôn khiến tôi phải bực mình? Có một trò man trá đang tồn tại đâu đó, đâu trò man trá đó là gì, ai tạo ra nó và ai là nạn nhân, đã vượt quá sự hiểu biết có ý thức của tôi.

Một ngày đầu mùa xuân nọ, tôi và Ray gặp nhau sau giờ tan học và bắt đầu rảo bước theo hướng ghế đá bao xung quanh một cây đa to trong khu vực Học viện Punahou. Chiếc ghế đá này được đặt tên là Ghế Thâm niên, nhưng nó phục vụ chủ yếu như một nơi tụ họp cho những thành phần công chúng của trường trung học, những tay dô-kê, những hoạt náo viên và nhóm phục vụ tiệc với những anh hề, những người tham dự và thị nữ tranh giành nhau vị trí trên dưới những thang cấp vòng tròn. Một trong những gã thâm niên của chúng tôi, một hậu vệ to khỏe tên là Kurt, cũng có mặt ở đó, và anh ta đã la lên ngay lúc vừa nhận ra chúng tôi.

"Chào Ray! Anh bạn tốt bụng của tôi! Chuyện gì đang xảy ra!"

Ray bước lên và vỗ vào bàn tay xò rộng giường ra của Kurt. Nhưng khi Kurt lập lại cử chỉ đó với tôi. Tôi chỉ vẫy tay lại.

"Cậu ta gặp chuyện gì vậy?" Tôi nghe Kurt nói với Ray khi tôi lảng đi chỗ khác. Vài phút sau, Ray đến gặp tôi và hỏi chuyện gì đã xảy ra.

"Anh bạn, những gã đó chỉ nhạo báng chúng ta". Tôi nói.

"Cậu nói gì vậy?"

"Dừng ngay đi anh bạn đáng yêu của tôi, đó chỉ là trò lố bịch".

"Anh bạn ơi, ai lại nhạo cảm đột ngột như vậy? Kurt chẳng ám chỉ gì cả".

"Nếu đó là điều anh nghĩ, thì xin chào nhé -"

Khuôn mặt của Ray ánh lên sự giận dữ. "Này", anh ta nói, "Tớ chỉ muốn sự hòa thuận, hiểu chứ? Cũng chẳng khác gì tớ nhìn thấy cậu xã giao với những người khác, nói chuyện về trận đấu của cậu với những người thầy khi cậu muốn họ ban cho cậu một đặc ân nào đó.

Tất cả đại loại như 'Nè cô bạn Snooty đồng đánh, tớ thấy cuốn tiểu thuyết này cuốn hút quá, giá mà tớ có thêm được một ngày nữa cho bài luận văn, tớ sẽ hôn vào cái mông trắng bóc của cô đấy'. Đó là thế giới của họ, hiểu chứ? Họ sở hữu nó còn chúng ta thì nằm trong đó. Vậy hãy biến khuất mất đi, chết tiệt".

Ngày hôm sau, sự căng thẳng trong cuộc tranh cãi của chúng tôi đã lắng đi và Ray đề nghị tôi nên mời Jeff và Scott đến tham dự một bữa tiệc mà anh ta tổ chức ở nhà mình vào ngày cuối tuần. Tôi ngập ngừng do dự - chúng tôi chưa bao giờ mang những người bạn da trắng đến tham dự bữa tiệc của người da đen - nhưng Ray nằng nặc và tôi không thể tìm ra lý do nào để phản đối. Cả Jeff hoặc Scott cũng vậy; họ đồng ý miễn là tôi sẵn lòng đến đón họ. Và trong buổi tối thứ Bảy hôm đó, sau một trong những trận thi đấu thường lệ, ba người chúng tôi cùng chất lên chiếc Ford Granada cũ kỹ của Gramps và phóng về Schofield Barracks, cách thị trấn khoảng ba mươi dặm.

Khi chúng tôi đến, buổi tiệc đang diễn ra khá vui vẻ, và chúng tôi hướng về phía nơi phục vụ ăn uống. Sự hiện diện của Jeff và Scot dường như cũng chẳng là điều bất ngờ; Ray giới thiệu họ cho tất cả mọi người trong phòng, họ tán gẫu đôi lời vui vẻ, họ mời một vài cô gái ra sàn nhảy. Nhưng ngay lập tức tôi có thể nhận thấy rằng khung cảnh buổi tiệc đã khiến cho những người bạn da trắng của tôi phải kinh ngạc. Họ liên tục cười đùa vui vẻ. Họ cùng nhau rúc vào trong góc phòng. Họ gật đầu có vẻ e dè theo nhịp điệu của tiếng nhạc và cứ sau một vài phút lại nói "Xin lỗi". Sau đó khoảng một giờ đồng hồ họ hỏi liệu tôi có sẵn lòng đưa họ về nhà không.

"Chuyện gì vậy?" Ray la lên át cả tiếng nhạc khi tôi bước đến để báo với anh ta rằng chúng tôi phải về. "Mọi thứ chỉ mới bắt đầu nóng lên thôi mà".

"Tớ đoán họ chẳng quan tâm gì đến chuyện đó cả".

Mắt của hai chúng tôi dán vào nhau, và một hồi lâu chúng tôi vẫn đứng đó, xung quanh vẫn rộn ràng những tiếng cười la vui vẻ. Không một dấu hiệu miễn nguyện nào ánh lên trong đôi mắt của Ray, cũng chẳng lấy một vẻ thất vọng nào cả; chỉ là một cái nhìn chằm chằm kiên định, không chớp như mắt của con rắn. Sau cùng

anh ta chia tay ra và tôi cầm chặt lấy nó, mắt của chúng tôi vẫn dán chặt vào nhau. “Thôi hẹn gặp lại sau nhé”, anh ta nói, bàn tay chậm rãi trượt khỏi lòng bàn tay tôi, và tôi nhìn anh ta quay mặt bước đi xuyên qua đám đông, trò chuyện với cô gái mà chỉ trước đó vài phút anh ta đã tiếp chuyện.

Bên ngoài không khí trở nên mát mẻ. Con đường tuyết đối vắng lặng, và không một bóng xe cộ qua lại ngoại trừ sự rung động yếu dần phát ra từ chiếc máy đĩa của Ray, những ánh đèn xanh lập lờ trên những cánh cửa sổ của những nhà gỗ boongalo nằm rải rác khắp nơi dọc theo con đường làng sáng sủa, những bóng cây rủ bóng trên một sân bóng bầu dục. Trong xe, Jeff choàng tay lên vai tôi, với vẻ hối lỗi và dịu bớt sự căng thẳng. “Cậu biết đấy, anh bạn” anh ta nói, “Sự kiện này thật sự đã dạy cho tôi một điều gì đó. Ý tôi là, thỉnh thoảng tôi có thể nhìn thấy hấn là gay go đến mức nào cho anh và Ray trong các bữa tiệc ở trường... khi chỉ là những người da đen duy nhất”.

Tôi khịt mũi. “Đúng đấy”. Một phần trong tôi tức thì như muốn cho hấn một cú đấm vào mồm. Chúng tôi bắt đầu hướng theo con đường chạy về thị trấn, và trong sự tĩnh lặng đó, tâm trí tôi bắt đầu gợi lên những lời lẽ mà Ray nói với Kurt vào ngày hôm đó, tất cả những cuộc tranh luận mà chúng tôi có được, những sự kiện trong buổi tối hôm nay. Và lúc tôi thả những người bạn của mình xuống xe, tôi bắt đầu nhìn thấy một bản đồ mới về thế giới, một thế giới thật kinh khủng trong sự ngu xuẩn của nó, một thế giới ngọt ngào trong những hàm ý của nó. Chúng tôi luôn chơi trên phần sân của người da trắng, Ray đã từng nói với tôi như vậy, bởi chính những luật lệ của người da trắng. Nếu vị hiệu trưởng, hoặc huấn luyện viên, hoặc một người thầy, hoặc Kurt, muốn phỉ nhổ vào mặt anh, họ đều có thể, bởi vì họ có quyền lực còn anh thì không. Nếu họ quyết định không làm vậy, nếu họ đối xử với anh như một con người hoặc đến để bảo vệ anh, đó là bởi họ biết rằng những lời anh nói ra, quần áo anh mặc, những cuốn sách anh đọc, những tham vọng và khát khao của anh, tất cả đã là của họ. Bất cứ điều gì họ muốn làm, đó là quyết định riêng của họ, chứ không phải của anh, và bởi quyền lực cơ bản mà họ chế ngự trên anh, bởi vì nó đã có từ trước và tồn tại lâu hơn những xu hướng và động thái cá nhân của họ, bất cứ sự khác biệt

nào giữa người da trắng tốt và người da trắng xấu đều mang một ý nghĩa không đáng kể. Thực ra, anh không thể chắc chắn được rằng những thứ anh thừa nhận là sự biểu lộ về cái bản ngã da màu được giải thoát của anh - sự hóm hỉnh, bài hát, cú chuyển bóng từ phía sau - được tự do chọn lựa bởi chính bản thân anh. Tốt lắm những thứ này cũng chỉ là nơi nương tựa; nếu không muốn nói là cái bẫy. Với kiểu lô-gic đáng ghét này, điều duy nhất mà bạn có thể chọn lựa như cái riêng của mình là sự thoái lui vào trong cái vòng xoắn nhỏ dần nhỏ dần của sự oán hận, cho đến khi chỉ là màu đen, sự hiểu biết về tình trạng bất lực của chính bản thân anh và sự thất bại đắng cay của mình. Và sự trở trêu cuối cùng: Nếu anh không đón nhận sự thất bại này và chửi mắng vào những người bắt giữ anh, họ sẽ có một cái tên cho thái độ đó, một cái tên vốn có thể giam cầm anh như là một điều tốt. Kẻ hoang tưởng. Một chiến binh. Một kẻ bạo ngược. Một tên da màu.

Vài tháng sau đó, tôi đã chờ đợi cái viễn cảnh ác mộng này. Tôi thu thập những cuốn sách từ thư viện - Baldwin, Ellison, Hughes, Wright, Dubois. Đêm về tôi đóng cửa phòng và nói với ông bà ngoại rằng tôi phải làm bài tập ở nhà, và trong đó tôi ngồi và vật lộn với những lời lẽ, bị khóa chặt trong cuộc tranh luận đột nhiên trở nên tuyệt vọng, cố gắng dung hòa cái thế giới mà tôi đã cảm nhận được từ khi sinh ra. Nhưng chẳng có lối thoát nào được tìm thấy cả. Trong mỗi trang sách, về nhân vật Bigger Thomas và những người vô hình, tôi đã nhận thấy cùng một nỗi thống khổ, cùng một sự hoài nghi; một sự tự coi thường mà không sự châm biếm hoặc nhà tài trí nào có thể thay đổi được. Ngay cả sự hiểu rộng của DuBois, tình yêu của Baldwin và óc khôi hài của Langston cuối cùng cũng phải đầu hàng trước sức mạnh hủy hoại của nó, mỗi con người buộc phải nghi ngờ về quyền lực cứu rỗi của nghệ thuật, mỗi một người cuối cùng buộc phải rút lui, một đến châu Phi, một đến châu Âu, một đi sâu vào lòng của Harlem, nhưng tất cả họ đều cùng trên một chuyến bay mệt mỏi, kiệt sức, những con người đáng cay, những điều khủng khiếp luôn theo sát họ.

Chỉ có tự truyện của Malcolm X dường như mang lại một điều gì đó khác biệt. Những hành động được lặp đi lặp lại của ông về sự tự

sinh đã tác động đến tôi; dùng thơ ca để bộc lộ thẳng thừng quan điểm của mình, một sự khẳng định không tỏ vẻ đối với sự kính trọng, đã hứa hẹn một trật tự mới không nhượng bộ, tính thượng võ trong kỷ luật của nó, vượt lên nhờ vào sức mạnh tuyệt vời của ý chí. Tất cả những thứ khác, đề tài về những con quỷ mắt xanh và sự mặc khải, liên quan đến chương trình đó, tôi nghĩ, một thứ hành lý tôn giáo mà bản thân Malcolm dường như đã từ bỏ một cách dè dặt cho đến cuối đời. Và tuy nhiên, ngay khi tôi tưởng tượng chính mình bước theo tiếng gọi của Malcolm, một vần thơ trong cuốn sách đã giữ tôi lại. Ông nói về một ước mơ mà có lần ông đã nghĩ đến, ước mơ rằng dòng máu da trắng chảy xuyên qua ông, như một hành động bạo lực, bằng cách nào đó có thể bị tẩy xóa. Đối với Malcolm, tôi biết rằng ước mơ đó sẽ không bao giờ là ngẫu nhiên. Tôi cũng biết rằng việc đi xuống phố để tự kính trọng dòng máu da trắng riêng của mình sẽ không bao giờ lùi vào sự trừu tượng đơn thuần. Tôi cảm thấy hoang mang mình còn sẽ chia rẽ những gì khác nữa nếu và khi tôi để mẹ tôi và ông bà ngoại ở một ranh giới xa lạ nào đó.

Và cũng vậy: nếu sự khám phá của Malcolm cho đến tận cuối đời, rằng một số người da trắng có thể sống bên cạnh ông như những người anh em ở Đạo Hồi, điều đó dường như mang lại một hy vọng nào đó về sự hòa giải tất yếu, niềm hy vọng hé lên ở một tương lai xa xôi, trong một miền đất xa tít. Lúc ấy, tôi chờ đợi chứng kiến những người này sẽ đến từ đâu và ai sẽ sẵn sàng đấu tranh để hướng đến tương lai này và định cư trong một thế giới mới. Một ngày nọ, sau trận thi đấu bóng rổ ở sân tập của trường, Ray và tôi tình cờ bắt chuyện với một người đàn ông dáng vóc cao và xương xẩu tên là Malik người thỉnh thoảng thi đấu cùng với chúng tôi. Malik nhắc đến việc anh ta là tín đồ của Quốc gia Đạo Hồi nhưng kể từ khi Malcolm qua đời anh ta đã dọn đến sống ở Hawaii và không còn đến nhà thờ hay tham gia các cuộc họp chính trị, dẫu có lúc anh ta vẫn tìm thấy sự an ủi nào đó khi một mình cầu nguyện. Một trong những gã ngồi gần chúng tôi hẳn đã nghe lỏm được những gì chúng tôi nói, bởi vì anh ta nghiêng người với một vẻ sắc sảo toát lên trên khuôn mặt.

“Các anh đang nói về Malcolm đấy à? Malcolm nói về điều đó như chính nó là vậy, không nghi ngờ gì cả”.



“Ừ”, một gã khác nói. “Nhưng tôi cho các anh biết rằng - các anh sẽ chẳng thấy tôi dọn đến rừng rậm châu Phi nào cả. Hoặc một vùng hoang mạc chết tiệt nào đó, ngồi trên một tấm thảm cùng với một đám người Ả-rập. Không đâu thưa sếp. Và các anh sẽ không nhìn thấy tôi ngừng ăn các món thịt sườn”.

“Hãy cho bọn chúng thịt sườn đi”.

“Và cả cái thứ dơ dáy của đàn bà nữa. Không Malcolm chẳng nói về thứ đó? Bây giờ các anh biết điều đó chẳng có tác dụng gì”.

Tôi nhìn thấy Ray cười to và nhìn hấn ta một cách nghiêm nghị. “Anh cười cái gì thế?” Tôi nói với anh ta. “Anh chưa bao giờ đọc về Malcolm. Anh không biết gì cả về những gì ông ta nói”.

Ray chộp quả bóng khỏi tay tôi và chạy về rìa đối diện. “Tớ chẳng cần cuốn sách nào cả để dạy mình thế nào là người da màu”, anh ta la to. Tôi bắt đầu trả lời, và rồi quay mặt về Malik, hy vọng nghe những lời ủng hộ nào đó. Nhưng gã Hồi giáo kia chẳng nói gì, khuôn mặt xương xẩu của hấn gắn với một nụ cười mơ màng.

Sau đó tôi quyết định giữ kín những suy tính của mình, cố che giấu tâm trạng bồn chồn nôn nóng. Vài tuần sau, tôi bật thức dậy bởi âm thanh của một cuộc cãi vã trong nhà bếp - giọng của bà ngoại chỉ vừa đủ nghe kéo theo là tiếng lau bầu nặng nề của ông ngoại. Tôi mở cửa phòng mình và nhìn thấy Toot bước vào phòng ngủ để chuẩn bị phục trang đi làm. Tôi hỏi bà liệu chuyện gì nghiêm trọng xảy ra.

“Chẳng có gì cả. Chỉ việc ông ngoại cháu không muốn đưa bà đến công sở vào sáng nay, vậy thôi”.

Khi tôi bước vào nhà bếp, Gramps lầm bầm trong hơi thở nặng nề của mình. Ông tự pha cho mình một cốc cà phê khi tôi nói với ông là tôi sẵn lòng đưa Toot đến công sở nếu ông cảm thấy mệt mỏi. Đó là một lời ngỏ ý dừng cảm bởi tôi không thích dậy sớm. Ông cau có nhìn chăm chăm vào tôi.

“Đó không phải là vấn đề. Bà ấy chỉ muốn ta cảm thấy tệ hơn mà thôi”.

“Cháu nghĩ không phải vậy đâu, Gramps à”.

“Ta nói không sai đâu”. Ông nhấp một hớp cà phê. “Bà ấy đã từng đón xe buýt kể từ khi khởi sự công việc ở nhà băng. Bà nói rằng như vậy tiện lợi hơn. Nhưng giờ đây, chỉ bởi cảm thấy như bị quấy nhiễu chút ít về một điều gì đó, bà ấy muốn thay đổi mọi thứ”.

Dáng người bé nhỏ của Toot lảng vảng ở hành lang căn hộ, nhìn chăm chăm vào chúng tôi phía sau cặp kính của bà.

“Không chắc như vậy đâu Stanley à”.

Tôi đưa bà vào căn phòng khác và hỏi bà chuyện gì đã xảy ra.

“Hôm qua một người đàn ông xin bà tiền trong lúc bà đang đợi xe buýt”.

“Chỉ có vậy thôi hả bà?”

Môi bà mím chặt với sự tức tối dữ dội. “Hắn rất hung hăng, Barry à. Rất hung hăng. Bà cho hắn một đô la nhưng hắn còn muốn thêm. Nếu chiếc xe buýt không đến kịp, bà nghĩ có thể hắn đã cho bà một cú dấm vào đầu”.

Tôi trở lại nhà bếp. Gramps đang nâng cốc cà phê lên, lưng ông quay về hướng tôi. “Ông ơi”, tôi nói, “Tại sao ông không để cháu đưa bà đi. Bà dường như hơi bức bối”.

“Chỉ bởi một gã ăn mày thôi sao?”

“Vâng, cháu biết - nhưng có thể điều đó cũng khiến cho bà phải sợ phần nào khi nhìn thấy một gã đàn ông to lớn nào đó cản đường. Đó thật sự chẳng là gì cả”.

Ông quay mặt lại và tôi nhìn thấy ông đang run rẩy. “Chuyện lớn đấy. Chuyện lớn đối với ta đấy. Trước đây bà đã từng bị quấy nhiễu bởi những gã đàn ông. Lần này cháu biết tại sao bà ấy lại sợ như vậy không? Ông sẽ cho cháu biết. Trước khi cháu đi vào, bà đã nói với ông rằng gã đó là người *da màu*”. Ông ấy thì thầm cái từ đó. “Đó là lý do thật sự tại sao bà cảm thấy bị quấy nhiễu. Và ông không cho rằng điều đó đúng”.

Những lời đó như một cú dấm vào bụng tôi, và tôi lão đảo cổ để lấy lại thăng bằng. Bằng giọng bình tĩnh nhất của mình, tôi nói với

ông rằng thái độ như vậy cũng khiến tôi khó chịu, nhưng tôi quả quyết rằng nỗi sợ hãi của Toot sẽ trôi qua thôi và lúc này chúng ta nên đưa bà đi. Gramps ngồi sụp vào ghế trong phòng khách và nói ông rất lấy làm tiếc vì đã cho tôi biết. Trước mặt tôi, ông trông bé nhỏ, già cả và rất phiền muộn. Tôi đặt tay lên vai ông và nói, mọi việc sẽ ổn thôi, tôi đã hiểu ra điều đó.

Chúng tôi ngồi như thế trong nhiều phút, trong sự im lặng nhọc nhằn. Cuối cùng ông quả quyết rằng tự ông sẽ đưa Toot đi, và nặng nề đứng dậy mặc áo. Sau khi họ đi, tôi ngồi trên cạnh giường và suy nghĩ về ông bà. Họ đã hy sinh không biết bao lần vì tôi. Họ đã dồn mọi hy vọng mong manh vào sự thành công của tôi. Họ không bao giờ khiến tôi phải nghi ngờ về tình yêu của họ dành cho tôi; tôi tự hỏi đã bao giờ họ làm như vậy chưa. Và tuy nhiên tôi biết rằng những người có thể dễ dàng là anh em của tôi vẫn có thể gây nên những nỗi sợ hãi kinh khủng nhất.

Đêm đó, tôi lái xe tới Waikiki, băng qua những khách sạn sáng đèn và hướng xuống Kênh Ala-Wai. Tôi phải mất một lúc để nhận ra ngôi nhà với ngọn đuốc run run và mái nhà dốc thấp lè tè. Bên trong, đèn vẫn sáng, và tôi có thể thấy Frank đang ngồi trong chiếc ghế bọc nệm dày, đang đặt trên đùi một tập thơ, đôi kính đọc sách của ông đang trượt xuống mũi. Tôi ngồi trong xe, quan sát ông một hồi, rồi cuối cùng bước xuống đóng cửa lại. Cụ già uể oải ngược mắt lên khi ông đứng dậy mở chốt cửa. Đã ba năm rồi tôi mới lại nhìn thấy ông.

"Uống gì?" ông hỏi tôi. Tôi gạt đầu và nhìn ông lồi xuống một chai whisky và hai tách nhựa từ kệ chén nhà bếp. Trông ông vẫn như xưa, hàm râu xồm xoàm hơi bạc hơn, run run như dây thường xuân tàn úa trên bờ môi nặng nề của ông, những động tác cử động rời rạc khó khăn hơn như thể ông bị cột vào một sợi dây thừng ở vòng eo.

"Ông ngoại cháu thế nào?"

"Ông ấy vẫn khỏe".

"Vậy cháu đến đây làm gì?"

Tôi không chắc. Tôi kể cho Frank nghe những điều đã xảy ra. Ông gạt đầu và đổ rượu vào cốc. "Ông ngoại cháu là một chú mèo

kỳ quặc", ông nói. "Cháu biết đấy ta và ông cháu sống cách xa nhau khoảng năm mươi dặm?"

Tôi lắc đầu.

"Ta chắc là như vậy. Cả ta và ông cháu đều sống gần Wichita. Dĩ nhiên bọn ông hầu như không biết nhau. Ta đã dọn đi vào thời điểm mà ông cháu đủ già để có thể nhớ mọi thứ. Có thể ta đã từng gặp một số người của ông ấy. Hoặc có thể đã vô tình đi ngang qua họ trên đường. Nếu ta biết đó là họ, hẳn là ta sẽ bước lên vỉa hè để nhường đường cho họ. Ông cháu có bao giờ kể cho cháu nghe những điều như vậy không?"

Tôi nuốt một ngụm whiskey xuống cổ họng, một lần nữa lại lắc đầu.

"Không", Frank nói, "Ta không nghĩ là ông ấy sẽ kể. Stan không thích nói nhiều về một phần đời ông ở Kansas. Điều đó làm cho ông cảm thấy không được thoải mái. Có lần ông ấy kể cho ta nghe về một cô gái da màu mà ông đã thuê để trông nom mẹ cháu. Con gái của một nhà thuyết pháp, ta nghĩ vậy. Ông kể cho ta vì sao cô ấy lại trở thành một phần chính thức của gia đình. Đó là cách ông ta nhớ lại, cháu hiểu chứ - cô gái này đến để trông nom con cái cho người khác, mẹ cô cũng vậy, bà ta làm công việc giặt ủi cho người khác. Một phần chính thức của gia đình".

Tôi với tay lấy chai rượu, lần này là đổ vào cốc của tôi. Frank không nhìn tôi; lúc này mắt ông nhắm lại, đầu ông tựa vào thành ghế, khuôn mặt to bự nhẵn nhọt của ông trông chẳng khác gì một bức chạm trở bằng đá. "Cháu không thể trách Stan bởi chính những gì thuộc về ông ấy", Frank nói một cách nhỏ nhẹ. "Ông vốn là một người tốt. Nhưng ông không biết ta. Bất cứ điều gì hơn cả việc ông ấy biết về cô gái đã từng chăm sóc cho mẹ cháu. Ông ta không thể biết ta, không phải như kiểu ta biết về ông ấy. Có lẽ chỉ một số ít những người Hawaii hay những thổ dân da đỏ trên vùng đất riêng của họ có thể. Họ đã chứng kiến những người cha của họ bị lăng mạ. Những người mẹ bị báng bổ. Nhưng ông cháu sẽ không bao giờ biết cảm giác đó như thế nào. Đó là lý do tại sao ông ấy có thể đến đây để uống whiskey với ta và ngủ thiếp đi trên chiếc ghế mà cháu đang ngồi đấy.

Ngủ như một đứa bé. Cháu hiểu không, đó là điều mà ta không bao giờ có thể làm trong ngôi nhà của ông ấy. *Không bao giờ*. Không hoài đến việc ta mệt mỏi và chán ngắt như thế nào, ta vẫn phải nhìn lại chính mình. Ta phải cảnh giác vì sự tồn tại cho riêng mình”.

Frank mở mắt ra. “Điều ta đang cố để cho cháu biết là việc bà cháu sợ hãi là đúng. Ít ra bà ấy cũng đúng như Stanley. Bà hiểu rằng người da màu có lý do để oán hận. Đó là cách thức của vấn đề. Vì cháu, ta ao ước nó sẽ khác đi. Nhưng lại không được như thế. Vậy có thể cháu phải cố mà thích nghi với nó”.

Frank lại nhắm mắt. Hơi thở ông chậm chạp cho đến khi ông dường như đã thiếp đi. Tôi nghĩ đến việc đánh thức ông ấy dậy, rồi quyết định không, và quay trở lại chiếc xe. Mặt đất như rung động dưới hai bàn chân tôi, sẵn sàng nứt ra bất cứ lúc nào. Tôi dừng lại, cố lấy lại thăng bằng, và lần đầu tiên tôi hiểu rằng tôi hoàn toàn đơn độc.

## Chương năm

Ba giờ sáng. Mặt trăng tỏa xuống những con đường vắng lặng, tiếng gầm rú của chiếc xe tăng tốc hướng xuống một con đường xa tắp. Những kẻ ăn chơi về đêm lúc này cũng đã no say, cặp đôi hoặc một mình, chìm sâu trong giấc ngủ nồng nặc mùi bia rượu, Hasan ở nơi của một cô gái vừa mới quen của mình - cũng không còn thức nổi, anh ấy ra hiệu bằng một cái nháy mắt. Lúc này đây chỉ có hai chúng tôi đợi chờ đến khi mặt trời mọc, tôi và Billie Holiday, giọng cô ấy lú lo trong căn phòng tối đen, nhướng người về phía tôi như một người tình.

*Em là một kẻ khờ..... khi thích anh.*

*Một người khờ khạo..... khi yêu anh.*

Tôi rót rượu vào cốc và lướt mắt nhìn quanh khắp phòng: những đĩa bánh qui vụn nát, những chiếc gạt tàn thuốc đầy tràn, những cái chai trống không trông như những tòa nhà in hình trên bầu trời. Một bữa tiệc tuyệt vời. Đó là điều mà mọi người nói. Trông chờ Barry và Hasan làm sống động căn phòng. Mọi người ngoại trừ Regina. Regina không cảm thấy thích thú. Cô ấy đã nói gì trước khi ra về? *Anh luôn nghĩ về anh.* Và rồi một thứ gì đó về bà ngoại cô ấy. Giống như tôi phải chịu trách nhiệm cho số phận của toàn bộ chủng tộc da màu. Như thể chính tôi người đã bắt bà ngoại cô ấy phải quỳ gối suốt cả

đời. Mặc xác Regina. Mặc xác cho cái vẻ cao ngạo, đạo đức hiện lên trong đôi mắt cô ấy. Cô ấy không biết tôi. Cô ấy không hiểu tôi đến từ đâu.

Tôi ngã người ra chiếc sofa và châm một điếu thuốc, quan sát que diêm cháy dần cho đến khi nó đến gần đầu ngón tay, rồi cảm thấy đau nhói ở da khi tôi dùng hai đầu ngón tay dập tắt ngọn lửa. *Cái trò bịp bợm gì vậy?* người đàn ông hỏi. *Cái trò bịp bợm đó chẳng màng gì đến sự đau đớn mà anh hứng chịu.* Tôi cố nhớ lại nơi mà tôi đã nghe câu nói này, nhưng giờ đây nó đã mất hút trong tôi, như một khuôn mặt đã bị lãng quên. Chẳng sao cả. Billie cũng biết cái trò đó; nó nằm trong cái giọng nói run run rã rời của cô ta. Và tôi cũng biết; đó là điều mà hai năm sau cùng của tôi ở trung học luôn bồn chồn về, sau khi Ray chuyển đến một trường cao đẳng ở đâu đó và tôi đã dẹp những cuốn sách qua một bên; sau khi tôi dừng viết thư cho cha tôi và ông ấy cũng không buồn hồi âm. Tôi trở nên chán chường trong nỗ lực gỡ rối một mớ hỗn độn vốn chẳng phải do mình tạo nên.

Tôi cố để chẳng quan tâm đến.

Tôi thối ra những vòng tròn khói thuốc, nhớ lại những năm tháng đó. Cần sa trợ lực, với cả rượu chè; có thể là một ít cô-ca-in nếu khi nào có tiền. Song chẳng bao giờ là heroin - cho dù Micky, kẻ khởi xướng tiềm năng của tôi, có vẻ háo hức muốn tôi trải nghiệm cảm giác này. Nói rằng anh ta có thể làm việc đó với đôi mắt được bịt lại, nhưng anh ta run run như một động cơ bị hư khi anh ta nói về điều đó. Có thể anh ta lạnh; chúng tôi đứng trong một quầy ướp thịt ở phía sau cửa hàng thực phẩm nơi làm việc của anh ta, có thể chỗ này nhiệt độ không thể cao hơn hai mươi độ. Nhưng anh ấy không có vẻ như run rẩy vì cái lạnh này. Đúng hơn anh ấy đang toát mồ hôi, khuôn mặt sáng lên và căng thẳng. Anh rút cây kim và ống chích ra, tôi nhìn anh ta đứng đó, bao quanh là những lát xúc xích Ý và thịt bò nướng, và rồi sau đó là hình ảnh một chiếc bong bóng không khí nhảy vào đầu tôi, sáng chói và tròn trịa như một viên ngọc quý, lăn tròn âm thầm xuyên qua mạch máu và khiến cho quả tim tôi ngừng đập...

Một tên nghiện ngập. Một gã không thể thiếu cần sa. Đó là những gì tôi hướng đến: vai trò cuối cùng và sống còn của một thanh niên

da màu trẻ trung đầy triển vọng. Nhưng những cảm giác đê mê đó chẳng phải là gì, tôi đang cố chứng tỏ mình là một người tuyệt vọng đến đường nào. Dù sao cũng không phải như thế. Tôi ngập chìm trong cảm giác lâng lâng đó chỉ vì một ảnh hưởng đối nghịch, một điều gì đó có thể tổng khứ những dẫn vật về tôi là ai ra khỏi tâm trí, một điều gì đó có thể làm lắng dịu cơn bão lòng, làm lu mờ những khía cạnh trong ký ức. Tôi đã khám phá ra rằng chẳng có sự khác biệt nào khi bạn hút thuốc marijuana trong chiếc xe mới bóng bẩy của người bạn học da trắng, hoặc trong phòng ký túc xá của một người anh em nào đó bạn gặp ở dưới sân tập, hoặc trên bãi biển với một vài đứa trẻ Hawaii đã bỏ học và giờ đây đang tiêu khiển phần lớn thời gian của chúng để tìm cái cơ gì đó để đánh nhau. Không ai hỏi liệu bố anh là một ông chủ lớn không chung thủy với vợ mình hoặc một gã nào đó bị sa thải thường vỗ về bạn mỗi khi bạn về nhà. Có thể bạn sẽ cảm thấy chán nản hoặc cô đơn. Mọi người được hoan nghênh vào hội của những kẻ bất mãn. Và nếu cảm giác đê mê đó không giải quyết bất cứ điều gì làm bạn suy sụp, ít ra nó cũng có thể giúp bạn cười nhạo vào cái sự điên rồ triền miên của thế giới và thấy rõ bản chất của thái độ đạo đức giả, những điều nhảm nhí và cái luân lý rẻ tiền.

Dù sao, đối với tôi lúc ấy là vậy. Phải mất vài năm trời trước khi tôi nhận thấy cách thức những số phận bắt đầu tự định đoạt, sự khác biệt mà màu da và tiền bạc rót cuộc đã tạo ra, ai tồn tại, cảm giác mềm mại hay thô ráp trên mặt đất khi cuối cùng bạn ngã xuống. Dĩ nhiên, một trong hai cách bạn luôn cần đến sự may mắn nào đó. Đó là cái hẫu như Pablo không có được, vì không mang theo bằng lái vào ngày hôm đó, viên cảnh sát không làm gì khác hơn là kiểm soát thùng xe của anh ta. Hoặc Bruce, không tìm thấy con đường trở về sau quá nhiều chuyến buôn ma túy tồi tệ và phải lẩn quẩn trong một trang trại nực cười. Hoặc Duke, không bước ra được khỏi cái xác xe...

Có lần tôi cố giải thích một vài chi tiết này cho mẹ tôi, tầm quan trọng của sự may mắn trên thế giới này, vòng xoay của chiếc bánh xe. Đó là thời điểm bắt đầu năm cuối cùng của tôi ở trung học; bà trở về Hawaii, công việc điều tra hiện trường của bà đã hoàn tất, và một ngày nọ bà bước vào phòng tôi, muốn tìm hiểu chi tiết về vụ Pablo bị bắt. Tôi nhìn bà với một nụ cười trấn an, vỗ nhẹ vào bàn tay bà và



nói bà đừng lo lắng, tôi không làm điều gì khờ khạo cả. Đó thường là một thủ đoạn hiệu quả, một thủ đoạn khác trong những trò bịp bợm mà tôi đã từng biết: con người cảm thấy thỏa mãn khi bạn tỏ ra nhã nhặn, mỉm cười và không tạo bất cứ một động thái đột ngột nào. Họ còn hơn cả việc được thỏa mãn, họ cảm thấy được giải tỏa - thật là một sự ngạc nhiên thú vị khi tìm thấy một người đàn ông da màu trẻ trung lịch sự, người có vẻ như không bao giờ giận dữ.

Nhưng mẹ tôi không trông có vẻ mãn nguyện như vậy. Bà chỉ ngồi đó, dò xét trong ánh mắt của tôi, khuôn mặt của bà lạnh lùng như một chiếc xe tang.

"Con không nghĩ là con hơi hờ hững về tương lai của mình không?"

"Mẹ muốn nói gì vậy?"

"Con biết rõ những gì mẹ muốn nói. Một trong những người bạn của con vừa mới bị bắt vì sở hữu ma túy. Thứ hạng của con đang trượt dần. Con thậm chí còn không bắt đầu việc đăng ký học đại học nữa. Mỗi khi mẹ cố để nói với con về điều đó thì con lại tỏ ra như thể mẹ là một kẻ độc tài tỏ vẻ tử tế".

Tôi không cần nghe tất cả điều này. Không phải việc tôi thi trượt đại học. Tôi bắt đầu cho bà biết suy nghĩ của tôi về việc không học đại học, tôi có thể ở lại Hawaii và tham gia một vài khóa học và làm công việc bán thời gian. Bà cắt ngang trước khi tôi có thể kết thúc. Bà nói rằng tôi có thể tham dự bất cứ trường học nào trong đất nước này, nếu tôi chỉ cần một ít cố gắng. "Hãy nhớ như vậy? Nỗ lực? Chết tiệt, con không thể ngồi chơi xơi nước như gã Charlie chỉ biết đến thú vui, đợi chờ sự may mắn đến cứu vớt".

"Ai là thứ chỉ biết đến thú vui?"

"Charlie. Một kẻ lừa nhác".

Tôi nhìn bà đang ngồi đó, nét mặt sao mà nghiêm nghị và chắc chắn về số mệnh của con trai bà. Ý tưởng rằng sự tồn tại của tôi phụ thuộc vào may mắn vẫn là một thứ dị biệt đối với bà; bà một mực đòi giao ban trách nhiệm đến một nơi nào đó - cho chính bà, cho Gramps, cho Toot và cho tôi. Đột nhiên tôi cảm thấy như đâm thủng vào sự chắc

chấn đó của mẹ tôi, để bà biết rằng sự mong mỏi của bà nơi tôi đã thất bại. Thay vì la to, tôi lại cười. “Một Charlie chỉ biết đến thú vui, hử? Tại sao không chứ? Có thể đó là điều con muốn trong cuộc đời này. Ý con là, mẹ hãy nhìn vào Gramps đi. Ông ấy cũng đâu học đại học”.

Sự so sánh ấy đã làm bà sững sốt. Khuôn mặt bà trở nên mệt mỏi, đôi mắt bà như mất đi vẻ kiên định. Một điều gì đó đột nhiên lóe ra trong óc tôi, sự sợ hãi lớn nhất của bà. “Đó có phải là điều mà mẹ lo không? Tôi hỏi. “Đó là rồi con cũng sẽ như Gramps phải không mẹ?”

Bà vội lắc đầu. “Con đã được giáo dục nhiều hơn ông ngoại”, bà nói. Nhưng sự chần chừ đó cuối cùng cũng yếu dần đi từ trong giọng nói của bà. Thay vì tiếp tục tranh cãi, tôi đứng dậy và rời khỏi căn phòng.

Billie ngừng hát. Sự yên lặng có vẻ như nặng trĩu, và đột nhiên tôi cảm thấy rất tỉnh. Tôi bật dậy khỏi chiếc ghế dài, bật máy đĩa, nốc cạn những gì còn lại trong ly, rồi lại rót đầy ly khác. Trên lầu, tôi có thể nghe ai đó đang đội toi-lét, đi ngang qua căn phòng. Một người bị chứng mất ngủ khác, có thể như vậy, đang lắng nghe cuộc đời trôi qua theo tiếng tích tắc của kim đồng hồ. Đó là vấn đề do rượu và ma túy, phải không nhỉ? Có những lúc họ không thể dừng được âm thanh tích tắc đó, âm thanh của một sự trống không nào đó. Và tôi nghĩ đó là điều mà tôi cố để mẹ tôi biết vào ngày hôm ấy: rằng niềm tin của bà vào công lý và sự hợp lẽ được đặt không đúng chỗ, rằng rốt cuộc chúng ta không thể làm gì được, tất cả nền giáo dục và những ý định tốt đẹp trên thế giới này không thể giúp lấp kín những lỗ sâu trong vũ trụ hoặc sẽ cho bạn quyền lực để thay đổi một lộ trình đại đột và mù quáng của nó.

Tuy nhiên, tôi cảm thấy tệ hại sau cái sự kiện đặc biệt đó; đó là một mảnh lời mà mẹ tôi luôn luôn giữ kín, cách bà khiến cho tôi phải cảm thấy mình có lỗi. Bà cũng không do dự về điều đó. “Con không thể giúp được gì”, bà có lần đã nói với tôi. “Nhét nó vào trong thức ăn em bé của con đi. Dẫu vậy cũng đừng lo”, bà thêm vào, nở nụ cười trông như nhân vật Mèo Cheshire trong *Những Cuộc Phiêu Lưu Ở Wonderlands* của Lewis Carroll. “Một liều vừa đủ của tội lỗi cũng

chẳng làm cho ai đau đớn cả. Đó là cái mà nền văn minh được xây dựng trên đó, sự tội lỗi. Một cảm xúc quá đỗi tầm thường”.

Lúc ấy chúng tôi có thể đùa cợt về điều đó bởi những nỗi sợ hãi tồi tệ nhất của bà vẫn chưa hết. Tôi tốt nghiệp mà không gặp sự rủi ro nào, được đón nhận vào học trong một số trường danh tiếng, và tôi đã quyết định học ở Occidental College ở Los Angeles chủ yếu là do tôi gặp một cô gái đến từ Brentwood trong lúc cô đang đi nghỉ mát ở Hawaii cùng với gia đình. Nhưng tôi vẫn tiếp tục trải qua những cảm xúc dao động, sự thờ ơ với đại học cũng như hầu hết mọi thứ khác. Ngay cả Frank cũng nghĩ rằng tôi có một thái độ tồi tệ, mặc dù ông không hiểu rõ lắm về việc tôi nên thay đổi điều đó như thế nào.

Frank gọi đại học là gì? *Một bằng cấp tiên tiến của sự thỏa hiệp*. Tôi nghĩ lại thời điểm cuối cùng tôi ghé thăm nhà thơ già này, một vài ngày trước khi tôi rời Hawaii. Chúng tôi nói chuyện phiếm trong một chốc; ông phàn nàn về hai bàn chân của mình, những cục chai và xương gót nhô ra là kết quả trực tiếp của việc cố nhét bàn chân châu Phi vào đôi giày châu Âu. Cuối cùng ông hỏi tôi mong mỏi điều gì từ đại học. Tôi nói với ông rằng tôi không biết. Ông lắc đầu, cái đầu lớn đã điểm bạc.

“Ừ”, ông nói, “đó là vấn đề, phải không nào?” Cháu *không biết* đâu. Cháu cũng như tất cả những gã trẻ tuổi ở đấy thôi. Điều cháu cần biết đó là đại học là cái tiếp theo mà cháu phải làm. Và những người vốn đã đủ lớn để hiểu điều đó tốt hơn, những người đã vật lộn nhiều năm trời để cháu có quyền đến trường - họ thật hạnh phúc làm sao khi nhìn thấy cháu trong đó đến mức họ sẽ không cho cháu biết sự thật. Cái giá thật sự của việc tiếp nhận vào trường”.

“Và đó là gì?”

“Hãy bỏ chủng tộc của cháu ở cửa”, ông nói. “Hãy để dân tộc của cháu phía sau”. Ông dò xét tôi qua đỉnh của đôi kính. “Hiểu điều gì đó rồi chứ, anh bạn. Cháu không phải đến trường để được giáo dục. Cháu đến đó để được *rèn luyện*. Họ sẽ rèn luyện cháu muốn những điều cháu không cần. Họ sẽ rèn luyện cháu biết phối hợp lời lẽ sao cho chúng không hàm ý bất cứ một điều gì hơn nữa. Họ sẽ rèn luyện cháu biết quên đi cái mà cháu đã biết rồi. Họ sẽ rèn luyện cháu tốt

đẹp như thế đó, cháu sẽ bắt đầu tin vào những điều họ cho cháu biết về cơ hội bình đẳng, cách của người Mỹ và tất cả những điều chết tiệt đó. Họ sẽ cho cháu một góc phòng và mời cháu tham dự những bữa ăn ngon, và nói với cháu rằng cháu làm vẻ vang cho chủng tộc của cháu. Cho đến khi cháu thật sự bắt đầu điều hành mọi thứ, và rồi họ sẽ chộp lấy cháu và cho cháu biết rằng cháu có thể là một gã da đen được huấn luyện tốt và được trả lương hậu hĩnh, nhưng cháu cũng chỉ là một tên da màu”.

“Vậy ông muốn nói với cháu điều gì - rằng cháu không nên học đại học sao?”

Đôi vai của Frank sụp xuống, và ông ngã người ra thành ghế với một tiếng thở dài mệt mỏi. “Không. Ta không nói vậy. Cháu phải học. Ta chỉ muốn cháu phải luôn mở to mắt. Phải luôn thức tỉnh”.

Câu nói đó làm tôi bật cười, suy nghĩ về Frank và Quyền lực Đen già cỗi của ông, cái bản ngã được khoát lên bởi chiếc áo len mang phong cách phi Châu điển hình. Ở một vài phương diện nào đó ông ấy kiên định chẳng khác nào mẹ tôi, nhất mực trong niềm tin của mình, sống trong cùng một thời kỳ lệch lạc của những năm sáu mươi mà Hawaii đã tạo ra. Hãy mở to mắt, ông ấy cảnh báo tôi. Không dễ làm đâu. Không phải như ở L.A đầy nắng. Không phải như việc bạn tản bộ qua sân trường Occidental, cách Pasadena vài dặm, với những hàng cây và mái nhà được lợp ngói Tây Ban Nha. Những sinh viên thân thiện và những người thầy nhiệt huyết. Vào mùa thu năm 1979, Carter, những đường dẫn ga, sự chống đối âm ỉ, tất cả đang trên đường ra đi. Reagan lại đang trên đường vào, buổi sáng ở nước Mỹ. Khi bạn rời sân trường, bạn lướt trên xa lộ đến Bãi biển Venice hoặc đến Westwood, băng qua Đông L.A. hoặc South Central mà thậm chí không ý thức điều đó, chỉ là những hàng cọ thấp thoáng như những cây bồ công anh phủ bóng trên những bức tường bê tông cao vút. L.A không hoàn toàn khác với Hawaii, không đến cả những phần bạn đã thấy. Nó chỉ lớn hơn, dễ dàng hơn để tìm thấy một thợ cắt tóc, người có thể biết cách cắt tóc cho bạn.

Dù sao, phần lớn những sinh viên da đen khác tại Oxy dường như hoàn toàn không lo gì về sự thỏa hiệp. Sân trường chúng tôi có

đủ người để làm nên một bộ tộc, và khi đến lúc phải xuống đường nhiều người chúng tôi đã chọn cách thể hiện mình như một bộ tộc, sát cánh cùng nhau, di chuyển thành từng nhóm. Năm thứ nhất đại học, khi vẫn sống trong ký túc xá, tôi thường có những cuộc thảo luận với Ray và những người da màu khác ở Hawaii, với cùng những kiểu cầu nhàu, và một bảng liệt kê những lời than phiền. Mặc khác những lo lắng của chúng tôi dường như không thể phân biệt được với những lo lắng của những đứa trẻ da trắng xung quanh. Những hạng người muốn tồn tại. Tìm kiếm một công việc thời vụ với mức thu nhập tốt sau khi tốt nghiệp. Cố để được bổ nhiệm. Tôi tình cờ phát hiện một trong những bí mật được giữ kín về người da đen: rằng hầu hết chúng tôi không quan tâm đến sự nổi dậy; rằng hầu hết chúng tôi đều mệt mỏi khi nghĩ về chủng tộc; rằng nếu chúng tôi thích giữ những bí mật của chính mình chủ yếu bởi đó là cách dễ dàng nhất để không còn suy nghĩ về điều đó, dễ dàng hơn là việc phải tiêu khiển tất cả thời gian của anh một cách điên loạn hoặc cố suy đoán bất cứ điều gì mà những gã da trắng nghĩ về anh.

Vậy tại sao tôi không thể làm như vậy?

Tôi cũng không biết. Tôi cứ cho là mình không có những thứ xa xỉ và sự chắc chắn của bộ tộc. Trưởng thành ở Compton và sự sống còn trở nên một hành động cách mạng. Anh bước vào đại học và gia đình anh vẫn ở đó tích cực ủng hộ anh. Họ hạnh phúc khi nhìn thấy anh được giải thoát; không có sự lo ngại nào về sự phản bội. Nhưng tôi không lớn lên ở Compton hoặc Watts. Tôi chẳng có gì để trốn thoát cả ngoại trừ sự hoài nghi tiềm ẩn trong chính bản thân tôi. Đúng hơn tôi trông chẳng khác nào những sinh viên da đen lớn lên ở ngoại ô, những đứa trẻ mà bố mẹ chúng đã trả một cái giá về sự giải thoát. Anh không thể nhận ra họ ngay tức thì bởi cách mà họ nói chuyện, những người mà anh ngồi cùng trong quán cà phê. Khi bị đè nén, họ sẽ bộc bạch và giải thích rằng họ không muốn bị phân loại. Họ cho anh biết rằng họ không bị nhận diện bởi màu da. Họ là những cá thể.

Đó là lý do mà Joyce thích nói về. Cô là một phụ nữ dễ nhìn, với đôi mắt xanh, nước da bánh mật và đôi môi trẻ. Chúng tôi sống trong

cùng ký túc xá trong năm đầu tiên ở đại học, và tất cả những anh bạn đều luôn đeo đuổi cô ấy. Một ngày nọ tôi hỏi cô có muốn đến tham dự buổi họp của Hiệp hội Sinh viên Da màu không. Cô ta nhìn tôi vui vẻ và lắc đầu như một đứa bé không muốn nhìn thấy những gì trên muống.

"Tôi không phải là người da màu", Joyce nói. "Tôi là người *đa chủng tộc*". Rồi cô ta bắt đầu kể cho tôi nghe về cha mình, một người *tinh cờ* mang dòng máu Ý, và là người đàn ông dịu dàng nhất thế giới; và mẹ mình, một người *tinh cờ* mang một phần dòng máu Phi Châu, một phần Pháp, một phần Mỹ bản xứ và một phần là gì đó khác. "Tại sao tôi lại phải chọn lựa giữa họ?" cô ta hỏi tôi. Giọng cô như vỡ ra và tôi nghĩ có lẽ cô ta sắp sửa khóc. "Không phải chính những người da trắng đã buộc tôi phải chọn lựa. Có lẽ trước đây đã từng như vậy, nhưng giờ đây họ sẵn sàng đối xử với tôi như một con người. Không - chính *người da đen* là những người luôn phải khiến cho mọi thứ trở nên mang tính chủng tộc. Họ là những người làm cho tôi phải lựa chọn. Họ là những người luôn bảo với tôi rằng tôi không thể là chính mình..."

Họ, họ, họ. Đó là vấn đề mà những người như Joyce gặp phải. Họ nói về sự phong phú trong di sản đa chủng tộc của họ và điều đó nghe thật sự hay, cho đến khi anh nhận ra họ né tránh người da đen. Nhất thiết đó không phải là vấn đề về sự lựa chọn chủ quan, mà là vấn đề về sức hút trọng lực, cách mà sự hợp nhất luôn áp dụng, một tuyến đường một chiều. Cái thiếu số được hấp thụ trong nền văn hóa vượt trội, chứ không phải ngược lại. Chỉ có nền văn hóa da trắng là trung lập và khách quan. Chỉ có nền văn hóa da trắng là không mang tính chủng tộc, sẵn sàng đón nhận những cái mới lạ bất chợt vào trong thứ bậc của nó. Chỉ có nền văn hóa da trắng là có những cá thể. Và chúng ta, những con người lai và những người có học vị, phải thăm dò tình hình và suy nghĩ về chính chúng ta. Tại sao chúng ta lại phải tùm tùm với những người thua cuộc khi chúng ta chẳng phải như vậy? Chúng ta chỉ biết cảm ơn vì đã tự đánh mất mình trong cái đám đông đó, một cái hội phồn vinh vô danh và hạnh phúc của nước Mỹ; và chúng ta không bao giờ biết phần nọ khi một gã tài xế taxi băng ngang qua chúng ta hay người phụ nữ trong thang máy nắm

chặt chiếc ví của mình, không đến mức như thế bởi vì chúng ta bị cản trở bởi thực tế rằng những sự sỉ nhục như vậy là cái mà những người da màu thiếu may mắn phải chịu đựng mỗi ngày trong cuộc đời họ - nhưng bởi vì chúng ta đang mặc y phục Brooks Brothers, nói tiếng Anh không chệch vào đâu được và tuy nhiên một cách nào đó cũng bị nhầm lẫn với một người da đen bình thường.

Anh không biết tôi là ai à? Tôi là *một cá thể!*

Tôi ngồi dậy, châm một điếu thuốc khác, dốc hết cái chai đó vào ly. Tôi biết mình quá đau xót với Joyce tội nghiệp. Sự thật là tôi hiểu cô ấy, và tất cả những đứa trẻ da màu khác đều có cùng sự cảm nhận như cô ấy. Trong những kiểu cách riêng của họ, cách nói chuyện của họ, và tâm hồn rối bời của họ, tôi vẫn nhận ra những phần của chính mình trong đó. Và đó đích thực là điều làm cho tôi sợ hãi. Sự hoang mang của họ luôn khiến cho tôi phải nghi ngờ về những phẩm chất riêng của mình, lá chủ bài của Ray vẫn còn ẩn nấp trong đáy lòng tôi. Tôi cần phải đặt khoảng cách giữa họ và chính mình, để tin rằng mình không bị dàn xếp - rằng tôi thật sự vẫn còn tỉnh thức.

Để tránh nhầm lẫn với một kẻ phản bội, tôi thường chọn bạn rất kỹ. Những sinh viên da màu có nhiều chính kiến. Những sinh viên nước ngoài. Người Mỹ gốc Mexico. Những giáo sư theo chủ nghĩa Mác, những người theo chủ nghĩa nam nữ bình quyền cấu trúc và những nhà thơ trình diễn theo lối nhạc rock. Chúng tôi hút thuốc và mặc áo khoác bằng thuộc da. Về đêm, trong ký túc xá, chúng tôi thảo luận về chủ nghĩa tân thuộc địa, Franz Fanon, chủ nghĩa ưu việt châu Âu và hệ thống gia trưởng. Khi chúng tôi đập tắt tàn thuốc xuống thảm ở hành lang hoặc mở đĩa hát với âm lượng lớn đến mức những bức tường bắt đầu lay động, chúng tôi chống lại những ràng buộc hà khắc của xã hội trưởng giả. Chúng tôi không thờ ơ, bất cần hoặc thiếu niềm tin. Chúng tôi bị xa lánh.

Nhưng chiến lược này thôi thì không thể cung cấp cái khoảng cách mà tôi muốn, từ Joyce hoặc quá khứ của tôi. Nói cho cùng, có hàng ngàn người gọi là những thành phần theo quan điểm cấp tiến ở đại học, phần lớn họ là người da trắng, được thăng tiến địa vị và chịu

đựng một cách vui vẻ. Không, vẫn là điều thiết yếu để chứng tỏ anh ở bên nào, để thể hiện sự trung thành của anh đối với đại công chúng da màu, để loại bỏ và bỏ nhiệm những tên tuổi nào đó.

Tôi nghĩ lại thời mà tôi còn sống ở ký túc xá, ba người chúng tôi ở trong phòng của Reggie - Reggie, Marcus và chính tôi - tiếng tí tách của những hạt mưa vỗ vào ô kính cửa sổ. Chúng tôi uống bia và Marcus kể cho chúng tôi nghe về sự bất đồng của anh ấy với L.A.P.D. "Họ không có lý do gì để ngăn cản tôi", anh ta nói. "Không lý do gì tôi không được đi vào khu vực của người da trắng. Bắt tôi phải phải nằm sóng xoài trên xe. Một trong số họ rút súng ra. Dầu vậy, tôi không để họ đe dọa tôi. Đó là điều khiến cho những tên lính man rợ như Nazi cũng phải tháo chạy, khi nhìn thấy sự sợ hãi trong một người da màu..."

Tôi quan sát Marcus nói, một thân hình gầy còm, lưng thẳng và đen bóng, hai chân vững chắc, trông thoải mái trong chiếc áo thun ngắn tay màu trắng và chiếc áo khoác vải bông chéo màu xanh. Marcus là người nhận thức rõ nhất trong những người anh em chúng tôi. Anh ấy có thể kể cho bạn nghe về ông ngoại mình, Garveyite; về mẹ mình ở St.Louis người đã tự nuôi dưỡng con cái dựa vào nghề y tá, về người chị gái vốn là thành viên sáng lập của đảng Panther cục bộ; về những người bạn thân thuộc. Dòng dõi của anh ấy là thuần khiết, sự trung thành của anh là rõ ràng, và vì lý do đó anh ta luôn luôn khiến cho tôi cảm thấy hơi bối rối, như một người em trai, người mà dù có làm bất cứ điều gì, cũng luôn đứng sau một bước. Và đó là cách mà tôi cảm nhận trong khoảnh khắc đó, lắng nghe Marcus tuyên bố về trải nghiệm da màu đích thực của mình, thì Tim bước vào phòng.

"Chào các anh bạn", Tim nói, vẫy tay vui vẻ. Anh ta quay về phía tôi. "Nghe này Barry - cậu đã làm xong bài tập Econ chưa vậy?"

Tim không phải người có nhận thức rõ ràng như vậy. Anh ta mặc chiếc áo khoác hoa văn hình kim cương, chiếc quần jean bó sát và nói chuyện như Beaver Cleaver. Anh ta có ý định đeo đuổi ngành kinh doanh. Người bạn gái da trắng của anh ta có thể đang đợi anh ta trong phòng, đang lắng nghe nhạc đồng quê. Anh ta cảm thấy sướng rơn, và tôi chẳng muốn gì hơn là để cho anh ấy biến đi. Tôi bật đứng



dậy, đưa anh ta xuống hành lang dẫn đến phòng tôi, trao cho anh ta bài tập mà anh ta cần. Ngay lúc tôi quay lại phòng của Reggie, tôi cảm thấy như buộc phải giải thích.

“Tim là một cuộc hành trình, phải vậy không”, Tôi nói và lắc đầu. “Tốt nhất nên đổi tên anh ta là Tom thay vì Tim”.

Reggie cười, nhưng Marcus thì không. Marcus nói, “Tại sao anh nói như vậy, anh bạn?”

Câu hỏi đó khiến tôi sửng sốt. “Tôi không biết. Cái anh chàng ăn diện đó chỉ là loại ngu ngốc, vậy thôi”.

Marcus nhấp một hợp bía và nhìn thẳng vào mắt tôi. “Tim dường như thích hợp với tôi”, anh ta nói. “Anh ta quan tâm đến việc kinh doanh của mình. Đừng gây phiền hà cho ai cả. Đối với tôi chúng ta nên quan tâm liệu những thứ mình làm có nên trở nên gì không hơn là phải xét đoán về cách mà những gã khác sẽ làm”.

Một năm sau, lòng tôi vẫn bưng bưng với ký ức, sự oán hận và tức giận mà tôi cảm nhận trong giây phút đó, Marcus lớn tiếng với tôi trước mặt Reggie như thế. Nhưng anh ấy đúng khi làm điều đó, phải không nào? Anh ấy nhận thấy ở tôi một sự lừa dối. Đúng hơn là hai - thứ nhất tôi đã nói về Tim và thứ hai là tôi nói về chính mình. Thực ra, cả năm đầu tiên dường như là một sự lừa dối dài ngoằn, tôi dành toàn bộ sức lực của mình vòng vo tam quốc cố để làm mất vết tích của mình.

Ngoại trừ Regina. Có thể đó là điều đã kéo tôi đến với Regina, cách mà cô làm cho tôi cảm thấy như mình không nói dối. Ngay lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, ngày mà cô bước vào quán cà phê và nhận thấy Marcus đang chỉ trích tôi về việc lựa chọn tài liệu đọc. Marcus vẫy tay ra hiệu cho cô ấy đến bàn của chúng tôi, và từ tốn đứng dậy và kéo một chiếc ghế.

“Chị Regina”, Marcus nói. “Chị biết Barack chứ? Tôi cố nói với ông anh Barack này về tài liệu phân biệt chủng tộc mà anh ta đang đọc”. Anh ta giơ cuốn *Trái tim của Bóng tối* lên như một bằng chứng trong phiên xét xử. Tôi với tay giật lấy cuốn sách khỏi tay anh ấy.

“Anh bạn, dừng ngay việc ve vẩy cái thứ đó đi”.

“Xem nè”, Marcus nói. “Nó làm cho anh lúng túng à - chỉ việc bị tiết lộ một cuốn sách như thế này. Tôi cho anh biết, thứ này sẽ hủy hoại đầu óc anh đấy”. Anh ta nhìn đồng hồ. “Chết tiết, tôi trễ học rồi đây”. Anh ta chồm người đứng dậy và hôn vội Regina vào má. “Nói chuyện với ông anh này đi? Tôi nghĩ anh ấy vẫn có thể còn cứu vãn được”.

Regina mỉm cười và lắc đầu khi quan sát Marcus bước đến cánh cửa. “Marcus thể hiện một trong những lối thuyết giáo của mình, tôi biết mà”.

Tôi ném cuốn sách và trong ba lô. “Thực sự anh ấy đúng”, tôi nói. “Đó là một cuốn sách về phân biệt chủng tộc. Cách mà Conrad nhìn nhận, châu Phi là nơi ô uế của thế giới, những gã da màu là những người man rợ, và bất cứ sự liên hệ nào với họ đều bị lây nhiễm”.

Regina thổi vào cốc cà phê của mình. “Vậy tại sao anh đọc nó?”

“Bởi vì nó đã được giao phó”. Tôi dừng lại, không chắc là liệu tôi có nên tiếp tục không. “Và bởi vì -”.

“Bởi vì...”

“Và bởi cuốn sách dạy cho tôi nhiều điều”, tôi nói. “Về người da trắng, ý tôi là vậy. Nhìn nè, cuốn sách thật sự không phải nói về châu Phi. Hoặc người da màu. Nó nói về người đã viết ra nó. Người Âu châu. Người Mỹ. Một cách nhìn nhận riêng về thế giới. Nếu anh có thể giữ khoảng cách, tất cả đều có trong đó, trong cái được nói ra và cái chưa được nói ra. Vì vậy tôi đọc cuốn sách này để giúp tôi hiểu về điều đã khiến cho người da trắng sợ hãi như vậy. Những bóng ma của họ. Cách thức những ý tưởng được đan quện với nhau. Nó giúp tôi hiểu cách thức con người trở nên thù hận”.

“Và điều đó lại quan trọng đối với anh”.

Cuộc đời tôi phụ thuộc vào đó, tôi tự nhủ. Nhưng tôi không cho Regina biết điều đó. Tôi chỉ mỉm cười và nói, “Đó là cách duy nhất để chữa trị một căn bệnh, đúng không nào? Hãy chẩn đoán nó”.

Cô ấy lại mỉm cười và nhấp một hớp cà phê. Tôi đã từng gặp cô ấy trước đây, cô thường ngồi trong thư viện với một cuốn sách trong tay, một người phụ nữ da đen to lớn, mang vớ và y phục trông giống

như được may ở nhà cùng với đôi mắt kính gọng màu quá cỡ và một chiếc khăn choàng luôn trùm trên đầu. Tôi biết cô ấy là một người chưa đến thâm niên, giúp tổ chức các sự kiện cho sinh viên da màu, và không đi ra ngoài nhiều. Cô khuấy ly cà phê của mình một cách vắn vơ và hỏi, “Marcus thường gọi anh là gì? Một cái tên châu Phi nào đó phải không?”

“Barack”.

“Tôi cứ tưởng tên anh là Barry”.

“Barack là tên thánh của tôi. Tên của cha tôi. Ông ấy là người Kenya”.

“Nó có hàm ý đến một điều gì đó?”

“Nó có nghĩa là ‘ân phúc’. Tiếng Ả rập. Cha tôi là một tín đồ đạo Hồi”.

Regina tự lập lại cái tên đó, thử cảm nhận âm từ của nó. “Barack. Cái tên hay”. Cô chồm người qua bàn. “Vậy tại sao mọi người gọi anh là Barry?”

“Tôi đoán đó là do thói quen. Cha tôi thường dùng cái tên này khi ông đến Mỹ. Tôi không biết liệu đó là ý tưởng của ông hay của một ai khác. Có lẽ ông dùng cái tên Barry vì nó dễ phát âm. Chị biết đấy - điều đó giúp ông ấy hợp với ở đây. Rồi nó được lan truyền sang tôi. Vì vậy tôi có thể làm cho mình phù hợp”.

“Anh có phiền không nếu tôi gọi anh là Barack?”

Tôi cười. “Miễn là chị phát âm đúng”.

Cô rẽ mái tóc của mình một cách nóng ruột, miệng cô sẵn sàng trong động tác nhái, mắt cô chuẩn bị như không thể nhận được việc bật cười. Chúng tôi tiêu khiển trọn cả buổi chiều nói chuyện và uống cà phê. Cô ấy kể cho tôi về thời thơ ấu của mình ở Chicago, về một người cha vắng mặt và người mẹ chật vật với cuộc sống, một căn hộ sáu gian ở South Side vốn không bao giờ đủ ấm áp vào mùa đông và lại quá nóng nực vào mùa hè đến nỗi người ta phải đi ra cạnh bờ hồ để ngủ. Cô kể cho tôi nghe về những người láng giềng sống trong khu vực của mình, về việc tản bộ ngang qua các quán rượu và những

tụ điểm bí da trên đường cô đến nhà thờ vào những ngày Chủ nhật. Cô kể cho tôi nghe về những buổi tối trong nhà bếp với cô cậu, ông bà ngoại, tiếng nhốn nháo bật thành những tràng cười vui vẻ. Giọng nói của cô ấy gợi lên một hình ảnh về cuộc sống đa màu trong tất cả khả năng của nó, một hình ảnh đã lấp đầy trong tôi với sự khao khát mãnh liệt - sự khao khát về một địa vị và một lịch sử rõ ràng và bất biến. Khi chúng tôi đứng dậy ra về, tôi nói với Regina rằng tôi ghen tị với cô ấy.

“Về điều gì?”

“Tôi không biết. Chắc đó là những ký ức của chị”.

Regina nhìn tôi và bắt đầu cười, một âm thanh tròn trĩnh vang vọng từ sâu trong lòng cô ấy.

“Chị cười gì vậy?”

“Ồi, Barack”, cô nói như đang cố nín thở, “cuộc sống không phải là một cái gì đó sao? Và nơi đây trong suốt thời gian này tôi đang ước ao mình được lớn lên ở Hawaii”.

Thật kỳ lạ làm sao khi một cuộc đối thoại có thể thay đổi được bạn. Hoặc dường như có thể chỉ là cách để hồi tưởng lại. Một năm trôi qua và anh biết anh cảm nhận khác rồi, nhưng anh không chắc điều gì, tại sao hoặc như thế nào, vì vậy tâm trí anh đang quay lại để tìm một điều gì đó vốn có thể giải thích rõ ràng sự khác biệt này: một lời nói, một cái nhìn, một cái âu yếm. Tôi biết rằng sau cái có vẻ như là một sự vắng mặt lâu ngày, tôi cảm thấy tiếng nói của tôi đang quay lại với tôi trong buổi chiều ngồi cùng với Regina. Tiếng nói đó vẫn còn run rẩy, có lẽ là do sự bóp méo. Bước vào năm học thứ hai tôi cảm thấy nó ngày càng mạnh hơn, cứng cáp hơn, một phần kiên định và chân thật của chính tôi, một chiếc cầu nối giữa tương lai và quá khứ.

Đó là khoảng thời gian tôi bị dính vào một chiến dịch tước đoạt. Nó khởi đầu như một cái gì đó của một sự bùng nổ, tôi nghĩ, một phần trong cái vai trò cấp tiến mà tôi và những người bạn của mình cố để duy trì, một hành động lãng tránh thuộc tiềm thức quay quanh

những vấn đề gần gũi hơn với quê nhà. Nhưng khi tháng ngày trôi qua và tôi thấy mình bị cuốn hút vào trong một vai trò lớn lao hơn - liên hệ với những đại diện của Quốc hội châu Phi để nói về vấn đề đại học, soạn thảo những bức thư cho các giảng viên trong khoa, in những tờ bướm, đưa ra chiến lược tranh luận - tôi nhận thấy người ta bắt đầu lắng nghe ý kiến của tôi. Đó là một nút mở vốn khiến cho tôi khát khao được phát biểu. Không phải những lời giấu kín phía sau mà chính là những lời có thể mang một thông điệp, ủng hộ một ý tưởng. Khi chúng tôi bắt đầu hoạch định một cuộc họp của những người được ủy thác, và một ai đó đã đề nghị tôi nên mở ra một điều gì đó, ngay lập tức tôi đồng ý. Tôi nghĩ mình đã sẵn sàng và có thể tiếp cận với công chúng nơi nào cần đến. Tôi nghĩ tiếng nói của mình sẽ không làm tôi thất vọng.

Bây giờ hãy xem nhé. Trong những ngày đó tôi đã nghĩ đến những gì cho cuộc họp? Chương trình nghị sự đã được chuẩn bị kỹ trước - Tôi được chỉ định nói vài lời mở đầu, phần giữa cuộc họp một vài sinh viên da trắng bước lên sân khấu trong y phục bán quân sự nhằm phá đám tôi. Một đoạn ngắn trong kịch đường phố, một cách làm sống động tình huống đối với những nhà hoạt động xã hội ở Nam Phi. Tôi biết hành động chơi trội đó, đã hoạch định trước kịch bản. Khi tôi ngồi xuống chuẩn bị vài ý cho nội dung mình có thể sẽ nói, một điều gì đó đã xảy ra. Trong tâm trí tôi dường như nó còn hơn cả một bài phát biểu dài hai phút, hơn cả cách để chứng tỏ chính kiến của mình. Tôi bắt đầu nhớ lại chuyến viếng thăm của cha tôi đến lớp học của cô Hefty; vẻ mặt của Coretta vào ngày hôm đó; sức mạnh cải hoán từ trong những lời nói của cha tôi. Giá mà tôi có thể tìm những lời thích hợp, tôi tự nhủ. Với những lời nói thích hợp mọi thứ có thể thay đổi - Nam Phi, cuộc sống của những đứa trẻ trong khu nhà ổ chuột chỉ cách xa vài dặm, cái địa vị mong manh của tôi trong thế giới này.

Tôi vẫn trong trạng thái hôn mê khi bước lên sân khấu. Bởi tôi không biết mình đứng trên đó trong bao lâu, mặt trời trong mắt tôi, một đám đông vài trăm người hiếu động sau giờ ăn trưa. Một vài sinh viên chơi trò chơi ném đĩa trên bãi cỏ; những sinh viên khác đứng sang một bên, sẵn sàng chạy vào thư viện bất cứ lúc nào. Không cần đợi dấu hiệu gợi ý nào, tôi bước thẳng đến chiếc micro.

“Có một cuộc tranh đấu đang diễn ra”, tôi nói. Giọng tôi vừa đủ nghe ở một vài dãy ghế đầu. Một ít người nhìn lên, và tôi đợi cho đến khi đám đông yên lặng.

“Tôi nói rằng có một cuộc tranh đấu đang diễn ra!”

Những người chơi ném đĩa dừng lại.

“Nó đang diễn ra chỉ cách đây một đại dương. Nhưng chính cuộc tranh đấu đó đã tác động đến mỗi một chúng ta. Dù chúng ta có biết hay không. Dù chúng ta có muốn hay không. Một cuộc đấu tranh đòi chúng ta phải đứng về bên nào. Không phải giữa người da đen và người da trắng. Không phải giữa người giàu và người nghèo. Không - Nó còn khó khăn hơn như vậy. Đó là sự lựa chọn giữa chức vị cao trọng và sự quy phục. Giữa công bằng và bất công. Giữa sự tận tâm và thờ ơ. Một sự lựa chọn giữa sai và đúng...”

Tôi dừng lại. Đám đông lúc này đã yên lặng, đang nhìn tôi. Một người nào đó bắt đầu vỗ tay. “Tiếp tục đi Barack”, một người khác la lên. “Hãy nói như chính nó vậy”. Rồi những người khác bắt đầu vào, vỗ tay, hoan hô và tôi biết rằng tôi đã có họ, mối liên kết mà tôi đã tạo ra. Tôi cầm lấy chiếc micro, chuẩn bị tiếp tục thì tôi cảm nhận như bàn tay một ai đó chộp tôi từ phía sau. Nó xảy ra như thể tôi đã định trước, Andy và Jonathan trông có vẻ lạnh lùng phía sau cặp kính đen của họ. Họ bắt đầu kéo tôi ra khỏi sân khấu, và tôi phản ứng như tôi đang cố để giải thoát, ngoại trừ một phần trong tôi không hành động như vậy, tôi thật sự muốn ở lại trên đó, để nghe tiếng tôi vang vọng ở giữa đám đông và dội ngược về lại tôi trong sự hoan hô. Tôi có nhiều điều cần nói.

Nhưng phần của tôi đã chấm dứt. Tôi đứng sang một bên khi Marcus bước đến chiếc micro trong chiếc áo thun trắng và quần jean, mảnh khảnh và ngăm đen, lưng thẳng và nghiêm nghị. Anh ta giải thích cho cử tọa những điều họ đã chứng kiến, tại sao sự do dự của chính quyền về vấn đề Nam Phi là không thể chấp nhận được. Rồi Regina đứng dậy và chứng thực về sự hãnh diện mà gia đình cô cảm nhận khi nhìn thấy cô ở trường đại học và sự hổ thẹn mà cô cảm nhận lúc này khi biết rằng cô là một phần trong một tổ chức vốn chi trả cho những đặc ân của nó bằng ích lợi của sự áp bức. Lẽ ra tôi nên tự hào về họ; họ có khả năng

hùng biện, bạn có thể hiểu là đám đông đã bị tác động. Nhưng tôi thật sự không muốn nghe nữa. Tôi lại đứng bên lề đường, quan sát, nhận định, hoài nghi. Dưới con mắt tôi, chúng tôi trông giống như những kẻ nghiệp dư bóng bẩy và béo tốt, với những chiếc băng tay bằng vải the màu đen và những huy hiệu được sơn bằng tay và những khuôn mặt trẻ nghiêm nghị. Những người chơi ném đĩa lại tiếp tục chơi. Khi những người được ủy thác bắt đầu đến tham dự cuộc họp, một vài người trong số họ dừng lại phía sau những bức tường bằng kính của tòa nhà hành chính để quan sát chúng tôi, và tôi nhận thấy những ông già người da trắng cười tủm tỉm, một người trong số họ thậm chí còn vẫy tay theo hướng chúng tôi. Toàn bộ sự kiện này chỉ là trò khôi hài, tôi tự nhủ - cuộc tụ họp, những biểu ngữ, mọi thứ. Một trò tiêu khiển buổi chiều thật thú vị, một vở kịch ở trường không có phụ huynh tham dự. Và tôi đây cùng với bài diễn văn dài một phút của mình - là trò khôi hài lớn nhất trong tất cả.

Tại buổi tiệc vào đêm hôm đó, Regina đến bên tôi và ngỏ ý chúc mừng. Tôi hỏi vì chuyện gì.

“Vì bài phát biểu tuyệt vời của anh”.

Tôi bật nắp lon bia. “Dù sao thì cũng ngắn quá”.

Regina làm lơ trước sự mỉa mai của tôi. “Đó là yếu tố khiến nó có hiệu lực”, cô ta nói, “Anh nói từ trong thâm tâm mình, Barack à. Nó làm cho mọi người muốn nghe nữa. Khi họ kéo anh ra ngoài, điều đó như thế - ”

“Nghe này Regina”, tôi nói, cắt ngang lời cô ấy, “cô là một phụ nữ rất dịu dàng. Và tôi lấy làm vui sướng vì cô đã thích thú với phần đóng góp bé nhỏ của tôi ngày hôm nay. Nhưng đó là lần cuối cùng và cô sẽ không bao giờ nghe một bài phát biểu nào khác của tôi. Tôi sẽ để việc thuyết giáo đó lại cho cô. Và cho cả Marcus. Tôi, tôi đã quyết định không đếm xỉa đến việc phát ngôn vì những đồng loại da màu”.

“Và tại sao thế hả?”

Tôi uống một ngụm bia, mắt tôi nhìn băng quơ qua những người khiêu vũ trước mặt. “Bởi vì tôi chẳng có gì để nói cả Regina à. Tôi không tin chúng ta tạo ra sự khác biệt bởi những gì chúng ta làm

hôm nay. Tôi không tin rằng điều xảy đến cho một đứa trẻ ở Soweto lại tạo sự khác biệt rõ rệt đối với những người mà chúng ta đang nói. Những lời lẽ thú vị không làm được như vậy. Vậy tại sao tôi lại giả vờ ngược lại?" Tôi sẽ cho cô biết. Bởi vì nó làm cho *tôi* cảm thấy quan trọng. Bởi vì *tôi* thích sự tán dương. Nó mang lại cho tôi một sự rung động thú vị rẻ tiền. Vậy thôi".

"Anh thật sự không tin điều đó".

"Đó là cái tôi tin".

Cô nhìn chằm chằm vào tôi, hoang mang, cố nhận ra liệu tôi có phải đang kéo chân cô ta không. "Ừ, có thể là anh đã đùa cợt với tôi", cuối cùng cô ta nói, cố để đối chọi với giọng điệu của tôi. "Có vẻ như tôi nghe một người đàn ông đang nói, người tin vào một điều gì đó. Một người đàn ông da màu luôn trần trối. Nhưng ôi, tôi đoán là mình khờ khạo quá".

Tôi nốc một ngụm bia nữa và vẫy tay chào một ai đó đi ngang qua cánh cửa. "Không phải là khờ khạo đâu Regina. Mà là ngây ngô".

Cô lùi về sau một bước, tay đặt lên hông. "Ngây ngô? Anh cho tôi là ngây ngô ư? Ừ. Tôi không nghĩ vậy. Nếu một ai đó ngây ngô, thì đó chính là anh. Anh là người dường như nghĩ rằng mình có thể chạy trốn khỏi chính bản thân mình". Cô chúi một ngón tay vào ngực tôi. "Anh không biết vấn đề thật sự của anh là gì? Anh luôn nghĩ mọi thứ đều liên quan đến anh. Anh cũng chỉ là Reggie và Marcus và Steve và tất cả những người anh em khác ở đây. Cuộc họp mặt là về anh. Bài phát biểu là về anh. Sự tổn thương luôn là sự tổn thương của anh. Vâng, hãy để tôi nói cho anh nghe một điều gì đó, ông Obama à. Đó chẳng nề hà gì đến anh cả. Chẳng bao giờ thế cả. Đó là về những người đang cần sự giúp đỡ của anh. Những đứa trẻ đang mong chờ ở anh. Chúng không quan tâm đến sự mỉa mai hay sự tinh xảo của anh, hay cái bản ngã đang bị bầm tím của anh. Và tôi cũng vậy".

Ngay khi cô nói xong, Reggie loạng choạng bước ra từ nhà bếp, say hơn tôi. Anh ấy bước đến và choàng tay qua vai tôi. "Obama! Buổi tiệc thật tuyệt vời, anh bạn à!" Anh ném một nụ cười xéخ mang tai có vẻ nhếch nhác về phía Regina. "Regina này. Obama và tôi là những người



bạn học. Giá mà cô đã tham dự những bữa tiệc của chúng tôi năm ngoái, ở ký túc xá. Nay anh bạn, cậu có nhớ lúc ấy chúng ta cùng thức với nhau suốt những ngày cuối tuần không? Bốn mươi tiếng đồng hồ, không ngủ. Bắt đầu từ sáng thứ Bảy và liên tục cho đến thứ Hai”.

Tôi cố thay đổi đề tài, nhưng Reggie như đang thắng thế. “Tôi cho cô biết Regina này, thật kỳ diệu. Khi những cô làm công xuất hiện trong buổi sáng thứ Hai, chúng tôi vẫn ngồi trong phòng, trông chẳng khác nào những cái xác ướp. Chai lọ ngổn ngang khắp nơi. Tàn thuốc. Báo chí. Jimmy còn nôn ọe ra đó...” Reggie quay về phía tôi và bắt đầu cười, tiếp tục làm tràn bia xuống thảm. “Anh không nhớ sao anh bạn? Tệ thật, những con mụ già Mexico bé nhỏ đó bắt đầu la hét. ‘*Dios Mio*’, một trong số họ nói, và người kia bắt đầu vỗ nhẹ vào lưng người nọ. Ôi chết tiệt, chúng ta điên mất...”

Tôi gượng cười, cảm thấy như Regina nhìn chăm chăm vào tôi như thể tôi là kẻ ăn không ngồi rồi. Cuối cùng khi Regina mở lời như thể chẳng thèm đếm xỉa đến việc Reggie có mặt ở đó.

“Anh nghĩ vậy vui lắm sao?” Cô nói với tôi. Giọng cô yếu ớt, không hơn một lời thì thầm. “Đó là thật anh sao, Barack - giảng từ tung ra đó để người khác phải dọn dẹp sao? Đó có thể là bà ngoại của tôi, anh biết đấy. Bà ấy làm vệ sinh một cách thầm lặng trong suốt cuộc đời bà. Tôi cực là những người mà bà ấy phục vụ cũng nghĩ điều đó là lý thú”.

Cô chộp lấy chiếc ví khỏi bàn và hướng về phía cánh cửa. Tôi nghĩ đến việc đuổi theo cô ấy, nhưng tôi nhận thấy một vài người đang nhìn chăm chăm vào tôi và tôi không muốn xảy ra một cuộc cãi và ở đây. Reggie giật tay khỏi vai tôi, trông như bị tổn thương và hoang mang, như một đứa trẻ thất lạc.

“Cô ta gặp chuyện gì vậy?” anh ta nói.

“Chẳng gì cả”, tôi nói. Tôi lấy ly bia từ tay của Reggie và đặt nó trên đỉnh kệ sách. “Cô ấy chỉ tin vào những điều mà thật sự không có ở đó”.

Tôi bật dậy khỏi chiếc ghế dài và mở cánh cửa trước, khói thuốc bị dồn nén cuốn tôi ra khỏi căn phòng như một hồn ma. Tận bên trên,

mặt trắng đang khuất dần, chỉ còn những tia sáng yếu ớt của nó là có thể nhìn thấy dọc theo những vầng mây cao. Bầu trời bắt đầu sáng, không khí ẩm ướt của màng sương.

Hãy nhìn vào chính mình trước khi đưa ra xét đoán. Đừng để người khác dọn dẹp cái thứ hỗn độn của bạn. Nó không phải của anh. Chúng là những vấn đề đơn giản, những lời thuyết lý buồn tẻ mà tôi đã từng nghe một ngàn lần trước đây, trong tất cả những biến tấu của chúng, từ chương trình hài kịch tình huống trên truyền hình và những cuốn sách triết học, từ ông bà ngoại và mẹ tôi. Trong một khoảnh khắc nào đó tôi dừng việc lắng nghe lại, giờ đây tôi đã nhận ra rằng, tôi đã bị trói buộc trong những thương tổn được cảm nhận của riêng mình, háo hức muốn thoát khỏi những chiếc bẫy tưởng tượng mà thế lực da trắng đã đặt ra để bắt tôi. Đối với thế giới da trắng đó, tôi sẵn sàng nhường lại những giá trị thời thơ ấu của mình, như thể những giá trị đó bị vấy bẩn không thể tẩy xóa được bởi chính những sai lầm vô tận mà người da trắng nói về người da đen.

Nhưng giờ đây tôi đang nghe cùng một thứ ấy từ những người da đen mà tôi kính trọng, những người với nhiều lý do biện hộ cho sự nghiệt ngã hơn là tôi có thể đòi hỏi cho chính bản thân mình. Ai nói với anh rằng thật thà là một điều lương thiện? Họ hỏi tôi. Ai bán cho anh cái đơn hàng này, rằng tình cảnh của anh đã khiến cho anh không còn biết quan tâm, cần mẫn hoặc tử tế, hay cái đạo đức đó có một sắc thái riêng? Anh đã lầm lạc rồi anh bạn à. Những tư tưởng của anh về chính mình - về anh là ai và người mà anh có thể trở thành - đã trở nên còi cọc, hẹp hòi và nhỏ bé.

Tôi ngồi xuống ở ngưỡng cửa và xoa xoa vào cái u sau cổ. Điều đó đã xảy ra như thế nào? Tôi bắt đầu tự hỏi mình, nhưng ngay cả trước khi câu hỏi đó hình thành trong đầu, tôi đã biết được câu trả lời rồi. Sự sợ hãi. Chính sự sợ hãi đã khiến tôi phải đẩy Coretta ra thời còn học phổ thông. Chính sự sợ hãi đã khiến tôi nhạo báng Tim trước mặt Marcus và Reggie. Sự sợ hãi thường trực và hủy hoại mà tôi không phụ thuộc, và trừ phi tôi né tránh, ẩn nấp và giả vờ là một cái gì đó không phải là của mình thì tôi mãi mãi vẫn là một người ngoài cuộc, với phần còn lại của thế giới, da trắng và da màu, luôn là người phán xét khách quan.

Như vậy Regina đúng; đó chỉ là cái tôi. Sự sợ hãi của tôi. Những nhu cầu của tôi. Còn lúc này thì sao? Tôi tưởng tượng bà ngoại của Regina ở một nơi nào đó, lưng bà còm xuống, thịt trong hai cánh tay bà bủn rủn khi bà cọ vào một thềm nhà hầu như vô tận. Một cách chậm chạp, lão già đó ngược mặt lên và nhìn thẳng vào tôi, và trong khuôn mặt sệ xuống ấy của bà tôi nhận thấy rằng điều ràng buộc tất cả chúng tôi với nhau đã vượt qua cả sự oán giận, hoặc tuyệt vọng hoặc thương hại.

Vậy thì bà đang cần gì ở tôi? Chắc là sự quả quyết. Sự quả quyết chống lại bất cứ thế lực nào bắt bà phải cúi người thay vì phải đứng thẳng. Sự quả quyết cường lại tính dễ dãi hoặc mưu đồ tư lợi. Anh có thể bị khóa chặt trong một thế giới không phải do chính mình tạo nên, đôi mắt bà ánh lên, nhưng anh có quyền quyết định cách thức thế giới đó được định hình. Anh vẫn phải có trách nhiệm.

Khuôn mặt bà biến mất khỏi tâm trí tôi, chỉ rồi được thay vào đó là hàng loạt những khuôn mặt khác. Khuôn mặt với nước da màu đồng của bà lao công Mexico, như căng lên vì ráng sức khi bà mang cái thùng rác nặng trĩu. Khuôn mặt của bà mẹ Lolo cau có với sự buồn phiền khi bà chứng kiến bọn Hà Lan đốt cháy ngôi nhà của mình. Khuôn mặt trắng bệch và đôi môi mím chặt của Toot khi bà bước lên chuyến xe buýt 6 giờ 30 phút sáng đưa bà đến công sở. Chỉ có sự thiếu tưởng tượng, một sự lệch lạc trong hệ thần kinh, đã làm tôi nghĩ rằng tôi phải lựa chọn giữa họ. Tất cả họ đòi cùng một điều ấy từ tôi, những bà ngoại của tôi.

Nhân dạng của tôi bắt đầu bằng thực tế về chủng tộc của mình, nhưng nó không, không thể kết thúc ở đó.

Ít nhất đó là cái tôi sẽ chọn lựa để tin vào.

Tôi ngồi bất động ở lối ra vào trong vài phút, ngược nhìn mặt trời đang lộ lên, nghĩ về cú điện thoại cho Regina mà tôi gọi vào ngày hôm đó. Phía sau tôi, Billie đang hát bài hát cuối cùng của mình. Tôi vớ được một đoạn điệp khúc và ngâm nga vài nhịp. Giọng cô nghe xa lạ với tôi lúc này. Phía dưới những địa tầng của sự đau đớn, phía dưới giọng cười cay nghiệt ấy, tôi nghe thấy một sự sẵn sàng cam chịu. Cam chịu - và tạo nên tiếng nhạc vốn dĩ không phải ở đó.

## Chương sáu

Tôi dành buổi tối đầu tiên của mình ở Manhattan ngồi co cụm trong một con đường nhỏ ngoằn ngoèo. Đây chỉ là tình cờ; khi vẫn còn ở L.A, tôi nghe tin một người bạn của bạn tôi muốn bán một căn hộ ở khu vực Harlem dành cho người Tây Ban Nha, gần Columbia, và với thông tin tình hình thị trường bất động sản ở New York tôi nghĩ tốt nhất là mình nên chớp lấy cơ hội này trong khi hoàn toàn có khả năng. Một sự thỏa thuận đã được ký kết; tôi gọi điện trước để báo ngày tôi đến trong tháng Tám; và sau khi kéo lê hành lý qua sân bay, đường tàu điện ngầm, Times Square, và băng qua phố 109 từ Broadway đến Amsterdam, cuối cùng tôi đứng trước cửa của căn hộ, hơn mười giờ tối.

Tôi nhấn chuông liên tục, nhưng không thấy ai trả lời. Đường phố vắng lặng, những tòa nhà ở hai bên đường cửa bị khóa, một khối những bóng đen hình chữ nhật sừng sững. Cuối cùng, một phụ nữ Puerto Rico trẻ lớn ra từ trong tòa nhà, ném một cái nhìn có vẻ căng thẳng theo hướng tôi trước khi bước xuống đường. Tôi chạy số tới để chặn cánh cửa trước khi nó đóng sầm lại, và, với việc kéo lê hành lý phía sau, tôi tiến lên cầu thang và gõ cửa, và rồi bấm chuông ở cánh cửa căn hộ. Một lần nữa, không ai trả lời, chỉ là âm thanh của miếng gỗ mỏng nào đó phía dưới hành lang được ném vào vị trí của nó.

New York. Cũng chẳng khác với những gì tôi hình dung về nó. Tôi kiểm tra ví - không đủ tiền để lưu lại trong một nhà trọ bên đường. Tôi biết một người ở New York, một gã tên là Sadik, tôi đã từng gặp ở L.A, nhưng anh ta nói là anh ta làm việc suốt đêm ở một quán bar nào đó. Chẳng có gì làm ngoài việc phải đợi, tôi mang hành lý của mình trở lại xuống cầu thang và ngồi co cụm. Sau một hồi, tôi thọc tay vào túi sau, lấy ra một bức thư mà tôi đã mang theo từ lúc rời L.A.

*Con trai yêu quý,*

Thật là một sự ngạc nhiên thú vị khi nghe tin con sau một khoảng thời gian khá dài. Bố vẫn khỏe và làm tất cả những công việc như con biết đấy vốn dĩ phải cần đến bố trong đất nước này. Bố vừa mới trở về từ London nơi bố phục vụ công việc Chính phủ, thường thuyết những vấn đề tài chính, etc. Thực ra bởi vì phải đi lại quá nhiều nên bố hiếm có thời gian viết thư cho con. Trong bất cứ trường hợp nào, bố nghĩ mình sẽ làm tốt hơn kể từ lúc này trở đi.

Con sẽ rất vui khi biết rằng tất cả những anh chị con ở đây đều khỏe, và họ cũng gửi lời thăm hỏi đến con đó. Cũng như bố, họ tán thành về quyết định trở về quê nhà sau khi con tốt nghiệp. Khi con đến, chúng ta sẽ cùng nhau quyết định về việc con muốn ở lại trong bao lâu. Barry, ngay cả khi chỉ trong một vài ngày, điều quan trọng là con biết về dân tộc của con, và con biết nơi mà con sẽ thuộc về.

Hãy bảo trọng, và cho bố gửi lời chào đến mẹ con, Tutu, và Stanley. Hy vọng được gặp con sớm.

Thương,  
Bố

Tôi gấp bức thư theo đường gấp của nó và nhét lại trong túi. Không dễ để viết cho ông ấy; thư từ qua lại của chúng tôi hầu như đã gián đoạn trong hơn bốn năm qua. Thực ra, tôi đã vài lần viết thư, phát thảo vài dòng, cố tìm những giọng điệu thích hợp, kiểm chế sự thôi thúc phải giải thích quá nhiều. "Bố quý mến". "Cha quý mến".

“Ông Obama quý mến”. Và lúc này ông đã trả lời tôi, vui vẻ và điềm tĩnh. Hãy biết nơi con sẽ thuộc về, ông khuyên nhủ. Ông làm như có vẻ đơn giản, giống như gọi đến xin sự trợ giúp tổng đài.

“Văn phòng thông tin - vui lòng cho biết thành phố nào vậy?”

“Ừ... tôi không chắc lắm. Hy vọng ông có thể cho tôi biết. Tên đó là Obama. Tôi thuộc về nơi nào?”

Có thể điều đó thật sự đơn giản với ông ấy. Tôi tưởng tượng ông đang ngồi ở bàn ở Nairobi, một người đàn ông bệ vệ trong chính phủ, với những người giúp việc và thư ký trình giấy tờ để ký, một bộ trưởng gọi đến để xin tham vấn, một người vợ đáng yêu và những đứa trẻ đang đợi ở nhà, một khu làng của cha ông vốn chỉ mất một ngày xe chạy. Hình ảnh đó khiến cho tôi hơi tức tối, và cố gạt nó sang một bên, thay vào đó là tập trung vào âm thanh tiếng nhạc khiêu vũ Mỹ La Tinh phát ra từ một cửa sổ nào đó dưới tòa nhà. Mặc dù vậy, những suy nghĩ đó vẫn trở lại với tôi, kiên định như nhịp đập của trái tim.

Tôi thuộc về nơi nào đây? Cuộc đối thoại giữa tôi và Regina vào đêm hôm đó sau cuộc họp có thể đã kích hoạt một chuyển biến trong tôi, sưởi ấm tôi với những ý định tốt đẹp. Nhưng tôi trông như một gã say lợ ra từ một cuộc chè chén mệt mỏi và dai dẳng, và không lâu sau đó tôi đã nhận ra sự quyết tâm vừa mới hình thành trong tôi đang trượt mất, không mục tiêu và phương hướng. Hai năm sau khi tốt nghiệp, tôi không biết mình sẽ làm gì với mình, hoặc thậm chí không biết nơi mình sẽ sống. Hawaii nằm lại phía sau tôi như một giấc mơ thời thơ ấu; tôi không còn tưởng tượng đến việc sinh sống ở đó nữa. Cho dù cha tôi có thể nói bất cứ điều gì, tôi biết rằng đã quá muộn để thật sự thừa nhận châu Phi là quê hương của mình. Và nếu tôi hiểu chính mình là một người Mỹ da đen, và đã được thấu hiểu như vậy thì sự thấu hiểu đó vẫn không ràng buộc tôi với nơi ấy. Cái tôi cần là một cộng đồng, tôi nhận thấy, một cộng đồng sâu nặng hơn là sự thất vọng chung mà tôi và những người bạn da đen cùng sẽ chia khi đọc số liệu thống kê tội phạm mới nhất, hoặc là năm cầu thủ cao to mà tôi có thể hoán đổi trên sân bóng rổ. Một nơi tôi có thể đặt cược và kiểm chứng những cam kết của mình.

Và do vậy, khi nghe tin về một chương trình chuyển đổi mà Occidental sắp xếp với Đại học Columbia, ngay lập tức tôi đã nộp đơn ngay. Tôi nghĩ rằng nếu sinh viên da đen ở Columbia không nhiều như ở Oxy, ít ra tôi cũng đang ở trung tâm của một thành phố thật sự, với cộng đồng da màu ở khu vực lân cận. Bởi vậy chẳng có gì ở L.A để giữ tôi lại cả. Hầu hết những người bạn của tôi tốt nghiệp vào năm đó: Hasan chuyển đến London làm việc cùng với gia đình, Regina trên đường đến Andalusia để nghiên cứu dân tộc La Mã ở Tây Ban Nha.

Còn Marcus thì sao? Tôi không chắc điều gì đã xảy ra cho Marcus. Anh ấy lẽ ra còn một năm nữa nhưng điều gì đó đã xảy ra trong giữa học kỳ của mình, một điều gì đó tôi nhận ra mặc dù tôi không thể gọi tên nó được. Tôi nghĩ về một buổi tối nọ, ngồi với anh ấy ở thư viện trước khi anh quyết định bỏ học nửa chừng. Một sinh viên người Iran, một người đàn ông đầu hói có vẻ già dặn hơn với cặp mắt kính, ngồi cùng bàn với chúng tôi, và anh ta nhìn thấy Marcus đang đọc một cuốn sách về kinh tế học của chế độ nô lệ. Mặc dù ánh mắt tự nhiên tạo cho anh sinh viên Iran ta một dáng vẻ như hăm dọa, anh ấy là một người thân thiện và hiếu kỳ, và cuối cùng anh ta chồm người lên bàn và hỏi Marcus một câu hỏi về cuốn sách.

"Vui lòng cho tôi biết", người đàn ông nói. "Anh nghĩ như thế nào khi một vấn đề như chế độ nô lệ lại được phép tồn tại nhiều năm trời như vậy?"

"Người da trắng không coi chúng tôi như những con người", Marcus nói. "Đơn giản là như thế. Phần lớn họ vẫn còn như vậy?"

"Vâng, tôi biết. Nhưng điều tôi muốn hỏi là, tại sao người da đen các anh không đấu tranh?"

"Họ đã từng đấu tranh. Chẳng hạn như Nat Turner, Denmark Vescey -"

"Cuộc nổi loạn của những người nô lệ", anh sinh viên Iran xen vào. "Vâng, tôi đã đọc một ít về họ. Đó là những người dũng cảm. Nhưng anh biết đấy, họ quá ít. Nếu tôi là một người nô lệ, khi chứng kiến những người này làm điều mà họ đã làm đối với vợ con tôi..."

vậy thì tôi thà chết còn hơn. Đây là điều mà tôi không hiểu - tại sao nhiều người như vậy lại không đứng dậy đấu tranh. Anh biết đấy, phải chiến đấu đến cùng?"

Tôi nhìn Marcus, đợi anh ấy trả lời. Nhưng anh ta vẫn lặng thinh, khuôn mặt không tỏ vẻ giận dữ mà như đang cau có, đôi mắt dán chặt vào một điểm nào đó trên bàn. Việc anh ta không trả lời đã làm tôi bối rối, nhưng sau một chốc ngập ngừng tôi quyết định trả đũa. Tôi hỏi người Iran liệu anh ta có biết tên của hàng ngàn người vô danh những người đã từng nhảy xuống vùng nước nhung nhúc cá mập trước khi con tàu chuyên chở tù nhân cập bến Hoa Kỳ; rằng, một khi con tàu đó cập bến, anh có còn muốn chết không nếu biết cuộc nổi loạn đó chỉ giáng sự đau đớn xuống cho phụ nữ và trẻ em. Sự liên kết của một vài người nô lệ liệu có khác với sự thinh lặng của một số người Iran những người chỉ đứng nhìn và không làm gì cả khi những tên sát nhân Savak tra tấn và sát hại quân của vua Ba Tư? Làm sao chúng ta có thể đánh giá những người khác nếu chúng ta không ở trong hoàn cảnh của họ?

Lời nhận xét cuối cùng này dường như làm cho anh ta bất ngờ và không còn hoài nghi gì nữa, Marcus sau đó cũng tham gia vào cuộc đối thoại, nhắc lại một trong những ngạn ngữ cũ của Malcolm X về sự khác nhau giữa người da đen trong nhà và người da đen lang thang. Nhưng anh ta nói như thể anh ta không tin vào lời nói của mình, và sau vài phút, anh ta đột ngột đứng dậy và bước đến cánh cửa.

Chúng tôi chưa bao giờ nói về cuộc đối thoại đó, Marcus và tôi. Có thể điều đó không giải thích được điều gì; có nhiều lý do để một người như Marcus phải cảm thấy bất an ở một nơi như Occidental. Tôi biết trong những tháng sau đó tôi bắt đầu nhận thấy có những chuyển biến trong anh ấy, như thể anh ấy bị ám ảnh bởi những bóng ma âm ỉ thấm qua những khe nứt của cái thế giới an toàn và vui tươi của chúng ta. Lúc đầu, anh ta thường hay bày tỏ về niềm kiêu hãnh chủng tộc của mình: Anh thích mặc những y phục hoa văn kiểu châu Phi để đến lớp và thuyết phục bộ phận hành chính xây dựng một ký túc xá dành cho những sinh viên da đen. Sau này anh có vẻ trầm lặng. Anh bắt đầu bỏ giờ học, hút cần sa nhiều hơn. Anh để râu



xồm xoàm, tóc tai cứ thế mà mọc thành những lọn tóc xoắn tít dài rũ rượi.

Cuối cùng anh ta cho tôi biết rằng anh sẽ xin nghỉ học trong một thời gian. “Cần phải nghỉ xả hơi khỏi cái thứ chết tiệt này”, anh ta nói. Chúng tôi đi bộ xuyên qua một công viên ở Compton, lang thang trong một lễ hội liên hoan tổ chức suốt cả ngày ở đó. Đó là một buổi chiều tuyệt đẹp, mọi người trong những chiếc quần ngắn, trẻ em la hét ầm ĩ khi chúng chạy giỡn trên bãi cỏ, nhưng Marcus dường như bị phân tâm và anh hầu như không nói được gì. Chỉ lúc chúng tôi đi ngang một nhóm chơi trống anh mới có vẻ như hồi tỉnh. Chúng tôi ngồi bên cạnh họ dưới một gốc cây, tim đập hồi hộp theo tiếng trống, dõi theo những bầy tay khum lại hình cái chén đen đúa nhảy nhót. Sau một hồi tôi bắt đầu cảm thấy chán và lảng vảng đến nói chuyện với một cô gái trẻ đẹp đang bán những mẫu bánh nhân thịt. Khi tôi trở lại, Marcus vẫn còn ở đó, nhưng lúc này anh ấy đang biểu diễn, hai cái chân dài trượt của anh ta vất vreo, những chiếc trống mượn nằm gọn trong lòng. Qua làn khói mờ mờ của thuốc lá bao quanh, khuôn mặt của anh ta như mờ ra; đôi mắt nhắm lại, như thể anh ta đang cố tránh ánh nắng mặt trời. Trong khoảng một giờ đồng hồ tôi quan sát anh ta chơi mà không có một nhịp điệu hay sắc thái nào cả, chỉ là tiếng đập thình thình loạn xạ trên những chiếc trống đó, tiếng đập gọi lại những ký ức không được kể ra. Và ngay lúc ấy tôi nhận ra rằng Marcus cần sự giúp đỡ của tôi cũng chẳng kém gì tôi cần sự giúp đỡ từ anh ấy, rằng tôi không phải là người duy nhất đang tìm kiếm những câu trả lời.

Lúc này tôi nhìn xuống con phố New York bị bỏ hoang. Marcus có biết nơi mà anh ấy thuộc về không? Bất cứ ai trong chúng ta cũng vậy? Những người cha, người chú và ông bà ở đâu, những người có thể giúp giải thích cái vết thương dài và sâu trong cõi lòng của chúng ta? Họ đã không còn nữa, mất hút và bị nuốt chửng bởi thời gian. Chỉ có những hình ảnh u buồn của họ là vẫn còn giữ lại, những bức thư một năm viết một lần với đầy ắp những lời khuyên nhủ nhéo...

Lúc ấy đã quá nửa đêm tôi cố lê những bước chân mệt mỏi xuyên qua một tường rào dẫn đến một con đường nhỏ. Tôi tìm thấy một nơi

khô ráo, dùng hành lý đặt phía dưới làm vật nâng đỡ và ngủ thiếp đi, âm thanh của những chiếc trống dùi dằng định hình cho những giấc mơ của tôi. Sáng hôm sau, tôi thức dậy và nhìn thấy một con gà mái mổ vào cái sọt rác gần chân tôi. Bên kia đường, một người đàn ông vô gia cư đang rửa mình mấy ở một vòi nước máy công cộng và không phản đối gì khi tôi xen vào dùng chung. Vẫn không có ai ở nhà trong căn hộ đó, nhưng Sadik trả lời điện thoại khi tôi gọi cho anh ấy và anh ấy bảo tôi đón taxi đến địa điểm của anh ở Upper East Side.

Anh ấy đón tôi trên đường phố, một người Pakistan với vóc dáng thấp và lực lưỡng, đã đến New York từ London hai năm trước và nhận thấy cái nhanh nhẹn hiệu quả và sự khát khao không hề nao núng của mình để kiếm tiền vốn được coi là hoàn toàn phù hợp với bản chất của thành phố này. Anh ấy đã lưu lại quá thời hạn thị thực du lịch của mình và giờ đây kiếm sống ở một nơi với tỷ lệ đào thải rất cao ở New York, nguồn lực lao động nhập cư phi pháp, với nghề bồi bần. Khi chúng tôi bước vào một căn hộ, tôi nhìn thấy một phụ nữ trong y phục đồ lót ngồi ở bàn nhà bếp, một chiếc gương và một lưỡi dao cạo đẩy sang một bên.

"Sophie", Sadik bắt đầu nói, "đây là Barry -"

"Barack", tôi sửa lại, thả những túi hành lý của tôi xuống sàn. Người phụ nữ vẫy tay một cách thờ ơ, rồi nói với Sadik rằng cô sẽ đi khi nào anh ta quay trở lại. Tôi theo Sadik xuống cầu thang và bước vào quán cà phê nằm bên kia đường. Tôi lại xin lỗi vì về việc đã gọi quá sớm.

"Đừng lo lắng về điều đó", anh ta nói. "Tối hôm qua, cô ta dường như xin hơn". Anh ta xem tờ thực đơn và rồi đặt nó sang một bên. "Vây, cho tôi biết Bar - xin lỗi, Barack. Cho tôi biết Barack. Điều gì khiến anh đến thành phố lớn này của chúng tôi".

Tôi cố giải thích. Tôi dùng cả mùa hè này nghiền ngẫm về một tuổi xuân hoang phí, tôi nói - hiện trạng của thế giới và tâm hồn tôi. "Tôi muốn đền bù", tôi nói. "Tận dụng một điều hữu ích nào đó từ chính bản thân mình".

Sadik đập vỡ lòng trứng bằng chiếc nĩa của mình. "Ừ, anh bạn à... anh có thể nói tất cả những gì anh muốn về việc cứu vãn thế giới,

nhưng thành phố này lại có khuynh hướng ăn dần ăn mòn những tình cảm cao quý như vậy. Hãy nhìn kia". Anh ta ra hiệu về hướng đám đông đang di chuyển dọc theo Đại lộ 1. "Mọi người chỉ biết lo lắng cho bản thân mình mà thôi. Quá trình chọn lọc tự nhiên. Răng và móng vuốt. Thúc người khác văng qua một bên. Đó là New York, anh bạn của tôi à. Nhưng..." Anh ta nhún vai và vết sạch phần trứng còn lại bằng chiếc nĩa của mình. "Ai biết được? Có thể anh sẽ là trường hợp ngoại lệ. Biết đâu tôi sẽ ngả mũ cúi chào".

Sadik đẩy cốc cà phê về phía tôi với cử chỉ cúi đầu giả tạo, mắt anh ta rà soát bất cứ dấu hiệu thay đổi tức thời nào. Và tiếp những tháng sau đó anh ấy tiếp tục theo dõi những bước chân của tôi, như một con chuột thí nghiệm to kèn, xuyên qua những con đường nhỏ của Manhattan. Anh ấy cố nín cười khi chỗ ngồi mà tôi ngỡ ý nhường cho một phụ nữ tuổi trung niên trên chuyến tàu điện ngầm bị chiếm bởi một anh thanh niên trẻ lực lưỡng. Tại cửa hiệu Bloomingdale, anh ta dẫn tôi đi qua những ma-nơ-canh với nồng nặc hương thơm của nước hoa mà chúng phun ra và quan sát sự phản ứng của tôi khi tôi xem những nhãn giá bắt mắt gắn trên những chiếc áo khoát dành cho mùa đông. Anh ấy lại ngỡ ý cho tôi lưu trú khi tôi từ chối căn hộ ở phố 109 vì không có máy sưởi, và đưa tôi đến Khu Dân cư thì té ra những người thuê lại căn hộ thứ hai của tôi không trả tiền thuê nhà và biến mất cùng với tiền đặt cọc của tôi.

"Răng và móng vuốt, Barack à. Đừng lo lắng về những kẻ ăn không ngồi rồi này và nghĩ cách kiếm tiền từ tấm bằng mà anh sẽ nhận được".

Khi Sadik hết hợp đồng thuê nhà, chúng tôi dọn đến chỗ mới ở chung với nhau. Và sau vài tháng khảo sát kỹ lưỡng, anh ta bắt đầu nhận ra rằng thành phố này thật sự có ảnh hưởng đến tôi, mặc dù không phải là điều anh ta mong đợi. Tôi chấm dứt việc dùng cần sa. Tôi chạy ba dặm một ngày và ăn kiêng vào những ngày Chủ nhật. Đó là lần đầu tiên sau nhiều năm trời tôi chuyên tâm đến việc học tập và bắt đầu ghi nhật ký về những suy nghĩ của mình và thơ ca loại tồi. Mỗi lúc Sadik cố ngỡ ý mời tôi vào chơi ở quán bar, tôi thường cáo lỗi với một lý do nhạt nhẽo, quá bận rộn với công việc hoặc không

có đủ tiền. Một ngày nọ, trong lúc rời căn hộ để tìm kiếm một người bạn đồng hành tốt hơn, anh ấy quay mặt về tôi và đưa ra lời chỉ trích gay gắt nhất của mình.

“Cậu là một người chán ngắt”.

Tôi biết anh ấy đúng, mặc dù tôi không chắc điều gì thật sự xảy ra. Theo một cách nào đó, tôi khẳng định sự hiểu biết của Sadik về sức cám dỗ của thành phố và sức mạnh phá hủy đằng sau đó. Với thời kỳ phát triển mạnh của Wall Street, Manhattan ngày càng hoạt động sôi nổi, những khu phát triển mới mọc lên khắp nơi; thanh niên nam nữ tuổi vừa mới ngoài hai mươi đã hưởng thụ sự xa hoa một cách khó tin; các thương gia thời trang cũng phải theo gót họ. Về đẹp, điều ô trọc, tiếng ồn, và sự thái quá, tất cả như khuấy động các giác quan của tôi; không có những giới hạn trong tính độc đáo của lối sống và sự khơi dậy lòng ham muốn - một nhà hàng đắt tiền hơn, một bộ y phục đẹp hơn, một hộp đêm đặc biệt hơn, một phụ nữ quyến rũ hơn, một liều cô-ca-in mạnh. Vì không chắc vào khả năng kiểm soát kế hoạch điều độ, sợ rơi vào những thói quen cũ, tôi đã dùng đến tính khí nếu không phải là những lời đáng tin cậy của một vị thầy pháp, sẵn sàng chứng kiến sự cám dỗ khắp mọi nơi và vượt qua một ý chí mong manh.

Mặc dù vậy, sự phản ứng của tôi còn hơn cả nỗ lực kiềm hãm sự thèm thuồng thái quá, hoặc một phản ứng chống lại sự dâng trào của giác quan. Phía dưới cái hoạt động sôi nổi đó, cái sự dịch chuyển mạnh mẽ đó tôi đang nhìn thấy một khe nứt của thế giới đang xảy ra. Tôi đã từng nhìn thấy sự nghèo đói ở Indonesia và tính khí bạo lực của những đứa trẻ nội thành ở L.A; tôi đã trở nên quen với sự hoài nghi giữa các chủng tộc ở khắp mọi nơi. Những dấu là vì sự rộn ràng của New York hoặc quy mô của nó, tôi bắt đầu thấu hiểu tường tận những vấn đề giai cấp và chủng tộc của Mỹ; sự sâu sắc, sự tàn bạo của những cuộc chiến tranh chủng tộc hệ quả; sự chua cay tưng tưng ra tùy thích không những trên các con phố mà còn trong những phòng tắm của Columbia, nơi cho dù chính quyền có cố sơn lên những bức tường đến bao nhiêu lần thì chúng vẫn bị cấu xé bởi những kiểu thư từ qua lại thô thiển giữa những gã da đen và những tên Do thái.

Điều đó như thể tất cả sự hòa giải trung lập đã sụp đổ, hầu như hoàn toàn. Và dường như không có nơi nào sự sụp đổ đó hiển nhiên bằng chính trong cộng đồng da màu mà tôi đã tưởng tượng ra một cách triu mến và trong đó tôi hy vọng tìm thấy nơi ẩn náu của mình. Tôi có thể gặp một người bạn da đen trong một công ty luật Midtown của anh ấy, và trước khi đến dự ăn trưa ở MoMA, tôi nhìn ra ngoài trên khắp thành phố về hướng Sông Đông từ văn phòng tòa nhà cao tầng của anh ta, tưởng tượng một cuộc sống mãn nguyện cho chính mình - một chuyến nghỉ mát, một gia đình và một ngôi nhà. Cho đến khi tôi nhận thấy rằng hầu như những người da màu khác trong văn phòng là những giao liên hoặc thư ký, những người da đen khác ở viện bảo tàng chỉ là những nhân viên bảo vệ áo xanh, những người đếm từng giờ cho đến khi họ có thể đón chuyến tàu về nhà ở Brooklyn hoặc Queens.

Tôi có thể lang thang xuyên qua Harlem - để chơi trên những sân chơi mà tôi có lần đã đọc đến hoặc nghe Jesse Jackson đọc bài diễn văn ở phố 125; hoặc, để ngồi trên những chiếc ghế dài đặt phía sau công viên nhà thờ thanh giáo Abyssinia vào một buổi sáng Chủ nhật, tâm hồn được nâng lên qua bài hát buồn bã và ngọt ngào của dàn đồng ca phúc âm - và chớp lấy hình ảnh thoáng qua của cái mà tôi đeo đuổi. Nhưng tôi không có sự chỉ dẫn nào có thể cho tôi biết cách để hòa nhập vào thế giới hỗn mang này, và khi tôi tìm kiếm một căn hộ ở đó, tôi nhận thấy những tòa nhà mặt tiền được xây bằng đá nâu thanh lịch ở Sugar Hill đã có người ở và ngoài khả năng của tôi, một vài tòa nhà cho thuê trông có vẻ khuôn phép với một danh sách đợi dài đến cả mười năm, vì thế tất cả những gì còn lại là những dãy dài các khu tập thể không thể cư ngụ được, phía trước những thanh niên trẻ đếm các xấp bạc lớn, và những gã say sưa lừ đừ và chập choạng hoặc lặng lẽ than khóc về chính họ.

Tôi coi đây là một sự sỉ nhục cá nhân, một sự nhạo báng về những tham vọng mong manh của tôi - mặc dù, khi tôi đưa đề tài này ra với những người vốn đã sống ở New York trong một thời gian, họ cho tôi biết rằng không có gì đặc biệt về cách nhìn nhận của tôi cả. Thành phố ngoài vòng kiểm soát, họ nói, sự phân cực, một hiện tượng tự nhiên, giống như những cơn gió mùa và sự trôi dạt của các lục địa.

Những cuộc thảo luận chính trị, kiểu mà ở Occidental một lần dường như rất căng thẳng và có ý nghĩa, đến để khoác lấy hương vị của những cuộc hội nghị xã hội chủ nghĩa mà thỉnh thoảng tôi tham dự ở Cooper Union hoặc các hội chợ văn hóa châu Phi thường diễn ra ở Harlem và Brooklyn trong suốt mùa hè - một vài trong những trò giải trí mà New York mang lại, giống như đi xem một cuốn phim nước ngoài hoặc trượt tuyết ở Trung Tâm Rockefeller. Với một ít tiền tôi tự do sống như phần lớn những người da đen trung lưu ở Manhattan, tự do lựa chọn một chủ đề theo đó để tổ chức cuộc đời mình, tự do tạo nên một bộ sưu tập của những phong cách, những người bạn, những quán bar và các tổ chức chính trị. Mặc dù vậy, tôi cảm nhận rằng, vào một giai đoạn nào đó - có thể khi anh có con và nghĩ rằng anh có thể ở lại trong thành phố chỉ để nghỉ học ở trường tư của tổ chức phi chính phủ, hoặc khi anh bắt đầu dùng đến taxi vào ban đêm để tránh sử dụng tàu điện ngầm, hoặc khi anh quyết định anh cần một người giữ cửa cho tòa nhà căn hộ của anh - sự lựa chọn của anh là không thể thu hồi được, tuyến ngăn cách đó là không thể bước qua được, và anh sẽ thấy mình ở một bên mà anh không bao giờ muốn cả.

Không sẵn sàng đón nhận sự lựa chọn đó, tôi tiêu khiển một năm trời đi từ đầu này của Manhattan đến đầu kia. Như một người khách du lịch, tôi quan sát tầm khả năng của con người được phô diễn, cố lần tìm tương lai của mình trong cuộc sống của những người mà tôi đã gặp, tìm kiếm một khoảng mở nào đó để tôi có thể bước xuyên qua.

Chính cái lối không hài hước này mà mẹ tôi và em gái tôi đã đến viếng thăm tôi trong mùa hè đầu tiên của tôi ở New York.

“Anh ấy gầy quá”, Maya nói với mẹ tôi.

“Nó chỉ có hai khăn tắm!” mẹ tôi la lên khi bà xem cái phòng tắm. “Và ba chiếc thanh treo”. Cả hai bắt đầu cười khúc khích.

Họ ở lại với Sadik và tôi trong vài đêm, rồi dọn đến tòa nhà căn hộ ở Park Avenue mà một người bạn của mẹ tôi đã ngỏ ý cho họ khi bà ở xa. Mùa hè năm đó tôi đã tìm được một công việc vệ sinh công trường xây dựng ở Upper West Side, vì thế mẹ và em gái tôi tiêu khiển hầu hết những ngày của họ để thăm dò thành phố. Khi chúng tôi gặp nhau trong bữa ăn tối, họ đưa cho tôi xem một báo

cáo chi tiết về những cuộc phiêu lưu của họ: ăn dâu và kem ở trung tâm Plaza, đón phà đến tượng Nữ thần Tự do, viếng thăm những tác phẩm hội họa của Cézannes ở Viện Bảo tàng Nghệ thuật New York. Tôi lặng lẽ ăn cho đến khi họ ăn xong và rồi bắt đầu một bài thuyết trình dài về những vấn đề của thành phố và nền chính trị của những người bị tước đoạt. Tôi trách Maya vì dùng cả buổi tối xem TV thay vì đọc những cuốn tiểu thuyết mà tôi đã mua cho cô ấy. Tôi chỉ cho mẹ tôi những cách thức khác nhau mà những người hiến tặng nước ngoài và các tổ chức phát triển quốc tế, cũng như tổ chức mà mẹ tôi đang làm, đã nuôi dưỡng những thành phần thuộc Thế giới Thứ ba. Khi mẹ và em gái tôi rút vào nhà bếp, tôi nghe lỏm Maya phàn nàn với mẹ tôi.

“Barry ổn chứ hả mẹ? Con hy vọng anh ấy không đánh mất vẻ ấn tượng của mình và trở thành một trong những người nhiệt huyết mà mẹ nhìn thấy trên những con đường xung quanh đây”.

Một buổi tối nọ, trong lúc đang lướt qua tờ *The Village Voice*, mắt mẹ tôi rục sáng lên khi nhìn vào mục quảng cáo cho một bộ phim với tiêu đề *Black Orpheus*, sắp sửa chiếu ở trung tâm thành phố. Mẹ tôi nằng nặc tất cả phải đi xem trong tối hôm đó; bà nói rằng đó là bộ phim nước ngoài đầu tiên mà bà đã từng xem.

“Lúc ấy mẹ chỉ mười sáu tuổi”, bà nói khi chúng tôi bước vào thang máy. “Mẹ vừa mới trúng tuyển vào Đại học Chicago - Gramps đã không bảo rằng ông sẽ không để mẹ đi - và mẹ đã ở đó trong suốt mùa hè, làm việc như một người phụ việc để tự mưu sinh. Đó là lần đầu tiên mẹ thật sự tự lập. Quái thật, mẹ cảm thấy mình như một người lớn. Và khi mẹ nhìn thấy bộ phim này, mẹ nghĩ đó là điều đẹp nhất mà mẹ đã từng xem”.

Chúng tôi đón taxi đến rạp hát thời phục hưng nơi bộ phim sẽ được trình chiếu. Bộ phim, ở góc độ nào đó là bước đột phá bởi phần lớn các vai đều là người da đen, người Brazil, đã được sản xuất vào những năm 50. Nội dung chính của bộ phim rất đơn giản: một câu chuyện thần thoại về cặp tình nhân bạc mệnh Orpheus và Eurydice được đặt trong bối cảnh là khu ổ chuột tồi tàn ở Rio trong suốt lễ hội Carnival. Với ánh sáng màu sắc sỡ, được phối trí tương phản với

những đôi cây xanh cảnh vật, những người Brazil da đen và da nâu hát, múa và khảy ghi-ta như những con chim vô tư trong bộ lông chim sặc sỡ. Đến khoảng giữa bộ phim, tôi nghĩ mình đã xem đủ và quay về mẹ tôi để hỏi bà có thể về được chưa. Nhưng khuôn mặt bà, lấp lờ bởi ánh sáng màu xanh của màn hình, ánh lên một vẻ dăm chiêu. Vào lúc đó, tôi cảm thấy như thể mình hiểu thấu được lòng bà, một cõi lòng vô tư về tuổi thanh xuân của bà. Dột nhiên tôi nhận ra rằng việc lột tả những người da đen ngây ngô mà lúc này tôi đang xem trên màn hình, một hình ảnh trái ngược với những người da đen man rợ của Conrad, là cái mà mẹ tôi mang theo đến Hawaii suốt những năm tháng trước đây, một sự phản ánh về những mơ mộng đơn giản đã bị cấm đoán đối với một cô gái da trắng thuộc giai cấp trung lưu ở Kansas, sự hứa hẹn về một cuộc sống khác: nồng nhiệt, khoái cảm, mới mẻ, khác biệt.

Tôi quay mặt đi, ngượng ngùng cho bà, phát cáu bởi những người xung quanh. Ngồi trong bóng tối ở đây, tôi nhớ về một cuộc đối thoại của tôi vài năm trước với một người bạn của mẹ tôi, một người đàn ông Anh Quốc, người làm việc cho một tổ chức cứu trợ quốc tế trên khắp châu Phi và châu Á. Ông nói với tôi về tất cả những con người khác nhau mà ông đã từng gặp trong các chuyến đi của mình, người Dik của Sudan là kỳ lạ nhất.

“Thông thường sau một hoặc hai tháng tiếp xúc”, ông nói. “Ngay cả nơi cháu không nói được ngôn ngữ của họ, cháu vẫn nhận được một nụ cười hoặc một trò đùa thú vị, cháu biết đấy - một biểu hiện gì đó về sự đón nhận. Nhưng sau một năm trời ở với người Dik, họ hầu như hoàn toàn xa lạ với cháu. Họ cười vào những thứ vốn dồn cháu vào tình trạng tuyệt vọng. Điều cháu thấy thú vị dường như chỉ là sự vô cảm đối với họ”.

Tôi chia sẻ với ông ấy thông tin rằng người Dik chính là người Nilotes, bà con xa của tôi. Tôi cố tưởng tượng người đàn ông Anh Quốc nhợt nhạt này trong một vùng sa mạc khô nứt đầu đó, lưng ông quay về những người bộ lạc trần trụi, mắt ông lần tìm một bầu trời trống rỗng, cay đắng trong sự cô đơn của mình. Và suy nghĩ đó đã xảy đến với tôi, suy nghĩ mà lúc này tôi mang nó theo bên mình



khi rời rạp chiếu bóng cùng với mẹ và em gái: Những cảm xúc giữa các chủng tộc không thể là tinh khiết; ngay cả tình yêu cũng bị vấy bẩn bởi sự khao khát tìm từ đâu đó một yếu tố mà chính chúng ta bị mất. Dẫu chúng ta có tìm thấy những kẻ hung ác hay vị cứu tinh của mình, chủng tộc kia vẫn luôn: hăm dọa, xa lạ và tách rời.

“Thể loại cũ rích, hử” Maya nói khi mẹ tôi bước vào phòng tắm.

“Cái gì?”

“Bộ phim đó. Nó thuộc thể loại xưa rích rồi. Chỉ hợp với thị hiếu của mẹ”.

Trong vài ngày tiếp theo, tôi cố tránh những tình huống nơi mẹ tôi và tôi có thể phải nói chuyện với nhau. Rồi, vài ngày trước khi họ về, tôi đến gặp bà trong lúc Maya đang ngủ trưa. Mẹ tôi nhận thấy trong tay tôi đang cầm một bức thư gửi đến cha tôi. Tôi hỏi bà có một con tem gửi đi nước ngoài không.

“Các anh đang sắp xếp một chuyến viếng thăm nhau phải không?”

Tôi nói sơ cho bà về những kế hoạch của tôi khi bà rút một con tem từ trong chiếc ví của mình. Thật sự bà chỉ còn hai con tem; chúng bị cháy và kết dính lại do cái nóng mùa hè. Bà nở một nụ cười bên lên và đun sôi một ít nước vì thế chúng tôi mới có thể dùng hơi để tách chúng ra.

“Vâng, mẹ nghĩ thật là tuyệt vời khi cuối cùng hai người muốn tìm đến nhau”, giọng bà vang lên từ nhà bếp. “Ông ấy hơi nghiêm khắc đối với một đứa bé mười tuổi để tiếp chuyện nhưng giờ đây con đã lớn nhiều rồi...”

Tôi nhún vai. “Ai biết được?”

Bà thò đầu ra từ nhà bếp. “Mẹ hy vọng con không cảm thấy phần uất bực bội với ông ấy”.

“Tại sao con phải như vậy?”

“Mẹ không biết”. Bà trở về phòng khách và ngồi đó một hồi, lắng nghe âm thanh xe cộ từ phía dưới. Ấm nước hú lên, và tôi dán con

tem lên bìu thư. Rồi, không đợi bất cứ sự gợi ý nào, mẹ tôi bắt đầu kể lại một câu chuyện cũ, bằng một chất giọng lạnh nhạt, như thể bà đang tự kể cho chính mình.

"Con biết đấy việc cha con ra đi không phải là lỗi của ông ấy. Mẹ đã chủ động ly dị. Khi mẹ và cha con lấy nhau, ông bà ngoại con không vui về chuyện đó. Nhưng họ nói được - dù sao họ cũng không thể ngăn chặn bố mẹ con, và sau cùng họ đi đến quyết định rằng việc làm đó cũng không gì là sai trái. Cha của Barack lúc ấy - ông nội của con Hussein - đã viết cho Gram một bức thư dài và kính tởm nói rằng ông ta không tán thành cuộc hôn nhân này. Ông không muốn dòng máu của Obama bị vấy bẩn bởi một phụ nữ da trắng, ông nói. Vâng, con có thể tưởng tượng Gramps đã phản ứng như thế nào trước điều đó. Và rồi còn vấn đề với người vợ trước của cha con... ông ấy nói với mẹ là họ đã chia tay, nhưng đó là một lễ cưới làng quê, vì thế không có hồ sơ pháp lý nào có thể chứng minh một cuộc ly hôn..."

Cầm của bà bắt đầu run lên, bà mím chặt môi để cố giữ vẻ kiên định. Bà nói, "Cha con viết lại và nói rằng ông sẽ tiếp tục với điều đó. Rồi con được sinh ra, và cha mẹ con đều nhất trí rằng cả ba người chúng ta sẽ trở về Kenya sau khi ông ấy tốt nghiệp. Nhưng ông nội con Hussein vẫn viết thư lại cho bố con, đe dọa sẽ cho thu hồi thị thực sinh viên của cha con. Lúc này Toot đã trở nên điên loạn - bà đã từng đọc về cuộc nổi loạn Mau - Mau ở Kenya vài năm trước đó, vốn dĩ thật sự được thổi phồng bởi báo chí phương Tây - và bà chắc chắn rằng mẹ sẽ bị chặt đầu còn con thì bị trục xuất đâu đó".

"Thậm chí lúc ấy, điều đó có thể đã xảy ra. Khi cha con tốt nghiệp Đại học Harvard, ông ấy nhận được hai suất học bổng. Một suất là New School, ngay tại New York này. Một suất là Harvard. New School đồng ý bảo trợ mọi thứ - phòng ở và cơm tháng, một công việc tại trường, đủ để nuôi sống cả ba người chúng ta. Harvard chỉ đồng ý trả tiền học phí. Nhưng Barack là một gã bướng bỉnh, ông phải đến Harvard. Làm sao anh có thể từ chối một nền giáo dục tốt nhất? Ông ấy nói với mẹ. Đó là tất cả những điều mà ông có thể nghĩ về, điều đó chứng tỏ rằng ông là người tốt nhất..."

Bà thở dài mệt mỏi, hai bàn tay vuốt nhẹ lên mái tóc. “Bọn mẹ còn rất trẻ, con biết đấy. Mẹ còn trẻ hơn con bây giờ. Ông ấy chỉ lớn hơn mẹ có vài tuổi. Sau này, khi ông đến thăm chúng ta ở Hawaii, ông muốn tất cả chúng ta cùng về sống với ông. Nhưng lúc ấy mẹ đã kết hôn với Lolo, và người vợ thứ ba của ông ấy vừa mới rời bỏ ông, và mẹ không nghĩ...”

Bà dừng lại và cười với chính mình. “Mẹ có bao giờ kể với con rằng ông ấy trẻ trong buổi hẹn hò đầu tiên với mẹ không? Ông ấy yêu cầu mẹ đón ông ở phía trước thư viện đại học. Khi mẹ đến đó ông ấy chưa đến, nhưng mẹ nghĩ phải chờ chút cho ông vài phút. Đó là một ngày đẹp trời, vì thế mẹ nằm dài trên một trong những chiếc ghế dài, và trước khi mẹ biết điều đó thì mẹ đã ngủ thiếp đi. Vàng, một giờ sau - đúng một giờ! - ông ấy xuất hiện cùng với một vài người bạn. Mẹ thức dậy và ba người họ đứng nhìn xuống mẹ, và mẹ nghe ba con nói rằng, ‘Các anh thấy chưa. Tớ đã bảo cô ấy là một cô gái dễ thương, và cô ấy sẽ đợi tớ mà’”.

Mẹ tôi lại cười, và lần nữa tôi trông bà như đứa bé mà một thời bà như thế. Nhưng lần này tôi nhìn thấy một điều gì đó khác: Trong khuôn mặt hơi bối rối và vui vẻ của bà, tôi nhận thấy điều mà tất cả những đứa trẻ hẳn sẽ nhìn thấy vào một thời điểm nào đó khi chúng lớn lên - cuộc sống của cha mẹ chúng biểu lộ với chúng như là những cá thể riêng biệt và tách rời, vượt quá cái khoảnh khắc họ đến với nhau hoặc lúc sinh con, những cuộc sống trải lui về thời ông bà, tổ tiên, vô vàn những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, những sự hiểu lầm, những niềm hy vọng được mong đợi, và những tình huống hạn hẹp. Mẹ tôi là cô gái đó với bộ phim về những người da màu đáng yêu trong đầu bà, được tôn lên bởi sự chiều chuộng chăm sóc của cha tôi, bối rối và cô đơn, cố thoát ra khỏi sự kìm kẹp của cuộc sống bố mẹ bà. Sự ngây thơ mà bà mang theo vào ngày hôm nay, việc đợi chờ cha tôi, đã được thấm bởi sự cảm nhận sai lầm, những nhu cầu riêng của bà. Nhưng đó là một nhu cầu ngây ngô, một nhu cầu không một chút e dè, và có lẽ đó là cách mà mọi cuộc tình nảy nở, những thói thúc và những hình ảnh lơ mơ vốn cho phép chúng ta vượt qua sự cô đơn của mình, và rồi sẽ như thế nếu chúng ta may mắn, cuối cùng được chuyển thành một điều gì đó vững chắc hơn. Điều tôi nghe từ mẹ tôi

vào ngày hôm đó, nói về cha tôi, là một điều gì đó tôi nghĩ là hầu hết người Mỹ sẽ không bao giờ tin từ môi của những người thuộc chủng tộc khác, và vì vậy không thể tin có thể tồn tại giữa người da đen và người da trắng: tình yêu của một người nào đó hiểu rất rõ cuộc đời bạn, một tình yêu sẽ vượt qua sự thất vọng. Bà ấy gặp cha tôi như mọi người hy vọng rằng ít nhất một người khác có thể gặp ông; bà đã cố giúp đứa trẻ mà nó không bao giờ biết là ông ấy nhìn nó theo một cách như vậy. Và đó là vẻ mặt của bà vài tháng sau đó, tôi nhớ lại, khi tôi gọi điện cho bà để báo tin rằng cha tôi đã chết và tôi đã nghe tiếng khóc của bà trên đường dây điện thoại.

Sau khi nói chuyện với mẹ tôi, tôi gọi điện cho em trai của cha tôi ở Boston và chúng tôi có một cuộc nói chuyện ngắn gọn và lúng túng. Tôi không đi dự lễ tang, vì vậy tôi viết thư cho gia đình bên nội ở Nairobi bày tỏ sự chia buồn sâu sắc của tôi. Tôi nài họ hỏi âm cho tôi và tự hỏi không biết cuộc sống ở đó thế nào. Nhưng tôi không cảm thấy đau đớn mà chỉ là sự cảm nhận mơ hồ về một cơ hội bị đánh mất, và ngược lại tôi chẳng thấy lý do gì để giả vờ cả. Những kế hoạch đến Kenya của tôi đã tạm gác lại không biết đến bao giờ.

Một năm nữa trôi qua trước khi tôi gặp ông vào một đêm nọ, trong một xà lim lạnh lẽo, một căn phòng nhỏ trong những giấc mơ của tôi. Tôi mơ mình đang đi du lịch bằng xe buýt với những người bạn mà tên họ tôi đã quên, đàn ông và phụ nữ với những chuyến hành trình khác nhau. Chúng tôi di chuyển lắt lư ngang qua những cánh đồng cỏ sâu và những ngọn đồi tương phản với bầu trời màu da cam.

Một người đàn ông da trắng đứng tuổi, to con chắc nịch, ngồi bên cạnh tôi, và tôi đọc trong cuốn sách mà ông cầm trong tay rằng việc chúng ta xử sự với người già sẽ gọt dũa tâm hồn của chúng ta. Ông cho tôi biết rằng ông là một người liên hiệp, và đang trên đường đi thăm con gái ông.

Chúng tôi dừng ở một khách sạn cũ, một khách sạn sang trọng với những chúc đài treo. Có một chiếc dương cầm đặt ở hành lang đại sảnh và một phòng khách với những gối đệm làm bằng loại lụa mềm,

và tôi lấy một trong những chiếc gối đệm và đặt nó lên chiếc ghế dài của chiếc dương cầm, và ông già da trắng ngồi xuống, một cách chậm chạp hoặc là suy yếu vì tuổi già, và khi tôi nhìn lại ông ấy là một cô gái da đen bé nhỏ, hai bàn chân cô vừa chạm đủ đến bàn đạp của cây đàn. Cô mỉm cười và bắt đầu trình tấu, và rồi một cô hầu bàn bước vào, một phụ nữ Tây Ban Nha trẻ trung, ả cau mày nhìn chúng tôi, nhưng dưới vẻ cau mày đó là một nụ cười, và ả nâng ngón tay lên môi như thể chúng tôi đang chia sẻ một điều bí mật.

Tôi ngủ gà ngủ gật trong suốt chặng còn lại của chuyến hành trình, và thức dậy thì nhận thấy mọi người đi đâu mất. Chiếc xe buýt dừng lại, tôi bước xuống và ngồi bên lề đường. Bên trong một tòa nhà được xây bằng đá lờm chờm, một luật sư nói chuyện với một thẩm phán. Vị thẩm phán đề nghị rằng cha tôi đã trải qua thời hạn tù, có lẽ đã đến lúc phải phóng thích ông ấy. Nhưng ông luật sư từ chối một cách dửng dưng, trích dẫn những điều luật tiêu biểu khác nhau, cái cần thiết để duy trì trật tự. Vị thẩm phán nhún vai và đứng dậy khỏi chiếc ghế dài.

Tôi đứng trước xà lim, mở chiếc khóa móc, và đặt nó cẩn thận trên rìa cửa sổ. Cha tôi phía trước tôi, chỉ có một miếng vải bao xung quanh eo; ông rất gầy, cái đầu to và thân hình yếu ớt, hai cánh tay và ngực không có lông. Ông trông nhợt nhạt, đôi mắt đen tỏa sáng tương phản với khuôn mặt tái mét của ông, nhưng ông mỉm cười và ra dấu cho gã cai ngục cao to và cảm vui lòng đứng sang một bên.

"Nhìn con này", ông nói. "Cao quá - và gầy quá. Còn cả tóc bạc nữa!"

Và tôi nhận thấy điều đó không sai, tôi bước về phía ông và chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Tôi bắt đầu khóc và cảm thấy hổ thẹn, nhưng không thể ngăn cản chính mình được.

"Barack. Cha luôn muốn nói với con rằng cha yêu con đến mức nào", ông nói. Ông dường như nhỏ nhắn trong vòng tay tôi lúc này, kích cỡ của một cậu bé.

Ông ngồi ở góc cũi và đầu ông tựa vào hai bàn tay đan xen lại với nhau, ông nhìn chằm chằm vào tôi rồi quay mặt vào tường. Một

nỗi buồn không thể nguôi ngoai lan tỏa trên khuôn mặt ông. Tôi cố làm trò vui với ông; tôi nói với ông rằng sở dĩ tôi ốm là vì tôi giống ông. Nhưng ông không nhúc nhích, và khi tôi thì thầm với ông rằng chúng ta có thể cùng ra khỏi đây, ông lắc đầu và nói với tôi rằng tốt nhất là tôi nên đi đi.

Tôi thức dậy vẫn thấy mình đang khóc, những giọt nước mắt thực sự đầu tiên của tôi dành cho ông - và cho tôi, người cai tù, vị thẩm phán, con trai của ông. Tôi bật đèn và rút ra những bức thư cũ của ông. Tôi nhớ cuộc viếng thăm duy nhất của ông - quả bóng rổ mà ông cho tôi và cách ông dạy tôi khiêu vũ. Và tôi đã nhận ra, có lẽ là lần đầu tiên, cách mà thậm chí nếu vắng ông, hình ảnh mạnh mẽ của ông cũng đã cho tôi một bức tường thành vững chắc để từ đó tiến lên, một hình ảnh để noi theo hoặc thất vọng.

Tôi bước đến cửa sổ và nhìn ra ngoài, lắng nghe những âm thanh đầu tiên của buổi sáng - tiếng rì rào của những chiếc xe tải chở rác, những bước chân trong căn hộ kế bên. Tôi cần tìm ông ấy, tôi tự nghĩ, và nói chuyện với ông một lần nữa.

# phần hai: CHICAGO

## Chương bảy

Năm 1983, tôi quyết định trở thành một nhà tổ chức của cộng đồng.

Không có nhiều chi tiết cho ý tưởng này; tôi không biết bất cứ ai kiếm sống bằng cách đó. Khi những bạn học của tôi thời đại học hỏi tôi công việc mà một nhà tổ chức của cộng đồng phải làm là gì, tôi không thể trả lời họ trực tiếp được. Thay vào đó, tôi tuyên bố về nhu cầu thay đổi. Thay đổi trong Nhà Trắng, nơi Reagan và những thuộc hạ của ông đang tiến hành những việc làm dơ bẩn. Thay đổi trong Quốc hội, phục tùng và thối nát. Thay đổi trong sắc thái của quốc gia, điên loạn và chỉ biết đến mình. Thay đổi không đến từ bên trên, tôi muốn nói như vậy. Thay đổi sẽ đến từ quần chúng được vận động.

Đó là điều mà tôi sẽ làm, tôi sẽ tổ chức lại đại quần chúng đa màu. Ở tận gốc rễ. Vì sự thay đổi.

Và những người bạn của tôi, da đen và da trắng, sẽ tán tụng tôi một cách nhiệt thành vì những ý tưởng của tôi trước khi họ đến bưu điện để gửi hồ sơ thi tuyển vào cao học.

Tôi thật sự không thể trách họ vì sự hoài nghi. Giờ đây, nhờ vào kinh nghiệm của mình, tôi có thể thiết lập một chuỗi lý luận nào đó cho quyết định của tôi, chứng tỏ làm thế nào việc trở thành một nhà tổ chức là một phần trong vấn đề lớn hơn đó, bắt đầu với cha tôi và cha ông ấy, mẹ tôi và bố mẹ bà ấy, những ký ức của tôi về Indonesia với những người ăn xin và người nông dân; và sự lệ thuộc của Lolo vào quyền lực, Ray và Frank, Marcus và Regina; việc tôi dọn đến New York; cái chết của cha tôi. Tôi có thể hiểu được rằng những lựa chọn của tôi không bao giờ thật sự là của riêng mình cả - và rằng nó phải như thế, nếu không thì việc quả quyết cũng chỉ là sự đeo đuổi cái kiểu tự do đáng thương mà thôi.

Nhưng sự công nhận như thế chỉ đến sau này. Vào thời điểm lúc chuẩn bị tốt nghiệp đại học, tôi làm việc chủ yếu từ sự thôi thúc, như một con cá hồi mò mẫm bơi về thượng nguồn, về nơi khởi đầu của chính nó. Trong các bài học ở lớp và các buổi chuyên đề, tôi thường làm nổi bật thêm cho những bức đồng này bằng những câu khẩu hiệu và lý thuyết mà tôi khám phá được trong sách báo, suy nghĩ - một cách sai lầm - rằng những câu khẩu hiệu mang hàm ý gì đó, rằng một cách nào đó chúng khiến điều mà tôi cảm nhận trở nên lệ thuộc hơn vào bằng chứng. Nhưng khi đêm về, nằm trên giường, tôi mặc cho những câu khẩu hiệu đó trôi dạt đi, để được thay thế bởi hàng loạt những hình ảnh, những hình ảnh lãng mạng về quá khứ mà tôi không bao giờ biết.

Chúng thuộc về phong trào quyền công dân, chủ yếu là những thước phim trắng đen nhật nhòa vốn thường xuất hiện mỗi tháng Hai trong suốt Tháng Lịch sử Da màu, những hình ảnh mà mẹ tôi đã gợi ý cho tôi khi còn là một đứa trẻ. Một đôi sinh viên, tóc ngắn, lưng thẳng, đang đăng ký bữa ăn trưa của mình ở quầy loạn choạng như muốn vấp ngã trên rìa của cuộc nổi loạn. Những nhân công thuộc Ủy ban Hợp tác Chống Bạo lực của Sinh viên (SNCC) đứng trên một chiếc cổng vòm ở vùng nước đọng Mississippi cố thuyết phục một gia đình của những người lính canh đăng ký một phiếu bầu. Một nhà tù ở hạt nổ tung với những đứa trẻ, tay chúng xiết chặt lại với nhau và hát những bài ca tự do.



Những hình ảnh như vậy trở thành một kiểu kinh cầu cho tôi, nâng đỡ tinh thần tôi, hướng những cảm xúc của tôi theo một cách mà lời lẽ không bao giờ có thể làm được. Chúng nói với tôi rằng (mặc dù ngay cả việc thấu hiểu về điều này có thể sẽ đến sau, nó cũng chỉ là một tình huống tưởng tượng, mang những điều sai lầm riêng của nó) tôi không cô đơn trong những cuộc chống chọi đặc biệt này, và các cộng đồng không bao giờ là điều kiện phải chấp nhận trong đất nước này, ít nhất là đối với những cộng đồng da màu. Các cộng đồng phải được tạo ra, phải được chiến đấu để gìn giữ và được chăm sóc như những khu vườn. Chúng lan tỏa hoặc kết giao với những mơ ước của con người - và trong phong trào về quyền công dân những ước mơ đó là rất lớn. Trong những cuộc biểu tình ngồi, những cuộc diễu hành, những bài ca ngục tù tôi đã nhìn thấy cộng đồng người Mỹ gốc Phi trở nên to tát hơn cả nơi anh được sinh ra hoặc ngôi nhà nơi anh được nuôi nấng. Qua việc tổ chức, qua sự hy sinh được sẻ chia, tư cách thành viên được công nhận. Và bởi vì tư cách thành viên được công nhận - bởi vì cộng đồng mà tôi tưởng tượng đang hình thành, được xây dựng trên sự hứa hẹn mà cộng đồng người Mỹ lớn hơn, da trắng, da đen và da nâu, có thể tái xác định lại chính nó - tôi tin rằng qua thời gian nó có thể thừa nhận tính duy nhất của cuộc đời tôi.

Đó là ý tưởng tổ chức của tôi. Đó là một sự hứa hẹn về sự cứu chuộc.

Và vì thế, trong những tháng chuẩn bị tốt nghiệp, tôi đã viết thư cho mỗi tổ chức quyền công dân mà tôi có thể nghĩ đến, đến bất cứ viên chức da đen nào được bầu trong nước với một chương trình làm việc tiến bộ, đến các hội đồng địa phương và các nhóm sở hữu đất đai. Khi không có ai hồi âm, tôi cũng không nản lòng. Tôi quyết định kiếm việc làm thêm cho suốt cả năm, để chi trả cho khoản vay sinh viên của tôi và có thể dành được một khoản nho nhỏ. Sau này tôi sẽ cần tiền, tôi tự nhủ. Các nhà tổ chức không làm ra tiền; sự nghèo khó của họ là bằng chứng về sự liêm chính.

Cuối cùng, một tổ chức tư vấn thuộc tập đoàn đa quốc gia đã đồng ý thuê tôi với tư cách là trợ lý nghiên cứu. Giống như một điệp viên phía sau chiến tuyến của kẻ thù, mỗi ngày tôi đến văn phòng

nằm ở trung tâm Manhattan và ngồi ở bàn máy vi tính, kiểm tra hệ thống Reuters nhấp nháy các tin nhắn màu xanh từ khắp nơi trên thế giới. Tôi có thể biết rằng mình là người da đen duy nhất trong công ty, với tôi đó là căn nguyên của sự hổ thẹn song lại là nguồn gốc của niềm tự hào lớn lao cho giới thư ký của công ty. Họ đối xử với tôi như một người con, những cô thư ký da màu đó; họ bảo với tôi rằng một ngày nào đó họ mong sao tôi sẽ điều hành công ty. Thỉnh thoảng trong giờ ăn trưa tôi nói với họ về tất cả những kế hoạch tổ chức tuyệt vời của tôi, họ mỉm cười và nói, "Tốt lắm Barack à", nhưng ánh mắt họ muốn mách với tôi rằng họ đang thất vọng. Chỉ có Ike, một nhân viên bảo vệ da đen cộc cằn ở hành lang, sẵn sàng thốt lên với tôi rằng tôi đang phạm sai lầm.

"Tổ chức ư? Một kiểu gì đó thuộc chính trị phải không? Tại sao anh lại làm một điều như thế?"

Tôi cố giải thích quan điểm chính trị của mình, tầm quan trọng của việc vận động người nghèo và mang họ trở lại với cộng đồng. Nhưng Ike chỉ lắc đầu. "Ông Barack", ông ấy nói, "Tôi hy vọng nếu anh không phiền tôi sẽ cho anh một lời khuyên nho nhỏ. Lúc này anh không phải áp dụng, nhưng dù sao tôi cũng nên khuyên anh. Hãy quên công việc tổ chức này đi và làm một điều gì đó giúp anh kiếm ra tiền. Đừng tham lam, anh hiểu chứ. Nhưng đủ rồi. Tôi cho anh biết điều này bởi vì tôi có thể nhận thấy tiềm năng lớn lao trong anh. Người trẻ như anh, với một giọng nói tuyệt vời - chết tiệt, anh có thể là một trong những phát ngôn viên truyền hình. Hoặc đại diện bán hàng... ước gì có được một cháu trai độ tuổi anh và nó có thể kiếm được nhiều tiền ở đây. Đó là điều chúng tôi cần, anh biết chứ. Không có người nào quanh quẩn đây cả, tất cả chỉ là thứ đơn điệu và khờ khạo. Anh không thể giúp những người vốn sẽ không làm gì được, và họ cũng không cảm kích về sự cố gắng của anh. Những người khi đã muốn làm điều đó họ sẽ tìm cách để tự làm lấy. Anh bao nhiêu tuổi rồi?"

"Hai mươi hai".

"Ôi. Đừng phí tuổi xuân của mình, Ông Barack à. Mỗi buổi sáng thức dậy, một ông già như tôi, tất cả chỉ là sự mệt mỏi, chẳng có sự thôi thúc nào cả".

Tôi không chú ý nhiều đến những gì Ike nói; tôi nghĩ ông ấy cũng chẳng khác gì ông bà ngoại tôi. Tuy nhiên, khi nhiều tháng trôi qua, tôi cảm thấy ý tưởng để trở thành một nhà tổ chức đang mất dần trong tôi. Công ty đã bổ nhiệm tôi vào vị trí người viết báo cáo tài chính. Tôi có văn phòng riêng, thư ký riêng, tiền trong nhà băng. Thỉnh thoảng, khi chuẩn bị phòng vấn với các chuyên gia tài chính Nhật hoặc các nhà buôn trái phiếu Đức, tôi nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của mình trên cánh cửa thanh máy - trong bộ veston, chiếc cà vạt và một va - li tài liệu trong tay - và trong thoáng chốc tôi tưởng tượng mình như người điều hành một cơ sở công nghiệp lớn, có quyền ra lệnh, kết thúc thương vụ trước khi tôi nhớ lại người mà tôi luôn tự nhủ với mình phải trở thành và cảm thấy dần vụt vì sự thiếu quyết tâm đó.

Rồi một ngày nọ, khi tôi ngồi ở bàn máy tính để viết một bài báo về tỉ giá lãi suất, một điều bất ngờ xảy đến. Auma gọi.

Tôi chưa bao giờ gặp người chị cùng cha khác mẹ này; rất hiếm khi chúng tôi trao đổi thư từ. Tôi biết chị ấy rời Kenya đến học ở Đức, và trong những bức thư chúng tôi có đề cập khả năng về việc tôi đến đó, hoặc có thể chị ấy sẽ đến Mỹ. Nhưng kế hoạch của chúng tôi không bao giờ chắc chắn - cả hai đều không có tiền, chúng tôi nói có thể năm sau. Thư từ qua lại giữa tôi với chị ấy vẫn luôn duy trì ở một khoảng cách thân mật.

Lúc này đột nhiên tôi nghe tiếng chị ấy lần đầu tiên. Giọng nói nhẹ nhàng và mập mờ, nhuốm sắc thái thuộc địa. Trong những giây phút đầu tôi không thể hiểu được từ nào, chỉ nghe âm thanh, một âm thanh có vẻ như luôn hiện hữu ở đó, bị lệch lạc nhưng không bao giờ quên được. Chị ấy đến Mỹ trên một chuyến đi với một vài người bạn, chị ấy nói. Chị ấy đã hỏi là liệu chị có thể đến thăm tôi ở New York không?

"Di nhiên", tôi nói. "Chị có thể ở lại với em; em không thể đợi lâu nữa". Và chị ấy cười, và tôi cũng cười, và rồi đường dây trở nên lặng câm bởi sóng nhiễu và âm thanh của hơi thở chúng tôi. "Được rồi", chị ấy nói, "Chị không thể nói chuyện quá lâu trên điện thoại, tốn tiền lắm. Đây là thông tin của chuyến bay"; và chúng tôi gác máy ngay sau đó, như thể sự gấp gáp của chúng tôi là một buổi thiết đãi được phân thành từng phần nhỏ.

Trong vài tuần tiếp theo tôi chạy ngược chạy xuôi để chuẩn bị: những tấm drap mới cho chiếc giường sofa, khăn tắm và thanh treo, một cây cọ bồn tắm. Nhưng hai ngày trước khi chuẩn bị đến, Auma lại gọi cho tôi, giọng nói lè nhè, dường như chỉ là một lời thì thầm.

“Rốt cuộc chị không thể đi được”, chị ấy nói. “Một trong những người anh em của chị, David... đã qua đời. Trong một tai nạn giao thông. Chị không biết gì hơn chuyện này”. Chị ấy bắt đầu khóc. “Ồi, Barack. Tại sao những điều này lại xảy đến cho chúng ta?”

Tôi cố an ủi chị ấy với tất cả sự cảm thông của mình. Tôi hỏi chị ấy liệu tôi có thể làm được điều gì cho chị. Tôi nói với chị ấy rằng vẫn còn nhiều dịp khác để chúng ta có thể gặp nhau. Sau cùng giọng chị ấy lắng xuống; chị ấy phải đi đăng ký vé máy bay về nhà, chị nói.

“OK, vậy nhé Barack. Mong được gặp cậu. Tạm biệt”.

Sau khi chị ấy gác máy, tôi rời văn phòng, nói với người thư ký rằng tôi đi xa một ngày. Trong nhiều giờ liền tôi lang thang trên những con phố của Manhattan, âm thanh phát ra từ giọng nói của Auma vang vọng trong tâm trí tôi. Một lục địa xa xôi, một phụ nữ đang khóc. Trên con đường đầy bụi và tối đen, một thằng bé lướt đi không còn kiểm soát được nữa, nó ngã nhào xống xoài trên mặt đất thô cứng, hai bánh xe xoay tít cho đến lúc thỉnh lặng. Những người này là ai vậy, tôi tự hỏi, những người lạ mặt mang dòng máu của tôi? Điều gì có thể cứu người phụ nữ này khỏi nỗi đau buồn? Những giấc mơ dữ dội và găm ngăm nào mà thằng bé này có?

Tôi là ai đây, người chẳng phải mất một giọt nước mắt nào cho sự mất mát của riêng nó?

Đôi khi tôi vẫn tự hỏi làm thế nào mà lần tiếp xúc đầu tiên với Auma đã thay đổi cuộc đời tôi. Không hoàn toàn là chính cuộc tiếp xúc này (vốn dĩ hàm ý nhiều điều) hoặc tin về cái chết của David (đó cũng là điều tuyệt nhiên; tôi chưa bao giờ biết về anh ấy, và điều đó cũng nói đủ rồi), mà đúng hơn là thời gian của cuộc gọi, trình tự đặc biệt của các sự kiện, những mong mỏi đầy ắp và rồi những hy vọng

tan vỡ, tất cả xảy đến vào lúc mà ý tưởng trở thành một nhà tổ chức vẫn chỉ là như thế, một ý tưởng trong đầu tôi, một sự níu kéo mập mờ từ con tim.

Có thể nó không tạo sự khác biệt nào. Có thể lần này tôi thật sự gắn mình vào công việc tổ chức và giọng nói của Auma đơn giản chỉ giúp gợi cho tôi biết rằng mình vẫn có những vết thương phải chữa trị, và tự mình thì không thể làm được điều đó. Hoặc có thể, nếu David không chết và Auma đã đến New York như dự định, và lúc ấy tôi đã biết từ chị ấy những gì tôi sẽ biết sau này, về Kenya, về cha tôi...vâng, điều đó sẽ làm vơi đi những áp lực nào đó vốn dĩ đã chất chứa trong tôi bao lâu nay, chỉ cho tôi một ý tưởng khác về cộng đồng, cho phép những tham vọng của tôi bước theo một lộ trình hẹp hơn, riêng hơn, vì vậy cuối cùng tôi có thể áp dụng lời khuyên của ông bạn già tôi Ike và tiêu khiển toàn bộ thời gian cho những cổ phần và trái phiếu và sự lôi kéo của việc được kính trọng.

Tôi không biết. Một điều hiển nhiên là một vài tháng sau cuộc gọi của Auma tôi nộp đơn xin nghỉ việc ở công ty tư vấn và bắt đầu tìm kiếm một công việc tổ chức một cách nghiêm túc. Một lần nữa, hầu hết những bức thư của tôi đều không được hồi âm, nhưng sau một tháng hoặc chừng đó tôi được giám đốc của một tổ chức quyền công dân lỗi lạc trong thành phố mời đến phỏng vấn. Ông ấy là một người đàn ông da đen cao, đẹp trai, trong chiếc sơ mi trắng rất mạnh mẽ, một chiếc cà vạt có họa tiết cánh hoa và cái móc treo màu đỏ. Văn phòng của ông được trang trí với những chiếc ghế Ý và các bức điêu khắc châu Phi, một thanh xà đơn được gắn vào trong phần gạch nhô ra. Qua một chiếc cửa sổ cao, ánh sáng mặt trời chiếu xuống một bức tượng bán thân của Tiến sĩ King.

“Trông được lắm”, vị giám đốc nói sau khi xem qua hồ sơ của tôi. “Đặc biệt là kinh nghiệm làm việc trong tập đoàn. Đó thật sự là công việc của tổ chức nhân quyền trong thời đại này. Phản kháng và biểu tình sẽ không còn phớt lờ nó. Để công việc được hoàn tất, chúng tôi phải thiết lập những mối liên kết giữa doanh nghiệp, chính quyền và nội thành”. Ông đan hay bàn tay to lớn của ông lại với nhau, rồi cho tôi xem một bảng báo cáo thường niên bóng loáng được lật sang phần

liệt kê danh sách hội đồng quản trị của tổ chức. Có một vị bộ trưởng da màu và mười ủy viên quản trị. “Anh thấy đó?” ông giám đốc nói. “Liên danh tư công. Chiếc chìa khóa mở ra tương lai. Và đó là nơi mà những người trẻ như anh sẽ tham gia vào. Có học thức. Tự tin. Thoải mái trong phòng hội đồng quản trị. Tại sao, chỉ mới tuần trước đây thôi tôi đã thảo luận vấn đề đó với thư ký của Bộ Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) trong một bữa ăn tối tại Nhà Trắng. Jack, một gã thật tuyệt vời. Anh ta rất muốn gặp một người trẻ như anh. Tất nhiên, tôi là Đảng viên Đảng Dân chủ chính thức, nhưng chúng tôi phải làm việc với bất cứ ai có năng lực...”

Ngay lập tức ông nghĩ ý cho tôi một công việc, liên quan đến việc tổ chức các cuộc hội nghị về ma túy, nạn thất nghiệp, nhà ở. Đây mạnh đối thoại, ông gọi công việc đó là như vậy. Tôi khước từ lời đề nghị hào phóng của ông, nói rằng tôi cần một công việc gần gũi hơn với đường phố. Tôi làm việc cho một chi nhánh của Ralph Nader ở Harlem trong ba tháng, cố thuyết phục các học sinh đang ở lứa tuổi vị thành niên của trường City College về tầm quan trọng của việc tái chế. Rồi một tuần nữa phân phối những tờ bướm cho cuộc tranh cử của một ủy viên hội đồng lập pháp ở Brooklyn - ứng cử viên này thất cử và tôi không bao giờ được nhận lương.

Trong sáu tháng tôi trở nên khánh kiệt, thất nghiệp, ăn súp hộp. Để tìm kiếm một nguồn cảm hứng nào đó, tôi đến Columbia để nghe bài nói chuyện của Kwame Touré, nguyên là Stokely Carmichael của SNCC và có tên tuổi trong Phong trào Đấu tranh của Người Da đen. Ở lối vào của thánh phòng, hai người phụ nữ, một người da đen, một người châu Á, đang bán tài liệu về chủ nghĩa Mác-xít và tranh cãi với nhau về vai trò của Trotsky trong lịch sử. Bên trong, Touré đang khởi xướng một chương trình nhằm thiết lập những mối quan hệ kinh tế giữa châu Phi và Harlem vốn sẽ tránh được chủ nghĩa đế quốc tư bản của người da trắng. Ở cuối phần nhận định của ông, một phụ nữ trẻ vốc người ốm với cặp mắt kính thắc mắc liệu một chương trình như vậy có thực tế hay không nếu căn cứ trên tình hình kinh tế ở châu Phi và nhu cầu cấp thiết mà những người Mỹ da đen đang đối mặt. Touré cắt lời cô ấy giữa chừng. “Chỉ có sự tẩy não mà chị đã nhận là làm cho điều đó trở nên phi thực tế thôi, cô gái à”, ông nói. Đôi mắt

ông như chiếu sáng vào nội tâm của ông khi ông nói, đôi mắt của một gã điên hoặc là một vị thánh. Người phụ nữ vẫn đứng đó trong vài phút mặc dù cô bị quở mắng về thái độ trưởng giả của mình. Cử tọa bắt đầu đi ra từng người một. Bên ngoài thánh phòng, hai người bán tài liệu về chủ nghĩa Mác-xít lúc này đang hét lên có thể nói là không còn lớn hơn được nữa.

“Chủ nghĩa Stalin, đồ con lợn!”

“Chủ nghĩa cải lương, đồ quỷ cái!”

Nó như một giấc mơ khủng khiếp. Tôi lang thang xuống Broadway, tưởng tượng mình đang đứng bên mé của Đài Tưởng niệm Lincoln và nhìn ra một rạp hát trống không, đất bụi bay tứ tung trong gió. Phong trào đã tắt lịm cách đây nhiều năm, bị vỡ thành một ngàn mảnh nhỏ. Mọi con đường dẫn đến sự thay đổi hoàn toàn bị giẫm nát, mọi chiến lược đều kiệt quệ. Và với mỗi thất bại, ngay cả những người với những ý định tốt đẹp nhất đều có thể kết thúc trong sự khử trừ hẳn khỏi những cuộc tranh đấu cho những điều mà họ muốn phục vụ.

Hoặc chỉ là một điều hoàn toàn điên rồ. Đột nhiên tôi nhận ra rằng tôi đang nói chuyện với chính mình ở giữa đường phố. Mọi người đang trên đường trở về nhà từ công sở đều tránh đối mặt với tôi, và tôi nhận thấy một vài người bạn học ở Columbia trong đám đông đó, những bộ vest được khoác lên vai, khéo léo né tránh cái liếc nhìn của tôi.

Tôi hầu như muốn vứt bỏ công việc tổ chức thì nhận được một cuộc gọi từ Marty Kaufman. Anh ấy giải thích rằng anh bắt đầu phát động công việc tổ chức ở Chicago và đang tìm một nhân viên tập sự. Một tuần sau đó anh ấy có mặt ở New York và đề nghị rằng chúng tôi nên gặp nhau trong một quán cà phê ở Lexington.

Diện mạo của anh ấy chẳng có vẻ gì là tự tin cho lắm. Anh là một người da trắng với chiều cao trung bình, mặc một bộ đồ nhàn nhều bên ngoài một thân hình béo lùn. Khuôn mặt anh nặng nề với bộ râu cứng hai ngày không cạo; ngoài ra còn có một đôi kính dày cộm có dây viền, mắt anh ta dường như bị tật lác vĩnh viễn. Khi anh bật

đứng dậy từ chiếc bàn cà phê để bắt tay tôi, anh để vơi vài một ít trà trên áo.

“Thế”, Marty nói, chăm chăm vào vết bẩn bằng chiếc khăn giấy. “Tại sao một người nào đó từ Hawaii lại muốn làm một nhà tổ chức?”

Tôi ngồi xuống và kể cho anh ta nghe một ít về mình.

“Hừm”. Anh gật đầu, ghi chép lại trên một cuốn sổ tay pháp lý đã sờn gáy. “Hắn anh đã tức tối về một điều gì đó”.

“Ý anh là sao ạ?”

Anh ta nhún vai. “Tôi không biết chính xác là gì. Nhưng một điều gì đó. Đừng hiểu lầm tôi - sự giận dữ là một đòi hỏi của công việc. Lý do duy nhất cho bất cứ ai quyết định trở thành một nhà tổ chức. Những người đã thích ứng tốt rồi sẽ tìm một công việc thư giãn hơn”.

Anh ấy gọi thêm nước nóng và kể cho tôi về bản thân. Anh là người Do Thái, trong độ tuổi ngoài ba mươi, được nuôi dưỡng và lớn lên ở New York. Anh ta bắt đầu công việc tổ chức vào những năm sáu mươi với những cuộc biểu tình phản đối của sinh viên, và bám theo nó trong mười lăm năm. Những người nông dân ở Nebraska. Những người da đen ở Philadelphia. Những người Mexico ở Chicago. Giờ đây anh ta đang cố kéo những người da đen ở đô thị và những người da trắng ở ngoại ô lại với nhau cho một kế hoạch nhằm duy trì công ăn việc làm tại trung tâm Chicago. Anh ta cần một người nào đó để hợp tác, anh nói. Một người da đen.

“Phần lớn công việc của chúng tôi là với giáo hội”, anh ta nói. “Nếu người nghèo và thuộc tầng lớp lao động muốn xây dựng quyền lực thực sự, họ phải có một kiểu nền tảng tổ chức nào đó. Với những sự đoàn kết theo kiểu của họ, các nhà thờ chỉ là mục tiêu duy nhất trong thị trấn. Đó là nơi của con người, đó là nơi của những giá trị ngay cả khi chúng bị chôn vùi trong đồng dơ bẩn. Mặc dù vậy, nhà thờ không làm việc với anh mà chỉ vì sự tốt đẹp trong tâm hồn họ. Họ sẽ nói về một điều cao cả nào đó - một bài thuyết giáo vào ngày Chủ nhật, hoặc là một món quà đặc biệt cho kẻ lang thang. Nhưng khi gặp gay go, họ cũng sẽ không rời bước trừ phi anh có thể chứng tỏ với họ điều đó sẽ giúp họ chi trả hóa đơn máy sưởi”.



Anh ấy tự đổ thêm nước nóng vào tách mình. “Anh biết gì về Chicago?”

Tôi suy nghĩ một hồi. “Nơi cung cấp thịt lợn cho thế giới”.

Marty lắc đầu. “Việc buôn bán thịt lợn đã đẹp lâu nay rồi”.

“Những con sói con không bao giờ thắng được”.

“Đúng vậy”.

“Thành phố phân biệt đối xử nhất của nước Mỹ”, tôi nói. “Một người da đen, Harold Washington, vừa được bầu làm thị trưởng, và người da trắng không thích điều đó”.

“Vây là anh đang theo đuổi sự nghiệp của Harold”, Marty nói. “Tôi ngạc nhiên là anh không đến làm việc cho ông ấy”.

“Tôi có thử. Văn phòng ông ấy không trả lời”.

Marty cười và lấy cặp mắt kính ra, lau sạch tròng kính bằng cái đuôi của chiếc cà vạt. “Vâng, đó là cái để làm, phải không nào, nếu anh còn trẻ, là người da đen và có quan tâm đến các vấn đề xã hội? Hãy tìm một chiến dịch chính trị để làm. Một mạnh tướng quân mạnh mẽ - người có thể giúp anh cho sự nghiệp riêng của mình. Và Harold rất có thể lực, không nghi ngờ về điều đó. Có sức thu hút mạnh mẽ với công chúng. Ông ta có sự ủng hộ chắc như đá khối trong cộng đồng người da màu. Phần nửa là Mỹ La Tinh, một ít người theo chủ nghĩa tự do da trắng. Dẫu sao anh cũng đúng một điều. Toàn bộ không khí ở thành phố bị phân cực. Một sự kiện truyền thông lớn. Chưa có gì đáng kể được làm cả”.

Tôi tựa người vào thành ghế. “Và đó là lỗi của ai vậy?”

Marty đặt cặp kính lên lại khuôn mặt và nhìn tôi. “Đó không phải là vấn đề về lỗi lầm”, anh ta nói. “Đó là vấn đề liệu bất cứ một chính trị gia nào, ngay cả một người nào đó tài năng như Harold, cũng có thể làm rất nhiều điều để phá vỡ cái vòng lẩn quẩn đó. Một thành phố bị phân cực không nhất thiết là một điều tồi tệ đối với một chính trị gia. Da trắng hay da màu?”

Khởi đầu trong năm đầu tiên anh ta ngỏ ý trả tôi mười ngàn đô la, với khoản trợ cấp công tác là hai ngàn đô để mua một chiếc xe

hơi; mức lương sẽ tăng nếu công việc tiến triển tốt. Sau khi ông đi khỏi, tôi đi một chặng đường dài về nhà, dọc theo bờ Sông Đông và cố nghĩ ra mình hiểu gì được từ người đàn ông này. Tôi nghĩ anh ấy thông minh. Anh ta dường như tận tụy với công việc của mình. Song, có một điều gì đó về anh ấy khiến cho tôi cảnh giác. Có thể là hơi quá chắc chắn về bản thân anh ta. Và người da trắng - anh ta tự nói với mình, đó là vấn đề.

Những ngọn đèn công viên cổ lỗ sĩ lập lòe sống động; một chiếc sà lan màu nâu dài chạy dọc theo dòng nước xám xịt hướng về phía biển. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế dài, xem xét lại những lựa chọn của mình, và rồi nhìn thấy một người phụ nữ da đen và đứa con trai nhỏ của bà đang bước đến. Thằng bé kéo người phụ nữ về phía hàng rào chắn, và họ đứng cạnh nhau, cánh tay nó ôm vòng qua chân của bà ấy, một hình ảnh phản chiếu tương phản với bầu trời lúc chạng vạng tối. Cuối cùng đầu nó ngẩng lên trông như nó đang thắc mắc một điều gì đó. Người phụ nữ nhún vai và cậu bé bước vài bước về hướng tôi.

"Xin lỗi, ông bác", nó la lên. "Ông có biết tại sao đôi khi con sông chảy theo hướng này và rồi thỉnh thoảng lại theo hướng khác?"

Người phụ nữ mỉm cười và lắc đầu, còn tôi thì trả lời rằng có thể đó là do thủy triều. Cậu trả lời dường như đã thỏa mãn thằng bé, nó quay trở lại với mẹ nó. Khi tôi quan sát hai mẹ con bà ấy biến mất vào trong bầu trời chạng vạng tối, tôi nhận ra chính mình cũng không bao giờ nhận thấy được con sông chảy theo hướng nào.

Một tuần sau, tôi chất hàng hóa lên xe và lái về Chicago.

## Chương tám

**T**rước đây có lần tôi đã đến Chicago. Lúc ấy là vào mùa hè sau chuyến viếng thăm của cha tôi đến Hawaii, trước lần sinh nhật lần thứ mười một của tôi, thời điểm mà Toot cho rằng đó lần đầu tiên tôi nhìn thấy đất liền của nước Mỹ. Có lẽ hai điều được gắn kết với nhau, quyết định của bà và chuyến viếng thăm của cha tôi - sự hiện diện của ông ấy (một lần nữa) làm phiền hà đến cái thế giới mà bà và Gramps đã tạo ra cho bản thân họ, thúc đẩy trong bà một sự khao khát muốn khơi lại dòng giống tổ tiên, những ký ức riêng của bà, và truyền chúng lại cho con cháu.

Chúng tôi du lịch trong hơn một tháng trời, Toot, mẹ tôi, Maya và tôi - lần này Gramps đã đánh mất cái sở thích đi xa của mình và quyết định ở nhà. Chúng tôi bay đến Seattle, rồi di dọc theo bờ biển đến California và Disneyland, phía đông của Grand Canyon (Hẻm núi lớn), ngang qua Great Plains (Những đồng cỏ bao la) đến Thành Phố Kansas, rồi hướng lên tận Ngũ Hồ trước khi hướng trở lại về hướng tây xuyên qua Yellowstone (Vườn đá vàng). Hầu như chúng tôi chỉ đón xe buýt chạy đường dài, ở lại nhà gia đình Howard Johnson, và xem các vụ xét xử Watergate hàng đêm trước khi đi ngủ.

Chúng tôi ở Chicago trong ba ngày, trọ trong một khách sạn bên đường ở South Loop. Chắc là khoảng giữa tháng Bảy, nhưng vì lý do

nào đó tôi nhớ lại những ngày ở lại đây trời lạnh và u ám. Khách sạn có một hồ bơi bên trong vốn làm tôi thích thú: ở Hawaii chẳng có hồ bơi nào được xây bên trong cả. Lúc đứng ở phía dưới đường ray được xây cao, tôi nhắm mắt lại khi con tàu băng ngang qua và tôi la to hết sức. Ở bảo tàng viện tự nhiên Field Museum, tôi nhìn thấy hai cái đầu bị tóp lại đang được trưng bày. Chúng nhăn nhó nhưng được gìn giữ rất tốt, mỗi cái cỡ bàn tay tôi, mắt và miệng được may khẹp lại cũng giống như tôi sẽ mong như vậy. Họ dường như có nguồn gốc từ châu Âu: người đàn ông với một chòm râu dê nhỏ, giống vị lãnh đạo người Tây Ban Nha đi xâm chiếm Trung và Nam Mỹ; người đàn bà với mái tóc đỏ xõa dài. Tôi nhìn họ rất lâu (cho đến khi mẹ tôi kéo tôi đi), cảm nhận - với một sự say mê thái quá của một cậu bé - như thể tôi tình cờ gặp phải một kiểu trò đùa nào đó. Không hoàn toàn là việc hai cái đầu bị teo lại - mà tôi có thể hiểu rằng; nó cũng giống như việc ăn thịt cọp với Lolo, một hình thức của ma thuật, một kiểu nắm quyền kiểm soát. Mà đúng hơn, hai khuôn mặt của người châu Âu bé nhỏ này đang trong một chiếc tủ kính, nơi những người lạ, có lẽ ngay cả con cháu của chúng ta, có thể quan sát kỹ về số phận khủng khiếp của họ. Rằng chẳng có ai dường như nghĩ đến điều kỳ cục đó. Đó là một kiểu ma thuật khác hẳn, ánh sáng chói lòa ở viện bảo tàng, những tờ nhãn giản dị và trang nhã, có vẻ là sự thờ ơ với những du khách qua lại; một nỗ lực kiểm soát khác.

Mười bốn năm sau, thành phố này dường như xinh đẹp hơn nhiều. Lại là một tháng Bảy khác, và mặt trời chiếu sáng xuyên qua những ngọn cây xanh thẫm. Những con thuyền đã buôn neo, những cánh buồm xa xa của chúng giống như những cánh bồ câu vỗ ngang qua Hồ Michigan. Marty cho tôi biết rằng anh ấy sẽ rất bận rộn vào những ngày đầu tiên này, và vì vậy tôi phải tự lo liệu. Tôi mua một tấm bản đồ, đi theo đường Martin Luther King Drive từ điểm cực bắc đến cực nam, rồi quay trở lại thị trấn Cottage Grove, đi xuôi dọc theo các con đường phụ và các con hẻm, ngang qua những tòa nhà căn hộ và những lô đất còn trống, những cửa hiệu đồ dùng tiện nghi và những ngôi nhà gỗ boongalow. Và trong lúc lái xe, tôi đã nhớ lại. Tôi nhớ sự rộn ràng của Illinois Central, mang trọng lượng của hàng ngàn con người đến từ Miền Nam nhiều năm trước đây; những người

đàn ông da đen, phụ nữ da đen và trẻ em da đen, mình mẩy dơ bẩn bởi thứ bồ hóng thải ra từ những chiếc ô tô chạy trên đường ray, tay nắm chặt hành lý tạm thời của họ, tất cả đang trên đường đi đến Vùng Đất Canaan. Tôi tưởng tượng Frank trong bộ y phục rộng thùng thình và những ve áo rộng, đứng trước Rạp Hát Regal cổ xưa, đợi chờ Duke hoặc Ella xuất hiện trên chiếc xe độc mã hai bánh. Người đưa thư mà tôi nhìn thấy là Richard Wright, đang phân phối thư trước khi cuốn sách đầu tiên của ông được bán; cô gái nhỏ với cặp mắt kính và mái tóc thắt bím là Regina, đang nhảy dây. Tôi thiết lập một dây chuyền giữa cuộc đời tôi và những khuôn mặt mà tôi nhìn thấy, vay mượn ký ức của những người khác. Theo cách này tôi cố gắng sở hữu thành phố này, biến nó thành cái của riêng mình. Lại là một trò ma thuật khác.

Vào ngày thứ ba tôi đi ngang qua Tiệm Hớt tóc của Smitty, mặt trước rộng mười lăm bộ, dài ba mươi bộ nằm trên bờ rìa của Công viên Hyde với bốn chiếc ghế cắt tóc và một chiếc bàn vuông chuyên dụng cho La Tisha, thợ làm móng bán thời gian. Cánh cửa chống được nâng lên mở ra khi tôi bước vào, mùi kem tóc và chất khử trùng trong tiệm tóc hòa lẫn với tiếng cười to của mấy gã thanh niên và tiếng o o của những chiếc quạt máy. Smitty hóa ra là một người đàn ông da đen lớn tuổi, tóc bạc, vóc người mảnh khảnh và lưng hơi còm. Chiếc ghế ông đang ngồi còn trống và tôi đã ngồi vào chiếc ghế đó, chẳng bao lâu tôi đã hòa cùng với không khí nói chuyện vui vẻ quen thuộc trong tiệm tóc với các đề tài thể thao, phụ nữ và tin tức ngày hôm qua, cuộc nói chuyện ngay lập tức trở nên thân thuộc và chẳng ai biết ai giữa những gã đàn ông đồng ý quên đi những bức bối phiền phức của riêng họ.

Một người nào đó vừa mới kể xong câu chuyện về người láng giềng của anh ấy - người đàn ông bị phát hiện ăn nằm với một người em họ của vợ mình và bị đuổi ra ngoài đường phố trong tình trạng hoàn toàn trần trụi bằng lưỡi dao nhà bếp - thì câu chuyện ược chuyển sang đề tài chính trị.

"Vrdolyak và những người da trắng khác không biết khi nào mới chịu từ bỏ?" người đàn ông cầm tờ báo nói, lắc đầu tỏ vẻ phẫn nộ.

"Khi ông Daley làm thị trưởng, chẳng ai nói bất cứ lời nào về việc ông đưa tất cả những người Ireland vào Tòa Thị chính. Nhưng lúc mà Harold cố thuê một vài gã da đen, chỉ để làm cho đồng đều hơn, thì họ gọi đó là chủ nghĩa phân biệt đảo nghịch - "

"Này anh bạn, đó là cách mà nó luôn như vậy. Bất cứ lúc nào một người da đen nắm quyền lực, họ sẽ cố gắng và thay đổi những luật lệ đối với ông ấy".

"Một phần tệ hại hơn là, báo chí hoạt động như thể chính người da đen đã tạo ra toàn bộ cái đồng hồ hỗn độn này".

"Đó là điều anh mong đợi từ báo chí của người da trắng sao?"

"Anh đúng. Tuy vậy, Harold biết mình phải làm gì. Chỉ chờ cơ hội cho cuộc bầu cử tiếp theo".

Đó là cách mà người da đen nói về ngài thị trưởng của Chicago, với một tình cảm và sự thân thuộc thông thường được dành cho một thân nhân. Hình ảnh của ông ấy ở khắp mọi nơi: trên tường của các cửa hiệu sửa giày và trong các thẩm mỹ viện; được dán trong các cột đèn từ chiến dịch vận động cuối cùng; ngay cả trong các tủ kính của những cửa hàng giặt khô của Hàn Quốc và cửa hàng bách hóa của người Ả Rập, được trưng bày nổi bật, giống như một vật tổ che chở nào đó. Từ vách tường của cửa hiệu cắt tóc, bức chân dung đang nhìn xuống tôi lúc này đây: một khuôn mặt đẹp trai, với mái tóc hoa râm, cặp chân mày rậm và bộ ria mép ấn tượng, sự lấp lánh trong đôi mắt. Smitty nhận thấy tôi đang nhìn vào bức hình và hỏi có phải tôi đã ở Chicago trong suốt cuộc bầu cử không. Tôi trả lời không. Ông ấy gật đầu.

"Anh nên có mặt ở đây trước Harold để hiểu được ông ấy có ý nghĩa như thế nào đối với thành phố này", Smitty nói. "Trước Harold, dường như chúng tôi luôn là những công dân hạng hai".

"Chính trị thuộc địa", người đàn ông cầm tờ báo nói.

"Đó cũng chỉ như vậy thôi", Smitty nói. "Một thuộc địa. Người da đen với những công việc tồi tệ nhất. Nhà ở kém nhất. Tính hung bạo của cảnh sát tràn lan khắp nơi. Nhưng khi cái gọi là những thành viên của ủy ban da đen xuất hiện trong thời kỳ bầu cử, tất cả chúng tôi

xếp hàng và bầu cho các ứng cử viên của Đảng Dân chủ thắng thắng. Bán linh hồn của chúng tôi để có món gà tây Giáng sinh. Những người da trắng phỉ nhổ vào mặt của chúng tôi, và chúng tôi thường cho họ bằng một lá phiếu”.

Những lọn tóc rơi xuống vạt áo khi tôi lắng nghe họ gọi lại sự vận động đi lên của Harold. Trước đây có lần ông ấy đã từng vận động cho chức thị trưởng, ngay sau khi ông Daley qua đời, nhưng sự ứng cử thất bại - một điều đáng hổ thẹn, họ nói với tôi như vậy, sự thiếu tính hợp nhất trong cộng đồng người da đen, những nghi ngờ đó phải được khắc phục. Nhưng Harold lại cố một lần nữa, và lần này mọi người đã sẵn sàng. Họ sát cánh cùng ông ngay cả khi báo chí làm âm ỉ những khoản thuế thu nhập mà ông trốn (“Chẳng khác nào những con mèo da trắng không muốn dứt bỏ những thứ chết tiệt trong mỗi giây phút của cuộc đời chúng”). Họ tập hợp phía sau ông khi những thành viên thuộc Đảng Dân chủ da trắng, Vrdolyak và những người khác, tuyên bố sự ủng hộ của họ đối với ứng cử viên Đảng Cộng Hòa, nói rằng thành phố này sẽ rơi vào địa ngục nếu chức thị trưởng rơi vào tay của người da đen. Họ xuất hiện với con số kỷ lục vào đêm bầu cử đó, mục sư và tốp đường phố, già cũng như trẻ.

Và niềm tin của họ đã được đền đáp. Smitty nói, “Cái đêm mà Harold thắng cử, hãy để tôi nói với các anh, mọi người đổ xô ra đường. Giống như ngày mà Joe Louis hạ nốc-ao Schmeling. Cùng một cảm xúc. Người ta không chỉ tự hào về Harold. Họ tự hào về chính họ. Tôi ở trong nhà, nhưng chỉ có tôi và vợ tôi, chúng tôi không thể ngủ được cho đến tận ba giờ sáng, chúng tôi cảm thấy phấn khích. Khi tôi thức dậy vào sáng hôm sau, dường như đó ngày đẹp nhất trong đời tôi...”

Giọng của Smitty hạ xuống thành một lời thì thầm, và mọi người trong phòng bắt đầu cười. Từ một khoảng cách xa ở New York, tôi cũng chia sẻ niềm tự hào của họ khi đọc những trang tin, cùng một kiểu tự hào vốn đã làm cho tôi ủng hộ bất kỳ đội túc cầu nhà nghề nào mà đưa ra sân một tiền vệ da đen. Nhưng một điều gì đó khác với điều mà lúc này tôi đang nghe; có một sự hăng hái trong giọng nói của Smitty dường như vượt trên cả chính trị. “Phải ở đây mới

hiếu được", ông nói. Ông ám chỉ ở Chicago này đây, nhưng có thể ông cũng hàm ý ở đây trong đôi giày tôi, một người da đen già hơn người vẫn bồng bồng với cả cuộc đời bị lãng mạ, của những tham vọng bị chặn đứng, những tham vọng phải từ bỏ ngay từ trong trứng nước. Tôi tự hỏi không biết mình có thật sự hiểu được điều đó không. Cứ cho là tôi thừa nhận mình có đi. Nhìn tôi, những người đàn ông này cũng có cùng một nhận định như vậy. Họ có cảm nhận cùng một cách như thế không nếu họ biết nhiều hơn về tôi? Tôi cố tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu Gramps bước vào cửa hiệu cắt tóc vào lúc này, cuộc bàn luận sẽ chấm dứt như thế nào, cái khoảnh khắc đó sẽ bị phá vỡ như thế nào; những sự thừa nhận khác nhau.

Smitty đưa tôi tắm gương để kiểm tra mái tóc, rồi kéo chiếc áo trùm ra khỏi người tôi và phủi bụi tóc ở phía sau chiếc áo sơ mi. "Cám ơn vì học được một bài học lịch sử", tôi nói và đứng dậy.

"Hey, phần đó miễn phí. Cắt tóc, mười đô la. Nhân tiện, tên anh là gì?"

"Barack".

"Barack, huh. Anh là người Hồi giáo à?"

"Ông nội tôi".

Ông cầm lấy tiền và bắt tay tôi. "Ừ, Barack, lần sau anh nên đến đây sớm hơn một chút. Lúc mới vào, tóc anh trông bù xù khiếp lắm".

Cuối buổi chiều hôm đó, Marty đón tôi ở trước địa chỉ mới và chúng tôi cùng đi thẳng về hướng nam trên xa lộ Skyway. Sau vài dặm đường, chúng tôi rẽ sang lối ra dẫn đến mặt đông nam, băng qua những dãy nhà nhỏ được xây bằng ván che hoặc bằng gạch, cho đến khi chúng tôi đến một nhà máy cũ đồ sộ trải dài đến vài lô đất rộng.

"Nhà máy cán thép Wisconsin lâu đời rồi".

Chúng tôi ngồi đó lặng thinh, nhìn ngắm tòa nhà. Nó thể hiện một tinh thần bất khuất và mạnh mẽ về một quá khứ công nghiệp ở Chicago, những thanh xà gỗ kim loại và bê tông được gắn lại với nhau mà không hoài đến tiện nghi hoặc chi tiết nào cả. Chỉ lúc này



dây, tòa nhà trống không và loang màu rỉ sét, giống như một đồng sắt vụn bị bỏ rơi. Ở mặt kia của hàng rào dây thép hạng nặng, một con mèo đốm xơ xác chạy xuyên quá đám cỏ dại.

“Đủ hạng người đã từng làm việc trong nhà máy này”, Marty nói khi anh điều khiển chiếc xe chạy vòng quanh và bắt đầu quay trở lại con đường. “Da đen. Da trắng. Mỹ La Tinh. Tất cả làm cùng một công việc. Tất cả sống những cuộc sống như nhau. Nhưng bên ngoài nhà máy, hầu hết trong số họ không muốn bất cứ điều gì liên hệ đến nhau cả. Và những người này là những người của giáo hội mà tôi đang nói đến. Những người anh và người chị trong Đấng Cứu Thế”.

Chúng tôi đến chốt đèn giao thông, và tôi nhận thấy một nhóm người da trắng trẻ trong những chiếc áo lót, uống bia ở một chiếc cổng vòm. Một tấm bích chương của Vrdolyak được treo trên một trong những cửa sổ, và vài người trong số họ bắt đầu nhìn về hướng chúng tôi. Tôi quay sang Marty.

“Vậy điều gì làm cho anh nghĩ rằng họ có thể làm việc với nhau lúc này?”

“Họ không có sự lựa chọn. Trừ phi họ muốn có lại việc làm”.

Khi chúng tôi quay trở lại xa lộ, Marty bắt đầu kể cho tôi nghe nhiều hơn về tổ chức mà ông đã thiết lập. Ý tưởng đó thoát đầu đến với ông hai năm trước về trước, ông nói, khi ông đọc những bảng báo cáo về việc đóng cửa nhà máy và giảm biên chế công nhân trên khắp vùng Nam Chicago và những vùng ngoại ô ở phía nam. Với sự trợ giúp của vị Giám mục Công giáo đáng mến, ông đã tiếp xúc với những vị cố vấn tinh thần và những thành viên giáo hội trong khu vực, và lắng nghe những người da trắng và da đen nói về nỗi xấu hổ của họ khi bị thất nghiệp, sự sợ hãi khi không có nhà ở hoặc bị đánh lừa về một khoản trợ cấp - sự cảm nhận chung của họ về việc bị phản bội.

Cuối cùng có hơn hai mươi nhà thờ ở ngoại ô đã nhất trí lập ra một tổ chức với tên gọi là Hội nghị Tôn giáo Cộng đồng Calumet, hay CCRC. Tám nhà thờ khác tham gia vào một chi nhánh của tổ chức đó

với tên gọi là Dự án Các Cộng đồng Phát triển, hoặc DCP. Mọi thứ không diễn biến nhanh như Marty hy vọng; các hiệp hội chưa sẵn sàng, và cuộc chiến chính trị trong hội đồng thành phố tỏ ra là một trở ngại lớn. Song, CCRC gần đây đã dành được một thắng lợi đáng kể: một chương trình bố trí việc làm vi tính hóa trị giá 500.000 đô la mà cơ quan lập pháp Illinois đồng ý tài trợ. Chúng tôi đang quy tụ để ăn mừng nguồn trợ cấp cho việc làm mới này, Marty giải thích, một phát súng mở đầu cho một chiến dịch dài hạn.

“Chúng ta sẽ phải mất một thời gian để tái thiết lập việc sản xuất ở đây”, anh ta nói. “Ít nhất là mười năm. Nhưng ngay khi chúng ta thuyết phục nghiệp đoàn nhúng tay vào, chúng ta phải có có sở để thương lượng. Trong lúc chờ đợi, chúng ta cần phải ngăn dừng để máu chảy và tạo cho mọi người dành được những thắng lợi ngắn hạn. Một điều gì đó để cho mọi người biết họ có quyền lực mạnh mẽ đến mức nào một khi họ ngừng ẩu đả nhau và bắt đầu đuổi theo một kẻ thù đích thực”.

“Và đó là ai vậy?”

Marty nhún vai. “Các tổ chức tín dụng đầu tư. Các chính trị gia. Những người vận động quyền góp”.

Marty gạt đầu, nhìn về con đường trước mặt. Nhìn vào anh ấy, tôi bắt đầu nghi ngờ rằng anh ta không tỏ vẻ khinh khi như anh ta muốn bày tỏ mà chính nhà máy mà chúng tôi vừa mới rời khỏi mang một ý nghĩa lớn hơn đối với anh ta. Một nơi nào đó trong cuộc đời anh, tôi nghĩ, anh ta cũng bị phản bội.

Lúc ấy trời chạng vạng tối và chúng tôi băng qua ranh giới của thành phố để ghé vào một bãi đậu xe nằm trong một trường học lớn ở ngoại ô, nơi những tốp người đang bước vào một thính phòng. Trông họ đúng như những gì mà Marty đã miêu tả: những công nhân thép, những nhân viên thư ký, những tài xế xe tải, đàn ông và phụ nữ, họ hút thuốc và không chú ý đến thể trọng của mình, họ mua sắm ở Sears hoặc Kmart, lái những chiếc xe đời mới của hãng Detroit và ăn ở Red Lobster vào những dịp đặc biệt. Một người đàn ông da đen với bộ ngực vạm vỡ trong chiếc cổ áo của mục sư đón tiếp chúng tôi ở cửa và Marty giới thiệu ông ta là Deacon Wilbur Milton, đồng

chủ tịch của tổ chức. Với bộ râu hơi đỏ và ngắn, má tròn, người đàn ông gợi cho tôi về hình ảnh ông già Noel.

“Xin chào”, Will nói, bắt tay tôi và lắc mạnh. “Chúng tôi đang phân vân không biết khi nào mới thật sự gặp anh. Nghĩ rằng có thể Marty vừa mới làm quen với anh đây thôi.

Marty liếc nhìn vào thánh phòng. “Mọi người thế nào rồi?”

“Tốt, cho đến lúc này. Mọi người hình như đang điếm danh. Người của ông chủ vừa mới gọi tới nói rằng ông ấy đang trên đường đến đây”.

Marty và Will bắt đầu đi bộ đến sân khấu, tâm trí họ mãi mê với chương trình nghị sự cho buổi tối này. Tôi bắt đầu theo họ, nhưng lối đi của tôi bị cản bởi ba phụ nữ da đen tuổi tác khó đoán được. Một người trong họ, một phụ nữ xinh đẹp với mái tóc nhuộm màu cam, tự giới thiệu mình là Angela, rồi nghiêng người về phía tôi và thì thầm, “Anh là Barack phải không?”

Tôi gật đầu.

“Anh không biết chúng tôi vui sướng đến mức nào khi gặp anh”.

“Anh thật sự không hiểu đâu”, người phụ nữ già hơn đứng kế bên Angela nói. Tôi chìa tay mình cho người phụ nữ đó và cô ấy mỉm cười để lộ một chiếc răng trước bằng vàng. “Xin lỗi”, cô ấy nói, bắt tay tôi, “Tôi là Shirley”. Cô ấy ra hiệu về phía người phụ nữ sau cùng, đen và chắc nịch. “Đây là Mona. Anh ấy trông không sáng sủa sao Mona?”

“Chắc rồi”, Mona nói và cười to.

“Đừng hiểu lầm tôi”, Angela nói, giọng cô ấy vẫn hạ thấp. “Tôi chẳng có gì chống đối Marty cả. Nhưng thực tế là, chỉ có anh mới có thể - ”

“Hey, Angela!” chúng tôi nhìn lên và nhận thấy Marty đang vẫy tay chào chúng tôi từ phía sân khấu. “Các anh chị có thể nói chuyện với Barack sau nhé. Ngay lúc này tôi cần tất cả anh chị lên đây với tôi”.

Những phụ nữ trao cho nhau những cái nhìn tinh ý trước khi Angela quay về phía tôi.

“Tôi đoán tốt nhất chúng ta nên đi bây giờ”, cô ấy nói. “Nhưng chúng ta thật sự phải nói chuyện. Sớm nhé”.

“Chắc chắn là như vậy”, Mona nói trước khi ba người trong số họ bỏ đi, Angela và Shirley bận tán gẫu ở phía trước, Mona nhàn nhã theo sau.

Lúc này thánh phòng hầu như tràn ngập với hai ngàn người, có thể một phần ba trong số đó là người da đen họ đón xe buýt đến đây từ thành phố. Lúc bảy giờ, một dàn đồng ca cất lên hai bài thánh ca. Will điểm danh tất cả những đại diện của giáo hội, một giáo hội Lu-ti của người da trắng ở ngoại ô, giải thích về lịch sử và sứ mệnh của CCRC. Rồi một đoàn các nhà diễn thuyết từ từ bước lên sân khấu: một nhà lập pháp da trắng và da đen, một mục sư tin lành và Hồng Y Bernardin, và cuối cùng là viên thống sứ, người ngó ý cam kết hỗ trợ một cách nghiêm túc đối với nguồn tài trợ việc làm mới và đưa ra bằng chứng về những nỗ lực không biết mệt mỏi của mình nhân danh giới lao động đàn ông và phụ nữ ở Illinois.

Trong tâm trí tôi sự kiện này dường như hơi tẻ nhạt, chẳng khác nào một cuộc triệu tập chính trị hoặc một trận đấu vật trên truyền hình. Thế nhưng đám đông có vẻ rất thích thú. Một số người dương cao biểu ngữ sáng rực mang tên giáo hội của mình. Những người khác như vỡ òa thành niềm phấn khích cao độ khi một người bạn hoặc thân nhân được nhận thấy xuất hiện trên sân khấu. Chứng kiến tất cả những khuôn mặt da đen và da trắng này với nhau trong cùng một địa điểm, tôi cũng thấy mình phấn khích không kém, nhận ra trong chính bản thân mình với cùng một triển vọng vốn thôi thúc Marty, niềm tin của anh ấy vào sự bốc đồng của chủ nghĩa dân túy và sự đoàn kết của tầng lớp lao động; niềm tin của anh ấy rằng nếu anh có thể gạt bỏ những chính trị gia và giới truyền thông hay những kẻ quan liêu và cho mọi người một chiếc ghế ở bàn đàm phán, vậy thì những người bình thường có thể tìm thấy một điểm chung.

Khi cuộc triệu tập kết thúc, Marty đề nghị sẽ chở một số người về nhà, vì vậy thay vì cùng đi với anh ấy tôi quyết định đón một trong những chuyến xe buýt trở về thành phố. Hóa ra, trên chuyến xe buýt này còn một chỗ trống ngay bên cạnh Will, và trong ánh sáng phản

chiếu từ những bóng đèn trên xa lộ, ông bắt đầu kể cho tôi nghe đôi điều về bản thân mình.

Ông ấy lớn lên ở Chicago, ông ấy nói, và phục vụ trong cuộc chiến ở Việt Nam. Sau chiến tranh, ông tìm được một công việc với tư cách là ủy viên tập sự trong Ngân hàng Địa Lục Illinois và thăng tiến rất nhanh, tận hưởng tất cả những phúc lợi của công việc - xe hơi, y phục, văn phòng làm việc trung tâm thành phố. Thế rồi ngân hàng tái tổ chức và Will bị sa thải, khiến ông trở nên lung lay và rơi vào cảnh nợ nần một cách tồi tệ. Đó là bước ngoặt trong cuộc đời ông, ông nói, và ý Chúa muốn mách bảo với ông hãy giữ lại những giá trị của mình. Thay vì đi tìm một công việc khác trong ngành ngân hàng, ông quay sang Thiên Chúa. Ông tham gia vào xứ đạo Thánh Catherine ở West Pullman và đảm nhận một công việc với tư cách là người trông coi nhà thờ. Quyết định này tạo không ít căng thẳng lên cuộc hôn nhân của ông - vợ ông vẫn đang "phải thích nghi", ông nói - nhưng đối với Will, lối sống khổ hạnh luôn phù hợp với sự mệnh mới này của ông: truyền bá Tin mừng và làm tê liệt cái thói đạo đức giả mà ông đã chứng kiến trong giáo hội.

"Nhiều người da đen trong giáo hội có dính líu đến quan điểm của giai cấp trung lưu", Will nói. "Nghĩ rằng họ tuân theo lời văn của Thánh Thư chứ không phải tinh thần đó. Thay vì vươn tay cứu vớt những người gây đau đớn, họ lại làm cho những người ấy cảm thấy không được gọi mời. Họ nhìn vào mọi người như là điều lỗi bịch trừ phi những người này mặc những y phục thích hợp trong các thánh lễ, nói năng trong khuôn phép và tất cả phải vậy. Họ nghĩ rằng mình thoải mái, và đó là lý do họ tự cô lập mình. Vâng, Thiên Chúa không phải đến để an ủi, đúng không? Ngài thuyết giảng một phúc âm xã hội. Đưa thông điệp của Người đến với kẻ yếu. Những người bị chà đạp. Và đó chính là điều mà tôi nói với một số những người da đen trung lưu bất cứ lúc nào họ tham dự thánh lễ Chủ nhật. Nói với họ điều mà họ không muốn nghe".

"Họ có nghe không?"

"Không". Will cười khúc khích. "Nhưng điều đó không ngăn cản được tôi. Cũng giống như chiếc cổ áo mà tôi đang mặc đây. Nó thật

sự khiến một số họ trở nên điên tiết. 'Cổ áo này là dành cho các linh mục; họ nói với tôi. Nhưng này, bởi tôi đã lập gia đình và không thể được phong chức, song điều đó không có nghĩa là tôi không được mời gọi. Chẳng có gì trong Kinh thánh nói về những vòng cổ áo này cả. Vì vậy tôi cứ mặc nó hòng để mọi người biết tôi đến từ đâu.

"Thực ra, tôi mặc chiếc vòng cổ áo này lúc một vài người chúng tôi đến gặp Hồng y Bernardin khoảng một tháng trước. Mọi người thật sự lo lắng về nó. Thế rồi họ trở nên bất bình khi tôi gọi Hồng y là 'Joe' thay vì 'Thưa Hồng y'. Nhưng anh biết đấy, Bernardin là một người lạnh lùng. Ông là một người của tôn giáo. Tôi có thể khẳng định rằng chúng tôi hiểu nhau. Song chính những luật lệ này đã tách rời chúng tôi - những luật lệ của con người, chứ không phải của Chúa. Nhìn này Barack, tôi thuộc giáo hội Công giáo, nhưng tôi lại được nuôi dưỡng là một tín đồ Tin lành. Tôi có thể tham dự Hội Giám lý, trào lưu chính thống, bất cứ thứ gì, một cách dễ dàng. Giáo đường Thánh Catherine cũng chỉ là nơi mà Chúa tình cờ gọi tôi đến. Và Ngài quan tâm nhiều về việc liệu tôi có lao vào giúp đỡ người khác hay chỉ tập trung vào những giáo lý vấn đáp".

Tôi gật đầu, quyết định không hỏi giáo lý vấn đáp là gì. Ở Indonesia, tôi đã từng học hai năm ở một trường Hồi giáo, hai năm ở trường Công giáo. Trong trường Hồi giáo, thầy giáo viết thư cho mẹ tôi nói rằng trong các buổi nghiên cứu kinh Koran tôi thường nhăn mặt bĩu môi. Mẹ tôi không chú tâm lắm. "Hãy tôn trọng", bà nói. Trong trường Công giáo, khi đến giờ cầu nguyện, tôi giả vờ nhắm mắt và liếc quanh khắp phòng. Không có gì xảy ra cả. Không có thiên thần nào xuống cả. Chỉ là một bà xơ già cỗi và ba mươi đứa trẻ da nâu, lầm bầm những lời kinh. Thỉnh thoảng bà xơ bắt gặp ánh mắt tôi và cái vẻ lạnh lùng của bà khiến cho mi mắt tôi giật đống lại. Nhưng điều đó không thay đổi sự cảm nhận bên trong tôi. Lúc này tôi cảm thấy như thế, đang lắng nghe Will; sự yên lặng của tôi giống như tôi đang nhắm mắt.

Chiếc xe buýt ghé lại trạm dừng trong bãi đậu xe của nhà thờ, và Will bước lên phía trước. Ông cảm ơn mọi người đã đến dự và thúc giục họ hãy tiếp tục duy trì. "Chúng ta đã đi một con đường dài",

ông nói, “nhưng tối nay đã cho tôi thấy rằng chúng ta có thể làm bất cứ điều gì khi chúng ta biết đặt tâm trí của mình vào đó. Cảm nhận tốt đẹp đó anh chị đang có lúc này, chúng ta phải duy trì cho đến khi chúng ta đưa cộng đồng này trở về hiện trạng của nó”.

Một vài người cười và đọc amen. Nhưng khi tôi bước ra khỏi xe buýt, tôi nghe một phụ nữ phía sau tôi thì thầm vào tai một người bạn của cô ấy, “Tôi không cần nghe về cộng đồng nữa, cô bạn à. Họ nói về những công việc ở đâu vậy?”

Ngày sau buổi triệu tập, Marty quyết định đã đến lúc để tôi làm một công việc cụ thể nào đó, và anh ta đưa cho tôi một bản danh sách dài những người để phỏng vấn. Hãy khai thác những tư lợi của họ, anh ta nói. Đó là lý do tại sao người ta trở cuốn hút vào việc tổ chức - bởi vì họ nghĩ họ sẽ nhận được một điều gì từ đó. Ngay khi tôi tìm ra một vấn đề mà đủ số người quan tâm đến, tôi có thể đưa họ vào hành động. Khi đã hành động đủ rồi, tôi có thể thiết lập quyền lực.

Những vấn đề, hành động, quyền lực, tư lợi. Tôi thích những khái niệm này. Chúng chứng tỏ một sự nhấn tâm nào đó, một sự thiếu hụt tình cảm thế tục; chính trị, không có tôn giáo. Trong vài tuần sau đó, tôi làm việc suốt ngày đêm, thiết lập và tiến hành những cuộc phỏng vấn. Nó khó hơn là tôi nghĩ. Có một sự kháng cự nào đó từ bên trong mà tôi cảm nhận được mỗi khi nhận cú điện thoại yêu cầu thiết lập những cuộc phỏng vấn, khi hình ảnh về những cú điện thoại của khách hàng bảo hiểm gọi đến Gramps len lỏi vào tâm trí tôi: sự thiếu kiên nhẫn đợi chờ ở đầu dây bên kia, sự cảm nhận trống rỗng về những thông điệp không được hồi đáp. Hầu hết những cuộc hẹn của tôi là vào buổi tối, những cuộc viếng thăm nhà, và mọi người mệt mỏi sau một ngày làm việc. Thành thạo tôi đến chỉ để biết rằng người đó đã quên cuộc hẹn của tôi, và tôi phải gọi lại cho họ biết mình là ai khi tôi luôn bị quan sát một cách hồ nghi từ phía sau cánh cửa khép hờ.

Song, đây là những khó khăn nho nhỏ. Ngay khi chúng được khắc phục, tôi nhận thấy rằng người ta không từ bỏ bất cứ cơ hội nào để bày tỏ quan điểm của họ về một ủy viên của cơ quan hành pháp ăn

không ngồi rồi hoặc người làng giếng không chịu cắt cỏ trong vườn. Càng thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn, tôi càng nghe những chủ đề lặp đi lặp lại. Chẳng hạn, hầu hết những người trong vùng này được lớn lên ở tận phía bắc hoặc ở West Side của Chicago, trong những khu vực tù túng của người da đen mà những hiệp ước hạn chế đã tạo ra trong phần lớn chiều dài lịch sử của thành phố. Những người mà tôi nói chuyện có những ký ức hão huyền về một thế giới khép kín độc lập, nhưng họ cũng nhớ đến cảm giác không có máy sưởi, ánh sáng và không gian để thở - và hình ảnh bố mẹ họ đang giẫm nát cuộc sống trong sự lao công khổ cực.

Một vài người đã theo bố mẹ họ vào trong các nhà máy luyện thép hoặc vào dây chuyền lắp ráp. Nhưng nhiều người khác kiếm được việc làm như những người đưa thư, tài xế xe buýt, giáo viên và công chức, tận dụng tính hiệu lực mạnh mẽ của luật chống kỳ thị ở khu vực công. Những công việc như vậy đều có những phúc lợi và mang lại đủ sự đảm bảo để không nghĩ đến việc cầm cố. Với việc thông qua luật công bằng nhà ở, họ bắt đầu mua nhà, từng cá nhân một, ở Roseland và khu vực người da trắng khác. Không phải bởi họ quan tâm đến việc sống hài hòa với những người da trắng, họ khẳng định, mà chính là nhà cửa ở đây có thể chi trả được, với những sân chơi nhỏ dành cho trẻ em; bởi vì trường học tốt hơn và cửa hiệu rẻ hơn, và chỉ vì họ có thể mà thôi.

Thường, khi lắng nghe những câu chuyện này, tôi tự gọi lại cho mình về những câu chuyện mà Gramps và Toot và mẹ tôi đã từng kể - những câu chuyện về sự khắc nghiệt và di cư, một sự thôi thúc cho điều gì đó tốt đẹp hơn. Nhưng có một sự khác biệt không thể lờ đi được giữa cái mà tôi đang nghe lúc này và cái mà tôi đã nhớ, như thể những hình ảnh về thời thơ ấu của tôi được chạy ngược lại. Trong những câu chuyện mới này, những tấm biển Hàng Bán hiện lên như những cây bồ công anh dưới ánh nắng mùa hè oi bức. Những viên đá bay xuyên qua cửa sổ và tiếng gọi thất thanh lo âu của những ông bố bà mẹ có thể được nghe thấy khi gọi bọn trẻ chấm dứt cái trò chơi đại dột. Toàn bộ các chung cư được bán ra trong chưa đầy năm tháng; toàn bộ vùng lân cận thì chưa tới năm năm.



Trong những câu chuyện này, bất cứ lúc nào người da trắng và người da đen gặp nhau, kết quả chắc chắn sẽ là nỗi giận dữ và đau buồn.

Khu vực này chưa được khôi phục hoàn toàn từ cuộc biến động chủng tộc. Các cửa hiệu và nhà băng biến mất cùng với khách hàng da trắng của họ, khiến cho những con đường chính phân rã. Các định vụ thành phố suy giảm. Song, khi những người da đen, những người sống trong những ngôi nhà của mình trong mười hoặc mười lăm năm nhìn lại cách mà mọi thứ đã diễn ra, họ làm như thế với một mức độ hài lòng nhất định. Nhờ vào hai nguồn thu nhập, họ chỉ trả được hóa đơn nhà và xe cộ, có thể là nền giáo dục cao đẳng dành cho con cái mà những hình ảnh tốt nghiệp của chúng được dán khắp bề lõm sưỡi. Họ giữ gìn nhà cửa và không cho con cái ra đường; họ thành lập các hội chung cư để đảm bảo rằng những người khác cũng làm thế.

Đó là khi họ nói về tương lai mà một sự bất an nào đó được biểu lộ qua giọng nói của họ. Họ đề cập đến một người bà con hoặc anh chị em ruột vốn thỉnh thoảng ghé lại để xin tiền; hoặc một đứa trẻ trưởng thành, một người thất nghiệp hiện đang sống ở nhà. Ngay cả sự thành công của những đứa trẻ mà chúng tạo được qua trường lớp và bước vào một thế giới của những nhân viên cổ trắng cũng chất chứa trong đó một nhân tố về sự tổn thất - chúng càng làm tốt chừng nào thì khả năng chúng phải ra đi càng nhiều chừng nấy. Ở nơi họ, những gia đình mới và thiếu ổn định dọn đến, làn sóng những người di cư thứ hai từ khu vực nghèo hơn, những thành phần mới đến này họ không thể trang trải những khoản thế chấp hay đầu tư vào việc trùng tu định kỳ. Nạn trộm xe gia tăng; những công viên đầy lá thì không một bóng người. Người ta bắt đầu tiêu khiển nhiều thời gian hơn trong nhà; họ đầu tư vào những cánh cửa được chế tác tinh xảo; họ hoang mang không biết liệu họ có thể bán tháo bán để hồng đến một vùng khí hậu ấm áp hơn, có thể là trở về miền Nam.

Vì vậy mặc cho sự cảm nhận xứng đáng của họ về thành quả đạt được, mặc cho bằng chứng không thể chối cãi được về sự tiến bộ riêng của họ, những cuộc đối thoại của chúng tôi được đánh dấu bằng một khuynh hướng khác, khuynh hướng đáng ngại hơn. Những ngôi nhà ộp ván, những mặt trước tồi tàn của các cửa hiệu, sự lung

lay của các nhà thờ cũ nát, những trẻ nhỏ từ các gia đình xa lạ vênh váo trên đường phố - những nhóm thanh niên nam nữ đang đút khoai tây chiên cho những em bé chập chững biết đi, những giấy gói phế thải rơi rải lung tung khắp chung cư - tất cả như thù thâm về những sự thật đau lòng, muốn mách bảo với họ rằng sự tiến bộ mà họ tìm thấy là phù du, được bén rễ từ mảnh đất cằn cỗi; và nó thậm chí không thể kéo dài đến cả đời họ.

Và chính cái ý nghĩa hai mặt này, ý nghĩa về sự tiến bộ của từng cá nhân và sự suy sụp chung đã giải thích cho một số quan điểm vốn làm cho Will bối rối khi chúng tôi nói chuyện với nhau trong buổi tối triệu tập. Tôi nghe nó với niềm tự hào thái quá rằng một số người đàn ông đã đánh giá đúng chất lượng của những chấn song được lưu trữ tốt mà họ đặt vào nền móng, với những bóng đèn trang trí và những vách tường phản chiếu. Trong lớp nhựa bảo vệ mà những người phụ nữ phủ lên tấm thảm và bộ trường kỷ sạch bong. Với tất cả điều đó, người ta đã nhìn thấy được một nỗ lực kiên định nhằm hậu thuẫn cho niềm tin rằng mọi thứ thực sự đã thay đổi, nếu chỉ cần một vài người bắt đầu hành động ngay. "Tôi cố tránh lái xe xuyên qua Roseland khi tôi có thể", một phụ nữ từ khu vực Washington Heights lân cận giải thích với tôi vào một buổi tối nọ. "Người dưới đó rất cứng cỏi. Anh có thể nhìn thấy điều đó qua cách họ bảo quản nhà cửa của mình. Anh không nhìn thấy những điều như vậy khi người da trắng vẫn còn sống ở đó".

Những nét nổi bật giữa các khu vực, rồi đến các chung cư, và cuối cùng là chính những người dân sống trong chung cư đó; những nỗ lực để cách ly và ngăn chặn tình trạng đổ nát. Dẫu vậy tôi vẫn nhận thấy một điều. Người phụ nữ tỏ ra bận tâm đến những thói quen cứng cỏi đó của những người láng giềng có một bức ảnh về Harold trong nhà bếp của cô, nó được đặt ngay cạnh một tuyển tập Thánh vịnh thứ hai mươi ba. Và người đàn ông trẻ sống trong một căn hộ lụp sụp cách đó vài chung cư cũng vậy và ông đang cố kiếm đủ sống bằng công việc ghép nhạc tại các buổi tiệc khiêu vũ. Đối với những gã ở hiệu hớt tóc của Smitty cũng vậy, cuộc bầu cử đã mang lại cho hai loại người này một ý tưởng mới về chính họ. Hoặc có thể đó là một ý tưởng đã có từ lâu, được nảy sinh trong một thời đại không

lấy gì là phức tạp. Harold là một cái gì đó họ vẫn áp ủ như một điểm chung: giống như ý tưởng tổ chức của tôi, ông đưa ra một ngổ ý về sự cứu chuộc cộng đồng.

Tôi thấy bảng báo cáo tuần thứ ba của tôi lên bàn của Marty và ngồi xuống.

“Không tệ lắm”, anh ta nói khi vừa mới đọc xong.

“Không tệ lắm à?”

“Vâng, không tệ. Anh bắt đầu hiểu ra rồi đó. Nhưng vẫn quá trừu tượng... giống như anh đang thăm dò một cái gì đó. Nếu anh muốn tổ chức con người, anh cần phải tránh xa cái lớp bên ngoài và hướng vào trung tâm của con người. Lớp vỏ đó chỉ khiến cho họ giận dữ mà thôi. Nếu không, anh sẽ không bao giờ thiết lập được các mối quan hệ cần thiết để kéo họ vào”.

Người đàn ông này bắt đầu làm tôi khó chịu. Tôi hỏi anh ta có bao giờ cảm thấy lo lắng về việc tỏ ra quá khôn ngoan không nếu ý tưởng của việc thăm dò tinh thần của họ và chiếm được lòng tin của họ để xây dựng một tổ chức có vẻ hấp dẫn đến như vậy. Anh ấy thở dài.

“Tôi không phải là nhà thơ, Barack à. Tôi là một nhà tổ chức”.

Ý anh là sao? Tôi rời văn phòng trong một tâm trạng cực kỳ tức tối. Sau đó, tôi phải thừa nhận rằng Marty đúng. Tôi vẫn không biết làm sao để có thể chuyển tải điều tôi đang nghĩ thành hành động. Thực ra, điều đó vẫn không xảy đến cho đến khi tôi kết thúc những cuộc phỏng vấn của mình mà cơ hội dường như nảy ra từ đó.

Đó là lúc tôi gặp Ruby Styles, một phụ nữ to chắc, trưởng phòng hành chính của một công ty ở phía bắc thành phố. Chúng tôi nói chuyện về đứa con trai mới lớn của bà, Kyle, một cậu bé thông minh nhưng có vẻ nhút nhát, nó bắt đầu gặp nhiều rắc rối ở trường học, khi bà đề cập đến tình trạng gia tăng hoạt động băng nhóm ở địa phương. Một trong những đứa bạn của Kyle đã bị bắn chết chỉ tuần vừa rồi, bà nói, ngay trước nhà nó. Thằng bé đó thì ổn rồi, nhưng giờ đây Ruby tỏ ra lo lắng về sự an toàn của con trai mình.

Hai tai tôi vênh lên; điều này nghe có vẻ như sự tự tư tự lợi. Suốt vài ngày sau, tôi nhờ Ruby giới thiệu tôi đến những phụ huynh khác có thể chia sẻ sự sợ hãi và cảm thấy tuyệt vọng trước cách phản ứng hờ hững của cảnh sát. Khi tôi đề nghị rằng chúng ta nên mời người chỉ huy địa hạt đến tham dự một cuộc họp khu vực vì thế cộng đồng mới có thể bày tỏ những lo lắng của mình, mọi người đều nhất trí; khi chúng tôi nói đến hoạt động giao tế thì một trong những phụ nữ đề cập đến một nhà thờ Tin Lành ở khu vực thẳng bé bị bắn chết, và ở đó còn có vị cố vấn tinh thần, Đức cha Reynolds, có thể sẵn sàng đưa ra tuyên bố với giáo đoàn của mình.

Tôi phải mất một tuần để gọi điện, nhưng cuối cùng khi gặp được Đức cha Reynolds, sự đối đáp của ông dường như đầy hứa hẹn. Ông là chủ tịch liên minh mục sư địa phương, ông nói - "các giáo hội liên kết với nhau để thuyết giảng về phúc âm xã hội". Ông nói rằng liên minh này sẽ tổ chức buổi họp mặt định kỳ ngay ngày hôm sau và ông sẽ rất vui sướng được đưa tôi vào chương trình nghị sự.

Tôi gác máy lòng đầy phấn khích, và đến nhà thờ của Đức cha Reynolds sáng sớm hôm sau. Hai phụ nữ trẻ trong những chiếc áo dài trắng và găng tay gặp tôi ở phòng giải lao và chỉ tôi đến một phòng họp lớn nơi mười hoặc mười hai người đàn ông da đen già nua đứng nói chuyện trong hàng ghế sắp tròn rời rạc. Một quý ông trông đặc biệt đạo mạo bước đến chào tôi. "Anh hẳn là Obama", ông ấy nói, bắt tay tôi. "Đức cha Reynolds. Cha đến kịp lúc - chúng tôi sắp bắt đầu".

Tất cả chúng tôi ngồi xung quanh một chiếc bàn dài, và Đức cha Reynolds hướng dẫn chúng tôi cầu nguyện trước khi ngỏ ý tôi phát biểu ý kiến. Cố kìm hãm sự xúc động của mình, tôi nói với các mục sư về tình hình hoạt động băng nhóm ngày càng gia tăng và cuộc họp mà chúng ta hoạch định hôm nay, và đưa cho họ những tờ rơi để phân phát cho giáo đoàn. "Với sự dẫn dắt của các ông", tôi nói, làm nóng lên đề tài của mình, "đây có thể là bước đầu tiên hướng đến sự hợp tác trên mọi vấn đề. Ổn định trường học. Tạo công ăn việc làm trở lại cho bà con trong khu vực..."

Ngay khi tôi trao những tờ rơi cuối cùng, một người đàn ông cao, nước da màu hổ đào pecan bước vào phòng. Ông mặc bộ vest nút cài chéo màu xanh da trời và một cây thập giá lớn vắt ngang qua chiếc cà vạt đỏ tía. Tóc ông chải thẳng và hất ngược ra phía sau.

"Ngài Smalls, ông vừa bỏ lỡ một buổi thuyết trình xuất sắc", Đức cha Reynolds nói. "Người đàn ông này, Obama, có kế hoạch tổ chức một cuộc họp về tình trạng bất ổn của các băng nhóm gần đây".

Cha Smalls tự rót đầy cà phê vào cốc của mình và đọc lướt qua tờ rơi. "Tên của tổ chức là gì?" Ông ta hỏi tôi.

"Dự án Phát triển Cộng đồng".

"Phát triển Cộng đồng..." Chân mày ông cau lại. "Tôi nhớ có một người da trắng nói về dự án Phát triển gì đó. Một gã trông thật hóm hỉnh. Có cái tên Do Thái. Anh có liên kết với giáo hội Công giáo không?"

Tôi nói với ông ấy rằng một vài giáo hội Công giáo trong vùng này có tham gia vào.

"Đúng đấy, giờ này tôi nhớ ra rồi", Đức cha Smalls nhấp một hớp cà phê và dựa lưng vào thành ghế của mình. "Tôi bảo với gã da trắng đó rằng anh ấy có thể dừng công việc này lại và cuốn xéo khỏi đây. Ở đây chúng tôi không cần những thứ như thế này".

"Tôi -"

"Nghe này... tên anh là gì nhỉ? Obama phải không? Này, Obama, ý của anh có thể hay đấy. Tôi chắc là anh làm được. Nhưng điều cuối cùng chúng ta cần là liên kết với bọn tài phiệt da trắng, giáo hội Công giáo và những người tổ chức Do Thái nhằm giải quyết vấn đề của chúng ta. Họ chẳng quan tâm gì đến chúng ta cả. Trời, địa phận thuộc quyền cai quản của Tổng Giám mục trong thành phố này được điều hành bởi những kẻ phân biệt chủng tộc mặt lạnh. Luôn là như thế. Những người da trắng đến đây cho rằng họ biết cái gì tốt cho chúng ta, họ bỏ tiền ra thuê những người anh em tốt nghiệp cao đẳng nói chuyện trên trời cũng như chính anh đây, người chẳng biết gì hơn đâu, và tất cả những cái họ muốn làm là tiếp quản. Tất cả chỉ là vấn đề chính trị, và đó chẳng phải là cái mà liên minh chúng ta ở đây muốn hướng đến".

Tôi lấp bắp rằng giáo hội luôn đi đầu trong việc xử lý các vấn đề cộng đồng, nhưng Đức cha Smalls chỉ lắc đầu. “Anh không hiểu đâu”, ông nói. “Mọi thứ đã thay đổi với ông thị trưởng mới. Tôi biết ông chỉ huy cảnh sát khu vực kể từ lúc ông ấy là một cảnh sát về hưu. Tất cả những ủy viên hội đồng trong vùng này đều gắn bó với ảnh hưởng của người da đen. Tại sao chúng ta cần phản đối và tiếp tục với những con người riêng của chúng ta? Bất cứ ai ngồi xung quanh chiếc bàn này đều có đường dây trực tiếp đến Tòa Thị Chính. Fred, anh không nói chuyện với người ủy viên hội đồng về việc xin giấy phép cho bãi đậu xe của anh sao?”

Những người còn lại trong phòng trở nên yên lặng. Cha Reynolds hắng giọng. “Ở đây có một người mới nữa, Charles. Ông ấy đang cố giúp chúng ta”.

Cha Smalls cười và vỗ nhẹ vào vai tôi. “Bây giờ đừng hiểu nhầm tôi nhé. Như tôi đã nói, ý của anh hay đấy. Chúng tôi cần một người tâm huyết trẻ trung nào đó để hỗ trợ vì sự nghiệp. Tất cả những gì tôi đang nói là ngay lúc này đây anh đang ở mặt trái của cuộc chiến”.

Tôi ngồi ở đó, như một con lợn trên giàn quay, khi những vị cố vấn tinh thần tiếp tục thảo luận về một nghi lễ Tạ Ơn trong công viên nằm phía bên kia đường. Khi cuộc họp kết thúc, Cha Reynolds và một vài người khác cảm ơn về sự có mặt của tôi.

“Đừng quá đặt nặng vào Charles”, một trong số họ nói. “Đôi khi ông ấy hơi kiên định”. Nhưng tôi nhận thấy không có ai trong họ ra về mà mang theo những tờ bướm của tôi; và sau đó trong tuần, khi tôi thử gọi đến một vài vị mục sư, thư ký của họ luôn miệng nói với tôi rằng họ không có ở văn phòng suốt cả ngày.

Chúng tôi tiếp tục với cuộc họp an ninh vốn tỏ ra là một thảm họa nho nhỏ. Chỉ có mười ba người có mặt, ngồi rải rác trên những hàng ghế trống không. Ông trưởng địa hạt vô hiệu hóa ảnh hưởng của chúng tôi bằng cách gọi đến một viên chức giao tế thay thế. Cứ mỗi phút một vài người lớn tuổi bước vào tìm kiếm một trò chơi Bingo. Tôi dành hầu hết buổi tối hướng dẫn đoàn người ương ngạnh này

lên lầu, trong khi đó Ruby ngồi ủ rũ trên sân khấu, lắng nghe bài nói chuyện của viên cảnh sát về nhu cầu kỷ luật của phụ huynh.

Khoảng giữa cuộc họp, Marty đến.

Sau khi kết thúc, anh ta bước đến và đặt tay lên vai tôi.

“Nghe như thứ nhảm nhí, huh?”

Đúng thế. Anh ta giúp tôi hoàn thành công việc và đưa tôi ra ngoài uống cà phê và chỉ ra một số khuyết điểm của tôi. Vấn đề bằng nhóm quá chung chung để có thể tạo được ấn tượng lên công chúng - những vấn đề phải được cụ thể hóa, phải làm cho rõ ràng và có thể đạt được. Lẽ ra tôi nên chuẩn bị cho Ruby kỹ hơn - và sắp xếp chỉ vài chỗ ngồi thôi. Quan trọng hơn cả, tôi cần dành nhiều thời gian để tìm hiểu về những người đứng đầu cộng đồng; những tờ rơi không thể lôi kéo công chúng ra ngoài trong một đêm mưa bão.

“Điều đó khơi lại cho tôi”, anh ta nói khi chúng tôi đứng dậy đi. “Bất cứ điều gì xảy đến cho những vị cố vấn tinh thần này anh là người sẽ hứng chịu?”

Tôi nói cho anh ấy nghe về Cha Smalls. Anh ta cười to. “Đó là điều hay mà tôi chẳng muốn bám theo, huh?”

Tôi không thấy dễ chịu tí nào. “Tại sao anh không cảnh báo với tôi về Smalls?”

“Có chứ”, Marty nói, mở cánh cửa xe. “Tôi đã nói với anh rằng Chicago đang bị phân cực và các chính trị gia sử dụng nó để làm lợi riêng cho mình. Smalls tất cả chỉ có vậy - một chính trị gia mặc lấy cổ áo mục sư. Dù sao, đó chưa phải là tận cùng của thế giới. Anh cũng nên lấy làm vui sướng vì đã học được những bài học sớm như vậy”.

Vâng, nhưng bài học gì? Nhìn Marty lái xe vọt đi, tôi nghĩ lại ngày của cuộc triệu tập: giọng nói của Smitty trong hiệu tóc; hàng dãy những khuôn mặt da trắng da đen trong thính phòng trường học, họ đến đó bởi cảnh hoang tàn của nhà máy và cảm nhận riêng của Marty về sự phản bội; một người đàn ông khiêm tốn, nhợt nhạt, nhỏ nhắn và quan trọng trong chiếc áo dài đen và cặp kính, mỉm cười trên

sân khấu khi Will nuốt gọn anh ta vòng tay to lớn và siết chặt của mình; Will, chắc chắn rằng hai người đã hiểu nhau.

Mỗi hình ảnh mang bài học riêng của nó, mỗi bài học phụ thuộc vào những cách lý giải khác nhau. Bởi có nhiều giáo hội, nhiều niềm tin. Có thể sẽ có những lúc những niềm tin đó dường như cùng quy lại một điểm - đám đông phía trước Đài Tưởng niệm Lincoln, những người phản đối chế độ phân biệt chủng tộc ở các quầy cơm trưa. Nhưng những giây phút đó rất phiến diện và rời rạc. Khi nhắm mắt lại, chúng ta phát ra cùng những lời lẽ đó, nhưng trong cõi lòng, mỗi người chúng ta cùng cầu nguyện cho những vị dẫn dắt chúng ta; mỗi một chúng ta vẫn bị khóa chặt trong những ký ức riêng của mình; tất cả chúng ta cùng bám vào cái ma thuật ngớ ngẩn của riêng mình.

Một người như Smalls hiểu được điều đó, tôi nghĩ. Ông ấy hiểu được rằng những người đàn ông trong cửa hiệu hớt tóc không muốn thắng lợi trong cuộc bầu cử của Harold - thắng lợi của họ - bị hạn chế về tầm ảnh hưởng. Họ không muốn nghe thấy rằng những vấn đề của họ luôn phức tạp hơn những ủy viên hội đồng da trắng ranh ma, hoặc hành vi cứu chuộc của họ là không trọn vẹn. Cả Marty và Smalls đều biết rằng trong chính trị, cũng như tôn giáo, quyền lực nằm trong sự ổn định - và sự ổn định của người này luôn đe dọa sự ổn định của kẻ khác.

Lúc ấy, đứng giữa bãi đậu xe vắng tanh của McDonald ở phía Nam Chicago, tôi nhận ra mình là người dị giáo. Hoặc tệ hơn - bởi ngay cả người dị giáo hẳn cũng phải tin tưởng vào một điều gì đó, nếu chẳng có gì hơn cả sự thật về sự hoài nghi của chính mình.



## Chương chín

**D**ự án nhà ở công cộng khu công viên Altgeld nằm ở rìa cực nam Chicago: hai ngàn căn hộ được bố trí trong những tòa nhà cao hai tầng với những cánh cửa màu xanh lính và những mái hắt nắng cửa sổ đầy bụi bẩn. Mọi người trong vùng này luôn ám chỉ đến Altgeld như “Những Khu Vườn” theo cách nói ngắn gọn, mặc dù nó chưa được như vậy cho đến về sau khi tôi xem xét ý nghĩa mỉa mai của cái tên đó, sự gợi ý của nó về một điều gì đó tươi mới và được săn sóc kỹ càng - một vùng đất được thừa nhận.

Thật vậy, có một khu rừng nhỏ cây cối mọc lên ở hướng nam của khu đất này, và trải dài từ nam sang tây là con sông Calumet, nơi thỉnh thoảng bạn có thể nhìn thấy những người đàn ông uể oải thả dây câu ở những vùng nước tối đen. Nhưng loài cá sống ở đây thường đổi màu rất lạ kỳ, hai con mắt mờ đục và cục u phía sau đôi mang. Họ ăn chúng chỉ khi nào họ phải ăn mà thôi.

Về hướng đông, ở mặt kia của xa lộ, là hồ rác gần con Lạch Calumet, hồ rác lớn nhất ở Trung Tây.

Và về hướng bắc, trực tiếp băng ngang qua con đường, là nhà máy xử lý nước thải của Địa hạt Vệ sinh Thành phố. Người dân ở Altgeld không thể nhìn thấy nhà máy này hoặc những thùng chứa lộ thiên

của chúng ở khoảng cách xấp xỉ một dặm; là một phần trong nỗ lực làm đẹp mới đây, địa hạt đã duy trì một bức tường dài bằng đất phía trước nhà máy, lấm chấm rải rác bởi những cây non được trồng một cách vội vàng vốn dĩ không phát triển theo từng tháng như tóc mọc ngang qua một cái đầu hói. Nhưng các viên chức không thể làm gì để dấu đi cái mùi của nó - một mùi nặng và hôi thối với cường độ thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ và hướng gió, và thấm xuyên qua những cánh cửa sổ dù là bạn khép chặt đến mức nào.

Mùi thối, độc tố, một khung cảnh trơ trụi và không có người cư ngụ. Gần một thế kỷ qua, khu vực rộng vài dặm vuông bao quanh Altgeld đã hấp thụ những thứ cận bã của hàng chục nhà máy, cái giá mà người dân phải trả để có được những công việc lương cao. Giờ đây công việc không còn nữa, và họ đã dọn đi, và việc sử dụng nơi này làm hố rác đường như chỉ là yếu tố tự nhiên.

Một hố rác - và là nơi cư ngụ của những người da đen nghèo khổ. Altgeld có thể là vùng đất độc nhất vô nhị trong sự cô lập tự nhiên của nó, nhưng nó có chung một lịch sử với các dự án khác của thành phố: Những giấc mơ của các nhà cải cách nhằm xây dựng một khu nhà ở tươi mát cho người nghèo; chính trị vốn đã tập trung dự án xây dựng nhà ở như thế này ra xa khu vực cư ngụ của người da trắng, và ngăn chặn không cho những gia đình lao động sống ở đó: sử dụng Tổ chức Nhà ở Chicago - CHA - như là nguồn cung cấp tài chính bảo trợ; sự lơ là và quản lý yếu kém kéo theo. Nó còn chưa tệ bằng các dự án nhà cao tầng ở Chicago, dự án Robert và Cabrini Green, với khu vực cầu thang tối đen như mực, những hành lang sặc mùi nước tiểu và những phát súng ngẫu nhiên. Tỷ lệ cư ngụ của Altgeld giữ ở mức ổn định là chín mươi phần trăm, và nếu bạn bước vào những căn hộ, thường là bạn nhận thấy chúng rất tươi mát với những chi tiết nhỏ - một tấm vải hình hoa văn phủ lên phần bọc nệm bị rách nát, một tấm lịch cũ rách treo trên tường với những cảnh biển nhiệt đới - tất cả thể hiện một ý tưởng mong manh về ngôi nhà.

Song, mọi thứ về Những Khu vườn này dường như ở trong tình trạng hư nát triển miên. Trần nhà lụp sụp. Ống nước vỡ tung tóe. Nhà vệ sinh được thay thế tạm bợ. Những vết bánh xe lầy lội in dấu

lên những bãi cỏ nâu, nhỏ lát đất với những chậu hoa trống không - bị vỡ, nghiêng ngã, hoặc bị chôn một nửa. Đội bảo trì CHA đã dừng lại ngay cả việc giả vờ rằng công tác tu sửa sẽ được tiến hành sớm vào bất cứ lúc nào. Vì vậy hầu hết bọn trẻ ở Altgeld lớn lên chưa bao giờ nhìn thấy được một khu vườn. Bọn trẻ, chúng chỉ có thể chứng kiến tất cả những gì được coi là đã bị vắt kiệt, và có một sự khoái trá nào đó trong việc đẩy nhanh quá trình đổ nát này.

Tôi rẽ vào Altgeld ở đường 131 và dừng trước tượng Đức Mẹ Đồng Trinh của Nhà thờ Khu Vườn, một kết cấu được xây hoàn toàn bằng gạch hướng về phía sau của khu phát triển. Ở đó tôi gặp một vài nhà lãnh đạo chủ chốt để nói về các vấn đề trong nỗ lực tổ chức của chúng tôi, và cách thức chúng tôi có thể đưa mọi thứ trở về nguyên trạng của chúng. Nhưng khi tôi tắt máy và bắt đầu với tay lấy cặp tài liệu, đột nhiên một cái gì đó chặn đứng tôi lại. Có lẽ là khung cảnh; bầu trời xám xịt ngột ngạt. Tôi nhắm mắt lại và ngửa đầu tựa vào ghế xe, cảm nhận như một pho tượng trường đầu tiên trên một chiếc tàu đang bị đắm.

Hơn hai tháng trôi qua kể từ lúc diễn ra cuộc họp cảnh sát hồngбет, và mọi thứ trở nên thật tồi tệ. Không có diễn hành, không có những cuộc biểu tình ngổ và những bài ca tự do. Chỉ là những sai lệch và hiểu lầm, sự nhạt nhẽo và căng thẳng. Một phần của vấn đề là nền tảng của chúng tôi - ít nhất là trong thành phố này - vốn không đủ mạnh: tám xứ đạo Công giáo được ném cho vài khu vực lân cận, tất cả đều là những giáo đoàn người da đen nhưng lại được dẫn dắt bởi những linh mục da trắng. Họ là những người bị cô lập, những vị linh mục này, phần lớn là người Ba Lan hoặc Ireland, họ vào trường dòng trong những năm sáu mươi với mục đích phục vụ cho người nghèo và hàn gắn những vết thương chủng tộc nhưng họ đã thiếu lòng nhiệt huyết mà các bậc tổ tiên truyền giáo của họ đã có; những con người rộng lượng, có thể là tốt đẹp nhưng lại yếu mềm trong tính hiện đại của họ. Họ đã nhìn thấy những bài giảng của mình về tình huynh đệ và thiện chí bị chà đạp bởi hành động ngang ngược của bọn da trắng, những nỗ lực của họ trong việc kết nạp thành viên mới đều gặp phải sự hoài nghi của những khuôn mặt đen sẫm - phần lớn là Tin lành, Hội Giám lý, giáo phái Pentecostal - lúc này đang vây

quanh nhà thờ của họ. Marty đã thuyết phục họ rằng việc tổ chức sẽ phá vỡ sự cô lập này, rằng nó không những chặn đứng sự suy tàn của khu dân cư mà còn tái tạo sức sống cho các xứ đạo và làm phấn chấn tinh thần của họ. Dầu vậy, niềm hy vọng đó rất mong manh, và lúc tôi gặp họ, họ đã cam chịu cho những nỗi thất vọng của mình.

“Sự thật là”, một trong những vị linh mục nói với tôi, “hầu hết chúng tôi ở đây đang muốn được di dời. Lý do duy nhất là chẳng có ai chịu thay thế tôi”.

Tinh thần thậm chí còn đáng tẻ nhạt hơn cho những người da đen bình thường như Angela, Shirley và Mona, ba người phụ nữ mà tôi gặp ở buổi triệu tập. Họ là những phụ nữ hăng hái, vui vẻ - dầu không có chồng trợ giúp - họ vẫn cố xoay xở để nuôi nấng con cái, chạy ngược chạy xuôi với đủ loại công việc bán thời gian và những kế hoạch kinh doanh nhỏ, và tổ chức ra nhóm Hướng Đạo Sinh Nữ, những buổi trưng bày thời trang, và trại hè cho nhóm trẻ em lang thang khắp nhà thờ mỗi ngày. Bởi không có ai trong họ thật sự sống ở Altgeld - tất cả họ đều sở hữu những ngôi nhà nhỏ ở phía tây của khu vực này - có lần tôi hỏi điều gì đã thúc đẩy họ làm cái mà họ đã làm. Trước khi tôi có thể hoàn tất câu hỏi, tất cả họ đều tròn xoe mắt như thể đó là một ám hiệu.

“Coi chừng, cô bạn”, Angela nói với Shirley, khiến cho Mona cười một cách vui vẻ. “Barack sắp sửa phỏng vấn cô đấy. Trông anh ta có vẻ như thế”.

Và Shirley nói, “Chúng tôi chỉ là một lũ đàn bà trung niên buồn bực lắm rồi, Barack à, với thời đại của chúng tôi thì chẳng có gì gọi là tốt đẹp cả. Nhưng” - và đến đây Shirley đặt một tay lên cái hông gầy nhom của mình và tay kia đưa điều thuốc lên môi như một ngôi sao điện ảnh - “nếu gặp được Quý ông nào đó, vậy hãy chú ý nhé! Đó là lúc nói lời từ biệt Altgeld, xin chào Monte Carlo!”

Dầu vậy gần đây tôi hầu như chẳng nghe lời nói đùa nào từ họ cả. Tất cả chỉ là những lời than phiền. Họ than phiền rằng Marty không đếm xỉa gì đến Altgeld. Họ than phiền rằng Marty ngông cuồng và không lắng nghe những đề nghị của họ.

Nhất là họ than phiền về ngân hàng việc làm mới mà chúng tôi loan báo với sự rầm rộ trong cái đêm triệu tập, như té ra cũng chỉ là một sự đổ vỡ. Khi Marty hoạch định chương trình này, một trường đại học tiểu bang ở ngoại ô đã được giao nhiệm vụ điều hành - đó chỉ là vấn đề hiệu quả, anh ta giải thích, bởi vì trường đại học đã có máy tính được thiết lập sẵn. Thật trở trêu, hai tháng sau khi được coi là đã bắt đầu, chẳng ai tìm được công việc thông qua chương trình này cả. Máy tính không làm việc đúng như ý muốn; hệ thống nhập dữ liệu bị nhiễm đầy lỗi; dân chúng được mời đến phỏng vấn cho những công việc vốn chẳng tồn tại. Marty giận tím gan, và ít nhất một lần một tuần anh ta phải lái xe đến trường đại học, lăm bầm chửi rủa khi anh ta cố moi móc những câu trả lời từ các viên chức những người vốn lo lắng nhiều hơn đến kế hoạch gây quỹ trong năm tới. Nhưng những phụ nữ ở Altgeld không quan tâm đến sự tuyệt vọng của Marty. Tất cả họ muốn biết là số tiền 500.000 đô la đã đi đâu, và nó không nằm trong khu dân cư của họ. Đối với họ, ngân hàng công việc đã trở thành một bằng chứng rõ hơn về việc Marty đã sử dụng chúng để thúc đẩy một kế hoạch bí mật, rằng bằng cách nào đó những người da trắng ở ngoại ô có được những công việc như họ đã được hứa hẹn.

“Marty chỉ đi tìm một cái gì đó cho riêng mình”, họ cầu nhàu.

Tôi cố gắng hết sức để hòa giải sự xung đột, bảo vệ Marty trước những lời cáo buộc của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, đề nghị anh ta nên trau dồi hơn nữa sự khéo léo của mình. Marty nói rằng tôi đang hoang phí thời gian của mình. Theo như anh ta, nguyên nhân duy nhất mà Angela và những nhà lãnh đạo khác trong thành phố tức tối là bởi vì anh ta từ chối thuê họ điều hành chương trình này. “Đó là điều hủy hoại rất nhiều cái gọi là các tổ chức cộng đồng ở đây. Họ bắt đầu lấy tiền của chính quyền. Họ thuê những nhân viên to béo, chẳng làm được gì. Không chóng thì chày, họ trở thành những cỗ máy vận hành bảo trợ to lớn với nhiều khách hàng để được phục vụ. Không phải là những nhà lãnh đạo. *Khách hàng*. Được *phục vụ*”. Anh ta phỉ nhổ vào những từ như thế, như thể nó không được sạch. “Chúa ơi, nó khiến cho anh muốn phát ốm khi nghĩ về nó”.

Và rồi, nhìn thấy vẻ cau gắt trên khuôn mặt tôi, anh ta thêm vào, "Nếu anh làm công việc này, Barack à, anh nên đừng lo lắng rằng liệu dân chúng có thích anh không. Họ sẽ không".

Bảo trợ, chính trị, những cảm xúc đau đớn, và những bất bình chủng tộc - đối với Marty, tất cả trước sau như một chỉ là những điều gây xao lãng cho mục đích lớn lao hơn của anh, những kiểu thói rửa nằm trong một sự nghiệp cao cả. Anh ta vẫn đang cố đưa hiệp đoàn vào, tin rằng họ sẽ trám vào những kiếm khuyết trong vị thế của chúng ta, đưa con tàu của chúng ta cập bến an toàn. Một ngày cuối tháng Chín, anh ấy mời tôi và Angela cùng với anh ấy tham gia một cuộc họp với các viên chức hiệp đoàn của Nhà máy Thép LTV, một trong rất ít những nhà máy thép vẫn còn hoạt động trong thành phố này. Marty đã phải mất hơn một tháng để sắp xếp cuộc họp mặt, và anh ta trông tràn đầy nhiệt huyết vào ngày hôm đó, nói rất nhanh về công ty, hiệp đoàn, và những điều khoản mới trong chiến dịch tổ chức.

Cuối cùng một vị chủ tịch địa phương - một người Ireland trẻ trung, thông minh người vừa mới được bầu cho một triển vọng cải cách - bước vào sảnh đường, cùng với hai người đàn ông vạm vỡ, một kế toán trưởng hiệp đoàn và một phó chủ tịch. Sau lời giới thiệu, tất cả chúng tôi ngồi xuống và Marty phát biểu. Tập đoàn đang sắp sửa kết thúc hoạt động chế biến thép, anh ta nói, và việc nhân nhượng lương bổng cũng chỉ kéo dài sự chịu đựng mà thôi. Nếu hiệp đoàn muốn bảo toàn việc làm, họ phải tiến hành những biện pháp mới và táo bạo. Ngồi xuống với giáo hội và triển khai một kế hoạch bán cổ phần cho công nhân. Thương lượng với thành phố để hưởng mức thuế và ích lợi ưu đãi trong suốt quá trình chuyển giao. Thuyết phục ngân hàng vay vốn để đầu tư vào công nghệ mới nhằm làm cho nhà máy cạnh tranh trở lại.

Trong suốt bài nói chuyện dài đó, các viên chức hiệp đoàn đi chuyển rất khó khăn trong những chiếc ghế của họ. Cuối cùng vị chủ tịch đứng dậy và nói với Marty rằng ý kiến của ông cần phải nghiên cứu thêm nhưng ngay lúc này hiệp đoàn phải tập trung vào việc đưa ra quyết định ngay tức khắc về đề nghị của ban quản trị. Trong bài đầu xe sau đó, Marty trông có vẻ sững sờ.

“Họ chẳng quan tâm”, anh ấy nói với tôi, lắc đầu. “Giống như một bầy lemmus chạy về một vách đá”.

Tôi cảm thấy khó chịu cho Marty. Tệ hơn nữa cho Angela. Cô ấy chẳng nói lời nào trong suốt cuộc họp, nhưng khi tôi rút ra khỏi bãi đậu xe để đưa cô ấy về nhà, cô quay về phía tôi và nói, “Tôi không hiểu từ nào Marty nói cả”.

Và tôi nghĩ rằng đó là lúc tôi hiểu sự khó khăn của cái mà Marty cố đạt được, và sự thâm sâu trong những tính toán sai lầm của anh ta. Không nhiều đến mức mà Angela phải bỏ lỡ một vài chi tiết trong phần trình bày của Marty; khi chúng tôi tiếp tục nói chuyện, rõ ràng cô ấy đã hiểu được đề xuất của Marty ít nhất cũng như tôi. Không, ý nghĩa thực sự trong lời nhận xét của chị ấy là: chị trở nên nghi ngờ về sự tương quan giữa tình huống riêng của mình và việc giữ cho nhà máy LTV tiếp tục hoạt động. Việc phối hợp tổ chức với các nghiệp đoàn có thể giúp một số ít người da đen vẫn đang làm việc trong nhà máy giữ được việc làm của mình; nó sẽ không gây ảnh hưởng đến trợ cấp của những người thất nghiệp thường xuyên bất cứ lúc nào. Một ngân hàng việc làm có thể giúp nhân công, những người có kỹ năng và kinh nghiệm tìm được một việc gì đó khác; nó không dạy cho những người trẻ da đen bỏ học sớm cách đọc viết hay sử dụng vi tính.

Nói cách khác, nó khác biệt đối với những người da đen. Lúc này nó khác, cũng như đối với ông bà ngoại của Angela, người đã bị chặn khỏi nghiệp đoàn, và rồi bị phỉ nhổ như những kẻ bẩn tiện; đối với bố mẹ cô ấy, những người bị gạt ra khỏi những công việc bảo trợ tốt nhất mà Bộ Máy đó mang lại vào những ngày trước khi *bảo trợ* trở thành một từ bẩn thỉu. Trong sự háo hức chống lại những kẻ môi giới quyền lực ở thành phố, những chủ ngân hàng đầu tư trong những bộ veston sang trọng, Marty muốn rũ bỏ những khác biệt như vậy như là một phần trong cái quá khứ bất hạnh. Nhưng đối với một người nào đó như Angela, quá khứ là hiện tại; nó quyết định thế giới của cô bằng một thế lực thực hơn rất nhiều so với bất kỳ ý niệm nào về sự đoàn kết giai cấp. Nó giải thích tại sao nhiều người da đen không thể di dời đến ngoại ô trong khi sự ra đi đó vẫn tốt đẹp, tại sao nhiều

người da đen không leo qua cầu thang để bước vào giấc mơ Mỹ. Nó giải thích tại sao nạn thất nghiệp trong khu dân cư của người da đen lại sâu rộng, dai dẳng và khủng khiếp đến như vậy; và tại sao Angela không có đủ sự kiên nhẫn với những người vốn dĩ muốn cư xử người da đen và người da trắng chính xác như nhau.

Điều đó giải thích cho vấn đề Altgeld.

Tôi nhìn vào đồng hồ; hai giờ mười phút. Đã đến lúc phải hứng chịu hậu quả. Tôi bước ra khỏi xe và nhấn chuông cửa nhà thờ. Angela trả lời, và mời tôi bước vào một căn phòng nơi các nhà lãnh đạo khác đang đợi: Shirley, Mona, Will và Mary, một phụ nữ da trắng, tóc đen, trầm tính người dạy tại trường sơ cấp thuộc nhà thờ St. Catherine. Tôi xin lỗi vì đến trễ và tự mình rót lấy một ít cà phê.

"Vây", tôi nói, ngồi xuống ở bậu cửa sổ. "Tại sao mọi người có vẻ buồn bã đến thế?"

"Chúng tôi từ bỏ rồi", Angela nói.

"Ai từ bỏ?"

Angela nhún vai. "Vâng... tôi đoán là mình đấy. Tôi không thể biện hộ cho bất cứ ai khác".

Tôi nhìn khắp căn phòng. Những vị lãnh đạo khác cũng ngoảnh mặt đi, giống như một ban hội thẩm đưa ra một bản án không một chút ân huệ.

"Tôi lấy làm tiếc, Barack à", Angela tiếp. "Nó chẳng liên quan gì đến anh cả. Sự thật là, chúng tôi quá mệt mỏi. Tất cả chúng tôi đã đấu tranh cho vấn đề này hai năm nay rồi, và chúng tôi chẳng được gì cả".

"Tôi biết là cô tuyệt vọng, Angela à. Tất cả chúng ta đều hơi có phần tuyệt vọng. Nhưng cô cần cho nó thêm thời gian. Chúng ta -"

"Chúng tôi không có thời gian nữa", Shirley xen vào. "Chúng tôi không thể cứ hứa hẹn mãi với người của chúng tôi, và rồi chẳng có gì xảy ra cả. *Lúc này chúng tôi cần một điều gì đó*".



Tôi bồn chồn với tách cà phê, cố nghĩ ra một điều gì đó để nói. Lời lẽ hỗn độn trong đầu tôi, và trong một thoáng chốc tôi bị cuốn hút vào một nỗi sợ hãi. Rồi nỗi sợ hãi đó nhường đường cho sự giận dữ. Giận dữ vì Marty đã bảo tôi đến Chicago. Giận dữ vì sự thiên cận của các nhà lãnh đạo. Giận dữ vì tôi tin là mình có thể hàn gắn lỗ hổng giữa họ. Đột nhiên tôi nhớ lại những gì mà Frank đã nói với tôi trong cái đêm ở Hawaii, sau khi tôi biết Toot sợ một người đàn ông da đen.

Bản chất nó là như vậy, ông ấy nói. Ngay cả cháu cũng phải quen dần với nó.

Trong cái tâm khí tức tối này, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy một nhóm cậu trai tụ tập bên kia đường. Chúng đang ném đá vào cánh cửa sổ làm bằng ván của một căn hộ trống không, với những chiếc mũ trùm kín cả đầu trông như những tu sĩ nhỏ. Một trong những thằng bé tiến đến và giật một tấm gỗ dán lung lay được đóng ngang qua cánh cửa căn hộ, thế rồi loạng choạng và ngã xuống, khiến cho những đứa khác cười ồ lên. Một phần trong tôi đột nhiên cảm nhận như đang hòa cùng với bọn chúng, như xé tan toàn bộ bức tranh điều tàn ấy ra từng mảnh nhỏ. Thay vào đó, tôi quay mặt về phía Angela.

"Hãy cho tôi hỏi chị một điều", tôi nói, chỉ ra ngoài cửa sổ. "Chị nghĩ điều gì sẽ xảy ra cho những cậu bé ở ngoài kia?"

"Barack..."

"Không, tôi chỉ muốn hỏi chị. Chị nói mình mệt mỏi, cũng chẳng khác gì phần lớn những con người ngoài kia. Vì thế tôi cố luận ra điều gì sẽ xảy đến cho những cậu bé đó. Người ủy viên hội đồng. Người làm công tác xã hội. Các băng nhóm. Ai dám chắc là sẽ đối xử công bằng với chúng?"

Tôi có thể nghe giọng nói mình nâng lên nhưng tôi không dừng lại. "Chị biết đấy, tôi không đến đây vì tôi cần một công việc. Tôi đến đây vì Marty nói rằng có một số người vốn nghiêm túc về việc làm một điều gì đó để thay đổi khu dân cư. Tôi không đoái hoài đến điều gì đã xảy ra trong quá khứ. Tôi biết rằng mình đang ở đây, và

cam kết hợp tác cùng với chị. Nếu gặp phải vấn đề gì, chúng ta phải khắc phục nó. Nếu chị không nghĩ bất cứ điều gì xảy ra sau khi làm việc với tôi, vậy thì tôi sẽ là người đầu tiên bảo chị từ bỏ. Nhưng nếu tất cả các chị có ý định rời bỏ ngay lúc này, vậy thì tôi muốn chị trả lời câu hỏi của tôi”.

Tôi dừng lại, cố đọc trên mỗi nét mặt của họ. Họ có vẻ ngạc nhiên trước sự bộc phát của tôi, mặc dù không ai trong họ ngạc nhiên như tôi cả. Tôi biết mình đang ở trên một vùng đất tạm bợ; tôi không đủ thân với bất cứ ai trong họ để chắc rằng cuộc chơi của tôi sẽ không đem lại kết quả trái ngược. Song, trong giây phút đặc biệt đó tôi không còn tay nào để chơi nữa. Ngoài kia những thằng bé tiếp tục chạy về cuối con phố. Shirley tự rót thêm một ít cà phê cho mình. Sau khoảng mười phút, cuối cùng Will phát biểu thẳng thắn.

“Tôi không biết về các anh chị, nhưng tôi nghĩ chúng ta đã nói quá nhiều về cái sự hỗn độn xưa rích này. Marty biết chúng ta gặp phải trở ngại. Đó là lý do anh ta thuê Barack. Đúng không Barack?”

Tôi gật đầu một cách cẩn trọng.

“Mọi thứ vẫn rất tồi tệ ở đây. Chưa có gì được giải quyết cả. Vì thế điều tôi muốn biết”, ông ta nói, quay mặt về phía tôi, “là điều mà chúng ta sẽ làm từ lúc này trở đi”.

Tôi nói với ông ấy một sự thật. “Tôi không biết Will à. Anh nói đi”.

Will mỉm cười, và tôi cảm nhận rằng sự khủng hoảng trước mắt này đã trôi qua. Angela đồng ý cho nó thêm vài tháng nữa. Tôi đồng ý tập trung nhiều thời gian hơn vào Altgeld. Chúng tôi dành thêm nửa tiếng đồng hồ nữa thảo luận về chiến lược và giao phó công việc. Trong lúc đi ra ngoài, Mona xuất hiện và nắm lấy cánh tay tôi.

“Anh xử lý buổi họp này tốt lắm Barack à. Có vẻ như anh biết anh đang làm gì”.

“Mona, tôi không. Tôi không có đầu mối”.

Chị ấy cười. “Vâng, tôi hứa sẽ không cho ai biết”.

“Tôi cảm kích điều đó, Mona à. Chắc chắn là vậy”.

Tối đó, tôi gọi điện đến Marty và báo với anh ấy một số chuyện đã xảy ra. Anh ta không tỏ vẻ ngạc nhiên: Một vài giáo hội ở ngoại ô bắt đầu phân rã. Anh ấy đưa ra một vài đề nghị để tiếp cận vấn đề việc làm ở Altgeld, rồi khuyên tôi duy trì nhịp độ phỏng vấn của mình.

“Anh cần gặp một vài nhà lãnh đạo, Barack. Ý tôi là, Will là một gã cừ khôi và đúng là như vậy, nhưng anh có thật sự muốn phụ thuộc vào ông ta trong việc duy trì tổ chức hoạt động sôi nổi không?”

Tôi hiểu quan điểm của Marty. Dầu tôi rất thích Will, dầu tôi cảm kích sự hậu thuẫn của ông ấy, song tôi phải thừa nhận rằng một vài quan điểm của ông ấy là... khá, lập dị. Ông ta thích hút cần sa vào cuối ngày làm việc (“Nếu Chúa không muốn chúng ta hút thứ đó, Ngài đã không đem nó đến thế gian này làm gì”). Ông ta sẽ rời bỏ bất cứ cuộc họp nào mà ông cho là nhàm chán. Bất cứ lúc nào tôi mang ông theo cùng đến phỏng vấn những thành viên trong giáo hội của ông, ông thường tranh luận với họ về cách suy nghĩ lệch lạc của họ về Kinh thánh, cách họ chọn lựa phân bón cỏ, hoặc hiến pháp về thuế thu nhập (Ông cảm thấy rằng thuế má đã vi phạm Bản Tuyên ngôn Nhân quyền, và quyết tâm không nộp).

“Có thể nếu ông chịu lắng nghe những người khác một tí”, có lần tôi đã nói với ông, “họ sẽ sẵn sàng đáp trả đấy”.

Will lắc đầu. “Tôi có lắng nghe chứ. Đó là vấn đề. Mọi thứ họ nói đều sai”.

Lúc này đây, sau cuộc họp ở Altgeld, Will có một ý kiến mới. “Những người da đen hỗn tạp bên trong khu vực St. Catherine này chẳng làm gì cả”, ông ấy nói. “Nếu chúng ta muốn làm một điều gì đó, chúng ta phải đưa vấn đề ra công khai!” Ông ta nhấn mạnh rằng phần nhiều những người sinh sống ở khu vực lân cận của St. Catherine đều thất nghiệp và vất vả; đó là những người mà chúng ta nhắm đến, ông ta nói. Và bởi vì họ không cảm thấy thoải mái khi tham dự một cuộc họp được tổ chức bởi một giáo hội nước ngoài, chúng ta lên tiến hành hàng loạt những cuộc họp ở góc phố xung quanh West Pullman, cho phép họ quy tụ trên một thảm cỏ trung lập.

Lúc đầu tôi hơi hoài nghi, nhưng tôi muốn can ngăn bất kỳ ý kiến đề xuất nào, tôi giúp Will và Mary chuẩn bị tờ rơi để phân phối dọc theo khu dân cư gần nhà thờ nhất. Một tuần sau, ba người chúng tôi đứng bên ngoài một góc phố trong ngọn gió cuối thu. Thoạt đầu đường phố im lìm, những bóng mát phủ xuống dãy nhà bungalow bằng gạch. Thế rồi, từ từ, người ta bắt đầu đổ ra, một hoặc hai người một lần, phụ nữ trong những mái tóc búi, đàn ông trong những chiếc sơ-mi và vài flanen hoặc áo gió, lê bước xuyên qua những lá vàng khô dễ vỡ, len lỏi hướng về một vòng người ngày càng lớn. Khi đám người lên đến con số hai mươi hoặc cỡ đó, Will giải thích rằng St. Catherine là một phần trong nỗ lực tổ chức lớn và “chúng tôi muốn các anh chị nói chuyện với những người láng giềng của mình về tất cả những gì anh chị phân nản khi ngồi với nhau ở bàn nhà bếp”.

“Vâng, tất cả điều tôi có thể nói là, đã đến lúc rồi”, một phụ nữ nói.

Trong gần một tiếng đồng hồ, người ta nói về những ổ gà, cống rãnh, những tấm biển dừng và những khu vực bỏ hoang. Khi buổi chiều bắt đầu chạng vạng tối, Will tuyên bố rằng kể từ tháng tới chúng tôi phải dời những buổi họp mặt đến bậc thềm thánh đường St. Catherine. Đi bộ trở lại nhà thờ, tôi nghe đám đông vẫn còn phía sau chúng tôi, những tiếng thì thầm trong ánh sáng mờ dần. Will quay mặt về tôi và mỉm cười.

“Đã nói với anh mà”.

Chúng tôi tiếp tục những cuộc họp đường phố này ở ba, bốn, năm khu chung cư - Will là trung tâm với chiếc cổ áo linh mục và chiếc áo khoát của Hội Hướng đạo Chicago, Mary với những tờ đăng ký chuyển đến đám đông trong sự háo hức của họ. Khoảng thời gian chúng tôi dời cuộc họp vào bên trong, chúng tôi có một nhóm gần ba mươi người, sẵn sàng làm việc chỉ đổi lấy hơn một cốc cà phê.

Trước khi diễn ra cuộc họp như vậy tôi nhìn thấy Mary một mình trong đại sảnh nhà thờ đang pha một bình cà phê. Chương trình nghị sự cho buổi tối được in một cách khéo léo trên tờ giấy với kích cỡ của tờ giấy gói thịt và được dán lên vách tường; tất cả bàn ghế đã được sắp xếp. Mary vẫy tôi trong lúc lục lọi trong tủ ly để tìm đường và sữa, và cho tôi biết rằng Will đến hơi trễ một chút.

“Có cần giúp gì không?” tôi hỏi cô ấy.

“Anh có thể với lấy giùm cái này?”

Tôi với tay lên đỉnh kệ và lấy xuống hộp đường. “Còn gì khác không?”

“Không. Tôi nghĩ tất cả xong hết rồi”.

Tôi ngồi xuống và quan sát Mary hoàn tất việc sắp xếp ly tách. Cô ấy là người không dễ hiểu, chính Mary đấy; cô ấy chẳng thích nói nhiều, về bản thân hoặc về quá khứ của mình. Tôi biết rằng cô ấy là người da trắng duy nhất đến từ thành phố, người đang làm việc với chúng tôi, một trong nhóm có thể là năm người da trắng đã rời bỏ West Pullman. Tôi biết cô ấy có hai đứa con gái, một mười tuổi và một mười hai; đứa nhỏ hơn bị khuyết tật và điều đó khiến cho việc đi lại rất khó khăn và đòi hỏi phải chữa trị định kỳ.

Và tôi biết rằng cha chúng vắng mặt hầu như Mary không bao giờ đề cập đến chuyện đó. Chỉ là những chuyện vặt, sau nhiều tháng trời tôi mới biết rằng cô ấy lớn lên trong một thị trấn nhỏ Indiana, một phần của đại gia đình Ireland thuộc tầng lớp lao động. Không biết sao cô đã gặp một người đàn ông da đen ở đó; họ đã bí mật hẹn hò, cưới nhau; gia đình cô không còn muốn nói chuyện với cô nữa, và đôi vợ chồng mới cưới chuyển đến West Pullman, nơi họ mua được một ngôi nhà nhỏ. Rồi người đàn ông bỏ đi, và Mary nhận thấy chính mình bị mắc kẹt trong một thế giới mà cô biết rất ít, hầu như chẳng biết gì cả ngoại trừ ngôi nhà và hai bé gái màu gai dầu Manila, không thể nào trở về lại với thế giới mà cô từng biết.

Thỉnh thoảng tôi đi ngang qua nhà của Mary và chào cô ấy, rồi tỏ ra đau đớn trước cảnh tượng đơn độc tôi cảm nhận ở đó, một sự tương tự dễ nhận thấy giữa mẹ tôi và Mary; giữa tôi và hai đứa con gái của Mary, những đứa bé xinh xắn và dịu dàng làm sao thế mà cuộc sống của chúng lại khó khăn hơn rất nhiều so với những gì tôi đã từng trải qua, những ông bà ngoại xa lánh, những bạn học da đen trêu chọc, tất cả là thứ thuốc độc bay trong không khí. Không phải gia đình họ không được sự nâng đỡ; sau khi chồng Mary bỏ đi, những người láng giềng đã thể hiện sự quan tâm của họ đối với cô

và hai đứa nhỏ, họ giúp cô ấy sửa lại mái nhà bị thấm nước, mời họ tham dự những buổi tiệc ngoài trời và những bữa tiệc sinh nhật, tán dương cô ấy về tất cả những việc làm tốt đẹp mà cô đã làm. Song, có những giới hạn về khoảng cách mà những người láng giềng có thể chấp nhận đối với gia đình cô, những rào cản ngấm ngấm cho tình bạn và Mary có thể tạo được với những người phụ nữ - đặc biệt là những người đã lập gia đình - mà cô đã gặp. Những người bạn đích thực duy nhất của cô là hai đứa con gái - và giờ đây là Will, sự nghiêm nghị riêng và niềm tin tư chất riêng của ông, đã mang lại một điều gì đó cá nhân để sẻ chia.

Không còn gì để làm cho cuộc họp, Mary ngồi xuống và nhìn tôi ghi nguệch ngoạc một vài ý cuối cùng.

"Anh có phiền không nếu tôi hỏi anh đôi điều, Barack?"

"Không, cứ hỏi".

"Tại sao anh ở đây? Ý tôi là làm công việc này ư".

"Vì sự quyến rũ của nó".

"Không, tôi nghiêm túc đấy. Anh đã từng nói rằng anh không cần công việc này mà. Vả lại, anh cũng không mộ đạo lắm, phải không?"

"Vâng..."

"Vậy tại sao anh làm công việc này? Anh biết tại sao tôi và Will làm việc này rồi đó. Bởi đó là một phần trong niềm tin của chúng tôi. Còn với anh, tôi không - "

Vào lúc đó, cánh cửa mở và ông Green bước vào. Ông ấy là người lớn tuổi trong chiếc áo khoác sẫm màu và một chiếc mũ với hai vành tai được giữ chặt ở cằm.

"Chào ông Green, ông khỏe không".

"Khỏe, khỏe. Nhưng hơi ớn lạnh..."

Bà Turner và ông Albert ngay lập tức theo sau, rồi những người còn lại trong nhóm, tất cả họ đều mặc quần áo ấm để đối phó với cái lạnh se se của đầu mùa đông. Họ cởi áo khoác, tự pha cà phê, và

tham gia vào buổi đàm luận nhỏ và thông thả vốn giúp làm nóng lên căn phòng. Cuối cùng Will bước vào với chiếc quần Jeans cắt ngắn ngang đầu gối và chiếc áo thun ba lỗ màu đỏ có in chữ "Người Trợ tế Will" phía trước, và sau khi yêu cầu bà Feffrey hướng dẫn chúng tôi cầu nguyện, ông mở đầu cuộc họp. Trong lúc mọi người nói chuyện, tôi tự ghi lại, phát biểu đôi chút mỗi khi mọi chuyện bắt đầu quanh co. Thực ra, tôi nghĩ cuộc họp lẽ lẽ quá lâu - một vài người đã chuẩn mất sau một tiếng đồng hồ - khi Will bổ sung thêm một mục mới vào chương trình.

"Trước khi dừng cuộc họp", ông tuyên bố, "Tôi muốn chúng ta thử làm một điều gì đó. Tổ chức đặt trên nền tảng giáo hội này của chúng ta, và điều đó có nghĩa là chúng ta phải hy sinh một phần của cuộc họp để suy gẫm về chính chúng ta, những mối quan hệ giữa chúng ta với nhau, và với Chúa. Vì vậy tôi muốn mọi người hãy dành ra một phút để nghĩ về điều gì đã mang họ đến đây tối đêm nay, một vài suy tưởng và cảm xúc mà các anh chị chưa nói đến, và tôi muốn các anh chị cùng chia sẻ chúng với mọi người trong nhóm".

Will để sự yên lặng kéo dài trong vài phút. "Có ai muốn chia sẻ những suy nghĩ của mình không?" Ông lặp lại.

Mọi người nhìn xuống bàn một cách khó chịu.

"Được rồi", Will nói. "Tôi sẽ chia sẻ một điều gì đó vừa mới nảy ra trong trí tôi. Không gì to tát cả - chỉ là những ký ức. Các anh chị biết đấy, những đồng loại của chúng ta không giàu có hoặc chẳng có gì. Chúng ta sống sót trên mảnh đất Altgeld này. Nhưng khi tôi nghĩ về thời thơ ấu của mình, tôi nhớ lại những thời khắc thật sự hạnh phúc. Tôi nhớ đã từng đến Rừng Blackburn với những người của mình để hái dâu dại. Tôi nhớ lúc làm những chiếc xe đẩy với những người bạn thân từ những cái thùng gỗ đựng trái cây trống không và những bánh xe trượt cũ rích, và cùng thi thố với nhau chung quanh khu vực đậu xe. Tôi nhớ đã từng tham gia những chuyến dã ngoại ở trường, và gặp mặt tất cả gia đình vào những ngày nghỉ ở công viên, mọi người đều vui vẻ cười mở và không ai sợ hãi gì cả, và rồi vào những đêm hè chúng tôi cùng kéo ra sân ngủ mỗi khi trong nhà quá nóng. Nhiều những ký ức... dường như lúc nào tôi cũng mỉm cười, cười òa lên - "

Will đột nhiên dừng lại và cúi đầu. Tôi tưởng ông ấy chuẩn bị hắt hơi, nhưng khi ông ấy ngẩng đầu lên, tôi thấy những giọt nước mắt lăn xuống gò má ông. Ông tiếp tục với một giọng nói như vỡ ra, “Và anh chị biết đấy, tôi không thấy những đứa trẻ nào ở đây mỉm cười cả. Anh chị hãy nhìn chúng, lắng nghe chúng nói... chúng dường như lo lắng triền miên, diên đại về một điều gì đó. Chúng chẳng có gì để tin cậy. Không cha không mẹ. Không Chúa Trời. Bản thân chúng cũng không. Và thật phi lý. Đó không phải là cách mà mọi thứ được mong đợi... những đứa trẻ không mỉm cười”.

Ông lại dừng và rút chiếc khăn tay từ túi quần để khịt mũi. Rồi, như thể cảnh tượng về một người đàn ông to lớn đang khóc lóc này đã tước lên bề mặt khô cứng trong cõi lòng họ, những người khác trong phòng bắt đầu nói về những ký ức riêng của họ trong những giọng điệu nghiêm nghị và khản nài. Họ nói về cuộc sống ở những thị trấn nhỏ Miền Nam: những cửa hàng góc phố nơi những người đàn ông tụ tập để đọc tin tức trong ngày hoặc giúp một tay cho những phụ nữ với các mặt hàng tạp hóa, cách mà người lớn trông nom con cái của nhau (“Không thể tránh đâu khỏi vì mẹ anh luôn để chừng tới anh ở khắp chung cư này”), ý thức về tính khuôn phép mà sự thân thiện đã giúp duy trì. Trong giọng nói họ chẳng có chút gì là sự luyến tiếc, những yếu tố của ký ức có chọn lọc; nhưng tất cả những gì họ kể lại nghe có vẻ sống động và rất thật, âm thanh của sự mất mát được chia sẻ. Một cảm nhận về sự chứng thực, về hy vọng và thất vọng, di chuyển quanh quẩn khắp phòng từ miệng người này đến miệng người kia, và khi người cuối cùng nói, nó như trôi lơ lửng trong không khí, tĩnh tại và có thể cảm nhận được. Rồi tất cả chúng tôi nắm tay nhau, bàn tay chai cứng và to mập của ông Green bên trái tôi, và cái bàn tay thon gầy, mong manh của bà Turner bên phải, và rồi tất cả chúng tôi cầu xin sự can đảm để xoay chuyển mọi thứ.

Tôi giúp Will và Mary sắp đặt lại bàn ghế, rửa bình cà phê, khóa tủ và tắt đèn. Bên ngoài, màn đêm lạnh lẽo và trong lành. Tôi kéo cổ áo lên và đánh giá nhanh qua buổi họp: Will cần phải xem giờ; chúng tôi phải nghiên cứu vấn đề về dịch vụ đô thị trước buổi họp tiếp theo và phỏng vấn bất cứ ai tham dự. Sau khi kiểm tra xong danh mục liệt kê, tôi choàng tay qua vai Will.



“Phần suy ngẫm sau cùng khá hiệu lực, Will à”.

Ông ta nhìn Mary và cả hai người cùng cười. “Chúng tôi thấy anh không chia sẻ gì cả với nhóm”, Mary nói.

“Nhà tổ chức phải từ tốn một chút”.

“Ai nói thế?”

“Trong cuốn sổ tay tôi nè. Đây Mary, tôi đưa cô về nhà nhé”.

Will ngồi lên chiếc xe máy của mình và vẫy tay từ biệt, Mary và tôi lái ngang qua bốn chung cư thì đến ngôi nhà của cô. Tôi để cô bên ngoài phía trước cửa nhà và quan sát cô bước đi vài bước trước khi tôi chào người qua chiếc ghế dành cho khách và quay cửa sổ xuống.

“Đây Mary”.

Cô quay lại và cúi người xuống nhìn tôi.

“Cô biết điều mà cô đã hỏi trước đây rồi chứ. Về việc tại sao tôi làm điều này. Một điều gì đó liên quan đến cuộc họp tối nay. Ý tôi là... tôi không nghĩ những lý do của chúng ta là khác nhau”.

Cô gật đầu, và bước đến lối đi dẫn đến chỗ hai cô con gái của mình.

Một tuần sau, tôi quay trở lại Altgeld, cố nhét Angela, Mona, và Shirley vào trong chiếc ô tô nhỏ của mình. Mona, người ngồi đằng sau, phàn nàn vì không đủ không gian.

“Đây là loại xe gì vậy?” cô hỏi.

Shirley chuyển lên ngồi phía trước. “Nó được chế tạo cho những cô gái gầy gò xương mà Barack hẹn hò”.

“Chúng ta sẽ gặp ai đây?”

Tôi đã sắp xếp ba cuộc họp, hy vọng tìm ra một chiến lược việc làm vốn thỏa mãn những nhu cầu của dân chúng ở Altgeld. Hiện nay ít nhất cũng có một sự bùng nổ sản xuất mới có vẻ như ngoài tầm tay: Những hãng sản xuất lớn chọn lựa những hành lang được cọ rửa sạch sẽ, và ngay cả Gandhi cũng không thể thuyết phục họ tái di dời đến gần Altgeld bất cứ lúc nào. Mặc khác, vẫn còn có một bộ phận kinh tế

có thể gọi là kinh tế địa phương, tôi nghĩ, một nền kinh tế tiêu dùng cấp hai - cửa hiệu, nhà hàng, rạp hát, và dịch vụ - mà trong những khu vực khác của thành phố tiếp tục đóng vai trò như là nơi phát triển của đời sống đô thị. Nơi mà nhiều gia đình có thể đầu tư tiền tiết kiệm của mình và thành công ở một công việc làm ăn, và nơi mà những công việc cơ bản nhất có thể dễ dàng tìm thấy; nơi mà kinh tế vẫn dựa trên trình độ con người, đủ rõ ràng để mọi người hiểu.

Ví dụ gần nhất với khu vực mua sắm trong vùng này là Roseland, và vì thế chúng tôi theo tuyến đường xe buýt lên Đại lộ Michigan, với những cửa hiệu tóc giả và cửa hàng rượu, cửa hiệu quần áo giảm giá và bánh pizza cho đến khi chúng tôi dừng phía trước một nhà kho cũ cao hai tầng. Chúng tôi bước vào tòa nhà xuyên qua một cách cửa lớn bằng kim loại và theo dãy cầu thang hẹp dẫn xuống một tầng hầm với đầy ắp các vật dụng nội thất cũ kỹ. Trong một văn phòng nhỏ là một gã đàn ông trông mảnh khảnh, dẻo dai với chòm râu dê và chiếc mũ chỏm làm nổi bật hai cái lỗ tai chìa ra của anh ta.

“Tôi có thể giúp anh không?”

Tôi giải thích về chúng tôi và việc chúng tôi đã nói chuyện qua điện thoại.

“Đúng rồi, đúng rồi”. Ông ấy ra hiệu về phía hai người đàn ông cao to đang đứng ở cạnh bàn làm việc của mình và họ bước ngang qua chúng tôi với một cái gật đầu. “Nghe này, chúng ta nói chuyện nhanh nhé bởi vì một công việc khác đang chờ. Rafiq al Shabazz”.

“Tôi biết anh”, Shirley nói khi chúng tôi cùng bắt tay với Rafiq. “Anh là con trai của bà Thompson, Wally. Mẹ của anh thế nào rồi?”

Rafiq gượng cười và ngó ý tất cả chúng tôi cùng ngồi. Anh ấy giải thích anh là Chủ tịch Liên minh Thống nhất Roseland, một tổ chức dính líu đến hàng loạt các hoạt động chính trị nhằm đẩy mạnh sự nghiệp của người da đen và khẳng định danh dự lớn lao của mình qua việc giúp Thị trưởng Washington trúng cử. Khi chúng tôi hỏi anh ta cách thức để các giáo hội của chúng tôi có thể khuyến khích sự phát triển kinh tế ở địa phương, anh ta trao cho chúng tôi một tờ bướm kết tội các cửa hiệu Á Rập vì bán thịt hư.

“Đó là sự thỏa thuận đích thực, ngay ở đây”, Rafiq nói. “Những người đến từ bên ngoài cộng đồng, chúng tìm cách lấy tiền và thể hiện sự thiếu tôn trọng của chúng đối với anh em chúng tôi. Về cơ bản, cái mà các anh chứng kiến ở đây là những người Hàn Quốc và Ả Rập, bọn họ quản lý các cửa hiệu, người Do Thái vẫn sở hữu hầu hết các tòa nhà ở đây. Bây giờ, trong tương lai gần, chúng tôi ở đây để biết chắc rằng quyền lợi của người da đen luôn bị dòm ngó, các anh hiểu chứ. Khi nghe một trong những người Hàn Quốc đối xử tệ bạc với một khách hàng, chúng tôi phải nhảy vào. Chúng tôi nằng nặc rằng họ phải tôn trọng chúng tôi và đóng góp vào cộng đồng - gây quỹ cho những kế hoạch của chúng tôi.

“Đó là tương lai không xa. Còn đây” - Rafiq chỉ vào tấm bản đồ Roseland treo trên tường, với một vài khu vực được đánh dấu bằng mực đỏ - “là tương lai xa. Tất cả đó là sự sở hữu. Một kế hoạch tổng thể cho khu vực này. Các doanh nghiệp của người da đen, những trung tâm cộng đồng - tổng cộng là chín khu vực buôn bán. Một vài trong tài sản cố định đó chúng tôi đã thương lượng với những chủ sở hữu da trắng để bán cho chúng tôi với một cái giá hợp lý. Vậy nếu anh chị quan tâm đến công ăn việc làm, anh chị có thể trợ giúp bằng cách truyền tải thông tin về kế hoạch này. Vấn đề chúng tôi đang gặp ngay lúc này là không có đủ sự hỗ trợ từ những người ở Roseland. Thay vì dành được một chỗ đứng, họ lại theo người da trắng đi ra khu vực ngoại ô. Nhưng mà người da trắng đâu có khờ. Họ đợi chúng ta di dời ra khỏi thành phố và thế là họ có thể quay trở lại bởi họ biết rằng giá trị của tài sản mà chúng ta đang ngồi lên ngay lúc này đáng giá vô tận”.

Một trong những người đàn ông vạm vỡ lại bước vào phòng của Rafiq, và anh ta đứng dậy. “Tôi phải đi đây”, anh ta đột ngột thốt lên. “Nhưng này, chúng ta tiếp tục thảo luận nhé”. Anh ta bắt tay tất cả chúng tôi trước khi viên trợ lý của anh ta đưa chúng tôi đến cửa.

“Nghe có vẻ chị biết nhiều về anh ấy, Shirley”, tôi nói ngay khi chúng tôi ra khỏi tòa nhà.

“Vâng, trước khi có được cái tên thú vị đó, anh ta là Wally Thompson, một cái tên cũ rích nhàm chán. Anh ấy có thể thay đổi

cái tên của mình nhưng không thể dấu được hai cái lỗ tai. Anh ta lớn lên ở Altgeld - thực ra, tôi nghĩ anh ta và Will đã từng học chung một lớp. Wally là một thành viên băng đảng nổi tiếng trước khi anh ta trở thành một tín đồ Hồi Giáo”.

“Một thời là tên côn đồ, trước sau như một cũng thế thôi”. Angela nói.

Nơi dừng chân kế tiếp của chúng tôi là Phòng Thương mại địa phương, tọa lạc tầng hai của một nơi trông chẳng khác gì cửa hiệu cầm đồ. Bên trong, chúng tôi nhận ra một người đàn ông da đen to béo đang bận bịu đóng các thùng hàng.

“Chúng tôi đang tìm ông Foster”, tôi nói với người đàn ông.

“Tôi là Foster đây”, ông ta nói, không ngừng đầu lên.

“Chúng tôi được biết ông là chủ tịch của Phòng Thương mại -”

“Vâng, đúng đấy. Tôi là chủ tịch. Mới nghỉ tuần trước”.

Ông đưa chúng tôi ba chiếc ghế và vừa nói chuyện vừa làm việc. Ông giải thích rằng ông đã từng sở hữu cửa hiệu văn phòng phẩm dưới phố cho đến bây giờ là mười lăm năm, đã từng là chủ tịch của Phòng Thương mại được năm năm. Ông đã cố gắng hết mình để tổ chức những thương gia địa phương, nhưng cuối cùng việc thiếu sự trợ giúp đã làm cho ông bất mãn.

“Anh chị sẽ không bao giờ nghe tôi phàn nàn về những người Hàn Quốc”, ông ta nói, chống thêm một vài thùng hàng nữa bên cạnh cánh cửa. “Họ là những người duy nhất đóng phí cho Phòng Thương mại. Họ hiểu về kinh doanh, điều muốn ám chỉ đến sự hợp tác. Họ góp tiền chung. Mượn tiền nhau. Chúng tôi không làm như vậy. Những nhà buôn da đen xung quanh đây, tất cả chúng tôi như những con cua trong xô”. Ông ngồi thẳng lên và dùng khăn tay lau những giọt mồ hôi trên chân mày. “Tôi không biết. Anh chị không thể đổ lỗi cho hiện trạng của chúng tôi. Suốt những năm tháng qua không có được một cơ hội nào, anh chị phải nghĩ rằng chúng tôi đã bị tước đoạt một điều gì đó. Và bây giờ đối với chúng tôi nó còn khó khăn hơn đối với người Ý và người Do Thái cách đây ba mươi năm. Vào những ngày này, một cửa hiệu nhỏ như của tôi đây phải cạnh

tranh với những hệ thống buôn bán lớn. Đó là một trận chiến không cân sức, và chúng tôi là những người thua cuộc trừ phi phải làm như những người Hàn Quốc này - cả gia đình phải làm việc mười sáu tiếng một ngày, bảy ngày một tuần. Là con người, chúng tôi không muốn làm như thế. Tôi nghĩ chúng tôi đã làm quá nhiều mà chẳng được gì, chúng tôi cảm thấy mình không cần phải làm cật lực chỉ để tồn tại. Đó là điều mà chúng tôi thường nói với những đứa trẻ. Tôi không thể nói tôi hơi khác biệt. Tôi nói với những con trai tôi rằng tôi không muốn chúng tiếp quản công việc này. Tôi muốn chúng đến làm việc cho một công ty lớn nào đó nơi có thể chúng sẽ cảm thấy thoải mái hơn..."

Trước khi chúng tôi rời, Angela hỏi về khả năng tạo việc làm bán thời gian cho thế hệ trẻ ở Altgeld. Ông Foster ngược mắt nhìn chị ấy giống như chị ấy điên vậy.

"Mỗi chủ buôn ở đây gạt bỏ ba mươi đơn xin việc mỗi ngày. "Người lớn. Công dân thâm niên. Nhân công có kinh nghiệm sẵn sàng làm bất cứ việc gì có thể. Tôi lấy làm tiếc".

Khi quay trở lại chiếc xe, chúng tôi đi ngang qua một cửa hiệu quần áo nhỏ đầy ắp các loại quần áo rẻ tiền và những chiếc áo nịt màu sắc sặc sỡ, hai người nộm ma-nơ-canh da trắng cũ kỹ lúc này đã được sơn đen trong tủ kính. Cửa hiệu với ánh sáng yếu ớt, nhưng lùi ra sau một chút tôi có thể nhận ra vóc dáng của một phụ nữ trẻ Hàn Quốc đang ngồi thêu tay và một đứa bé đang nằm ngủ bên cạnh. Cảnh tượng này đưa tôi quay về với thời thơ ấu của mình, quay về với những phiên chợ ở Indonesia: những người bán hàng rong, những công nhân thuộc da, những mụ già mồm nhai quả cau và dùng những cây chổi xua ruồi đuổi chúng khỏi những rổ trái cây đang bày bán.

Tôi luôn coi những phiên chợ như vậy là điều hiển nhiên, một phần trong quy luật tự nhiên của sự vật. Song, giờ đây khi tôi nghĩ về Altgeld và Roseland, Rafiq và ông Foster, tôi nhìn thấy những phiên chợ Djakarta với những gì của chúng: quý báu và mong manh. Những người bán hàng hóa ở đó có thể nghèo, thậm chí nghèo hơn những người sống ở Altgeld. Họ kéo mười lăm cân Anh củi đốt trên

lưng mỗi ngày, họ ăn ít, chết sớm. Và trong tất cả sự nghèo khó đó, vẫn còn tồn tại trong cuộc sống họ, một trật tự có thể nhận thấy được, một tấm thảm hoa lót cho những lộ trình thương mại và những kẻ môi giới, những khoản hối lộ phải chi và những khoản thuế phải chấp hành, những tập quán của một thể hệ bị đánh đổ mỗi ngày dưới sự mặc cả, tiếng ồn và bụi xoáy.

Chính việc thiếu đi sự gắn kết đã khiến cho một nơi như Altgeld trở nên tuyệt vọng, tôi tự nhủ; chính sự thiếu hụt của trật tự đó đã làm cho Rafiq và ông Foster, theo cách riêng của họ, trở nên đáng cay như vậy. Làm thế nào chúng ta có thể khâu lại một nền văn hóa một khi nó đã bị xé nát? Phải mất bao lâu chúng ta mới có thể hoàn tất trên cái mảnh đất đỏ la này?

Lâu hơn là khoảng thời gian để cho một nền văn hóa bị hủy hoại, tôi nghi ngờ. Tôi cố tưởng tượng những công nhân Indonesia lúc này đang trên đường đến các nhà máy nằm dọc hai bờ sông Calumet, tham gia cùng đội ngũ lao động công nhật để lắp ráp các đài phát thanh và giày quần vớ đang được bày bán ở Đại Lộ Michigan. Tôi tưởng tượng cũng những công nhân đó trong mười hoặc hai mươi năm tới khi mà các nhà máy của họ phải đóng cửa, hậu quả của một nền công nghệ mới hay giá lao động thấp hơn ở khu vực nào đó trên thế giới. Và rồi, thật chua xót khi biết rằng những phiên chợ của họ biết mất; rằng họ không còn nhớ cách để đan dệt những chiếc rổ của mình hay khắc chạm những vật dụng nội thất hoặc tự trồng thực phẩm riêng; rằng ngay cả khi họ nhớ đến cái nghề đó, những khu rừng cung cấp gỗ cho họ giờ đây lại được sở hữu bởi nhóm người khai thác gỗ, những chiếc rổ mà có lần họ đan dệt thì lại được thay thế bởi loại nhựa dẻo bền hơn. Sự tồn tại của những nhà máy này, những nhóm buôn gỗ, hãng sản xuất nhựa dẻo, sẽ làm cho nền văn hóa của họ trở nên lỗi thời; những giá trị của công việc cực nhọc và óc sáng kiến cá nhân hóa ra đã lệ thuộc vào một hệ thống niềm tin vốn bị pha trộn bởi sự nhập cư, đô thị hóa và lợi tức thu được từ những chiếc TV nhập khẩu. Một số thành phần sẽ phát đạt trong trật tự mới này. Một số sẽ chuyển đến Mỹ. Và những người khác, hàng triệu người bị bỏ lại phía sau ở Djakarta, hoặc Lagos, hoặc West Bank, họ định cư ở Khu vườn Altgeld của riêng mình, vào sâu thẳm của nỗi tuyệt vọng.

Chúng tôi thăm lạng lái xe đến cuộc họp cuối cùng, với nhà quản lý chi nhánh địa phương của Văn phòng Thị trường về Nghề nghiệp và Đào tạo, hoặc MET, tổ chức giúp chuyển những người thất nghiệp đến các chương trình đào tạo trên khắp thành phố. Chúng tôi gặp khó khăn trong việc tìm ra địa điểm này - té ra là một chặng đường dài bốn mươi lăm phút xe chạy từ Altgeld, trên một con phố hẹp thuộc khu vực của Vrdolyak - và lúc chúng tôi đến bà quản lý đã đi mất. Người trợ lý của bà không biết khi nào bà sẽ quay trở lại nhưng đã đưa cho chúng tôi xem một tập các tờ thông tin bằng giấy bóng loáng.

“Mấy thứ này chẳng giúp được gì”, Shirley nói khi chúng tôi bước đến cửa. “Chúng ta có thể quay về nhà”.

Mona nhìn thấy tôi chần chừ trong văn phòng. “Anh ta đang xem gì vậy?” Chị ấy hỏi Angela.

Tôi cho họ xem mặt sau của những tờ thông tin. Nó in danh sách tất cả các chương trình MET trong thành phố. Không có chương trình nào nằm ở hướng nam của Đại lộ Chín Mươi Lăm.

“Nhìn này”, tôi nói.

“Gì vậy?”

“Chúng ta vừa mới phát hiện một vấn đề”.

Ngay khi quay về Khu vườn, chúng tôi soạn một bức thư gửi cho Bà Cynthia Alvarez, giám đốc thành phố của MET. Hai tuần sau, bà ta đồng ý gặp chúng tôi ở ngoài Khu vườn. Quyết tâm không để lặp lại những lỗi lầm của mình, tôi tự đồn mình và ban lãnh đạo vào việc nghiên cứu kỹ mọi vấn đề: chuẩn bị kịch bản cho cuộc họp, thuyết phục mạnh mẽ giáo hội để đưa người họ đến, triển khai một yêu sách rõ ràng - trung tâm đào tạo và hướng nghiệp ở Khu vực Far South - mà chúng tôi cho rằng MET có thể làm được.

Sau hai tuần chuẩn bị và rồi, trong cái đêm diễn ra cuộc họp, tôi tự đẩy mình vào tình thế khó khăn hơn. Lúc sáu giờ bốn mươi lăm phút chỉ ba người có mặt: một phụ nữ trẻ với một đứa bé mũi dài dính

đầy bộ áo liền quần bé nhỏ của cô bé, một phụ nữ lớn hơn từ tốn bỏ một nắm bánh qui vào trong chiếc khăn giấy và rồi nhét nó vào chiếc ví của mình, và một gã say rượu khệnh khạng chìm vào giấc ngủ ở hàng ghế sau. Khi từng phút trôi qua, một lần nữa tôi hình dung đến những chiếc ghế trống, sự dối ý vào phút cuối của nhà chức trách, vẻ thất vọng hiện lên trên khuôn mặt của ban lãnh đạo - mùi vị thất bại thảm hại.

Rồi, bảy giờ kém hai phút, người ta bắt đầu bước vào. Will và Mary mang theo một nhóm từ West Pullman; rồi con cái và cháu chít của Shirley bước vào, lấp đầy toàn bộ dãy ghế đầu; rồi những người dân ở Altgeld, những người vẫn còn mang ơn Angela hoặc Shirley. Đến lúc bà Alvarez xuất hiện có gần một trăm người trong phòng - một phụ nữ Mỹ gốc Mexico, to lớn, độc đoán với hai người đàn ông da trắng trẻ trung trong những bộ vest lẻo đẻo theo sau.

"Tôi thậm chí không biết việc này xảy ra ở đây", tôi nghe một trong những trợ tá thì thầm vào tai người kia khi họ đi ngang qua cánh cửa. Tôi hỏi ông ấy liệu tôi có thể cất chiếc áo khoác của ông không, và ông ta lắc đầu về mặt căng thẳng.

"Không, không... ừ... tôi tự treo lấy được mà, cảm ơn".

Ban lãnh đạo đã làm tròn nhiệm vụ của họ một cách xuất sắc vào đêm hôm đó. Angela đưa vấn đề ra trước đám đông và giải thích với bà Alvarez điều mà chúng tôi mong đợi từ bà ấy. Khi bà Alvarez tránh việc phải đưa ra một câu trả lời rõ ràng, Mona nhảy vào và đòi cho bằng được lời giải đáp có hoặc không. Và cuối cùng khi Alvarez hứa đưa trung tâm hướng nghiệp MET vào khu vực này trong vòng sáu tháng tới, đám đông vỡ òa trong sự tán thưởng nồng nhiệt.

Chỉ có một lỗi nhỏ xảy ra vào lúc giữa cuộc họp, khi gã say ở hàng ghế sau đứng dậy và bắt đầu la lớn rằng ông ta cần một việc làm. Ngay lập tức, Shirley bước lại chỗ người đàn ông và thì thầm một điều gì đó vào tai gã khiến gã ngồi xuống lại.

"Chị đã nói gì với hắn ta?" sau đó tôi hỏi Shirley.

"Anh quá trẻ để biết được chuyện đó".



Buổi họp kết thúc trong một tiếng đồng hồ - bà Alvarez và những phụ tá của bà biến mất trong một chiếc xe xanh lớn, và mọi người bước đến bắt tay Mona và Angela. Trong lúc thẩm định, những người phụ nữ trông có vẻ sung sướng.

"Anh đã làm một công việc tuyệt vời, Barack à", Angela nói, ôm chặt lấy tôi.

"Này, chứ không phải tôi đã hứa chúng ta sẽ làm cho mọi chuyện xảy ra mà?"

"Chắc rồi", Mona nói với một cái nháy mắt.

Tôi nói với họ rằng tôi để họ tự lo liệu trong ít nhất vài ngày, và bước đến chiếc xe tôi cảm thấy mình như hơi thiếu suy nghĩ. Tôi có thể làm công việc này, tôi tự nhủ. Cả thị trấn chết tiệt này đã được tổ chức vào lúc chúng tôi kết thúc công việc. Tôi đốt điếu thuốc và, trong cái tâm trạng tự khen mình, tôi tưởng tượng đang đưa ban lãnh đạo xuống phố để ngồi cùng với Harold và thảo luận về số phận của thành phố này. Rồi, dưới ánh đèn đường phố cách đó vài bước chân, tôi nhìn thấy gã say rượu từ cuộc họp khệnh khạng trong những bước đi chậm chạp, nhìn xuống cái bóng trái dài của gã dưới đất. Tôi bước ra khỏi chiếc xe và hỏi ông ấy có cần đưa về nhà không.

"Tôi chẳng cần giúp gì cả!" gã hét lên, cố trấn an mình "Không cần ai cả, anh hiểu tôi chứ! Chó chết thật... cố nói với tao những thứ nhảm nhí..."

Giọng gã nhỏ dần. Trước khi tôi có thể nói điều gì đó, gã quay lại và bắt đầu loạng choạng ra giữa con đường, mất hút vào trong bóng đêm.

## Chương mười

Mùa đông đến và thành phố chuyển thành một bức tranh đơn sắc - những gốc cây màu đen tương phản với bầu trời xám xịt phía trên mặt đất trắng muốt. Màn đêm buông xuống trong buổi xế chiều, đặc biệt khi những trận bão tuyết ập đến tới tấp, những trận bão trên đồng cỏ bao la kéo bầu trời gần sát với mặt đất, ánh đèn thành phố tương phản với những đám mây.

Công việc càng khó khăn hơn với tiết trời như vậy. Những ụ bột trắng tinh thổi xuyên qua những khe hở của chiếc xe, rồi xuống cổ áo và vào trong phần hở của chiếc áo khoác của tôi. Trong những lần phỏng vấn, tôi chưa bao giờ ở một nơi đủ lâu để cảm thấy sáng khoái một cách đích thực, và nơi đậu xe trở nên vắng lặng trên những con phố chật hẹp đầy tuyết - mọi người dường như ai cũng có sẵn một câu chuyện cảnh báo về những vụ ẩu đả diễn ra ở những nơi đậu xe sau một trận bão tuyết nặng nề, gây ra tiếng cãi lộn âm ĩ hoặc tiếng súng nổ. Lượng người tham dự các cuộc họp buổi tối trở nên thưa thớt hơn; họ gọi đến vào phút cuối để nói mình bị cúm hoặc xe không nổ máy; những người có đến thì trông có vẻ chán nản và tức tối. Thình thoảng, khi lái xe về nhà từ những buổi tối như thế này, một cơn gió mạnh hướng bắc thổi đến từ phía

hồ đẩy chiếc xe tôi loạng choạng đâm qua bên kia làn đường, trong giây lát tôi không nhớ mình đang ở đâu, những suy nghĩ của tôi, một sự phản chiếu chết lặng về cái không gian tĩnh mịch.

Marty đề nghị rằng tôi cần dành nhiều thời gian hơn cho cuộc sống chính mình ngoài công việc. Những mối bận tâm của anh ta là đúng, anh ta giải thích: Không có sự giúp sức cá nhân nào đó nằm ngoài công việc, một nhà tổ chức đánh mất đi tiền đồ và ngay lập tức có thể bị thiêu rụi hoàn toàn. Có một điều gì đó liên quan đến điều anh ta nói, bởi sự thật rằng những người mà tôi gặp trong công việc nói chung là lớn tuổi hơn tôi, với một hệ thống những yêu sách và lo lắng vốn dĩ đã tạo nên những rào cản dẫn đến tình bạn. Khi tôi không làm việc, tôi thường thấy mình lạc lõng trong một căn hộ trống không vào những ngày cuối tuần, chỉ biết làm bạn với những cuốn sách.

Dẫu vậy, tôi không chú ý đến lời khuyên của Marty, có lẽ bởi vì sự ràng buộc giữa tôi và ban lãnh đạo trở nên mạnh hơn, tôi thấy họ mang lại những điều vốn lớn hơn cả một tình bạn đơn thuần. Sau những buổi họp, tôi có thể cùng với một trong những người đó đến quán rượu địa phương để xem tin tức hoặc nghe các bài hát cũ của các ban nhạc như The Temptations, The O'Jays - nhịp tim hồi hộp theo âm thanh rền vang phát ra từ máy hát tự động. Vào Chủ nhật, tôi tham dự nhiều thánh lễ khác nhau và mặc cho các chị phụ nữ trêu chọc trước sự bối rối của tôi về cộng đoàn và cầu nguyện. Trong buổi tiệc Giáng sinh ở Khu vườn, tôi nhảy cùng với Angela, Mona, và Shirley dưới một quả cầu phát ra những chuỗi ánh sáng lan tỏa khắp phòng; tôi trao đổi những câu chuyện vui về những người thích phỏ mát ôi và những gã ngu dốt; những ông chồng vốn bị lôi kéo một cách miễn cưỡng vào một vụ lãng nhãng; tôi khuyên nhủ những bé trai và bé gái về việc nộp đơn thi vào đại học, và chơi giỡn với những cháu nhỏ ngồi trên đùi tôi.

Chính những lúc như thế, khi sự thân thuộc và mệt mỏi xóa tan đi những ranh giới giữa nhà tổ chức và người lãnh đạo, mà tôi đã bắt đầu hiểu được cái mà Marty muốn nói khi anh ta nặng nề rằng tôi nên hướng vào trung tâm của cuộc sống con người. Chẳng hạn,

tôi nhớ lại khi ngồi trong nhà bếp của bà Crenshaw một buổi chiều nọ, nuốt những chiếc bánh nướng mà bà thường hay ép tôi ăn mỗi lúc tôi ghé lại. Trời cũng đang tối dần, mục đích chuyến viếng thăm của tôi đã bắt đầu mờ dần trong đầu, và rồi như một ý nghĩ xảy đến quá muộn tôi quyết định hỏi tại sao bà vẫn tham gia vào PTA lâu như vậy sau khi con cái của bà đã lớn hết cả rồi. Bà kéo chiếc ghế sát gần tôi hơn và bắt đầu kể cho tôi nghe về sự trưởng thành ở Tennessee, cách bà bị ép buộc phải nghỉ học bởi vì gia đình chỉ có thể trang trải cho một người đến trường, một người anh trai sau đó đã chết trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Bà và chồng bà làm việc hàng năm ròng trong một nhà máy, bà nói, chỉ để đứa con trai của họ không bao giờ phải dừng việc học hành - cậu bé đã nhận được học vị cử nhân luật ở Yale.

Một câu chuyện đủ đơn giản để hiểu, tôi nghĩ: sự hy sinh của cả một thế hệ, một minh chứng cho niềm tin của một gia đình. Thế nhưng, khi tôi hỏi bà Crenshaw vào những ngày này đứa con trai của bà làm gì, bà tiếp tục kể rằng nó được chẩn đoán bị mắc chứng tâm thần phân liệt vài năm trước đó và hiện phải dành những tháng ngày của mình đọc báo trong phòng, sợ phải rời khỏi nhà. Khi bà nói, giọng bà không hề nao núng; đó là giọng nói của người muốn thúc ép một ý nghĩa lớn lao hơn từ thăm kịch đau buồn.

Hoặc đó là lúc tôi thấy chính mình đang ngồi ở hành lang của St.Helena cùng với bà Stevens đợi cuộc họp bắt đầu. Tôi không biết rõ về bà Stevens, chỉ biết rằng bà ấy quan tâm đến việc trùng tu lại bệnh viện địa phương. Qua cuộc nói chuyện ngắn, tôi hỏi tại sao bà ấy có vẻ lo lắng đến việc cải thiện vấn đề chăm sóc y tế trong vùng; gia đình bà dường như đủ khỏe mạnh. Và bà kể cho tôi nghe bà hầu như không còn nhìn thấy bởi chứng đục nhân mắt khi bà tròn hai mươi tuổi. Bà làm thư ký trong thời gian đó, và mặc dù tình trạng của bà trở nên tồi tệ đến mức bác sĩ phải chính thức tuyên bố bà bị mù, song bà luôn giữ kín với ông chủ vì sợ bị sa thải. Ngày qua ngày, bà thường lén lút vào phòng tắm để đọc các thư báo của ông chủ bằng chiếc kính lúp, học thuộc lòng từng dòng chữ trước khi bà trở lại đánh máy, lưu lại văn phòng khá lâu sau khi mọi người đã về để hoàn tất những bản báo cáo phải trình vào sáng hôm sau. Với cách đó

bà đã giữ bí mật này trong gần một năm cho đến lúc bà dành được đủ tiền cho một cuộc giải phẫu.

Hoặc câu chuyện về ông Marshall, một người đàn ông độc thân trong độ tuổi xấp xỉ ba mươi của mình, một tài xế xe buýt cho Tổ chức Vận tải Công cộng. Ông không thuộc tuýp người lãnh đạo - ông không có con, sống trong một căn hộ - và vì vậy tôi không hiểu tại sao ông ấy lại quan tâm quá mức đến việc làm dính líu đến sử dụng ma túy trong giới trẻ. Một ngày nọ, khi tôi ngờ ý chờ ông đến một cửa hiệu để nhận chiếc xe mà ông đã bỏ lại ở đó, tôi đã đặt ra câu hỏi đó. Và ông kể cho tôi nghe về những mơ ước của cha mình muốn trở nên giàu có trong một thị trấn nào đó ở Arkansas; về việc những dự án kinh doanh khác nhau trở nên không thuận lợi và việc những gã đàn ông khác lừa đảo ông ấy như thế nào; và cha ông đã lao vào bài bạc và rượu chè, mất hết nhà cửa và gia đình ra sao; và cha ông cuối cùng được lôi ra khỏi một cái cồng rãnh ở một nơi nào đó, bị chết ngạt trong chất nôn mửa của mình.

Đó là cái mà ban lãnh đạo đang dạy cho tôi, ngày qua ngày: rằng tính tự tư tự lợi mà tôi đang tìm kiếm hoàn toàn vượt quá tính nóng bỏng của vấn đề, rằng qua một câu chuyện phiếm, những tiểu sử sơ lược và những quan niệm được thừa nhận người ta mang theo họ một sự giải thích trung tâm nào đó về chính mình. Những câu chuyện đầy ắp sự kinh hoàng và kỳ lạ, rải rác với những sự kiện vẫn ám ảnh hoặc khơi mở cho họ. Những câu chuyện thiêng liêng.

Và chính sự nhận thức rõ này, tôi nghĩ, cuối cùng đã cho phép tôi chia sẻ hơn nữa về chính mình với những người mà tôi làm việc cùng, thoát được sự cô lập lớn hơn mà tôi đã mang theo đến Chicago. Thoạt đầu tôi hơi do dự, sợ rằng cuộc đời trước đây của tôi quá xa lạ với tính nhạy cảm của South Side; rằng bằng cách nào đó tôi có thể gây thất vọng những mong mỏi của cộng chúng về tôi. Thay vào đó, khi mọi người lắng nghe những câu chuyện về Toot, Lolo hoặc cha mẹ tôi, về việc thả diều ở Djakarta hoặc những buổi tiệc khiêu vũ ở Punahou, họ thường gật đầu hoặc nhún vai hoặc cười, phân vân không hiểu làm thế nào mà một người nào đó với lai lịch như tôi đã phải tự tìm đến một nơi, như Mona thường nói, “thôn dã” như vậy,

hoặc, khó hiểu nhất đối với họ, là tại sao bất cứ ai cũng sẵn lòng tiêu khiển một mùa đông ở Chicago khi anh ta có thể tắm nắng ở Bãi biển Waikiki. Thế rồi họ đưa ra một câu chuyện để so sánh hoặc làm xáo trộn câu chuyện của tôi, một đầu mối để kết những trải nghiệm của chúng tôi lại với nhau - một người cha mất tích, một cuộc chạm trán với tội phạm vị thành niên, một tấm lòng lạc lõng, một khoảnh khắc khoan dung thẳng thắn. Thời gian trôi qua, tôi nhận thấy những câu chuyện này, khi được liên kết với nhau, đã giúp tôi ràng buộc cả thế giới của tôi lại, rằng chúng mang lại cho tôi cảm nhận về mục đích và nơi chốn mà tôi đang tìm kiếm. Marty đã đúng: Luôn luôn có một cộng đồng ở đó nếu anh đào đủ sâu. Mặc dù vậy, anh ta đã sai trong việc đặc tả công việc. Và thơ ca nữa - một thế giới sáng ngời luôn tiềm ẩn bên dưới bề mặt, một thế giới mà người ta có thể mang lại cho tôi như là một món quà, nếu tôi chỉ cần hỏi đến.

Không phải tất cả những gì tôi học được từ những người lãnh đạo đều làm phấn chấn cõi lòng tôi. Nếu họ thường để lộ ra một sức mạnh tinh thần mà tôi không hình dung ra, họ cũng ép tôi phải công nhận những thế lực ngấm ngầm vốn ngăn cản những nỗ lực của chúng ta, những bí mật mà chúng ta giữ kín với nhau cũng như với chính chúng ta.

Chẳng hạn đó là cách xảy ra với Ruby. Sau cuộc họp thất bại của chúng tôi với chỉ huy cảnh sát, tôi lo lắng bà ấy có thể rút lui khỏi công việc tổ chức. Thay vào đó, bà tự dẫn thân vào dự án, làm việc cực nhọc để xây dựng một hệ thống những người láng giềng, những người có thể đều đặn tham gia vào những sự kiện của chúng tôi, đưa ra ý kiến cho những cử tri đã đăng ký hoặc hợp tác với những bậc phụ huynh. Bà là loại người mà mọi nhà tổ chức đều mơ ước - một người với tài năng chưa bộc lộ hết, thông minh, kiên định, phấn khích bởi ý tưởng về một cuộc sống cộng đồng, háo hức học hỏi. Và tôi thích đứa con trai bà, Kyle Jr. Nó vừa lên mười bốn, và trong tất cả sự ngưỡng ngạ của nó - một khoảnh khắc tình nghịch và bỏ vào người tôi trong lúc chúng tôi đang cùng nhau ném những chiếc rổ trong công viên lân cận, giây phút kế tiếp chán nản và đau buồn - tôi có thể nhìn thấy tất cả những diễn biến về những giằng co thời niên

thiếu của tôi. Thịnh thoảng Ruby hỏi tôi về nó, tức tối bởi kết quả học tập nghèo nàn của nó hoặc một vết cắt ở cằm gây ra bởi một đầu óc diên loạn của một gã đàn ông trẻ.

“Tuần trước nó nói nó sẽ trở thành một nghệ sĩ nhạc rap”, bà kể. “Hôm nay nói nói với tôi nó sẽ học ở Học viện Không quân để trở thành một phi công chiến đấu. Khi tôi hỏi nó tại sao, nó chỉ nói rằng, ‘vì vậy cháu có thể bay.’ Giống như là tôi khờ khạo lắm. Barack à, thỉnh thoảng tôi không biết là nên ôm nó vào lòng hay quất vào cái mông xương xẩu của nó”.

“Thử cả hai”, tôi nói với bà.

Một ngày trước lễ Giáng sinh, tôi mời Ruby ghé lại văn phòng tôi để chuyển cho Kyle một món quà. Tôi đang nói chuyện điện thoại thì bà ấy bước vào, liếc mắt qua tôi nghĩ mình đã nhìn thấy một điều gì đó khác về bà ấy, nhưng tôi không hoàn toàn hiểu đó là gì. Chỉ sau khi tôi gác máy và bà ấy hướng mắt về phía tôi thì tôi mới nhận ra rằng trong đôi mắt bà ấy, bình thường là một màu nâu đen ấm áp vốn rất hài hòa với màu da của bà, nay đã chuyển thành một màu xanh đục mờ mờ, như thể một ai đó đã dán hai hột nút nhựa lên tròng bà. Bà ấy hỏi tôi có chuyện gì rắc rối không.

“Chị bị sao với đôi mắt mình vậy?”

“Ồ, cái này ư”. Ruby lắc đầu và cười. “Chúng chỉ là kính áp tròng Barack à. Công ty tôi đang làm tạo ra những kính áp tròng thẩm mỹ này, và tôi được mua nó với giá rẻ. Anh có thích chúng không?”

“Bình thường mắt chị vẫn đẹp vậy”.

“Chỉ để vui thôi”, bà nói, nhìn xuống. “Một điều gì đó khác, anh biết chứ”.

Tôi đứng đó, không biết nói gì. Cuối cùng tôi nhớ đến món quà của Kyle và trao nó cho bà. “Gửi cho Kyle”, tôi nói. “Một cuốn sách về máy bay... tôi nghĩ nó sẽ thích”.

Ruby gạt đầu và đặt cuốn sách vào trong túi sách. “Anh chu đáo quá Barack à. Tôi chắc nó sẽ thích”. Rồi, đột ngột, bà đứng dậy và đuổi thẳng chiếc váy. “Giờ tôi cần phải đi đây”, bà nói, và vội vàng ra khỏi cửa.

Trong suốt ngày còn lại và những ngày kế tiếp, tôi nghĩ về đôi mắt của Ruby. Tôi tự nhủ mình đã xử lý khoảng khắc đó thật tồi tệ, khiến cho bà cảm thấy hổ thẹn về một điều phi lý nhỏ nhoe trong cuộc đời vốn có thể sánh bằng với vài điều phi lý khác. Tôi nhận ra rằng một phần trong tôi luôn mong muốn bà ấy và những nhà lãnh đạo khác phải sở hữu sức kháng cự nào đó trước sự công kích dữ dội của những hình tượng, những hình tượng vốn chớm mớm cho tình trạng bấp bênh của mỗi người Mỹ - những người mẫu thân hình mảnh khảnh trong các tạp chí thời trang, những gã mày râu quai hàm vuông trong những chiếc xe tốc hành - những hình ảnh mà chính bản thân tôi rất dễ quy ngã và cũng từ nó mà tôi đã tìm kiếm được sự che chở. Khi tôi đề cập chi tiết đó với một phụ nữ da đen bạn tôi, cô ấy bày tỏ vấn đề đó một cách thẳng thắn.

"Anh ngạc nhiên về điều gì?" bạn tôi nói có vẻ thiếu kiên nhẫn. "Chẳng phải người da đen vẫn cảm ghét chính mình sao?"

Không, tôi nói với cô ấy, không hoàn toàn như vậy. Kể từ lần khám phá kinh khủng của tôi về loại kem tẩy trắng trong tạp chí *Life*, tôi trở nên quen thuộc với từ vựng về ý thức màu da trong cộng đồng người da đen - tóc đẹp, tóc xấu, môi mỏng, môi dày; nếu anh có màu da ngăm ngăm, có thể chấp nhận, nhưng nếu là da đen, thì lùi ra. Ở đại học, chính trị thời trang da màu, và những vấn đề về lòng tự trọng mà thời trang thể hiện, đã từng là một đề tài đối thoại thường xuyên, nếu không nói là thịnh hành, cho các sinh viên da màu, đặc biệt là ở những phụ nữ trẻ, những người luôn nở những nụ cười chua xót trước cảnh tượng mấy anh chàng dường như chỉ chăm bẵm vào các cô nàng da ngăm - và chê trách bất cứ gã da đen nào vì sự khờ khạo khi đánh giá về các kiểu tóc của những phụ nữ da đen.

Hầu như tôi giữ tinh lạnh khi các đề tài đó được đề cập đến, kín đáo cân đo về mức độ lây nhiễm của mình. Nhưng tôi nhận thấy rằng những cuộc nói chuyện như thế hiếm khi xảy ra trong những nhóm lớn, và chưa bao giờ diễn ra trước những người da trắng. Sau này, tôi nhận thấy rằng địa vị của hầu hết những sinh viên da đen trong các trường đại học mà phần lớn là người da trắng là quá mong manh và nhân diện của chúng ta quá dòn trải để có thể thừa nhận với chính



chúng ta rằng niềm kiêu hãnh của người da đen vẫn chưa trọn vẹn. Và để thừa nhận sự nghi ngờ và hoang man của chúng ta với những người da trắng, để mở mang trí tuệ của chúng ta trước sự chất vấn chung của những người vốn gây nhiều tổn thất ngay từ lúc ban đầu là cực kỳ ngớ ngẩn, tự thân nó là biểu hiện của sự căm thù - vì dường như không có lý do gì để hy vọng rằng những người da trắng sẽ nhìn vào sự dằn vặt riêng tư của chúng ta như là một tấm gương rọi vào tâm hồn họ, mà đúng hơn là chỉ tìm tòi bằng chứng về khoa học bệnh lý của người da đen.

Chính trong việc nhìn nhận khía cạnh đó, tôi nghĩ, giữa điều chúng ta kín đáo thảo luận và điều chúng ta giải bày một cách công khai, tôi đã biết cách không đặt quá nhiều kỳ vọng vào những người lớn tiếng tuyên bố lòng tự trọng của người da đen là một liều thuốc chữa trị cho mọi căn bệnh của chúng ta, dấu đó là sự lạm dụng ma túy, phá thai tuổi vị thành niên hay tội ác giữa người da đen với người da đen. Vào lúc tôi đến Chicago, cụm từ *lòng tự trọng* dường như trên miệng của mọi người: những nhà hoạt động xã hội, những người dẫn chương trình truyền hình, những nhà giáo dục và xã hội học. Đó là từ ngữ thiết thực nhất để miêu tả nỗi đau đớn của chúng ta, một cách nói có chất lọc về những điều chúng ta luôn giữ kín. Nhưng bất cứ lúc nào tôi cố hiểu ra ý tưởng về lòng tự trọng này, những phẩm chất đặc thù chúng ta hy vọng khắc sâu trong tâm trí, những phương tiện cụ thể nhờ đó chúng ta có thể cảm nhận tốt đẹp về chính chúng ta, cuộc đối thoại dường như chỉ đi theo con đường giạt lùi vô tận. Anh không thích chính mình bởi vì màu da hay bởi vì anh không thể đọc và có một việc làm? Hay có thể bởi vì khi còn nhỏ anh đã không được thương yêu - anh không được thương yêu chỉ bởi cái tội là anh quá đen? Hay quá ngăm? Hay bởi vì mẹ anh đã tiêm heroin vào mạch máu... và tại sao bà ấy phải làm như vậy? Cái cảm nhận về sự trống rỗng của anh có phải là hậu quả của mái tóc xoăn hay sự thật là căn hộ của anh không có máy sưởi và đồ nội thất tươm tất. Hay bởi vì trong thâm tâm anh tưởng tượng một thế giới không có thần thánh?

Có thể chúng ta không thể tránh được những vấn đề như vậy trên con đường dẫn đến sự giải thoát cá nhân. Điều tôi nghi ngờ là tất cả cuộc nói chuyện về lòng tự trọng có thể đóng vai trò như hạt

nhân của nền chính trị đa màu hiệu quả. Nó đòi hỏi quá nhiều sự tự xét chân thật từ công chúng; không có tính chân chất ấy nó dễ dàng thoái hóa thành lời hô hào mập mờ. Có lẽ lòng tự trọng càng nhiều thì người da đen nghèo khổ càng ít, tôi tự nhủ, nhưng tôi không nghi ngờ rằng nghèo nàn chẳng làm gì được cho lòng tự trọng của chúng ta. Tốt nhất hãy tập trung vào những điều tất cả chúng ta có thể đồng ý. Hãy cho người đàn ông da đen đó một công việc và những kỹ năng rõ ràng nào đó. Hãy dạy cho đứa trẻ da đen toán và chữ trong một ngôi trường an toàn và được bảo trợ tốt. Với những vấn đề cơ bản được chăm chút, mỗi chúng ta có thể tìm đến sự cảm nhận giá trị riêng của mình.

Ruby đã làm thay đổi thiên hướng của tôi, bức tường tôi dựng lên ngăn cách giữa tâm lý và chính trị, trạng thái của tiền bạc và trạng thái của tâm hồn chúng ta. Thực ra, tình tiết đặc biệt này chỉ là ví dụ sống động nhất về những điều tôi nghe và thấy hàng ngày. Nó được diễn tả khi một nhà lãnh đạo da đen tình cờ giải thích với tôi rằng ông ta không bao giờ làm ăn chung với các nhà thầu da đen ("Một gã da đen chỉ gây rối, và vì vậy tôi thà trả tiền cho những gã da trắng làm việc đó"); hoặc trong cách lý giải logic của một nhà lãnh đạo khác về lý do tại sao bà ta không thể vận động những người khác trong giáo hội của bà ("Những người da đen lười nhác lắm, Barack à - không muốn làm gì cả"). Thông thường từ như *gã mọi* thay thế cho *da đen* trong những lời nhận xét như thế này, từ mà có lần tôi đã muốn nghĩ đến lại được phát ra để đùa chơi, với một sự mỉa mai sâu sắc, một trò đùa bên trong vốn đánh dấu khả năng vực dậy với tư cách là một dân tộc. Cho đến lần đầu tiên tôi nghe một phụ nữ trẻ sử dụng từ đó để nói với con bà rằng nó chẳng làm được tích sự gì cả, hoặc nhìn thấy những thằng bé trai dùng nó để chọc tức nhau trong cuộc ẩu đả bằng lời. Việc chuyển đổi ý nghĩa nguyên gốc của từ này là không bao giờ hoàn hảo cả; giống như những hàng rào phòng thủ chúng ta dựng lên để chống lại nỗi đau đớn có thể xảy ra, nỗi đau này liên quan đến việc chúng ta tự đâm vào mình trước.

Nếu ngôn ngữ, sự khôi hài, những câu chuyện của những con người bình thường là thứ mà từ đó nhiều gia đình, nhiều cộng đồng, các nền kinh tế được thiết lập, vậy thì tôi không thể tách sức mạnh

đó ra khỏi nỗi đau và sự bóp méo vốn lắng vàng bên trong chúng ta. Và đó là những ám chỉ về cái thực tế đó, tôi nhận ra, thực tế vốn gây xáo trộn cho tôi nhiều nhất khi tôi nhìn vào mắt của Ruby. Những câu chuyện tôi nghe từ ban lãnh đạo, tất cả những thành tích về lòng dũng cảm, sự hy sinh và sự chinh phục những bất hòa lớn lao, đơn giản không xuất phát từ sự chống chọi với căn bệnh dịch hạch và hạn hán, hoặc thậm chí chỉ là sự nghèo đói. Chúng xuất phát từ một trải nghiệm rất đặc biệt với sự thù hận. Sự thù hận đó không tan biến; nó tạo nên một câu chuyện chôn sâu trong lòng mỗi con người và trung tâm đó là người da trắng - một số dữ tợn, một số ngu dốt, đôi khi là một khuôn mặt lẻ loi, đôi khi chỉ là một hình ảnh vô hình về một hệ thống nắm quyền hành trên cuộc sống của chúng ta. Tôi tự hỏi liệu những mối quan hệ của cộng đồng có thể được khôi phục mà không cần phải chung sức xua đuổi hình ảnh ma quái ám ảnh giấc mơ của những người da đen. Ruby có thể tự yêu mình không nếu không có đôi mắt xanh đáng ghét đó?

Rafiq al - Shabazz giải quyết những vấn đề như thế theo sự thỏa mãn riêng của mình. Tôi bắt đầu gặp anh ấy thường xuyên hơn, bởi sau buổi sáng gặp gỡ với Văn phòng Thị trưởng về Nghề nghiệp và Đào tạo anh ấy gọi tôi và lao vào một cuộc độc thoại liên tục về trung tâm hướng nghiệp mà chúng tôi đã yêu cầu từ thành phố.

"Chúng ta phải nói chuyện, Barack à", anh ta nói. "Những gì mà các anh đang cố làm về việc đào tạo nghề nghiệp cần phải ăn khớp với kế hoạch phát triển tổng thể mà chúng tôi đang thực hiện. Không thể nghĩ về điều này một cách biệt lập được... hãy nhìn vào một bức tranh toàn cảnh. Anh không hiểu nguồn lực làm việc ở đây đâu. Lớn lắm, anh bạn à. Tất cả các loại người sẵn sàng đâm vào lưng anh đấy".

"Ai vậy?"

"Rafiq. Vấn đề gì vậy, có quá sớm cho anh không?"

Có đó. Tôi bảo anh ấy dừng lại và pha một tách cà phê, rồi bảo anh ta bắt đầu lại, lần này chậm hơn. Cuối cùng tôi hiểu rằng Rafiq có quan tâm đến việc thiết lập trung tâm MET mới mà chúng tôi đã đề xuất bố trí ở một tòa nhà nào đó gần văn phòng của anh ta ở

Đại lộ Michigan. Tôi không hỏi tính chất đặc biệt của mối quan tâm đó là gì: Tôi nghi ngờ mình có thể nhận một câu trả lời thẳng thắn từ anh ấy, và dù sao đi nữa, tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể sử dụng một liên minh để xử lý hàng loạt những cuộc đàm phán gay go với bà Alvarez. Nếu mặt tiền anh ấy suy tính trong đầu đáp ứng những tiêu chí cần thiết, tôi nói, vậy tôi sẽ sẵn sàng đề xuất nó như là một lựa chọn khả thi.

Vậy là tôi và Rafiq thành lập một liên minh không dễ dàng, một liên minh không thắng được các nhà lãnh đạo DCP. Tôi hiểu những bận tâm của họ: bất cứ lúc nào chúng tôi ngồi xuống với Rafiq để thảo luận chiến lược chung của chúng tôi, anh ấy thường dừng cuộc thảo luận lại bằng bài thuyết trình dài về những mưu mô bí mật sắp xảy ra, và tất cả những người da đen sẵn sàng bán rẻ dân tộc mình. Đó là một thủ đoạn dàn xếp hiệu quả, giọng anh ấy cao dần, những mạch máu ở cổ căng rã, Angela và Will và những người khác đột nhiên rơi vào sự yên lặng khó hiểu, nhìn Rafiq như thể anh ta là người động kinh đang bị bắt giữ. Đã nhiều lần tôi phải nhảy vào và bắt đầu hét vào anh ta, không hoàn toàn là giận dữ mà chỉ làm chậm nhịp độ anh ta lại, cho đến khi một nụ cười nở dưới hàm râu xồm xoàm của anh ta và chúng tôi có thể trở lại với công việc.

Dẫu vậy, khi chỉ có hai chúng tôi với nhau, thỉnh thoảng Rafiq và tôi có những cuộc đối thoại thông thường. Qua thời gian tôi tiến dần đến một sự khâm phục miễn cưỡng trước sự kiên cường và vẻ can đảm của anh ta, và trong những chừng mực nào đó của riêng anh ta, là một sự chân thật nào đó. Anh ta quả quyết mình từng là trưởng nhóm của một băng nhóm lớn lên ở Altgeld; anh ta nói đã tìm thấy tôn giáo dưới sự dẫn dắt của lãnh tụ Hồi giáo địa phương không thuộc Tổ chức Hồi giáo của giáo sĩ Louis Farrakhan. "Nếu không nhờ đạo Hồi, anh bạn à, có thể tôi đã chết rồi", anh ta nói với tôi một ngày nọ. "Chỉ có một thái độ tiêu cực, anh hiểu chứ. Lớn lên ở Altgeld, tôi đã ngâm mình trong tất cả các thứ độc địa mà người da trắng nuôi dưỡng chúng ta. Anh biết đấy, những người mà anh đang hợp tác cũng mắc phải vấn đề tương tự, thậm chí họ không nhận ra được điều đó. Họ đã dành đến nửa cuộc đời mình chỉ để lo lắng về điều mà những người da trắng nghĩ. Bắt đầu trách móc mình vì cái

thứ vợ vẫn họ chúng kiến hàng ngày, nghĩ rằng họ không thể làm gì tốt hơn cho đến khi người da trắng quyết định tất cả đều ổn. Nhưng trong thâm tâm họ hiểu điều đó không đúng. Họ biết cái mà đất nước này đã làm cho mẹ họ, bố họ, chị gái họ. Vì vậy sự thật là họ căm ghét người da trắng, nhưng họ không thể thừa nhận điều đó với chính họ. Kìm nén mọi chuyện và tự vật lộn với chính mình. Hoang phí rất nhiều năng lượng theo cách đó.

“Tôi nói cho anh nghe một điều tôi khâm phục về những người da trắng”, anh ta tiếp tục. “Họ biết họ là ai. Hãy nhìn vào người Ý. Họ không đếm xỉa đến cờ Mỹ và tất cả những thứ đó khi họ đặt chân đến đây. Điều đầu tiên họ làm là kết hợp toàn bộ băng nhóm Mafia để đảm bảo rằng những tư lợi của họ được đáp ứng. Người Ireland - họ tiếp quản tòa thị chính và tạo công ăn việc làm cho những người con của họ. Người Do Thái, cũng vậy... anh nói với tôi họ quan tâm nhiều đến một đứa trẻ da đen nào đó ở South Side hơn là những người thân của họ ở Israel? Quái thật. Chỉ là dòng máu thôi Barack à, tự chăm sóc cho mình đi. Chấm hết. Người da đen là những người duy nhất đủ khờ khạo để lo lắng cho kẻ thù của họ”.

Đó là sự thật mà Rafiq đã nhận thấy, và anh ta đã không bỏ phí năng lượng để mổ xẻ cái sự thật đó. Thế giới của anh ta là thế giới của Hobbes nơi sự nghi ngờ là thực tế cơ bản và lòng trung thành trải dài từ gia đình đến đến thờ hồi giáo cho đến chủng tộc da màu - và rồi những ý niệm về lòng trung thành không còn áp dụng nữa. Tầm nhìn hạn hẹp này, về dòng máu và bộ tộc, đã giúp anh ta nhìn thấy rõ một số điều, một công cụ để tập trung sự chú ý của mình. Lòng tự trọng của người da đen đã mang lại chiếc ghế thị trường, anh ta tranh cãi, sự nhiệt huyết trong đó đã thay đổi cuộc sống của những con nghiện dưới sự răn dạy của Đạo Hồi. Sự tiến triển nằm trong tầm tay của chúng ta miễn là chúng ta đừng phản bội lại chính mình.

Nhưng chính xác điều gì đã tạo nên sự phản bội đó? Kể từ lần đầu tiên tôi đọc phần tự truyện của Malcolm X, tôi đã cố gỡ ra hai vấn đề song song của chủ nghĩa dân tộc da màu, lý luận rằng thông điệp quả quyết của chủ nghĩa dân tộc - về sự đoàn kết và tính tự lực, nguyên tắc và trách nhiệm cộng đồng - không cần phải lệ thuộc vào

sự thù oán về người da trắng mà đúng hơn là lệ thuộc vào tính phóng khoáng của họ. Tôi có thể chỉ ra chỗ sai lầm của đất nước này, tôi sẽ tự mách bảo với chính mình và bất cứ người bạn da đen nào những người chịu lắng nghe và không ngừng tin vào sức mạnh để thay đổi chính mình.

Dẫu vậy, khi nói chuyện với những người tự xưng là theo chủ nghĩa dân tộc như Rafiq, tôi mới hiểu ra cách mà bản cáo trạng chung về mọi thứ của người da trắng đóng một vai trò chính trong thông điệp nâng cao của họ; cách mà về mặt tâm lý, ít nhất là điều này lệ thuộc vào điều kia. Bởi khi người theo chủ nghĩa dân tộc nói về sự khơi dậy những giá trị như là giải pháp duy nhất cho sự nghèo khổ của người da đen, anh ta bày tỏ sự chỉ trích ngấm ngầm, nếu không nói là thẳng thắn đối với thính giả da đen: rằng chúng ta không phải sống như chúng ta đã từng. Và mặc dù có những người vốn có thể tiếp nhận thông điệp thẳng thừng đó và sử dụng nó để gọt dũa một cuộc sống mới cho chính họ - những người với tính khí thẳng nhiên mà Booker T.Washington có lần đòi hỏi từ những người theo mình - trong tai của nhiều người da đen cuộc nói chuyện như vậy có vẻ như là những lời giải thích mà người da trắng luôn viện đến để biện minh cho sự nghèo đói của người da đen: rằng chúng ta cứ tiếp tục chịu đựng, nếu không vì sự thấp kém bẩm sinh, thì cũng là kiếm khuyết về văn hóa. Đó là thông điệp vốn chẳng màn đến nguyên nhân hay lỗi lầm nào, một thông điệp không có trong lịch sử, không có kịch bản hay cốt truyện nào vốn có thể nắn nạc vào sự tiến bộ. Vì một dân tộc vốn bị tước đoạt lịch sử của mình, một dân tộc vốn được trang bị kém cỏi để có thể khôi phục lại lịch sử của mình dưới bất kỳ hình thức nào khác với điều mà chúng ta thấy trên màn hình TV, bằng chứng về những gì chúng ta thấy hàng ngày dường như chỉ xác quyết cho những nghi ngờ tồi tệ nhất về chính chúng ta.

Chủ nghĩa dân tộc cung cấp lịch sử đó, một câu chuyện đạo đức không vòng vo tam quốc vốn dĩ dễ truyền đạt và nắm bắt. Một cuộc tấn công thường xuyên vào chủng tộc da trắng, việc thuật lại không ngớt những kinh nghiệm kinh khủng của người da đen trong đất nước này, đóng vai trò như một tảng đá dẫn có thể ngăn chặn những ý tưởng về trách nhiệm cộng đồng và cá nhân khỏi chảy vào đại dương

tuyệt vọng. Vâng, người theo chủ nghĩa dân tộc nói, người da trắng chịu trách nhiệm cho tình trạng đáng thương của anh, chẳng phải vì bất kỳ vết nhơ cổ hữu nào trong anh cả. Thực ra, người da trắng nhấn tâm và ma mãnh đến mức chúng ta không thể mong đợi bất cứ điều gì từ họ. Sự tự căm ghét mà anh cảm nhận, nó khiến cho anh phải rơi vào rượu chè và trộm cắp, cũng được gieo bởi chính bàn tay họ. Hãy tổng nó ra khỏi tâm trí và tìm thấy sức mạnh thật sự được giải thoát. *Hãy đứng lên, hỡi một chủng tộc dũng mãnh!*

Quá trình thay thế này, một cách lao vào sự tự chỉ trích song lại kéo chính bản thân chúng ta ra khỏi đối tượng bị chỉ trích, đã giúp lý giải sự thành công rất được thán phục của Tổ chức Hồi giáo Da màu trong việc thay đổi cuộc sống của những con nghiện và những kẻ tội phạm. Nhưng nếu nó đặc biệt phù hợp với những người ở tận đáy xã hội Mỹ, nó cũng đề cập đến tất cả những nghi ngờ triền miên của vị luật sư người đã cố gắng hết sức để dành được chiếc nhẫn vàng song vẫn phải trải nghiệm sự yên lặng ngớ ngẩn khi bước vào trụ sở hội; những sinh viên trẻ của trường cao đẳng những người đo đếm một cách thận trọng khoảng cách giữa họ và cuộc sống trên những đường phố tồi tàn của Chicago, với sự nguy hiểm mà khoảng cách đó ám chỉ; tất cả những người da đen, những người hóa ra đều chia sẻ với tôi một tiếng nói vốn thì thầm trong lòng họ - "Anh thật sự không thuộc nơi này".

Về một ý nghĩa nào đó, Rafiq đúng khi anh ta nằng nặc rằng, trong thâm tâm, tất cả những người da đen là những người theo chủ nghĩa dân tộc tiềm năng. Sự giận dữ là ở đó, được kiềm chế và hướng vào trong. Và khi tôi nghĩ về Ruby và đôi mắt xanh của bà, những thanh thiếu niên gọi nhau là "thằng mọi" và tệ hơn, tôi phân vân liệu, ít ra là lúc này, Rafiq cũng không đúng chẳng khi cho rằng sự giận dữ đó phải được chuyển hướng; liệu nền chính trị da màu vốn đã đè nén sự thịnh nộ đối với người da trắng nói chung, hoặc điều không thúc đẩy sự trung thành chủng tộc hơn hết chính là nền chính trị không đủ khả năng gánh vác.

Đó là một suy nghĩ đau buồn để suy xét, đau buồn như nó đã từng cách đây nhiều năm. Nó mâu thuẫn với cái đạo đức mà mẹ đã dạy cho tôi, một thứ đạo đức của những điểm đặc biệt tinh tế - giữa

những cá thể của thiện chí và những người luôn mong muốn tôi phải đau đớn, giữa sự hiểm độc táo bạo và ngu dốt hoặc thờ ơ. Tôi đã đặt cược một phần của mình trong cái khung đạo đức đó; tôi khám phá ra rằng tôi không thể trốn thoát được nếu tôi thử. Và tuy nhiên có lẽ đó là một cái khung mà những người da đen trong đất nước này không thể trả nổi; có lẽ nó làm suy yếu tính kiên quyết của người da đen, gây hoang mang trong hàng ngũ. Và đối với nhiều người da đen, những thời điểm tuyệt vọng lại kêu cầu đến những biện pháp tuyệt vọng, thời điểm tuyệt vọng kinh niên. Nếu chủ nghĩa dân tộc có thể tạo ra tình trạng ốc đảo mạnh mẽ và hiệu quả, có thể giữ chặt lời cam kết của nó về lòng tự trọng, vậy thì nỗi đau nó có thể gây ra cho những người da trắng thiện ý, hoặc sự xáo trộn nội tâm nó gây cho những người như tôi, thì không đáng là mấy.

Nếu chủ nghĩa dân tộc có thể tạo kết quả mong muốn. Như thế, những vấn đề về tính hiệu lực, chứ không phải là quan điểm, gây nên hầu hết những cuộc cãi vã giữa tôi với Rafiq. Một lần, sau buổi họp đặc biệt gay go với MET, tôi hỏi anh ấy liệu anh ta có thể huy động những người theo mình nếu cuộc tranh chấp lớn của công chúng với thành phố trở nên cần thiết.

"Tôi không có thời gian chạy vòng quanh phân phát những tờ bướm cố giải thích mọi thứ cho công chúng", anh ta nói. "Hầu hết những người ở đây không quan tâm bằng cách này hay cách khác. Những người có làm thì chỉ là những gã mọi chơi trò hai mặt cố để khiến cho mọi thứ trở nên rối cả lên. Điều quan trọng là bám chặt kế hoạch của chúng ta và thuyết phục thành phố nhất trí. Đó là cách để mọi thứ được thực hiện - không phải với một đám đông lớn và sự ầm ĩ, hay đại loại như thế. Ngay khi chúng ta nhận được một sự thỏa thuận, lúc ấy anh thông báo nó theo bất cứ cách nào anh thích.

Tôi không đồng ý với phương pháp của Rafiq; bởi tất cả cái gọi là tình yêu của ông với người da đen, anh ta dường như chẳng tin tưởng gì ở họ. Nhưng tôi cũng biết được phương pháp của anh ta bị ảnh hưởng bởi việc thiếu năng lực: tôi khám phá ra rằng không tổ chức nào cũng không nhà thờ nào của ông có thể có được số thành



viên trên năm mươi người. Sự ảnh hưởng của anh ta xuất phát không phải từ sự hỗ trợ của tổ chức mà chính từ sự hăng hái tham dự mọi cuộc họp vốn ảnh hưởng rất ít đến Roseland và đẩy đối phương vào sự qui phục.

Cái đúng với Rafiq cũng đúng trên khắp thành phố; không có sự ảnh hưởng tập trung của chiến dịch Harold, chủ nghĩa dân tộc tan biến thành một thái độ đúng hơn là bất kỳ chương trình cụ thể nào, một tập hợp những lời kêu ca chứ không phải là một lực lượng có tổ chức, hình ảnh và âm thanh lấp đầy làn sóng vô tuyến và cuộc đối thoại nhưng không có sự tồn tại cụ thể nào. Giữa những nhóm người giương biểu ngữ của chủ nghĩa dân tộc, chỉ có Tổ chức Hồi giáo Da màu là mang ý nghĩa sau đây: những bài thuyết giảng nhịp nhàng sắc bén của Giáo sĩ Farrakhan nói chung đã quy tụ đám đông chật cứng, và vẫn còn nhiều người khác lắng nghe những bài giảng của ông qua sóng vô tuyến. Nhưng thành viên tích cực của Tổ chức ở Chicago là nhỏ hơn một cách đáng kể - vài ngàn người, có lẽ xấp xỉ quy mô của một trong những giáo đoàn da đen lớn nhất ở Chicago - một nền tảng vốn hiếm khi được vận động quay quanh các chủng tộc chính trị hoặc để ủng hộ cho những chương trình có nền tảng sâu rộng. Thực ra, sự hiện diện của Tổ chức trong các khu vực dân cư chỉ là danh nghĩa mà thôi, giới hạn chủ yếu ở những người đàn ông sáng sủa trong các bộ vest, cổ thắt nơ con bướm đứng ở ngã tư các con phố lớn để bán tờ *The Final Call*, một tờ báo của Tổ chức.

Thỉnh thoảng tôi nhận tờ báo từ tay của những gã lúc nào cũng lịch lãm này, một phần để cảm thông cho những y phục nặng nề trong cái nắng mùa hè, những chiếc áo khoác mỏng manh vào những ngày đông lạnh giá; hoặc thỉnh thoảng bởi vì tôi bị cuốn hút bởi những cái tit trên tờ báo cỡ nhỏ, giật gân (NGƯỜI PHỤ NỮ CẤP - CA THỪA NHẬN: NGƯỜI DA TRẮNG LÀ BỌN XẢO QUYẾT). Bên trong trang bìa, người ta có thể thấy những bài thuyết giảng của mục sư được đăng lại, cũng như những câu chuyện có thể trích thẳng từ hãng tin AP ("Thượng Nghị sĩ người Do Thái Metzenbaum tuyên bố hôm nay."). Tờ báo cũng có chuyên mục sức khỏe, đăng bài viết các công thức chế biến món ăn không có thịt của mục sư Farrakhan, những mục quảng cáo về các bài thuyết trình của mục sư Farrakhan

trên băng cassette (VISA hoặc MasterCard đều chấp nhận); và các mục khuyến mãi mặt hàng vệ sinh cá nhân - kem đánh răng và sản phẩm tương tự - mà Tổ Chức đã tung ra dưới tên thương hiệu là POWER, một phần trong chiến lược khuyến khích những người da đen giữ tiền trong nội bộ cộng đồng của mình.

Sau một thời gian, các mẫu quảng cáo cho những sản phẩm POWER trở nên ít bắt mắt hơn trong tờ *The Final Call*; dường như những người vốn yêu thích những bài thuyết giảng của mục sư Farrakhan vẫn tiếp tục đánh răng bằng loại kem Crest. Việc chiến dịch POWER lấp bắp như vậy có thể cho thấy một điều gì đó rất gay go mà bất cứ ngành kinh doanh nào của người da đen gặp phải - những rào cản để hội nhập, thiếu thốn tài chính, vị thế tay trên mà các đối thủ của anh có được sau khi hất anh ra khỏi cuộc chơi trong hơn ba trăm năm qua.

Nhưng tôi nghi ngờ rằng nó cũng phản ánh sự căng thẳng không thể tránh khỏi khi thông điệp của mục sư Farrakhan chỉ còn gói gọn trong những thực tế trần tục là mua kem đánh răng. Tôi cố hình dung ông giám đốc sản phẩm POWER đang xem xét những dự báo doanh số của mình. Trong thoáng chốc anh ta có thể phân vân không biết liệu có hợp lý khi phân phối sản phẩm trong siêu thị quốc gia nơi những người da đen thích mua sắm hơn. Nếu anh ta từ bỏ ý tưởng đó, anh ta có thể xem xét liệu bất cứ siêu thị do người da đen làm chủ nào đang cố cạnh tranh với hệ thống đại lý quốc gia có thể đủ chi trả để có không gian trưng bày một sản phẩm đảm bảo sẽ làm thay đổi ý định của những khách hàng da trắng tiềm năng. Những khách hàng da đen có mua kem đánh răng qua mail không? Và còn khả năng nhà cung cấp rẻ nhất cho bất cứ mặt hàng nào tham gia vào việc sản xuất kem đánh răng lại là một người da trắng?

Những vấn đề về cạnh tranh, những quyết định được quy định bởi một nền kinh tế thị trường và quy tắc đa số; những vấn đề về quyền lực. Chính cái thực tế bất di bất dịch này - rằng những người da trắng đơn giản không chỉ là những bóng ma cần phải loại trừ khỏi những giấc mơ của chúng ta mà còn là một nhân tố mạnh mẽ và đa dạng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta - cuối cùng giải thích

cách thức mà chủ nghĩa dân tộc có thể phát triển mạnh như một cảm xúc và thì thục như một chương trình. Chứng nào chủ nghĩa dân tộc vẫn còn là điều nguyên rủa tẩy nhẹ lên chủng tộc da trắng thì nó có thể dành được sự tán thưởng của thanh thiếu niên thất nghiệp đang lắng nghe radio hay một thương nhân đang xem chương trình truyền hình đêm khuya. Nhưng con đường đi xuống từ lòng nhiệt thành thống nhất như thế đến những lựa chọn thực tế mà những người da đen đối mặt hàng ngày là rất dốc. Những thỏa hiệp ở khắp mọi nơi. Một kế toán viên da đen hỏi: Làm sao tôi mở một tài khoản tại một ngân hàng làm chủ bởi người da đen nếu họ đòi thêm phí kiểm tra tài khoản ở tôi và thậm chí không cho tôi vay vốn làm ăn bởi vì họ cho rằng họ không thể liều lĩnh như thế? Người y tá da đen nói: Những người da trắng tôi làm việc chung không tệ như vậy, và ngay cả nếu có, tôi không thể rời bỏ công việc của mình - ai sẽ phải trả phí tiền nhà vào ngày mai, hoặc nuôi nấng con tôi hôm nay?

Rafiq không có những câu trả lời ngay cho những vấn đề như thế này; anh ta ít quan tâm đến việc thay đổi những quy tắc quyền lực hơn là màu da của những người sở hữu nó và người tận hưởng chiến lợi phẩm của nó. Dầu vậy, trên đỉnh của kim tự tháp không bao giờ có nhiều khoảng trống; trong một cuộc thi thố được đóng khung bằng những điều khoản như vậy, việc đợi chờ người da đen giải thoát thực sự là rất lâu. Trong suốt thời gian đợi chờ đó, những điều vui thú xảy ra. Những gì thuộc về Malcolm một lần dường như là tiếng gọi nhập ngũ, một bản tuyên ngôn rằng chúng ta không còn phải chịu đựng những gì là không thể chịu đựng, chính là điều mà Malcolm đã cố để triệt từ tận gốc: một kẻ nuôi dưỡng ý nghĩ kỳ quặc, một chiếc mặt nạ che đậy cái thói đạo đức giả, một lời bào chữa cho sự ích kỷ. Những chính trị gia da đen không tài hoa như Harold đã khám phá ra điều mà các chính trị gia da trắng từng biết đến trong một thời gian dài: sự công kích chủng tộc có thể đền bù cho hàng loạt những hạn chế. Những nhà lãnh đạo trẻ, háo hức tạo tên tuổi cho chính mình, liều lĩnh đánh cược bằng cách kháo những thuyết lý âm mưu trên khắp thị trấn - Những người Hàn Quốc bảo trợ cho tổ chức 3K, những bác sĩ Do Thái tiêm vào trẻ em da đen vi rút Sida. Đó là con đường tắt đi đến danh vọng, nếu không nói là sự giàu có; giống như tình dục

hoặc bạo lực trên truyền hình, sự thịnh nộ của người da đen luôn tìm thấy một phiên chợ dành sẵn cho mình.

Không ai ở khu dân cư mà tôi nói chuyện có vẻ coi trọng đề tài này. Bởi vậy, nhiều người đã từ bỏ hy vọng rằng chính trị thật sự có thể cải thiện cuộc sống họ, chẳng đòi hỏi gì nhiều ở họ; đối với họ, một lá phiếu đơn giản cũng chỉ là chiếc vé đến xem một buổi trình diễn hay. Những người da đen không có quyền lực thực sự để tạo ảnh hưởng đến việc gia nhập vào chủ nghĩa chống Xê - mít hay chống người Á Châu, họ nói với tôi; và dù sao, những người da đen cần một cơ hội để đôi lúc giải thoát chính mình khỏi sự tức tối - này anh bạn, anh có nghĩ những người này nói gì về chúng ta sau lưng không?

Chỉ là đàm luận. Tuy nhiên điều gây lo lắng cho tôi không phải là sự hủy hoại mà cuộc đàm luận rời rạc như thế gây ra cho những nỗ lực nhằm thiết lập liên minh, hoặc nỗi đau cảm xúc mà nó gây cho những người khác. Đó là khoảng cách giữa tiếng nói và hành động của chúng ta, ảnh hưởng nó tác động lên chúng ta với tư cách là những cá nhân và một dân tộc. Lỗ hổng đó làm hư hại cả ngôn ngữ và tư duy; nó làm cho chúng ta quên lãng và khuyến khích sự bịa đặt; cuối cùng nó làm sứt mẻ khả năng của chúng ta trong việc lưu ý trách nhiệm của chính chúng ta và với nhau. Và mặc dù không có điều nào ở đây là duy nhất đối với những chính trị gia da đen và những người theo chủ nghĩa chủng tộc da màu - Ronald Reagan lại làm khá tốt với cái trò xảo quyệt bằng ngôn từ của mình, và Mỹ da trắng dường như sẵn sàng dùng những khoản tiền lớn để chi tiêu vào những khu đất ngoại ô và các lực lượng an ninh riêng để che đậy một mắc xích không thể xóa được giữa người da đen và người da trắng - chính những người da đen ít nhất cũng có thể trả giá cho kiểu giả vờ đó. Sự tồn tại của người da đen trong đất nước này luôn dựa trên mức tối thiểu của những điều ảo tưởng; một sự thiếu vắng những điều ảo tưởng như thế tiếp tục vận hành trong cuộc sống hàng ngày của hầu hết những người da đen mà tôi đã gặp. Thay vì đón nhận sự thật thà kiên định như vậy trong việc công của chúng ta, chúng ta dường như đang thả lỏng nắm tay của mình, mặc cho tình thần tập thể của chúng ta đi nơi đâu nó muốn, ngay cả khi chúng ta chìm vào sự tuyệt vọng hơn nữa.

Sự dần co triển miên để hài hòa giữa lời nói và hành động, những khát khao cháy bỏng của chúng ta với một kế hoạch khả thi - lòng tự trọng cuối cùng không phụ thuộc vào điều này sao? Đó chính là niềm tin dẫn dắt tôi vào việc tổ chức, và đó là niềm tin đã dẫn dắt tôi đi đến kết luận, có lẽ là lần cuối cùng, rằng những ý niệm về sự thanh khiết - thuộc chủng tộc hoặc văn hóa - không còn đóng vai trò như là nền tảng đối với lòng tự trọng của người Mỹ da đen điển hình hơn là đối với tôi. Sự cảm nhận về tính nguyên vẹn vực dậy từ một điều gì đó tinh tế hơn là dòng máu mà chúng ta thừa hưởng. Nó phải nhận ra nguồn gốc trong câu chuyện của bà Crenshaw và của ông Marshall, của Ruby và Rafiq; trong tất cả những chi tiết trái nghịch và hỗn độn về trải nghiệm của chúng ta.

Tôi dành hai tuần lễ viếng thăm gia đình. Khi tôi trở về, tôi gọi cho Ruby và bảo chị ấy rằng tôi cần chị trong một cuộc họp vào tối thứ Bảy.

Dừng một hồi lâu. “Về vấn đề gì?”

“Chị sẽ biết thôi. Có mặt vào lúc sáu giờ... chúng ta tranh thủ kiểm cái gì đó ăn trước”.

Điểm đến của chúng tôi chỉ trọn một tiếng đồng hồ từ căn hộ của Ruby, thuộc một trong những khu vực quay mặt về hướng bắc nơi các thể loại nhạc blue va jazz di nhập đến nhằm tìm kiếm đối tượng sẵn sàng bỏ tiền mua vé. Chúng tôi tìm thấy một nhà hàng Việt Nam, và qua cái đĩa thức ăn gồm tôm và mì chúng tôi nói chuyện về ông chủ của chị ấy trong công việc, những vấn đề chị gặp phải với cái lưng của mình. Dầu vậy, cuộc nói chuyện có vẻ gượng gạo, không có ngắt đoạn hay ngắt nghỉ gì; khi chúng tôi nói, chúng tôi mãi tránh nhìn thẳng vào mặt nhau.

Vào lúc chúng tôi thanh toán tiền nhà hàng và bước sang cánh cửa kế bên, rạp hát hầu như đã chật cứng. Một người chỉ dẫn đưa chúng tôi đến chỗ ngồi của mình, hóa ra là ở trước mặt một nhóm thiếu nữ da đen đang trong một chuyến thăm dò hiện trường. Một vài cô cần mẫn xem qua các chương trình của mình, làm theo chỉ dẫn của một phụ nữ khác - một giáo viên, tôi cho là như vậy - người ngồi bên cạnh

họ. Hầu hết các cô gái, dẫu vậy, quá phấn khích để có thể ngồi yên được; họ thì thầm và cười khúc khích về cái títt dài thông của vở kịch và luôn miệng đặt câu hỏi với bà đi kèm của họ, người tỏ ra kiên nhẫn đến đáng phục xuyên suốt buổi trình diễn.

Căn phòng đột nhiên tối đen, và các cô gái trở nên yên lặng. Rồi ánh sáng tỏa ra, lúc này là màu xanh mờ mờ, và bảy người phụ nữ da đen xuất hiện trên sân khấu trong những chiếc váy hoa và khăn choàng, cơ thể họ cứng đờ trong những cử chỉ uốn éo ngớ ngẩn. Một trong số là một phụ nữ to bự trong y phục màu nâu, bắt đầu cất tiếng hát:

*... Những nốt nhạc rời rạc  
Không vẫn / không điệu  
Tiếng cười man dại rơi  
trên vai một thiếu nữ da đen  
hài hước / cuồng loạn  
Điệu vũ nàng thật đơn điệu  
Đường bày tỏ với linh hồn  
Rằng nàng đang khiêu vũ trên những lon bia và sỏi cuội...*

Khi tiếng hát của bà cất lên, những phụ nữ khác dần dần hồi sinh, một dàn hợp xướng với nhiều sắc thái và hình tượng, màu gụ và màu kem, tròn trịa và mảnh khảnh, trẻ trung và chín chắn, duỗi thẳng những thân người trải dài khắp sân khấu.

*Hỡi một ai đó/bất kỳ ai  
Xướng lên một bài ca về nàng thiếu nữ da đen  
Hãy nhìn nàng  
Để hiểu về nàng  
Để hiểu về anh  
Nhưng hãy hát lên những âm điệu của nàng  
Yêu thương / dẫn vật / những khoảnh khắc cay nghiệt  
Hãy ngâm nga một ca khúc cuộc đời...*

Trong tiếng đồng hồ sau đó, các phụ nữ thay phiên nhau kể những câu chuyện của mình, hát những bài hát của mình. Họ hát về thời gian đã mất và xóa đi những ý nghĩ kỳ quặc và những gì có thể là

như thế. Họ hát về những gã đàn ông những người yêu thương họ, phản bội họ, cưỡng bức họ, ôm chầm lấy họ; họ hát về nỗi đau đớn dày xéo trong lòng những gã đàn ông này, nỗi đau vốn được linh hội và đôi khi được tha thứ. Họ chỉ cho nhau những vết hằn trên bụng và những cục chai cứng trên đôi chân; họ biểu lộ vẻ đẹp trong sự du dương phát ra từ giọng nói họ, sự run rẩy của bàn tay, vẻ đẹp úa tàn, thăng hoa và dè dặt. Họ than khóc cho những đứa trẻ bị bỏ rơi, những đứa trẻ bị giết chết, những đứa trẻ mà có lần họ là như thế. Và xuyên suốt những bài hát của họ, bạo lực, oán hận, ngọt ngào, không nao núng, những phụ nữ ấy nhảy múa, mỗi một người, nhảy dây và rum - ba, lắc lư và điệu van đơn độc; những điệu vũ đau buồn, toát mồ hôi. Họ khiêu vũ cho đến khi họ dường như rơi vào một tình thần chung. Cuối vở kịch tình thần đó bắt đầu cất lên một văn thơ đơn sơ và độc nhất.

*Tôi tìm thấy thượng đế trong chính bản thân tôi*

*Và tôi yêu người / tôi yêu một cách điên cuồng*

Ánh đèn căn phòng sáng lên; những lời cuối chào cảm ơn; những cô gái phía sau tôi cổ vũ một cách nhiệt liệt. Tôi giúp Ruby mặc chiếc áo khoác vào và chúng tôi cùng bước ra bãi đậu xe. Nhiệt độ xuống thấp; những ngôi sao lấp lánh như nước đá tương phản với bầu trời đen. Khi chúng tôi đợi cho xe nóng máy, Ruby nghiêng người và hôn vào má tôi.

*"Cảm ơn nhé".*

Mất cô, màu nâu sẫm, tỏa sáng lung linh. Tôi chộp lấy bàn tay đang mang găng của cô và siết chặt thật nhanh trước khi bắt đầu lái. Không có điều gì hơn được nói cả; trong suốt cả chuyến đi trở lại South Side, cho đến lúc tôi thả cô ấy ở cửa và thì thầm lời từ biệt, chúng tôi chưa bao giờ phá vỡ sự yên lặng quý báu đó.

## Chương mười một

Tôi tạt xe vào bãi đậu của sân bay vào lúc ba giờ mười lăm và chạy đến nhà ga càng nhanh càng tốt. Thở hỗn hển, tôi đi vòng quanh vài lần, mắt tôi rà soát những đám đông, người Ý, người Đức, người Ba Lan, và người Czech đang tập trung hành lý của họ.

Chết tiệt! Tôi nghĩ lẽ ra mình phải rời sớm hơn. Có thể cô ấy lo lắng và cố để gọi điện. Tôi có cho cô ấy số điện thoại văn phòng của mình không nhỉ? Điều gì sẽ xảy ra nếu cô ấy bỏ lỡ chuyến bay? Điều gì sẽ xảy ra nếu cô bước ngang trước mặt tôi mà tôi không biết?

Tôi nhìn xuống bức ảnh đang cầm trong tay, bức ảnh mà cô đã gửi cho tôi hai tháng trước, bị hoen ố do được xử lý quá nhiều lần. Thế rồi tôi nhìn lên, và bức ảnh đó hồi sinh: một phụ nữ châu Phi xuất hiện từ phía sau cổng hải quan, di chuyển với những bước đi nhẹ nhàng và duyên dáng, đôi mắt sáng và tìm tòi của cô lúc này như dán chặt vào mắt tôi, khuôn mặt tròn trịa, đen như tượng của cô tươi nở như một đóa hồng gỗ khi cô mỉm cười.

“Barack à?”

“Chị Auma?”



“Ồi...”.

Tôi nâng chị gái khỏi mặt đất khi chúng tôi ôm chầm lấy nhau, và chúng tôi cười và cười khi nhìn vào nhau. Tôi cầm lấy túi sách của chị và chúng tôi bắt đầu đi bộ đến bãi đậu xe, và chị lòn cánh tay mình qua cánh tay tôi. Và tôi biết rằng, hình như trong giây phút đó tôi yêu mến chị ấy, một cách tự nhiên, nhẹ nhàng và mãnh liệt, đến nỗi sau này, khi chị ra đi, tôi mới tự nhận ra là mình nghi ngờ vào tình yêu đó, cố để giải thích với chính mình. Thậm chí bây giờ tôi không thể giải thích điều đó; tôi chỉ biết rằng tình yêu là sự thật, và vẫn mãi là như thế, và tôi cảm ơn vì điều đó.

“Nào, em trai”, Auma nói khi chúng tôi lái xe đi vào thành phố, “cậu phải kể cho tôi nghe mọi thứ”.

“Về chuyện gì?”

“Tất nhiên là cuộc đời em”.

“Ngay từ đầu?”

“Bất cứ chỗ nào cũng được chứ”.

Tôi kể cho chị nghe về Chicago và New York, công việc của tôi với tư cách là một nhà tổ chức, mẹ tôi, ông bà ngoại và Maya - chị đã nghe quá nhiều về họ từ cha tôi, chị nói, chị cảm thấy như thể chị đã hiểu rất rõ về họ. Chị miêu tả Heidelberg, nơi chị cố hoàn tất bằng thạc sĩ về ngôn ngữ học, và những thử thách và khổ cực khi sống ở Đức.

“Tôi cho rằng mình chẳng có quyền để phàn nàn”, chị nói. “Tôi có học bổng, một căn hộ. Tôi không biết mình sẽ làm gì nếu vẫn còn ở Kenya. Song, tôi không quan tâm nhiều về nước Đức. Cậu biết đấy, người Đức thích nghĩ về họ như là người tự do phóng khoáng khi thảo luận về người châu Phi, nhưng nếu anh bày tỏ những gì anh biết thì họ vẫn có những thái độ về thời thơ ấu của họ. Trong những câu chuyện cổ tích Đức, người da đen luôn là những con yêu tinh. Những điều như vậy người ta khó mà quên được. Thỉnh thoảng tôi cố tưởng tượng hẳn phải như thế nào đối với Ông Già khi rời quê hương lần đầu tiên. Liệu ông có cảm nhận cùng sự cô đơn như vậy...”

Ông Già. Đó là tên mà Auma gọi cha tôi. Có vẻ nó nghe rất hợp với tôi, vừa thân quen vừa xa lạ, một nguồn lực mạnh mẽ không hoàn toàn hiểu được hết. Trong căn hộ của tôi, Auma chỉnh lại bức ảnh của ông trên kệ sách của tôi, một bức chân dung mà mẹ tôi đã cất giữ bấy lâu nay.

“Ông trông có vẻ ngây thơ quá, đúng không? Trẻ thật”. Chị đưa bức ảnh sát mặt tôi. “Các anh có cùng một cái miệng”.

Tôi bảo cô ấy cần phải nằm nghỉ một chốc trong khi tôi bận đến công sở trong vài giờ.

Cô lắc đầu. “Tôi không mệt. Để tôi đi với cậu”.

“Chị sẽ cảm thấy khỏe hơn nếu chị đánh một giấc”.

Chị nói, “À, Barack! Tôi thấy cậu bạn rộn giống Ông Già lắm. Và cậu chỉ gặp ông ấy có một lần phải không? Hẳn là cùng một dòng máu”.

Tôi cười, nhưng chị ấy thì không; thay vào đó, đôi mắt chị nhìn miên man trên khuôn mặt tôi như thể đó là một trò chơi ráp hình phải có lời giải đáp, còn một mảnh nữa cho vấn đề mà, ẩn dưới cuộc trò chuyện vui vẻ này, đang chi chiết cõi lòng chị ấy.

Tôi đưa chị ấy đi dạo vòng quanh South Side chiều thứ Bảy hôm đó, cũng giống như chuyến đi mà tôi thực hiện vào những ngày đầu tiên ở Chicago, lúc này chỉ còn lại một vài ký ức. Khi chúng tôi ghé lại văn phòng làm việc của tôi, Angela, Mona, và Shirley tình cờ ở đó. Họ hỏi Auma về Kenya và cách mà chị ấy bện mái tóc của mình và cách mà chị ấy nói chuyện duyên dáng làm sao, giống như nữ hoàng nước Anh, và bốn người họ rất vui vẻ nói chuyện về tôi và những thói quen kỳ lạ của tôi.

“Họ có vẻ rất mến mộ cậu”, Auma nói sau đó. “Họ gọi cho tôi nhớ lại những người gì của chúng ta ở quê nhà”. Chị kéo cánh cửa xe xuống và đưa mặt ra ngoài gió, ngắm nhìn Đại lộ Michigan băng qua: những tàn tích bị phá hủy của Nhà hát Roseland cũ kỹ, một gara chứa đầy những chiếc xe rỉ sét. “Cậu làm công việc này cho họ đó à, Barack?” cô ta hỏi, quay mặt về phía tôi. “Ý tôi là công việc tổ chức đó?”

Tôi nhún vai. "Cho họ. Cho tôi".

Biểu hiện về sự bối rối, và sợ hãi, trở lại trên khuôn mặt của Auma. "Tôi không thích chính trị lắm", chị ấy nói.

"Tại sao thế?"

"Tôi không biết. Người ta luôn kết thúc tuyệt vọng".

Có một bức thư đang đợi cô ấy trong hộp thư khi chúng tôi về nhà; bức thư được gửi từ một sinh viên luật người Đức, chị ấy nói, người mà chị thường hay thăm hỏi. Bức thư trông công kênh, dài ít nhất là bảy trang, và khi tôi chuẩn bị bữa ăn tối, chị ấy ngồi ở bàn nhà bếp, tươi cười, thở dài và chắc lưỡi, khuôn mặt đột nhiên nhẹ nhõm và đắm chiêu.

"Tôi nghĩ chị không thích người Đức", tôi nói.

Chị ấy dụi mắt và cười. "Yah-Otto thì khác. Anh ta rất dịu dàng. Và thỉnh thoảng tôi đối xử với anh ấy tệ quá! Tôi không biết, Barack à. Đôi khi tôi nghĩ mình không thể tin tưởng ai hoàn toàn được. Tôi nghĩ về những gì mà Ông Già đã tận dụng trong cuộc đời mình, và ý tưởng về hôn nhân luôn khiến cho tôi, nói sao nhỉ... rùng mình. Hơn nữa, với Otto và sự nghiệp của anh ấy, chúng tôi phải sống ở Đức, cậu biết đấy. Tôi bắt đầu tưởng tượng mọi chuyện sẽ như thế nào cho tôi, sống cả cuộc đời mình như một người ngoại quốc, và tôi không nghĩ mình có thể đón nhận điều đó".

Chị gấp bức thư lại và bỏ nó vào bì thư. "Còn cậu thì sao Barack?" chị ấy hỏi. "Cậu có gặp những rắc rối như thế này không, hay chỉ có chị gái cậu thôi?"

"Tôi nghĩ tôi biết điều mà chị đang cảm nhận".

"Cho tôi biết đi".

Tôi bước đến tủ lạnh và lấy ra hai trái ổi xanh, đặt chúng trên tấm thớt. "Vâng... có một người phụ nữ ở New York mà tôi yên. Cô ấy là người da trắng. Cô có mái tóc đen nhánh, và những đốm xanh trong đôi mắt. Giọng nói cô ấy nghe như tiếng chuông trong gió. Chúng tôi gặp nhau hầu như gần một năm nay rồi. Chủ yếu là vào những ngày cuối tuần. Thỉnh thoảng trong căn hộ của cô ấy, thỉnh thoảng trong

căn hộ của tôi. Chị biết cách thức chị có thể rơi vào thế giới riêng tư của mình không? Chỉ có hai người, ẩn kín và ấm áp. Ngôn ngữ riêng của chị. Tập tục riêng của chị. Đó là vậy.

“Dấu sao, một ngày nọ cô ấy mời tôi về vùng quê của gia đình mình. Cha mẹ đều ở đó, họ rất dễ thương, rất dịu dàng. Trời mùa thu, đẹp, với rừng cây bao quanh, và chúng tôi lái xuồng băng qua một con lạch tròn lạnh giá đầy ấp những chiếc lá vàng nhỏ tụ hợp dọc theo bờ. Gia đình cô ấy hiểu cận kề từng mét đất ở đây. Họ biết cách mà những ngọn đồi được hình thành, cách mà những dải băng trôi tạo nên con lạch này, những cái tên của những người định cư da trắng lâu đời nhất - tổ tiên của họ - và trước đó, những cái tên của những thổ dân da đỏ, những kẻ đã từng săn bắt trên vùng đất này. Ngôi nhà rất cũ, nhà của ông nội cô ấy. Ông ta thừa hưởng nó từ ông nội của mình. Thư viện đầy ắp với những cuốn sách cũ và hình ảnh của ông nội cùng với những người nổi tiếng mà ông từng biết - tổng thống, nhà ngoại giao, nhà tư bản công nghiệp. Có một sức hút khủng khiếp từ căn phòng. Đứng trong căn phòng, tôi nhận ra hai thế giới của chúng tôi, của bạn tôi và của tôi, cách xa nhau như Kenya với Đức. Và tôi biết rằng nếu chúng tôi kết hợp với nhau, cuối cùng tôi sẽ sống trong thế giới của cô ấy. Nói cho cùng, tôi đã làm điều đó trong phần lớn cuộc đời mình. Giữa hai chúng tôi, tôi là người biết cách để sống như một người ngoài cuộc”.

“Vậy điều gì xảy ra?”

Tôi nhún vai. “Tôi gạt cô ấy sang một bên. Chúng tôi bắt đầu đấu tranh. Chúng tôi bắt đầu nghĩ về tương lai, và điều đó đã đè ép lên thế giới bé nhỏ của chúng tôi. Một đêm nọ, tôi đưa cô ấy đến xem một vở kịch mới của nhà văn da màu. Đó là một vở kịch phản nộ nhưng lại rất khôi hài. Sự khôi hài của người Mỹ da đen điển hình. Khán giả hầu như là người da đen, và mọi người đều cười và vỗ tay và hò hét như họ ở trong nhà thờ. Sau khi vở kịch kết thúc, bạn tôi bắt đầu nói về việc tại sao người da đen lại phản nộ suốt như thế. Đó là vấn đề về ký ức - không ai hỏi tại sao người Do Thái luôn nhớ đến Vụ Thảm sát, tôi nghĩ mình đã nói - và cô ấy nói vấn đề là khác, tôi nói không, và cô ấy nói rằng sự oán giận chỉ là kết cuộc chết chóc.

Chúng tôi có một trận cãi nhau lớn trước rạp hát. Khi chúng tôi trở lại chiếc xe cô ấy bắt đầu khóc. Cô ấy không thể da đen được, cô ta nói. Cô ta sẽ được nếu cô ta có thể nhưng cô ta không thể. Cô ta chỉ có thể là chính mình, và không đủ như vậy”.

“Đó là câu chuyện buồn Barack à”.

“Tôi cho là thế. Có thể ngay cả khi cô ấy là da đen điều đó cũng không làm được gì. Ý tôi là có một vài phụ nữ da đen ở đó, họ làm tan nát cõi lòng tôi cũng như thế”. Tôi cười và cào cào phần ốt đã được cắt vào trong một chiếc lọ và quay trở lại Auma. “Vấn đề là”, tôi nói, không còn cười nữa, “bất cứ lúc nào tôi nghĩ về những gì mà bạn tôi nói, cái đêm ở ngoài rạp hát đó, nó dường như khiến tôi hổ thẹn”.

“Cậu có nghe tin tức gì về cô ấy không?”

“Tôi nhận một thư thiệp vào mùa Giáng Sinh. Cô ấy giờ đây rất hạnh phúc; cô đã gặp một ai đó. Và tôi có công việc của mình”.

“Điều đó đủ không?”

“Thỉnh thoảng”.

Tôi nghĩ làm vào ngày hôm sau, và chúng tôi ở bên nhau suốt ngày hôm đó, tham quan Viện Nghệ thuật (Tôi muốn xem những cái đầu bị rút lại ở Viện Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên - Field Museum nhưng Auma từ chối), lấy ra những tấm ảnh cũ từ ngăn đựng đồ riêng của tôi, ghé thăm siêu thị, nơi Auma cho rằng người Mỹ thì thân thiện và quá cỡ. Thỉnh thoảng chị ấy buồn bã, thỉnh thoảng tình quái, thỉnh thoảng chịu đựng sức đè nặng của thế giới này, và luôn luôn quả quyết tính tự lập mà tôi nhận ra như một sự phản ứng được trải nghiệm - sự phản ứng của riêng tôi trước sự bất ổn.

Mặc dù vậy, chúng tôi không nói nhiều về cha chúng tôi; điều đó như thể cuộc nói chuyện của chúng tôi dừng lại bất cứ lúc nào chúng tôi muốn tránh né ký ức của ông ấy. Song chỉ có một đêm nọ, sau bữa ăn tối và cuộc tản bộ dài dọc theo bức tường chắn đồ nát của con lạch, chúng tôi cảm thấy không thể đi xa hơn cho đến khi chúng tôi khai mở đề tài. Tôi pha một ít trà và Auma bắt đầu cho tôi biết về Ông Già, ít nhất là những gì cô ta có thể nhớ được.

“Tôi không thể nói mình thật sự hiểu hết về ông ấy, Barack à”, chị ấy bắt đầu. “Có thể chẳng ai cả... Cuộc đời ông rất rơi rớt. Mọi người chỉ biết những chuyện vặt vãnh, ngay cả con cái ông.

“Tôi sợ ông ấy. Cậu biết đấy, ông ấy bỏ đi khi tôi mới sinh ra. Đến Hawaii với mẹ cậu, và rồi ở Harvard. Khi ông trở về lại Kenya, người anh cả của tôi, Roy, và tôi chỉ là những đứa trẻ. Chúng tôi sống với mẹ ở dưới quê, Alego, cho đến lúc ấy. Tôi quá nhỏ để có thể nhớ nhiều về việc ông ấy đến. Tôi bốn tuổi, Roy sáu, vì vậy có lẽ ông ấy có thể kể cho cậu nhiều hơn về những gì đã xảy ra. Tôi chỉ nhớ rằng ông ấy trở lại với một phụ nữ Mỹ tên Ruth, và ông đã mang chúng tôi khỏi mẹ để về sống cùng với họ ở Nairobi. Tôi nhớ người phụ nữ này, Ruth, là người da trắng đầu tiên mà tôi từng gần gũi, và bỗng nhiên bà ấy lại được coi là người mẹ mới của mình”.

“Tại sao chị không ở lại với người mẹ của mình?”

Auma lắc đầu. “Tôi không biết chính xác. Ở Kenya, đàn ông có quyền giữ con cái trong các cuộc ly dị - nếu họ muốn, vậy thôi. Tôi hỏi mẹ tôi về điều này, nhưng khó cho bà để nói đến. Bà chỉ nói rằng vợ mới của Ông Già từ chối sống với một người vợ khác, và bà ấy - mẹ tôi - nghĩ rằng chúng tôi những đứa trẻ tốt nhất là nên sống với Ông Già vì ông ấy giàu.

“Cậu biết đấy, trong những năm đầu tiên đó, công việc Ông Già tiến triển thật sự tốt. Ông làm việc cho một công ty dầu của Mỹ - Shell, tôi nghĩ vậy. Chỉ vài năm sau ngày độc lập, và Ông Già có quan hệ chặt chẽ với tất cả những người cấp cao trong chính phủ. Ông đã từng đến trường với phần nhiều trong số họ. Phó tổng thống, các bộ trưởng, họ thỉnh thoảng đến nhà và nhậu với ông, và nói chuyện chính trị. Ông có một ngôi nhà lớn và một chiếc xe lớn, và mọi người đều ấn tượng về ông bởi vì ông quá trẻ nhưng lại được giáo dục nhiều ở nước ngoài. Và ông có một người vợ Mỹ, vốn vẫn là điều rất hiếm - và mặc dù sau đó, khi ông vẫn còn ở với Ruth, ông thỉnh thoảng ra ngoài với mẹ ruột của tôi. Anh biết đấy, như thể ông muốn chứng tỏ với mọi người. Rằng ông cũng có thể có người phụ nữ châu Phi xinh đẹp này bất cứ lúc nào ông muốn. Bốn người anh em khác của tôi cũng được sinh ra thời điểm này. Mark và David, họ là con

của Ruth, sinh ra trong ngôi nhà lớn của chúng tôi ở Westlands. Abo và Bernard, họ là con của mẹ tôi, và sống với bà ấy và gia đình bà ấy ở nội địa. Lúc ấy tôi và Roy cũng không biết Abo và Bernard. Họ không bao giờ đến ngôi nhà lớn này để thăm chúng tôi, và khi Ông Già thăm họ, ông luôn đi một mình mà cũng chẳng nói với Ruth.

“Tôi không nghĩ nhiều về điều đó cho đến sau này, cách mà cuộc sống của chúng tôi bị chia làm hai, bởi vì tôi quá nhỏ. Tôi nghĩ càng khó khăn hơn cho Roy bởi vì anh ấy đủ lớn để nhớ những gì đã từng diễn ra ở Alego, sống trong ngôi làng với mẹ tôi và dân tộc tôi. Đối với tôi, mọi thứ đều ổn. Ruth, người mẹ mới, đủ thân thiện với chúng tôi. Bà đối xử với chúng tôi chẳng khác nào những đứa con riêng của bà. Cha mẹ bà ấy giàu có, tôi nghĩ vậy, và họ gởi cho chúng tôi những món quà xinh xắn từ Mỹ. Tôi thật sự phấn khích bất cứ lúc nào một kiện hàng đến từ họ. Nhưng tôi nhớ đôi khi Roy từ chối nhận những món quà của họ, ngay cả khi họ gởi cho chúng tôi kẹo. Tôi nhớ có lần anh ấy từ chối một vài thỏi sô-cô-la họ gởi, nhưng trong đêm đó, khi anh ấy tưởng tôi đã ngủ, tôi nhìn thấy anh ấy lấy một vài thỏi sô-cô-la mà tôi để trên chạn bát đĩa. Nhưng tôi không nói gì cả, bởi vì tôi nghĩ mình hiểu rằng anh ấy không hạnh phúc.

“Rồi mọi thứ bắt đầu thay đổi. Khi Ruth sinh Mark và David, sự chú tâm của bà chuyển sang họ. Ông Già, đã rời công ty Mỹ để làm việc trong chính phủ, Bộ Du lịch. Ông ấy có những tham vọng chính trị, và thoát đầu ông làm việc thật sự tốt trong chính phủ. Nhưng khoảng năm 1966 hoặc 1967, những bất đồng ở Kenya trở nên hệ trọng hơn. Tổng thống Kenyatta đến từ bộ tộc lớn nhất, Kikuyus. Những người theo bộ tộc Luo, bộ tộc lớn thứ hai, bắt đầu phàn nàn rằng Kikuyus dành tất cả những công việc tốt nhất. Chính phủ đẩy áp những mưu mô. Phó tổng thống, Odinga, một người thuộc bộ tộc Luo, và ông nói rằng chính phủ ngày càng trở nên thối nát. Rằng, thay vì phục vụ cho những người vốn đấu tranh giành độc lập, các chính trị gia Kenya lại chiếm lấy thuộc địa của những người da trắng, mua tất cả các doanh nghiệp và đất đai vốn cần phải tái phân phối cho dân chúng. Odinga cố thiết lập một đảng riêng cho mình, nhưng bị quản thúc tại gia như là một đảng viên Cộng sản. Một bộ trưởng khác của bộ tộc Luo, Tom M’boya, bị sát hại bởi một tay súng

Kikuyu. Những người thuộc bộ tộc Luo bắt đầu phản đối trên khắp đường phố, và cảnh sát của chính phủ đã trấn áp họ thẳng tay. Nhiều người bị thiệt mạng. Tất cả điều này đã tạo ra nhiều nghi ngờ hơn giữa các bộ tộc.

“Hầu hết những người bạn của Ông Già chỉ biết giữ thinh lặng và cố sống với tình hình xáo trộn đó. Nhưng Ông Già bắt đầu lên tiếng. Ông nói với mọi người rằng chủ nghĩa chủng tộc sẽ phá hủy đất nước và những người bất tài đang dành lấy những công việc tốt nhất. Những người bạn của ông cảnh báo ông về việc nói những điều như vậy trước công chúng, nhưng ông bất chấp. Ông luôn nghĩ rằng ông biết cái gì là tốt đẹp nhất, cậu biết đấy. Khi bị khước từ đề bạt, ông phàn nàn dữ dội. ‘Làm sao các anh có thể là những người cấp trên tôi,’ ông nói với một trong những vị bộ trưởng, ‘ngoại trừ để tôi dạy cho các anh cách để làm đúng công việc của mình?’ Lời lẽ đến tai Kenyatta rằng Ông Già là một kẻ gây rối, và ông được mời đến gặp tổng thống. Theo nhiều câu chuyện kể lại, Kenyatta nói với Ông Già rằng, bởi vì ông không thể giữ mồm giữ miệng, ông sẽ không làm việc nữa cho đến khi không có lấy một đôi giày trên chân.

“Tôi không biết bao nhiêu trong những chi tiết này là đúng. Nhưng tôi biết rằng với việc coi tổng thống như là một kẻ thù mọi thứ trở nên rất tồi tệ cho Ông Già. Ông bị trục xuất khỏi chính phủ - bị liệt kê vào danh sách đen. Không có vị bộ trưởng nào giao việc cho ông. Khi ông đến các công ty nước ngoài để xin một vị trí, các công ty này đều bị cảnh báo không được tuyển mộ ông. Ông bắt đầu hướng ra nước ngoài và được tuyển vào làm cho Ngân hàng Phát triển Phi Châu ở Addis Ababa, nhưng trước khi ông có thể gia nhập vào họ, chính phủ đã thu hồi hộ chiếu của ông, và ông thậm chí không thể rời nửa bước ra khỏi Kenya.

“Cuối cùng, ông phải chấp nhận một công việc nhỏ trong Bộ Thủy lợi. Ngay cả điều này cũng do một trong những người bạn thương hại ông. Công việc này duy trì cuộc sống hàng ngày nhưng là một sự sa sút lớn cho ông. Ông Già bắt đầu sa vào nghiện ngập rượu chè, và nhiều người ông biết trở nên xa lánh ông bởi vì sẽ rất nguy hiểm nếu bị bắt gặp ở cùng với ông ấy. Họ nói với ông rằng nếu ông chịu xin



lỗi và thay đổi thái độ của mình có thể ông sẽ ổn. Nhưng ông từ chối và tiếp tục nói bất cứ điều gì trong đầu mình.

“Tôi hiểu hầu hết những chuyện này chỉ khi tôi đủ lớn. Lúc đó, tôi thấy rằng cuộc sống ở quê nhà trở nên rất khó khăn. Ông Già không bao giờ nói chuyện với tôi hoặc Roy ngoại trừ trách mắng. Ông về nhà rất muộn, say xỉn, và tôi có thể nghe ông la vào Ruth, bảo bà ấy nấu đồ ăn cho ông. Ruth trở nên đau khổ về cách mà Ông Già đã thay đổi. Thỉnh thoảng, khi ông không có ở nhà, bà nói với Roy và tôi rằng cha tôi rất điên cuồng và bà thương hại cho chúng tôi vì có một người cha như vậy. Chúng tôi không trách bà vì điều này - có thể tôi đồng ý. Nhưng tôi nhận thấy rằng, bà đối xử với chúng tôi khác với hai con trai của bà, thậm chí hơn cả trước đây. Bà nói rằng chúng tôi không phải là con ruột bà và chỉ có chứng đó bà có thể làm để giúp chúng tôi. Roy và tôi bắt đầu cảm thấy như mình chẳng có ai. Và khi Ruth rời bỏ Ông Già, cảm giác đó chẳng hề xa cách mấy với sự thật.

“Bà bỏ đi khi tôi chỉ mười hai hoặc mười ba, sau khi Ông Già gặp một tai nạn xe rất nghiêm trọng. Ông có uống, tôi nghĩ, và tài xế của chiếc xe kia, một nông dân da trắng, chết tại chỗ. Trong một thời gian dài Ông Già phải nằm bệnh viện, gần một năm trời, về cơ bản tôi và Roy phải tự bươn chải. Cuối cùng khi Ông Già rời bệnh viện, đó là lúc ông ấy đến thăm cậu và mẹ cậu ở Hawaii. Ông nói với chúng tôi rằng cậu và mẹ cậu sẽ trở về cùng với ông ấy và chúng ta sẽ có một gia đình đích thực. Nhưng mẹ con cậu không theo cùng khi ông trở về, Roy và tôi buộc phải tự hài hòa với ông ấy.

“Chính cái tai nạn xe cộ đó, Ông Già đã mất việc làm ở Bộ Thủy lợi, và chúng tôi không biết sống đâu cả. Trong một thời gian, chúng tôi lảng vảng từ người bà con này đến người bà con kia, nhưng rốt cuộc họ cũng gạt chúng tôi ra bởi vì họ có những khó khăn riêng của họ. Thế rồi chúng tôi tìm ra một ngôi nhà tồi tàn trong khu vực hỗn độn của thị trấn, và chúng tôi ở đó được vài năm. Đó là khoảnh khắc kinh khủng nhất. Ông Già không có tiền nhiều, ông phải vay mượn từ những người bà con chỉ để mua thực phẩm. Điều này khiến ông càng xấu hổ hơn, tôi nghĩ, và tâm khí ông càng trở nên tệ hại hơn. Bất chấp tất cả những khó khăn đó, ông không bao giờ thừa nhận bất

cứ điều gì trở ngại với Roy và tôi. Tôi nghĩ đó là điều gây tổn thương nhất - cách mà ông luôn tự đắc về việc chúng tôi là những người con của tiến sĩ Obama. Những kẻ đưng thức ăn trống không, song ông vẫn quỳen góp cho các tổ chức từ thiện chỉ để giữ thể diện! Thịnh thoảng tôi cãi lại ông, nhưng ông chỉ nói rằng tôi chỉ là một cô bé khờ khạo và chẳng hiểu gì cả.

"Càng tệ hơn nữa giữa ông và Roy. Họ thường có những cuộc cãi vã khủng khiếp. Cuối cùng Roy đã bỏ đi. Anh ấy không trở về nhà và bắt đầu sống với những người khác. Vì thế tôi buộc phải sống một mình với Ông Già. Thịnh thoảng tôi thức khuya đến nửa đêm, ngóng đợi anh ấy gõ cửa trở về, lo lắng một điều gì đó kinh khủng xảy ra. Thế rồi anh ấy loạng choạng trong cơn say và bước vào phòng tôi, đánh thức tôi dậy bởi vì anh muốn bè bạn hoặc một thứ gì đó để ăn. Anh ấy nói về sự bất hạnh của mình và cách mình bị phản bội. Tôi buồn ngủ quá đến mức không hiểu bất cứ những gì anh ta nói cả. Một ngày nọ, một cách thăm kín tôi bắt đầu mong sao anh ấy cứ ở ngoài nhà và đừng bao giờ trở lại.

"Điều duy nhất cứu tôi là Trường Trung học Kenya. Đó là một trường học dành cho nữ sinh mà một thời được dùng cho người Anh. Rất khắc nghiệt và phân biệt chủng tộc - đó là khi tôi ở đó, sau khi hầu hết sinh viên da trắng về hết, họ mới cho phép các giáo viên châu Phi giảng bài. Nhưng bất chấp những điều này, tôi vẫn tỏ ra năng nổ trong trường. Đó là một trường nội trú, vì vậy trong suốt niên học tôi ở lại đó thay vì phải ở với Ông Già. Anh biết đấy, trường học đã cho tôi một ý thức kỷ luật. Một điều gì đó để tuân thủ.

"Có một năm, Ông Già không thể trả học phí cho tôi, và tôi bị gởi về nhà. Tôi xấu hổ và khóc suốt đêm. Tôi không biết mình sẽ làm gì. Nhưng tôi thật may mắn. Một trong những bà hiệu trưởng biết về hoàn cảnh của tôi và cho tôi một suất học bổng để tiếp tục ở lại trường. Thật buồn khi nói tôi vui sướng khi không phải sống với ông, nhưng tôi rất quan tâm và lo lắng cho ông ấy nhiều đến mức nào. Tôi chỉ để mặc ông và không bao giờ nhìn lại.

"Trong hai năm cuối ở trung học, tình cảnh của Ông Già đã cải thiện. Kenyatta chết, và bằng cách nào đó Ông Già có thể làm việc

trở lại trong chính phủ. Ông làm trong Bộ Tài chính, bắt đầu có tiền và sức ảnh hưởng. Nhưng tôi nghĩ ông không bao giờ vượt qua sự cay đắng của những gì đã xảy đến với ông, chứng kiến những người bạn cùng thời ông, những người qua mặt ông một cách ma mãnh trên chính trường. Và đã quá muộn để nhật lại những mảnh nát của gia đình ông. Trong một thời gian dài ông sống một mình trong khách sạn, thậm chí khi ông có đủ tiền để mua một ngôi nhà. Ông sống với những phụ nữ khác trong thời gian ngắn - người châu Âu, châu Phi - nhưng chẳng có gì kéo dài mãi mãi. Tôi hầu như không gặp ông ấy, và khi tôi gặp ông, ông không biết cư xử với tôi như thế nào. Chúng tôi như những người xa lạ, nhưng anh biết đấy, ông vẫn muốn giả vờ rằng ông là một người cha kiểu mẫu và có thể răn dạy tôi cách để cư xử. Tôi nhớ khi tôi nhận học bổng du học ở Đức, tôi ngại phải nói với ông ấy. Tôi nghĩ ông có thể nói tôi quá nhỏ để đi và xía vào thị thực sinh viên của tôi vốn phải được chính phủ phê duyệt. Vậy là tôi đi mà chẳng nói lời từ biệt.

“Chính thời gian ở Đức mà tôi bắt đầu trút bỏ một ít sự tức tối mà tôi cảm nhận đối với ông. Với khoảng cách xa xôi, tôi có thể nhìn thấy những điều ông đã làm, cách thậm chí ông không bao giờ thật sự hiểu về chính mình. Chỉ lúc về cuối, sau khi gây nhiều hỗn độn cho cuộc sống của ông, tôi mới nghĩ có thể ông đã bắt đầu thay đổi. Lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông, ông ấy đang trong chuyến công tác, đại diện cho Kenya tại cuộc hội nghị quốc tế ở châu Âu. Tôi e sợ bởi vì chúng tôi không nói gì nhiều. Nhưng khi ông tới Đức ông thực sự thoải mái, hầu như thanh thản. Chúng tôi có một thời gian vui vẻ. Anh biết đấy, ngay cả khi ông hoàn toàn vô lý, ông cũng rất quyến rũ! Ông đưa tôi đến London, và chúng tôi ở trong một khách sạn sang trọng, và ông giới thiệu tôi cho tất cả những người bạn của ông ở câu lạc bộ Anh Quốc. Ông kéo ghế cho tôi và nhặng xị cả lên, nói với bạn bè rằng ông tự hào về tôi đến mức nào. Trên chuyến bay trở về từ London, tôi thấy một cốc vại nhỏ bằng thủy tinh mà whiskey của ông được phục vụ, và tôi nói mình sẽ chôm nó, và ông nói, ‘Chẳng cần thiết với những thứ đó.’ Ông gọi người tiếp đãi viên và yêu cầu cô ta mang cho tôi một bộ ly đó, như thể ông là chủ nhân của chiếc máy bay. Khi cô tiếp

đãi viên trao chúng cho tôi, tôi cảm thấy mình như trở lại một cô bé nhỏ. Giống như nàng công chúa của ông ấy.

“Vào ngày cuối cùng trong chuyến viếng thăm của ông, ông đưa tôi đi ăn trưa, và chúng tôi nói về tương lai. Ông hỏi tôi có cần tiền không và nằng nặc tôi phải nhận một cái gì đó. Ông nói với tôi rằng ngay khi tôi trở về Kenya, ông sẽ kiếm cho tôi một người chồng thích đáng. Anh biết đấy, điều đó có ảnh hưởng đến những gì ông cố làm... như thể ông có thể đền bù cho tất cả thời gian bị đánh mất. Lúc ấy, ông vừa có thêm một con trai nữa, Geogre, khi sống cùng với một phụ nữ trẻ. Vì vậy tôi nói với ông, ‘Roy và con, chúng con đã là những người lớn. Chúng con có cuộc sống riêng của mình, những kỷ ức riêng, và điều xảy đến giữa tất cả chúng ta thật khó mà xóa bỏ được. Nhưng với Geogre, một em bé nhỏ, nó chỉ là trang giấy trắng. Bố có cơ hội để làm những điều chính đáng cho nó.’ Và ông chỉ gật đầu, như thể... như thể...”

Auma nhìn chằm chằm vào bức ảnh của cha tôi trong một thoáng chốc, tập trung một cách mơ màng trong ánh đèn mờ. Lúc này chị đứng dậy và bước đến cửa sổ, quay lưng về phía tôi. Chị tự xiết chặt lấy mình, hay bàn tay đặt lên đôi vai đang khom xuống. Chị bắt đầu run dữ dội, và tôi bước đến từ phía sau chị, hai tay ôm choàng lấy chị ấy khi chị khóc, nỗi buồn thoáng qua chị ấy trong những làn sóng nhấp nháy và sâu thẳm. “Cậu có hiểu không Barack?” Chị ấy nói giữa những tiếng nức nở. “Tôi chỉ mới bắt đầu biết ông ấy. Đó là thời điểm... thời điểm ông có thể tự giải thích với chính mình. Thịnh thoảng tôi nghĩ ông ấy có thể đã rẽ lối, tìm một sự an bình nội tâm nào đó. Khi ông chết, tôi cảm thấy sao mà bất công quá. Bất công như hân anh đã cảm nhận được”.

Bên ngoài, chiếc xe gầm rú ở góc đường; một người đàn ông đơn độc băng ngang dưới ánh đèn đường màu vàng. Như thể bởi sự thôi thúc của ý chí, cơ thể của Auma đột nhiên thẳng đứng lên, hơi thở đều đặn và chị lau khô những giọt nước mắt bằng cánh tay áo của mình. “Ah, hãy nhìn vào những gì cậu đã khiến chị gái mình làm”, chị nói, và nở một nụ cười yếu ớt. Chị quay mặt về tôi. “Cậu biết đấy, Ông Già đã từng nói nhiều về cậu đấy! Ông ấy cho mọi người xem

ảnh cậu và nói với họ về những thành tích xuất sắc của cậu ở trường. Tôi đoán mẹ cậu và ông ấy từng trao đổi thư từ cho nhau. Tôi nghĩ những bức thư đó thật sự an ủi ông nhiều. Trong suốt những khoảng thời gian tẻ nhạt, khi mọi người dường như quay mặt lại với ông, ông đem những bức thư của bà ấy vào phòng tôi và đọc to. Ông đánh thức tôi dậy và bảo tôi nghe, và khi ông đọc xong, ông run run bức thư trong tay và nói mẹ cậu mới tốt bụng làm sao. 'Con biết đấy!' Ông nói. 'Ít ra cũng có những người thật sự nghĩ đến bố.' Ông tự nhủ điều này hết lần này đến lần khác..".

Trong lúc Auma đánh răng, tôi chuẩn bị chiếc trường kỷ xếp cho chị ấy. Thoáng chốc chị đã thu mình lại trong tấm chăn và ngủ say. Nhưng tôi vẫn còn thức, ngồi tựa vào chiếc ghế với ánh đèn bàn còn mở, nhìn vào sự tĩnh mịch trên khuôn mặt chị ấy, lắng nghe nhịp đập trong hơi thở chị ấy, cố lần tìm một ý nghĩa nào đó từ tất cả những gì chị nói. Tôi cảm thấy như thể thế giới của tôi biến đổi hoàn toàn; như thể tôi tỉnh thức để nhìn thấy mặt trời xanh trong bầu trời vàng, hoặc lắng nghe những con thú nói chuyện như những gã đàn ông. Suốt cuộc đời, tôi mang một hình bóng duy nhất về cha tôi, người mà thỉnh thoảng tôi chống đối nhưng không bao giờ hoài nghi, người mà sau này tôi cố bước theo như của chính mình. Vị học giả thông thái, người bạn tốt bụng, người lãnh đạo kiên định - cha tôi là tất cả những điều đó. Tất cả những thứ đó và hơn nữa, ngoại trừ chuyến viếng thăm ngắn ngủi của ông đến Hawaii, bởi vì ông chưa bao giờ hiện diện để làm lu mờ hình ảnh đó, bởi vì tôi không nhìn thấy điều mà hầu hết những người đàn ông nhìn thấy tại một khoảnh khắc nào đó trong cuộc đời họ: cơ thể của cha họ rút nhỏ lại, những hy vọng tốt đẹp nhất của cha họ bị ném đi, khuôn mặt cha họ hằn lên những nét u buồn và tiếc nuối.

Vâng, tôi đã nhìn thấy điểm yếu ở những người đàn ông khác - Gramps và những thất vọng của ông, Lolo và sự nhượng bộ của ông. Nhưng những người đàn ông này đã trở thành bài học thực tế cho tôi, những người tôi yêu mến chứ không bao giờ tranh đua, những người đàn ông da trắng và da nâu vận mệnh của họ chẳng lý giải gì cho số phận của tôi cả. Chính trong hình ảnh của cha tôi, người đàn ông da đen, người con của Phi châu, tôi đã tinh lọc tất cả những thuộc tính

mà tôi tìm kiếm trong bản thân mình, những thuộc tính của Martin và Malcolm, Dubois và Mandela. Và sau này nếu tôi chứng kiến những người đàn ông da đen mà tôi biết - Frank, Ray, Will hay Rafiq - không có được những tiêu chuẩn cao quý đó; nếu tôi đã từng kính trọng những người đàn ông này vì những dẫn vật mà họ đã trải qua, công nhận họ như chính bản thân mình - song giọng nói của cha tôi vẫn thể hiện một sự tán thành không thâm ý, đầy khích lệ, khiển trách, khoan dung và kìm nén. Anh làm việc chưa đủ cường độ đầu Barry à. Anh phải giúp trong những cuộc tranh đấu của đồng loại anh. Hãy tỉnh thức, anh bạn da đen!

Lúc này khi tôi ngồi trong ánh sáng của một bóng đèn lẻ loi, lắt lư nhẹ nhàng trên chiếc ghế dựa cứng, hình ảnh đó đột nhiên biến mất. Được thay thế bởi... cái gì đây? Một gã say đau khổ? Một người chống ngược đãi? Một viên chức bị hạ gục và cô độc? Để nghĩ rằng suốt cuộc đời mình tôi đã vật lộn không gì khác hơn là với một bóng ma! Trong một thoáng chốc tôi cảm thấy chóng mặt; nếu Auma không có trong phòng, hẳn là tôi sẽ cười òa lên. Tôi nghĩ ông vua đã bị truất ngôi. Bức màn màu ngọc bảo được kéo sang bên. Đám con đen trong đầu tôi tự do hoành hành bừa bãi; tôi có thể làm bất cứ điều chết tiệt nào tôi muốn. Người đàn ông nào khác, nếu không phải là cha tôi, có sức mạnh để rằng dạy tôi? Bất cứ điều gì tôi làm, có lẽ tôi sẽ không làm tệ hại như ông ấy.

Màn đêm trôi qua; tôi cố lấy lại thăng bằng, cảm nhận rằng có một ít thỏa mãn xuất phát từ sự tự do vừa mới dành được. Điều gì đã ngăn cản tôi nhún nhường trước sự thất bại vốn đã hạ nhục Ông Già? Ai có thể bảo vệ tôi khỏi sự hoài nghi hoặc cảnh báo tôi trước những cái bẫy dường như được đặt trong mỗi tâm hồn của người da đen? Ý nghĩ kỳ diệu về cha tôi ít ra cũng giữ tôi khỏi rơi vào sự tuyệt vọng. Giờ đây thật sự ông ấy đã chết. Ông ấy không thể dạy tôi cách sống nữa rồi.

Có lẽ tất cả những gì ông có thể dạy cho tôi chính là điều đã từng xảy ra với ông. Tôi chợt hiểu ra rằng đối với tất cả thông tin mới này, tôi vẫn không biết người đàn ông mà cha tôi đã từng. Điều gì đã xảy ra cho tất cả sự mãnh liệt của ông ấy, sự hứa hẹn của ông?

Điều gì đã định hình những tham vọng của ông? Tôi tưởng tượng lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất chúng tôi gặp nhau, người đàn ông mà tôi biết lúc này hẳn cũng e sợ như tôi, người đàn ông đã trở về Hawaii để tìm lại phần đã bị thất lạc của mình. Ông không thể nói cho tôi nghe những cảm xúc thực sự của ông lúc ấy, hơn cả việc tôi có thể bộc lộ những khát khao của một thằng bé mười tuổi. Chúng tôi như cứng đờ bởi hình ảnh của nhau, không thể trốn thoát được sự hoài nghi rằng những cái bản ngã đích thực của chúng tôi tỏ ra yếu kém nếu quan sát một cách tường tận. Giờ đây, sau mười lăm năm, tôi nhìn vào khuôn mặt đang ngủ của Auma và nhìn thấy cái giá mà chúng tôi đã trả cho sự yên lặng đó.

Mười ngày sau, Auma và tôi ngồi trên những chiếc ghế nhựa cứng trong nhà ga sân bay, hướng mắt ra ngoài những chiếc máy bay xuyên qua bức tường cao bằng kính. Tôi hỏi chị ấy đang nghĩ gì, và chị mỉm cười một cách dịu dàng.

“Tôi đang nghĩ về Alego”, chị ấy nói. “Quảng trường Quê hương - vùng đất của ông nội chúng ta, nơi Granny vẫn còn sống. Đó là nơi đẹp nhất Barack à. Khi tôi ở Đức, và trời lạnh bên ngoài, tôi cảm thấy cô đơn, đôi khi tôi nhắm mắt và tưởng tượng mình đang ở đó. Ngồi trên khu đất, được bao quanh bởi những cây xanh cao lớn mà ông nội chúng ta đã trồng. Granny đang nói chuyện, kể cho tôi nghe những chuyện vui, và tôi có thể nghe tiếng sột soạt của con bò đang gặm cỏ phía sau, những đàn gà đang bươi bóc dọc theo rìa của cánh đồng, và mùi lửa đốt thoát ra từ một túp lều đang nấu nướng. Và dưới gốc cây xoài, gần cánh đồng bắp, là nơi mà Ông Già được chôn cất...”

Chuyến bay của chị bắt đầu lên bong. Chúng tôi vẫn ngồi đó, và Auma nhắm mắt lại, xiết chặt bàn tay tôi.

“Chúng ta cần phải về nhà”, chị nói. “Chúng ta cần về nhà Barack à, và nhìn ông ấy nằm đó”.

## Chương mười hai

Rafiq cố hết sức để trang hoàng địa điểm. Có một tấm biển mới ở lối vào, và cánh cửa chống mở ra để ánh sáng mùa xuân tràn vào. Sàn nhà được lau chùi sạch sẽ, vật dụng trang trí nội thất được tái sắp xếp. Rafiq mặc bộ vest đen và chiếc nơ bằng da màu đen; chiếc *kufu* bằng thuộc da của ông được đánh bóng rất sáng. Trong vài phút anh loay hoay mãi việc sắp xếp một chiếc bàn gấp dài đặt ở một bên của căn phòng, hướng dẫn một vài người của mình cách bày biện bánh trái và rượu pân, quờ quạng với bức ảnh của Harold được treo trên tường.

“Nó thẳng chưa?” anh ấy hỏi tôi.

“Rồi Rafiq à”.

Ông thị trưởng đến cất băng khai mạc trung tâm MET ở Roseland. Đây được coi là một hành động phi thường, và trong nhiều tuần lễ Rafiq đã xin phép để các hoạt động này được diễn ra tại tòa nhà của anh. Người ủy viên hội đồng thành phố nói rằng ông ta rất vui khi tổ chức một cuộc họp ra mắt với sự hiện diện của ông thị trưởng tại văn phòng mình. Ông thượng nghị sĩ tiểu bang, một trợ lý chính trị đất lực già nua ở địa phương, người đã mắc phải sai lầm khi hậu thuẫn cho một trong những ứng cử viên da trắng trong cuộc bầu cử thị trưởng lần trước, đã hứa sẽ giúp chúng tôi kiếm tiền cho bất cứ



dự án nào chúng tôi muốn nếu chúng tôi đưa ông ta vào chương trình. Ngay cả Cha Reverend cũng gọi đến, đề nghị rằng chúng tôi tự giúp mình bằng cách để ông giới thiệu về “người bạn tốt Harold” của mình. Bất cứ lúc nào tôi bước vào văn phòng DCP, người thư ký thường trao cho tôi hàng loạt những tin nhắn mới nhất.

“Anh chắc là được mọi người ủng hộ chứ Barack”, cô ấy nói trước khi điện thoại lại bắt đầu đổ chuông.

Lúc này tôi nhìn vào đám đông đang tụ tập bên trong nhà kho của Rafiq, hầu hết là những chính trị gia và những kẻ theo đốm ăn tàn, tất cả họ cứ một vài phút lại liếc nhìn ra ngoài trong lúc các cảnh sát thường phục nói vào những chiếc máy bộ đàm và thăm dò hiện trường. Di chuyển khắp căn phòng, tôi nhận ra Will và Angela, và kéo họ ra ngoài.

“Các chị đã sẵn sàng rồi chứ?”

Họ gật đầu.

“Nhớ này”, tôi nói, “cố thuyết phục Harold đến tham dự buổi triệu tập của chúng ta vào mùa thu. Hãy làm công việc đó trong lúc người lập chương trình của ông ấy đi đâu đó. Nói với ông ấy về tất cả công việc chúng ta đang làm ở đây và giải thích lý do - ”

Vào lúc đó, tiếng rì rào chạy xuyên khắp phòng, rồi bất ngờ im bật. Một đoàn xe hộ tống kéo đến, cánh cửa chiếc Limouse sang trọng mở ra và phía sau đoàn cảnh sát dày đặc tôi nhìn thấy đúng là Ông Lớn. Ông mặc bộ y phục màu xanh trơn và chiếc áo khoác bị vò nhàu; mái tóc hoa râm của ông trông hơi tả tơi, và ông ta thấp hơn là tôi nghĩ. Song, sự hiện diện của ông là không thể chối cãi được, nụ cười của một người đàn ông ở đỉnh cao của quyền lực. Ngay lập tức, đám đông bắt đầu la lên - “Ha - rold! Harold!” - và ông thị trưởng thực hiện một động tác xoay tròn nhẹ, tay ông giơ lên thể hiện sự đón nhận. Với bà Alvarez và những người cảnh sát thường phục dẫn đường, ông bắt đầu đi xuyên qua đám đông. Ngang qua ông thị trưởng và ủy viên hội đồng thành phố. Ngang qua Rafiq và tôi. Ngang qua cánh tay chìa ra của Cha Smalls. Cho đến khi ông dừng ngay trước mặt Angela.

“Bà Rider”. Ông nắm lấy tay bà ấy và nhẹ cuối đầu chào. “Thật vui sướng. Tôi đã nghe những điều tuyệt vời về công việc của bà”.

Trông Angela như thể cô sắp sửa bất tỉnh. Ông thị trưởng hỏi liệu chị ấy có giới thiệu ông đến các cộng sự của chị hay không, chị bắt đầu cười và có vẻ bối rối trước khi tập trung đủ bình tĩnh để đưa ông ấy xuống hàng ghế những nhà lãnh đạo. Tất cả họ đứng nghiêm như một hàng người chiều một, mỗi người nở cùng một nụ cười bất lực. Khi buổi điểm tin kết thúc, ông thị trưởng chìa cánh tay mình cho Angela và họ cùng bước về cánh cửa, đám đông chen chúc phía sau họ.

“Cùng có tin vào điều này không?” Shirley thì thầm vào tai Mona.

Buổi lễ kéo dài khoảng mười lăm phút. Cảnh sát đã phong tỏa hai khu vực của Đại lộ Michigan, và một sân khấu nhỏ được dựng lên phía trước mặt tiền nơi trung tâm MET sẽ sớm khai mạc. Angela giới thiệu tất cả những thành viên trong giáo hội những người làm việc cho dự án, cũng như các chính trị gia có mặt; Will phát biểu ngắn về DCP. Ông thị trưởng hoan nghênh chúng tôi vì tham gia vào công tác dân sự, trong khi ông thượng nghị sĩ, Cha Smalls, và người ủy viên hội đồng cố giành vị trí phía sau ông, cười toe toét để những người thợ ảnh mà họ thuê chụp lại. Dãi băng được cắt, và chỉ vậy thôi. Khi chiếc Limouse vọt mất để tiếp tục sự kiện tiếp theo, đám đông tản ra hầu như ngay tức khắc, chỉ để lại một vài chúng tôi đứng trên con đường rác rưởi vung vãi.

Tôi bước đến Angela, người đang bận nói chuyện với Shirley và Mona. “Khi tôi nghe ông ấy nói ‘Bà Rider,’” chị nói, “Tôi thể với anh là tôi hầu như chết lặng đi”.

Shirley lắc đầu. “Này cưng, chị không biết điều đó”.

“Chúng ta có những bức ảnh để chứng minh điều đó”, Mona nói, gơ chiếc máy ảnh Instamatic lên.

Tôi cố xen vào. “Chúng ta đã định ngày cho buổi triệu tập chưa?”

“Thế rồi ông ấy nói rằng tôi quá trẻ để có một bé gái mười bốn tuổi. Các anh chị có hình dung ra không?”

“Ông ấy có đồng ý đến dự buổi triệu tập của chúng ta không?”  
tôi lặp lại.

Ba người họ nhìn tôi một cách thiếu kiên nhẫn. “Buổi triệu tập gì?”

Tôi giơ tay biểu lộ sự thất bại và bực bội bước đi một cách nặng nề hướng về con phố. Khi tôi tới chiếc xe, tôi nghe Will nói vọng theo từ phía sau.

“Anh biến đi đâu mà vội vàng như thế?” Ông nói.

“Tôi không biết nữa. Một nơi nào đó”. Tôi cố đốt điếu thuốc, nhưng gió cứ thổi tắt que diêm. Tôi chửi rủa, ném những que diêm xuống đất, và quay về phía Will. “Ông có muốn biết một điều gì đó không, Will?”

“Điều gì”.

“Chúng ta đang đùa cợt. Chúng ta là vậy đó. Đùa cợt. Chúng ta đang ở ngay đây, với một cơ hội để chúng ta với ông thị trưởng rằng chúng ta là những tay chơi thực thụ trong thành phố này, một nhóm người mà ông ta cần quan tâm một cách nghiêm túc. Vậy chúng ta phải làm gì? Chúng ta hành động như một lũ nút thích trở thành những ngôi sao điện ảnh, vậy đó. Đứng lảng vảng quanh quần, miệng toé toét và cười xéch mang tai, lo lắng về việc chúng ta có được một bức ảnh chụp chung với ông ấy không - ”

“Ý anh là anh không có được một bức ảnh chứ gì?” Will cười một cách vui vẻ và nâng chiếc máy ảnh chụp lấy liền, rồi đặt một bàn tay lên vai tôi. “Anh có phiền không nếu tôi nói với anh một điều gì đó, Barack? Anh cần phải thoải mái một chút. Cái mà anh cho là đùa cợt đó là sự hài hước nhất mà Angela và họ luôn gặp suốt cả năm dài. Đã mười năm nay rồi, họ vẫn khoắc lác về điều đó. Nó khiến cho họ cảm thấy quan trọng. Và anh đã làm điều đó xảy ra. Vậy có gì hệ trọng nào nếu họ quên mời Harold tham dự buổi triệu tập? Chúng ta luôn luôn có thể gọi ông ấy lại”.

Tôi bước vào chiếc xe và kéo cửa sổ xuống. “Quên đi, Will. Tôi thất vọng quá”.

“Vâng, tôi có thể nhận ra điều đó. Nhưng anh nên tự hỏi mình *tại sao* anh lại thất vọng như vậy?”

“Tại sao anh nghĩ vậy?”

Will nhún vai. “Tôi nghĩ anh đang cố làm một công việc tốt. Nhưng tôi cũng cho rằng anh không bao giờ hài lòng cả. Anh muốn mọi thứ phải diễn ra nhanh. Giống như anh muốn một điều gì để chứng minh tại đây”.

“Tôi chẳng cố để chứng minh gì cả, Will”. Tôi khởi động động cơ xe và de ra, nhưng không đủ nhanh để có thể tránh được những lời từ biệt của Will.

“Anh không phải chứng minh gì cả với chúng tôi Barack à. Chúng tôi quý anh lắm, anh bạn à. Chúa cũng yêu anh!”

Gần một năm đã trôi qua kể từ khi tôi đến Chicago, và công sức của chúng tôi cuối cùng đã bắt đầu sinh hoa kết quả. Nhóm đường phố của Will và Mary đã phát triển lên mười lăm người; họ tổ chức việc làm trong sạch khu dân cư, tài trợ những ngày việc làm cho thanh niên trong khu vực, đạt được thỏa thuận với ủy viên hội đồng thành phố trong việc cải thiện dịch vụ vệ sinh. Xa tận phía bắc, bà Crenshaw và bà Stevens đã thúc ép Hạt Công viên tiến hành trùng tu những công viên và khu vui chơi đã xuống cấp; công việc ở đó đã bắt đầu. Những con đường và hệ thống cống rãnh đã được sửa chữa, những chương trình điều tra tội phạm được thiết lập. Và giờ đây trung tâm hướng nghiệp mới được xây lên, nơi mà có lần chỉ là một khu mặt tiền trống không.

Khi uy tín của tổ chức tăng lên, thì uy tín của tôi cũng vậy. Tôi bắt đầu nhận những lời mời tham gia vào ban giải đáp thắc mắc và chủ trì các cuộc hội thảo; các chính trị gia địa phương đều biết tên tôi, ngay cả khi họ không phát âm được nó. Về phần ban lãnh đạo, tôi có thể làm mà ít mắc phải sai lầm. “Anh lẽ ra nên gặp cậu ấy khi lần đầu cậu ấy đến đây”, tôi tình cờ nghe Shirley nói với một người lãnh đạo một ngày nọ. “Cậu ấy chỉ là một cậu bé. Tôi thề đấy, bây giờ anh hãy nhìn vào cậu ấy, anh sẽ nghĩ cậu ấy là một người khác”.

Chị ấy nói chuyện như một phụ huynh kiêu hãnh: tôi trở thành một loại con hoang thay thế.

Sự cảm kích của những người anh hợp tác cùng, những cải thiện cụ thể trong khu dân cư, những thứ anh có thể định giá. Lẽ ra là đã đủ rồi. Song đúng như những gì Will nói, tôi không thỏa mãn.

Có lẽ nó liên quan đến chuyến viếng thăm của Auma và tin tức mà chị ấy đề cập về Ông Già. Nơi có lần tôi cảm nhận sự cần thiết phải sống theo những mong mỏi của ông, giờ đây tôi cảm thấy như thể mình phải đền bù cho tất cả những lỗi lầm của ông. Chỉ có bản chất của những lỗi lầm đó vẫn chưa rõ ràng trong tâm trí tôi; tôi vẫn không thể đọc được những biển chỉ đường có thể cảnh báo tôi tránh những khúc rẽ sai lầm mà ông ấy đã từng đi. Chính bởi sự bối rối đó, bởi hình ảnh của ông ấy trong tôi trái ngược như vậy - đôi lúc là điều này, đôi lúc là điều kia, nhưng không bao giờ hai điều đó cùng một lúc - tôi tìm thấy chính mình, vào những khoảnh khắc ngẫu nhiên trong ngày, cảm nhận như thể tôi đang trải qua một kịch bản đã được báo trước, như thể tôi đang theo ông vào sự sai lầm, một kẻ bị giam cầm trong bi kịch của ông.

Rồi đến những vấn đề của tôi với Marty. Chúng tôi chính thức chia cắt nỗ lực hợp tác vào mùa thu năm đó; thế rồi ông đã dành phần lớn thời gian của mình trong các giáo hội ngoại ô, nơi hóa ra những giáo dân, da đen cũng như da trắng, ít quan tâm đến công việc hơn là lo và hình mẫu bỏ đi của người da trắng và những giá trị bất động sản suy giảm lan tràn trên khắp South Side một thập kỷ trước đây.

Đây là những vấn đề khó khăn, đầy dẫy chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự tình tế mà Marty nhận thấy quá kinh khủng. Vì thế anh quyết định tiếp tục. Anh đã thuê một tổ chức khác để làm phần lớn công việc hàng ngày ở ngoại ô và lúc này đang tắt bật khởi sự một tổ chức mới ở Gary, một thành phố nơi nền kinh tế suy sụp cách đây đã lâu - nơi mọi thứ tồi tệ đến mức, Marty nói, không ai đếm xỉa đến sắc thái của một nhà tổ chức. Một ngày nọ, anh gọi tôi đến với anh.

"Đây là một tình huống huấn luyện tồi tệ cho anh", anh ấy giải thích. "South Side quá lớn. Quá nhiều điều quấy nhiễu. Đó không phải là lỗi của anh. Lẽ ra tôi nên biết điều này rõ hơn".

“Marty, tôi không thể bỏ đi được. Tôi chỉ mới đến đây”.

Anh ấy nhìn vào tôi với sự kiên nhẫn vô tận. “Nghe này Barack, sự trung thành của anh rất đáng ngưỡng mộ. Nhưng ngay lúc này anh cần phải lo lắng cho sự phát triển riêng của anh. Ở đây thì anh chỉ có thất bại. Anh sẽ từ bỏ công việc tổ chức trước khi anh thật sự thử qua”.

Anh ấy đã sắp xếp điều này trong đầu: phải mất bao nhiêu thời gian để thuê và huấn luyện một người để thay thế tôi, sự cần thiết để đặt đúng chỗ một ngân sách khá lớn. Khi tôi lắng nghe anh ấy trình bày các phương án của mình, đột nhiên tôi hiểu ra rằng anh ấy chẳng có cảm xúc yêu mến đặc biệt nào đối với con người và địa điểm trong ba năm trời của anh ở khu vực này, rằng bất cứ sự nồng ấm của con người hay mối quan hệ thân thương nào anh ta có thể cần đến đều xuất phát từ một nơi nào đó khác: từ người vợ duyên dáng và đứa con trai trẻ đẹp của mình. Trong công việc của anh ta, chỉ có một ý tưởng vốn thôi thúc anh, ý tưởng mà một nhà máy đóng cửa được tượng trưng nhưng nó lớn hơn nhà máy, lớn hơn Angela hoặc Will hoặc những vị mục sư đơn độc, những người đồng ý làm việc cho anh ta. Ý tưởng đó có thể lóe sáng bất cứ nơi đâu; đối với Marty, nó đơn giản là vấn đề tìm ra sự liên kết đúng đắn giữa các tình huống, sự pha trộn hài hòa giữa các hợp chất.

“Marty”.

“Gì vậy?”

“Tôi sẽ không đi đâu hết”.

Cuối cùng chúng tôi đã đi đến một thỏa hiệp: Anh ấy sẽ cung cấp thông tin tư vấn mà tôi luôn cần đến; phí mà anh ta nhận được sẽ trợ cấp cho công việc của anh ta ở nơi khác. Mặc dù vậy, trong các buổi họp hàng tuần của chúng tôi, anh ấy vẫn gợi lại cho tôi về những lựa chọn tôi đưa ra, rằng không có rủi ro nào trong những thành tích khiêm tốn nhất của tôi, rằng những người đàn ông trong y phục sang trọng trong thành phố vẫn đang nắm mọi quyền kiểm soát. “Cuộc đời ngắn lắm Barack à”, anh ấy nói. “Nếu anh thật sự không cố thay đổi mọi thứ ở đây, có thể anh cũng sẽ quên thôi”.

À, vâng. Sự thay đổi *thật sự*. Nó có vẻ như một mục tiêu có thể đạt được ở đại học, một sự mở rộng quyết tâm cá nhân của tôi và niềm tin của mẹ tôi, giống như đẩy mạnh điểm trung bình hoặc bỏ uống rượu: vấn đề đón nhận và phân giao trách nhiệm. Chỉ lúc này, sau một năm tổ chức, chẳng có gì là đơn giản cả. Ai chịu trách nhiệm cho một nơi như Altgeld? Tôi tự hỏi. Không còn những gã da trắng nghèo nhai thuốc lá như Bull Connor, không còn những kẻ sát nhân Pinkerton. Chỉ là một nhóm nhỏ gồm những người đàn ông và đàn bà da đen, một nhóm người nổi bật bởi nỗi sợ hãi và sự tham lam nhỏ nhoi hơn là bởi tính hiểm độc và toan tính. Những người như ông Anderson, giám đốc dự án Altgeld, một người già nua hói đầu chỉ còn một năm nữa là về hưu. Hoặc bà Reece, một phụ nữ phúng phính với khuôn mặt như cái gối cắm kim giữ chức vụ chủ tịch hội đồng thuê đất chính quyền và tiêu khiển phần lớn thời gian của bà bảo vệ những đặc lợi vốn đến từ công sở của bà: một khoản thu nhập chính thức và một chỗ ngồi trong buổi dạ tiệc hàng năm; khả năng nhìn thấy con gái bà có được một căn hộ hạng sang, cháu trai bà có một việc làm trong bộ máy quan liêu CHA (Tổ chức Nhà ở Chicago). Hoặc Cha Johnson, vị cố vấn tinh thần của bà Reece và là người đứng đầu trong giáo hội lớn duy nhất ở Altgeld, người, lần đầu tiên và là lần duy nhất chúng tôi gặp, đã chặn tôi lại ngay lúc tôi nhắc đến chữ *tổ chức*.

“CHA không phải là vấn đề”, đức cha nhân từ đã nói như vậy. “Vấn đề là những cô gái trẻ ở đây dính líu vào kiểu hành vi thông dâm”.

Một số người thuê đất ở Altgeld nói với tôi rằng ông Anderson không sửa chữa những căn hộ của bất kỳ ai chống đối bà Reece và danh sách các ứng cử viên của bà ấy trong suốt những cuộc bầu cử LAC, rằng bà Reece bị kiểm soát bởi Cha Johnson, rằng Cha Johnson sở hữu một dịch vụ an ninh trong hợp đồng được ký kết với CHA. Tôi không thể khẳng định bất cứ chuyện này là thật, song nói cho cùng dường như nó cũng không quan trọng gì nhiều. Ba người họ chỉ phản ánh thái độ của hầu hết những người làm việc ở Altgeld: giáo viên, nhà tư vấn về ma túy, cảnh sát. Một số người ở đó cũng chỉ vì đồng lương; những người khác thực sự muốn giúp. Nhưng dù những động cơ của họ là gì đi nữa, đến một thời điểm nào đó họ sẽ thú nhận

về tình trạng buồn chán chung, một sự buồn chán thấu tận trong xương. Họ đã đánh mất bất cứ niềm tin nào mà họ đã từng có được trong khả năng lật ngược tình trạng hư hỏng mà họ nhìn thấy xung quanh mình. Với sự đánh mất niềm tin đó đã dẫn đến sự đánh mất khả năng tạo nên sự phẫn nộ. Ý tưởng về trách nhiệm - của riêng họ, của những người khác - dần dần bị xói mòn, bị thay thế bởi những lời nói đùa xúi quẩy và những hoài mong yếu ớt.

Vậy là, theo một nghĩa nào đó, Will đúng: Tôi cảm thấy có một điều gì đó để chứng minh - cho người dân của Altgeld, cho Marty, cho cha tôi, cho chính bản thân tôi. Rằng điều tôi làm có một giá trị nào đó. Rằng tôi không phải là thằng khờ để rượt đuổi những ý nghĩ viển vông. Sau này, khi tôi cố giải thích một vài ý này cho Will, ông ấy cười và lắc đầu, muốn gán cái thái độ gắt gỏng của tôi trong ngày cắt băng hôm đó cho một trường hợp ghen tuông thời tuổi trẻ. "Này, anh trông như một chú gà trống trẻ, Barack à", ông ấy nói với tôi, "còn Harold thì như con gà trống già. Con gà trống già bước vào, và tất cả những con gà mái tạo sự chú ý cho nó. Khiến cho con gà trống trẻ nhận ra nó có một hoặc hai điều để học hỏi".

Will dường như thích thú với việc so sánh này, và tôi cười cùng với ông. Nhưng một cách thầm kín tôi biết ông ấy hiểu lắm những tham vọng của tôi. Hơn bất cứ điều gì khác, tôi muốn Harold thành công; cũng như cha tôi, ông thị trưởng và những thành tích của ông dường như vạch ra những điều có thể; những món quà của ông, quyền lực của ông đã quy định những hy vọng của tôi. Và khi lắng nghe ông nói chuyện với chúng tôi vào ngày hôm đó, đậm nét duyên dáng và khiếu hài hước tuyệt vời, tất cả điều tôi có thể nghĩ đến là những giới hạn về quyền lực đó. Ở khía cạnh khác, Harold có thể làm cho các ngành dịch vụ của thành phố trở nên công bằng hơn. Những chuyên gia da đen giờ đây nhận được một thị phần lớn hơn trong công việc kinh doanh của thành phố. Chúng ta có một giám thị trường học da đen, một cảnh sát trưởng da đen, một giám đốc CHA da đen. Sự hiện diện của Harold đã an ủi, như Chúa của Will đã an ủi, cũng như là chủ nghĩa dân tộc của Rafiq cũng vậy. Nhưng dưới ánh sáng rực rỡ phát ra từ chiến thắng của Harold, ở Altgeld và một nơi nào đó khác, dường như chẳng có gì thay đổi.



Tôi phân vân không biết, ngoài cái địa vị nổi bật đó, Harold có nghĩ về những hạn chế đó không. Liệu, cũng như ông Anderson hoặc bà Reece hay bất kỳ số viên chức da đen nào những người hiện đang cai quản đời sống đô thị nội thành, ông có cảm thấy bị mắc bẫy giống như những người ông phục vụ, một người thừa kế của trang sử đau buồn, một phần của một hệ thống khép kín với chỉ vài bộ phận vận hành, một hệ thống làm mất nhiệt mỗi ngày, rơi vào sự ngưng trệ cấp thấp.

Tôi phân vân không biết ông có cảm nhận mình như một tù nhân của định mệnh.

Chính tiến sĩ Martha Collier là người cuối cùng đã nhắc tôi ra khỏi sự lo sợ. Bà là hiệu trưởng của Trường Tiểu học Carver, một trong hai trường cơ sở ở Altgeld. Lần đầu tiên tôi gọi xin bà một cuộc hẹn, bà không đặt quá nhiều câu hỏi.

"Tôi có thể sử dụng bất kỳ sự trợ giúp nào tôi có thể huy động được", bà nói. "Gặp anh vào lúc tám giờ ba mươi".

Ngôi trường, ba kết cấu lớn bằng gạch tạo nên hình móng ngựa bao quanh một khu đất đá hốc hốc rộng lớn, nằm ở biên giới phía nam của Altgeld. Bên trong, một nhân viên bảo vệ chỉ tôi đến văn phòng chính, nơi một phụ nữ da đen tuổi trung niên, thân hình cứng cáp trong y phục màu xanh đang nói chuyện với một phụ nữ trẻ hơn tóc tai rối bời và vẻ mặt căng thẳng.

"Bây giờ cô về nhà và nghỉ ngơi một tí", tiến sĩ Collier nói, đưa cánh tay mình đặt lên vai của người phụ nữ. "Tôi sẽ thực hiện vài cuộc gọi và xem liệu chúng ta có thể giải quyết chuyện này không". Bà ta dẫn người phụ nữ đến cánh cửa, và quay về phía tôi. "Hắn anh là Obama. Nào mời vào. Anh dùng cà phê chứ?"

Trước khi tôi có cơ hội hồi đáp, bà quay mặt về nhân viên thư ký của mình. "Làm cho ông Obama một tách cà phê. Những người thợ sơn kia đến chưa?"

Cô thư ký lắc đầu, và tiến sĩ Collier cau mày. "Ngưng tất cả các cuộc gọi", bà nói khi tôi bước theo sau bà vào văn phòng, "ngoại trừ

gã kỹ sư vô tích sự đó. Tôi muốn nói cho gã biết tôi nghĩ gì về sự ngu dốt đáng thương của gã”.

Văn phòng của bà được trang hoàng thưa thớt, những bức tường trống không ngoại trừ một vài huy chương dịch vụ cộng đồng và một tấm áp phích của một cậu bé da đen ghi dòng chữ “Chúa không tạo ra điều phi lý”. Tiến sĩ Collier kéo chiếc ghế và nói, “cô gái đó vừa mới rời văn phòng tôi, cô ta là mẹ của một trong những đứa trẻ của chúng tôi. Một con nghiện. Bạn trai của cô ấy bị bắt tội qua và không thể đóng bảo lãnh chờ xét xử. Vậy hãy cho tôi biết - tổ chức của anh có thể làm gì đối với những người như cô ta?”

Cô thư ký bước vào với tách cà phê của tôi. “Tôi hy vọng bà có một vài đề nghị”, tôi nói.

“Ngoại trừ phải phá hủy toàn bộ nơi này và tạo cho người dân cơ hội để khởi đầu lại, tôi không chắc lắm”.

Bà dạy học trong hai mươi năm, mười năm với chức vị hiệu trưởng. Bà đã quen với những cuộc đụng chạm nho nhỏ với thượng cấp - một thời toàn là người da trắng, bây giờ hầu như là người da đen - về các chính sách trợ cấp, chương trình giảng dạy và tuyển mộ. Kể từ lúc đến Carver, bà đã thiết lập một trung tâm trẻ em và phụ huynh nơi cho phép các bậc phụ huynh vào lớp học chung với con cái họ. “Phần lớn phụ huynh ở đây đều muốn những gì tốt nhất cho con họ”, tiến sĩ Collier giải thích. “Họ không biết làm thế nào để mang lại điều đó. Vì thế chúng tôi tư vấn cho họ về dinh dưỡng, chăm sóc y tế, cách để đối phó với stress. Chúng tôi dạy cho họ cách đọc vì thế họ có thể đọc cho con họ nghe ở nhà. Nếu có thể, chúng tôi sẽ giúp họ lấy bằng cấp tương đương với trung học, hoặc thuê họ làm việc với tư cách là giáo viên trợ giảng”.

Tiến sĩ Collier nhấp một hơi cà phê. “Điều chúng tôi không thể làm là thay đổi môi trường nơi những cô gái và con cái họ trở lại hàng ngày. Trước sau gì, đứa trẻ cũng bỏ chúng tôi và cha mẹ chúng cũng không buồn đến nữa -”

Điện thoại bà rung; người thợ sơn đến.

“Tôi nói với anh rồi đó Obama”, tiến sĩ Collier, đứng nhòe dậy. “Anh hãy đến và nói chuyện với nhóm phụ huynh của chúng tôi vào

tuần sau. Hãy khai thác những gì trong đầu họ. Lúc này, tôi không khuyến khích anh. Nhưng nếu họ nổi trận tam bành với anh, vậy thì làm sao tôi có thể ngăn chặn họ?"

Bà ấy cười vui vẻ và tiễn tôi đến hành lang, nơi một hàng dài ngỗng nghèo những học sinh năm hoặc sáu tuổi đang chuẩn bị vào lớp. Một số trong chúng nó vẫy tay chào chúng tôi và mỉm cười; hai ba cậu bé gần cuối lắc lư qua lại, cánh tay chúng ôm chặt vào hông nhau; một cô gái nhỏ bé tẹo cổ giật chiếc áo len ra khỏi đầu và bị mất kẹt trong cánh tay áo. Khi thầy giáo hướng dẫn chúng bước lên tam cấp, tôi nghĩ có vẻ như chúng hạnh phúc và cậy trông làm sao, rằng bất chấp những tình huống bất hạnh mà phần nhiều trong chúng đã trải qua - có thể sinh thiếu thốn, hay thuộc mầm mống của thói nghiện ngập, thì chúng cũng đã trở nên hoen ố với nét tả tơi của sự đói nghèo - niềm vui sướng mà chúng tìm thấy trong sự chuyển động đơn giản, sự hiếu kỳ chúng thể hiện trước mỗi khuôn mặt mới, dường như cũng chẳng thua kém bất cứ đứa trẻ nào khác. Chúng khiến tôi nghĩ về những lời mà Regina đã nói cách đây nhiều năm, trong một không gian và thời gian khác biệt: *Nó không phải về anh.*

"Chúng đẹp chứ nhỉ?" tiến sĩ Collier nói.

"Thật sự là thế".

"Sự thay đổi rồi sẽ đến. Trong khoảng năm năm nữa, đầu hình như có thể sớm hơn".

"Sự thay đổi gì vậy?"

"Khi mắt chúng không cười. Cổ họng chúng vẫn có thể phát ra âm thanh, nhưng nếu anh nhìn vào mắt chúng, anh có thể nhìn thấy những đôi mắt đó khép lại một điều gì đó bên trong.

Tôi bắt đầu dành vài giờ một tuần để trò chuyện với những đứa trẻ đó và cha mẹ chúng. Những người mẹ này trong độ tuổi mười chín đôi mươi; hầu hết chúng sống ở Altgeld, được nuôi dưỡng bởi chính những bà mẹ thiếu thời này. Họ nói mà không một chút e dè về việc mang thai ở tuổi mười bốn hay mười lăm, bỏ học, những sự liên kết hời hợt với những ông bố lúc ẩn lúc hiện trong cuộc đời chúng. Họ nói với tôi về việc tạo hiệu lực cho hệ thống, một hệ thống liên

quan hầu như đến việc chờ đợi; chờ đợi để nhìn thấy một người làm công tác xã hội, đợi chờ vào mức tỉ giá hối đoái để rút những khoản phúc lợi xã hội, đợi chờ xe buýt để đưa họ đến siêu thị gần nhất, cách xa năm dặm, cốt chỉ mua những chiếc khăn giấy giảm giá.

Họ làm chủ những công cụ để sinh tồn trong cái thế giới bó chặt của mình và chẳng hề hồ thẹn về nó. Dầu vậy họ không hề chỉ trích; điều đó khiến tôi kinh ngạc. Họ vẫn có những khát vọng. Có những cô gái như Linda và Bernadette Lowry, hai người chị mà tiến sĩ Collier đã giúp có được nền tảng học vấn tương đương trung học. Giờ đây Bernadette đang tham dự các khóa học ở trường cao đẳng cộng đồng; Linda, lại mang thai lần nữa, ở nhà để chăm sóc cho đứa con trai của Bernadette, Tyrone, và đứa con gái của mình, Jewel - nhưng cô nói rằng cô cũng sẽ đến trường cao đẳng ngay khi đứa bé thứ hai này chào đời. Sau đó họ sẽ tìm được việc làm, họ nói - có thể trong công tác quản lý thực phẩm hay nhân viên thư ký. Rồi họ sẽ dọn ra khỏi Altgeld. Một ngày nọ trong căn hộ của Linda, họ chỉ cho tôi một tập album mà họ cất giữ chứa đầy những mẫu báo cắt ra từ bộ sưu tập nội thất *Những Ngôi nhà Và Khu vườn đẹp*. Họ chỉ vào những nhà bếp trắng sáng và những thềm nhà làm bằng gỗ cứng, và nói với tôi rằng một ngày nào đó họ sẽ sở hữu một ngôi nhà như thế. Tyrone sẽ học bơi, họ nói; Jewel học vũ ba lê.

Thình thoảng, khi lắng nghe những mơ ước ngây thơ như thế, tôi cảm thấy lòng mình như muốn chống lại sự thôi thúc để quy tụ những cô gái này và con của họ trong vòng tay của mình, ôm chặt tất cả họ và không bao giờ để mất. Tôi nghĩ họ cũng cảm nhận được sự thôi thúc đó, và Linda, với vẻ đẹp da đen ấn tượng của mình mỉm cười với Bernadette và hỏi tôi tại sao không lập gia đình.

“Tôi nghĩ mình chưa tìm ra người phụ nữ thích hợp”, tôi nói.

Và Bernadette vỗ vào cánh tay của Linda, nói, “Ngưng chuyện đó đi! Em làm cho ông Obama đỏ mặt rồi kìa”. Và cả hai người họ cùng cười to, và tôi nhận ra rằng theo cách riêng của mình, đối với họ tôi hẳn cũng ngây ngô như chính họ ngây ngô với tôi vậy.

Kế hoạch của tôi đối với những phụ huynh này là đơn giản. Chúng tôi chưa đủ sức để thay đổi chính sách phúc lợi xã hội tiểu bang,

hoặc tạo ra công ăn việc làm ở địa phương, hoặc mang những khoản tiền thiết yếu vào các trường học. Nhưng điều chúng tôi có thể làm là bắt đầu cải thiện các dịch vụ cơ bản ở Altgeld - sửa chữa nhà vệ sinh, cửa sổ và máy sưởi. Một vài bước khắc phục trước nhất, và tôi hình dung những phụ huynh này tạo nên tâm điểm của một tổ chức những người thuê đất độc lập. Với chiến lược đó trong đầu, tôi đưa ra một loạt các mẫu đơn than phiền trong cuộc họp kế tiếp cho tất cả phụ huynh, yêu cầu từng người trình bày ý kiến về khu dân cư họ đang sống. Họ đồng ý với kế hoạch này, nhưng khi cuộc họp chấm dứt, một trong những phụ huynh, tên là Sadie Evans, tiến lại tôi tay cầm một mẫu tin được cắt ra từ tờ báo.

"Tôi nhìn thấy cái này trong tờ báo ngày hôm qua, ông Obama", Sadie nói. "Tôi không hiểu nó hàm ý gì nhưng tôi muốn biết suy nghĩ của ông".

Đó là một thông báo hợp pháp, bằng chữ in nhỏ, được đăng ở mục rao vặt. Nó ghi rằng CHA đang chào mời những gói thầu đến các nhà thầu có năng lực để tháo gỡ chất ami-ăng khỏi văn phòng điều hành ở Altgeld. Tôi hỏi những phụ huynh liệu có ai trong họ được thông báo về việc phơi bày chất ami-ăng tiềm năng đó. Họ lắc đầu.

"Anh nghĩ nó ở trong căn hộ của chúng ta ư?" Linda hỏi.

"Tôi không biết. Nhưng chúng ta có thể tìm ra. Ai muốn gọi ông Anderson đến văn phòng điều hành?"

Tôi liếc khắp căn phòng, nhưng không thấy cánh tay nào giơ lên. "Nào, ai đó đi. Tôi không thể gọi. Tôi không sống ở đây".

Cuối cùng Sadie giơ tay. "Tôi sẽ làm", cô ấy nói.

Sadie không phải là sự lựa chọn số một của tôi. Cô ấy là một phụ nữ nhỏ con và yếu ớt với một giọng nói the thé vốn khiến cho cô dường như thẹn thùng một cách khổ sở. Cô ấy mặc những chiếc áo dài đến tận đầu gối và mang một cuốn kinh thánh bằng bìa da đến bất cứ chỗ nào cô ấy muốn đến. Không như những phụ huynh khác, cô ấy kết hôn với một thanh niên trẻ, là một thư ký kho vào ban ngày nhưng đang rèn luyện để trở thành một mục sư; họ không quan hệ với những người ngoài giáo hội của họ.

Tất cả điều này khiến cho cô có vẻ như không thích hợp trong nhóm, và tôi không chắc cô ấy đủ cứng rắn để đối phó với CHA. Nhưng khi tôi trở về văn phòng vào ngày hôm đó, cô thư ký của tôi chuyển tới một tin nhắn ghi rằng Sadie đã thiết lập một cuộc hẹn với ông Anderson đồng thời gọi điện đến những phụ huynh khác và thông báo cho họ. Sáng hôm sau, tôi nhìn thấy Sadie đứng trước văn phòng điều hành của Altgeld, trông như một đứa bé mồ côi, cô đơn trong đám sương mù ẩm ướt.

"Trông có vẻ chẳng có ai có mặt ở đây, phải vậy không ông Obama?" cô nói, nhìn vào chiếc đồng hồ của mình.

"Cứ gọi tôi là Barack", tôi nói. "Nghe này, cô có muốn tiếp tục trải nghiệm điều này không? Nếu cô không thoải mái, chúng ta có thể sắp xếp lại cuộc họp cho đến khi chúng ta có thêm vài phụ huynh khác".

"Tôi không biết. Anh có nghĩ tôi sẽ lâm vào rắc rối không?"

"Tôi nghĩ cô có quyền tiếp cận với thông tin vốn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cô. Nhưng điều đó không có nghĩa là ông Anderson cũng sẽ nghĩ như thế. Tôi sẽ đứng sau cô, và những phụ huynh khác cũng vậy, nhưng cô cần làm cái gì có lý cho mình".

Sadie kéo chiếc áo khoác chặt hơn vào người và lại nhìn đồng hồ. "Chúng ta không nên bắt ông Anderson phải đợi", cô nói, và lao ra khỏi cửa.

Với biểu hiện trên nét mặt của ông Anderson khi chúng tôi bước vào văn phòng, rõ ràng một điều là tôi không được mong đợi. Ông mời chúng tôi ngồi và hỏi chúng tôi có dùng cà phê không.

"Không thưa ông", Sadie nói. "Tôi thật sự cảm kích vì ông đã nghĩ đến chúng tôi với một thông báo nhỏ đó". Với chiếc áo khoác vẫn đang mặc, cô rút ra mẫu thông báo và khéo léo đặt nó trên bàn làm việc của ông Anderson. "Một vài phụ huynh ở trường đã nhìn thấy nó trên báo, và chúng tôi lo lắng... vâng, chúng tôi tự hỏi không biết liệu chất ami-ăng này có ở trong căn hộ của chúng tôi không".

Ông Anderson liếc nhìn mẫu thông báo, rồi đặt nó sang một bên. "Cái này chẳng có gì phải lo lắng cả, bà Evans à", ông nói. "Chúng tôi chủ năng cấp tòa nhà này, và sau khi những nhà thầu đập vỡ một

trong các vách tường, họ phát hiện chất ami-ăng trong các đường ống. Nó phải được tháo gỡ như là một biện pháp phòng ngừa”.

“Ồi... cùng một thứ đó, cùng biện pháp phòng ngừa đó không nên thực hiện trong căn hộ của chúng tôi? Ý tôi, không có chất ami-ăng ở đó chứ?”

Cái bẫy đã được giăng, và mắt của ông Anderson nhìn vào mắt tôi. Một kiểu che đậy tạo sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến công chúng bằng chất ami-ăng, tôi tự nhủ. Tính quần chúng sẽ làm cho công việc tôi dễ dàng hơn. Và tuy nhiên, khi tôi quan sát ông Anderson loay hoay trong chiếc ghế của mình, cố xem xét tình hình, một phần trong tôi như muốn cảnh cáo ông. Tôi có một cảm giác đáng lo ngại rằng tâm hồn của ông ấy cũng quen thuộc với tôi, linh hồn của một người đàn ông lớn tuổi cảm thấy như bị phản bội bởi chính cuộc đời - một nét mặt mà tôi thường nhìn thấy trong đôi mắt của ông ngoại. Một cách nào đó tôi muốn ông Anderson biết rằng tôi hiểu được tình trạng tiến thoái lưỡng nan của ông ấy, muốn nói với ông ấy rằng nếu ông ấy chỉ giải thích rằng những sự cố ở Altgeld đã tồn tại từ trước và thừa nhận rằng ông cũng cần sự trợ giúp, vậy thì một biện pháp cứu tế nào đó có thể huy động ngay trong căn phòng này.

Thay vào đó, tôi chẳng nói gì, và ông Anderson ngoảnh mặt đi. “Không, bà Evans”, ông nói với Sadie. “Không có ami - ăng trong các căn hộ cư ngụ. Chúng tôi đã kiểm tra kỹ rồi”.

“Ồi, thật nhẹ nhõm”, Sadie nói. “Cám ơn ông. Cám ơn ông rất nhiều”. Cô ấy đứng dậy bắt tay ông Anderson, và bước đến cánh cửa. Tôi sắp sửa nói một điều gì đó thì cô ấy quay lại phía ông giám đốc đốc dự án.

“Ồi, xin lỗi”, cô nói. “Tôi quên thỉnh cầu ông một chuyện. Những phụ huynh khác... vâng, họ muốn xem báo cáo về những lần kiểm định mà các ông thực hiện. Ý tôi là kết quả kiểm định. Ông biết đấy, vì thế chúng tôi có thể làm cho mọi người cảm thấy rằng con cái họ được an toàn”.

“Tôi... các hồ sơ đều nằm ở văn phòng thành phố”, ông Anderson lấp bắp. “Chúng được lưu trong file, cô hiểu chứ”.

“Ông có nghĩ là sẽ gửi cho chúng tôi một bản phô-tô vào tuần tới không?”

“Vâng, ồ... dĩ nhiên. Tôi sẽ xem có thể làm được gì. Tuần tới”.

Khi chúng tôi bước ra ngoài, tôi nói với Sadie rằng cô ấy làm rất tốt công việc.

“Anh có nghĩ ông ấy nói thật?”

“Tôi không biết. Chúng ta sẽ biết sớm thôi”.

Một tuần trôi qua. Sadie gọi đến văn phòng ông Anderson: cô ấy được thông báo rằng kết quả cần phải mất một tuần nữa mới có. Hai tuần trôi qua, và những cuộc gọi của Sadie không được hồi đáp. Chúng tôi cố liên lạc với bà Reece, rồi trưởng địa hạt CHA, rồi gửi một bức thư đến giám đốc điều hành của CHA kèm theo một bản phô-tô gửi đến văn phòng của ông thị trưởng. Không thấy trả lời.

“Bây giờ chúng ta phải làm gì đây?” Bernadette hỏi.

“Chúng ta xuống phố. Nếu họ không đến với chúng ta, chúng ta sẽ đến họ”.

Ngày hôm sau chúng tôi lập kế hoạch hành động. Một bức thư khác gửi cho giám đốc điều hành CHA được soạn thảo, báo với ông ấy rằng chúng tôi sẽ xuất hiện tại văn phòng ông ấy trong hai ngày tới để đòi báo cáo về vấn đề ami-ăng. Những đứa trẻ ở Carver được gửi về nhà với một tờ bướm gắn vào những chiếc áo khoác thúc giục cha mẹ chúng cùng tham gia với chúng tôi. Sadie, Linda, và Bernadette dành gần như hầu hết buổi tối kêu gọi những người láng giềng khác.

Nhưng khi ngày điểm đã đến, tôi đếm chỉ có tám người trong chiếc xe buýt màu vàng đậu trước mặt trường học. Bernadette và tôi đứng trong bãi đậu xe cố huy động thêm những phụ huynh khác khi họ đến đón con. Họ nói rằng họ có cuộc hẹn với bác sĩ hoặc không thể tìm những người giữ trẻ hộ. Một số người không phiền đưa ra lý do, bước qua chúng tôi như thể chúng tôi là những kẻ ăn mày. Khi Angela, Mona và Shirley đến để xem mọi chuyện tiến triển thế nào,



tôi nằng nặc họ cùng đi với chúng tôi để tăng cường hậu thuẫn tinh thần. Mọi người trông có vẻ căng thẳng, chỉ trừ Tyrone và Jewel, chúng đang say sưa nhìn mặt trên chóc ông Lucas, người cha duy nhất trong nhóm. Tiến sĩ Collier xuất hiện bên cạnh tôi.

"Tôi đoán là điều này sẽ xảy ra", tôi nói.

"Tốt hơn là tôi nghĩ", bà ấy nói. "Đội quân của Obama".

"Đúng đấy".

"Chúc may mắn", bà ấy nói và vỗ nhẹ vào lưng tôi.

Chiếc xe buýt di chuyển từ từ qua lò hỏa táng cũ kỹ và nhà máy cán thép Ryerson, xuyên qua Công viên Jackson, và rồi ra Xa lộ Bờ Hồ. Khi chúng tôi tiến về thành phố, tôi đưa ra kịch bản hành động và yêu cầu mọi người đọc kỹ. Trong lúc đợi họ đọc xong, tôi nhận thấy ông Lucas mang một vẻ tư lự sâu sắc được hằn sâu trong trán. Ông là một người đàn ông hiền lành, thấp bé với một ít cà lăm; ông làm những công việc vặt quanh quán Altgeld và giúp vợ mình bất cứ khi nào có thể. Tôi đến gần bên ông và hỏi có gì không ổn.

"Tôi không đọc tốt lắm", ông nói một cách nhỏ nhẹ.

Cả hai chúng tôi cùng nhìn xuống trang giấy với chữ dày đặt.

"Được rồi". Tôi bước về phía trước xe buýt. "Nghe này, mọi người! Chúng ta cùng xem qua kịch bản để chắc chắn rằng chúng ta hiểu nó. Chúng ta muốn gì?"

"Một cuộc họp với ông giám đốc!"

"Ở đâu?"

"Altgeld!"

"Điều gì sẽ xảy ra nếu họ nói sẽ cho chúng ta câu trả lời sau?"

"Chúng ta muốn câu trả lời ngay bây giờ!"

"Điều gì sẽ xảy ra nếu họ làm những điều không phải như chúng ta mong đợi?"

"Chúng ta sẽ họp kín!"

“Những gã da trắng nghèo!” Tyrone la lên.

Văn phòng CHA trong tòa nhà xám sẫm ở trung tâm của Vành đai. Chúng tôi bước xuống xe buýt, đi vào hành lang và dồn tất cả vào thang máy. Ở tầng bốn chúng tôi bước vào một hành lang với đèn điện sáng rực nơi một người tiếp tân ngồi phía sau một cái bàn bệ vệ.

“Tôi có thể giúp gì anh?” cô ta nói, mắt đủ ngược lên từ tờ tạp chí đang đọc.

“Chúng tôi muốn gặp ông giám đốc?” Sadie nói.

“Anh có hẹn à?”

“Ông ấy...” Sadie quay mặt về tôi.

“Ông ấy biết chúng tôi đến đây”, tôi nói.

“Vâng, lúc này ông ta không có ở văn phòng”.

Sadie nói, “Cô vui lòng kiểm tra với phó giám đốc của ông ấy được không?”

Cô tiếp tân ngược lên với ánh mắt lạnh lùng, nhưng chúng tôi vẫn đứng yên. “Mời ngồi”, cuối cùng cô ta nói.

Những người phụ huynh ngồi xuống và mọi người chìm vào thinh lặng. Shirley bắt đầu đốt điếu thuốc, nhưng Angela thúc vào cạnh sườn cô ấy.

“Chúng ta phải quan tâm đến sức khỏe, nhớ không?”

“Đã quá trễ cho tôi rồi, cô gái à”, Shirley cầu nhau, nhưng gói thuốc vẫn quay trở lại chiếc ví của chị ấy. Một nhóm đàn ông trong những bộ vest và cà vạt xuất hiện từ cánh cửa phía sau bàn tiếp tân, quan sát nhanh qua chúng tôi và bước đến thang máy. Linda thì thầm một điều gì đó vào tai Bernadette; Bernadette thì thầm lại.

“Mọi người thì thầm về chuyện gì vậy?” tôi lớn tiếng hỏi.

Những đứa trẻ cười khúc khích. Bernadette nói, “tôi cảm nhận như đang đợi người hiệu trưởng hay một điều gì đó”.

“Anh chị thấy chưa”, tôi nói. “Họ xây dựng những văn phòng lớn như thế này để khiến cho anh chị cảm thấy rụt rè. Hãy nhớ rằng đây

là công quyền. Những gã làm việc ở đây phải chịu trách nhiệm trước anh chị”.

“Xin lỗi”, cô tiếp tục nói với chúng tôi, giọng cô ta nâng lên để lấn át tiếng tôi. “Tôi vừa được thông báo rằng ông giám đốc không thể tiếp quý vị ngày hôm nay. Anh chị nên báo cáo bất cứ khúc mắc gì cho ông Anderson ở Altgeld”.

“Nghe này, chúng tôi đã gặp ông Anderson rồi, ” Bernadette nói. “Nếu ông giám đốc không có ở đây, chúng tôi muốn gặp phó giám đốc của ông ấy”.

“Tôi lấy làm tiếc vì điều đó không thể. Nếu anh chị không rời khỏi đây ngay, tôi sẽ gọi bảo vệ”.

Vào lúc đó, những chiếc cửa thang máy mở ra và một vài đoàn làm phóng sự truyền hình bước vào, cùng với nhiều phóng viên khác nhau. “Đây có phải là sự phản đối về chất ami - ăng không?” Một trong những phóng viên hỏi tôi.

Tôi chỉ Sadie. “Cô ấy là người phát ngôn”.

Đoàn quay phim bắt đầu sắp đặt máy móc, và các phóng viên rút ra những cuốn sổ ghi chép. Sadie tự thú lỗi và kéo tôi sang một bên.

“Tôi không muốn nói trước ống kính truyền hình”.

“Tại sao vậy?”

“Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ xuất hiện trên TV trước đây”.

“Chị sẽ ổn thôi”.

Trong vài phút những ống kính bắt đầu quay, và Sadie, giọng cô ấy hơi run, tổ chức buổi họp báo đầu tiên của mình. Khi cô bắt đầu ứng phó hàng loạt những câu hỏi, một phụ nữ trong y phục đỏ và mi mắt đậm đen hối hả bước đến khu vực tiếp tân. Với nụ cười dán chặt vào Sadie, cô ta tự giới thiệu mình là trợ lý của ông giám đốc, cô Broadnax. “Tôi xin lỗi vì ông giám đốc không có ở đây”, cô Broadnax nói. “Nếu anh chị đi theo lối này, chắc chắn chúng tôi có thể làm rõ toàn bộ vấn đề”.

“Có ami-ăng trong tất cả căn hộ CHA không?” một phóng viên la lên.

“Ông giám đốc có tiếp chuyện với phụ huynh không?”

“Chúng tôi quan tâm đến kết quả tốt nhất có thể có cho người dân”, cô Broadnax lớn tiếng. Chúng tôi theo cô ấy bước vào một khán phòng lớn nơi một vài viên chức với nét mặt rủ rượi đã ngồi sẵn xung quanh chiếc bàn hội nghị. Cô Broadnax nhận xét về sự láu lỉnh của những đứa trẻ và ngổ ỷ mọi người cà phê và bánh rán.

“Chúng tôi không cần bánh rán”, Linda nói. “Chúng tôi cần câu trả lời”.

Và chỉ có vậy. Không cần một lời từ tôi, các phụ huynh đã nhận ra rằng chẳng có báo cáo kiểm định nào được làm cả và nhận một lời hứa rằng việc kiểm định sẽ bắt đầu vào cuối ngày. Họ thương thuyết một cuộc họp với ông giám đốc, thu thập một ít danh thiếp, và cảm ơn Broadnax vì sự hiện diện của cô. Ngày của cuộc họp được thông báo cho giới báo chí trước khi chúng tôi trở lại thang máy và lên xe buýt. Trên đường, Linda nằng nặc tôi thết đãi bắp đường caramel cho mọi người trên xe, kể cả anh tài xế. Khi chiếc xe vọt đi, tôi cố thực hiện một cuộc thẩm định, chỉ ra tầm quan trọng của việc chuẩn bị, cách thức mọi người làm việc như một tập thể.

“Anh có để ý đến khuôn mặt của người phụ nữ khi cô ta nhìn thấy những ống kính camera?”

“Còn việc cô ta đối xử dễ thương với những đứa trẻ thì sao? Chỉ để làm lắng dịu chúng ta để chúng ta sẽ không đặt ra câu hỏi nào”.

“Sadie không tuyệt vời sao? Cô đã làm cho chúng tôi tự hào, Sadie à”.

“Tôi phải gọi điện đến chị em họ của tôi để biết chắc cô ấy đã cho sẵn máy thu chương trình. Chúng ta sẽ xuất hiện trên truyền hình”.

Tôi cố ngăn mọi người đừng nói chuyện ngay bây giờ, nhưng Mona giật lấy tay áo tôi. “Bỏ đi, Barack à. Đây nè”. Cô ấy đưa cho tôi một túi bắp. “Ăn đi”.

Tôi đến ngồi sát bên cạnh cô ấy. Ông Lucas nhắc những đứa trẻ ngồi vào trong lòng ông để có thể nhìn thấy Vòi Phun của cung điện Buckingham. Khi tôi nhai những hạt bắp mềm dẻo, nhìn ra mặt hồ, lúc này tĩnh lặng và chuyển màu ngọc lam, tôi cố nhớ lại một khoảnh khắc mãi nguyên hơn.

Về cơ bản, tôi đã thay đổi bởi kết quả của chuyến hành trình trên xe buýt đó. Một kiểu thay đổi quan trọng, nó quan trọng không phải bởi vì nó thay đổi những hoàn cảnh cụ thể của anh theo một cách nào đó (giàu có, an toàn, danh vọng) nhưng nó gợi lên một điều gì khá thi và rồi khích lệ anh, vượt lên trên niềm vui thoáng chốc, vượt lên trên bất kỳ sự thất vọng về sau, để tìm lại điều mà có lần, nói một cách ngắn gọn, anh đã nắm giữ trong tay. Chiếc xe buýt đó khiến tôi tiếp tục bước đi, tôi nghĩ. Có thể nó vẫn như thế.

Đĩ nhiên quần chúng thật tuyệt vời. Buổi tối sau khi chúng tôi trở về từ văn phòng CHA, khuôn mặt của Sadie xuất hiện suốt trên truyền hình. Giới báo chí, giống chuyên bắt mùi, đã khám phá ra rằng một dự án khác ở South Side có chứa những đường ống với chất ami - ăng đang mục rã. Ông ủy viên hội đồng bắt đầu triệu tập ngay một phiên tòa. Các luật sư được mời đến cho một cuộc tố tụng tập thể.

Nhưng khác xa với tất cả điều đó khi chúng tôi chuẩn bị cho cuộc họp với giám đốc CHA, và tôi bắt đầu thấy một điều gì đó kỳ diệu đang diễn ra. Những phụ huynh bắt đầu nói về ý tưởng cho những chiến dịch tương lai. Những phụ huynh mới tham gia vào. Cuộc vận động từ khu vực này đến khu vực kia mà chúng tôi đã hoạch định từ trước phát huy hiệu lực, cô Linda cùng với cái bụng căng phồng lão rão đến từng nhà để thu thập các tờ mẫu than phiền; ông Lucas, không thể tự mình đọc những tờ mẫu đó, giải thích với những người lảng giềng cách để điền vào cho đúng. Ngay cả những người đã từng phản đối nỗ lực của chúng tôi cũng bắt đầu tham gia: Bà Reece đồng ý tài trợ cho sự kiện, và Cha Johnson cho phép một vài thành viên của ông đưa thông báo trong thánh lễ Chủ nhật. Điều đó cứ như là bước chân bé nhỏ và chân chất của Sadie đã xâm nhập vào một nguồn hy vọng, cho phép người dân ở Altgeld giành lại được uy thế mà họ đã có từ lâu.

Cuộc họp được tổ chức trong phòng thể dục của Thánh đường Mẹ Đồng Trinh của chúng tôi, tòa nhà duy nhất có thể chứa ba trăm người mà chúng tôi hy vọng sẽ kéo đến. Những người lãnh đạo tới sớm một tiếng, và chúng tôi kiểm tra lại những yêu sách của mình lần cuối - việc một nhóm người dân làm việc với CHA để đảm bảo việc ngăn chặn ami-ăng, và CHA ấn định một thời gian biểu cụ thể cho việc tiến hành sửa chữa. Khi chúng tôi thảo luận một vài chi tiết ở phút cuối, Henry, nhân viên bảo trì, vẫy tôi đến hệ thống âm thanh.

“Chuyện gì vậy?”

“Hệ thống hỏng rồi. Đoàn mạch hay lỗi gì đó”.

“Vậy chúng ta không có micro à?”

“Không. Phải dùng tạm một thứ gì đó ở đây thôi”. Anh ta chỉ tay vào một chiếc âm li rời, kích cỡ chỉ bằng một cái va - li nhỏ, với chiếc micro lỏng lẻo được treo bởi một sợi dây thừng nhỏ cọ sần. Sadie và Linda đến đứng bên tôi và nhìn xuống cái hộp cổ xưa đó.

“Anh đùa đấy à”, Linda nói.

Tôi thử vào chiếc micro. “Sẽ ổn mà. Các bạn sẽ phải nói lớn lên nhé”. Thế rồi, lại nhìn xuống chiếc âm li, tôi nói, “Dầu sao cũng cố dùng để ông giám đốc lén lút. Ông ấy sẽ luyên thuyên suốt hàng tiếng đồng hồ. Chỉ đưa cho ông ta sau khi cô đặt vài câu hỏi. Cô biết đấy, giống như Oprah”.

“Nếu không ai đến”, Sadie nói, nhìn đồng hồ, “chúng ta sẽ không cần micro”.

Mọi người đến. Từ khắp mọi ngõ ngách của Khu vườn, họ kéo đến - những công dân thâm niên, những thanh thiếu niên, trẻ nhỏ. Khoảng bảy giờ, năm trăm người đến; bảy giờ mười lăm, bảy trăm người. Đoàn truyền hình bắt đầu lắp đặt thiết bị, và những chính trị gia địa phương có mặt xin chúng tôi cơ hội để làm nóng không khí đám đông. Marty, người đến để quan sát sự kiện, cũng khó mà có thể dần lòng được.

“Anh thật sự có một điều gì đó ở đây, Barack à. Những người này sẵn sàng hành động rồi đó”.

Chỉ có một vấn đề: ông giám đốc chưa tới. Cô Broadnax nói ông ấy bị kẹt xe, vì thế chúng tôi vẫn tiến hành với phần đầu trong chương trình nghị sự. Vào thời điểm tất cả các mục sơ bộ kết thúc, lúc ấy gần tám giờ. Tôi có thể nghe mọi người bắt đầu càu nhàu, họ tự quạt mát mình trong cái sân tập ngột ngạt, nóng nực. Gần cánh cửa tôi nhìn thấy Marty cố điều khiển đám đông bằng một khúc thánh ca. Tôi kéo anh ấy sang một bên.

“Anh làm gì thế?”

“Anh đang đánh mất mọi người. Anh phải làm một điều gì đó để khiến họ bốc lên”.

“Xin vui lòng *ngồi xuống*”.

Tôi hầu như thoát khỏi tình huống gay go và tiếp tục với cô Broadnax khi tiếng rì rầm nổi lên từ phía sau phòng tập và ông giám đốc bước xuyên qua cánh cửa được vây quanh bởi một vài phụ tá. Ông là một người đàn ông da đen lịch lãm với vóc dáng trung bình, độ tuổi khoảng đầu bốn mươi. Sửa lại chiếc cà vạt cho thẳng thớm, ông bước đi một cách dứt khoát về phía trước khán phòng.

“Xin chào đón quý vị”, Sadie nói trong chiếc micro. “Chúng ta có một nhóm người muốn nói chuyện với quý vị”.

Đám đông vỗ tay hoan hô; chúng tôi nghe một vài tiếng huýt sáo. Ánh đèn truyền hình bật sáng.

“Tối nay chúng ta có mặt ở đây”, Sadie nói, “để nói về một vấn đề vốn đe dọa đến sức khỏe của con em chúng ta. Nhưng trước khi chúng ta nói đến chất ami-ăng, chúng ta cần xử lý những vấn đề mà chúng ta tiếp cận hàng ngày. Linda?”

Sadie đưa chiếc micro cho Linda, người quay mặt về ông giám đốc và chỉ vào chồng đơn than phiền.

“Thưa ông giám đốc. Tất cả chúng tôi ở Altgeld không mong chờ những phép mầu. Nhưng chúng tôi chỉ mong đợi những dịch vụ cơ bản. Vậy thôi, chỉ là những thứ cơ bản. Giờ đây những người này, giống như những kẻ ngu dốt thật sự, đã đẩy mạnh nỗ lực của mình để bày tỏ tất cả những điều mà họ luôn yêu cầu CHA sửa chữa

nhưng không bao giờ được đáp ứng cả. Vì vậy câu hỏi của chúng tôi là, tối nay ông có đồng ý khi đứng trước tất cả những người dân này, hợp tác với chúng tôi để thực hiện việc sửa chữa đó không?”

Khoảnh khắc tiếp theo như mờ dần trong ký ức tôi. Khi tôi nhớ ra, Linda cuối người để nhận câu trả lời của ông giám đốc, nhưng khi ông ấy với lấy chiếc micro, cô ấy giật lại.

“Vui lòng cho một câu trả lời có hay không”, Linda nói. Vị giám đốc nói một điều gì đó ứng phó bằng cách riêng của mình và lần nữa lại với lấy chiếc micro. Linda lại giật lui, lúc này có một vẻ nhái nhạo mang máng nào đó trong cử chỉ, hành động của một đứa trẻ đang chọc tức người anh em nó bằng một chiếc bánh kem. Tôi cố vẫy tay để ra hiệu cho Linda quên điều tôi nói trước đó và nhường chiếc micro, nhưng tôi đứng quá xa tận phía sau để cô ấy có thể nhìn thấy tôi. Cùng lúc đó, vị giám đốc đặt tay lên sợi dây micro, và trong thoáng chốc một cuộc giằng co xảy ra giữa một viên chức có thể lực và một thai phụ trẻ trong chiếc quần lửng và áo blouse. Phía sau họ, Sadie đứng bất động, khuôn mặt cô rạng rỡ lên, mắt cô tròn xoe. Đám đông, không rõ chuyện gì đang xảy ra, bắt đầu la lên, một số người nhắm vào ông giám đốc, những người khác vào Linda.

Rồi... hỗn loạn. Ông giám đốc thả chiếc micro và bước đến lối ra. Cũng giống như một loài đơn bào nào đó, những người gần cánh cửa loạng choạng bước theo sau, và ông đột nhiên chuyển sang bước chạy ngắn nhanh. Tôi cũng tự chạy, và vào lúc tôi chống chọi để tìm lối ra, ông giám đốc đã tự bảo vệ mình trong chiếc limo trong khi một sóng người bao quanh chiếc xe, một số áp mặt vào kính xe có phủ lớp màu, những người khác cười phá lên, có người chửi rủa, phần lớn là đứng lảng vảng bối rối không biết chuyện gì xảy ra. Một cách chậm rãi chiếc limo bỗng giật mạnh về phía trước, từng in-sơ một, cho đến khi gặp một lối đi dẫn ra con đường và chiếc xe tăng tốc phóng đi, lảo đảo điên cuồng trên con đường đầy hố bom, dầm đạp lên lề đường rồi mất hút.

Tôi bước trở lại phòng thể dục trong sự sững sờ, ngược hướng với dòng người lúc này đang đổ về nhà. Gần cánh cửa, một nhóm người nhỏ đang tụ tập xung quanh một người đàn ông trẻ trong chiếc áo



khoác da màu nâu mà tôi nhận ra là viên phụ tá của ông ủy viên hội đồng thành phố.

"Toàn bộ thứ này được sắp đặt bởi Vrdolyak, các anh biết đấy", ông ấy nói với đám người đang bao quanh. "Các anh nhìn thấy gã da trắng đó kích động đám đông. Họ chỉ cố làm cho hình ảnh Harold trông tệ hơn".

Cách đó vài bước chân, tôi nhận ra bà Reece và một vài phụ tá của bà. "Nhìn thấy điều anh làm!" bà ta nạt tôi. "Đây là điều đã xảy ra khi anh cố thuyết phục những người trẻ này dính vào. Quấy rối cả Khu vườn này, trên truyền hình và mọi thứ. Những người da trắng xem chúng ta hành động như một lũ mọi đen! Cũng như họ nghĩ vậy thôi".

Bên trong, chỉ có một vài phụ huynh vẫn còn ở lại. Linda đứng một mình trong góc phòng, nức nở. Tôi bước đến và đặt cánh tay qua vai cô ấy.

"Cô không sao chứ?"

"Tôi lúng túng quá", cô nói, giọng nghẹn ngào. "Tôi không biết điều gì xảy ra Barack à. Với tất cả mọi người... dường như tôi luôn làm rối tung mọi thứ lên".

"Cô không làm rối tung đâu", tôi nói. "Nếu có ai quấy rối thì chính là tôi". Tôi gọi những người còn lại tập trung lại thành một vòng tròn và cố đưa ra những lời động viên họ. Số người tham dự thật tuyệt vời, tôi nói, có nghĩa là người ta sẵn sàng tham gia vào. Hầu hết người dân vẫn ủng hộ cho nỗ lực của chúng ta. Chúng ta học từ những lỗi lầm của chúng ta.

"Và vị giám đốc biết chắc lúc này chúng ta là ai", Shirley nói.

Câu nói cuối cùng này kéo theo những nụ cười yếu ớt. Sadie nói cô phải về nhà, tôi bảo với nhóm rằng tôi có thể lo việc vệ sinh. Khi tôi thấy Bernadette xốc Tyrone trên một cánh tay và mang cái trọng lượng gà gât của nó khắp sàn phòng tập thể dục, tôi cảm thấy như bao tử mình thắt lại. Tiến sĩ Collier vỗ nhẹ vào vai tôi.

"Ai sẽ làm anh phấn chấn?" cô ấy hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Anh nắm bắt nhiều cơ hội, một lúc nào đó mọi việc sẽ bùng nổ”.

“Nhưng về mặt họ...”

“Đừng lo”, tiến sĩ Collier nói. “Họ thật cứng rắn. Nhưng không đến mức như vẻ bề ngoài của họ - không ai trong chúng ta là như thế cả, ngay cả anh. Nhưng họ sẽ vượt qua để tìm lại hạnh phúc cho mình. Một điều gì đó như thế này chỉ là một phần của sự trưởng thành. Và thỉnh thoảng trưởng thành trong sự đau đớn”.

Ảnh hưởng tiêu cực của cuộc họp có thể còn tệ hơn. Bởi vì chúng tôi tiến hành quá trễ, chỉ phát trên một đài truyền hình cuộc giằng co tay đôi giữa Linda và ông giám đốc. Tờ tin tức buổi sáng ghi nhận sự thất vọng mà người dân cảm nhận về việc ứng phó chậm chạp của CHA đối với vấn đề ami-ăng, cũng như sự dè dặt của ông giám đốc vào buổi tối hôm đó. Thực ra, chúng tôi có thể thừa nhận cuộc họp như một chiến thắng giả hiệu, bởi vì tuần lễ sau đó những người dân ông trong các bộ đồ phi hành gia và mặt nạ được nhìn thấy khắp Khu vườn, bịt kín bất cứ chất ami-ăng nào cho thấy sự đe dọa tức thì. CHA cũng thông báo rằng họ đã xin từ Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị Hoa Kỳ bảy triệu đô la dành cho quỹ thanh lọc khẩn cấp.

Những sự nhân nhượng như vậy giúp nâng cao tinh thần của một vài phụ huynh, và sau vài tuần lấy lại sức, chúng tôi bắt đầu họp mặt trở lại để đảm bảo CHA theo sát những cam kết của mình. Song, ít nhất là ở Altgeld, tôi không thể lay động cảm giác của mình rằng cánh cửa khả thi bị cạy mở một cách chớp nhoáng đã đóng sầm trở lại. Linda, Bernadette, ông Lucas - tất cả họ tiếp tục làm việc với Dự án Phát triển Cộng đồng, nhưng chỉ là miễn cưỡng, xuất phát từ sự trung thành với tôi hơn là giữa họ với nhau. Những người dân khác đã từng kết hợp với chúng tôi trong suốt tuần lễ chuẩn bị cho cuộc họp đã thối lui. Bà Reece không còn muốn nói chuyện với chúng tôi nữa, và trong lúc một số ít người chú ý đến những cuộc công kích của bà vào phương pháp và động thái của chúng tôi, cuộc cãi vã đó cũng chỉ giúp làm mạnh thêm sự nghi ngờ giữa những người dân mà sau

này không có chủ nghĩa tích cực nào đủ để thay đổi tình trạng của chúng, ngoại trừ có thể mang lại khó khăn mà họ không muốn.

Khoảng một tháng sau lần thanh lọc đầu tiên, chúng tôi đến gặp Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị để vận động cho yêu cầu ngân sách của CHA. Ngoài quỹ thanh lọc khẩn cấp đó, CHA cũng thỉnh cầu từ liên bang hơn một tỉ đô la để tiến hành công tác sửa chữa cơ bản cho các dự án trên khắp thành phố. Một người đàn ông da trắng cao to, vẻ mặt khổ sở từ HUD xem xét qua các hạng mục chín.

“Hãy để tôi thẳng thừng rằng”, ông ta nói với chúng tôi. “CHA không có cơ hội để nhận thậm chí một nửa của khoản mà họ yêu cầu. Các anh có thể cho tháo gỡ chất ami-ăng. Hoặc các anh có thể có một hệ thống mái và đường ống mới ở nơi cần thiết. Nhưng các anh không thể có cả hai”.

“Vậy ý ông là sau tất cả chuyện này, chúng tôi sẽ còn tệ hơn nữa”, Bernadette nói.

“Ồ, không hoàn toàn như vậy. Nhưng đây là những ưu đãi ngân sách đến từ Washington trong những ngày gần đây. Tôi lấy làm tiếc”.

Bernadette nhắc Tyrone ngồi lên đùi. “Hãy nói điều đó với nó”.

Sadie không tham gia với chúng tôi trong cuộc họp này. Cô đã gọi điện cho tôi để nói rằng cô quyết định ngưng làm việc với Dự án Phát triển Cộng đồng.

“Chồng tôi không nghĩ đó là ý kiến hay, việc tôi phải dành tất cả thời gian này thay vì phải ở nhà quán xuyến gia đình. Anh ấy nói rằng tính công chúng đã đi vào đầu tôi... và tôi lấy làm hãnh diện về điều đó”.

Tôi đề nghị rằng chừng nào gia đình cô vẫn còn sống ở Khu vườn thì cô cần phải gia nhập.

“Chẳng có gì thay đổi cả đâu, ông Obama à”, cô nói. “Chúng tôi sẽ tập trung vào việc dành tiền vì thế chúng tôi có thể dọn ra khỏi đây càng sớm càng tốt”.

## Chương mười ba

Tôi bảo với anh rằng, anh bạn thân mến à, thế giới này là một nơi chốn”.

“Hử, thế giới này là một nơi chốn à”.

“Đó là điều tôi đang nói”.

Chúng tôi trở lại chiếc xe sau khi dùng bữa tối ở Hyde Park, và Johnnie trong một trạng thái phấn chấn. Anh ấy thường tỏ ra như thế này, đặc biệt là sau một bữa ăn ngon cùng với rượu ngon. Lần đầu tiên tôi gặp anh ấy, khi anh đang làm việc với một nhóm công dân thành phố, anh ta bắt đầu giải thích về mối quan hệ giữa nhạc jazz và tôn giáo Đông Phương, và rồi đột nhiên chuyển sang phân tích những cái mộng của phụ nữ da đen, trước khi dùng ở đề tài chính sách của Ngân hàng Dự trữ Liên bang. Trong những khoảnh khắc đó mắt anh ấy mở to; giọng nói nhanh hơn; khuôn mặt tròn và râu ria xồm xoàm của anh ta ánh lên với nét ngây thơ của một đứa trẻ. Đó là một phần lý do tôi thuê Johnnie, tôi nghĩ, tính hiếu kỳ của anh ấy, sự cảm kích của anh ấy trước điều ngớ ngẩn. Anh ấy là triết gia của giòng nhạc blues.

“Tôi sẽ cho anh một ví dụ”, Johnnie nói với tôi. “Một ngày nọ, tôi đến dự một cuộc họp ở Tòa nhà tiểu bang Illinois. Anh biết đấy, ở

giữa nó thoáng mở làm sao, mặt phải... một khăn phòng tắm lũng to lớn và tất cả vậy đó. Vâng, gã mà tôi có ý định gặp mặt tới trễ, và tôi đứng đó nhìn xuống đại sảnh từ tầng mười hai, mãi mà quan sát vẻ đẹp kiến trúc của nó thì đột nhiên một cơ thể rơi ngang qua mặt tôi. Một vụ tự tử”.

“Anh đã không kể tôi nghe chuyện này - ”

“Vâng, nó khiến tôi rùng mình. Ngay đến tầng cao mà tôi đứng, tôi có thể nghe cơ thể đó chạm đất như thể nó sát bên cạnh tôi. Một âm thanh kinh khủng. Ngay khi sự việc xảy ra, các nhân viên văn phòng chạy bổ ra thành lan can để xem chuyện gì. Tất cả chúng tôi cùng nhìn xuống, và đủ chắc chắn rằng một cái xác đang nằm đó, tất cả tứ chi bị treo. Mọi người bắt đầu la lên, che mắt. Nhưng có một điều kỳ lạ là, sau khi trải nghiệm sự kinh hoàng đó, mọi người quay trở lại thành lan can để chứng kiến cảnh tượng thứ hai. Rồi họ lại la hét và che mắt một lần nữa. Lúc này tại sao họ làm thế? Vâng, họ mong đợi điều gì trong lần nhìn thứ hai? Nhưng này, con người thì cũng buồn cười như thế thôi. Chúng ta không thể tự giúp mình với cái thứ rợn người đó...”

“Dù sao, cảnh sát cũng đã đến, họ cột mấy thứ và mang thi thể đi. Rồi nhóm công tác tòa nhà bắt đầu việc lau chùi. Không có gì đặc biệt cả, anh biết đấy - chỉ có chổi và cây lau nhà. Quét đi một cuộc đời. Tất cả mọi thứ được làm sạch trong vòng năm phút. Sự việc có ý nghĩa, tôi đoán... ý tôi là, nó không như anh cần một thiết bị đặc biệt hay bộ y phục hay một điều gì đó. Nhưng nó khiến tôi phải suy nghĩ, sẽ cảm nhận thế nào đây khi là một trong những người giúp việc, thu dọn thi hài của một ai đó? Hẳn phải có người làm việc này, đúng không? Nhưng anh cảm thấy thế nào khi dùng bữa tối trong đêm hôm đó?”

“Ai nháy vậy?”

“Đó lại là chuyện khác, Barack à!” Johnnie rít một hơi thuốc và thả nhẹ làn khói tuôn ra từ miệng. “Một cô gái da trắng, anh bạn à, có thể mười sáu hay mười bảy gì đó. Một trong những tuýp rock của thập niên bảy mươi với mái tóc xanh và một chiếc nhẫn khâu ở mũi. Sau đó, tôi phân vân không biết cô ấy đang nghĩ điều gì khi ở trong

thang máy di chuyển lên tầng trên. Ý tôi là, những ai đó đang đứng ngay sát bên cô ấy, khẳng định cô là một thứ lập dị, và tiếp tục suy nghĩ về công việc riêng của họ. Anh biết đấy, sự đề bạt của họ, hay môn bóng rổ, hay bất cứ điều gì. Và suốt thời gian đó cô gái chỉ đứng bên cạnh họ với tất cả nỗi đau trong lòng. Hẳn phải đau đớn lắm, bác sĩ nhỉ, bởi vì ngay trước khi cô ấy nhảy, anh thử nghĩ xem cô ấy nhìn xuống và biết được điều chết tiệt đó sẽ đau đớn thế nào”.

Johnnie dùng chân giậm tắt điều thuốc. “Và đó là điều tôi nói, Barack à. Toàn cảnh của cuộc đời chỉ có vậy. Điều nhảm nhí điên rồ cứ tiếp diễn. Anh phải tự hỏi chính mình, liệu việc này có xảy ra ở nơi khác không? Có bất kỳ một tiền lệ nào cho nó không?”

“Thế giới là một nơi chốn”, tôi lập lại.

“Này! Nghiêm túc đấy, anh bạn à”.

Chúng tôi vừa mới đến chiếc xe của Johnnie thì nghe một tiếng bốp nhỏ, chắc nịch và ngắn, như một quả bóng vỡ tung. Chúng tôi nhìn theo hướng của âm thanh, và phát thấy một thanh niên trẻ xuất hiện ở đâu đó góc phố chéo hướng với chúng tôi. Tôi không thể nhớ rõ những nét mặt của nó hoặc nó mặc thứ gì, mặc dù trông nó không thể ngoài mười lăm. Tôi chỉ nhớ rằng nó chạy ở một tốc độ liều lĩnh, đôi giày đế êm của nó nhẹ nhàng giậm trên làn lẽ đường, tay chân lêu khêu của nó đập loạn xạ, ngực nó ưỡn ra như thể nó cố để với một dải băng tưởng tượng.

Johnnie thả người dài trên thảm cỏ nhỏ phía trước một trong những căn hộ, và ngay lập tức tôi làm theo. Một vài giây sau, hai cậu bé khác cũng xuất hiện lảng vảng ở góc đó, dốc hết tốc lực. Một cậu trong đó, thấp người, béo mập, với chiếc quần lửng bó chặt xung quanh mắt cá chân, đang ve vẩy một khẩu súng lục nhỏ. Không ngừng ngắm, nó nhả ba phát theo hướng của thằng bé trước. Rồi, nhận ra rằng mục tiêu của nó ngoài tầm ngắm, nó từ từ chuyển sang bước bộ, nhét vũ khí đó phía dưới chiếc áo của mình. Thằng bạn đồng hành của nó, gầy còm và tai to, leo đèo bên cạnh.

“Đồ chó chết ngu dốt”, thằng bé gầy giờ xương nói. Nó phun nước bọt với vẻ hài lòng, và rồi hai chúng nó nhìn nhau cười trước khi tiếp

tục di chuyển xuống con phố, lại là những đứa trẻ, những cái bóng tròn, thấp in lên bề mặt nhựa đường.

Mùa thu khác lại đến, rồi mùa đông. Tôi đã hồi phục sau những thất vọng trong chiến dịch ami-ăng, triển khai những vấn đề mới và tìm đến những nhà lãnh đạo khác. Sự có mặt của Johnnie đã giúp tôi giảm khối lượng công việc của tôi, và ngân sách của chúng tôi đã ổn định; điều tôi đánh mất trong sự nhiệt thành của tuổi trẻ được bù đắp bởi sự trải nghiệm của mình. Và thực ra, có thể chính cái sự thân thuộc ngày càng lớn dần với cảnh tượng, sự chỉ bảo của thời gian, đã mang lại cho tôi một cảm nhận rằng một điều gì đó khác biệt đang xảy ra với những đứa trẻ ở South Side vào mùa xuân năm 1987; rằng một ranh giới vô hình đã được xóa bỏ, một góc phố mù quáng và xấu xa đã được rẽ hướng.

Chẳng có gì rõ ràng để tôi có thể nhắm đến, chẳng có lấy những thống kê cụ thể. Những phát súng từ những chiếc xe chạy ngang qua, những tiếng hú liên thanh của xe cứu thương, những âm thanh về đêm phát ra từ những khu dân cư chìm ngập trong ma túy, những cuộc ẩu đả băng nhóm và những chiếc ô tô như những bóng ma lúc ẩn lúc hiện, nơi cảnh sát hoặc giới báo chí hiếm khi liều lĩnh cho đến sau khi một thi thể đã được tìm thấy nằm trên vỉa hè, máu lan thành một vũng lấp lánh vung vãi - chẳng có gì là lạ cả. Ở những nơi như Altgeld, hồ sơ tù nhân được truyền từ bố đến con trong hơn một thế hệ; trong suốt những ngày đầu tiên của tôi ở Chicago tôi đã từng chứng kiến những nhóm thanh niên trẻ, mười lăm hoặc mười sáu, lảng vảng ở những góc phố Michigan hay Halsted, những chiếc mũ áo trùm đầu được phủ lên, những đôi giày không thắt dây, giẫm đạp dữ dội lên mặt đất những nhịp điệu rời rạc trong suốt những tháng lạnh giá, rồi cởi bỏ đến tận áo phông trong những ngày hè nóng bức, sử dụng các trạm điện thoại trả trước đặt ở các góc phố để trả lời những tin nhắn của họ: một cái gút được tháo gỡ, cần phải cải tạo ngay, bất cứ lúc nào những chiếc xe cảnh sát vụt ngang qua trong sự tĩnh lặng đáng sợ.

Không, nó hơn cả việc thay đổi của bầu không khí, giống như dòng điện của cơn dông tố đang đến. Tôi cảm nhận điều đó khi, một

buổi tối nọ trong lúc lái xe về nhà, tôi nhìn thấy bốn cậu bé đáng người cao tắn bộ xuống một chung cư cây cối bao quanh vẫn vợ bé gãy một hàng cây non mà một đôi vợ chồng già vừa mới trồng trước nhà. Tôi cảm thấy điều đó bất cứ lúc nào tôi nhìn vào mắt của những thanh niên trẻ trong những chiếc xe lần bắt đầu xuất hiện trên đường vào mùa xuân đó, những thằng bé bị què quặt trước thời kỳ sung mãn nhất của chúng, đôi mắt chúng điềm tĩnh và không một vẻ than vãn, dường như đã trở nên chai cứng đến mức chúng đến để đe dọa hơn là khơi mở.

Đó là điều mới lạ: sự xuất hiện của một trạng thái cân bằng mới giữa hy vọng và sợ hãi; sự cảm nhận, được chia sẻ bởi người lớn và tuổi trẻ, rằng một vài, nếu không nói là phần lớn, những cậu bé của chúng ta nằm ngoài sự giải cứu. Ngay cả những người cư ngụ lâu đời ở South Side như Johnnie cũng nhận thấy sự thay đổi đó. "Tôi chưa bao giờ nhìn thấy như thế này, Barack à", anh ta nói với tôi vào một ngày nọ khi chúng tôi ngồi trong căn hộ của anh ấy nhấm nháp vài cốc bia. "Ý tôi là mọi thứ thật gay go khi tôi đến, nhưng có những giới hạn. Chúng ta lâm vào những cuộc đấu đá. Nhưng ngoài công chúng, ở nhà, nếu một người lớn nhìn thấy bạn ầm ĩ hay điên cuồng, họ sẽ nói một điều gì đó. Và hầu hết chúng ta phải lắng nghe, anh hiểu điều tôi đang nói chứ?

"Giờ đây, với ma túy, súng ống - tất cả đã không còn nữa. Đừng nghĩ cả lũ nhóc có mang súng. Chỉ một trong hai đứa thôi. Người nào đó nói gì với một trong số bọn chúng, và - ầm! - thằng bé phế thải hấn ta. Người ta nghe những câu chuyện như thế, họ không còn dám nói gì với chúng nữa. Chúng ta bắt đầu khái quát hóa về chúng như những người da trắng vậy. Chúng ta nhìn thấy chúng lảng vảng, chúng ta lại ngoảnh về hướng khác. Sau một thời gian, ngay cả thằng bé tốt cũng bắt đầu nhận ra không có ai ở đây dè chừng đến nó. Vì thế nó nghĩ nó sẽ tự chăm sóc cho mình. Điểm mấu chốt, anh hiểu được những cậu nhóc mười hai tuổi thiết lập những luật lệ quái đản của chúng".

Johnnie nhấp một hớp bia, bọt bia bám xung quanh hàm râu xồm xoàm của anh ta. "Tôi không biết, Barack à. Thành thật tôi sợ bọn



chúng. Anh phải sợ một người nào đó vốn dĩ chẳng đếm xỉa đến ai cả. Không quan trọng chúng trẻ đến mức nào”.

Sau khi tôi trở về căn hộ của mình, tôi nghĩ về những điều mà Johnnie đã nói. Tôi có phải sợ không? Tôi không nghĩ vậy... ít nhất không phải theo cách mà Johnnie đã ám chỉ. Lang thang khắp Altgeld hoặc những khu vực nguy hiểm lân cận, nỗi sợ hãi của tôi thường đến từ bên trong: nỗi sợ hãi về không lệ thuộc tồn tại từ trước. Ý tưởng về cuộc công kích bạo lực không bao giờ nảy ra trong đầu tôi. Cùng một thứ như sự phân biệt mà Johnnie ghi nhận giữa những đứa trẻ xấu và những đứa trẻ tốt - sự phân biệt đó không xảy ra trong tâm trí tôi. Dường như nó dựa trên một giả thuyết vốn chẳng tuân theo trải nghiệm của tôi, một giả định mà những đứa trẻ bằng cách nào đó có thể thiết lập những điều kiện cho sự phát triển riêng của chúng. Tôi nghĩ về đứa con trai năm tuổi của Bernadette, láo nháo trên những con đường vỡ vụn của Altgeld, giữa một hệ thống xử lý chất thải và hố rác. Nó ngồi đâu đây trong cái chuỗi của sự tinh tú? Nếu nó kết thúc trong một băng nhóm hay trong lao tù, điều đó có chứng minh được rằng bản chất của nó, mang cái gien bướng bỉnh... hay chỉ là hậu quả của một thế giới không đủ dinh dưỡng?

Và còn Kyle thì sao: chúng ta giải thích thế nào về những gì mà nó trải qua? Tôi ngã tựa vào chiếc ghế của mình, nghĩ về đứa con trai của Ruby. Nó vừa lên mười sáu; hai năm kể từ lúc tôi đến đây đã khiến nó cao thêm vài in-sơ, thân xác lớn hơn một tí, và vầng đen nằm phía trên môi, những nỗ lực đầu tiên với hàm ria mép. Nó vẫn luôn lịch sự với tôi, vẫn sẵn sàng nói chuyện về đội bóng Bulls - đây là năm mà Jordan đưa họ vào chung kết, nó nói. Nhưng nó thường biến đi đâu đó mỗi khi tôi ghé lại, hay đang trên đường vui chơi với bạn bè. Một vài hôm, Ruby gọi cho tôi ở nhà chỉ để nói về nó, làm sao mà cô ta chẳng bao giờ biết nó ở đâu, sao mà học lực của nó cứ tiếp tục tụt hạng trong trường, sao nó thường giấu nhiều chuyện với cô, cánh cửa dẫn đến phòng nó luôn luôn đóng kín.

Đừng lo, tôi nói với chị ấy; ở tuổi của Kyle tôi còn tệ hơn nhiều. Tôi không nghĩ cô ấy tin vào sự thật đặc biệt đó, nhưng khi nghe những lời đó dường như cô ấy cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Một ngày

nọ tôi tình nguyện thăm dò Kyle, mời cậu ấy tham gia cùng tôi trong trận bóng rổ ngẫu nhiên tại phòng tập ở trường Đại học Chicago. Nó hầu như im lặng trong suốt chặng đường đến Hyde Park, né tránh những câu hỏi bằng một cái nhún vai hay tiếng càu nhàu. Tôi hỏi nó còn nghĩ về không quân không, và nó lắc đầu; nó vẫn ở Chicago, nó nói, và tìm được một công việc và có cuộc sống riêng của mình. Tôi hỏi điều gì đã khiến nó thay đổi. Nó nói rằng không quân sẽ không bao giờ để một người đàn ông da đen lái máy bay.

Tôi nhìn nó một cách gắt gỏng. “Ai nói với cháu cái thứ vớ vẩn đó?”

Kyle nhún vai. “Không cần ai nói với cháu cả. Nó là như vậy, thế thôi”.

“Này anh bạn, đó là một thái độ sai lệch. Cháu có thể làm bất cứ điều gì cháu muốn nếu cháu sẵn sàng làm vì nó”.

Kyle nở một nụ cười ngớ ngẩn và quay đầu về phía cửa sổ, hơi thở nó làm mờ mặt kính. “Vâng... có bao nhiêu phi công da đen mà chú biết?”

Phòng tập không đông lắm khi chúng tôi đến, và chúng tôi phải đợi một trận duy nhất nữa trước khi chúng tôi ra sân. Ít nhất sáu tháng kể từ khi tôi xem một trận bóng rổ, và những điều thuộc mặc sức mà hủy hoại. Ở hiệp đầu tiên của trận đấu, một gã đã ngáng ngã và cướp quả bóng ngay trong tay tôi và tôi ra hiệu phạm lỗi, khiến cho những cầu thủ ở ngoài sân la hét chế nhạo. Ở hiệp thứ hai tôi đi bộ ngang qua vạch giữa sân, cảm thấy hơi choáng váng.

Để tự giúp mình khỏi phải lúng túng hơn, tôi quyết định ngồi ngoài ở hiệp thứ ba và xem Kyle thi đấu. Nó chơi không tồi lắm, nhưng nó cũng đã ngáng ngã một anh bạn có lẽ lớn hơn tôi vài tuổi, một người phục vụ ở bệnh viện - thấp người nhưng hung hăng, và rất nhanh nhẹn. Sau một vài pha bóng, mới nhận ra là gã đó đã bắt bài Kyle. Anh ta ghi ba quả liên tiếp, rồi bắt đầu xì xào một điều gì đó thường thấy trên sân đấu.

“Cậu không thể làm tốt hơn thế đâu, nhóc à? Làm sao mà cậu lại để một ông già như tôi khiến cậu bẽ mặt thế?”

Kyle không trả lời, nhưng cuộc chơi giữa họ trở nên quyết liệt hơn. Lần tiếp theo bị ngã xuống sàn khi gã đàn ông thực hiện động tác di chuyển đến cái rổ, Kyle va mạnh vào hắn. Gã ném quả bóng vào ngực của Kyle rồi quay sang một trong những đồng đội của gã. "Các anh thấy chưa? Thằng rác rưởi này không thể chặn được tớ đâu -"

Đột nhiên, không một lời cảnh báo, Kyle tung ra một cú đấm. Cú đấm đi ngay vào quai hàm của gã, khiến gã ngã rạp xuống sàn. Tôi chạy vào sân trong khi những người khác kéo Kyle ra. Mất nó tròn, giọng nó run run khi nó nhìn ông tạp vụ bệnh viện vùng vẫy hai bàn chân và phun ra một nhúm máu.

"Tôi không phải là đồ rác rưởi", Kyle lầm bầm. Và rồi lại nói, "Tôi không phải là đồ rác rưởi".

Chúng tôi thật may mắn; một người nào đó đã gọi nhân viên an ninh dưới lầu, nhưng gã phục vụ bệnh viện quá lúng túng đến mức không thể thừa nhận sự cố này. Trên con đường trở về, tôi giảng cho Kyle một bài dài về cách giữ bình tĩnh, về bạo lực, về trách nhiệm. Những lời tôi nói nghe có vẻ cũ rích, và Kyle ngồi mà không trả lời, mắt nó dán chặt vào con đường. Khi tôi giảng xong nó quay mặt về phía tôi và nói, "Đừng nói với mẹ cháu nhé, được chứ?"

Tôi nghĩ đó là một dấu hiệu tốt. Tôi nói tôi sẽ không cho Ruby biết những gì đã xảy ra miễn là nó muốn, và nó đồng ý một cách miễn cưỡng.

Kyle là một đứa trẻ tốt; nó vẫn quan tâm đến một điều gì đó. Điều đó có đủ để cứu nó không?

Tuần lễ sau khi chuyển phiếu lưu của Johnnie và tôi ở Hyde Park, tôi quyết định đã đến lúc phải tiếp tục với công việc ở trường công.

Điều đó nghe có vẻ như một vấn đề tự nhiên đối với chúng tôi. Sự phân biệt không còn gì là vấn đề nữa cả; người da trắng hầu như đã bỏ hệ thống đó rồi. Việc quá tải cũng vậy, ít nhất là trong các trường trung học khu vực người da đen; chỉ có một nửa học sinh mới đến chịu phiền ở lại lâu hơn một tí để đợi tốt nghiệp. Mặc khác, các trường học ở Chicago vẫn trong tình trạng khủng hoảng triển miên

- sự thâm hụt ngân sách thường niên lên đến hàng trăm triệu; thiếu sách giáo khoa và giấy vệ sinh; hiệp đoàn giáo viên thực hiện đình công ít nhất hai năm một lần; một bộ máy quan liêu béo mập và cơ quan lập pháp nhà nước thờ ơ. Tôi càng hiểu nhiều về hệ thống này tôi càng trở nên tin tưởng rằng việc cải cách trường học là giải pháp khả thi duy nhất cho cảnh ngộ của những thanh niên trẻ tôi nhìn thấy trên đường phố; rằng không có một mái ấm gia đình ổn định, không có triển vọng kiếm được công việc chân tay vốn có thể duy trì cuộc sống cho gia đình, giáo dục là niềm hy vọng tốt đẹp nhất cuối cùng của họ. Và vì thế vào tháng Tư, trong lúc làm việc với những vấn đề khác, tôi phát triển một kế hoạch hành động cho tổ chức và bắt đầu thóc mách nó với ban lãnh đạo của tôi.

Sự phản hồi không mấy ấn tượng.

Một phần trong đó là vấn đề tư lợi, cử tri phản đối. Những thành viên giáo hội già hơn nói với tôi rằng họ đã nuôi nấng con cái họ; những phụ huynh trẻ, như Angela và Mary, gởi con cái họ đến các trường công giáo. Dẫu vậy, nguồn kháng cự lớn nhất hiếm khi được nói đến - cụ thể là một thực tế bất lợi rằng mỗi một giáo hội của chúng ta đẩy áp với những giáo viên, hiệu trưởng và quản lý địa hạt. Rất ít những nhà giáo dục này gởi con cái họ đến các trường công; họ hiểu quá rõ về chuyện đó. Nhưng họ bảo vệ hiện trạng này bằng cùng một sự khéo léo mãnh liệt của những người đương nhiệm da trắng của họ hai thế kỷ trước. Không có đủ tiền để làm đúng công việc, họ nói với tôi như vậy (một điều hiển nhiên là sự thật). Những nỗ lực cải cách - phân quyền, hay tinh lọc bộ máy quan liêu - là một phần trong nỗ lực của người da trắng nhằm giành lại quyền kiểm soát (không đúng như vậy). Còn đối với những sinh viên, vâng, họ không thể. Lười biếng. Ngang ngược. Chậm chạp. Có thể không phải là lỗi của những đứa trẻ, nhưng chắc chắn không phải lỗi của trường học. Có thể không có bất kỳ đứa trẻ xấu nào, Barack à, nhưng chắc chắn là có nhiều phụ huynh xấu.

Trong tâm trí tôi, những cuộc đối thoại này phục vụ như một biểu tượng của sự dàn xếp ngấm ngấm mà chúng tôi đã từng làm kể từ những năm 60, một sự dàn xếp vốn cho phép một nửa những đứa trẻ của chúng ta tiến bộ thậm chí khi một nửa còn lại lùi xa về phía

sau. Hơn thế nữa, những cuộc đối thoại này đã khiến tôi giận dữ; và vì thế bất chấp sự hậu thuẫn lãnh đạo từ ban quản lý, Johnnie và tôi vẫn quyết định tiếp tục và viếng thăm một vài trường học trong vùng, hy vọng vận động một lượng dân chúng vượt quá những bà mẹ trẻ ở Altgeld.

Chúng tôi bắt đầu với trường trung học của Kyle, mái trường nằm trong khu vực với uy tín thuộc loại bậc nhất. Đó là một tòa nhà đơn lẻ, khá mới nhưng với một vẻ khô khan và bất cần: những cột bê tông trơ trụi, những hành lang dài trống không, những cánh cửa sổ không thể mở và hầu hết đã bị vắn đục trông giống như những chiếc cửa sổ trong nhà kính. Vị hiệu trưởng, một người đàn ông chu đáo và cuốn hút tên là tiến sĩ Lonnie King, nói rằng ông ta háo hức hợp tác với những nhóm cộng đồng như của chúng tôi. Rồi ông đề cập rằng một trong những người cố vấn của ông, ông Asante Moran, đang cố gắng triển khai một chương trình tư vấn giáo dục cho những thanh niên trẻ tại trường và đề nghị rằng chúng tôi có thể gặp ông ấy.

Chúng tôi theo hướng của tiến sĩ King đến một văn phòng nhỏ ở phía sau tòa nhà. Nó được trang trí theo chủ đề châu Phi: một tấm bản đồ châu lục, những tấm áp phích về những vị hoàng đế và nữ hoàng của châu Phi cổ xưa, một bộ sưu tập của những chiếc trống, những trái bầu và một tấm lụa hoa văn dân tộc treo trên tường. Phía sau bàn làm việc là một người đàn ông cao to bệ vệ với bộ râu quặp và cái hàm bè ra. Ông mặc một chiếc áo hoa văn theo kiểu châu Phi, một chiếc lắc lông voi xung quanh khuỷu tay chắc nịch. Thoạt đầu ông ta dường như hơi lảng tránh - ông có một xấp bài kiểm tra năng khiếu học tập đang đặt trên bàn, và tôi cảm thấy lời mời gọi của tiến sĩ King là một sự ngắt quãng không mong muốn. Tuy nhiên, ông mời chúng tôi ngồi, bảo chúng tôi gọi ông là Asante, và khi sự quan tâm của chúng tôi trở nên rõ ràng, ông bắt đầu giải thích một vài ý tưởng của ông.

“Điều đầu tiên các anh phải nhận ra”, ông ta nói, lần lượt nhìn vào Johnnie và tôi, “hệ thống trường công không phải về việc giáo dục cho trẻ em da đen. Chưa bao giờ như vậy cả. Những trường trong nội thành là để kiểm soát xã hội. Chấm hết. Chúng được cai quản

như những trại giam - những nhà tù thu nhỏ, thật đúng như vậy. Chỉ khi những đứa trẻ da đen bắt đầu thoát ra khỏi những nơi giam cầm chúng và người da trắng quấy nhiễu kia thì xã hội mới chú ý đến vấn đề liệu những đứa trẻ này có được giáo dục không.

“Chỉ nghĩ về cái mà một nền giáo dục thật sự cho những đứa trẻ này cần. Nó phải bắt đầu bằng cách tạo cho một đứa trẻ hiểu được *chính bản thân nó*, *thế giới của nó*, *văn hóa của nó*, *cộng đồng của nó*. Đó là điểm khởi đầu của bất kỳ quy trình giáo dục nào. Đó là cái làm cho một đứa trẻ khao khát học hỏi - sự hứa hẹn được là một phần của điều gì đó, sự hứa hẹn làm chủ hoàn cảnh của nó. Nhưng đối với đứa trẻ da đen, mọi thứ hoàn toàn rối loạn. Từ ngày thứ nhất, nó sẽ học về điều gì? Lịch sử của một người nào đó. Văn hóa của một người nào đó. Không những thế, cái nền văn hóa mà nó phải học này cũng chẳng khác gì cái văn hóa vốn từ bỏ nó một cách có hệ thống, không chấp nhận tính nhân văn của nó”.

Asante ngã người ra sau ghế, hai tay ông đặt ngang qua bụng. “Có lẽ lắm không khi một đứa trẻ da đen đánh mất sự hứng thú trong việc học hành? Dĩ nhiên là không. Tệ nhất là đối với những cậu bé. Ít ra các cô gái còn có những bà mẹ già để nói chuyện, tấm gương về vai trò làm mẹ. Nhưng các cậu bé thì không. Phần nửa trong số chúng thậm chí không biết cha của chúng là ai. Chẳng có ai dẫn dắt chúng xuyên qua một hành trình để trở thành một người đàn ông... để giải thích cho chúng ý nghĩa của dũng khí. Và đó là con đường dẫn đến thảm họa. Bởi vì trong mỗi xã hội, những thanh niên trẻ sẽ có khuynh hướng mãnh liệt. Khuynh hướng đó hoặc sẽ được dẫn dắt và tôi luyện trong những mưu cầu sáng tạo hoặc sẽ hủy hoại những bạn trẻ đó, xã hội, hoặc cả hai.

“Vậy đó là cái chúng ta đang giải quyết ở đây. Nếu có thể tôi sẽ cố lấp lỗ trống đó. Tôi hướng sinh viên đến với lịch sử châu Phi, địa lý, những truyền thống nghệ thuật. Tôi cố tạo cho họ một định hướng giá trị khác - một điều gì đó đi ngược với chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa cá nhân và sự dút lót khẩn cấp vốn đã nuôi họ bằng mười lăm giờ công nhật. Tôi dạy cho họ rằng châu Phi là một dân tộc chung. Người châu Phi kính trọng các bậc đi trước. Một vài đồng nghiệp

châu Âu của tôi cảm thấy bị đe dọa bởi điều này, nhưng tôi cho họ biết đó không phải là sự gièm pha các nền văn hóa khác. Đó là tạo cho những người trẻ này một nền tảng cho chính họ. Trừ phi họ cắm sâu vào những truyền thống riêng của mình, họ sẽ không thể cảm kích điều mà các nền văn hóa khác mang lại -"

Có một tiếng gõ cửa, một người đàn ông trẻ lênh khênh liếc nhìn vào phòng. Asante xin lỗi; ông ấy có một cuộc hẹn nhưng tỏ ra vui vẻ mong muốn gặp lại chúng tôi để bàn về những vấn đề khả thi cho thanh niên ở vùng này. Trong lúc tiễn Johnnie và tôi đến cửa, Asante hỏi tên tôi, và tôi nói với ông về lý lịch của mình.

"Tôi nghĩ thế!" Asante cười. "Anh biết đấy, đó là châu lục mà tôi đã thực hiện chuyến đi đầu tiên của mình đến. Kenya. Cách đây mười lăm năm, nhưng tôi nhớ chuyến đi đó giống như nó diễn ra vào ngày hôm qua. Chuyến đi đã thay đổi cuộc đời tôi mãi mãi. Mọi người thật hiếu khách. Và vùng đất - tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều gì đẹp như thế. Nó thật sự như thể tôi đã về nhà". Khuôn mặt ông sáng lên với ký ức. "Lần cuối cùng anh trở lại là khi nào?"

Tôi lưỡng lự. "Thật sự, tôi chưa bao giờ ở đó cả".

Trong thoáng chốc Asante trông có vẻ bối rối. "Vâng..." ông nói sau một hồi dừng, "Tôi chắc rằng khi anh thực hiện một chuyến đi đến đó, nó sẽ cũng sẽ thay đổi cuộc đời anh". Với câu nói đó, ông bắt tay tôi, vẫy tay ra hiệu người đàn ông đang đứng chờ vào phòng, và đóng cánh cửa phía sau ông.

Johnnie và tôi yên lặng trong suốt chuyến quay trở về văn phòng của chúng tôi. Chúng tôi gặp phải một vụ tắc nghẽn giao thông, và Johnnie quay sang tôi và nói, "Tôi có thể hỏi anh một điều gì đó không, Barack?"

"Chắc rồi".

"Tại sao anh chưa đến Kenya?"

"Tôi không biết. Có thể tôi sợ điều tôi sẽ nhìn thấy".

"Hừ". Johnnie đốt một điếu thuốc và quay cánh cửa sổ xuống để khỏi thoát ra ngoài. "Thú vị thật", anh ta nói, "việc lắng nghe Asante

đã làm tôi nghĩ về ông già mình. Ý tôi, không phải ông già tôi được giáo dục thật sự hoặc chẳng là gì. Ông ấy không biết gì về châu Phi. Sau khi mẹ tôi qua đời, ông phải tự mình nuôi tôi và anh em tôi. Hai mươi năm lái xe chở hàng cho công ty Spiegel. Họ sa thải ông ấy trước khi tiền trợ cấp của ông được chuyển đến một công ty khác, vì thế ông vẫn đang làm việc, nhưng làm cùng công việc đó ngày qua ngày. Vận chuyển đồ nội thất của người khác.

"Có vẻ như ông chưa bao giờ thật sự là tận hưởng cuộc sống, anh hiểu ý tôi muốn nói chứ? Vào những ngày cuối tuần, ông chỉ lảng vảng quanh quần trong nhà, và một vài ông chú ông bác tôi thường đến chơi và họ cùng uống rượu và nghe nhạc. Họ than phiền về điều mà những ông chú đã làm với họ trong tuần đó. Ông ấy làm thế này. Ông ấy làm thế kia. Nhưng nếu một trong số họ bắt đầu nói về việc làm một điều gì đó khác, hoặc có một ý tưởng mới, những người còn lại sẽ công kích người đó ngay. "Làm thế nào một gã mọi như anh có thể tự mình khởi sự một doanh nghiệp?" một trong họ nói. Và một người nào đó khác nói, 'Lấy chiếc kính đó ra khỏi mặt Jimmy đi - rượu đã lên tới đầu ông ấy rồi'. Tất cả họ cười to, nhưng tôi có thể biết chắc rằng trong lòng họ không cười được như vậy. Thỉnh thoảng nếu tôi đến gần, những ông chú tôi bắt đầu nói về tôi, 'Này, nhóc, chắc chắn đó là cái đầu gai cậu có đó phải không'. 'Này, nhóc, cậu bắt đầu trông có vẻ như một gã da trắng rồi đó, chỉ là bọn mồm mép'".

Johnnie thả một làn khói thuốc vào bầu không khí mù sương. "Khi còn ở trung học, tôi thường cảm thấy xấu hổ về ông ấy. Tôi muốn nói đến ông già. Làm việc như một con chó. Ngồi đó, say sưa cùng với những người anh em của ông. Tôi thể mình sẽ không bao giờ kết thúc như thế cả. Nhưng anh biết đấy, sau này khi tôi nghĩ về chuyện này, tôi nhận ra rằng ông già tôi không bao giờ cười khi tôi nói về việc muốn đi học đại học. Ý tôi, ông không bao giờ nói bất kỳ điều gì cách này hay cách khác, nhưng ông luôn tâm niệm rằng tôi và em tôi phải đến trường, rằng tôi không phải làm việc, rằng chúng tôi không phải lo lắng nhiều về chuyện tiền bạc. Ngày tôi tốt nghiệp, tôi nhớ ông ấy xuất hiện trong chiếc veston và cà vạt, và ông chỉ bắt tay tôi. Vậy thôi... chỉ bắt tay tôi, rồi lại quay trở về với công việc..."



Johnnie dừng nói chuyện, và xe cô thưa dần. Tôi bắt đầu nghĩ về những chiếc áp phích ở văn phòng của Asante - những chiếc áp phích về nữ hoàng Nefertiti, nét vương giả và sắc màu đen thẫm trong chiếc ngai vàng của bà; và Shaka Zulu, mãnh liệt và kiêu hãnh trong chiến phục da báo - và rồi trở ngược xa hơn nữa đến ngày cách đây nhiều năm trước khi cha tôi đến Hawaii thăm tôi, khi tôi đến thư viện tìm kiếm vương quốc ma thuật của mình, những đặc quyền vinh quang của tôi. Tôi phân vân không biết sự khác biệt đến mức nào mà những tấm áp phích đó tạo ra cho cậu bé mà chúng tôi vừa mới bỏ lại ở văn phòng của Asante. Có lẽ không nhiều như chính Asante, tôi nghĩ. Một người sẵn sàng lắng nghe. Một cánh tay đặt lên đôi vai của một thanh niên trẻ.

“Ông ấy ở đó”, tôi nói với Johnnie.

“Ai?”

“Cha của anh. Ông ấy ở đó vì anh”.

Johnnie xoa xoa vào cánh tay mình. “Đúng đấy, Barack à. Tôi đoán ông ấy ở đó”.

“Anh có bao giờ nói với ông ấy về điều đó không?”

“Không. Chúng tôi ít khi nói chuyện với nhau”. Johnnie nhìn ra cửa sổ, rồi quay về phía tôi. “Dẫu sao tôi cũng nên như vậy”.

“Được rồi, John”, tôi nói, gạt đầu. “Có thể anh nên”.

Trong hai tháng tiếp theo, Asante và tiến sĩ Collier giúp chúng tôi phát triển một kế hoạch thiết lập một hệ thống tư vấn thanh niên, một cái gì đó để mang lại cho những bạn trẻ bị bạc đãi những dịch vụ phụ đạo và truyền dạy và lôi kéo các bậc phụ huynh vào một quy trình cải cách hoạch định dài hạn cho chúng. Đó là một dự án thú vị, nhưng đầu óc tôi lại đặt ở một nơi nào đó khác. Khi việc đề xuất hoàn tất, tôi nói với Johnnie rằng tôi sẽ vắng mặt trong vài ngày nhưng anh ấy cần phải tiếp tục với một vài cuộc họp mà chúng tôi đã trù liệu trước, bắt đầu huy động sự hậu thuẫn rộng rãi hơn.

“Anh sẽ đi đâu?” ông ấy hỏi tôi.

“Thăm anh trai tôi”.

“Tôi không biết anh có một người anh”

“Đã lâu lắm rồi tôi không gặp anh ấy”.

Sáng hôm sau, tôi bay đến Washington D.C., nơi anh Roy hiện đang sống. Chúng tôi lần đầu tiên nói chuyện với nhau trong suốt chuyến viếng thăm của Auma đến Chicago; chị ấy nói với tôi rằng Roy kết hôn với một công nhân trong Tổ chức Hòa bình Mỹ và đã chuyển đến sống ở đây. Một ngày nọ chúng tôi gọi điện cho anh ấy chỉ để nói lời thăm hỏi. Anh ấy dường như rất hạnh phúc khi nghe tin tức từ chúng tôi, giọng anh ấy sâu lắng và trầm tĩnh, như thể chúng tôi vừa nói chuyện với anh ấy ngày hôm qua. Công việc của anh ấy, vợ anh ấy và cuộc sống mới của anh ấy ở Mỹ - mọi thứ thật “đáng yêu”, anh ấy nói. Những từ một được phát ra từ anh ấy một cách chậm chạp, những âm tiết được kéo dài ra. “Đá.n.g.... y..ê...u... thật”. Cuộc viếng thăm của tôi sẽ thật “t.u.y.ệ..t .....đi..ệ...u”. Ở lại với anh ấy và vợ anh ấy chẳng “n.g.ạ.i ....n.g.ù...n...g” gì cả. Sau khi chúng tôi gác máy, tôi nói với Auma rằng anh ấy có vẻ khỏe mạnh lắm. Chị ấy nhìn tôi vẻ nghi ngờ.

“Vâng, cậu không bao giờ hiểu hết về Roy”, chị ấy nói. “Anh ấy thường không biểu lộ những cảm xúc thật sự của mình. Anh ấy giống Ông Già theo cách đó. Thực ra, mặc dù họ không hòa hợp, anh ấy thật sự gọi cho tôi về Ông Già theo nhiều cách. Ít nhất đó là cách anh ấy ở Nairobi. Dầu vậy, tôi không gặp lại anh ấy kể từ đám tang của David, vì thế có thể hôn nhân đã mang anh ấy đến với một cuộc sống an phận”.

Chị ấy không nói nhiều hơn về điều đó; tôi cần phải tự tìm đến anh ấy, chị nói. Và vì thế Roy và tôi đã sắp xếp một chuyến viếng thăm; tôi bay đến D.C cho những ngày nghỉ cuối tuần dài, chúng tôi sẽ đi ngắm cảnh, đó sẽ là những giây phút tuyệt vời nhất. Đến lúc này, khi tôi đưa mắt tìm kiếm khắp cổng sân bay National vắng lặng, không thấy Roy đâu cả. Tôi gọi về nhà anh ấy và anh trả lời nghe có vẻ như một lời thứ lỗi.

“Nghe này - cậu có thể ở lại khách sạn tối nay được không?”

“Tại sao? Gặp chuyện à?”

“Không gì nghiêm trọng cả. Vâng, chỉ có tôi và vợ, chúng tôi có một cuộc cãi vã nho nhỏ. Vì vậy có cậu ở đây tối nay có thể không vui lắm, cậu hiểu không?”

“Chắc rồi. Tôi -”

“Cậu gọi cho tôi khi cậu tìm ra khách sạn nhé? Chúng ta sẽ gặp nhau tối nay và chúng ta dùng bữa tối. Tôi sẽ đón cậu vào lúc tám giờ”.

Tôi đăng ký căn phòng rẻ nhất mà tôi có thể tìm và đợi. Lúc chín giờ, tôi nghe tiếng gõ cửa. Khi mở ra, tôi nhìn thấy một người đàn ông to lớn đứng đó với hai tay thọc vào túi, một nụ cười lộ hàm răng trắng toát trên khuôn mặt đen sẫm của anh.

“Hey, cậu em”, anh ấy nói. “Cuộc sống thế nào?”

Trong những bức ảnh mà tôi có về Roy, anh ấy mảnh khảnh, trong y phục hoa văn châu Phi, với mái tóc dài xoắn và đen, một chòm râu dê, và bộ quần áo nỉ. Người đàn ông đang ôm chầm lấy tôi lúc này nặng nề hơn nhiều, phải hơn hai trăm cân Anh, tôi đoán là vậy, những thớ thịt trên đôi má của anh trĩu xuống phía dưới đôi kính dày cộm. Hàm râu dê không còn nữa; chiếc sơ mi châu Phi được thay thế bởi chiếc áo khoác thể thao màu xám, chiếc sơ mi trắng, và chiếc cà vạt. Dầu vậy, Auma đã đúng; nét tương đồng của anh ấy với Ông Già khiến tôi phải sửng sốt và bối rối. Nhìn vào anh trai, tôi cảm thấy như thể mình trở lại là cậu bé mười tuổi.

“Anh tặng ký đấy”, tôi nói khi chúng tôi đi đến chiếc xe của anh ấy.

Roy nhìn xuống cái bụng hào phóng của mình và vỗ nhẹ. “Ồ, chính là bởi thức ăn nhanh ở đây đấy, cậu em à. Khắp mọi nơi. McDonald. Burger King. Cậu thậm chí không cần phải bước ra khỏi xe để mua những thứ này. Hai mẫu bán bao toàn là thịt bò, loại nước chấm đặc biệt, rau diếp và phô mát. Bánh Double Whopper với phô mát”. Anh ấy lắc đầu. “Họ bảo tôi rằng tôi có thể có nó ngay. *Cách của tôi! Tuyệt thật!*”

Anh giật đầu về phía sau cười to, một âm thanh ma quái, chất nặng phía trong khiến cho cả thân người anh lắc lư, như thể anh ấy

không thể thoát được những điều kỳ diệu mà cuộc sống mới này mang lại. Thật dễ lây lan, nụ cười của anh - mặc dù tôi không cười khi chúng tôi rảo xe tìm nơi ăn tối. Chiếc Toyota của anh dường như quá nhỏ cho cái thân hình đồ sộ của anh - anh ấy trông như một thằng bé trong chiếc xe pumper của lễ hội Carnival - và có vẻ như anh ấy chưa thành thạo chiếc cần gạt hoặc những nội qui đường xá, kể cả giới hạn tốc độ. Hai lần chúng tôi hầu như suýt đụng những chiếc xe đang di chuyển khác; một lần, ở khúc rẽ, chúng tôi lao lên con lề cao.

"Anh thường lái kiểu này à?" Tôi la lên trong tiếng nhạc đội vang phát ra từ chiếc máy phát gắn trong xe.

Roy mỉm cười, trở về số năm. "Ồ, tôi không lái tốt lắm? Mary, vợ tôi, cô ấy cũng thường hay phàn nàn. Đặc biệt kể từ tai nạn..."

"Tai nạn gì?"

"A, chẳng gì cả. Cậu biết đấy, tôi còn ngồi đây mà. Sống và thờ được!" Và rồi lại cười và lắc đầu, như thể chiếc xe hoạt động độc lập với anh ấy, như thể đích đến an toàn của chúng tôi là một ví dụ khác về những phúc lành hào phóng của Chúa.

Nhà hàng của người Mexico, bên cạnh một bến du thuyền, và chúng tôi chọn chiếc bàn nhìn ra mặt nước. Tôi gọi một ly bia, Roy một ly cốc tai, và trong một hồi chúng tôi nói chuyện gẫu về công việc của tôi và công việc kế toán của anh ấy ở công ty tài chính thế chấp lớn. Anh ấy ăn với sự thích thú, uống ly cốc tai thứ hai; anh ấy cười và pha trò về những chuyến phiêu lưu của anh ở Mỹ. Khi bữa ăn kết thúc, nỗ lực mà anh ấy tạo ra bắt đầu bộc lộ. Cuối cùng tôi tìm cách hỏi tại sao vợ anh ấy không tham gia cùng với chúng tôi. Nụ cười của anh ấy tan mất.

"A, tôi nghĩ chúng tôi sẽ ly dị thôi", anh ấy nói.

"Tôi lấy làm tiếc".

"Cô ấy nói cô ấy mệt mỏi về việc tôi lai vãng bên ngoài khuỷa khoắc. Cô ấy nói tôi uống quá nhiều và ngày càng chẳng khác nào Ông Già".

"Anh nghĩ sao?"

“Tôi nghĩ gì ư?” Anh ấy nhìn xuống, rồi lại ngược mắt nhìn tôi với vẻ mặt rữ rượi, ngọn lửa của những cây nến trà lung linh như những ánh lửa phản chiếu trong hai chiếc tròng kính của anh ấy. “Sự thật là”, anh ấy nói, nhượng thân người về phía trước, “tôi không nghĩ mình thật sự thích bản thân. Và tôi oán trách Ông Già về điều này”.

Một giờ sau, anh ấy kể lại tất cả những giai đoạn khó khăn mà Auma đã nói về - về việc bị giạt khỏi người mẹ mình và mọi thứ tương tự; sự tụt dốc đột ngột của Ông Già khiến cho gia đình rơi vào cảnh đói nghèo; những cuộc cãi vã và suy sụp và cuối cùng là trốn chạy. Anh ấy kể cho tôi nghe về cuộc sống mình sau khi rời bỏ nhà của cha tôi; cách mà anh ấy được nhận vào Đại học Nairobi, bằng cách nhảy từ người thân này đến người thân khác, rồi kiếm được một công việc trong công ty kế toán địa phương sau khi tốt nghiệp; cách anh ấy tự dạy mình về nguyên tắc của công việc, luôn luôn đến công sở sớm và hoàn tất nhiệm vụ của mình cho dù anh có về nhà trễ đến đâu trong đêm hôm trước. Lắng nghe anh ấy, tôi cảm nhận cùng sự thán phục như khi lắng nghe Auma nói về cuộc đời chị, tính bền bỉ mà cả hai người đã biểu lộ, cùng cái sức mạnh bướng bỉnh đã đưa họ ra khỏi những nghịch cảnh. Ngoại trừ ở Auma tôi cũng cảm nhận một quyết tâm muốn để lại quá khứ phía sau, một khả năng để tha thứ theo cách nào đó, nếu không nhất thiết là quên đi. Những ký ức của Roy về Ông Già dường như thẳng thắn hơn, chua cay hơn; đối với anh quá khứ vẫn còn là một nỗi đau triền miên.

“Chẳng có gì là đủ tốt cho ông ấy cả”, anh ấy nói với tôi khi người hầu bàn dọn những đĩa thức ăn của chúng tôi. “Ông ấy thông minh, và ông thậm chí không thể để anh quên. Nếu anh về nhà với thứ hạng tốt nhất thứ hai trong lớp, anh ấy sẽ hỏi tại sao không là thứ nhất. ‘Con là một Obama’, ông ấy nói. ‘Con phải là số một’. Ông ấy thật sự tin tưởng điều này. Và rồi tôi nhìn thấy ông say xỉn, không có tiền, sống như một gã ăn mày. Tôi tự hỏi, làm sao một người thông minh như vậy lại suy sụp thảm hại đến thế? Điều đó thật vô lý với tôi. Vô lý.”

“Ngay cả sau khi tôi sống riêng, thậm chí sau cái chết của ông, tôi vẫn cố để hiểu ra câu hỏi khó hiểu này. Điều đó như thể tôi không thể trốn thoát khỏi ông ấy. Tôi nhớ chúng tôi phải đưa thi hài ông

đến Alego để an táng, và với tư cách là người con cả, tôi chịu trách nhiệm tổ chức sắp xếp mọi thứ. Chính phủ muốn một cuộc an táng Công giáo. Gia đình thì muốn theo nghi thức đạo Hồi. Mọi người đến Home Square từ khắp mọi nơi, và chúng tôi phải để tang ông theo truyền thống của bộ tộc Luo, đốt củi trong ba ngày, lắng nghe mọi người rên rỉ và than khóc. Nửa số người này, thậm chí tôi không biết họ là ai. Họ cần thức ăn. Họ muốn bia. Một số người thì thầm rằng Ông Già bị đầu độc, rằng tôi phải trả thù. Một số người đánh cắp đồ đạc trong nhà. Rồi những người thân của chúng ta bắt đầu tranh giành di sản của Ông Già. Người bạn gái cuối cùng của Ông Già, mẹ của em trai chúng ta, Geogre - bà ấy đòi mọi thứ. Một số người, như Dì Sarah của chúng ta, cũng phải đồng ý. Những người khác xếp hàng bên phía gia đình mẹ tôi. Tôi đang nói với cậu đấy, thật điên rồ! Mọi thứ dường như diễn ra lộn xộn.

"Sau khi lễ an táng kết thúc, tôi không muốn ở với bất cứ ai nữa. Người duy nhất mà tôi tin cậy là David, em trai của chúng ta. Gã đó, để tôi nói với anh, cậu ấy được lắm. Cậu ấy trông mang máng giống cậu, chỉ trẻ hơn một tí... mười lăm, mười sáu tuổi gì đó. Mẹ cậu ấy, Ruth, cố nuôi nấng nó như một người Mỹ. Nhưng David, cậu ấy chống đối. Cậu ấy yêu quý tất cả mọi người, anh biết đấy. Cậu ấy trốn nhà và đến sống với tôi. Tôi bảo cậu ấy nên về nhà, nhưng cậu ấy từ chối. Cậu ấy không muốn là một người Mỹ, cậu ấy nói. Cậu ấy là một người châu Phi. Một Obama.

"Khi David chết, chính điều này cũng đến với tôi. Tôi chắc chắn rằng đại gia đình của chúng ta bị nguyên rủa. Tôi bắt đầu uống rượu, đánh lộn - tôi không đếm xỉa. Tôi nghĩ nếu Ông Già có thể chết, nếu David có thể chết, thì tôi cũng sẽ phải chết. Đôi khi tôi phân vân không biết điều gì sẽ xảy ra nếu tôi vẫn sống ở Kenya. Có thể nói chính Nancy, một cô gái Mỹ mà tôi đã gặp. Cô ấy trở về Mỹ, vì vậy một ngày nọ tôi gọi điện cho cô ấy và nói rằng tôi muốn đến đó. Khi cô ấy nói vâng, tôi mua một chiếc vé và đón chuyến bay tiếp theo. Tôi không sắp xếp hành lý, hoặc báo với công ty, hoặc nói lời từ biệt đến bất cứ ai, hoặc bất cứ điều gì.

"Cậu biết đấy, tôi nghĩ tôi có thể khởi sự lại từ đầu. Nhưng lúc này, tôi biết mình không bao giờ có thể bắt đầu lại từ đầu. Thật sự

là không. Cậu nghĩ cậu kiểm soát được, nhưng cậu chẳng khác nào một con ruồi trong mạng lưới của kẻ khác. Thỉnh thoảng tôi nghĩ đó là lý do tại sao tôi thích nghề kế toán. Suốt ngày, bạn chỉ vật lộn với những con số. Cậu cộng rồi nhân, và nếu cẩn thận hơn, cậu luôn luôn có một giải pháp. Đó là một chuỗi nối tiếp. Một trật tự. Với những con số, cậu có thể sở hữu sự kiểm soát...”

Roy nhấp một ngụm cốc tai, và đột nhiên giọng anh ấy chậm lại, như thể anh ấy rơi xuống một nơi nào đó khác sâu thẳm, như thể cha của chúng tôi đã sở hữu anh ấy. “Tôi là người anh cả, anh biết đấy. Theo tập tục của bộ tộc Luo, giờ đây tôi là gia trưởng của đại gia đình. Tôi có trách nhiệm với cậu và Auma, và tất cả những cậu trẻ khác. Trách nhiệm của tôi để thiết lập mọi thứ trong khuôn khổ. Để trả học phí cho các cậu trai. Để chứng kiến Auma đã lập gia đình một cách đúng mực. Để xây dựng một ngôi nhà hợp thức và mang cả gia đình lại với nhau”.

Tôi chồm qua bàn và nắm tay anh ấy. “Anh không phải làm điều đó một mình, anh à”, tôi nói. “Chúng ta có thể cùng nhau chia sẻ gánh nặng”.

Nhưng như thể anh ấy không nghe tôi. Anh ấy nhìn ra ngoài cửa sổ, và rồi, và như thể muốn thoát ra tình trạng như bị thôi miên, anh ấy vẫy cô hầu bàn.

“Cậu uống một ly nữa không?”

“Tại sao chúng ta không gọi tính tiền nhỉ?”

Roy nhìn tôi và cười. “Tôi biết cậu quá lo lắng Barack à. Song đó cũng là vấn đề của tôi. Tôi nghĩ chúng ta cần phải biết bỏ mặc cho dòng chảy. Không phải điều mà mọi người ở Mỹ thường nói hay sao? *Cuốn theo dòng chảy...*” Roy lại cười, lúc này đủ lớn để những người ở bàn bên cạnh có thể quay mặt lại nhìn chúng tôi. Chỉ có phép màu mới thoát ra được nó; nó dường như trống rỗng, như thể đang di chuyển qua một khoảng cách trống không khổng lồ.

Tôi đăng ký chuyển bay vào ngày hôm sau - Roy cần dành thời gian với vợ, và tôi thì không có đủ tiền cho một đêm nữa ở khách sạn. Chúng tôi ăn sáng với nhau, và trong ánh nắng buổi sáng tinh thần của

anh ấy dường như tốt hơn. Tại cổng sân bay, chúng tôi bắt tay và ôm nhau, và anh ấy hứa đến thăm tôi ngay khi mọi thứ đã giải quyết xong. Dẫu vậy, trong suốt chuyến bay trở về Chicago, và thời gian còn lại trong những ngày cuối tuần này, tôi không thể thoát ra được cảm giác rằng Roy đang gặp nguy hiểm bằng cách nào đó, rằng những kẻ hiểm ác ranh ma sẽ đưa anh ấy đến bờ vực thẳm, và giá mà tôi là một người em tốt hơn, sự can thiệp của tôi sẽ ngăn được sự sa ngã của anh ấy.

Hình ảnh Roy vẫn trong tâm trí tôi thì Johnnie bước vào phòng tôi trong buổi xế chiều của ngày thứ Hai.

“Anh về sớm thế”, Johnnie nói. “Chuyến đi thế nào rồi?”

“Tốt. Thật vui được gặp lại anh tôi”. Tôi gật đầu, gõ nhẹ nhẹ vào cạnh bàn làm việc của tôi. “Vậy có gì xảy ra không trong thời gian tôi đi vắng?”

Johnnie thả người lên chiếc ghế. “Tốt”, anh ấy nói, “chúng tôi gặp thượng nghị sĩ tiểu bang. Ông ấy cam kết sẽ giới thiệu một tờ yết thị để xin quỹ cho một chương trình thí điểm. Có thể không tới nửa triệu, nhưng đủ”.

“Tuyệt thật. Những vị hiệu trưởng trường trung học thì sao?”

“Vừa mới trở về từ cuộc họp với tiến sĩ King, ông hiệu trưởng ở trường học của Asante. Phần còn lại trong số họ chưa trả lời những cuộc gọi của tôi?”

“Ổn rồi. Tiến sĩ King nói gì?”

“Ôi, ông ấy cười suốt”, Johnnie nói. “Nói rằng ông thật sự thích đề xuất này. Ông ấy tỏ ra háo hức khi nghe chúng ta có thể nhận được tài trợ. Nói rằng ông sẽ khuyến khích những hiệu trưởng khác hợp tác với chúng ta và chúng ta sẽ có sự ủng hộ tuyệt đối từ ông ấy. ‘Không gì quan trọng hơn là cứu lấy những bạn trẻ của chúng ta’, ông ấy nói”.

“Nghe có vẻ tốt lắm”.

“Đúng đấy. Nghe hay lắm. Thế rồi khi tôi sắp sửa bước ra khỏi phòng ông thì đột nhiên ông đưa tôi cái này”. Johnnie thọc tay vào chiếc cặp tài liệu của mình và lấy ra một mảnh giấy, và trao nó cho tôi. Tôi đọc qua một vài hàng trước khi trả nó lại.



"Một bảng lý lịch?"

"Không chỉ lý lịch của bất cứ ai khác. Lý lịch của vợ ông ấy. Dường như bà ấy là loại người chán ngấy khi cứ quanh quẩn suốt ngày ở nhà, và tiến sĩ King nghĩ bà ấy sẽ là một giám đốc 'tuyệt vời' cho chương trình của chúng ta. Không áp lực, anh hiểu chứ. Chỉ ngay khi tiền được phân bổ, một sự xem xét nào đó, anh hiểu ý tôi chứ".

"Ông ấy đưa cho anh lý lịch của vợ ông ấy -"

"Không chỉ lý lịch của vợ ông ấy". Johnnie thọc tay vào cặp tài liệu và rút ra một mảnh giấy khác, vẩy vẩy nó trong không khí. "Cả lý lịch của con gái ông ấy! Nói với tôi cô ấy sẽ là một tư vấn viên 'suất sắc' -"

"Không - "

"Tôi cho anh biết này, Barack, ông ấy đã tính toán mọi thứ cả rồi. Và anh có biết chuyện gì không? Suốt cả buổi chúng tôi nói chuyện, ông ấy không hề chớp mắt. Hành xử như thể điều ông ấy làm là điều tự nhiên nhất trên thế gian này. Không thể tin được". Johnnie lắc đầu, rồi bỗng nhiên la lên như một nhà giảng thuyết. "Trời ! Doctah Lonnie King! Một người anh em với một dũng khí nào đó! Một người anh dám nghĩ dám làm! Ngay cả chương trình chưa khởi động, ông ấy đã bàn tính trước hết rồi".

Tôi bắt đầu cười.

"Ông ấy không chỉ muốn *một* công việc! Ông ấy đòi *cả hai*! Gặp nhau để bàn về những đứa trẻ, ông ấy lại đưa cho anh lý lịch của cả *gia đình* trời đánh này của mình..."

Tôi la lên, như tóm được một loài yêu tinh nào đó. "Doctah Lonnie King!"

"Trời ơi! Doctah Lonnie King!" Johnnie bắt đầu cười khúc khích, điều đó khiến cho tôi còn cười dữ dội hơn, cho đến không lâu sau đó cả hai chúng tôi cùng hòa vào trong một tràng cười lớn, dừng lại đủ lâu lấy hơi và lại cái tên đó - "Doctah Lonnie King!" - như thể lúc này nó chất chứa một sự thật đáng nghi ngờ nhất, nhân tố cơ bản nhất trong một thế giới mãnh liệt. Chúng tôi cười cho đến khi mặt nóng

lên và hai hông sườn quặn đau, cho đến khi nước mắt tuôn ra từ khoeo mắt, cho đến khi chúng tôi cảm thấy trống rỗng và không thể cười được nữa, và quyết định dành thời gian còn lại trong buổi chiều đó để tự thiết mình một ly bia.

Đêm hôm đó, đã quá nửa đêm, một chiếc xe dừng lại trước tòa nhà căn hộ của tôi chở theo một nhóm những cậu bé thanh thiếu niên và một hệ thống loa stereo vang to đến mức sàn căn hộ của tôi bắt đầu lung lay. Tôi đã biết cách để lờ đi trước những kiểu xáo trộn như thế này - họ sẽ còn đi đâu nữa? Tôi tự nhủ. Nhưng trong buổi tối đặc biệt này tôi có một người nào đó lưu tạm; tôi biết rằng những người láng giềng bên cạnh căn hộ tôi vừa mới mang về một đứa bé mới sinh; và vì thế tôi khoác vội bộ y phục ngắn và chạy xuống lầu để nói chuyện với những vị khách về đêm này. Khi tôi đến gần chiếc xe, những giọng nói dừng lại, mọi khuôn mặt đều quay về hướng tôi.

“Nghe này, mọi người đang ngủ xung quanh đây. Tại sao các cậu không tìm một nơi nào đó khác”.

Bốn thằng bé ngồi bên trong không nói gì, thậm chí không cử động. Ngọn gió làm vơi đi tình trạng gà gật của tôi, và tôi cảm thấy bị phơi bày đột ngột, trong một chiếc quần sọt đứng trên lề đường vào giữa đêm khuya. Tôi không thể nhìn thấy những khuôn mặt bên trong chiếc xe; trời quá tối để biết chúng trạc tuổi nào, liệu chúng tỉnh hay say, tốt hay xấu. Một trong số đó có thể là Kyle. Có thể là Roy. Hoặc có thể là Johnnie.

Một trong số đó có thể là tôi. Chờ vợ giữa đêm khuya đó, tôi cố nhớ những ngày khi tôi ngồi trong một chiếc xe như thế, lòng tràn đầy những oán hận thầm kín và mong muốn chứng tỏ vị trí của mình trên thế giới này. Những cảm xúc về sự giận dữ chính đáng khi tôi hét lên với Gramps vì một lý do bị lãng quên nào đó. Máu đổ từ một cuộc ẩu đả ở trường trung học. Về vênh váo tôi mang vào lớp học say xỉn hoặc mê mê vì cần sa, biết rằng thầy cô tôi sẽ ngửi thấy mùi bia hoặc cần sa từ miệng tôi, dám thách thức họ nói một điều gì đó. Tôi bắt đầu tự mừng tượng mình qua những cặp mắt của những đứa trẻ trong lớp, một hình ảnh uy quyền ngẫu nhiên, và biết những suy tính

chúng có thể trù liệu, rằng nếu một trong bọn chúng không thể kéo tôi ra, thì bốn trong số đó chắc chắn có thể.

Sự quả quyết nhọc nhằn, bị thảm về bản ngã - khi tôi đi xuyên qua màn đêm và điểm những khuôn mặt bị lấp bóng trong chiếc xe, tôi nghĩ rằng trong khi những cậu bé này có thể yếu hơn hoặc mạnh hơn khi tôi ở cùng độ tuổi chúng, sự khác biệt duy nhất đáng cân nhắc là: thế giới trong đó tôi tiêu khiển những khoảng thời gian khó khăn như thế này thì khoan dung hơn nhiều. Những cậu bé này không có cơ hội cho sự sai phạm; nếu chúng mang súng, những khẩu súng đó cũng sẽ không mang lại cho chúng sự bảo vệ từ chân lý đó. Và chính chân lý này, một chân lý mà chắc chắn chúng cảm nhận nhưng không thể thừa nhận và, nói tóm lại, chúng phải từ chối nếu chúng muốn thức dậy vào ngày mai, đã buộc chúng, hoặc những người khác như chúng, cuối cùng phải cắt đứt mọi con đường dẫn đến sự thấu cảm mà chúng có lần có thể đã cảm nhận. Chất nam tính ngang ngược của chúng sẽ không bị kim hãm, như chính tôi đây cuối cùng cũng đã như thế, bởi một cảm nhận đau buồn về niềm kiêu hãnh bị tổn thương của một người đàn ông lớn hơn. Sự oán giận của chúng sẽ không bị ngăn cản bởi một gợi ý về mối hiểm nguy tình cờ đến với tôi bất cứ lúc nào tôi làm đứt môi thằng bé khác hoặc phóng nhanh trên xa lộ với một nụ cười che lấp cả tâm trí. Khi tôi đứng đó, tôi tự suy nghĩ rằng một nơi nào đó dưới kia tội lỗi và sự thấu cảm khẳng định với cảm nhận bị chôn vùi của chúng ta rằng một trật tự của cái gì đó được cần đến, không phải là trật tự xã hội nhất thiết phải tồn tại mà một điều gì đó cơ bản hơn và khắc khe hơn; hơn thế nữa, một cảm nhận rằng chúng ta phải dự phần trong cái trật tự này. Tôi nghi ngờ những thằng bé này sẽ phải vất vả và khó khăn để tìm kiếm cái trật tự đó. Và sự nghi ngờ đó làm cho tôi khiếp sợ, vì giờ đây tôi có một vị thế trên thế giới này, một công việc, một kế hoạch để đeo đuổi. Ngược lại dẫu tôi có thể mách bảo với chính mình nhiều đến mức nào, chúng tôi, những thằng bé và tôi, cũng là những bộ tộc khác nhau, nói một ngôn ngữ mẹ đẻ khác nhau và sống theo một điều luật khác nhau.

Động cơ khởi động, và chiếc xe vọt mất. Tôi quay trở lại căn hộ của mình biết rằng mình vừa khờ khạo vừa may mắn, biết rằng rốt cuộc tôi cảm thấy sợ hãi.

## Chương mười bốn

Đó là một tòa nhà cũ nằm ở một trong những khu vực lâu đời nhất ở South Side, vẫn lành lặn nhưng rất cần việc trát vữa và có lẽ nó cũng cần một mái nhà mới. Nơi tôn nghiêm thì tối tăm, với vài chiếc ghế gỗ lớn dành cho những bậc quan trọng đã nứt nẻ và vỡ vụn; chiếc thảm hơi đỏ toát lên mùi mốc meo ẩm thấp; và ở những điểm khác nhau những tấm ván sàn phía dưới cong lên và thấm nước trông như những ụ lổm chổm trên đồng cỏ. Văn phòng của Cha Philips cũng trong tình trạng vỡ nứt, mòn hỏng này, được thắp sáng chỉ bởi một ngọn đèn bàn cổ xưa tỏa khắp căn phòng với ánh sáng màu hổ phách ảm đạm. Và chính Cha Philips - ông đã già rồi. Với những tấm màn cửa sổ rủ xuống được bao quanh bởi những chồng sách cũ bám đầy bụi, lúc này có vẻ như ông đang ngồi tằm xâu trong tường, tĩnh lặng như một bức chân dung, chỉ có mái tóc màu trắng tuyết của ông là có thể nhìn thấy rõ ràng, giọng nói của ông vắng vắng và kỳ quái như giọng nói từ trong giấc mơ.

Chúng tôi nói chuyện trong gần một giờ, chủ yếu là đề tài nhà thờ. Nhà thờ của ông trông chẳng gì lắm là nhà thờ, nhà thờ mang lịch sử của người da đen, nhà thờ như một tổ chức, nhà thờ như một ý tưởng. Ông là một người thông thái và bắt đầu buổi nói chuyện với chúng tôi về lịch sử của tôn giáo nô lệ, nói cho tôi nghe về những người

châu Phi, khi vừa mới định cư trên những vùng đất thù địch, đã ngồi xung quanh một ngọn lửa pha trộn những điều huyền bí vừa mới tìm thấy với những nhịp điệu cổ, những bài hát của họ trở thành mạch máu cho những tư tưởng cấp tiến nhất - sự tồn tại, tự do và hy vọng. Cha tiếp tục kể về một nhà thờ miền Nam thời tuổi trẻ của ông, một tòa nhà bằng gỗ, ông nói, được xây dựng bằng mồ hôi và tiền của giành được từ công việc linh canh, nơi mà vào những buổi sáng Chủ nhật nóng bỏng và trong sáng tất cả sự kính hoàng thầm kín và những nỗi đau chưa lành lặn trong tuần được rửa sạch trong những giọt nước mắt và tiếng kêu la của lòng biết ơn; những bàn tay vỗ, vẫy và quạt thấp đỏ những hòn than của cùng những ý tưởng bừng bừng bình đó - sự sống còn, tự do và hy vọng. Ông thảo luận về chuyến viếng thăm của Martin Luther King đến Chicago và sự ghen ghét ông đã từng chứng kiến giữa một số linh mục cùng hội với King, sự sợ hãi bị chiếm quyền lực của họ; và sự xuất của những người theo Đạo Hồi, sự tức tối của họ Cha Phillips đã thấu hiểu: Đó là sự tức tối của riêng ông, ông nói, một sự tức tối mà ông không nghĩ là mình có thể hoàn toàn trốn thoát nhưng thông qua lời cầu nguyện ông đã biết cách chế ngự - và ông cố không truyền lại cho những đứa con của ông.

Lúc này ông đang giải thích về lịch sử của những nhà thờ ở Chicago. Có hàng ngàn nhà thờ và như thế ông đã biết hết tất cả về chúng: những mặt tiền nhỏ và những dinh thự bằng đá lớn; giáo đoàn da nâu ngồi bất động như những học viên trường sĩ quan khi họ hát những bài thánh ca nghiêm trang, những vị chủ tế lắc lư cơ thể họ như để phát ra một ngôn ngữ khó hiểu của Chúa. Hầu hết những nhà thờ lớn hơn ở Chicago là sự pha trộn giữa hai hình thức này, Cha Phillips giải thích, một ví dụ về những phúc lành bí ẩn của sự phân biệt, cách nó buộc luật sư và bác sĩ sống và tôn thờ ngay bên cạnh cô hầu gái và người nhân công. Giống như một quả tim lớn đang đập, nhà thờ này luân chuyển những điều tốt đẹp, thông tin, giá trị và những ý tưởng liên hồi, giữa người giàu và người nghèo, người có học và không được học, người tội lỗi và người được ban phúc.

Ông ấy không chắc nhà thờ mình sẽ tiếp tục phục vụ chức năng đó đến bao lâu nữa. Phần lớn những thành viên giàu có đã chuyển đến những khu vực trong sạch hơn, nằm ở ngoại ô. Họ vẫn lái xe trở

về mỗi ngày Chủ nhật, vì sự trung thành hoặc thói quen. Nhưng bản chất của sự gắn kết của họ đã thay đổi. Họ miễn cưỡng tình nguyện cho bất cứ điều gì - một chương trình phụ đạo, một chuyến thăm quê - vốn có thể giữ họ ở lại thành phố sau nửa đêm. Họ muốn có nhiều an ninh hơn xung quanh nhà thờ, một bãi đậu xe rào kín để bảo vệ những chiếc xe của họ. Cha Philips hy vọng rằng ngay khi ông qua đời, phần lớn những thành viên đó sẽ không trở lại nữa. Họ sẽ bắt đầu những nhà thờ mới, sạch sẽ như những con đường mới mở của họ. Ông sợ rằng sợi dây liên kết với quá khứ cuối cùng sẽ bị cắt đứt, rằng những đứa trẻ sẽ không giữ lại ký ức về cái vòng tròn ban đầu đó, xung quanh một ngọn lửa...

Giọng nói ông trầm xuống đến thình lặng; tôi cảm thấy ông có vẻ mệt mỏi. Tôi nhờ ông giới thiệu đến những vị cố vấn tinh thần khác, những người có thể quan tâm đến việc tổ chức, và ông đã nhắc đến một vài cái tên - một cố vấn tinh thần trẻ trung năng động, ông nói, Cha Jeremiah Wright, cố vấn tinh thần thuộc Giáo hội Hiệp nhất Chúa Ba Ngôi, một người rất đáng để nói chuyện; thông điệp của ông dường như cuốn hút những người trẻ như tôi. Cha Philips cho tôi số điện thoại của ông ấy, và khi đứng lên để đi, tôi nói, "Nếu chúng ta có thể mang lại năm mươi nhà thờ với nhau, chúng ta có thể đảo ngược một vài các xu hướng mà ông đã nói đến".

Cha Philips gật đầu và nói, "Có thể anh đúng, anh Obama à. Anh có một số ý tưởng hay. Nhưng anh biết đấy, những nhà thờ ở đây đã quen với việc làm theo ý họ. Thỉnh thoảng, giáo đoàn thậm chí còn nhiều hơn là các cố vấn tinh thần". Ông mở cánh cửa cho tôi, rồi dừng lại. "Nhân tiện, anh thuộc nhà thờ nào?"

"Tôi... tôi tham dự những nghi lễ khác nhau".

"Nhưng anh không phải là thành viên của bất cứ nơi nào à?"

"Vẫn đang tìm, tôi nghĩ thế".

"Ừ, tôi có thể hiểu điều đó. Dẫu vậy, nó có thể giúp cho sứ mạng của anh nếu anh có một nhà thờ riêng. Không quan trọng là ở đâu, thật là như vậy. Những gì anh yêu cầu từ những vị cố vấn tinh thần đòi hỏi chúng tôi phải dẹp sang một bên vài mối bận tâm thầy tế để

ủng hộ cho lời tiên báo. Điều đó đòi hỏi nhiều niềm tin về phía chúng tôi. Nó làm cho chúng tôi phải biết nơi đâu anh sẽ nhận được cái của mình. Niềm tin, vậy đấy”.

Bên ngoài, tôi đeo cặp kính râm vào và đi bộ ngang qua một nhóm đàn ông đã đứng tuổi, họ sắp những chiếc ghế lên trên vỉa hè để chơi bài brit. Đó là một ngày đẹp trời, hai mươi bốn độ C trong hạ tuần tháng Chín. Thay vì lái thẳng đến buổi gặp mặt tiếp theo, tôi quyết định chần chừ lại, để hai chân thò ra cánh cửa xe đang mở, nhìn xem những người đàn ông này chơi bài. Họ không nói nhiều. Họ gọi lại cho tôi về những người đàn ông mà Gramps đã từng chơi bài chung - cùng với những bàn tay thô cứng mấp chắc; cùng những đôi tất mỏng dỏm dánh và những đôi giày mảnh khảnh khó tin; cùng những giọt mồ hôi lấm tấm dọc theo nếp gấp của cổ áo, ngay phía dưới chiếc nón mở vạt. Tôi cố nhớ lại những cái tên của những người đàn ông ở Hawaii, những điều họ làm cho cuộc sống, phân vân không biết những gì còn lại của chính họ sót lại trong tôi. Lúc ấy họ là những điều huyền bí đối với tôi, những ông già da đen đó; điều huyền bí đó là một phần trong cái đã đưa tôi đến Chicago. Và lúc này đây, ngay lúc này tôi đang rời xa Chicago, tôi không biết liệu mình hiểu họ nhiều hơn trước đây không.

Tôi không nói với ai về quyết định của tôi ngoại trừ Johnnie. Tôi suy tính phải cần có thời gian cho một công bố sau này; tôi thậm chí không nghe tin tức phản hồi từ các trường luật cho đến tháng Giêng. Lúc ấy, chương trình thanh niên của chúng tôi đã sẵn sàng và đang hoạt động; tôi sẽ huy động ngân sách cho năm tiếp theo, hy vọng quy tụ được nhiều nhà thờ hơn. Tôi nói với Johnnie chỉ vì tôi cần biết liệu anh ấy có sẵn sàng ở lại và thay thế tôi với tư cách là nhà tổ chức chính - và cũng có thể bởi vì anh ấy là bạn tôi và tôi cần tự mình giải thích. Trừ khi Johnnie không nhìn thấy nhu cầu của những lời giải thích đó. Lúc tôi nói với anh ấy về những trường học mà tôi nộp đơn xin vào - Harvard, Yale, Stanford - anh ấy cười và vỗ vào lưng tôi.

“Tôi biết!” anh ấy la to.

“Biết gì?”

“Đó chỉ là vấn đề thời gian, Barack à. Trước khi anh rời khỏi đây”.

“Tại sao anh nghĩ vậy?”

Johnnie lắc đầu và cười. “Quái thật, Barack à... bởi vì anh có những lựa chọn, vậy thôi. Bởi vì anh có thể rời bỏ. Ý tôi, anh là một người anh tận tâm và đại loại như thế, nhưng khi ai đó có một sự lựa chọn giữa Harvard và Roseland, phải mất rất lâu mới có người lựa chọn Roseland”. Anh ấy lại lắc đầu. “Harvard! Quái thật. Tôi chỉ hy vọng anh nhớ những người bạn của mình khi anh đến tận thành phố thương mại hấp dẫn”.

Vì một nguyên nhân nào đó, nụ cười của Johnnie đã khiến tôi phải dè chừng. Tôi quả quyết mình sẽ trở lại khu vực này. Tôi nói với anh ấy rằng tôi không dự định việc mình sẽ bị choáng ngợp bởi sự giàu có và sức cuốn hút của Harvard, và anh ấy cũng không nên như vậy. Johnnie đưa hai lên trời trong cử chỉ đầu hàng nhái lại.

“Này, anh không cần nói với tôi tất cả điều này. Tôi là người không đi đâu cả”.

Tôi trở nên cảm lạnh, bối rối bởi sự bộc phát của mình. “Ừ, vâng... tôi chỉ nói mình sẽ trở lại, vậy thôi. Tôi không muốn anh hay những người lãnh đạo nghĩ sai”.

Johnnie cười nhẹ. “Không ai nghĩ sai cả, Barack à. Ông anh này, chúng tôi chỉ tự hào khi nhìn thấy anh thành công”.

Mặt trời lúc này lặn dần phía sau một đám mây; một vài người chơi bài khoác lên người những chiếc áo gió họ treo sau lưng ghế. Tôi đốt một điếu thuốc và cố giải mã cuộc nói chuyện đó với Johnnie. Anh ấy có nghi ngờ về những ý định của tôi không? Hoặc chỉ có tôi là không tin vào chính mình? Dường như tôi đã thay đổi quyết định của mình ít nhất là một trăm lần rồi. Tôi cần nghỉ ngơi, chắc chắn phải vậy. Tôi muốn đến Kenya: Auma đã quay trở lại Nairobi rồi, dạy ở trường đại học được một năm; đây sẽ là thời điểm lý tưởng để thực hiện một chuyến đi dài ngày.

Và tôi có những điều để học trong trường luật, những điều vốn sẽ giúp tôi mang lại sự thay đổi thực sự. Tôi sẽ học về tỷ lệ lãi suất,



sáp nhập tập đoàn, thủ tục lập pháp; cách các doanh nghiệp và ngân hàng kết hợp với nhau, cách các liên doanh bất động sản thành công hoặc thất bại. Tôi sẽ học về tiền tệ của những cường quốc trong tất cả chi tiết và tính phức tạp của chúng, kiến thức trang bị cho tôi trước khi đến Chicago nhưng giờ đây tôi có thể mang trở về nơi mà nó cần, trở về Roseland, về Altgeld; mang nó về như ngọn lửa Pro-mê-tê.

Đó là câu chuyện tôi đang kể với chính mình, giống câu chuyện mà tôi tưởng tượng cha tôi kể với chính ông hai mươi tám năm về trước, khi ông lên máy bay đến Mỹ, vùng đất của những giấc mơ. Bản thân ông cũng tin rằng ông đã phác thảo ra một kế hoạch lớn lao nào đó, rằng ông đơn giản không chỉ trốn chạy khỏi tính bất hợp lý có thể. Và, thực ra, ông đã trở về Kenya, đúng thế không? Nhưng chỉ vì là một người bị cô lập, những kế hoạch của ông, những giấc mơ, chẳng bao lâu đã trở thành cát bụi...

Liệu điều đó có xảy ra cho tôi không? Có thể Johnnie đúng; có thể ngay khi bạn lột bỏ những sự hợp lý hóa, vấn đề quan trọng tiếp theo đơn giản chỉ là sự trốn thoát. Một sự trốn thoát khỏi nghèo đói, sự nhàm chán, hoặc tội phạm hoặc những xiềng xích của màu da. Có thể, bằng việc đi đến trường luật, tôi sẽ lập lại một kiểu mẫu đã từng được thiết lập nhiều thế kỷ trước, giây phút mà người da trắng, được thúc đẩy bởi nỗi sợ hãi riêng của họ về sự bất phi lý, đã đặt chân xuống những bờ biển châu Phi, mang theo họ súng ống và sự đói khát mù quáng, để kéo đi những kẻ bị chinh phục trong xiềng xích. Cuộc chạm trán đầu tiên đã vẽ lại bản đồ của người da đen, tái bố trí vũ trụ của nó, tạo nên một ý tưởng về sự trốn thoát - một ý tưởng vẫn tiếp tục đeo bám Frank và những người da đen già khác, những người đã tìm nơi ẩn náu ở Hawaii; Joyce có đôi mắt xanh ở Occidental, chỉ muốn là một cá nhân; Auma, bị dày vò giữa Đức và Kenya; Roy, nhận ra rằng anh ấy không thể khởi đầu lại. Và ở đây, ở South Side này, giữa những thành viên của nhà thờ Cha Philips, một vài trong số họ có thể đã bước đi cùng tiến sĩ King, tin tưởng rằng họ bước đi để tìm một mục đích cao cả hơn, những quyền lợi và những nguyên tắc và tất cả những đứa con của Chúa, nhưng vào một lúc nào đó họ là người nhận ra rằng quyền lực là kiên định và những nguyên tắc là dễ thay đổi, và ngay cả điều luật được thông qua và

kiểu hành hình in-sơ được chặn đứng, điều gần gũi nhất đến với sự tự do vẫn là sự trốn thoát, cảm xúc nếu không là lý tính, khỏi chính bản thân chúng ta, khỏi điều chúng ta biết, cuộc trốn chạy vào những phạm vi bên ngoài của vương quốc những người da trắng - hoặc gần hơn đến nguồn yêu thương của nó.

Những sự tương đồng không hoàn toàn đúng. Mối quan hệ giữa người da trắng và da đen, ý nghĩa của sự trốn thoát, đối với tôi sẽ không bao giờ giống như đã từng đối với Frank, hoặc Ông Già, hoặc thậm chí là Roy. Và mặc dù bị phân biệt như Chicago, căng thẳng như các mối quan hệ chủng tộc, sự thành công của phong trào quyền công dân ít nhất cũng tạo ra sự chông chéo giữa các cộng đồng, nhiều không gian hơn để di chuyển cho những người như tôi. Tôi có thể làm việc trong cộng đồng người da đen với tư cách là một người tổ chức hoặc là một luật sư và vẫn sống trong thành phố với những tòa nhà cao tầng. Hoặc theo cách khác: tôi có thể làm việc trong một công ty cổ phần luật nhưng sống ở South Side và mua một căn nhà lớn, lái chiếc xe đẹp, quyên tặng cho NAACP và chiến dịch của Harold, thuyết trình ở các trường trung học địa phương. Một kiểu mẫu vai trò, họ gọi tôi như vậy, một ví dụ về sự thành công của người đàn ông da đen.

Có gì không đúng với điều đó không? Johnnie dĩ nhiên không nghĩ như vậy. Anh ấy mỉm cười, lúc này tôi nhận thấy, không phải bởi anh ấy suy xét tôi mà đúng hơn là anh ấy không làm vậy; bởi vì anh ấy, cũng như những người lãnh đạo của tôi, không nhìn thấy bất cứ điều gì sai với sự thành công đó. Đó là một trong những bài học mà tôi đã học trong hai năm rưỡi nay, đúng không? - rằng hầu hết những người da đen không giống như người cha trong những giấc mơ của tôi, người đàn ông trong những câu chuyện của mẹ tôi, đầy ắp những ý tưởng chín mùi và nhanh chóng đưa ra phán xét. Họ giống hơn với người cha kế của tôi, Lolo, những con người thực tiễn, họ biết cuộc sống quá khắc nghiệt để xem xét những lựa chọn của nhau, quá hỗn độn để sống theo những ý tưởng trừu tượng. Không ai mong chờ sự quên mình từ tôi - không phải Rafiq, người gần đây quấy rầy tôi về việc giúp anh ấy quyên tiền từ các tổ chức da trắng cho kế hoạch mới nhất của anh ấy; không phải Cha Smalls, người quyết định vận động cho vị trí thượng nghị sĩ tiểu bang và nóng lòng ngóng đợi sự

hậu thuẫn của chúng tôi. Về phần họ, màu da của tôi luôn luôn là một tiêu chí đủ để trở thành thành viên của cộng đồng, đủ sức để đối phó với những điều khắc nghiệt.

Đó có phải tất cả những gì mang tôi đến Chicago không, tôi tự nhủ - sự khao khát cho một sự đón nhận đơn giản như vậy? Chắc chắn một phần trong đó là ý nghĩa đối với cộng đồng. Nhưng còn một ý nghĩa khác, một sự thôi thúc khác khe hơn. Chắc chắn, anh có thể là người da đen có thể không quan tâm gì đến những gì xảy ra ở Altgeld hoặc Roseland. Anh không phải nghĩ đến những đứa bé như Kyle, những người mẹ trẻ như Bernadette hoặc Sadie. Nhưng phải thắng thắng với chính mình, phải làm những điều đúng với người khác, tạo ý nghĩa vào sự đau đớn của cộng đồng và tham gia vào sự hàn gắn của nó - điều đó đòi hỏi một điều gì đó hơn. Nó đòi hỏi kiểu cam kết mà tiến sĩ Collier đã thực hiện mỗi ngày ở Altgeld. Nó đòi hỏi kiểu hy sinh mà một người như Asante sẵn sàng chấp nhận với các học sinh của ông.

Nó đòi hỏi niềm tin. Lúc này tôi liếc mắt lên nhìn cánh cửa sổ nhỏ ở tầng hai của nhà thờ, tưởng tượng ông cố vấn tinh thần già đang ngồi bên trong, soạn thảo bài thuyết giảng trong tuần. Niềm tin của anh đến từ đâu? Ông ấy hỏi. Tôi chợt nảy ra rằng tôi không có câu trả lời. Song, có lẽ tôi tin vào chính mình. Nhưng niềm tin trong cái bản ngã của chúng ta thì không bao giờ đủ.

Tôi dập diếu thuốc và bắt đầu đề máy. Tôi nhìn vào chiếc gương chiếu hậu và, phóng đi, quan sát những người chơi bài già nua, tinh lặng lui dần và mất hút.

Nhờ Johnnie quản lý những hoạt động hàng ngày của tổ chức, tôi có cơ hội gặp gỡ nhiều vị mục sư da đen khác trong vùng, hy vọng thuyết phục được họ tham gia vào tổ chức. Đó là một quá trình diễn ra chậm, bởi vì không phải như những đối tác Công giáo của họ, hầu hết cố vấn tinh thần da đen đều độc lập tuyệt đối, an tâm trong những nhóm cộng đoàn của họ và đương nhiên là cần một ít đến sự trợ giúp từ bên ngoài. Bất cứ lúc nào tôi gặp họ trên điện thoại, họ thường nghi ngờ hoặc lảng tránh, không chắc chắn về lý do tại sao

người theo đạo Hồi này - hoặc tệ hơn, gã Ireland này, O'Bama - muốn xin vài phút trong quỹ thời gian của họ. Và một nhóm người tôi gặp trông phù hợp với những hình mẫu được tìm thấy trong các cuốn tiểu thuyết của Richard Wright hoặc các vở diễn thuyết của Malcolm X: những gã râu bạc ra vẻ cao đạo giảng thuyết những điều viển vông, hoặc những Tín đồ Công giáo cuồng tín bóng loáng với những chiếc xe sặc sỡ và mắt chăm chăm vào cái quả xin tiền.

Dẫu vậy, phần lớn ngay khi tôi có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với những người này, tôi thường bỏ đi lòng cảm kích. Với tư cách là một nhóm, hóa ra họ là những người sâu sắc và ân cần, với một ý thức tự tin, một sự đoan chắc vào mục đích, điều đó khiến cho họ trở nên những nhà tổ chức tốt nhất trong cộng đồng. Họ hào phóng với thời gian của mình, quan tâm vào những vấn đề, sẵn sàng một cách kinh ngạc để cởi mở với sự chăm chú của tôi. Một mục sư nói về tệ nạn cờ bạc trước đây. Một mục sư khác nói về những năm tháng của ông với tư cách là một ủy viên thành công và là một kẻ say xỉn lén lút. Tất cả họ đề cập đến những giai đoạn hoài nghi về tôn giáo; sự đồi bại của thế giới và những tấm lòng của họ; và cuối cùng là sự khơi dậy của cái tôi, một cái tôi được pha trộn vào một điều gì đó lớn hơn. Đó là nguồn tự tin của họ, họ quả quyết: sự sa ngã của bản thân và sự cứu rỗi theo sau. Đó là cái đã cho họ uy quyền để thuyết giảng Tin Mừng.

Tôi có bao giờ nghe Tin Mừng chưa nhỉ? Một vài trong số họ hỏi tôi.

Anh có biết niềm tin *của anh* đến từ đâu không?

Khi tôi gọi những vị cố vấn tinh thần để nói chuyện, một vài người trong họ cho tôi tên của Cha Wright, cũng chính là mục sư mà Cha Philips đã nhắc đến tại nhà thờ ông ngày hôm nọ. Những mục sư trẻ tuổi dường như coi Cha Philips như là một người thầy thông thái giả hiệu, nhà thờ của ông là một kiểu mẫu cho những gì mà chính họ hy vọng đạt được. Những vị cố vấn tinh thần già hơn thì tỏ ra cẩn trọng với lời khen ngợi của họ, ấn tượng trước sự gia tăng nhanh chóng của giáo đoàn Chúa Ba Ngôi nhưng có vẻ khinh miệt về sự mến mộ của họ với những chuyên gia trẻ da đen ("Một nhà thờ của người da đen học thức", một cố vấn tinh thần nói với tôi).

Đến cuối tháng Mười cuối cùng tôi đã có được cơ hội viếng thăm cha Wright và tự mình kiểm tra nhà thờ của ông. Tôi ngồi bệt trên Đường Chín mươi lăm trong một khu vực hầu như là cư ngụ cách xa các dự án Loudon Home vài khu chung cư. Tôi đã mong đợi một điều gì đó ấn tượng, nhưng hóa ra đó là một kết cấu thấp, khiêm tốn với những cánh cửa sổ góc cạnh và gạch đỏ, được tạo quang cảnh bởi cây xanh và những bụi kiểng tạo hình, một tấm biển nhỏ được cắm vào bãi cỏ - NAM PHI TỰ DO bằng chữ hoa đơn giản. Bên trong, nhà thờ mát mẻ và xì xào với một hoạt động gì đó. Một nhóm trẻ nhỏ đợi để được đón sau một ngày được nuôi giữ ở đây. Một đoàn người gồm các cô gái thanh thiếu niên đi ngang qua, trong y phục cho một sự kiện gì đó trông như là một lớp múa châu Phi. Bốn phụ nữ lớn tuổi xuất hiện từ nơi tôn nghiêm, và một trong số họ la lên "Chúa thật nhân từ!" khiến cho những người khác đáp lại một cách hồ hởi "Cho đến muôn đời!"

Cuối cùng một phụ nữ xinh xắn vui vẻ xuất hiện và tự giới thiệu mình là Tracy, một trong những trợ lý của Cha Wright. Cô nói rằng Cha sẽ tới trễ vài phút và hỏi tôi có dùng cà phê không. Khi tôi theo cô ấy quay trở lại nhà bếp theo hướng về phía sau của nhà thờ, chúng tôi bắt đầu nói chuyện phiếm, hầu hết là đề tài nhà thờ, và một ít về cô ấy. Đó là một năm đầy khó khăn, cô nói: Chồng chị vừa mới qua đời, và chỉ vài tuần nữa thôi cô sẽ dọn ra ngoại ô. Cô đã phải vật lộn ròng rã và khó khăn với quyết định này, bởi cô đã sống phần lớn cuộc đời mình ở thành phố. Nhưng cô quyết định việc di chuyển này là tốt nhất cho đứa con trai tuổi thiếu niên của cô. Cô bắt đầu giải thích việc ngày càng nhiều gia đình da đen sống ở ngoại ô thời gian gần đây, cách mà con trai cô tự do lai vãng xuống đường mà không bị quấy rối; việc trường học của nó có những khóa học về âm nhạc, một ban nhạc đầy đủ, y phục và nhạc cụ tự do.

"Nó luôn muốn vào ban nhạc", cô nói một cách dửng dưng.

Khi chúng tôi nói chuyện, tôi nhìn thấy một người đàn ông trạc bốn mươi bước về hướng chúng tôi. Một mái tóc bạc, một hàm râu dê và bộ quai nón cũng điểm bạc; ông mặc một bộ đồ ba mảnh màu xám. Ông di chuyển chậm chạp, cẩn thận, như thể để bảo tồn năng

lượng, vừa đi vừa sà sàng qua những bức thư, ngâm nga một điệu nhạc đơn giản.

“Barack”, ông ấy nói như thể chúng tôi là những người bạn cũ, “Hãy xem liệu Tracy có cho tôi xin một phút của anh không”.

“Đừng chú ý gì đến ông ấy, Barack à”, Tracy nói, đứng dậy và rũ thẳng chiếc váy của mình. “Lẽ ra tôi nên nói với anh thỉnh thoảng Cha thích hành động ngớ ngẩn vậy đó”.

Cha Wright cười và dẫn tôi vào một văn phòng nhỏ bữa bộn. “Xin lỗi vì đến trễ”, ông nói, đóng cánh cửa lại phía sau. “Chúng tôi đang cố xây dựng một thánh đường mới, và tôi phải gặp các ông chủ nhà băng. Tôi nói với anh rằng họ luôn muốn một điều gì đó khác từ anh. Điều mới nhất là một chính sách bảo hiểm nhân thọ khác cho tôi. Trong trường hợp ngày mai tôi chết. Họ tính cả nhà thờ sẽ sụp nếu không có tôi”.

“Thật thế không?”

Cha Wright lắc đầu. “Tôi không phải là nhà thờ Barack à. Nếu ngày mai tôi chết, tôi hy vọng giáo đoàn sẽ tổ chức cho tôi cái đám tang đúng khuôn phép. Tôi nghĩ một vài giọt nước mắt sẽ rơi ra. Nhưng ngay khi tôi xuống dưới một mét tám, tất cả họ sẽ quay trở lại ngay với công việc, tính toán cách để làm nhà thờ này sống theo sứ mệnh của nó”.

Ông ấy lớn lên ở Philadelphia, con trai của một mục sư Tin Lành. Thoạt đầu ông kháng cự tâm nguyện của cha, bỏ học tham gia vào Hải quân, học đòi rượu chè, đạo Hồi và chủ nghĩa dân tộc da đen vào những năm sáu mươi. Nhưng tiếng gọi của niềm tin có vẻ như vẫn còn, một sự thôi thúc liên tục vào cõi lòng ông, và cuối cùng ông vào được trường Howard, rồi Đại học Chicago, nơi ông bỏ ra sáu năm nghiền cứu để lấy bằng tiến sĩ về lịch sử tôn giáo. Ông học tiếng Phạn và Hy Lạp, đọc sách văn học của Tillich và Niebuhr và các nhà thần học giải phóng da màu. Sự tức giận và khôi hài trên đường phố, kiến thức sách báo và thỉnh thoảng là loại sách ba xu, tất cả ông đều mang theo đến Giáo hội Chúa Ba Ngôi cách đây gần hai thế kỷ. Và mặc dù chỉ sau này tôi mới biết nhiều về tiểu sử của ông, nhưng vẫn

đề đã trở nên rõ ràng ngay lần gặp gỡ đầu tiên này đó là chính tài năng bao quát của ông - khả năng để quy tụ, nếu không nói là hòa giải, những khuynh hướng xung đột trong trải nghiệm của người da đen - mà trên đó sự thành công của Giáo hội Chúa Ba Ngôi cuối cùng được xây dựng.

"Chúng tôi có nhiều nhân vật nổi tiếng khác nhau ở đây", ông ấy nói với tôi. "Nhà nghiên cứu văn hóa châu Phi. Người ủng hộ chủ nghĩa truyền thống. Thịnh thoảng tôi phải thọc tay vào chiếc lọ - lấp liếm mọi thứ trước khi chúng trở nên xấu xí. Nhưng hiếm khi như vậy. Thông thường, nếu một người nào đó có ý kiến đối với đoàn mục sư mới, tôi bảo họ bám theo và đừng ngăn cản họ".

Cách tiếp cận của ông ấy dĩ nhiên có tác dụng: nhà thờ phát triển từ hai trăm đến bốn ngàn thành viên trong suốt thời kỳ nắm giữ của ông; có những tổ chức cho các thị hiếu khác nhau, từ các lớp học yoga đến các câu lạc bộ Ca-ri-bê. Ông đặc biệt hài lòng với sự tiến triển của nhà thờ trong việc lôi kéo nhiều người tham gia, mặc dù ông thừa nhận họ vẫn còn nhiều việc phải làm.

"Không có gì ở đây khó hơn việc tiếp cận những người trẻ như anh", ông nói. "Họ lo lắng về cái vẻ ủy mị của mình. Họ lo lắng về điều mà những chiến hữu sẽ nói về họ. Họ tự nhủ nhà thờ là việc của phụ nữ - và đó là một dấu hiệu về sự yếu đuối đối với một người đàn ông khi thừa nhận rằng anh ta cần những nhu cầu tinh thần".

Cha ngược mắt nhìn tôi, một cái nhìn khiến cho tôi căng thẳng. Tôi quyết định chuyển đề tài sang lĩnh vực thân thuộc hơn, nói với ông ấy về DCP và những vấn đề mà chúng tôi đang làm, giải thích nhu cầu thu phục từ những nhà thờ lớn như của ông. Ông ngồi với vẻ kiên nhẫn và lắng nghe tôi, và khi tôi nói xong ông gật đầu nhẹ.

"Tôi sẽ cố giúp anh nếu có thể", ông nói. "Nhưng anh cần biết rằng lôi kéo chúng tôi vào trong nỗ lực của anh không nhất thiết là một thành tích".

"Tại sao?"

Cha Wright nhún vai. "Một trong số những tu sĩ đồng hội của tôi không tán thành những gì chúng ta nói đến. Họ cảm thấy chúng

ta quá cực đoan. Những người khác thì cho rằng chúng ta không đủ quyết liệt. Quá cảm xúc. Không đủ cảm xúc. Sự nhấn mạnh của chúng ta vào lịch sử châu Phi, về học bổng -".

"Một số người cho rằng", tôi chần ngang, "giáo hội quá năng động trong sự thăng tiến của họ".

Nụ cười của cha trở nên nhợt nhạt. "Toàn là chuyện ngớ ngẩn", ông chỉ trích gay gắt. "Những người anh đang nói, cái đồng hồ độn đó chỉ phản ánh sự lúng túng của riêng họ mà thôi. Họ đưa vào toàn là chuyện giai cấp vốn cản trở chúng ta làm việc cùng nhau. Một nửa số họ nghĩ rằng một thành viên băng nhóm đường phố trước đây hay tín đồ Hồi giáo cũ không có phận sự gì trong nhà thờ Cơ Đốc. Một nửa kia thì cho rằng bất cứ người da đen nào có học hay có việc làm, hoặc bất cứ nhà thờ nào kính trọng sự uyên thâm, dù sao thì cũng là đối tượng đáng nghi ngờ.

"Chúng tôi không mua những sự phân chia lệch lạc này. Nó không mang lại thu nhập, Barack à. Cảnh sát không kiểm tra tài khoản nhà băng của tôi khi họ ra lệnh tôi tập vào lề và bắt tôi úp xoài người trên xe. Những gã bị giáo dục lệch lạc này, giống như nhà xã hội học ở Đại học Chicago, nói về 'ý nghĩa đang tụt dốc của chủng tộc.' Thế bây giờ quốc gia nào anh ta đang sống?"

Nhưng không có một hiện thực cho những phân biệt giai cấp sao, tôi tự nhủ? Tôi đề cập đến cuộc đối thoại giữa tôi với cô trợ lý của ông, xu hướng của những người với những điều kiện di dời ra khỏi hàng rào lửa. Ông lấy đôi kính ra và xoa xoa vào chỗ mà lúc này tôi nhận ra là một đôi mắt mệt mỏi.

"Tôi cho Tracy ý kiến của tôi về việc dọn ra khỏi thành phố", ông nói một cách nhỏ nhẹ. "Thằng bé của cô ấy sẽ đến đó và không biết tí gì về nơi nó ở hoặc nó là ai".

"Thật khó để nắm bắt những cơ hội cho sự an toàn của đứa con anh".

"Cuộc sống không an toàn cho một người da đen trong đất nước này Barack à. Không bao giờ cả. Có lẽ sẽ không bao giờ".

Tiếng chuông báo vo vo trên bàn làm việc, nhắc nhở cha Wright về cuộc hẹn tiếp theo. Chúng tôi bắt tay nhau, và ông đồng ý để Tracy



chuẩn bị cho tôi một danh sách những thành viên mà tôi sẽ gặp. Sau đó, trong bãi đậu xe tôi ngồi trong chiếc xe của mình và lật qua cuốn thông tin nhỏ màu bạc mà tôi lấy từ khu vực tiếp tân. Nó chứa hàng loạt các nguyên tắc chỉ dẫn - một "Hệ thống Giá trị Người Da đen" - mà giáo đoàn đã tiếp nhận vào năm 1979. Ở mục đầu tiên của danh sách là một sự cam kết với Chúa, "người sẽ cho chúng tôi sức mạnh để từ bỏ chủ nghĩa tiêu cực sùng tín và trở thành những nhà hoạt động Cơ Đốc Da đen, những người lính vì tự do của người da đen và nhân phẩm của toàn nhân loại". Rồi đến một sự cam kết với cộng đồng da đen và gia đình da đen, giáo dục, đạo đức công việc và lòng tự trọng.

Một bảng liệt kê hợp lý và chân thành - không khác biệt gì lắm, tôi nghĩ ngờ, so với những giá trị mà Cha Philips già có thể đã tìm thấy trong nhà thờ địa hạt quét vôi trắng xóa hai thế hệ trước. Dầu vậy, có một đoạn đặc biệt trong tờ thông tin của Giáo hội Chúa Ba Ngôi nổi bật một điều rắn có vẻ dè dặt hơn trong giọng điệu của nó, đòi hỏi sự tỉ mỉ cao độ. "Từ bỏ việc đeo bám những giai cấp trung lưu", đoạn tiêu đề. "Song chúng ta được phép đeo đuổi "mức thu nhập trung lưu" với tất cả sức mạnh của chúng ta, " đoạn văn ghi, những người được trời ban cho tài năng và sự may mắn tốt đẹp để đạt đến thành công trong xu hướng Mỹ phải tránh "cạm bẫy tâm lý của 'giai cấp trung lưu' Da đen vốn thôi miên những người thành công vào việc tin rằng họ tốt hơn phần còn lại và dạy họ suy nghĩ về 'chúng ta' và 'họ' thay vì 'nước Mỹ'!

Những suy nghĩ của tôi thường quay về bản tuyên bố đó trong những tuần về sau khi tôi gặp những thành viên khác nhau của Giáo hội Chúa Ba Ngôi. Tôi quyết định Cha Wright ít nhất cũng chính đáng phần nào trong việc gạt bỏ những người chỉ trích nhà thờ, vì phần lớn những thành viên của nó là tầng lớp lao động, cùng những thư ký, giáo viên và viên chức nhà nước được tìm thấy trong các nhà thờ lớn khác của người da đen trong khắp thành phố này. Những người dân từ dự án nhà ở lân cận đã được tích cực tuyển mộ, và các chương trình được thảo ra để thỏa mãn những nhu cầu của người nghèo - cứu

trợ hợp pháp, phụ đạo, chương trình chống ma túy - chiếm một lượng đáng kể trong nguồn lực của nhà thờ.

Song, không thể chối cãi được rằng nhà thờ có một lượng bất cân xứng về các chuyên gia da đen trong đội ngũ của nó: kỹ sư, bác sĩ, kế toán viên, và các nhà quản lý tập đoàn. Một vài trong số họ được nuôi dưỡng trong Giáo hội Chúa Ba Ngôi; những người khác chuyển đến từ các giáo phái khác. Nhiều người thú nhận đã lâu không tham gia vào bất kỳ hoạt động tôn giáo nào - một sự lựa chọn có ý thức đối với một vài người, một phần trong hành vi nhận thức chính trị và tri thức, nhưng thường là do nhà thờ dường như không liên quan đến họ khi họ đeo đuổi sự nghiệp của mình trong hầu hết những tổ chức của người da trắng.

Dẫu vậy, đến một lúc nào đó, tất cả họ cho tôi biết về việc bước đến một ngõ cụt tinh thần; một cảm nhận, vừa hỗn độn vừa nặng trĩu đồng thời, rằng họ bị cắt đứt khỏi chính họ. Từng lúc, rồi thường xuyên hơn, họ trở về nhà thờ, tìm trong Giáo hội Chúa Ba Ngôi một vài trong những điều mà mọi tôn giáo khác hy vọng ban phát cho kẻ cải đạo của họ: một nơi ẩn náu tinh thần và cơ hội để chứng kiến những món quà được cảm kích và thừa nhận theo cách mà một khoản thu nhập không thể có được; một sự bảo đảm, như xương hóa cứng và tóc bắt đầu điểm bạc, rằng họ phụ thuộc vào một điều gì đó kéo dài hơn cả sự sống của họ - và rằng, khi thời gian của họ cuối cùng đã đến, một cộng đồng sẽ ở đó để tưởng nhớ.

Nhưng không phải tất cả những điều mà những người này tìm kiếm hoàn toàn mang tính tôn giáo, tôi nghĩ; không phải chỉ có Chúa họ mới về nhà với Người. Tôi chợt nảy ý rằng Giáo hội Chúa Ba Ngôi, với những chủ đề châu Phi, sự nhấn mạnh của nó vào lịch sử người da đen, tiếp tục vai trò mà Cha Phillips đã mô tả trước đó như là kẻ tái ban phát những giá trị và kẻ luân chuyển những ý niệm. Chỉ có điều trong lúc này việc tái ban phát không vận hành theo sự hướng dẫn đơn độc từ giáo viên hoặc bác sĩ những người coi đó như là một trách nhiệm của đạo Cơ Đốc để giúp người linh canh hoặc chàng thanh niên trẻ vừa đến từ Miền Nam thích nghi với cuộc sống ở đô thị lớn. Dòng chảy văn hóa lúc này cũng di chuyển theo hướng

ngược lại; một thành viên băng nhóm đường phố trước đây, người mẹ tuổi thanh thiếu niên, có những cách công nhận giá trị riêng của họ - đòi lại quyền bị tước đoạt, và vì thế tính xác thực, sự hiện hữu của họ trong nhà thờ mang lại cho vị luật sư hoặc bác sĩ một nền giáo dục từ đường phố. Bằng việc mở rộng các cánh cửa cho phép tất cả mọi người gia nhập, một nhà thờ như Giáo hội Chúa Ba Ngôi đảm bảo với các thành viên của mình rằng số phận của họ vẫn được gắn kết không thể tách rời.

Đó là một chương trình đầy hiệu lực, cộng đồng văn hóa này, dễ uốn nắn hơn là chủ nghĩa dân tộc đơn giản, dễ duy trì hơn kiểu tổ chức riêng của tôi. Song, tôi không thể không tự hỏi liệu nó có đủ hiệu lực để giữ nhiều người hơn không khỏi rời thành phố hoặc những thanh niên trẻ khỏi cảnh ngục tù. Liệu Hiệp hội Cơ đốc giáo giữa một nhà quản lý trường học da đen và một phụ huynh da đen có thay đổi cách thức trường học được quản lý không? Liệu sự quan tâm đến việc duy trì tính thống nhất như vậy có cho phép cha Wright có quan điểm mạnh mẽ đối với những đề xuất mới nhất để cải cách nhà ở công cộng? Và nếu những người như Cha Wright không có quan điểm, nếu các giáo hội như Giáo hội Chúa Ba Ngôi không can thiệp vào sự xung đột thực sự giữa quyền lực và liều lĩnh, vậy thì cơ hội nào để giữ cho một cộng đồng lớn hơn còn nguyên vẹn?

Thình thoảng tôi đưa những câu hỏi như vậy cho những người mà tôi gặp. Họ đáp lại với cùng một vẻ kinh ngạc mà Cha Philips và Cha Wright đã thể hiện với tôi. Đối với họ, nguyên tắc trong tờ thông tin của Giáo hội Chúa Ba Ngôi là những tín điều không kém hơn niềm tin vào sự phục sinh. Anh phải có một vài ý tưởng hay, họ nói với tôi. Có thể nếu anh tham gia vào giáo hội anh có thể giúp chúng tôi khởi sự một chương trình cộng đồng. Tại sao anh không đến vào ngày Chủ nhật?

Tôi nhún vai và bộc lộ ngay vấn đề, không thể thú nhận rằng tôi không còn có thể phân biệt giữa niềm tin và sự ngây ngô, giữa niềm tin và khả năng chịu đựng đơn giản; rằng trong lúc tôi tin vào sự ngay thật mà tôi nghe trong giọng nói của họ, tôi vẫn là một người hoài nghi miễn cưỡng, nghi ngờ về những động thái riêng của mình,

cảnh giác sự chuyển biến thiết thực, có quá nhiều những lời phàn nàn với Chúa để chấp nhận một sự cứu rỗi được giành lấy một cách quá dễ dàng.

Ngày trước Lễ Tạ Ơn, Harold Washington chết.

Nó xảy ra mà không một lời cảnh báo nào. Chỉ một vài tháng trước đó, Harold đã tái đắc cử, dễ dàng hạ gục Vrdolyak và Byrne, phá vỡ sự bế tắc vốn hoành hành trong thành phố bốn năm trước. Lần này ông đã vận động một chiến dịch cần trọng triệt để, quản lý một cách chuyên nghiệp, không có sự hăng hái sôi nổi như của năm 1983; một chiến dịch củng cố, cân bằng ngân sách và các công trình công cộng. Ông tìm đến sự trợ giúp của các chính trị gia thuộc bộ máy cũ, những người Ba Lan và Ireland, sẵn sàng hòa giải. Cộng đồng doanh nghiệp đã gởi cho ông ngân phiếu của họ, cam chịu với sự hiện diện của ông. Quyền lực của ông không đủ vững chắc đến mức những bất bình trong dân chúng cuối cùng đã lộ lên trong hệ thống hạ tầng của ông, giữa những người theo chủ nghĩa dân tộc da đen đã tức tối trước thiện ý của ông để cắt đứt giao dịch với người da trắng và Mỹ La tinh, giữa những nhà hoạt động thất vọng trước việc ông không giải quyết triệt để nạn nghèo đói, và những người vốn thích giấc mơ hơn là hiện thực, sự bất lực hơn là thỏa hiệp.

Harold không chú ý nhiều đến những lời chỉ trích như vậy. Ông không thấy lý do gì phải chuốc lấy bất kỳ sự liêu lĩnh lớn nào, không lý do gì phải vội vàng. Ông nói rằng ông sẽ là thị trưởng trong hai mươi năm tới.

Và rồi cái chết: đột ngột, đơn giản, cuối cùng, hầu như nực cười trong tính bình thường của nó, trái tim của một con người quá trọng đã nhượng bộ.

Trong tuần lễ đó trời mưa, thời tiết lạnh và ổn định. Trong khu vực dân cư, những con đường lặng câm. Trong nhà và ngoài đường, mọi người than khóc. Những đài phát thanh của người da đen phát lại những bài diễn văn của Harold, giờ này đến giờ khác, cố gọi hồn người chết. Ở Tòa Thị chính, hàng dãy người uốn lượn xung quanh vài khu chung cư như là những người than khóc viếng thăm thi hài, được

đặt bên ngoài. Khắp mọi nơi những người da đen dường như sững sờ, choáng váng và không rõ phương hướng, lo sợ cho tương lai.

Vào thời điểm của buổi an táng, những người trung thành với Washington đã phải trải qua cú sốc đầu tiên. Họ bắt đầu gặp gỡ, tái hợp nhóm, cố quyết định một chiến lược cho việc duy trì kiểm soát, cố chọn lựa người thừa kế của Harold. Nhưng đã quá trễ cho điều đó. Chẳng có tổ chức chính trị nào gần khớp cả, chẳng có những nguyên tắc được định rõ nào để tuân theo cả. Toàn bộ nền chính trị của người da đen đã đặt vào một người vốn tỏa sáng như mặt trời. Vì rằng ông đã ra đi, không ai có thể đồng ý vào những gì mà sự hiện diện của ông muốn ám chỉ.

Những người trung thành cãi nhau. Những bè phái lộ diện. Tiếng đồn lan nhanh. Ngày thứ Hai, ngày mà hội đồng thành phố phải chọn ra một thị trưởng mới để phục vụ cho đến kỳ bầu cử đặc biệt, liên minh lần đầu tiên đã đưa Harold vào nhiệm sở hầu như bị dập tắt. Tối đêm đó tôi đến Tòa Thị chính để xem cái chết thứ hai này. Mọi người, hầu như là da đen, tập trung bên ngoài phòng họp của hội đồng thành phố từ lúc xế chiều - người già, những người hiếu kỳ, đàn ông, đàn bà với những biểu ngữ và băng hiệu. Họ quất vào người ủy viên hội đồng da đen vì đã cắt mọi giao dịch với khối da trắng. Họ vấy những tờ bạc đô la vào người đàn ông da đen có giọng nói dịu dàng này - một người lưu nhiệm từ thời Machine - phía sau ông người ủy viên hội đồng da trắng ném sự hậu thuẫn của mình với ám chỉ khinh miệt. Họ gọi người đàn ông này là người bán tổng bán tháo, một Cự Tom. Họ hò hát, nhảy nhót và thể không bao giờ bỏ đi.

Nhưng quyền lực rất kiên nhẫn và biết điều nó muốn; quyền lực có thể kiên nhẫn hơn những khẩu hiệu, những lời cầu nguyện, những ngọn nến. Khoảng nửa đêm, ngay trước khi hội đồng thực hiện việc bỏ phiếu, cánh cửa dẫn vào phòng họp hé mở và tôi nhìn thấy hai trong những ủy viên hội đồng đang hội ý riêng với nhau. Một người, da đen, là người của Harold; người kia, da trắng, người của Vrdolyak. Lúc này họ đang thì thầm, nở nụ cười thoáng qua rồi nhìn ra ngoài đám đông vẫn đang hò hét và nhanh chóng chế ngự nụ cười của họ, những người đàn ông to lớn, phốp pháp trong những bộ com-lê cài chéo với cùng một vẻ khát khao trong mắt họ - những người biết được tí số.

Tôi bỏ đi ngay sau đó. Tôi di chuyển xuyên qua đám đông đang tràn ra đường và bắt đầu đi bộ ngang qua tòa nhà Daley Plaza hướng đến chiếc xe tôi. Ngọn gió lạnh buốt và sắc như một lưỡi dao, và tôi nhìn thấy một tấm biển được làm thủ công tinh cở bằng ngang qua mặt tôi. TINH THẦN ÔNG VẮN SỐNG MÃI, được ghi bằng chữ hoa đậm. Và phía dưới những dòng chữ đó là bức ảnh mà tôi đã nhìn thấy không biết bao nhiêu lần trong lúc đợi chiếc ghế trong hiệu cắt tóc của Smitty: khuôn mặt đẹp trai và mái tóc hoa râm; một nụ cười bao dung; đôi mắt lấp lánh sáng rực; lúc này đang thổi qua một không gian trống trải, dễ dàng như một chiếc lá mùa thu.

Những tháng ngày trôi qua với một nhịp độ không kịp thờ, với những gợi nhớ liên tục về tất cả những điều còn sót lại chưa hoàn tất. Chúng tôi làm việc với liên minh khắp thành phố để hỗ trợ cho công cuộc cải cách trường học. Chúng tôi tổ chức hàng loạt các cuộc họp chung với những người Mexico ở South east Side nhằm phát thảo một chiến lược môi trường chung cho khu vực. Tôi khiến Johnnie phát điên khi cố nhồi nhét anh ấy tất cả những việc mà tôi phải mất ba năm học hỏi.

“Vụ tuần này anh sẽ gặp ai?” tôi hỏi.

“Vâng, một phụ nữ, bà Banks, ở Nhà Thờ Chân Thánh. Dường như bà ấy có tiềm năng... yah... đúng đây rồi. Một giáo viên, quan tâm đến giáo dục. Tôi nghĩ bà ấy dứt khoát sẽ hợp tác với chúng ta”.

“Chồng bà ấy làm gì?”

“Anh biết đấy, tôi quên hỏi rồi - ”

“Bà ấy nghĩ gì về hiệp hội giáo viên?”

“Quái thật, Barack à, tôi chỉ có nửa tiếng đồng hồ...”

Vào tháng Hai, tôi có được chấp nhận từ Harvard. Bức thư đến cùng với một gói thông tin dày cộm. Nó gợi cho tôi nhớ lại cái gói mà tôi đã nhận từ Punahou vào mùa hè mười bốn năm về trước. Tôi nhớ việc Gramps đã thức suốt cả đêm đọc qua danh mục về các bài học âm nhạc và những khóa học bố trí tiên tiến, những câu lạc bộ hát với nhau và những kỳ thi tú tài; cách ông ve vẩy tập thông tin và nói rằng đó là phiếu ăn của tôi, rằng những mối liên hệ mà tôi thiết lập

được ở một trường học như Punahou sẽ giúp tôi sống cả đời, việc tôi sống giữa những giới có quyền hành đặc biệt và hưởng tất cả những cơ hội mà ông từng có. Tôi nhớ lại, vào cuối buổi tối, ông mỉm cười và vò đầu tôi, hơi thở ông bay mùi Whiskey, mắt ông sáng long lanh như thể ông sắp sửa khóc. Và tôi cười lại với ông, giả vờ hiểu như thật ra tôi chỉ mong ước mình vẫn sống ở Indonesia chạy chân đất dọc theo một cánh đồng lúa, với hai bàn chân ngấm chìm trong vũng bùn ẩm ướt và mát, một phần trong bọn trẻ da nâu khác đang đuổi theo một con điều bị rách nát.

Bây giờ tôi cảm nhận một điều gì đó như thế.

Tuần đó tôi sắp xếp một buổi tiệc trưa tại văn phòng của chúng tôi cho khoảng hai mươi mục sư mà nhà thờ của họ đồng ý tham gia vào tổ chức. Hầu hết các mục sư mà chúng tôi mời đều có mặt, cũng như phần lớn giới lãnh đạo chủ chốt của chúng tôi. Cùng nhau chúng tôi thảo luận những chiến lược cho năm tới, những bài học từ cái chết của Harold. Chúng tôi định ngày cho buổi huấn luyện kín, nhất trí cho kế hoạch hội phí, nói về nhu cầu liên tục để tuyển một thêm nhiều giáo hội khác. Khi chúng tôi hoàn tất cuộc họp, tôi tuyên bố sẽ rời thành phố vào tháng Năm và Johnnie sẽ tiếp quản với tư cách là giám đốc.

Không ai ngạc nhiên cả. Sau đó họ đến với tôi và bày tỏ sự chúc mừng. Cha Philips quả quyết tôi có một lựa chọn khôn ngoan. Angela và Mona nói rằng họ luôn biết một ngày nào đó tôi phải bước lên một cái gì đó. Shirley hỏi liệu tôi có sẵn lòng tư vấn cho một đứa cháu của chị ấy nó bị té xuống hố cống và muốn kiện ra tòa.

Chỉ có Mary có vẻ buồn bã. Sau khi hầu hết các vị mục sư về, chị ấy giúp Will, Johnnie và tôi dọn dẹp lau chùi. Khi tôi hỏi chị ấy có muốn tôi đưa về nhà không, chị lắc đầu.

"Chuyện gì với các anh thế?" chị ấy nói nhìn vào Will và tôi. Giọng chị ấy run nhẹ khi khoác chiếc áo khoác lên người. "Tại sao các anh luôn vội vàng như vậy? Tại sao những cái các anh có không bao giờ đủ tốt cả?"

Tôi bắt đầu nói một điều gì đó, rồi nghĩ về hai đứa con gái của Mary ở nhà, người cha mà chúng không bao giờ biết. Thay vào đó,

tôi đưa chị đến cửa và ôm chị ấy. Khi chị đi rồi, tôi trở về phòng họp, nơi Will đang loay hoay với chiếc đĩa cánh gà thừa thải.

“Dùng một tí không?” ông ấy hỏi sau khi cắn vài miếng.

Tôi lắc đầu, ngồi xuống bàn đối diện với ông. Ông ấy nhìn tôi một hồi, miệng nhai nhóp nhép, mút miếng nước chấm nóng còn vương lên đầu ngón tay.

“Đặt một kiểu phát triển gì đó lên bản thân anh phải không?” cuối cùng ông nói.

Tôi gật đầu. “Vâng, Will. Đúng đấy”.

Ông ấy nhấp một hớp sô-đa và phát ra một tiếng ợ nhỏ. “Ba năm thì cũng không lâu cho lắm”, ông nói.

“Làm sao anh biết là tôi sẽ trở lại?”

“Tôi không biết làm thế nào mình biết nữa”, ông ấy nói, đẩy chiếc đĩa của mình đi chỗ khác. “Tôi chỉ biết, chỉ có vậy thôi”. Không một lời nào để nói nữa, ông đi rửa tay, trước khi leo lên xe và vọt xuống phố.

Tôi thức dậy vào lúc sáu giờ sáng Chủ nhật hôm đó. Trời bên ngoài vẫn tối. Tôi cạo râu, chải bụi bẩn trên bộ vest duy nhất của mình, và có mặt tại nhà thờ vào bảy giờ ba mươi. Hầu hết các ghế ngồi đã có người. Một người hướng dẫn mang găng tay trắng dẫn tôi bước ngang qua các quý bà lớn tuổi trong những chiếc mũ lông chim rộng vành, những quý ông có vẻ nghiêm nghị trong những bộ vest và cà vạt và những chiếc mũ len *kufis* màu bùn, trẻ em trong những bộ đồ đẹp nhất cho thánh lễ Chủ nhật của chúng. Một phụ huynh từ trường học của tiến sĩ Collier vẫy tay chào tôi; một viên chức từ CHA người mà tôi cãi lộn vài lần gật đầu chào một cách cộc lốc. Tôi lách qua dãy ghế giữa và tự nhét mình vào giữa một quý bà lớn tuổi to béo vốn chẳng chịu nhích sang bên và một gia đình trẻ gồm bốn thành viên, ông bố mồm hời đăm đăm trong chiếc áo khoác bằng len thô, người mẹ bảo hai đứa bé bên cạnh dừng việc đùa giỡn với nhau.

“Chúa đâu?” tôi nghe đứa bé vừa mới chập chững đi hỏi anh nó.

“Câm mồm lại”, thằng bé lớn hơn trả lời.



“Cả hai con cùng ngồi xuống và giữ thinh lặng ngay bây giờ”, người mẹ nói.

Bà phó cố vấn tinh thần của Giáo hội Chúa Ba Ngôi, một người phụ nữ trung niên với mái tóc điểm bạc và một dáng vẻ kiên quyết và thẳng thắn, đọc một trích thư ngắn và dẫn những giọng ca còn ngái ngủ xuống lên một vài bài thánh ca truyền thống. Dàn đồng ca di chuyển xuống lối đi giữa hai hàng ghế trong những chiếc áo trắng và những khăn choàng hoa văn dân tộc, vỗ tay và hát khi họ bước chậm thành hàng phía sau bàn thánh, một chiếc đàn organ đệm theo sau những tiếng gõ nhanh:

*Tôi vui sướng, Chúa đã nâng đỡ tôi!*  
*Tôi vui mừng, Chúa đã nâng đỡ tôi!*  
*Tôi hân hoan, Chúa đã nâng đỡ tôi!*  
*Cất lên khúc Vinh Quang, Ha-le-lu-yah!*  
*Chúa đã nâng đỡ tôi!*

Khi giáo đoàn hòa vào, những vị trợ tế, rồi Cha Wright, xuất hiện phía dưới chiếc thập giá lớn được treo từ những thanh xà rầm phía trên. Cha vẫn giữ thinh lặng và các bài cầu nguyện được đọc lên, lướt qua những khuôn mặt phía trước ông, quan sát chiếc quả xin tiền được truyền từ tay người này đến tay người kia. Khi nghi thức bỏ quả kết thúc, ông bước lên bục giảng và đọc tên của những người đã qua đời trong tuần, những người bệnh, mỗi cái tên tạo sự xôn xao từ một nơi nào đó trong đám đông, tiếng rì rầm thừa nhận.

“Chúng ta hãy nắm tay nhau”, cha nói, “như chúng ta quý và cầu nguyện dưới chân một cây thập giá lờm chờm cũ kỹ - ”

“Vâng...”

“Lạy Chúa, chúng con đến đây trước hết xin cảm ơn vì những gì Ngài đã làm cho chúng con... Chúng con đến để cảm ơn vì tất cả nhân danh Chúa. Lạy Chúa, chúng con đến từ những cuộc đời khác nhau. Một số người được coi là cao trọng, một số thấp hèn... nhưng tất cả đều ở trên một mặt đất bằng phẳng dưới chân thập giá này. Lạy Chúa, cảm ơn Ngài! Nhân danh Đức Giêsu... người vác lấy gánh

nặng cho chúng con, người chia sẻ sức ép nặng nề của cuộc đời cho chúng con, chúng con xin cảm ơn Ngài ...”

Tiêu đề của bài thuyết giảng của cha Wright buổi sáng hôm đó “Sự Táo bạo của Hy vọng”. Ông bắt đầu bằng một trích đoạn từ Sách Samuel - câu chuyện của Hannah, người, bị cô lập và mắng nhiếc bởi những đối thủ của cô, đã khóc lóc và run rẩy cầu nguyện trước mặt Chúa. Câu chuyện đã gợi cho ông, ông nói, về một bài thuyết giảng khác mà một cố vấn tinh thần đồng hội đã giảng tại một hội nghị vài năm trước, trong đó vị cố vấn đã miêu tả việc ông đến một bảo tàng và bị ngáng lại bởi một bức họa với cái tit *Hy Vọng*.

“Bức họa thể hiện một người chơi đàn hạc”, Cha Wright giải thích, “một người phụ nữ với cái nhìn thoáng qua ban đầu có vẻ như đang ngồi trên đỉnh một ngọn núi lớn. Nhưng khi nhìn kỹ hơn anh sẽ thấy người phụ nữ ấy bị thâm tím và vấy máu, trong bộ đồ rách tả tơi, cây đàn chỉ còn là một sợi dây lè loi cũ sồn. Rồi mắt của anh di chuyển xuống, xuống đến thung lũng phía dưới, nơi mọi thứ là sự tàn phá của nạn đói nghèo, một chuỗi phần nợ về chiến tranh, một thế giới than khóc trước sự bất hòa và tước đoạt.

“Chính thế giới này, một thế giới nơi những chiếc tàu du ngoạn trong một ngày đã phế thải một lượng thực phẩm mà hầu hết những người dân ở Port - au - Prince có thể thấy được trong suốt một năm ròng, nơi mà lòng tham của những người da trắng đã đưa thế giới vào sự túng thiếu, nạn phân biệt chủng tộc Apacthai ở một bán cầu, sự thờ ơ ở bán cầu kia... Đó là thế giới! Trên đó là hy vọng!”

Và rồi, sự hòa giải cho một thế giới sa ngã. Trong lúc hai thằng bé bên cạnh tôi viết nguệch ngoạc trên bản trích thư ngắn của chúng, Cha Wright nói về Sharpsville và Hiroshima, sự nhẫn tâm của những nhà hoạch định chính sách trong Nhà Trắng và Nhà Quốc Hội. Dẫu vậy, khi bài thuyết giảng mở ra, những câu chuyện về sự bất hòa trở nên tầm thường hơn, nỗi đau đớn thoáng chốc hơn. Cha nói về sự khó khăn mà ngày mai giáo đoàn sẽ đối mặt, nỗi đau của những người ở rất xa đỉnh ngọn núi, sự lo toan về việc chi trả các hóa đơn tiền điện. Nỗi đau của những người gần hơn với đỉnh núi ẩn dụ đó: người phụ nữ trung lưu mà tất cả những nhu cầu vật chất của cô hầu như được

chăm lo đầy đủ nhưng người chồng cư xử với cô như “một người hầu gái, một công cụ nội trợ, một dịch vụ rẻ tiền, và một chiếc máy hộ tống tất cả dồn thành một”; đứa trẻ dưới sự chăm sóc của đôi vợ chồng giàu có này lo lắng nhiều về “vẻ chất liệu của sợi tóc bên ngoài cái đầu hơn là chất lượng giáo dục nằm trong đó”.

“Đó không phải là thế giới... mà mỗi chúng ta đang sống sao?”

“Ồi Lạy Chúa!”

“Giống như Hannah, chúng ta có những thời kỳ đấng cay được biết đến! Hàng ngày, chúng ta đối mặt với sự khước từ và thất vọng!”

“Hãy nói!”

“Và rồi một lần nữa hãy xem xét bức họa trước mặt chúng ta. Hy vọng! Cũng như Hannah, người chơi đàn hạc đó đang nhìn lên, một vài nốt nhạc yếu ớt đang bay bổng hướng lên trời cao. Nàng dám hy vọng... nàng có sự táo bạo... để tạo nên tiếng nhạc... và ca ngợi Chúa... trên một sợi dây đàn... nàng để mặc!”

Người ta bắt đầu la, đứng bật dậy, vỗ tay và gào thét, một ngọn gió mạnh mang giọng nói của cha lên tận những thanh xà rầm phía trên. Khi tôi nhìn và lắng nghe từ chỗ ngồi của mình, tôi bắt đầu nghe tất cả những nốt nhạc ba năm về trước cuộn cuộn bao quanh tôi. Sự can đảm và sợ hãi của Ruby và Will. Niềm kiêu hãnh chủng tộc và sự tức tối của Rafiq. Sự khao khát bỏ đi, sự khao khát trốn thoát, sự khao khát từ bỏ chính mình cho Chúa người bằng cách nào đó có thể che chở chúng ta trong lúc tuyệt vọng.

Và trong nốt nhạc lẻ loi đó - Hy vọng! - tôi nghe một điều gì đó khác; dưới chân thập giá này, trong lòng hàng ngàn nhà thờ trên khắp thành phố này, tôi tưởng tượng những câu chuyện về những người da đen bình thường hòa vào cùng với những câu chuyện của David và Goliath, Moses và Pharaoh, những tín đồ Công giáo ở hang sư tử, cánh đồng của những mẫu xương khô của Ezekiel. Những câu chuyện đó - về sự tồn tại, tự do và hy vọng - trở nên câu chuyện của chúng ta, câu chuyện của tôi; máu đổ ra là máu của chúng ta, nước mắt là nước mắt của chúng ta; cho đến khi nhà thờ của người da đen này, vào một ngày tươi sáng như thế này, một

lần nữa dường như là con tàu mang câu chuyện của một dân tộc vào những thế hệ tương lai và vào một thế giới lớn hơn. Những thử thách và chiến thắng của chúng ta trở nên vừa chung vừa riêng, vừa da đen và hơn cả da đen; trong việc ghi chép cuộc hành trình của chúng ta, những câu chuyện và những khúc ca đã mang lại cho chúng ta một phương tiện để tìm lại những ký ức mà chúng ta không cần phải hổ thẹn, những ký ức dễ tiếp cận hơn là những ký ức thời Ai Cập cổ đại, những ký ức mà tất cả con người có thể học và ấp ủ - và với nó chúng ta có thể bắt đầu xây dựng lại. Và nếu một phần trong tôi tiếp tục cảm nhận rằng thánh lễ Chủ nhật này đôi khi đơn giản hóa tình cảnh của chúng ta, đôi khi nó có thể che giấu hoặc đè nén những xung đột thật sự giữa chúng ta và sẽ hoàn thiện lời hứa của nó chỉ thông qua hành động, tôi cũng sẽ cảm nhận ngay lần đầu tiên này cách thức tinh thần đó mang trong nó, non nớt, chưa trồn vẹn, khả năng dịch chuyển vượt quá những giấc mơ hẹp hòi của chúng ta.

"Sự táo bạo của hy vọng! Tôi vẫn nhớ bà ngoại tôi, hát bài hát đó trong nhà, "Có một điểm sáng ở một nơi nào đó... dừng dừng bước cho đến khi anh tìm thấy nó..."

"Đúng đấy!"

"Sự táo bạo của hy vọng! Những lúc khi chúng ta không thể trả những hóa đơn. Những lúc có vẻ như tôi không bước lên một nấc thang nào cả... ở tuổi mười lăm, bị bắt bớ vì một vụ cướp xe hơi lớn... và mẹ và cha tôi sẽ cất lên một khúc ca..."

*Cám ơn Giêsu. Cám ơn Giêsu*

*Cám ơn Giêsu. Cám ơn Giêsu*

*Cám ơn Giêsu*

*Cám ơn Chúa.*

*Ngài mang tôi đến từ*

*Một chặng đường dài hùng vĩ, một chặng đường dài hùng vĩ.*

"Và nó chẳng có ý nghĩa gì với tôi, khúc hát này! Tại sao họ cảm ơn Ngài vì tất cả những khổ sở của mình? Tôi tự hỏi. Nhưng này, tôi chỉ nhìn vào chiều dọc trong cuộc đời họ!"

“Bây giờ hãy cho tôi biết!”

“Tôi không hiểu họ đang nói về chiều đứng! Về mối quan hệ của họ với Chúa! Tôi không hiểu họ đang cảm tạ Ngài trước cho tất cả điều mà họ dám hy vọng trong tôi! Ôi, Tôi cảm ơn Ngài, Giêsu, vì đã không bỏ rơi tôi trong khi tôi bỏ rơi Ngài! Ôi, Giêsu, xin cảm tạ Ngài...”

Khi dàn đồng ca cất lên lại bài hát đó, khi giáo đoàn bắt đầu tán tụng những người bước đến bàn thánh để đón nhận lời mời gọi của cha Wright, tôi cảm thấy một cái chạm khẽ vào đỉnh bàn tay tôi. Tôi nhìn xuống và thấy thằng bé lớn đang ngồi bên cạnh tôi, khuôn mặt nó có vẻ hơi e sợ khi nó đưa cho tôi một chiếc khăn giấy bỏ túi. Bên cạnh nó, bà mẹ liếc nhìn tôi với một nụ cười yếu ớt trước khi quay mặt hướng về bàn thánh. Tôi cảm ơn thằng bé chỉ vì tôi cảm nhận những giọt nước mắt lăn xuống gò má tôi.

“Ôi, Giêsu”, Tôi nghe người phụ nữ lớn tuổi sát cạnh tôi thì thầm nhỏ nhẹ. “Cảm ơn vì đã mang chúng tôi xa đến tận đây”.

# phần ba: KENYA

## Chương mười lăm

Tôi bay dưới những tầng trời bão bùng từ Sân Bay Heathrow. Một nhóm đàn ông trẻ người Anh trong những chiếc áo khoác cộc tay trông không vừa vặn lắm lấp đầy phần sau của máy bay, và một trong số họ - một anh thanh niên nhợt nhạt và lì lợm, với những nốt mụn của mình - ngồi cạnh tôi. Anh ta đọc những chỉ dẫn khẩn cấp hai lần với sự tập trung cao độ, và ngay khi máy bay cất cánh, anh quay sang tôi và hỏi tôi đi đâu. Tôi nói với anh ấy tôi đến Nairobi để thăm gia đình.

“Nairobi là một nơi xinh đẹp, tôi nghe thế. Anh không ngại đến đó vào những ngày này sao. Tôi thì đến Johannesburg”. Anh ta giải thích rằng là một phần trong chương trình cấp bằng ngành địa chất, chính phủ Anh đã sắp xếp cho anh và những bạn học của anh làm việc với các công ty khai thác mỏ Nam Phi trong một năm. “Dường như họ thiếu nhân lực được đào tạo ở đó, vì vậy nếu chúng tôi may mắn họ sẽ bố trí chúng tôi một chỗ bỏ dài hạn. Cơ hội tốt nhất mà chúng tôi có cho một mức lương tốt, tôi nghĩ thế - trừ phi anh sẵn sàng bám chặt vào cái giàn khoan Biển Bắc chết tiệt nào đó. Không phải cho tôi, cảm ơn”.

Tôi nói rằng nếu có cơ hội, nhiều người Nam Phi có thể sẽ quan tâm đến việc đào tạo như vậy.

"Vâng, tôi hình dung là anh đúng về điểm này", anh ta nói. "Đừng quá tán thành với chính sách chủng tộc ở đây. Một nỗi hổ thẹn, thế đấy". Anh ấy suy nghĩ một chốc. "Nhưng rồi phần còn lại của châu Phi sẽ mất kiểm soát, phải không? Ít nhất là những gì tôi nói với anh. Những người da đen ở Nam Phi không chết đói như khi họ ở trong một vài quốc gia khi họ cò gáy này. Đừng ghen tị với họ, hãy nhớ kỹ, nhưng so sánh với một gã khờ nghèo nàn nào đó ở Ê-ti-ô-pia".

Cô chiêu đãi viên bước xuống lối đi giữa hai hàng ghế với những chiếc máy nghe nhạc mini cho thuê, và anh thanh niên trẻ rút chiếc ví ra. "Dĩ nhiên, anh biết đấy tôi cố và không đụng đến chính trị. Hãy nghĩ đó chẳng phải là chuyện của tôi. Cùng một thứ như ở nhà - những người sống nhờ vào tiền trợ cấp thất nghiệp, những người già trong Nghị Viện nói cùng cái chuyện rác rưởi cũ rích đó. Điều tốt nhất để làm là chú ý đến cái góc bé nhỏ của riêng anh trong thế giới này, đó là điều tôi nói". Anh ta tìm ra lỗ cắm của chiếc máy nghe và gắn nó vào tai.

"Đánh thức tôi dậy khi họ mang thức ăn đến nhé", anh ta nói trước khi ngã chiếc ghế cho một giấc chợp mắt.

Tôi lôi ra một cuốn sách từ chiếc ba lô của mình và cố đọc. Đó là một bức chân dung về vài quốc gia châu Phi được viết bởi một nhà báo phương Tây, người đã ở châu Phi trong một thập kỷ; một tay lão luyện về châu Phi, ông được gọi như vậy, một người có vẻ như tự hào về sự đánh giá đúng đắn của mình. Một vài chương đầu của cuốn sách thảo luận về lịch sử của chủ nghĩa thuộc địa ở một phần nào đó của cuốn sách: động thái của sự căm hờn chủng tộc và tính bức đồng của các ranh giới thuộc địa, những cuộc di dời, giam cầm, sỉ nhục, lớn và nhỏ. Chủ nghĩa anh hùng đầu tiên của những hình tượng độc lập như Kenyatta và Nkrumah được ghi nhận một cách xác đáng, khuyến hướng sau này của họ về chế độ chuyên quyền ít nhất một phần được qui cho những mưu đồ Chiến Tranh lạnh khác nhau.

Nhưng ở chương ba của cuốn sách, những hình tượng từ hiện tại đã bắt đầu bỏ xa những hình tượng của quá khứ. Nạn đói, bệnh tật, những hành động phi thường và đảo chính được dẫn dắt bởi những người trẻ dốt đặc mang những khẩu AK-47 giống như những cây gậy của gã chần chừ - nếu châu Phi có một lịch sử, nhà văn dường như

muốn nói, mức độ của sự chịu đựng hiện thời sẽ làm cho lịch sử đó trở nên vô nghĩa.

Những kẻ ngu dốt nghèo hèn. Những quốc gia tiêu điều.

Tôi đặt cuốn sách xuống, cảm nhận một sự tức tối tương tự lan tỏa khắp người, một sự tức tối cùng cực vì thiếu một mục tiêu rõ ràng. Bên cạnh tôi lúc này anh bạn trẻ người Anh đang phát ra những tiếng ngáy nhẹ, đôi mắt kính của anh ta lệch nghiêng trên chiếc mũi hình vay cá. Tôi có cần tức tối với anh ta không? Tôi tự nhủ. Có phải chính lỗi của anh ấy mà, với tất cả kiến thức học vấn của tôi, tất cả những thuyết lý mà tôi có, tôi không có sẵn câu trả lời nào cho những câu hỏi mà anh ấy đặt ra? Tôi có thể oán trách anh ấy đến mức nào về việc anh ta muốn nâng cao địa vị của mình? Có thể tôi giận dữ chỉ vì sự thân thiện dễ dàng của anh ấy với tôi, sự giả định của anh ấy rằng tôi, với tư cách là một người Mỹ, thậm chí là người Mỹ da đen, có thể chia sẻ một cách tự nhiên trong quan điểm mờ nhạt của anh ta về châu Phi; một sự giả định rằng trong thế giới của anh ta ít nhất cũng đánh dấu một sự tiến triển giả hiệu, nhưng đối với tôi điều đó chỉ nhấn mạnh đến tình trạng bất an của tôi: một người phương Tây không hoàn toàn ở lại quê nhà ở Tây Âu, một người châu Phi trên con đường đến một vùng đất đầy áp những người xa lạ.

Tôi đã từng cảm nhận như thế này trong suốt chuyến lưu lại của tôi ở châu Âu - câu kính, dè chừng và lưỡng lự với người lạ. Tôi không hoạch định theo cách đó. Tôi nghĩ về cuộc dừng chân ở đó không hơn gì là một con đường vòng bất thường, một cơ hội để viếng thăm những nơi mà tôi chưa bao giờ đến trước đây. Trong ba tuần tôi thực hiện cuộc hành trình đơn độc, di chuyển xuống mặt này của châu lục và lên ở mặt kia, chủ yếu bằng xe buýt và tàu hỏa, một cuốn sách chỉ dẫn trong tay. Tôi uống trà bên cạnh sông Thames và nhìn những đứa trẻ rượt bắt nhau xuyên qua những lùm cây hạt dẻ của Khu vườn Luxembourg. Tôi băng ngang Plaza Mejor vào giữa trưa, với những chiếc bóng De Chirico của nó và những con chim sẽ lượn khắp bầu trời xanh thắm; và quan sát màn đêm phủ xuống ở Palatine, đợi chờ những ngôi sao đầu tiên xuất hiện, lắng nghe ngọn gió và tiếng thì thầm của nó về sự hữu hạn.



Và khoảng cuối tuần đầu tiên, tôi nhận ra rằng tôi mắc một sai lầm. Không phải châu Âu không đẹp; mọi thứ như những gì tôi tưởng tượng. Chỉ có điều nó không phải là của tôi. Tôi cảm nhận như thể mình đang sống trong sự lãng mạn của một người khác; tính không trọn vẹn về lịch sử của riêng tôi ngăn cách giữa tôi và những địa điểm tôi đã nhìn thấy như một tấm kính cứng. Tôi bắt đầu nghi ngờ rằng nơi dừng chân châu Âu của tôi chỉ là một hình thức tri hoãn khác, một nỗ lực khác để tránh phải cam kết một thỏa hiệp với Ông Già. Bị tước đoạt ngôn ngữ, bị tước đoạt công việc và lễ thói - bị tước đoạt thậm chí những ám ảnh chủng tộc mà với nó tôi trở nên quá quen thuộc và coi nó (một cách ngang ngạnh) như là một dấu hiệu về sự chín mùi của riêng tôi - tôi buộc phải soi rọi trong chính nội tâm của mình và nhận thấy chỉ là một khoảng trống lớn ở đó.

Cuối cùng liệu chuyến đi đến Kenya này có lấp được khoảng trống đó không? Những người bạn ở Chicago đã nghĩ như vậy. Nó cũng như *Những cội nguồn*, Will đã nói trong bữa tiệc chia tay của tôi. Một chuyến hành hương, Asante đã gọi như vậy. Đối với họ, cũng như đối với tôi, châu Phi đã trở nên một ý niệm hơn là một địa điểm thật sự, một vùng đất hứa mới, đầy ắp những truyền thống cổ xưa và những ảnh hưởng sâu rộng, những xung đột cao thượng và những tiếng trống biểu lộ. Chính bởi cái khoảng cách xa xôi, chúng tôi đã đưa châu Phi vào vòng tay đặc biệt - một kiểu ôm ấp mà tôi có lần đã dành cho Ông Già. Điều gì sẽ xảy ra một khi tôi từ bỏ cái khoảng cách đó? Thật là tuyệt khi tin rằng sự thật đó sẽ mang tự do cho tôi bằng cách này hay cách khác. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu điều đó sai? Điều gì sẽ xảy ra nếu sự thật đó chỉ mang lại thất vọng, và cái chết của cha tôi chẳng có ý nghĩa gì, và việc ông ấy bỏ tôi lại phía sau không chứa đựng điều gì, và sự gắn kết duy nhất giữa tôi với ông ấy, hoặc giữa tôi với châu Phi, chỉ là cái tên, một kiểu máu hoặc sự khinh miệt của người da trắng?

Tôi tắt ngọn đèn phía trên đầu và nhắm mắt, thả lỏng tâm trí trôi ngược về một người châu Phi mà tôi đã gặp trong lúc đang du lịch xuyên qua Tây Ban Nha, một người đàn ông khác đang trốn chạy. Tôi đang đợi một chuyến xe buýt đêm trong một quán rượu bên lề đường nằm giữa Madrid và Barcelona. Một vài ông cụ ngồi ở bàn và uống rượu bằng những chiếc ly thấp và mờ đục. Có một chiếc bàn bi da

đặt cách xa một bên, và vì một lý do gì đó tôi gom tất cả những viên bi và bắt đầu chơi, nhớ lại những buổi tối với Gramps trong các quán bar ở Khách sạn Street, những cô gái đứng đường và những gã ma cô và Gramps là người da trắng duy nhất trong quán hắc điểm đó.

Khi tôi định đứng lên, một người đàn ông trong chiếc áo len mỏng xuất hiện không biết từ đâu và hỏi liệu ông có thể mời tôi một ly cà phê không. Anh ta không nói tiếng Anh, và tiếng Tây Ban Nha thì không tốt bằng tôi, nhưng anh ta có nụ cười thân thiện và sự khẩn nài một ai đó cần bầu bạn. Đứng ở quầy bar, anh ấy nói với tôi anh đến từ Senegal, và đi chéo qua Tây Ban Nha làm công việc thời vụ. Anh cho tôi xem một bức ảnh méo mó mà anh giữ trong chiếc ví của mình về một cô gái trẻ với đôi má tròn trịa và lúng lẫm. Vợ của anh ấy, anh nói; anh phải để người vợ lại. Họ sẽ đoàn tụ ngay khi anh dành đủ tiền. Anh thường viết thư và gửi về cho cô ấy.

Chúng tôi kết thúc bằng một chuyến đi cùng nhau đến Barcelona, không ai trong chúng tôi nói chuyện nhiều, thỉnh thoảng anh ấy quay mặt về tôi cố để giải thích những câu chuyện vui trong chương trình bằng tiếng Tây Ban Nha được chiếu trên thiết bị TV - video treo phía trên chỗ ngồi của tài xế. Ngay trước lúc bình minh, chúng tôi được thả xuống phía trước một trạm xe buýt cũ kỹ, và bạn tôi ra hiệu tôi đi đến một cây dừa thấp và to mọc bên lề đường. Từ chiếc ba lô anh ta lấy ra cây bàn chải đánh răng, một chiếc lược, và một chai nước anh ta trao cho tôi với cử chỉ rất khách sáo. Và chúng tôi cùng rửa mặt dưới cái sương mù buổi sáng trước khi nhấc những túi sách lên vai và tiến về thành phố.

Tên anh ấy là gì? Giờ tôi không thể nhớ; chỉ là một người thiếu thốn tha phương cầu thực, một trong những đứa con của thuộc địa cũ - người Algeri, người Tây Ấn, người Pakistan - lúc này đang chọc thủng rào cản của những người chủ trước kia của họ, bắt đầu cuộc xâm lăng bất cần và rời rạc của mình. Và tuy nhiên, khi chúng tôi đi bộ hướng về khu Rambla, tôi cảm nhận như thể mình biết anh ấy nhiều như bất cứ người nào khác; rằng, việc đến từ hai điểm đối nghịch nhau của trái đất, bằng cách nào đó chúng tôi thực hiện cùng một chuyến hành trình. Cuối cùng khi chúng tôi chào từ biệt, tôi

vẫn nán lại trên đường lâu và thật lâu, quan sát một hình ảnh mảnh khảnh với đôi chân vòng kiềng nhỏ dần nhỏ dần vào khoảng không xa xôi, một phần trong tôi ao ước sao mình có thể đi cùng với anh ấy bước vào một cuộc đời với những con đường rộng mở và những buổi sáng u buồn khác; một phần kia nhận ra rằng sự ao ước như vậy cũng là sự mơ mộng, một ý niệm, một phần nào đó như hình ảnh về Ông Già, hình ảnh về châu Phi của tôi. Cho đến khi tôi xác tín vào một sự thật rằng người đàn ông đến từ Senegal này đã mua cà phê cho tôi và mời tôi dùng nước, và đó là xác thực, và có thể đó là tất cả những gì mỗi chúng ta có quyền mong đợi: cơ hội được tiếp xúc, một câu chuyện được chia sẻ, một cử chỉ tốt nho nhỏ...

Máy bay lắc lư do sự chuyển động bất thường nào đó; đã tới giờ đội bay phục vụ buổi tối cho chúng tôi. Tôi đánh thức anh bạn trẻ người Anh, anh ta ăn với sự kỹ càng khá ấn tượng, lột tả, giữa những miếng ăn, cách thức vốn có để lớn lên ở Manchester. Cuối cùng tôi rơi vào trạng thái ngủ gà ngủ gật từng cơn. Khi tôi thức dậy, cô tiếp đãi viên đang phân phát những tờ mẫu biểu khách hàng để chuẩn bị hạ cánh. Bên ngoài trời vẫn còn tối, nhưng, khi ép sát mặt vào thành kính cửa sổ, tôi bắt đầu nhìn thấy những ánh đèn rải rác, dịu dàng và lờ mờ như những con đom đóm, từ từ chuyển thành hình dáng của một thành phố phía dưới. Vài phút sau đó, một sườn dốc của những con đồi uốn lượn xuất hiện, màu đen tương phản với dãy dài ánh sáng ở chân trời đông. Khi chúng tôi chạm đất trong một buổi bình minh ở châu Phi tôi nhìn thấy những áng mây mỏng trên cao di chuyển rất nhanh qua bầu trời, phía dưới rực rỡ với một sắc màu đỏ đỏ.

Sân bay Quốc tế Kenyatta hầu như vắng lặng. Những viên chức nhâm nhi tách trà buổi sáng khi họ kiểm tra hộ chiếu; trong khu vực hành lý, một chiếc băng tải cốt kết chậm rãi nhả hành lý. Không thấy Auma đâu cả, vì vậy tôi ngồi lên chiếc túi xách của mình và hút thuốc. Sau vài phút, một nhân viên an ninh với chiếc dùi cui bằng gỗ bắt đầu bước về phía tôi. Tôi nhìn khắp nơi để tìm cái gạt tàn, nghĩ rằng có thể mình đang ở trong khu vực cấm hút thuốc, nhưng thay vì trách mắng tôi, người nhân viên mỉm cười và hỏi tôi có thể sang sẻ với anh ta một điếu thuốc.

“Đây là chuyến đi đầu tiên của anh đến Kenya à?” Anh ta hỏi khi tôi đưa cho anh chiếc bật lửa.

“Đúng thế”.

“Tôi biết mà”. Anh ta ngồi xồm xuống bên cạnh tôi. “Anh đến từ Mỹ à. Có lẽ anh biết con trai của anh trai tôi. Samson Otieno. Nó học ngành kỹ thuật ở Texas”.

Tôi nói với anh ta rằng tôi chưa bao giờ đến Texas và vì vậy không có cơ hội để gặp cháu trai của anh ta. Điều này dường như khiến anh cảm thấy thất vọng, anh bập bập liên tục vài hơi thuốc. Lúc này, người hành khách cuối cùng trong chuyến bay của tôi đã rời nhà ga. Tôi hỏi người bảo vệ có còn túi hành lý nào đến nữa không. Anh ta lắc đầu về hoàn nghỉ.

“Tôi không nghĩ vậy”, anh ta nói, “nhưng nếu anh cứ đợi ở đây, tôi sẽ tìm một ai đó giúp anh”.

Anh ta biến mất đầu đó ở đây hành lang hẹp, tôi đứng dậy và đuổi thẳng cái lưng. Sự dồn dập những cảm xúc phấn khích đã tan dần, và tôi mỉm cười với ký ức về việc trở về nhà mà có lần tôi đã tưởng tượng cho chính mình. Những đám mây cuốn đi, những kẻ ác hiểm cáo già chạy trốn, mặt đất rung lên khi các bậc tổ tiên đứng dậy chúc mừng. Thay vào đó tôi cảm thấy mệt mỏi và như bị ruồng bỏ. Tôi định tìm một chiếc điện thoại thì anh nhân viên an ninh lại xuất hiện cùng với một phụ nữ xinh đẹp lạ lùng, da đen, mảnh khảnh, chiều cao xấp xỉ 1,93 mét, trong bộ đồng phục của hãng hàng không British Airways. Cô ta tự giới thiệu mình là cô Omoro và giải thích rằng túi hành lý của tôi có thể đã chuyển nhầm đến Johannesburg.

“Tôi thành thật xin lỗi về sự phiền hà đó”, cô ta nói. “Nếu anh điền vào tờ đơn này, chúng tôi có thể gọi đến Johannesburg và yêu cầu họ trả lại cho anh khi chuyến bay tiếp theo hạ cánh”.

Tôi hoàn tất tờ đơn và cô Omoro lướt qua nhanh chóng trước khi quay sang tôi. “Anh không có liên hệ gì với tiến sĩ Obama bởi bất kỳ sự ngẫu nhiên nào chứ?” cô hỏi.

“Ồ, vâng - ông ấy là cha tôi”.

Cô Omoro mỉm cười một cách cảm thông. "Tôi rất lấy làm tiếc về sự ra đi của ông ấy. Cha anh là một người bạn thân của gia đình tôi. Ông thường đến nhà chơi khi tôi còn là một đứa bé".

Chúng tôi bắt đầu nói về cuộc viếng thăm của tôi, và cô ta kể cho tôi nghe việc học hành của mình ở London, cũng như sự quan tâm của cô đến việc du lịch sang Mỹ. Tôi thấy mình như cố kéo dài cuộc nói chuyện, được khích lệ không phải bởi vẻ đẹp của cô Omoro - cô đã nhắc đến vị hôn phu của mình - mà bởi sự thật rằng cô đã nhận ra cái tên của tôi. Điều đó chưa bao giờ xảy ra trước đây, tôi nhận ra; không phải ở Hawaii, không phải ở Indonesia, không phải ở L.A hoặc New York hoặc Chicago. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy được an ủi, tính vững chắc của sự nhận diện mà một cái tên có thể mang lại, cách thức nó có thể mang toàn bộ lịch sử trong ký ức của những người khác, vì thế họ có thể gật đầu và nói một cách dụng ý rằng, "Ồ, anh là con trai của ông nào đó". Không ai ở Kenya hỏi về cách để đánh vần cái tên của tôi, hoặc đọc lệch với một giọng điệu xa lạ. Tên tôi thuộc về nó và vì vậy tôi cũng thuộc về nó, được cuốn vào một mạng lưới của những mối quan hệ, những liên minh, và những kẻ hận thù mà tôi chưa hiểu hết.

"Barack!" Tôi quay nhìn Auma nhảy cẫng lên từ phía sau người nhân viên an ninh, anh ta không để cô bước vào khu vực hành lý. Tôi xin lỗi và chạy bổ về phía cô ấy, chúng tôi cười và ôm nhau, ngớ ngẩn như lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Một phụ nữ da nâu vóc dáng cao mỉm cười bên cạnh chúng tôi, Auma quay sang và nói, "Barack, đây là Auntie Zeituni. Chị của cha chúng ta".

"Chào mừng đã về nhà", Zeituni nói, hôn vào hai má tôi.

Tôi nói với họ về chiếc túi của tôi và có một người nào đó ở đây biết về Ông Già. Nhưng khi tôi nhìn lại nơi tôi đã đứng, cô Omoro không còn ở đó. Tôi hỏi nhân viên an ninh cô ấy đi đâu. Anh ta nhún vai và nói rằng có thể cô ấy đã chuẩn bị cho một ngày làm việc.

Auma lái chiếc Volkswagen Beetle cũ màu xanh nhạt. Chiếc xe thuộc về một dự án làm ăn nào đó của cô: Kể từ khi các kiều bào Kenya sống ở hải ngoại có thể vận chuyển một chiếc xe hơi trở về

Kenya miễn thuế nhập khẩu, cô nghĩ rằng mình có thể sử dụng nó suốt cả năm dạy tại trường Đại học Nairobi và rồi bán lại chịu lỗ chi phí chuyên chở, và có thể có một khoản lời nho nhỏ. Thật không may, máy bị róc lỗ chỗ và bộ giảm thanh xuống cấp trên suốt chặng đường đến sân bay. Động cơ nổ khục khật yếu ớt khi chúng tôi rề rà chạy ra con đường cao tốc bốn làn xe, Auma bám chặt vào vô lăng bằng cả hai tay, tôi không thể không phá cười lên.

“Tôi có nên bước ra và đẩy không nhỉ?”

Zeituni cau mày. “Eh, Barry, đừng nói bất cứ điều gì về chiếc xe này. Đây là một chiếc xe đẹp. Nó chỉ cần một lớp sơn mới. Thực ra, Auma đã hứa cho tôi chiếc xe này khi cô ấy đi xa”.

Auma lắc đầu. “Cô của anh đang chọc tôi đấy, Barack à. Tôi hứa chúng ta sẽ nói về chuyện đó, vậy thôi”.

“Cháu muốn nói chuyện gì?” Zeituni nói, nháy mắt tôi. “Cô nói với cháu Auma, cô sẽ mua với cái giá tốt nhất”.

Cả hai người bắt đầu nói chuyện cùng lúc với nhau, hỏi về chuyến đi của tôi, cho tôi biết tất cả những kế hoạch mà họ đã vạch ra, liệt kê tất cả những người mà tôi phải gặp. Những đồng cỏ rộng thoáng trải dài ở hai bên đường, hầu hết là cỏ Savan, thỉnh thoảng có một cây gai tương phản với chân trời, một khung cảnh dường như vừa cổ xưa vừa nguyên sơ. Người và xe qua lại bắt đầu đông dần, và đám đông đổ về từ các vùng quê đến công sở, những người đàn ông vẫn đang cài nút những chiếc áo mỏng manh của mình; phụ nữ lưng thẳng đứng, đầu họ được phủ lên bởi những chiếc khăn choàng màu sắc sặc sỡ. Những chiếc xe hơi ngoằn ngoèo băng qua những làn đường và các bùng binh, cố tránh những ổ gà, ổ voi, xe đạp và người đi bộ, trong khi đó những chiếc xe buýt rề rề yếu ớt - hay còn gọi là xe *matatus*, tôi được biết như vậy - dừng lại mà không một tín hiệu cốt để nhồi nhét thêm một vài hành khách nữa. Tất cả có vẻ quen thuộc một cách lạ lùng, như thể tôi đã từng đi trên cùng một con đường như trước đây. Và rồi tôi nhớ những buổi sáng khác ở Indonesia, với mẹ và Lolo nói chuyện với nhau ở ghế trước, cùng một mùi gỗ cháy và khói dầu diesel, cùng một sự tĩnh mịch còn nấn ná trong đỉnh điểm của sự hối hả buổi sáng, cùng một biểu hiện trên những khuôn mặt của mọi người khi họ bắt

đầu một ngày mới, với ít sự mong đợi hơn là cố hoàn tất những trọng trách trong ngày, và có thể là một hy vọng mong manh rằng sự may mắn của họ sẽ thay đổi, hoặc ít nhất vẫn tiếp tục hiện hữu.

Chúng tôi thả Zeituni ở Nhà máy Bia Kenya, một khu phức hợp lớn và buồn tẻ nơi bà làm việc với tư cách là một lập trình viên vi tính. Bước ra khỏi chiếc xe, bà nghiêng người lần nữa và hôn vào má tôi, rồi chỉ ngón tay vào Auma. “Cháu phải chăm sóc kỹ Barry đấy”, bà nói. “Đảm bảo là cậu ấy không bị thất lạc nữa đó”.

Ngay lúc chúng tôi trở lại trên xa lộ, tôi hỏi Auma điều mà Zeituna ám chỉ về việc tôi bị lạc. Auma nhún vai.

“Đó là một cụm từ chung ở đây”, chị ấy nói. “Thường nó ám chỉ người đã từ lâu không gặp anh. ‘Anh đã bị lạc đường rồi đó’, họ sẽ nói như vậy. Hoặc ‘Đừng thất lạc nhé’. Đôi khi nó mang ý nghĩa nghiêm trọng hơn. Đại loại một người con trai hoặc người chồng dọn về thành phố, hoặc về miền Tây, giống như chú Omar của chúng ta ở Boston. Họ hứa sẽ trở về sau khi hoàn tất khóa học. Họ nói họ sẽ đoàn tụ gia đình ngay khi họ đã ổn định đâu vào đấy. Lúc đầu họ viết thư một tuần một lần. Rồi một tháng một lần. Rồi họ ngưng viết hoàn toàn. Không ai gặp họ nữa. Họ đã thất lạc, anh biết đấy. Ngay cả khi người ta biết được họ ở đâu”.

Chiếc Volkswagen chật vật cố bò lên một đoạn dốc bị che bóng bởi những lùm cây rậm rịt với bạch đàn và các loài dây leo. Những ngôi nhà cũ thanh lịch lùi về phía sau những hàng giậu và những luống hoa, những ngôi nhà một thời là độc quyền của người Anh, Auma nói, nhưng giờ đây hầu hết là phục vụ cho các quan chức chính phủ và nhân viên đại sứ quán nước ngoài. Lên đến đỉnh chúng tôi rẽ gấp qua phải và dừng lại ở cuối lối đi dành cho xe được lát sỏi vụn kế bên một tòa nhà căn hộ thấp chỉ có hai tầng mà trường đại học đã thuê cho phân khoa của mình. Từ những căn hộ này một bãi cỏ lớn thoải thoải nghiêng xuống cho đến khi gặp những ruộng chuối và các loại cây rừng cao khác, và xa hơn tí nữa, một dòng suối hẹp chảy xuyên qua một con mương rộng lớn chồm với đá sỏi.

Căn hộ của Auma, một không gian nhỏ nhưng thoải mái với những cánh cửa kiểu Pháp cho phép ánh sáng mặt trời được lan tỏa

khắp các căn phòng, nằm ở tầng một. Sách được chồng chất mọi nơi, và một bộ sưu tập ảnh được treo trên tường, những bức chân dung và những bức ảnh Polaroid, một miếng vải chắp mảnh mà Auma đã khâu lại với dành riêng cho mình. Phía trên đầu giường của Auma, tôi nhìn thấy một tờ áp phích lớn của một phụ nữ da màu, khuôn mặt bà ngược nhìn lên trên hướng đến một niềm hy vọng đang khơi mở, những dòng chữ "Tôi Có Một Giấc Mơ" được in phía dưới.

"Vậy giấc mơ của chị là gì Auma?" tôi nói và thả những túi hành lý xuống.

Auma cười. "Đó là vấn đề lớn nhất của tôi, Barack à. Có quá nhiều giấc mơ. Một phụ nữ với những giấc mơ thường gặp nhiều trở ngại".

Sự kiệt sức của tôi sau chuyến đi hắt đã lộ rõ, vì thế Auma bảo tôi nên đánh một giấc ngủ ngắn trong khi chị phải đến trường đại học cho công việc giảng dạy. Tôi thả người nằm xoài lên chiếc giường cũ mà chị đã chuẩn bị trước và ngủ thiếp đi trong tiếng vo vo của sâu bọ bên ngoài cửa sổ. Khi tôi thức dậy trời chạng vạng tối và Auma vẫn chưa về. Từ dưới nhà bếp, tôi nhìn thấy một bầy khỉ mặt đen đang tụ tập bên dưới một cây du đủ. Những con già hơn ngồi có vẻ dè chừng dưới gốc cây nhìn ngó với cặp chân mày cau lại khi những chú cún con chạy nhảy xuyên qua những chiếc rễ cây dài ngoằn ngoèo. Sau khi rửa mặt xong trong chiếc lavabo, tôi bắt một ít nước để pha trà, rồi mở toang cánh cửa dẫn vào khu vườn. Lũ khỉ đột nhiên đứng yên bất động; những cặp mắt chúng đồng loạt hướng về phía tôi. Cách xa đó vài bước chân, không gian tràn ngập bởi tiếng đập của những đôi cánh to lớn màu xanh, và tôi nhìn thấy một hình ảnh bay bổng lên trên như trong mơ của một con chim cổ dài khi nó phát ra những tiếng kêu khàn khàn sâu trong cổ họng và bỗng bành hướng về những vòm trời xa xăm.

Chúng tôi quyết định ở lại trong đêm đó, nấu những món hầm và cập nhật tin tức cho nhau. Sáng hôm sau chúng tôi đi bộ vào thị trấn và lang thang đây đó mà chẳng hề trù định một đích đến cụ thể nào, hầu như chỉ ngắm nhìn khung cảnh. Trung tâm thành phố nhỏ hơn là tôi nghĩ, phần lớn kiến trúc thuộc địa vẫn còn nguyên vẹn: đây



này nối tiếp dãy kia, những tòa nhà được trát vữa xtut - cô với lớp vôi trắng xóa đã sờn cũ vào những ngày khi Nairobi chẳng hơn gì một tiền đồn phục vụ cho công trình xây dựng đường ray xe lửa của người Anh. Dọc theo cạnh những tòa nhà này, một thành phố khác lộ ra, một thành phố của những văn phòng, các tòa nhà cao tầng và những cửa hiệu thanh lịch, những khách sạn với các đại sảnh đường như khó mà có thể phân biệt với những bản sao của nó ở Singapore hay Atlanta. Một sự pha trộn khó hiểu đến ngây ngất, một sự tương phản dường như lập đi lập lại bất cứ nơi đâu chúng tôi đi: phía trước đại lý Mercedes - Benz, nơi một đoàn phụ nữ thiểu số Masai đi ngang qua trên con đường đến phiên chợ, đầu cạo nhẵn, những thân hình mảnh khảnh được choàng lên bởi những chiếc khăn *shukas* đỏ tía, những cặp dái tai được kéo dài và dính vào những tràng hạt sáng rực; hoặc ở lối vào dẫn đến một đền thờ lộ thiên của Đạo Hồi, nơi chúng tôi nhìn thấy một nhóm viên chức ngân hàng cẩn thận cời những đôi giày dây của mình và ngâm chân trong nước trước khi hòa cùng với những người nông dân và những người đào cống rãnh trong buổi lễ cầu nguyện buổi chiều. Hình ảnh đó trông như thể lịch sử của Nairobi không chịu thích nghi với sự phân cấp, như thể cái trước đây và cái lúc này rơi vào tình trạng xung đột liên tục và âm ỉ.

Chúng tôi lang thang vào một phiên chợ cũ, một tòa nhà kiểu hang động thoáng thoảng mùi trái cây chín và một cửa hiệu thịt bên cạnh. Một lối đi ở phía sau của tòa nhà dẫn vào một mê cung của những quầy hàng ngoài trời nơi những nhà buôn chào bán vải sợi, rổ, đồ trang sức bằng đồng và các mặt hàng đồ cổ khác. Tôi dừng lại phía trước một trong những quầy hàng đó, nơi một bộ các bức tượng chạm trổ bằng gỗ được trưng bày. Tôi nhận ra những bức tượng này như là món quà mà cha tôi đã mua cho tôi cách đây rất lâu: những con voi, sư tử, những người đánh trống trong những chiếc khăn trùm đầu bộ tộc. Chúng chỉ là những vật nho nhỏ, Ông Già đã nói như thế...

"Nào, anh bạn", một người đàn ông trẻ đứng bán ở quầy nói với tôi. "Một chiếc lắc đẹp cho vợ anh đây".

"Đây là chị tôi".

"Cô ấy là một người chị xinh đẹp. Nào, cái này hợp với cô ấy nè".

“Bao nhiêu?”

“Chỉ năm trăm si - ling thôi. Tuyệt đấy”.

Auma cau mày và nói một điều gì đó với người đàn ông bằng tiếng Swahili. “Anh ta bán cho cậu với giá *wazungu*”, chị ấy giải thích. “Giá của người da trắng”.

Người đàn ông mỉm cười. “Tôi rất lấy làm tiếc, bà chị à”, anh ta nói. “Đối với một người Kenya, cái giá chỉ ba trăm si-ling thôi”.

Bên trong quầy hàng, một phụ nữ lớn tuổi đang kết những tràng hạt thủy tinh lại với nhau chỉ vào tôi và nói một điều gì đó khiến cho Auma bật cười.

“Bà ấy nói gì vậy?”

“Bà ấy nói rằng anh giống người Mỹ”.

“Nói với bà ấy rằng tôi là người Luo”, tôi nói, vỗ vào ngực mình.

Người phụ nữ cười và hỏi Auma tên của tôi. Câu trả lời thậm chí còn khiến cho bà cười to hơn, bà gọi tôi đứng cạnh và nắm lấy tay tôi. “Bà nói rằng anh trông chả giống gì một người Luo cả”, Auma nói, “nhưng anh có một khuôn mặt phúc hậu. Bà nói rằng bà có một cô con gái mà anh cần phải gặp và, nếu anh mua cho cô ấy một chai sô-da, anh sẽ có hai bức tượng chạm trổ và một chiếc lắc mà cô ấy làm với giá năm trăm si-ling”.

Người đàn ông trẻ mua sô-da cho tất cả chúng tôi, và chúng tôi ngồi lên những chiếc ghế đẩu bằng gỗ mà người phụ nữ có tuổi kéo ra từ phía sau chiếc hòm lớn. Bà kể cho chúng tôi về công việc làm ăn của bà, tiền thuê bà phải trả cho nhà nước để sử dụng ki-ốt này, việc đưa con trai của bà phải nhập ngũ bởi vì trong làng không còn đất đai để canh tác. Xa xa một tí cách chỗ chúng tôi, một phụ nữ khác đan những sợi rơm màu sắc sặc sỡ thành những chiếc rổ; bên cạnh cô, một người đàn ông cắt một mảnh da sống thành những sợi dây dài dùng làm quai ví.

Tôi quan sát những bàn tay nhanh nhẹn này khâu, cắt và đan rồi lắng nghe giọng nói của người phụ nữ có tuổi sang sảng cùng với âm thanh của công việc và trao đổi mua bán, và trong chốc lát thế giới

đường như hoàn toàn rõ ràng. Tôi bắt đầu tưởng tượng một nhịp điệu không đổi của những tháng ngày, sống trên một vùng sỏi cứng nơi bạn có thể thức dậy vào mỗi buổi sáng và biết rằng tất cả là những gì của ngày hôm qua, nơi bạn nhìn thấy cách mà những thứ bạn dùng đã được làm ra và có thể thuật lại cuộc đời của những người đã làm ra chúng và có thể tin rằng nó được kết hợp với nhau một cách hoàn hảo mà không cần đến sự trợ giúp của máy vi tính hay máy fax. Và trong suốt thời gian này từng đoàn người nối tiếp nhau một cách đều đặn, những khuôn mặt đen bóng ngang qua trước mắt anh, những khuôn mặt tròn trịa của trẻ thơ và những khuôn mặt nức nở, mòn mỏi của những người có tuổi; những khuôn mặt xinh xắn vốn làm cho tôi hiểu được sự thay đổi mà Asante và những người Mỹ da đen khác thừa nhận đã trải nghiệm sau chuyến viếng thăm đầu tiên của họ đến châu Phi. Trong một chuỗi nhiều tuần lễ hoặc nhiều tháng, anh có thể trải nghiệm sự tự do vốn xuất phát từ việc không bị dòm ngó, sự tự do để tin rằng tóc anh mọc như nó phải mọc và cái mộng của anh lắc lư theo cách mà nó phải lắc lư. Anh có thể coi một người đàn ông nói chuyện với chính mình như một sự điên khùng hoàn toàn, hoặc đọc về kẻ tội phạm trên trang nhất của tờ nhật báo và trầm tư về sự xấu xa của lòng người, mà không phải nghĩ liệu kẻ tội phạm đó hoặc người mất trí kia có nói một điều gì đó về số phận của chính anh hay không. Ở đây thế giới này là của người da đen, và vì vậy anh mới chính là anh; anh có thể khám phá tất cả những thứ vốn là độc nhất cho cuộc đời anh mà không phải sống như một kẻ đối trá hoặc cam kết sự bội phản.

Thật quyến rũ làm sao, tôi nghĩ, khi bay xa với khoảnh khắc này còn nguyên vẹn. Để cái cảm giác dễ chịu này được bao bọc một cách gọn gàng như người đàn ông trẻ kia bao bọc chiếc vòng đeo cổ của Auma, và mang nó trở về Mỹ với tôi, và đeo vào bất cứ lúc nào tinh thần tôi sa sút.

Nhưng dĩ nhiên điều đó là không thể. Chúng tôi uống xô đa xong. Trả tiền. Rời phiên chợ. Khoảnh khắc đó trôi qua.

Chúng tôi rẽ về Đường Kimathi, tên của một trong những nhà lãnh đạo của cuộc nổi loạn Mau-Mau. Tôi đã đọc một cuốn sách

về Kimathi trước khi rời Chicago và nhớ một bức ảnh của ông: một người trong nhóm những người đàn ông tóc cuốn lộn dài, họ sống trong rừng và truyền bá những lời tuyên thệ bí mật giữa người dân bản xứ - một chiến sĩ du kích kiểu mẫu. Đó là kiểu trang phục khôn ngoan mà ông đã chọn cho mình (Kimathi và những nhà lãnh đạo Mau - Mau khác đã từng phục vụ trong trung đoàn bộ binh Anh vào những năm trước đó), một hình ảnh đã áp đặt tất cả sự sợ hãi cho Thực dân Tây Âu, cùng một kiểu sợ hãi mà Nat Turner có lần đã gieo rắc ở Miền Nam trước nội chiến cũng như những kẻ cướp diên loạn vì ma túy lúc này đang hoành hành trong tâm trí của những người da trắng ở Chicago.

Đĩ nhiên, Mau-Mau thuộc quá khứ của Kenya. Kimathi đã bị bắt và tử hình. Kenyatta đã được phóng thích khỏi nhà tù và được tấn phong làm tổng thống đầu tiên của Kenya. Ngay lập tức ông đã cam kết với người da trắng, những kẻ bận bịu với việc thu xếp hành lý ra đi rằng các doanh nghiệp sẽ không quốc hữu hóa, rằng việc chiếm hữu đất đai sẽ còn nguyên vẹn, miễn là người đàn ông da đen kiểm soát công cụ của chính phủ. Kenya trở thành người học trò tích cực nhất của Tây Âu ở châu Phi, một kiểu mẫu ổn định, một sự trái ngược hữu ích với thời đại hỗn mang ở Uganda, chủ nghĩa xã hội bị thất bại ở Tanzania. Những chiến sĩ đấu tranh vì tự do trước đây đã trở về những khu làng họ hoặc tham gia dịch vụ dân sự hoặc vận động cho một chỗ ngồi ở Nghị viện. Kimathi đã trở thành một cái tên trên tấm biển chỉ đường, hoàn toàn quen thuộc đối với khách du lịch.

Tôi chớp lấy cơ hội học hỏi từ những du khách này khi Auma và tôi ăn trưa trong một cửa hàng ngoài trời thuộc Khách sạn New Stanley. Họ đến từ khắp mọi nơi - người Đức, người Nhật, người Anh, người Mỹ - chụp hình, gọi taxi, né những kẻ bán ma túy trên đường phố, phần nhiều trong họ ăn mặc trong những y phục đi đường giống như các diễn viên phụ trong một cảnh quay. Ở Hawaii, khi chúng tôi là những đứa trẻ, tôi và bạn bè thường cười vào những du khách như thế này, với nước da cháy nắng và những đôi chân gầy guộc xanh xao, phơi mình trong ánh nắng của sự ưu việt hiển nhiên của chúng tôi. Ở châu Phi này, dấu vậy, các du khách dường như không nực cười như vậy. Tôi cảm nhận họ như một sự xâm phạm nào đó; tôi

cảm thấy sự ngây ngô của họ có phần xỉ nhục. Tôi chợt nảy ra rằng trong sự thiếu vắng hoàn toàn của họ về sự tự giác, họ đang bộc lộ một sự tự do mà cả Auma và tôi không thể trải nghiệm, một niềm tin cơ bản vào chủ nghĩa địa phương hẹp hòi của họ, một niềm tin dành cho những người được sinh ra trong những nền văn hóa thượng hạng.

Ngay lúc ấy tôi nhìn thấy một gia đình người Mỹ ngồi cách chúng tôi vài chiếc bàn. Ngay lập tức hai anh hầu bàn châu Phi bật dậy như một cái lò xo, cả hai cùng cười toe toét. Bởi vì Auma và tôi chưa được phục vụ, tôi bắt đầu vẫy gọi hai anh hầu bàn vẫn còn đứng cạnh nhà bếp, nghĩ rằng có thể họ không muốn nhìn chúng tôi. Trong một hồi họ cố tránh ánh mắt của tôi nhưng cuối cùng một người đàn ông già hơn với đôi mắt ngái ngủ động lòng mang cho chúng tôi hai thực đơn. Dẫu vậy, thái độ của ông có vẻ như tức tối, và sau vài phút tiếp theo đó chẳng thấy dấu hiệu gì về việc ông trở lại. Khuôn mặt của Auma bắt đầu cau có vì tức giận, và một lần nữa tôi vẫy tay anh hầu bàn, người vẫn tiếp tục lặng thinh khi anh ta ghi lại những yêu cầu của chúng tôi. Đến lúc này, gia đình người Mỹ đã nhận được thức ăn của mình và chúng tôi vẫn không thấy ai ngó ngang đến mình cả. Tôi tình cờ nghe một cô gái trẻ với mái tóc đuôi gà bạch kim than phiền không có nước chấm. Auma đứng dậy.

“Chúng ta đi thôi”.

Chị bắt đầu hướng đến lối ra, rồi đột nhiên quay lại và bước đến anh hầu bàn, người vẫn đang quan sát chúng tôi với cái nhìn chẳng hề nao núng.

“Các anh nên tự hổ thẹn với chính mình”, Auma nói với anh ấy, giọng cô run run. “Các anh cần phải biết xấu hổ”.

Người hầu bàn đáp lại một cách cộc cằn bằng tiếng Swahili.

“Tôi không quan tâm đến việc các anh phải phục vụ bao nhiêu người, các anh không thể đối xử với người của mình như những con chó. Đây...” Auma bật mở chiếc ví của mình và lấy ra tờ bạc một trăm si-ling nhàu nát. “Anh xem nè!” chị la lên. “Tôi có thể trả cho cái phần ăn chết tiệt của mình”.

Chị ném tờ bạc xuống đất, rồi bước thẳng ra ngoài. Trong vài phút chúng tôi lang thang mà không biết một hướng đi rõ ràng nào, cho đến khi tôi đề nghị chúng tôi ngồi xuống một chiếc ghế dài bên cạnh bưu điện trung tâm.

“Chị không sao chứ?” Tôi hỏi chị ấy.

Chị gạt đầu. “Thật là điên, vút tiền như thế”. Chị đặt chiếc ví bên cạnh mình và chúng tôi ngồi nhìn xe cộ qua lại. “Anh biết đấy, tôi không thể đến một câu lạc bộ trong bất kỳ khách sạn nào như thế này nếu tôi đi cùng với một phụ nữ châu Phi khác”, cuối cùng chị nói. “Những người *askaris* sẽ né tránh chúng tôi, nghĩ rằng chúng tôi là những con điếm. Hoặc trong bất kỳ những tòa nhà văn phòng lớn nào như thế này. Nếu anh không làm việc ở đó, và anh là người châu Phi, họ sẽ chặn anh cho đến khi anh nói với họ về công việc của mình. Nhưng nếu anh với một người bạn Đức, thế là tất cả họ cười tươi. “Chào cô buổi tối”, họ nói. “Các bạn tối nay thế nào?” Auma lắc đầu. “Đó là lý do tại sao Kenya, cho dù tổng sản lượng quốc gia của nó như thế nào, cho dù có bao nhiêu thứ anh có thể mua ở đây, vẫn bị các nước còn lại của châu Phi nhạo báng. Đó là con đĩ của châu Phi, Barack à. Nó giang chân ra cho bất cứ ai có thể trả”.

Tôi nói với Auma rằng chị ấy đang quá cay nghiệt với Kenya, cùng một điều như thế đã từng xảy ra ở Djakarta hoặc Mexico City - chỉ là một vấn đề thiếu may mắn về kinh tế. Nhưng khi chúng ta bắt đầu quay về lại căn hộ, tôi biết những lời lẽ của tôi chẳng làm được gì để xoa dịu sự cay đắng của chị ấy. Tôi nghi ngờ chị ấy đúng: không phải tất cả các du khách ở Nairobi đến đây vì đời sống hoang dã. Một số đến bởi vì Kenya, không tý hổ thẹn, đã ngổ ý tái tạo một giai đoạn lịch sử khi cuộc sống của những người da trắng trên những vùng đất xa lạ ngự trị một cách thoải mái trên lưng của những chủng tộc có màu da đen hơn; một giai đoạn của sự ngây ngô trước Kimathi và những người đàn ông trẻ trung dữ tợn khác ở Soweto hoặc Detroit hoặc Đồng bằng Châu thổ bắt đầu truy quét cuộc nổi dậy và tội phạm đường phố. Ở Kenya, một người da trắng vẫn có thể xem xét tỉ mỉ ngôi nhà của Isak Dinesen và tưởng tượng một câu chuyện lãng mạn với một nữ nam tước trẻ trung huyền bí, hoặc nhấp một ít

rượu gin dưới những chiếc quạt trần của khách sạn Lord Delamare và chiêm ngưỡng những bức chân dung của Hemingway tươi cười sau một chuyến đi săn thành công, được bao quanh bởi những gã cu li với khuôn mặt cau có khổ sở. Anh ta có thể được phục vụ bởi một người da đen mà không sợ hãi hoặc tội lỗi, kinh ngạc với tỉ giá hối đoái, và để lại một món tiền boa hào phóng; và nếu anh ta cảm thấy hơi đầy bụng trước cảnh tượng những gã ăn mày lở lóay như hủi bên ngoài khách sạn, anh ta luôn luôn có thể cung cấp một liều thuốc bổ sẵn có. Cuối cùng luật lệ của người da đen đã đến. Đây là đất nước họ. Chúng ta chỉ là những du khách.

Người bồi bàn của chúng ta có biết luật lệ da đen đã đến không? Điều đó có ý nghĩa gì với anh ta không? Có thể là một lần, tôi tự hỏi. Anh ta đủ lớn để nhớ ngày độc lập, những tiếng la hét "*Uhuru!*" và giương cao những lá cờ mới. Nhưng tất cả những ký ức đó dường như có thể chỉ là điều không tưởng đối với anh ta lúc này, xa xôi và ngờ nghệch. Anh ta biết rằng cùng một dân tộc đã từng kiểm soát vùng đất trước ngày độc lập vẫn tiếp tục nắm quyền cai trị vùng đất đó, rằng anh ta không thể ăn trong những nhà hàng hay ở lại trong những khách sạn mà người da trắng đã xây dựng. Anh ta nhìn thấy tiền bạc trong thành phố cuộn cuộn trong đầu mình, và công nghệ phun ra hàng hóa từ cái miệng rô-bô của nó. Nếu anh ta tham vọng anh ta sẽ cố hết sức để học ngôn ngữ của người da trắng và sử dụng những chiếc máy của họ, cố để cân đối thu chi cùng một cách như anh thợ máy vì tính ở Newark hay tài xế xe buýt ở Chicago, với những sự bộc phát luân phiên giữa hăng hái và thất vọng nhưng hầu hết là sự cam chịu số phận. Và nếu anh nói với anh ta rằng anh ta đang phục vụ cho lợi ích của chủ nghĩa tân thuộc địa hoặc một điều đại loại như vậy, anh ta sẽ trả lời vâng, anh ta sẽ phục vụ nếu đó là điều được đòi hỏi. Chính những người may mắn là người phục vụ; những kẻ thiếu may mắn trôi nổi vào dòng chảy mù mịt của những cuộc xô xát và những công việc lật vật; nhiều người đã chết vì đói khát.

Rồi một lần nữa, có thể đó không phải là tất cả điều mà người hầu bàn đang cảm nhận. Có thể một phần của anh ấy vẫn bám vào những câu chuyện của Mau-Mau, cùng một phần đó của anh nhớ về cảnh im lặng của đêm khuya hoặc âm thanh của người mẹ đang

nghiền báp trong một cái cối xay đá. Một điều gì đó trong anh ấy vẫn cho rằng cách thức của người da trắng không phải là cách của anh ấy, rằng những vật thể anh có thể sử dụng hàng ngày không phải là cái anh làm ra. Anh ta nhớ một lần, một cách tưởng tượng chính mình, rằng anh ta bỏ đi với sự liều lĩnh. Anh ta không thể trốn thoát sự kìm kẹp của ký ức mình. Và vì vậy anh ta lưỡng lự giữa hai thế giới, ngò vực vào mỗi thế giới này, luôn mất thăng bằng, chơi bất cứ trò chơi nào ngăn chặn được cái nghèo đói vô tận, cẩn thận trút sự oán giận của mình lên những người có cùng hoàn cảnh.

Một tiếng văng vang vào tai anh ấy, những thay đổi đã đến, những cách cũ bị phá vỡ, và anh phải tìm một cách nào đó càng nhanh càng tốt để có thể lấp đầy cái bao tử của mình và ngăn dừng để người da trắng cười nhạo anh.

Một tiếng không đến với anh, chẳng bao lâu anh sẽ thiêu rụi toàn bộ trái đất này.

Tối đêm đó, chúng tôi lái xe về hướng đông đến Kariako, một khu vực căn hộ ngổn ngang bao quanh là những lô đất. Mặt trăng lặn phía sau những đám mây dày, và cơn mưa phùn nhẹ bắt đầu rơi. Khi chúng tôi bước lên cầu thang tối tăm, một người đàn ông trẻ nhảy ngang qua chúng tôi vào khu vực lát bị xới nát và biến mất vào bóng đêm. Ở đỉnh của tam cấp, Auma đẩy cánh cửa đang khép hờ.

"Barry! Cuối cùng thì cháu cũng đã đến!"

Một phụ nữ thấp người, chắc nịch với khuôn mặt da nâu vui vẻ ôm chặt tôi ngang hông. Phía sau bà ấy có khoảng mười lăm người, tất cả họ đều mỉm cười và vẫy vẫy như đám đông trong cuộc diễu hành. Người phụ nữ thấp người ngược mắt nhìn tôi và cau mày.

"Cháu không nhớ cô à?"

"Cháu..."

"Tôi là cô Jane của cháu đây. Chính cô là người đã gọi cho cho cháu khi cha cậu chết đó". Cô mỉm cười và nắm tay tôi. "Nào. Cháu cần phải gặp mọi người ở đây. Zeituni cháu đã gặp rồi. Đây..." cô nói, dẫn tôi đến một phụ nữ đẹp già hơn trong chiếc áo dài hoa văn màu xanh, "đây là chị của cô, Kezia. Bà ấy là mẹ của Auma và Roy Obama".



Kezia vừa nắm tay tôi vừa nói tên tôi bằng một vài từ Swahili.

"Bà ấy nói rằng đứa con trai khác của bà cuối cùng đã về nhà", Jane nói.

"Con trai của mẹ", Kezia lập lại bằng tiếng Anh, gật đầu và kéo tôi vào lòng. "Con trai của mẹ đã về nhà".

Chúng tôi tiếp tục đi khắp phòng, bắt tay với cô, dì, cháu trai, cháu gái. Mọi người chào mừng tôi bằng sự tò mò hơn hờ nhưng rất ít sự ngưỡng ngùi, như thể việc gặp gỡ một người thân là chuyện xảy ra hàng ngày. Tôi mang theo một túi sô-cô-la cho những đứa nhỏ, và chúng tập trung xung quanh tôi với cái nhìn lễ phép khi người lớn cố giải thích tôi là ai. Tôi nhìn thấy một anh thanh niên trẻ, mười sáu hoặc mười bảy tuổi, đứng dựa vào tường với vẻ mặt quan sát.

"Đó là một trong những người em của cậu đấy", Auma nói với tôi. "Bernard".

Tôi bước đến cậu thanh niên trẻ và chúng tôi bắt tay, nhìn vào mặt nhau. Tôi thấy mình lúng túng không biết nói gì nhưng cố để hỏi cậu ấy có khỏe không.

"Khỏe, tôi nghĩ thế", cậu ta trả lời một cách dịu dàng, khiến mọi người cười to.

Sau khi việc giới thiệu kết thúc, Jane đẩy tôi đến một chiếc bàn nhỏ với những chén cà ri dề, cá chiên, rau cải và cơm. Khi chúng tôi ăn, mọi người hỏi thăm tôi về những người khác ở Hawaii, và tôi cố miêu tả cuộc sống và công việc của tôi ở Chicago như là một nhà tổ chức. Họ gật đầu lịch thiệp nhưng dường như hơi bối rối, vì vậy tôi đề cập đến việc tôi sẽ học luật ở Harvard vào mùa thu.

"Ah, tốt đấy, Barry à", Jane nói khi cô mút mút một khúc xương trong món cà ri. "Cha của cậu đã từng học ở trường này, Harvard. Cậu sẽ làm cho tất cả chúng tôi tự hào, cũng như ông ấy vậy. Con thấy không, Bernard, con phải học chăm như anh con nhé".

"Bernard nghĩ cậu ấy sẽ trở thành một ngôi sao bóng đá", Zeituni nói.

Tôi quay mặt về Bernard. "Đúng vậy không, Bernard?"

“Không”, cậu ấy nói, không thoải mái vì mình đã thu hút sự chú ý. “Tôi thường chơi, vậy thôi”.

“Vâng... có thể chúng ta một lúc nào đó cùng chơi nhé”.

Cậu ấy lắc đầu. “Lúc này tôi thích chơi bóng rổ”, nó nói về mặt nghiêm nghị. “Như Magic Johnson”.

Bữa ăn làm giảm đi một ít không khí sôi động lúc đầu, và những đứa trẻ quay sang chiếc TV trắng đen lớn đang phát về sự hào phóng của vị tổng thống: ông mở một trường học; ông chỉ trích các nhà báo nước ngoài và các nhân tố Cộng sản khác nhau; ông khuyến khích mọi người dân phải bước theo đường lối của *nyayo* - “những bước chân hướng đến sự phát triển”. Tôi cùng với Auma đi xem phần còn lại của căn hộ, gồm hai phòng ngủ, cả hai được nhét từ đầu này đến đầu kia bằng những tấm nệm cũ.

“Có bao nhiêu người sống ở đây?” Tôi hỏi.

“Bây giờ thì tôi không chắc”, Auma nói. “Nó hay thay đổi. Jane không biết cách nói không với bất cứ ai, vì vậy bất cứ ai dọn về thành phố hay mất việc làm đều đến đây. Thỉnh thoảng họ ở lại một thời gian dài. Hoặc họ để con cái lại ở đây. Ông Già và mẹ tôi đã thường gọi Bernard lại ở đây. Thực tế là Jane đã nuôi nấng cậu ấy”.

“Cô ấy có khả năng không?”

“Thật sự là không. Cô ấy là người trực tổng đài điện thoại, lương tháng cũng chẳng là bao. Dầu vậy, cô cũng không hề than phiền. Cô không có con riêng nên cô thường chăm sóc con của người khác”.

Chúng tôi trở về phòng khách, và tôi ngồi xuống một chiếc trường kỷ đã cũ. Trong nhà bếp, Zeituni hướng dẫn những phụ nữ trẻ hơn rửa chén bát; một vài đứa trẻ lúc này đang cãi cọ nhau về những thỏi sô - cô - la mà tôi mang về. Tôi để mắt lướt qua cảnh tượng - vật dụng nội thất đã hỏng mòn nhiều, tấm lịch cũ đã hai năm, những bức ảnh phai màu, những tiểu thiên sứ bằng gốm ngồi trên những tấm lót bằng nỉ. Tôi nhận ra nó cũng chẳng khác gì căn hộ ở Altgeld. Cùng những bà mẹ, con gái và trẻ em. Cùng sự ảm ỉ của chuyện ngồi lê đôi mách và TV. Cùng một kiểu hoạt động không ngừng của công việc nấu nướng, vệ sinh và cho con bú nói chung. Cùng sự thiếu vắng của đàn ông.

Chúng tôi nói lời từ biệt khoảng mười lần, hứa hẹn lần lượt sẽ viếng thăm tất cả người thân. Khi chúng tôi bước đến cánh cửa, Jane kéo chúng tôi sang một bên và hạ thấp giọng. "Cháu cần đưa Barry viếng thăm Cô Sarah", cô thì thầm vào tai của Auma. Và rồi nói với tôi: "Sarah là chị gái của cha con. Chị cả. Bà ấy muốn gặp cháu vô cùng".

"Dĩ nhiên", tôi nói. "Nhưng tại sao bà ấy không ở đây tối nay? Bà ấy có ở xa đây không?"

Jane nhìn vào Auma, và một suy nghĩ ngấm ngấm nào đó đi qua giữa họ. "Nào, Barack", cuối cùng Auma nói. "Tôi sẽ giải thích điều đó với anh trong xe".

Những con đường trống trải và bóng loáng bởi trời mưa. "Jane đúng, Barack à", Auma nói với tôi khi chúng tôi đi ngang qua trường đại học. "Anh nên gặp Sarah. Nhưng tôi sẽ không đi với anh".

"Tại sao không?"

"Việc có liên quan đến bất động sản của Ông Già. Sarah là một trong những người đã tranh chấp về bản di chúc. Bà ấy nói với mọi người rằng Roy, Bernard, chính tôi đây - không ai trong chúng tôi là con của Ông Già". Auma thở dài. "Tôi không biết. Một phần trong tôi muốn cảm thông với bà ấy. Bà có một cuộc đời lao đao. Bà không bao giờ có được những cơ hội mà Ông Già đã có, anh biết đấy, để học hành hay đi nước ngoài. Nó khiến tôi rất chua xót. Bà nghĩ rằng mẹ tôi và chính tôi đây cách này hay cách khác là người có lỗi cho tình cảnh của bà".

"Nhưng tài sản của Ông Già có thể đáng giá bao nhiêu?"

"Không nhiều lắm. Có thể là một khoản trợ cấp nhỏ của nhà nước. Một mảnh đất không còn dùng được. Tôi cố thoát ra khỏi đó. Nhưng anh biết đấy, mọi người quá mong đợi từ Ông Già. Ông làm cho tôi nghĩ rằng ông có mọi thứ, thậm chí khi ông ta chẳng có gì. Vì vậy lúc này, thay vì tiếp tục với cuộc sống, họ chỉ đợi chờ và cãi vã nhau, nghĩ rằng Ông Già bằng cách nào đó sẽ cứu họ từ dưới nắm mồ của mình. Bernard đã học thái độ chờ đợi như thế này. Anh biết đấy, cậu ấy thật sự thông minh, Barack à, nhưng cậu chỉ ngồi đây đó

suốt ngày chẳng làm gì cả. Cậu ấy bỏ học và không có nhiều triển vọng để tìm thấy một công việc. Tôi đã từng nói với cậu ấy rằng tôi sẽ giúp cậu ấy vào học một trường thương mại nào đó, bất cứ trường nào cậu ấy muốn, vì vậy cậu ấy sẽ làm được một chuyện gì đó. Cậu ấy đồng ý, nhưng khi tôi hỏi liệu cậu có nộp đơn hay nói chuyện với thầy hiệu trưởng thì chẳng có gì cả. Đôi khi tôi cảm thấy như, trừ phi tôi kè kè bên cậu ấy, chẳng có gì xảy ra cả”.

“Tôi có thể sẽ giúp được”.

“Vâng. Cậu có thể nói chuyện với cậu ấy. Nhưng bây giờ cậu đang ở đây, đến từ nước Mỹ, cậu là một phần của sự thừa kế, cậu biết đấy. Đó là lý do Sarah rất muốn gặp cậu. Bà ấy nghĩ rằng tôi không muốn cho bà ấy gặp cậu bởi vì cậu là người có mọi thứ”.

Cơn mưa đã bắt đầu trở lại khi chúng tôi đỗ xe. Một bóng đèn lẻ loi nhô ra từ mặt bên của tòa nhà khoác những hình bóng mờ mờ, dịu dàng trên khuôn mặt của Auma. “Tất cả làm tôi quá mệt mỏi, Barack à”, chị ấy nói nhẹ nhàng. “Cậu không tin tôi nhớ Kenya đến mức nào khi tôi ở Đức. Tất cả tôi có thể làm là nghĩ về việc về nhà. Tôi nghĩ là mình sẽ không bao giờ cô đơn ở đây, và gia đình thì ở khắp mọi nơi, không ai gọi cha mẹ họ đến nhà dưỡng lão hoặc để con cái họ với những người lạ. Rồi tôi ở đây và mọi người nhờ tôi giúp đỡ, và tôi cảm thấy như họ đang bầu vùi vào tôi cho đến khi tôi chìm xuống. Tôi cảm thấy có tội bởi vì tôi may mắn hơn họ. Tôi được đến trường đại học. Tôi có thể kiếm được việc làm. Nhưng tôi có thể làm gì Barack? Tôi chỉ là một người duy nhất”.

Tôi nắm tay Auma và chúng tôi vẫn ngồi trong xe trong vài phút, lắng nghe tiếng mưa yếu dần yếu dần. “Đã có lúc cậu hỏi tôi giấc mơ của tôi là gì”, cuối cùng chị ấy thốt lên. “Thỉnh thoảng tôi có một giấc mơ là mình sẽ xây dựng một ngôi nhà đẹp trên mảnh đất của ông chúng ta. Một ngôi nhà lớn nơi tất cả chúng ta có thể lưu lại và quy tụ mọi gia đình, anh biết đấy. Chúng ta có thể trồng những loại cây ăn quả như ông của chúng ta, và những cháu nhỏ của chúng ta thật sự biết rõ vùng đất này và nói tiếng Luo và học cách thức của chúng ta từ những người lớn tuổi. Nó sẽ thuộc về họ”.

“Chúng ta có thể làm được tất cả điều đó, Auma”.

Chị ấy lắc đầu. "Vậy thì hãy để tôi với cậu tôi đang nghĩ gì. Tôi nghĩ ai sẽ quán xuyến ngôi nhà nếu tôi không ở đây? Tôi nghĩ, ai chịu trách nhiệm để đảm bảo rằng một chỗ thắm sẽ được trám lại hoặc cái hàng rào sẽ được sửa chữa? Thật kinh khủng, ích kỷ, tôi biết mà. Tất cả tôi có thể làm khi tôi nghĩ theo cách này là nổi cơn tam bành với Ông Già bởi vì ông đã không xây ngôi nhà này cho chúng ta. Chúng ta chỉ là những đứa trẻ, Barack à. Tại sao chúng ta phải chăm lo đến mọi người? Mọi thứ đảo lộn tất cả, lạ lùng thật. Tôi phải tự lo cho mình, cũng như Bernard. Bây giờ tôi quen với việc sống cuộc sống riêng của mình, như một người Đức. Mọi thứ đều được tổ chức. Nếu một điều gì đó bị hư, tôi sửa chữa nó. Nếu một điều gì đó sai, đó là lỗi của tôi. Nếu tôi có tiền, tôi sẽ gửi về cho gia đình, và họ có thể sử dụng số tiền đó cho điều họ muốn, và tôi sẽ không lệ thuộc vào họ, và họ cũng không lệ thuộc vào tôi".

"Nghe có vẻ cô đơn".

"Ồ, tôi biết, Barack à. Đó là lý do tôi thường về nhà. Đó là lý do tôi vẫn mơ ước".

Sau hai ngày, tôi vẫn chưa nhận lại túi xách của mình. Văn phòng hàng không ở phố yêu cầu chúng tôi gọi đến sân bay, nhưng bất cứ lúc nào chúng tôi gọi thử tất cả các đường dây đều bận. Auma cuối cùng đề nghị chúng tôi phải tự lái đến đó. Tại bàn làm việc của Hãng British Airways chúng tôi nhìn thấy hai người phụ nữ trẻ đang thảo luận về một hộp đêm vừa mới khai trương. Tôi cắt câu chuyện của họ để hỏi về chiếc túi xách của tôi, và một trong số họ lướt sơ qua một xấp giấy tờ.

"Chúng tôi không có chứng thực gì của anh ở đây cả", chị ta nói.

"Vui lòng kiểm tra lại".

Người phụ nữ nhún vai. "Nếu anh muốn, anh có thể trở lại vào tối nay lúc nửa đêm. Một chuyến bay từ Johannesburg hạ cánh vào giờ đó".

"Tôi được thông báo túi xách sẽ được giao lại cho tôi".

“Tôi lấy làm tiếc, nhưng tôi không có chứng thực nào về túi xách của anh ở đây. Nếu anh muốn, anh có thể điền vào một tờ đơn khác”.

“Có cô Omoro ở đây không? Cô ấy -”

“Omoro nghỉ mát rồi”.

Auma đẩy tôi sang một bên. “Có ai khác chúng tôi có thể nói chuyện được, bởi dường như chị không biết gì cả”.

“Nếu anh chị muốn nói chuyện với một ai đó khác, vui lòng đi xuống phố”, người phụ nữ nói một cách cộc lốc trước khi trở lại cuộc nói chuyện của mình.

Auma vẫn cầu nhàu trong hơi thở của mình khi chúng tôi bước vào văn phòng của Hãng British Airways ở thành phố. Đó là một tòa nhà cao tầng với những chiếc thang máy tự động thông báo bằng giọng Victoria dứt khoát ở mỗi tầng lầu; một người tiếp tân ngồi phía dưới bức ảnh những chú sư tử con và những đứa trẻ đang nhảy múa. Cô ấy nhắc lại chúng tôi nên kiểm tra ở sân bay.

“Hãy cho tôi nói chuyện với giám đốc”, tôi nói, cố kiềm chế sự tức tối.

“Tôi lấy làm tiếc, nhưng ông Maduri đang bận họp”.

“Này, cô gái, chúng tôi vừa mới đến từ sân bay. Họ bảo chúng tôi đến đây. Cách đây hai ngày người ta bảo sẽ gọi túi xách lại cho tôi. Bây giờ chẳng ai biết nó bị thất lạc. Tôi -” Tôi dừng lại giữa chừng. Cô tiếp tân rút lui trong lớp che mặt bằng đá nơi không có sự biến hộ hoặc âm ỉ nào có thể tiếp cận. Dường như Auma đã chứng kiến cùng một thứ, bởi sắc mặt của cô cũng không còn giữ được vẻ bình tĩnh. Chúng tôi cùng ngồi sụp xuống một chiếc ghế dài ở phòng chờ, không biết phải làm gì tiếp theo, thì một cánh tay đột ngột chạm vào vai Auma. Auma quay lại và nhận thấy cánh tay đó là của một người đàn ông đen bóng và rắn chắc trong chiếc áo cộc tay màu xanh.

“A, Chú! Chú làm gì ở đây?”

Auma giới thiệu tôi cho người đàn ông, ông ấy có quan hệ với chúng tôi theo một chuỗi trình tự mà tôi không thể nắm bắt hết. Ông

hỏi có phải chúng tôi đang dự trù một chuyến đi, và Auma kể với ông ấy chuyện đã xảy ra.

"Nghe này, đừng lo", ông chú nói. "Maduri, ông ấy là người bạn tốt của chú. Thực ra, ngay lúc này chú chuẩn bị ăn trưa với ông ấy". Chú của chúng tôi quay sang cô tiếp tân với vẻ gắt gỏng, người đang quan sát cuộc nói chuyện giữa chúng tôi với sự quan tâm đáng kể.

"Ông Maduri đã biết ông ở đây rồi chứ", cô ấy nói, mỉm cười.

Ông Maduri hóa ra là một người đàn ông cao to chắc nịch với một cái mũi phồng ra và giọng nói thô ráp. Sau khi chúng tôi nhắc lại câu chuyện của mình, ông ấy ngay lập tức nhắc điện thoại lên. "Chào? Vâng, Maduri đây. Ai đó? Nghe này, tôi đang ngồi với ông Obama đây, người đang tìm lại hành lý của mình. Vâng, Obama. Anh ấy đang đợi túi xách của mình cũng khá lâu rồi. Cái gì? Vâng, xem ngay đi". Một vài phút sau tiếng chuông điện thoại lại vang lên. "Vâng... ổn rồi, gởi nó cho..." Ông ấy đọc địa chỉ văn phòng của Auma, rồi gác máy. Ông nói với chúng tôi rằng túi xách sẽ được giao cho chúng tôi ngay buổi chiều hôm nay.

"Hãy gọi cho tôi nếu anh chị gặp thêm trở ngại gì", ông ta nói.

Chúng tôi cảm ơn hai người đàn ông rồi rít và ngay lập tức mạn phép phải đi, lo lắng rằng sự may mắn của chúng tôi có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Khi xuống lầu, tôi dừng phía trước một bức ảnh lớn của Kenyatta được treo ở cửa sổ văn phòng. Đôi mắt ông sáng rực với niềm tin và sự ranh mãnh; bàn tay mạnh mẽ và đầy vật trang sức nắm chặt chiếc trượng được chạm trổ của một vị thủ lĩnh Kikuyu. Auma đến và đứng cạnh tôi.

"Đó là nơi mọi thứ bắt đầu", chị nói. "Ông Lớn. Rồi phụ tá ông ấy, hoặc gia đình, hoặc bạn bè, hoặc chủng tộc. Nó cũng giống như anh muốn một chiếc điện thoại, hoặc một thị thực, hoặc một công việc. Người thân của anh là ai? Anh biết ai? Nếu anh không biết bất kỳ ai, anh có thể quên chuyện đó. Đó là điều mà Ông Già không bao giờ hiểu, anh biết đấy. Ông ấy quay về đây nghĩ rằng bởi lẽ ông được giáo dục tốt, nói tiếng Anh chuẩn và hiểu được biểu đồ và sơ đồ của

mình vì thế mọi người bằng cách này hay cách khác sẽ thu nhận ông. Ông đã quên cái đang nắm giữ tất cả mọi thứ ở đây”.

“Ông bị thất lạc”, tôi nói một cách lặng lẽ.

Quay trở lại chiếc xe, tôi nhớ một câu chuyện mà Auma đã kể cho tôi về Ông Già sau khi ông suy sụp và đánh rơi tất cả. Một buổi tối nọ, ông bảo Auma đi đến cửa hàng và mua cho ông vài điều thuốc. Chị ấy gợi cho ông biết rằng họ không còn tiền, nhưng Ông Già lại lắc đầu một cách nôn nóng.

“Đừng khờ khạo”, ông bảo chị ấy. “Chỉ cần nói với người giữ cửa hàng rằng con là con gái của tiến sĩ Obama và rồi bố sẽ trả lại cho họ sau”.

Auma đến cửa hàng và nhắc lại lời của Ông Già đã nói. Người giữ cửa hiệu cười to và đuổi chị đi. Sợ phải về nhà, Auma ghé lại một người chị họ mà có lần Ông Già đã xin việc cho, bà ấy đưa cho chị vài si - ling cần thiết. Khi về nhà, Ông Già cầm lấy những điều thuốc và trách mắng chị vì đi quá lâu.

“Con biết đấy”, ông nói với chị ấy khi mở gói thuốc. “Bố đã nói với con rằng con sẽ không gặp vấn đề gì đâu. Mọi người ở đây đều biết Obama”.

Tôi cảm thấy sự hiện diện của cha tôi khi Auma và tôi đi xuyên qua những con đường tấp nập. Tôi nhìn thấy ông ấy trong những cậu bé học sinh chạy ngang qua chúng tôi, những đôi chân đen đũi, khăng khịu di chuyển như những thanh pit-tông giữa chiếc quần sọt màu xanh và đôi giày quá cỡ. Tôi nghe tiếng ông ấy trong tiếng cười của những sinh viên đại học đang nhâm nhi một tách trà đường và ăn những chiếc bánh gối trong quán trà được thắp sáng lờ mờ. Tôi cảm nhận mùi vị của ông trong khói thuốc lá của một doanh nhân bịt một tai và quất vào chiếc điện thoại tự động; trong mồ hôi của một người lao động công nhật đang vác những đồng sỏi vụn đổ vào chiếc xe cút kít, khuôn mặt và cái ngực trần của anh ta dính đầy bụi bẩn. Ông Già đang ở đây, tôi nghĩ, mặc dù ông chẳng nói điều gì với tôi. Ông đang ở đây, nhắc nhở tôi phải hiểu.



## Chương mười sáu

**B**ernard rung chuông cửa khi đồng hồ điểm mười giờ. Cậu ta mặc quần sọt màu xanh nhạt và một chiếc áo phông nhỏ quá khổ; trên tay cậu ta là trái bóng rổ sờn rách màu cam, đưa ra như mời mọc.

“Sẵn sàng chứ?” cậu ta hỏi.

“Gần rồi. Chờ một giây để tôi xỏ giày đã”.

Cậu ta bước theo tôi vào phòng và tiến lại bàn tôi đang làm việc. “Lại đọc sách nữa rồi, Barry”, cậu ta nói, lắc đầu. “Cô gái của anh sẽ nản anh mất thôi, tối ngày chúm mũi vào sách vở”.

Tôi ngồi xuống cột dây giày. “Tôi đã nghe rồi”.

Cậu ta tung trái bóng lên không. “Tôi đây, tôi chẳng để tâm tới sách vở như vậy. Tôi là con người của hành động. Như Rambo ý”.

Tôi cười. “Ừ thì Rambo”. Tôi nói, đứng dậy mở cửa. “Để coi cậu chạy xuống sân thế nào đây”.

Bernard nghi ngờ nhìn tôi. “Sân xa đây quá. Xe đâu?”

“Anna lấy đi làm rồi”. Tôi đi ra hiên và bắt đầu đuổi mình. “Dù sao, cô ấy nói với tôi chỉ có một dặm thôi mà. Rất tốt để làm ấm cặp giò trẻ trung của cậu đấy”.

Cậu ta miễn cưỡng làm theo vài động tác duỗi gập của tôi trước khi chúng tôi bước lên đoạn đường lái xe dẫn ra lộ chính. Đó là một ngày hoàn hảo, nắng chiếu nhàn nhạt, con đường vắng tanh ngoại trừ một người phụ nữ ở xa xa, đang rảo bước với giỏ củi trên vai. Sau gần một phần tư dặm đường, Bernard đứng sững lại, mồ hôi lấm tấm trên cái trán cao, mịn màng của cậu ta.

“Tôi ấm lên rồi, Barry”, cậu ta nói, hớp hớp không khí. “Tôi nghĩ giờ chúng ta nên đi bộ”.

Sân trường Đại học Nairobi rộng hai mẫu gần trung tâm thành phố. Sân bóng nằm xa hơn sân điền kinh trên một cái dốc thoải, con đường nhựa lao sào sỏi đá nứt nẻ với những cở đại. Tôi quan sát Bernard khi chúng tôi lần lượt ném bóng, với ý nghĩ cậu ta quả thật là một đồng bạn tử tế và dễ chịu làm sao trong ít ngày vừa qua, đã dành thời gian dẫn tôi đi thăm thú thành phố trong khi Auma bận chấm bài thi. Cậu ta nắm chặt tay tôi như che chở khi chúng tôi rẽ lối qua những phố sá đông đúc, kiên nhẫn vô cùng mỗi khi tôi dừng lại ngắm một tòa nhà hoặc đọc một bảng hiệu mà cậu ta đi ngang qua hàng ngày, thích thú trước những thói quen kỳ lạ của tôi nhưng không tỏ chút dấu hiệu tinh tế nào của sự khó chịu hoặc chống cự mà tôi hẳn thể hiện ra nếu ở vào tuổi của cậu ta.

Tính dễ thương, hồn nhiên này khiến cậu ta dường như trẻ hơn nhiều so với cái tuổi mười bảy của mình. Nhưng cậu ta đã mười bảy, tôi nhắc mình, cái tuổi mà một chút độc lập hơn, một góc cạnh sắc sảo hơn trong tính cách, hẳn cũng không phải điều gì không hay. Tôi nhận thấy rằng cậu ta dành thời gian cho tôi phần nào vì cậu chẳng có gì khác hay hơn để làm. Cậu nhẫn nại vì cậu chẳng có nơi đặc biệt nào để muốn đến. Tôi cần phải nói với cậu ta, như tôi chắc Auma hẳn sẽ làm - cuộc trò chuyện giữa một người đàn ông và một người đàn ông...

“Anh đã từng thấy Magic Johnson chơi chưa?” Giờ đây Bernard hỏi tôi, chụp bóng và ném. Quả bóng rơi tọt qua miệng rổ không lưới, và tôi chuyển quả bóng trả trở lại cậu ta.

“Trên ti vi thôi”.

Bernard gật gù. “Ở Mỹ ai ai cũng đều có xế hộp. Và một cái điện thoại nữa”. Chúng là những lời khẳng định hơn là những câu hỏi.

“Hầu hết. Chứ không phải mọi người”.

Cậu ta lại ném và quả bóng bay sượt một cách ầm ĩ ra ngoài mép rổ. “Tôi nghĩ ở đó thì tốt hơn”, cậu nói. “Có lẽ tôi sẽ đến Mỹ. Tôi có thể giúp việc cho anh”.

“Ngay bây giờ tôi chẳng có việc gì cả. Có thể sau khi tôi tốt nghiệp trường luật...”

“Chắc là dễ kiếm việc lắm”.

“Không phải ai cũng vậy đâu. Thật ra, có nhiều người ở Mỹ sống rất gay go. Nhất là người da đen”.

Cậu ta ôm quả bóng. “Nhưng không tệ như ở đây”.

Chúng tôi nhìn nhau, và tôi cố hình dung ra đằng sau những sân bóng rổ ở Mỹ. Tiếng súng nổ vang gần đó. Một gã bán rong ngả gục ngay chỗ cầu thang - đó là một hình ảnh. Tiếng cười của lũ con trai đang chơi đùa trong sân sau vùng ngoại ô, tiếng mẹ chúng gọi về ăn trưa. Đó cũng là sự thực. Hai bức tranh xung đột nhau, tôi lặng im bối rối. Vừa ý với sự lặng lẽ của tôi, Bernard trở lại với trò rê bóng.

Khi nắng trở nên quá gắt, chúng tôi đi bộ đến một hàng kem cách trường vài dãy nhà. Bernard kêu một suất kem nước quả sô cô la và bắt đầu ăn chậm rãi, mỗi lần múc kem đều lường đúng nửa muỗng. Tôi châm một điếu thuốc và ngả người trên ghế.

“Auma bảo tôi rằng cậu đang nghĩ tới chuyện học thương mại”, tôi nói.

Cậu ta gật đầu, với một thái độ hững hờ.

“Cậu thích vào khoa nào?”

“Tôi không biết”. Cậu ta nhúng muỗng vào ly kem và suy nghĩ chốc lát. “Có thể là máy tự động. Vàng... tôi nghĩ máy tự động thì tốt đấy”.

“Cậu đã chuẩn bị một chương trình nào chưa?”

“Không. Thật sự không”. Cậu ta ngừng nói để ngoạm một miếng nữa. “Anh phải đóng học phí”.

“Hiện cậu bao nhiêu tuổi rồi, Bernard?”

“Mười bảy”, cậu thận trọng đáp.

“Mười bảy”, tôi gật gù, ngửa cổ phà khói lên trần. “Cậu biết như thế nghĩa là gì chứ, phải không? Có nghĩa cậu gần như là một người đàn ông rồi đấy. Một người với những trách nhiệm. Với gia đình cậu. Với bản thân cậu. Điều tôi muốn nói là, đã đến lúc cậu phải quyết định trên những gì liên quan đến cậu. Có thể là máy tự động. Có thể là cái gì khác. Nhưng bất luận là gì, cậu cần phải lập ra một số mục tiêu và phải vượt qua. Auma và tôi có thể giúp cậu về chuyện học phí, nhưng chúng tôi không thể sống cuộc sống của cậu. Chính cậu phải vượt qua bằng sự nỗ lực nào đó. Cậu hiểu chứ?”

Bernard gật đầu. “Tôi hiểu”.

Chúng tôi ngồi lặng im một lát, nhìn cái muống của Bernard xoay xoay trong mớ kem giờ đã lỏng loét. Tôi đâm ra suy nghĩ thật là những lời rỗng tuếch làm sao tôi đã nói ra với người anh em này, mà cái lỗi duy nhất của nó là đã trót sinh ra trong phía tôi của thế giới lưỡng diện này. Cậu ta không giận tôi vì điều đó, hình như thế. Không. Chỉ có điều cậu ta hấn lấy làm lạ vì lẽ gì tôi đòi hỏi rằng những quy luật của tôi bằng cách nào đó cũng áp đặt trên cậu ta. Tất cả những gì cậu ta cần là một ít kỷ niệm của mối quan hệ giữa chúng tôi - những cuộn băng cát sét của Bob Marley, có thể là đôi giày bóng rổ mà tôi từng mang. Sự đòi hỏi nhỏ nhoi như thế, nhưng bất kỳ cái gì khác tôi ban tặng - lời khuyên, sự trách mắng, những tham vọng của tôi đối với cậu ta - hẳn dường như còn ít ỏi.

Tôi dập tắt thuốc và đề nghị cả hai đi về. Khi chúng tôi bước trên đường, Bernard khoác tay lên vai tôi.

“Thật tốt khi có quanh mình một ông anh lớn”, cậu ta nói trước khi vẫy tay chào tôi và biến mất vào đám đông.

Một gia đình là gì? Phải chăng chỉ là một chuỗi di truyền, những bố mẹ và con, những người như tôi? Hay phải chăng đó là một cơ cấu

xã hội, một đơn vị kinh tế, tối ưu cho việc nuôi dạy con trẻ và phân chia lao động? Hay chẳng đó là một cái gì hoàn toàn khác: một nhà kho của những ký ức chung, chẳng hạn? Một ranh giới của tình yêu? Một cái với tay qua bên kia sự trống rỗng?

Tôi có thể liệt kê ra nhiều khả năng khác nhau. Nhưng tôi không bao giờ có được một câu trả lời cụ thể, bởi ý thức ngay từ đầu rằng, với những hoàn cảnh nhất định của tôi, một nỗ lực như vậy chắc chắn thất bại. Thay vào đó, tôi vẽ ra một loạt những vòng tròn quanh tôi, với những đường viền sẽ di chuyển khi thời gian trôi qua và những gương mặt thay đổi nhưng dấu sao vẫn cho một ảo tưởng về sự kiểm soát. Một vòng tròn bên trong, nơi tình yêu kiên định và những xác quyết không thể nghi ngờ. Kế đến là một vòng tròn thứ hai, một lãnh địa của tình yêu thỏa hiệp, những cam kết tùy tiện. Và tiếp nữa là một vòng tròn cho những bạn đồng nghiệp, những người quen; người phụ nữ tóc hoa râm vui vẻ đã rung chuông cửa hàng tạp hóa của tôi ở Chicago. Đến một vòng tròn cuối cùng mở ra bao trùm cả một quốc gia hoặc một chủng tộc, hoặc đặc biệt là một chiều hướng luân lý, và những cam kết không còn trói buộc với một diện mạo hoặc một cái tên nhưng thật sự là những cam kết tôi dành cho chính mình.

Ở châu Phi, mô hình thiên văn này của tôi gần như đã sụp đổ tức thì. Vì gia đình dường như ở khắp nơi: trong các cửa hàng, tại bưu điện, trên những đường phố và trong các công viên, tất cả họ đều nhặng lên và bức dọc đứa con lưu lạc đã lâu này của Obama. Nếu tôi tình cờ nhắc rằng tôi cần một quyển sổ tay hoặc kem cạo râu, tôi có thể nhờ một người dì để bà đưa tôi tới một góc hẻm lách nào đó của Nairobi để tìm cho được món hời nhất, bất luận đường đi có xa bao nhiêu hoặc phiền phức thế nào với bà.

“A, Barry... còn gì quan trọng hơn là giúp đỡ con trai của anh trai ta chứ?”

Nếu một người anh họ biết ra, với khá nhiều khó nhọc, rằng Auma đã bỏ đi để lo việc cho chính tôi, anh ta có thể đi bộ hai dặm đến căn hộ của Auma với hy vọng mong manh rằng tôi ở đó và cần có người bầu bạn.

“A, Barry, sao không gọi anh? Nào, anh sẽ đưa chú đến gặp mấy người bạn của anh”.

Và vào những buổi tối, vâng, Auma và tôi đơn giản đã từ chối những lời mời liên tục chúng tôi gặp trên đường từ những ông chú bác, cháu trai, anh em chú bác hoặc anh em họ xa, tất cả họ đều yêu cầu, một cách dễ gây tổn thương, rằng chúng tôi hãy ngồi xuống dùng bữa, bất luận đã là mấy giờ hoặc chúng tôi đã nhồi nhét nhiều đến thế nào.

"A, Barry... ở Kenya có thể chúng ta chẳng có gì nhiều - nhưng chừng nào cậu còn ở đây, cậu sẽ luôn luôn có cái để ăn!"

Ban đầu tôi phản ứng trước tất cả sự ân cần này như một đứa bé đối với sự che chở của mẹ nó, đầy lòng biết ơn chân thành, mù quáng. Điều đó hợp với cách nhìn của tôi về châu Phi và người châu Phi, một tương phản rõ ràng với sự cô lập ngày càng tăng trong cuộc sống người Mỹ, một trái ngược theo tôi nghĩ, không trên phương diện chủng tộc, mà là văn hóa. Một tiêu chuẩn đánh giá cho những gì chúng ta hy sinh cho công nghệ và sự chuyển động, nhưng ở đây - như trong những làng ngoại ô ngoài Djakarta hoặc trong những làng quê của Ireland hoặc Hy Lạp - vẫn còn sự nguyên vẹn cơ bản: niềm vui thích không bao giờ dứt trong sự bầu bạn với người khác, niềm vui sướng trong hơi ấm giữa những con người.

Thế nhưng, khi ngày tháng trôi qua, niềm vui của tôi bị kìm hãm bởi sự căng thẳng và ngờ vực. Phần nào nó có liên quan với điều mà Auma đã nói về đêm đó trong xe hơi - sự ý thức gay gắt về số phận khá tốt đẹp của tôi, và những vấn nạn phiền hà mà điều đó kéo theo. Đó không phải điều mà những người bà con của chúng tôi đang trải qua, đúng như vậy. Cả Jane và Zeituni đều có việc làm đều đặn, Kezia thì bán quần áo trong chợ. Nếu tiền bạc quá thiếu thốn, có thể gọi bọn trẻ vào trong vùng nội địa một thời gian; đó là nơi một anh trai nữa, Abo, đang ở, tôi được biết, với một ông bác ở Vịnh Kendu, nơi luôn luôn có những việc vặt để làm, thức ăn trên bàn và một mái nhà trên đầu.

Ấy thế mà, tình hình ở Nairobi rất gay go và ngày một gay go hơn nữa. Quần áo phần lớn là đồ cũ, bác sĩ chỉ đến thăm trong trường hợp khẩn cấp ghê gớm nhất. Hầu như tất cả mọi thành viên trẻ trong gia đình đều thất nghiệp, kể cả hai ba người đã xoay sở, với sự đua tranh

khốc liệt, để tốt nghiệp một trong những trường đại học của Kenya. Nếu Jane hoặc Zeituni mà bị ngã bệnh, nếu công ty của họ đóng cửa hoặc sa thải họ, sẽ không có một hệ thống an sinh nào của chính phủ. Chỉ còn có gia đình, những người thân thuộc nhất; những người cũng gánh nặng bởi những gian khổ tương tự.

Giờ đây tôi đã là gia đình, tôi tự nhắc mình; giờ đây tôi đã có những trách nhiệm. Nhưng điều đó đúng ra có nghĩa gì? Trở lại nước Mỹ, tôi đã có thể chuyển những tình cảm đó vào trong chính trị, trong việc tổ chức, thành một sự ép mình nào đó. Ở Kenya, những chiến lược này dường như vô cùng không thực tế. Một cam kết gia tăng quyền hạn cho người da đen không thể giúp tìm cho Bernard một công việc. Niềm tin vào một nền dân chủ thật sự vì dân không thể mua cho Jane một bộ khăn trải giường mới. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy mình đang ưu tư về chuyện tiền bạc: bản thân tôi thiếu nó, mưu cầu nó, sự bình an thô thiển nhưng không thể chối cãi nó có thể mua được. Một phần trong tôi ước sao tôi có thể sống theo hình tượng mà những người bà con của tôi hình dung đối với tôi: một luật sư công ty, một thương nhân Mỹ, bàn tay tôi lừng lờ, sẵn sàng ban phát như mưa manna sự hào phóng của thế giới phương Tây.

Nhưng dĩ nhiên tôi không là những thứ đó. Ngay trong nước Mỹ, của cải gắn liền với sự thỏa hiệp giữa những người không sinh ra với nó, cùng một loại thỏa hiệp mà tôi có thể thấy Auma giờ đang thực hiện khi cô ấy cố gắng, bằng cách của mình, chu tất những mong đợi của gia đình. Cô ấy đang làm hai việc vào mùa hè, dạy những lớp tiếng Đức cho các thương nhân người Kenya song song với công việc tại trường đại học. Với tiền tiết kiệm được, cô ấy không chỉ muốn sửa sang ngôi nhà của bà ở Alego mà còn để mua một mảnh đất quanh Nairobi, một thứ một ngày kia hẳn sẽ tăng giá trị, một nền tảng để xây dựng nên. Cô ấy có những kế hoạch, chương trình, những dự toán tiền bạc, và những thời hạn cuối cùng - tất cả những gì cô ấy học đều dành cho sự đàm phán trong một thế giới hiện đại. Vấn đề ở chỗ những chương trình của cô ấy cũng đồng nghĩa với một sự cáo thoái khỏi những chuyện gia đình; những dự toán ngân sách của cô ấy đồng nghĩa với việc nói không đối với những lời thỉnh cầu không ngớt về tiền bạc với cô ấy. Và khi điều này xảy ra - khi cô ấy cứ một

mục đòi về nhà trước khi Jane dọn bữa tối ra vì công việc phải bắt đầu hai giờ sau đó, hoặc khi cô ấy không cho tám người ngồi nhồi nhét trên chiếc VW của cô vì nó được thiết kế dành cho bốn người và làm thế sẽ toạc rách ghế ngồi - những tia nhìn tổn thương không lời, khó mà phân biệt nổi với sự oán giận, sẽ quét qua căn phòng. Sự không ngại ngùng của cô ấy, tính độc lập, sự hăm hở thường trực của cô ấy trong việc hoạch định cho tương lai - tất cả những cái đó gây tổn thương gia đình như một cái gì có phần trái tự nhiên. Không tự nhiên... và không - Phi Châu.

Cũng một song đề đó mà lão Frank đã vận vẹo tôi vào năm tôi rời khỏi Hawaii, cũng những căng thẳng đó mà vài đứa trẻ ở Altgeld đã trải qua nếu chúng hy sinh quá nhiều vui thích cho việc làm bài tập ở trường, cùng một thứ cảm giác tội lỗi của kẻ sống sót ương ngạnh mà tôi có thể chờ đợi trải qua nếu tôi từng muốn kiếm tiền và buộc phải băng qua đám đông những thanh niên da đen ở góc phố khi tôi đi đến văn phòng khu thương mại. Không có tinh thần vì đoàn thể, thậm chí một đoàn thể lớn hơn cả một đại gia đình mở rộng, thành công của chúng tôi luôn đe dọa bỏ người khác lại phía sau. Và có lẽ chính sự kiện đó đã khiến tôi quá đổi bất an - sự kiện rằng ngay ở đây, ở châu Phi, cùng những kiểu mẫu gây bức mình như vậy vẫn thống trị; việc không ai ở đây có thể nói những họ hàng máu mủ của tôi đòi hỏi điều gì hoặc làm sao những đòi hỏi đó có thể hòa hợp được với một số ý tưởng lớn lao hơn về nhân quyền. Cứ như thế chúng tôi - Auma, Roy, Bernard, và tôi - tất cả đều đang tạo nên nó khi chúng tôi đi cùng nhau. Cứ như thế cái biểu đồ có thể đã từng biểu thị chiều hướng và sức mạnh của tình yêu giữa chúng tôi, cái mật mã sẽ phơi mở hạnh phúc của chúng tôi, đã bị mất rất lâu rồi, đã bị vùi chôn cùng tổ tiên bên dưới mặt đất câm lặng.

Gần hết tuần đầu tiên của tôi ở Nairobi, Zeituni đưa tôi đến thăm một người cô khác của chúng tôi, Sarah. Auma vẫn còn chưa muốn đi, nhưng vì tình cờ mà người thợ máy của cô ấy sống gần chỗ Sarah, cô ấy đề nghị đưa chúng tôi một đoạn đến ga ra của cô ấy; từ chỗ đó, cô nói, chúng tôi có thể đi bộ. Vào sáng thứ Bảy, Auma và tôi đến đón Zeituni bằng qua những căn hộ cũ kỹ và hướng về đông, những



khoảnh đất khô cằn, vương vãi rác rưởi, đến khi cuối cùng chúng tôi đến rìa một thung lũng rộng lớn gọi là Mathare. Auma kéo kính xuống và tôi nhìn qua cửa sổ thấy một khu nhà ổ chuột bên dưới, hàng dặm hàng dặm những nóc nhà nhẵn nhúm mờ mờ dưới ánh sáng mặt trời trông như những lá súng ướt đẫm, oằn oại và trũng sâu trong một chuỗi dài liên tục suốt đáy thung lũng.

“Có bao nhiêu người sống ở đó?” Tôi hỏi.

Auma nhún vai và quay sang dì chúng tôi. “Dì nói bao nhiêu, dì? Nửa triệu, có thể?”

Zeituni lắc đầu. “Đó là tuần trước. Tuần này, chắc cả triệu rồi”.

Auma bắt đầu cho xe quay lại. “Không ai biết chắc cả, Barack. Nơi đây phát triển luôn luôn. Người ta từ miền quê đổ vào đây kiếm việc làm và cuối cùng ở luôn. Có lúc, ủy ban thành phố muốn giải tỏa khu này. Họ nói đó là một hiểm họa cho sức khỏe - một sự lãng nhục hình tượng Kenya, anh thấy đó. Những xe ủi đất tiến vào, và người ta mất nốt những gì quá ít ỏi có được. Nhưng dĩ nhiên, họ chẳng có nơi nào khác để đi. Ngay khi bọn xe ủi đi khỏi, người ta tụ trở lại như trước”.

Chúng tôi dừng trước một ngôi nhà thiếc nghiêng nghiêng nơi một thợ máy và vài cậu phụ việc ngừng đầu dậy nhìn chiếc xe của Auma đi qua. Hứa quay lại sau một giờ nữa, Zeituni và tôi để Auma tại gara và bắt đầu bước đi trên con đường rộng, không lát. Trời đã nóng lên, con đường không còn chút bóng râm; hai bên đường là hàng hàng những ngôi nhà nhỏ tồi tàn, các bức tường là một mớ chấp vá những phen liếp, bùn, những mảnh các-tông, và gỗ dán. Mặc dù vậy, chúng gọn gàng, khoảnh đất trước mỗi nhà được quét sạch, và ở đâu chúng tôi đều có thể thấy những anh thợ may và những anh thợ sửa giày và làm yên ngựa đang hành nghề trong những sạp ngoài lề đường, và đàn bà và trẻ con đang bán rau quả từ những cái bàn gỗ run run.

Rốt cuộc chúng tôi đã đến một cạnh của Mathare, nơi một loạt những ngôi nhà bê tông đứng dọc con đường lát gạch. Những tòa nhà cao tám, có thể là mười hai tầng, thế nhưng vẫn dang dở một cách kỳ lạ, những xà gỗ vàximăng phơi ra nắng gió, trông chúng như

đã trải qua một cuộc oanh tạc. Chúng tôi vào một trong số chúng, leo lên một dãy cầu thang hẹp, và bước ra ngay một đầu hành lang dài không thấp đèn, tại đầu kia hành lang chúng tôi thấy một thiếu nữ đang phơi quần áo trên một cái hiên nhỏ bằng xi măng. Zeituni đến nói chuyện với cô gái, cô lẳng lặng dẫn chúng tôi đến một cánh cửa thấp, sần mòn. Chúng tôi gõ cửa, và một phụ nữ da đen tuổi trung niên xuất hiện, vóc người thấp nhưng cứng cáp, ánh mắt gay gắt, vô hồn trên gương mặt rộng, gầy gơ xương. Bà ta nắm tay tôi và nói bằng thổ ngữ Luo.

“Bà ấy nói lấy làm xấu hổ khi để con trai của ông anh thấy mình ở một nơi thảm hại thế này”, Zeituni dịch lại.

Chúng tôi được đưa vào một phòng nhỏ, rộng mỗi bề năm và mười hai bộ, vừa đủ để kê một cái giường, một chạn bát đĩa, hai cái ghế, và một máy khâu. Zeituni và tôi mỗi người ngồi một cái ghế, và cô gái trẻ đã chỉ chúng tôi phòng của Sarah đã trở lại với hai cốc sô đa ấm. Sarah ngồi trên giường và chồm người tới quan sát gương mặt tôi. Auma đã nói rằng Sarah biết chút ít tiếng Anh, nhưng giờ đây bà chủ yếu nói bằng thổ ngữ Luo. Thậm chí không cần nhờ sự phiên dịch của Zeituni, tôi đã đoán rằng bà chẳng được hạnh phúc.

“Bà muốn biết tại sao lâu quá anh không đến thăm bà”, Zeituni giải thích. “Bà nói rằng bà là con cả của ông anh, Hussein Onyango, và rằng lẽ ra anh phải đến thăm bà trước mới phải”.

“Nói với bác ấy là cháu không có ý thiếu tôn kính”, tôi nói, nhìn vào Sarah nhưng không chắc bà hiểu gì. “Mọi thứ luôn bận rộn kể từ khi cháu tới đây - rất khó để tới sớm hơn được”.

Giọng bà Sarah trở nên lạnh lạnh. “Bà ấy nói rằng những người anh ở cùng hẳn toàn nói dối anh”.

“Nói với bà rằng cháu chưa nghe điều gì bất lợi cho bà cả. Nói với bà rằng chuyện tranh chấp về gia tài của Ông Già chỉ khiến cho Auma thấy không thoải mái khi đến đây thôi”.

Sarah khịt mũi sau khi nghe dịch lại và lại một lần nữa, giọng bà nghe âm âm giữa những bức tường kín mít. Khi bà dừng lại, Zeituni vẫn còn im lặng.

“Bà ấy nói gì vậy, Zeituni?”

Đôi mắt Zeituni vẫn dán lên Sarah khi bà trả lời câu hỏi của tôi. “Bà ấy nói vụ xử kiện không phải lỗi của bà. Bà nói rằng đó là do Kezia - mẹ của Auma - làm. Bà nói rằng những đứa nhận là thân thích của Obama chẳng phải của Obama. Bà nói chúng đã lấy đi tất cả của ông và để những người thân thật sự sống như những kẻ ăn mày”.

Sarah cúi đầu, và ánh mắt bà bắt đầu tỏ ra căm hờn. “VẬY ĐẤY, Barry”, bỗng nhiên bà nói bằng tiếng Anh. “Chính ta đã trông nom cha con khi ông ấy còn là một đứa bé. Mẹ ta, Akumu, cũng là mẹ của cha con. Akumu là bà nội ruột của con, chứ không phải cái người con hiện gọi bà. Akumu, người đàn bà đã trao cho cha con cuộc sống - con nên giúp đỡ bà ấy. Và ta, chị của cha con. Hãy xem ta sống ra sao. Tại sao con không giúp chúng ta, mà đi giúp lũ đó?”

Trước khi tôi có thể trả lời, Zeituni và Sarah bắt đầu tranh cãi với nhau bằng thổ ngữ Luo. Cuối cùng, Zeituni đứng dậy vuốt phẳng váy. “Chúng ta nên đi thôi, Barry”.

Tôi dợm đứng dậy khỏi ghế, nhưng Sarah nắm tay tôi bằng cả hai tay mình, với giọng dịu dàng.

“Con sẽ đưa ta chút gì chứ? Cho bà nội của con?”

Tôi tìm rút ví ra và cảm nhận cái nhìn của cả hai người khi tôi đếm số tiền tôi mang theo - có lẽ khoảng ba mươi đô la. Tôi nhét chúng vào đôi tay khô nứt, nứt nẻ của Sarah, và bà nhanh chóng nhét tọt tiền xuống túi trước áo cánh của mình trước khi chộp tay tôi lần nữa.

“Ở đây, Barry”, Sarah nói. “Con phải gấp...”

“Con có thể trở lại sau, Barry”, Zeituni nói. “Đi thôi”.

Bên ngoài, một thứ ánh sáng vàng vọt chéch choáng trải trên đường; quần áo tôi rũ lất phất trên người bên trong là trái tim cảm lạnh. Zeituni giờ đây lặng im, phiền muộn trông thấy. Bà là một phụ nữ kiêu hãnh, người di này; cái cảnh với Sarah hẳn khiến bà bối rối. Và sau đó, ba mươi đô đó - chỉ có Chúa biết được, bà ấy có thể dùng lấy một mình.

Chúng tôi đi bộ được mười phút trước khi tôi hỏi Zeituni rằng bà và Sarah lúc ấy đã tranh cãi về chuyện gì.

“A, chẳng có gì cả, Barry à. Đó là chuyện thường tình với những cô gái già không có chồng thôi”. Zeituni cố mỉm cười, nhưng sự căng thẳng làm méo mó khóe miệng bà.

“Thôi nào, dì. Nói cho con nghe đi”.

Zeituni lắc đầu. “Ta không biết sự thể ra sao. Ít ra cũng không hoàn toàn. Ta biết rằng ngay khi đã lớn, Sarah luôn gần gũi hơn với mẹ ruột mình, Akumu. Barack, ông ấy chỉ chăm sóc cho mỗi mẹ ta, bà ngoại, người đã nuôi họ sau khi Akumu ra đi”.

“Vì sao Akumu bỏ đi?”

“Ta không biết chắc. Con sẽ phải hỏi bà về chuyện đó”.

Zeituni ra dấu cho chúng tôi băng qua đường, đoạn tiếp tục trò chuyện.

“Con biết không, cha con và Sarah thật sự rất giống nhau, cho dù họ không luôn luôn hòa thuận với nhau. Sarah lanh lợi như ông ấy vậy. Và độc lập nữa. Bà ấy thường nói với ta, khi chúng ta còn bé, rằng bà muốn trở thành người có học để sẽ không phải dựa vào bất kỳ người đàn ông nào. Đó là lý do bà ấy đã chia tay với bốn người chồng khác nhau. Chẳng ông nào kéo dài cả. Người chồng đầu tiên chết, nhưng ba người kia bà ấy bỏ, vì họ lười biếng, hoặc muốn lợi dụng bà. Tôi khâm phục bà về điểm này. Hầu hết phụ nữ Kenya kiên trì với bất kỳ thứ gì. Tôi cũng vậy, trong một thời gian dài. Nhưng Sarah cũng đã trả giá cho tính độc lập của mình”.

Zeituni quệt mồ hôi trán bằng mu bàn tay. “Dù sao, sau khi chồng đầu tiên của Sarah chết, bà ấy quyết định rằng cha con lẽ ra nên trợ giúp bà và con bà, vì ông ấy đã hưởng thụ hết tất cả sự giáo dục. Đó là lý do bà ghét Kezia và con cái cô ấy. Bà ấy nghĩ Kezia chỉ là một ả xinh đẹp muốn chiếm lấy tất cả. Con phải hiểu, Barry - theo tục lệ Luo, con trai được thừa hưởng mọi thứ. Sarah sợ rằng một khi ông con chết đi, mọi thứ sẽ thuộc về Barack và những bà vợ của ông ta, và bà ấy sẽ bị bỏ mặc mà không được gì”.

Tôi lắc đầu. “Đó không phải là cái cơ để nói dối về việc ai là con của Ông Già”.

“Con nói đúng. Nhưng...”

“Nhưng sao?”

Zeituni dừng bước và quay sang tôi. Dì nói, “Sau khi cha con ra đi để sống với người vợ Mỹ của mình, Ruth... vâng, thỉnh thoảng ông vẫn đến với Kezia. Con phải hiểu theo truyền thống cô ấy vẫn là vợ ông. Chính trong suốt thời gian thăm viếng đó mà Kezia mang thai Abo, đứa em trai mà con chưa gặp mặt. Chuyện là, Kezia cũng sống với một người đàn ông khác trong thời gian ngắn ngủi này. Vì vậy khi cô ấy có thai lần nữa, Bernard, không ai biết ai là...” Zeituni bỏ lửng, để tư tưởng tự kết thúc.

“Bernard có biết chuyện này?”

“Vâng, giờ thì nó biết. Con hiểu chứ, những chuyện như vậy đối với cha con không ảnh hưởng gì cả. Ông hẳn sẽ nói rằng tất cả đều là con ông. Ông ấy sẽ gạt phắt người đàn ông khác đi, và sẽ trao cho Kezia tiền chu cấp cho con cái bất cứ khi nào ông ấy có thể. Nhưng một khi ông chết đi, chẳng có gì chứng tỏ ông ấy sẽ nhìn nhận chúng trong cách thế này”.

Chúng tôi rẽ một góc vào con đường nhộn nhịp hơn. Trước mặt chúng tôi, một con dê cái có chũm be be lên khi nó nhảy tránh khỏi một chiếc xe buýt *matatu* đang trở tới. Bên kia đường, hai cô nữ sinh nhỏ tuổi trong đồng phục đi học màu đỏ đầy bụi, hai cái đầu tròn trĩnh của họ được cạo gần nhẵn thín, vẫy tay và hát khi họ nhảy băng qua một rãnh nước. Một phụ nữ lớn tuổi quấn chiếc khăn màu nhạt trên đầu ra hiệu chúng tôi cẩn thận với hàng hóa của bà: hai hộp đậu khô, một đồng cà chua, một xâu cá khô xỏ vào dây thép như một dây những đồng bạc rỗng rỗng. Tôi nhìn gương mặt người phụ nữ này, cau có và sa sầm. Người phụ nữ này là ai? Tôi tự hỏi. Bà tôi? Một người lạ? Và Bernard thì sao - tình cảm của tôi đối với cậu ta có nên bằng cách nào đó mà khác đi từ đây? Tôi nhìn trạm xe buýt, nơi một đám đông những thanh niên đang túa ra trên đường, tất cả họ đều cao lớn, đen dứa và mảnh khảnh, xương xẩu họ nhô ra lẫn áo sơ

mi. Tôi bỗng nhiên tưởng tượng ra gương mặt của Bernard từ tất cả họ, được nhân lên qua vô vàn những hoàn cảnh, qua những lục địa. Những con người đói khát, tranh đấu, tuyệt vọng, tất cả họ là anh em của tôi...

"Giờ đây cháu đã hiểu được cái cha cháu đã chịu đựng".

"Cái gì?" Tôi lau mắt ngược nhìn lên để thấy dì đang nhìn thẳng vào mình.

"Đúng, Barry, cha cháu đã chịu đựng", bà lặp lại. "Tôi đang nói với cháu, vấn đề của ông ấy là trái tim ông quá lớn. Khi ông sống, ông sẽ cho bất kỳ ai hỏi đến ông. Và tất cả họ đều đòi hỏi. Cháu biết đấy, ông là một trong những người đầu tiên trong vùng này đi học nước ngoài. Những người ở nhà, họ chưa từng biết bất kỳ ai khác đã từng được đi máy bay. Thế là họ chờ đợi mọi thứ từ ông. 'À, Barack, giờ đây anh là một nhân vật lẫy lừng nhá. Anh nên tặng tôi cái gì chứ. Anh nên giúp tôi chứ.' Luôn luôn những sức ép là từ gia đình. Và ông không thể nói không, ông quá rộng lượng. Cháu biết đấy, ngay đến dì ông cũng đã phải chăm sóc khi dì bụng mang dạ chửa, ông rất thất vọng về dì. Ông muốn tôi vào trường cao đẳng. Nhưng tôi không nghe ông, và ra đi với chồng. Và bất chấp điều đó, khi chồng dì trở nên bạc bẽo và dì phải ra đi, không tiền, không việc làm, cháu nghĩ ai đã đưa tay ra với dì? Vâng - chính là ông ấy. Đó là lý do, bất luận đôi khi người khác có nói gì, dì sẽ luôn biết ơn ông ấy.

Chúng tôi đang đến gần tiệm ga ra; ngay đằng trước, tôi đã có thể thấy Auma đang nói chuyện với người thợ máy và nghe tiếng máy rền rĩ của chiếc VW cổ lỗ. Gần bên cạnh chúng tôi một bé trai trần truồng, có lẽ khoảng ba tuổi, đang lang thang phía sau một dãy thùng dầu, chân nó bè bết cái gì như dầu hắc. Zeituni một lần nữa dừng lại, như thể bị choáng bất chợt vậy, và xua xua lớp bụi.

"Khi thời vận cha anh thay đổi", dì nói, "chính những người ông từng giúp đỡ, họ đã quên ông. Họ cười cợt ông. Ngay cả gia đình cũng không cho ông ở trong nhà họ. Vâng, Barry! Từ chối! Họ sẽ nói với Barack điều đó quá nguy hiểm. Dì biết điều đó tổn thương ông, nhưng ông hẳn không bao giờ trách cứ gì. Cha cháu không bao giờ nuôi sự phẫn uất trong lòng. Thật ra, ông ấy đã hồi phục và làm

việc tốt trở lại, dì biết được đang giúp đỡ đến chính những kẻ từng phản bội ông. A, dì không thể hiểu nổi chuyện này. Dì hân bảo ông rằng, 'Barack, anh chỉ nên chăm sóc lấy bản thân và con cái mình! Những kẻ khác, họ đã phản bội anh một cách tệ hại. Họ chỉ vì quá lười nhác để tự làm việc'. Và cháu có biết điều gì ông nói với dì? Ông nói, 'Em làm sao biết được là người đó không cần cái thứ nhỏ nhẻ này hơn tôi?'"

Dì tôi quay lại và, nặn ra một nụ cười, vẫy tay với Auwa. Và khi chúng tôi bắt đầu đi tới, dì thêm, "Dì nói cho cháu nghe điều này để cháu biết cái gánh nặng cha cháu đã phải chịu đựng trong hoàn cảnh mình. Để cháu đừng xét đoán ông ấy khe khắt quá. Và cháu phải học từ cuộc sống của ông ấy. Nếu cháu có cái gì đó, bấy giờ mọi người sẽ muốn hưởng chút đỉnh. Vậy là cháu phải vạch ra một giới hạn nào đó. Nếu ai ai cũng là gia đình, thì chẳng ai là gia đình cả. Cha cháu, ông ấy không bao giờ hiểu điều này, ta nghĩ vậy".

Tôi nhớ lại một cuộc trò chuyện của tôi ở Chicago khi tôi vẫn đang thành lập tổ chức. Đó là với một phụ nữ lớn lên trong một đại gia đình ở miền nông thôn Georgia. Năm anh em và ba chị em, cô ấy kể với tôi, tất cả phải chen chúc dưới một mái nhà duy nhất. Cô kể tôi nghe về những nỗ lực hoàn toàn vô ích để canh tác khoảnh đất nhỏ nhoi của cha cô, việc trồng rau trong vườn của mẹ cô, về hai con lợn họ nuôi đã sổ chuồng chạy rong trong sân, và những chuyến đi câu cá với các anh chị em ruột trên dòng nước đen thẳm của một con sông gần đó. Nghe cô ấy nói, tôi bỗng thấy rằng hai trong ba chị em cô nhắc đến thật ra đã chết vào lúc sinh ra, nhưng trong tâm hồn người phụ nữ này họ vẫn luôn sống, những con người với tên tuổi và tính cách, hai người chị em luôn đồng hành cùng cô đến trường hoặc cùng làm việc nhà, dỗ dành khi cô khóc và an ủi khi cô lo sợ. Với người nữ này, gia đình không phải luôn là cái bình chỉ chứa người sống. Những người đã khuất cũng có những quyền, những tiếng nói của họ khắc họa trên những giấc mơ của cô.

Giờ thì người đó chính là tôi. Tôi nhớ, ít ngày sau khi tôi đến thăm viếng Sarah, Auma và tôi đã tình cờ gặp một người quen của Ông Già

bên ngoài ngân hàng của Barclay. Tôi có thể nói Auma không nhớ tên ông ta, vậy là tôi chia tay và tự giới thiệu. Người đàn ông mỉm cười nói, "Chà, chà - cậu đã cao lớn thế kia à. Mẹ cậu thế nào? Và cậu em Mark - cậu ta đã tốt nghiệp đại học chưa?"

Ban đầu tôi bối rối. Tôi có biết người này không? Và rồi Auma hạ giọng giải thích rằng không, tôi là một người anh em khác, Barack, đã lớn lên ở Mỹ, con của một người mẹ khác. David đã qua đời. Sau đó là sự ngưng nghịu của đôi bên - người đàn ông gật đầu ("Tôi xin lỗi, tôi không biết") nhưng lại nhìn tôi lần nữa, như thể để chắc những gì ông nghe là thật; Auma cố tỏ ra như thể tình cảnh này, dù đáng buồn, phần nào cũng chỉ là thứ bị kịch đời thường; tôi đứng ngay bên cạnh, tự hỏi mình cảm thấy thế nào sau khi bị lầm với một hồn ma.

Sau đó, trở lại căn hộ của Auma, tôi đã hỏi chị ấy lần cuối cùng chị gặp Mark và Ruth. Chị đưa đầu vào vai tôi và nhìn lên trần.

"Tại đám tang của David", cô nói. "Mặc dù bấy giờ họ đã thôi không nói chuyện với chúng tôi một thời gian dài".

"Tại sao?"

"Tôi nói cậu nghe rằng cuộc ly dị của Ruth với Ông Già rất là cay đắng. Sau khi chia tay, bà ấy lấy một người Tanzania và để Mark và David mang họ ông ta. Bà gởi chúng đến học trường quốc tế, và chúng được nuôi dưỡng như những người ngoại quốc. Bà ta nói với chúng rằng chúng không nên biết gì về phía gia đình chúng ta".

Auma thở dài. "Tôi không biết. Có lẽ vì lớn hơn, Mark trở nên chia sẻ thái độ với Ruth và không có liên hệ gì với chúng ta sau đó. Nhưng vì lý do nào đấy, khi David đã là một thiếu niên, cậu ấy bắt đầu chống lại Ruth. Cậu nói với bà ấy rằng mình là một người châu Phi, và bắt đầu tự gọi mình là Obama. Thình thoảng cậu lén khỏi trường để đến thăm Ông Già và cả gia đình, vốn nhờ vậy mà chúng tôi biết cậu ấy. Cậu ấy rất được mọi người yêu mến. Cậu ấy rất đáng yêu, cậu anh biết đấy, và tươi vui, mặc dù đôi khi quá man đại".

"Ruth cố gắng đưa cậu ấy vào trường nội trú, hy vọng cậu ta sẽ đi vào nề nếp. Nhưng David đã trốn chạy. Không ai thấy cậu ấy trong nhiều tháng. Thế rồi Roy tình cờ gặp cậu ấy bên ngoài một trận bóng



bầu dục. Người cậu ấy bắn thủ, gậy còm, đang xin tiền những người lạ. Cậu ta cười ngạo khi nhìn thấy Roy, và khoe khoang về cuộc sống đường phố của mình, xô đẩy nhí nhố với các bạn. Roy bảo cậu ấy về nhà, nhưng cậu không chịu, vậy là Roy đưa David về căn hộ của mình, gửi tin đến Ruth nói rằng con trai bà bình an và đang ở với anh ta. Khi Ruth nghe điều này, bà ấy thở phào nhưng lập tức điên tiết lên. Bà nài nỉ David trở về, nhưng một lần nữa cậu ấy từ chối, bà đã ngầm chấp nhận sự thỏa hiệp với Roy, hy vọng rằng rốt cuộc David sẽ thay đổi ý định".

Auma nhấp tách trà. "Chính lúc đó mà David chết. Khi cậu ấy đang sống với Roy. Cái chết của cậu ấy làm tan nát trái tim mọi người - nhất là Roy. Hai người họ thật sự rất thân nhau, anh biết đấy. Nhưng Ruth không bao giờ hiểu điều đó. Bà ấy nghĩ chúng tôi đã làm hư hỏng David. Đã cướp mất con trai bà. Và tôi không nghĩ bà ta sẽ tha thứ cho chúng tôi vì điều đó".

Tôi quyết định thôi không nói về David sau đó; tôi có thể nói rằng Auma cảm nhận những ký ức đó quá đau buồn. Nhưng chỉ ít ngày sau, Auma và tôi về nhà thì thấy một chiếc xe hơi đang chờ chúng tôi bên ngoài căn hộ. Bác tài, một người đàn ông da nâu với trái cổ nổi lên, trao cho Auma một lá thư ngắn.

"Cái gì vậy?" Tôi hỏi.

"Một lời mời từ Ruth", cô đáp. "Mark đã trở về nghỉ hè từ Mỹ. Bà ấy muốn mời chúng ta ăn trưa".

"Chị muốn đi chứ?"

Auma lắc đầu, một nét chán ghét hiện lên gương mặt. "Ruth biết tôi đã ở đây gần sáu tháng trời. Bà ta chẳng bận tâm tới tôi. Lý do duy nhất bà ta mời chúng ta là vì bà ta tò mò về cậu. Bà ta muốn so sánh cậu với Mark".

"Tôi nghĩ có lẽ tôi nên đi", tôi nhẹ nhàng nói.

Auma nhìn lá thư lần nữa, đoạn đưa trả lại người tài xế và nói gì đó với ông ta bằng tiếng Swahili. "Cả hai ta sẽ đi", cô nói, và bước vào căn hộ.

Ruth sống ở Khu Tây, một vùng lãnh địa với những ngôi nhà đất đỏ được tô điểm bởi những thảm cỏ rộng và những rào giậu được xén tỉa, mỗi ngôi nhà có một chót gác canh giữ bởi những bảo vệ mặc đồng phục nâu. Trời đang mưa khi chúng tôi lái xe đến nhà bà ấy. Không khí mát mẻ nhắc tôi nhớ đến những đường phố quanh Punahou, Manoa, Tantalus, những con phố nơi một số bạn cùng lớp giàu có hơn của tôi đã sống qua ở Hawaii. Nhìn ra ngoài cửa sổ xe, tôi nghĩ lại sự đổ kỵ trong lòng mỗi khi các bạn đó mời tôi hoặc đến tiệc tùng trong sân sau nhà họ hoặc bơi trong những bể bơi của họ. Và cùng với nỗi đổ kỵ đó, một ấn tượng khác - cảm giác hoàn toàn lạc lõng tuyệt vọng trước những tòa nhà to đẹp này dường như cũng có. Tiếng gọi của chị gái ai đó nhẹ nhàng vang lên sau cánh cửa. Hình ảnh một người mẹ đang nốc trộm một cốc rượu gin vào giữa xế. Sự biểu hiện trên gương mặt một người cha khi ngồi một mình trong căn phòng nhỏ, nét mặt ông cau lại khi dõi theo những trận bóng đá trường đại học trên ti vi. Một ấn tượng của sự cô đơn có lẽ không phải thật, có lẽ chỉ là sự phóng chiếu của chính trái tim tôi, nhưng đó dù sao đã khiến tôi muốn tháo chạy, xa xăm tí mù như David đã chạy, lẫn trốn vào nơi đầu đường xó chợ ồn ã, vào sự hỗn loạn và cười nhạo vì sự hỗn loạn, vào trong một nỗi đau mà một chàng trai có thể hiểu được.

Chúng tôi đến một trong những ngôi nhà khiêm nhường hơn trong khối và đỗ dọc khúc cong của một đường xe đi vào lượn quanh. Một phụ nữ da trắng với cái hàm trễ và tóc hoa râm trong nhà bước ra gặp chúng tôi. Sau bà ta là một người đàn ông da đen cao khoảng như tôi với râu tóc xoắn rậm rạp đặc thù của dân da đen và cặp kính gọng sừng.

"Vào đi, vào đi", Ruth nói. Bốn chúng tôi gượng gạo bắt tay nhau và bước vào một phòng khách lớn, nơi một người đàn ông da đen lớn tuổi hơn, đầu hói, trong bộ áo vét đi đường đang đứng đưa một em bé da đen trong lòng. "Đây là chồng tôi", Ruth nói, "và đây là em trai của Mark, Joey".

"Chào Joey", tôi nói, cúi xuống bắt tay cậu bé. Cậu bé thật xinh xắn, với nước da màu bánh mật và hai cái răng cửa còn thiếu. Ruth

vò mái tóc quăn rối bù của cậu bé, đoạn nhìn chồng và nói, “Không phải hai cha con đang trên đường đến câu lạc bộ sao?”

“Vâng, vâng”, người đàn ông nói, đứng dậy. “Đi thôi, Joey... rất vui được gặp hai người”. Đứa bé đứng bật dậy, nhìn chăm chăm Auma và tôi với một nụ cười tươi sáng, tò mò đến khi cha cậu bé dắt tay đi và đưa cậu ra cửa.

“Nào, ta ngồi xuống đây”, Ruth nói, chỉ chúng tôi ngồi xuống tràng kỷ và rót nước chanh. “Tôi phải nói thật hoàn toàn ngạc nhiên khi được gặp anh tại đây, Barry. Tôi đã nói với Mark là chúng ta cần phải thấy người con kia của Obama đã ra sao mới được. Anh tên là Obama, phải không? Nhưng mẹ anh đã tái hôn. Tôi tự hỏi tại sao bà ấy vẫn giữ họ này chứ?”

Tôi mỉm cười như thể không hiểu câu hỏi. “Thế nào, Mark”, tôi nói, quay sang em trai, “Tôi nghe chú đang ở Berkeley”.

“Stanford”, anh ta chữa. Tiếng anh ta trầm, giọng anh ta đặc sệt Mỹ. “Tôi đang học năm cuối chương trình y khoa ở đó”.

“Hắn là gay lắm”, Auma ướm chuyện.

Mark nhún vai. “Thật ra không đâu”.

“Đừng khiếm tốn vậy, con trai”, Ruth nói. “Những gì Mark học phức tạp đến độ chỉ có ít người thật sự hiểu được hết”. Bà ta vỗ vào tay Mark, đoạn quay sang tôi. “Và Barry, theo tôi hiểu anh sẽ vào Harvard. Cũng như Obama vậy. Anh hẳn có được một chút trí tuệ của ông ấy. Mặc dù vậy, hy vọng rằng không phải là tất cả. Anh biết Obama khá điên rồ, đúng không? Rượu chè càng khiến cho tệ hơn. Anh đã bao giờ gặp ông ấy chưa? Ý tôi là, Obama ấy?”

“Chỉ có một lần. Năm tôi lên mười”.

“Ồ, vậy anh thật là may. Điều đó có lẽ giải thích tại sao anh lại khá như vậy”.

Giờ tiếp theo trôi qua như thế, khi Ruth luân phiên giữa những chuyện về sự thất bại của cha tôi và những chuyện về thành tích của Mark. Mọi câu hỏi đều nhắm trực tiếp đến tôi, để mặc Auma lặng lẽ ngịch ngịch món sốt hỗn tạp của Ruth. Tôi muốn rời đi ngay khi

bữa ăn kết thúc, nhưng Ruth đề nghị Mark cho chúng tôi xem quyển album gia đình trong khi bà mang món tráng miệng ra.

“Con chắc họ không quan tâm đâu, mẹ”, Mark nói.

“Dĩ nhiên họ quan tâm mà”, Ruth nói. Thế rồi, giọng bà trở nên xa xôi một cách kỳ lạ: “Có những tấm hình của Obama. Khi ông ấy còn trẻ cơ...”

Chúng tôi bước theo Mark đến kệ sách, và anh ta lôi xuống một tập album lớn. Chúng tôi ngồi với nhau trên tràng kỷ, chăm chăm lật giở những tấm hình mỏng dính. Auma và Roy, đen thẫm và gầy nhom và cao ráo, đang ôm hai em nhỏ trong cánh tay che chở của mình. Ông Già và Ruth chụp nó tại một bãi biển nào đó. Cả gia đình diện bánh cho một đêm dã ngoại ngoài thành phố. Đó thật là những cảnh tượng hạnh phúc, tất cả, đều quen thuộc một cách kỳ lạ, như thể tôi đang lướt nhìn một vũ trụ nào khác đã tự phơi bày sau lưng tôi. Chúng là những phản chiếu, tôi nhận thấy, của những điều tưởng tượng ôm ấp bấy lâu của tôi, những tưởng tượng mà tôi đã giấu giếm ngay với chính mình. Sự tưởng tượng về hình ảnh Ông Già đã đưa mẹ tôi và tôi trở về cùng ông ở Kenya. Niềm ao ước rằng mẹ và cha tôi, anh chị em tôi, tất cả đều ở chung dưới một mái nhà. Điều đó, tôi nghĩ, có thể là như thế này. Và cái nhận thức rằng tất cả đã hóa ra sai lầm thế nào, bằng chứng cay đắng về cuộc đời như nó đã thật sự trải ra, đã khiến tôi phiền muộn đến độ chỉ vài phút sau tôi đã phải quay mặt đi.

Trên đường về, tôi xin lỗi Auma vì đã để cô chịu hành tội như vậy. Cô ấy gạt tay.

“Như vậy đâu đã tệ lắm”, cô nói. “Mặc dầu vậy, tôi cảm thấy tội cho Mark. Chú ấy có vẻ cô đơn quá. Cậu biết đấy, làm một đứa trẻ lai ở Kenya chẳng dễ dàng tí nào”.

Tôi trông ra ngoài cửa sổ, nghĩ về mẹ, Toot, và Gramps, và lòng biết ơn của tôi với họ - vì chính họ, và những câu chuyện họ đã kể. Tôi trở lại với Auma, và nói, “Bà ấy vẫn không thể gạt bỏ được ông ấy phải không?”

“Ai?”

“Ruth. Bà ta không thể gạt bỏ được ông Ông Già”.

Auma ngẫm nghĩ một lúc. “Không, Barack. Tôi đoán là không. Cũng như tất cả chúng ta”.

Tuần tiếp theo, tôi gọi cho Mark và đề nghị cả hai ra ngoài ăn trưa. Anh ta hơi ngần ngại, nhưng cuối cùng đã đồng ý gặp tôi tại một nhà hàng Ấn Độ ở khu thương mại. Trông anh ta thư thái hơn trong lần gặp đầu tiên với chúng tôi, với một số câu đùa tự trào, những quan sát về California và về sự tranh đấu nội bộ trong học thuật. Khi bữa tiệc trôi qua, tôi hỏi anh ta cảm thấy thế nào khi về đây nghĩ hè.

“Tuyệt”, anh ta nói. “Thật vui được gặp cha mẹ, dĩ nhiên rồi. Và Joey nữa - nó thật là một đứa trẻ đáng yêu”. Mark xắn một miếng bánh gối cho vào miệng nhai. “Còn về cả Kenya nói chung, tôi chẳng thấy sự quyến luyến gì đặc biệt. Cũng nghèo như bao quốc gia châu Phi khác”.

“Chú chưa từng nghĩ đến chuyện ở lại đây?”

Mark nhấp một ngụm Coca. “Không”, anh ta nói. “Ý tôi là, chẳng có nhiều việc cho một bác sĩ, ở đây, trong một quốc gia mà một người dân bình thường không có lấy cái điện thoại”.

Lẽ ra tôi nên dừng ở đó, nhưng một cái gì đó - sự chắc chắn trong giọng nói của người em này, có lẽ, hoặc vẻ hao hao giữa chúng tôi, như ta trông vào một cái gương mờ mờ - đã khiến tôi muốn dẫn tới một cách căng thẳng hơn. Tôi hỏi, “Chú chưa từng cảm thấy như thể mất mát cái gì đó?”

Mark đặt dao nĩa xuống, và lần đầu tiên trong buổi chiều đó đôi mắt anh ta nhìn thẳng vào tôi.

“Tôi hiểu anh muốn chế nhạo cái gì”, anh ta thẳng thắn. “Anh nghĩ vì lý do nào đó tôi đã cắt đứt cội nguồn của mình, đại loại như vậy”. Anh ta lau miệng rồi vứt khăn ăn vào đĩa. “Vâng, anh đúng. Có một thời điểm, tôi quyết định không nghĩ đến việc cha ruột mình là ai nữa. Ông ta đã chết đối với tôi ngay cho dù ông ấy vẫn còn sống. Tôi biết rằng ông ấy nghiện rượu và chẳng hề tỏ ra bận tâm đến vợ con. Điều đó quá đủ”.

“Điều đó làm chú phát điên”.

“Không điên. Chỉ là tè tái”.

“Và không khiến anh phiền muộn sao? Ý tôi là, sự tè lạnh ấy?”

“Đối với ông ta, không. Tôi để cho cái khác lay động. Những bản giao hưởng của Beethoven. Những bài thơ xônê của Shakespeare. Tôi biết - người ta cho rằng đó không phải điều đáng để tâm với một người châu Phi. Nhưng ai có quyền nói tôi nên quan tâm gì và không quan tâm gì? Hiểu chứ, tôi không hề xấu hổ vì mang một nửa dòng máu Kenya. Tôi chỉ không tự dấn vạt mình với vô vàn câu hỏi về tất cả những ý nghĩa của nó. Về việc tôi *thật sự* là ai”. Anh ta nhún vai. “Tôi không biết. Có lẽ tôi nên thế. Tôi có thể thú nhận là nếu tôi tự xem xét mình một cách thấu đáo hơn nữa, tôi hẳn...”

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi nhất tôi cảm nhận sự ngập ngừng của Mark, như một nhà leo núi không tìm thấy chỗ đặt chân. Thế rồi, gần như ngay lập tức, anh ta lấy lại tư thế đỉnh đạc của mình và vẫy tay kêu tỉnh tiền.

“Ai biết?” anh ta nói. “Có sao không nếu tôi không cần phải căng thẳng. Không có mớ hành lý dư thừa đó cuộc đời đã quá nặng nhọc rồi”.

Chúng tôi đứng dậy ra về, và tôi một mực đòi tỉnh tiền. Bên ngoài chúng tôi trao nhau địa chỉ và hứa sẽ viết thư, với một sự giả dối khiến tim tôi nhức nhối. Khi về nhà, tôi kể lại với Auma cuộc gặp gỡ ra sao. Cô ấy quay đi một lúc, sau đó phá lên một tràng cười ngắn, gay gắt.

“Có gì đáng cười đâu?”

“Tôi chỉ nghĩ cuộc đời thật lạ lùng làm sao. Cậu biết đấy, ngay khi Ông Già chết, những tay luật sư đã liên hệ đến tất cả những ai có thể có quyền thừa kế. Trừ mẹ tôi, Ruth có tất cả giấy tờ cần thiết chứng tỏ cha của Mark là ai. Thế là trong tất cả những đứa con của Ông Già, quyền thừa kế của Mark là quyền duy nhất không chối cai được”.

Auma lại cười, và nhìn lên bức hình treo trên tường, y hệt như bức hình dán trong album của Ruth, ba anh em và một chị gái, cười duyên cười đáng trước ống kính.

## Chương mười bảy

SẤP HẾT TUẦN thứ hai của tôi ở Kenya, Auma và tôi đi săn.

Auma chẳng mấy hứng thú với ý tưởng này. Khi tôi lần đầu tiên đưa sách quảng cáo ra, chị ta nhăn mặt và lắc đầu. Như hầu hết người Kenya, cô có thể vạch một đường thẳng băng từ các công viên săn bắn đến chủ nghĩa thực dân. "Cậu nghĩ có bao nhiêu người Kenya đủ sung túc để đi săn hả?" chị ấy vặn tôi. "Vì lẽ gì tất cả đất đai đó lại dành riêng cho khách du lịch khi nó có thể được dùng để canh tác? Đối với cái bọn *wazungu* này, một con voi chết còn quan trọng hơn một trăm đứa trẻ da đen".

Chúng tôi đã lãng tránh trong vài ngày. Tôi bảo rằng chị đang để cho thái độ của người khác ngăn cản mình được chiêm ngưỡng chính xứ sở mình. Chị nói không muốn lãng phí tiền bạc. Rốt cuộc chị đã dụ lại, không vì sức thuyết phục của tôi nhưng vì chị thấy thương cho tôi.

"Nếu con thú nào ăn thịt cậu ngoài đó", chị nói, "tôi không bao giờ tha thứ cho mình".

Và thế là, vào bảy giờ sáng ngày thứ Ba, chúng tôi đứng nhìn bác tài cứng cáp người Kikuyu tên Francis chất những bao bị của chúng tôi lên nóc chiếc xe minivan trắng. Đi cùng chúng tôi là anh bếp cao

dong dong tên Rafael, một người Ý tóc đen tên Mauro, và một cặp người Anh trạc đầu tứ tuần, họ Wilkersons.

Chúng tôi lái xe ra khỏi Nairobi với tốc độ vừa phải, chẳng mấy chốc đã đi vào miền nông thôn, những ngọn đồi xanh và những con đường bụi bặm đất đỏ và những *thửa vườn rau* nhỏ vây quanh bởi những thửa bắp héo rû, thưa thớt. Chẳng có ai nói chuyện, một sự im lặng lúng túng nhắc tôi nhớ đến những giờ phút tương tự hồi ở Mỹ, sự ngập ngừng mà đôi khi đã đồng hành trong sự hòa nhập của tôi vào môi trường một quán rượu hay một khách sạn. Nó khiến tôi nghĩ về Auma và Mark, ông bà tôi ở Hawaii, mẹ tôi vẫn ở Indonesia, và những gì Zeituni đã nói với tôi.

*Nếu ai ai cũng là gia đình, thì chẳng ai là gia đình cả.*

Zeituni có đúng chẳng? Tôi đã đến Kenya với ý nghĩ có thể bằng cách nào đó buộc nhiều thế giới của mình vào một tổng thể duy nhất, hài hòa. Thế mà, sự chia tách dường như chỉ ngày một nhiều thêm, chúng bất chợt nảy sinh giữa những chuyện tưởng như vật vãnh nhất. Tôi nghĩ lại buổi sáng hôm trước, khi Auma và tôi đi đặt vé. Công ty du lịch được sở hữu bởi người châu Á; hầu hết những hãng nhỏ ở Nairobi đều được sở hữu bởi người châu Á. Ngay lập tức, Auma đã căng thẳng lên.

“Anh thấy bọn chúng ngạo mạn chưa?” chị thì thầm khi chúng tôi chứng kiến một phụ nữ trẻ Ấn Độ sai những thư ký da đen của cô ta chạy tới chạy lui. “Họ tự gọi mình là người Kenya, nhưng họ chẳng muốn làm điều gì cho chúng ta. Ngay khi kiếm được tiền, họ liền gọi taxi đến Luân Đôn hoặc Bombay”.

Thái độ của cô ấy đã đi tới chỗ kích động. “Chị làm sao lại trách được người châu Á khi họ gởi tiền mình ra khỏi đất nước”, tôi đã hỏi cô ấy, “sau những gì đã xảy ra ở Uganda?” Tôi tiếp tục kể với cô ấy về những người bạn Ấn Độ và Pakistan thân thiết tôi có ở Mỹ, những người đã ủng hộ những sự nghiệp vì người da đen, những người bạn đã cho tôi mượn tiền trong lúc túng ngặt và đưa tôi về nhà khi tôi không có nơi nào để ở. Auma vẫn sắt đá.

“À, Barack”, chị ấy đã nói. “Đôi khi cậu thật ngây thơ”.



Giờ đây tôi quan sát Auma, mặt chị ấy quay ra hướng cửa sổ. Tôi đã chờ đợi bài nói nhỏ nhỏ của tôi đạt được cái gì kia chứ? Cái công thức đơn giản về sự thống nhất thế giới thứ ba của tôi chẳng mấy tác dụng ở Kenya. Nơi đây, những người gốc Ấn giống như người Hoa ở Indonesia, người Hàn Quốc ở South Side của Chicago, những người ngoài biết cách làm ăn và giữ mình, làm lời trên một chế độ đẳng cấp chủng tộc, dễ thấy và dễ làm con mồi cho sự oán giận hơn. Đó không nhất thiết là lỗi của ai cả. Đó chỉ là một vấn đề lịch sử, một sự thật không may của cuộc đời.

Dù sao, những sự chia cắt ở Kenya không dừng lại ở đó; luôn luôn có những ranh giới mỏng manh hơn để vẽ, ví dụ như giữa bốn mươi bộ lạc da đen của đất nước. Đó cũng là một sự thật của cuộc sống. Bạn không nhận thấy thứ chủ nghĩa bộ lạc hẹp hòi rõ rệt mấy giữa những bạn bè của Auma, những người trẻ Kenya trình độ đại học vốn đã được giáo dục về lý tưởng dân tộc và chủng tộc; bộ lạc chỉ là một vấn đề với họ khi họ được xem như một người đàn ông trong đó, hoặc khi họ già hơn và thấy điều đó trợ giúp hoặc cản trở những sự nghiệp của mình. Nhưng họ là những ngoại lệ. Hầu hết người Kenya vẫn hợp với những biểu đồ cũ về sự đồng nhất, những sự trung thành già cỗi. Ngay cả Jane hoặc Zeituni có thể nói những điều làm tôi kinh ngạc. "Người Luo thì thông minh nhưng lười biếng", họ hẳn nói vậy. Hoặc "Người Kikuyu thì lời thôi lếch thếch nhưng cần cù". Hoặc "Người Kalenjins - vâng, anh có thể thấy điều gì đã xảy ra với đất nước này từ khi họ tiếp quản".

Nghe những cô dì của tôi cứ xuôi ngược trong những quan điểm rập khuôn như thế, tôi những muốn giải thích sự sai lầm trong cách nghĩ của họ. "Chính cái lối suy nghĩ như thế đã kéo chúng ta tụt lại", tôi sẽ nói. "Tất cả chúng ta đều thuộc về một bộ tộc. Bộ tộc da đen. Chủng tộc da đen. Hãy xem cái mà chủ nghĩa bộ lạc đã làm trên những nơi như Nigeria hoặc Liberia".

Và Jane hẳn sẽ nói, "À, những bọn Tây Châu Phi đó chắc điên cả rồi. Cháu biết họ thường là những kẻ ăn thịt người, phải không?"

Và Zeituni nói, "Con nói nghe như cha con vậy, Barry. Ông ấy cũng có những ý nghĩ như vậy về con người".

Có nghĩa là ông ấy cũng quá ngây thơ; ông ấy cũng thích tranh biện với lịch sử. Hãy xem những gì xảy ra cho ông ấy...

Chiếc xe bất chợt ngừng lại, lôi tôi ra khỏi sự mơ màng. Trước mắt chúng tôi là một *nông trại (shamba)* nhỏ của người Bantu, và bác tài Francis đề nghị chúng tôi chờ. Vài phút sau, anh ta ló ra khỏi một ngôi nhà cùng một bé gái châu Phi, khoảng mười hai hay mười ba tuổi, mặc quần jean và một chiếc áo cánh bó chặt và mang một túi đồ nhỏ. Francis đỡ lưng cô bé lên và chỉ chỗ ngồi kế Auma.

"Con gái anh hả?" Auma hỏi, dịch qua nhường chỗ cho cô bé.

"Không", Francis đáp. "Em tôi. Nó muốn thấy các con thú và luôn nài tôi cho đi cùng. Tôi hy vọng không ai phản đối".

Mọi người bắt tay họ và cười với cô bé, vốn đã chịu đựng sự chú ý của mọi người một cách gan góc.

"Em tên gì?" một phụ nữ Anh, bà Wilkerson, hỏi.

"Elizabeth", cô bé khẽ đáp.

"À, Elizabeth, em có thể dùng chung lều với tôi nếu thích", Auma đáp. "Em tôi, hình như chú ấy ngáy".

Tôi nhăn mặt. "Đừng nghe chị ấy, tôi nói, và đưa ra một hộp bánh quy. Elizabeth nhón lấy một cái và nhắm gọn mấy cạnh bánh. Auma với lấy cái giỏ và quay qua Mauro.

"Ăn không?" cô hỏi.

Người Ý mỉm cười và lấy một cái, trước khi Auma chuyển quanh cho những người khác. Chúng tôi đi miết lên những vùng đồi mát mẻ, nơi những phụ nữ đi chân trần đang mang củi và nước và những cậu bé vung vẩy roi trên những con lừa từ những cỗ xe ọp ẹp của họ. Những *nông trại* trở nên thưa thớt dần, bị thay thế bởi những bụi cây và khóm rừng xen kẽ lẫn lộn, đến khi cây cối bất chợt lùi lại phía sau và tất cả những gì chúng tôi có thể thấy là bầu trời bao la.

"Thung Lũng Khe Lớn", Francis hô lên.

Chúng tôi túa xuống khỏi xe và đứng cạnh vách núi nhìn về chân trời phía tây. Hàng trăm bộ bên dưới, đá và thảo nguyên trải ra trên

một miền đồng bằng phẳng lì và mênh mông, trước khi nó gặp bầu trời và kéo tầm mắt mọi người qua hàng loạt những đám mây trắng xóa. Về phía phải, một ngọn núi đơn độc nhô lên như một hòn đảo giữa biển cả thình lặn; xa hơn, là một dãy những rặng núi thấp xa xăm mờ ảo. Chỉ có hai dấu hiệu về sự hiện diện của con người có thể thấy - một con đường mỏng manh dẫn về phía tây, và một trạm vệ tinh, cái đĩa bạc khổng lồ của nó hướng lên bầu trời.

Vài dặm về phía bắc, chúng tôi ra khỏi quốc lộ chính trên một con đường phủ hắc ín và đá dăm. Xe lăn bánh chậm chạp: lâu lâu lại có những ổ gà há toang hoác bằng cả chiều rộng con đường, và rất thường có những xe tải chạy đến từ hướng ngược lại, buộc Francis phải chạy cả lên đề. Cuối cùng, chúng tôi đến con đường chúng tôi đã nhìn thấy từ trên cao và bắt đầu hành trình chạy dọc chiều dài thung lũng. Cảnh vật khô hạn, phần lớn là những cỏ bụi và những cây gai bần thừ, sỏi và những mảnh đá đen gồ ghề. Chúng tôi bắt đầu vượt qua những đàn nhỏ linh dương; một con linh dương đầu bò đơn độc đang gặm cỏ dưới một gốc cây; gần khuất tầm mắt là một chú ngựa vằn và hươu cao cổ. Trong gần một giờ chúng tôi không thấy người nào khác, mãi đến khi thấy một người chăn gia súc xuất hiện từ xa xa, dáng hình anh ta gầy còm và thẳng thớm như cây gậy anh ta mang, lừa một bầy gia súc sừng dài đi qua một vùng đồng bằng hoang vắng.

Tôi chưa được gặp nhiều người Masai ở Nairobi, mặc dù tôi đã đọc qua chút ít về họ. Tôi biết rằng lối sống mục đồng và sự cương liệt của họ trong chiến tranh đã giành được cho họ một sự tôn trọng miễn cưỡng từ người Anh, đến độ ngay khi những hiệp ước đã bị phá vỡ và người Masai đã bị vây hãm trong những lãnh địa dành riêng, bộ lạc đã được thần thoại hóa trong sự thất bại của nó, cũng như người Cherokee hoặc Apache, sự hung dữ cao quý thể hiện trong những tấm bưu thiếp và sách ảnh. Tôi cũng biết rằng sự say mê phương Tây nơi người Masai đã làm tức điên những người Kenya khác, vốn nhìn thấy trong cách sống của họ điều gì đó đáng ngưỡng, và họ rất đổi khao khát đất đai người Masai. Chính quyền đã cố áp đặt việc phổ cập giáo dục trên trẻ em Masai, và một chế độ giao đất cho người trưởng thành. Gánh nặng của người da đen, các quan chức giải thích: là khai hóa những anh em kém may mắn hơn của chúng ta.

Tôi tự hỏi, khi chúng tôi đi sâu hơn vào miền nông thôn, người Masai có thể chịu đựng được bao lâu. Ở Narok, một thị trấn thương mại nhỏ nơi chúng tôi dừng ăn trưa và đổ xăng, một nhóm trẻ em mặc những quần kaki ngắn và áo phông cũ vây quanh xe chúng tôi với sự háng hái xốc xáo rất Nairobi của họ, đang chào bán chúng tôi những món nữ trang và những món ăn nhanh rẻ tiền.

Hai giờ sau, khi chúng tôi đến cánh cổng bằng gạch dẫn vào khu săn, một người Masai cao lớn đội chiếc mũ lưỡi trai kiểu Yankee và sắc mùi bia đã ngả người qua cửa sổ xe chúng tôi và mời chúng tôi tham dự một chuyến du lịch đến *vùng biệt lập* Masai truyền thống.

“Chỉ có bốn mươi đồng”, anh ta nói với một nụ cười. “Tặng ảnh”.

Trong khi Francis bận bịu một vài việc trong văn phòng người giám sát thú săn, tất cả chúng tôi ra ngoài và đi theo người đàn ông Masai vào một khu vực vòng tròn rộng lớn vây quanh bởi những bụi gai. Dọc theo vành đai là những túp lều nhỏ bằng bùn đất; ở giữa vùng vây, vài gia súc và vài em bé mới biết đi trần truồng đứng cạnh nhau trong đất bẩn. Một nhóm những phụ nữ vây chúng tôi lại để xem những quả bầu đựng nước và một trong số họ, một phụ nữ trẻ dễ thương với đứa bé địu trên lưng, đã đưa tôi xem một đồng hai lăm cent Mỹ mà ai đó đã giúi vào cô. Tôi bằng lòng đổi nó lấy những đồng một trăm xu Kenya, và để đổi lại cô phải mời tôi vào lều của mình. Đó là một không gian chật chội, tối đen như mực, cao năm bộ tới trần. Người phụ nữ nói với tôi rằng cả gia đình cô nấu ăn, ngủ, và nuôi những con bê mới sinh trong đó. Khói bay mù mịt, và sau một phút tôi đã phải bỏ chạy ra, chống lại cả sự thúc giục phải đuổi bay bọn ruồi bu thành hai vòng tròn dày đặc quanh đôi mắt hết sức nhọc mệt của đứa bé.

Francis đang chờ khi chúng tôi quay lại xe. Chúng tôi đi xe qua cổng, đi lên một con dốc nhỏ, cần cỗi. Và kìa, bên kia con dốc, tôi thấy một vùng đất tươi đẹp như chưa từng được thấy. Nó lướt nhanh từ những đồng bằng phẳng lì, xanh mượt đến những vùng đồi màu nâu xám nhấp nhô và uốn lượn như lưng con sư tử, xếp nếp bởi

những khoảnh rừng dọc theo sông và lổm đổm những bụi cây gai. Về phía trái chúng tôi, một bầy ngựa vằn khổng lồ với những đường viền cân đối một cách buồn cười của chúng, đang nhăm nháp thứ cỏ màu lúa mì; về phía tay phải, một bầy linh dương gazen đang nhảy vào đám bụi rậm. Và ở giữa, hàng ngàn con linh dương đầu bò, với những cái đầu nặng nề và bươu trên lưng dường như quá nặng đối với đôi chân khẳng khiu của chúng. Francis bắt đầu nhích xe từng chút qua đám thú, và bọn thú rẽ ra trước chúng tôi, đoạn hợp lại ngay như một bầy cá, những móng guốc của chúng nện lộp cộp trên đất nghe như một đợt sóng dạt dào.

Tôi nhìn qua Auma. Cô ấy đang vòng tay qua Elizabeth, và cả hai đang cùng mang một nụ cười không diễn tả được.

Chúng tôi dựng trại trên bờ của một con suối màu nâu uốn lượn, dưới một cây vả lớn đầy những con chim sáo đá màu xanh ẩm ỉ. Trời đã gần muộn, nhưng sau khi dựng lều và kiếm củi, chúng tôi vẫn có thời gian cho một chuyến đi ngắn đến một hồ nước gần đó nơi linh dương topi và linh dương đầu bò tụ lại uống nước. Một đồng lúa đã nổi lên khi chúng tôi trở lại, và khi chúng tôi ngồi xuống ăn món hầm của Rafael, Francis bắt đầu kể chúng tôi nghe một chút về mình. Anh ta đã có vợ và sáu đứa con, anh nói, sống trong một ấp cấp ở Kikuyu. Họ chăm sóc một mẫu cà phê và bắp; vào những ngày nghỉ, anh làm những việc nặng nhọc hơn như cuốc đất và trồng trọt. Anh nói anh thích công việc với hãng du lịch nhưng ghét phải xa gia đình. “Nếu có thể, tôi thích làm việc cả ngày ở nông trại hơn”, anh nói, “nhưng KCU không đời nào cho phép điều đó”.

“KCU là gì thế?” tôi hỏi.

“Kenyan Coffee Union (Hiệp hội cà phê người Kenya). Họ là những kẻ cấp. Họ quy định những gì chúng tôi có thể trồng và khi nào thì trồng. Tôi chỉ được bán cà phê cho họ, và họ bán nó ra nước ngoài. Họ nói với chúng tôi rằng giá cả đang tụt, nhưng tôi biết họ vẫn kiếm được một trăm lần hơn số tiền họ trả cho tôi. Phần còn lại đi đâu?” Francis lắc đầu trong sự căm phẫn. “Thật là một điều khủng khiếp khi nhà nước ăn cắp của người dân mình”.

“Anh nói chuyện rất tự do”, Auma nói.

Francis nhún vai. “Nếu có nhiều người nói thẳng hơn nữa, có lẽ sự việc đã thay đổi. Hãy nhìn con đường chúng ta đi hồi sáng nay để vào thung lũng. Cô biết đấy, con đường đó được cho là đã sửa mới năm ngoái. Nhưng nó chỉ dùng rất những cuội sỏi nhộn nhạo, thế là nó trôi mất trong những cơn mưa đầu tiên. Số tiền biến thủ lại có lẽ vào trong những tòa nhà của một vài ông lớn”.

Francis nhìn vào ngọn lửa, dùng ngón tay vè vè hàng ria. “Tôi giả dụ đó không chỉ là lỗi của nhà nước”, anh ta nói sau một lúc. “Ngay khi mọi chuyện đều tốt đẹp đâu vào đó, người Kenya chúng tôi không thích đóng thuế. Chúng tôi không tin vào cái ý tưởng đưa tiền của chúng tôi cho ai khác. Người nghèo, anh ta có lý do chính đáng cho sự ngờ vực này. Nhưng những tay đại gia sở hữu những xe tải vốn dùng tới đường sá, họ cũng không chịu đóng góp phần của mình. Họ chẳng thà chịu xe cộ thiết bị của mình bị hỏng suốt còn hơn là từ bỏ chút lợi lộc. Đây là cách chúng tôi thường nghĩ, cô thấy đó. Vấn đề của kẻ nào khác nữa”.

Tôi ném một que củi vào ngọn lửa. “Những quan điểm này chẳng khác chi ở Mỹ cả”, tôi nói với Francis.

“Có thể anh đúng”, anh ta đáp. “Nhưng anh thấy đó, một xứ giàu như Mỹ thì có thể ngu ngốc một chút cũng không sao”.

Đúng vào lúc đó, hai người Masai tiến đến bên đồng lửa. Francis chào đón họ, và khi họ đã ngồi xuống một nhánh cây, anh giải thích rằng họ sẽ là người giữ an ninh trong suốt buổi tối. Họ là những người trầm lặng, điển trai, đôi gò má cao của họ nổi bật trên ánh lửa, tứ chi gầy guộc của họ hằn lên trên lớp khăn quấn *shukas* màu đỏ tươi, hai ngọn giáo cắm xuống mặt đất trước mặt họ, hất ra những cái bóng dài ngoằng về phía tàng cây. Một trong hai người, tên Wilson, nói tiếng Swahili, và anh ta kể với chúng tôi rằng anh ta sống trong một biệt lãnh chăn nuôi gia súc cách vài dặm về phía đông. Người đồng bạn lặng lẽ của anh ta bắt đầu lia vào bóng tối bằng ngọn đèn pin của mình, và Auma đã hỏi có bao giờ các con thú tấn công vào trại chưa. Wilson cười toe toét.

“Không có gì nghiêm trọng”, anh ta nói. “Nhưng nếu chị phải đi vệ sinh vào ban đêm thì nên gọi một trong hai chúng tôi đi cùng”.

Francis bắt đầu hỏi người đàn ông đó về hoạt động của các loài thú khác nhau, và tôi quay khỏi ánh lửa và ngược nhìn những vì sao. Đã bao năm qua tôi không ngắm sao như thế này; xa khỏi ánh sáng đô thị, chúng dày đặc và tròn trĩnh và sáng lấp lánh như kim cương. Tôi nhìn thấy một khoảnh mây mù trên bầu trời trong xanh và bước xa khỏi đồng lửa, tưởng đó là khói, nhìn lại thì là một đám mây. Tôi đang tự hỏi sao mây không trôi thì nghe tiếng bước chân đằng sau mình.

"Tôi tin đó là dải ngân hà", ông Wilkerson nói, nhìn lên bầu trời.

"Đừng đùa chứ".

Ông ta giơ tay chỉ cho tôi nhìn theo, về phía Chòm Thập tự Phương Nam. Ông ta là một người mảnh khảnh, từ tốn với cặp kính tròn và mái tóc vàng nhạt. Ban đầu tôi đoán đây là một người chỉ có sống trong nhà, một tay kế toán hoặc giáo sư. Tuy nhiên tôi nhận thấy, khi ngày trôi qua, ông biết hết về kiến thức thực tiễn, những điều thuộc loại tôi chưa bao giờ được gặp để biết nhưng rất ao ước được biết. Ông có thể nói đầy đủ chi tiết với Francis về động cơ xe Land Rover, dựng xong lều của mình trước khi tôi kịp đóng cái cọc đầu tiên, và hình như biết hết tên của mọi loài chim và cây cối mà chúng tôi nhìn thấy.

Bấy giờ tôi không ngạc nhiên khi ông thổ lộ với tôi rằng ông đã trải qua thời niên thiếu ở Kenya, trong một đồn điền trà trên Cao Nguyên Trắng. Ông dường như miễn cưỡng khi nói về quá khứ; ông chỉ nói rằng gia đình ông đã bán hết đất sau ngày độc lập và đã trở về Anh, để định cư trong một khu ngoại ô yên tĩnh của Luân Đôn. Ông đã vào trường y khoa, sau đó làm việc cho Sở dịch vụ y tế quốc gia ở Liverpool, nơi ông gặp vợ mình, một chuyên gia tâm thần học. Sau vài năm, ông đã thuyết phục được cô ấy cùng ông trở lại Phi Châu. Họ đã quyết định không sống ở Kenya, nơi có tương đối dư bác sĩ so với phần còn lại của lục địa, thay vì vậy đã định cư ở Malawi, nơi cả hai cùng làm việc dưới một hợp đồng với chính phủ trong năm năm qua.

"Tôi chứng kiến chỉ có tám bác sĩ trên một vùng với dân số nửa triệu người", giờ đây ông kể với tôi. "Chúng tôi không bao giờ được cung cấp đủ - ít nhất phân nửa những gì nhà nước mua về đều kết

thúc hành trình của chúng trên thị trường đen. Vì vậy chúng tôi chỉ tập trung vào những gì cơ bản, mà dù sao đi nữa cũng là cái thật sự cần ở châu Phi. Người ta chết vì tất cả mọi loại bệnh có thể ngăn chặn được. Bệnh lỵ. Bệnh thủy đậu. Và bây giờ là AIDS - tỉ lệ nhiễm bệnh trong một vài thị trấn đã lên tới năm mươi phần trăm. Thật khiến người ta phát điên”.

Những câu chuyện nghe thật xót xa, nhưng khi ông kể tiếp với tôi về những bốn phần trong cuộc sống của ông - đào giếng, huấn luyện cho những nhân viên khác cách tiêm chủng trẻ em, phát bao cao su - ông không hề tỏ ra nhạo báng hoặc đa cảm. Tôi hỏi ông vì sao ông nghĩ tới việc trở lại châu Phi và ông đáp ngay không chút ngập ngừng, như thể ông đã nghe câu hỏi này bao nhiêu lần rồi”.

“Đó là quê nhà tôi, tôi nghĩ vậy. Con người, xứ sở...” Ông tháo cặp kính rồi dùng khăn tay lau. “Thật buồn cười, anh biết đấy. Một khi anh sống ở đây một thời gian, cuộc sống ở Anh dường như trở nên tù túng kinh khủng. Người Anh có quá nhiều, nhưng hình như chẳng hưởng được mấy. Ở đó tôi thấy mình lạc lõng như một người ngoại quốc vậy”.

Ông đeo kính lại và nhún vai. “Dĩ nhiên, tôi biết rằng về lâu dài tôi cần được thay thế. Đó là một phần việc của tôi - làm sao cho mình trở nên không quá cần thiết nữa. Các bác sĩ Malawi làm việc với tôi thật sự rất giỏi. Thành thạo. Tận tụy. Nếu chúng tôi chỉ cần có thể xây được một bệnh viện huấn luyện, với những phương tiện kha khá một chút, chúng tôi có thể nhanh chóng nhân ba con số hiện nay. Và bây giờ...”

Ông quay qua đám lửa trại, và tôi nghĩ giọng ông trở nên ngập ngừng. “Có lẽ tôi không bao giờ gọi được nơi này là quê hương cả”, ông nói. “Tôi của cha ông, anh biết đấy. Tôi đã học cách chấp nhận điều đó”. Ông ngập ngừng một chút, đoạn nhìn tôi.

“Mặc dù vậy, tôi yêu nơi này”, ông nói trước khi bước về lều của mình.

Bình minh. Về phía đông, bầu trời sáng lên trên một lùm cây âm đạm, xanh thẫm, rồi cam, rồi vàng kem. Những đám mây dần



mất đi sắc tía của chúng, đoạn tan đi, để lại một ngôi sao trơ trọi. Khi chúng tôi nhổ trại, chúng tôi thấy một đàn hươu cao cổ, những chiếc cổ dài cùng nghiêng về một hướng của chúng, có vẻ đen thẫm trước vầng dương rực đỏ đang nhô lên, điểm những dấu kỳ lạ trên bầu trời già.

Thời tiết tuyệt vời trong suốt cả ngày, tôi như đang quay trở lại với thế giới tuổi thơ, thế giới của một quyển sách ảnh muôn màu, một truyền thuyết, một họa phẩm của Rousseau. Vẻ oai vệ của những con sư tử, đang ngáp dài trên đồng cỏ nhấp nhô. Những con trâu trong đầm lầy, cặp sừng của chúng trông như những bộ tóc giả rẻ tiền, những con chim bắt ve đang dọn rác trên những tấm lưng bê bết bùn của chúng. Những con hà mã dưới lòng sông cạn cợt, với những đôi mắt và lỗ mũi màu hồng như những hòn bi đang mấp máy trên mặt nước. Những con voi đang xòe ra những đôi tai to lớn của chúng.

Và để hợp với hầu hết khung cảnh tịch mịch, một sự tĩnh lặng bao trùm. Vào lúc chạng vạng, cách không xa nơi chúng tôi cắm trại, chúng tôi thấy một bầy linh cẩu đang ăn xác một con linh dương đầu bò. Trong ánh sáng cam gần lụi tắt chúng trông như những con chó ma quái, đôi mắt chúng như những hòn than đen, những chiếc mõm của chúng đầm đìa máu. Cạnh chúng, một bầy chim kền kền đang lạnh lùng chờ đợi, nhìn chằm chằm một cách nhẫn nại, nhảy tránh mỗi khi một con linh cẩu trờ tới. Đó là một cảnh tượng man rợ, và chúng tôi đứng đó một lúc lâu, chứng kiến sự sống đang ngấu nghiến chính mình, sự yên lặng chỉ bị gián đoạn bởi tiếng xương rạn vỡ hoặc tiếng gió giật, hoặc tiếng vụt cánh nặng nề của một con kền kền khi nó băng mình trong không khí, đến khi nào lên đủ độ cao thì những đôi cánh dài duyên dáng của chúng liền trở nên bất động tựa như nghỉ ngơi. Và tôi thầm nghĩ: Sự sáng tạo là như thế này đây. Cùng sự tĩnh lặng đó, cùng tiếng xương gãy vụn lạo xạo đó. Trong lúc chạng vạng, nơi ngọn đồi đó, tôi hình dung con người đầu tiên tiến bước, trần trụi và da xù xì, cầm chặt một viên đá lửa trong bàn tay vụng về của mình, song không một lời nào tỏ sự khiếp sợ, đề phòng, kinh hãi trong lòng anh ta đối với bầu trời, cùng ý thức mơ hồ về sự chết của anh ta. Giá như ta có thể

nhớ rằng cái bước đi bình thường đầu tiên ấy, lời nói bình thường đầu tiên ấy - trước cả thời đại tháp Babel.

Ban đêm, sau bữa tối, chúng tôi nói chuyện với những anh vệ binh người Masai của mình. Wilson kể chúng tôi nghe rằng anh và bạn anh gần đây đều đã là những *moran*, những thành viên của một tầng lớp những chiến binh trẻ độc thân vốn là trung tâm trong huyền thoại Masai. Mỗi người họ đã giết một con sư tử để chứng tỏ dũng khí đàn ông của mình, đã tham gia vào rất nhiều vụ cướp gia súc. Nhưng giờ đây không còn chiến tranh, và ngay cả những vụ cướp gia súc cũng trở nên rắc rối - chỉ mới năm ngoái thôi, một người bạn khác đã bị một gã trại chủ Kikuyu bắn. Wilson cuối cùng đã quyết định rằng làm một *moran* quả thật lãng phí thời gian. Anh đã đến Nairobi để tìm việc, nhưng anh ít học và cuối cùng đã làm nhân viên bảo vệ an ninh của ngân hàng. Sự buồn tẻ làm anh ta phát điên, và rốt cuộc anh đã trở lại thung lũng để lấy vợ và chăn đàn gia súc của mình. Gần đây một gia súc của anh đã bị một con sư tử giết mất, và mặc dù giờ đây bị cấm, anh và bốn người nữa đã lùng sục con sư tử đó trong khu săn này.

"Các anh làm thế nào giết một con sư tử?" tôi hỏi.

"Năm người bao vây nó và phóng lao", Wilson đáp. "Con sư tử sẽ chọn một người để vồ. Người đó thu mình sau tám khiên và bốn người kia hoàn tất công việc".

"Nghe thật nguy hiểm", tôi nói một cách ngờ nghệch.

Wilson nhún vai. "Thường thì chỉ bị xước da chảy máu. Nhưng đôi khi chỉ có bốn người trở về".

Nghe chẳng có vẻ gì là người này đang khoác lác - giống một cái máy đang cố giải thích một sự hồi phục khó khăn. Có lẽ một sự hờ hững đã khiến Auma hỏi anh ta rằng một người Masai nghĩ mình đi về đâu sau khi chết. Thoạt đầu, Wilson hình như không hiểu câu hỏi, nhưng rốt cuộc anh ta cười và bỗng lác đầu.

"Đây không phải là một niềm tin của người Masai", anh nói, gần như cười, "cuộc sống sau khi chết à. Sau khi anh chết, anh chẳng là gì cả. Anh trở về với cát bụi. Thế thôi".

"Anh thì nói sao, Francis?" Mauro hỏi.

Vì có đôi lúc Francis được đọc một quyển kinh thánh nhỏ, bìa đỏ. Giờ đây anh ta nhìn lên và mỉm cười. "Đây là những người Masai gan dạ", anh nói.

"Anh là một người Cơ đốc giáo?" Auma hỏi Francis.

Francis gật đầu. "Cha mẹ tôi cải đạo trước khi tôi sinh ra".

Mauro nói, nhìn vào ngọn lửa. "Tôi, tôi đã bỏ nhà thờ. Quá nhiều giới luật. Francis, anh có nghĩ rằng đôi khi đạo Cơ đốc không tốt lắm? Ở châu Phi, người truyền giáo đã thay đổi mọi thứ, phải không? Ông ta mang đến... anh nói thế nào nhỉ?"

"Chủ nghĩa thực dân", tôi ước.

"Vâng - chủ nghĩa thực dân. Còn tôn giáo da trắng, không?"

Francis để quyển kinh thánh trong lòng. "Những chuyện như thế làm tôi đau đầu khi còn trẻ. Những nhà truyền giáo là con người, và họ sai phạm như con người. Giờ đây đã già dặn hơn, tôi hiểu rằng tôi cũng có thể sa ngã. Đó không phải sự thất bại của Chúa. Tôi cũng nhớ đến một số nhà truyền giáo đã người ta ăn trong suốt thời kỳ hạn hán. Một số họ dạy trẻ con đọc. Về điểm này, tôi tin họ đang làm việc của Chúa. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là khao khát sống như Chúa, dù chúng ta sẽ luôn luôn thiếu sót".

Mauro đi về lều của mình và Francis quay lại với quyển kinh thánh. Cạnh anh, Auma bắt đầu đọc một câu chuyện với Elizabeth. Bác sĩ Wilkerson đang ngồi khum hai đầu gối, vá víu chiếc quần trong khi vợ ông ngồi bên cạnh nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Tôi nhìn những người Masai, gương mặt họ lặng thinh và cảnh giác, và tự hỏi phải làm gì cho tất cả chúng tôi. Họ có thể thích thú, tôi nghĩ. Tôi biết rằng sự gan dạ, cứng rắn của họ đã khiến tôi cật vấn linh hồn xao động huyền não của mình. Song, khi tôi nhìn quanh đồng lửa, tôi nghĩ mình đã thấy một sự can đảm không kém đáng phục ở Francis, và ở Auma, và cũng như ở Wilkersons. Có lẽ đó là sự can đảm, tôi nghĩ, mà châu Phi cần kíp một cách khủng khiếp nhất. Những người lương thiện hiền lành với những ước vọng có thể đạt được, và dũng khí để nhìn thấy những ước vọng đó trôi qua kẽ tay.

Lửa bắt đầu tàn, và từng người từng người về lều ngủ, đến khi chỉ còn Francis, tôi và người Masai ở lại. Khi tôi đứng dậy, Francis bắt đầu hát một bài thánh ca với giọng trầm lắng bằng tiếng Kikuyu, với một giai điệu mà tôi ngỡ ngỡ nhận ra. Tôi nghe một lúc, miên man trong suy nghĩ. Rảo bước về lều, tôi cảm thấy mình hiểu khúc ca ai oán của Francis, tưởng tượng nó đang bay lên, qua màn đêm tối, đến với Chúa.

Ngày chúng tôi trở về từ Mara, Auma và tôi được tin Roy đã đến, một tuần sớm hơn mong đợi. Anh ấy đã bất ngờ xuất hiện ở Kariakor với cái valy trên tay, nói rằng anh thấy rất bồn chồn khi chờ đợi ở D.C. và đã thu xếp để đi trên một chuyến bay sớm hơn. Gia đình rất xúc động khi anh đến và đã hoãn bữa tiệc lớn lại chỉ đến khi Auma và tôi trở về. Bernard, người báo tin cho chúng tôi, nói rằng mọi người đang đợi chúng tôi; cậu ta nói một cách hối hả, cứ như thể mỗi phút không gặp người anh cả này của chúng tôi là một sự xao lãng bốn phần vậy. Nhưng Auma, vẫn đơ người vì ngủ lều hai ngày vừa qua đã một mực kể cà tặc tấp.

"Đừng lo", chị ta nói với Bernard. "Roy chỉ thích biến mọi chuyện thành có vẻ kịch tính".

Căn hộ của Jane thật hỗn loạn khi chúng tôi đến. Trong bếp, phụ nữ đang rửa cải collard và khoai mỡ, chặt thịt gà và trộn món bột bắp *ugali*. Trong phòng khách, bọn trẻ đang dọn bàn hoặc bung sô-đa cho người lớn. Và ngồi tại trung tâm cơn bão hối hả này là Roy, đôi chân duỗi dài trước mặt, đôi cánh tay dựa dài trên ghế tràng kỷ, đang gật đầu tán thành điều gì đó. Anh vẫy chúng tôi đến và ôm chặt từng người. Auma, vốn không gặp Roy từ khi anh đến Mỹ, đã lùi lại để có thể nhìn Roy kỹ hơn.

"Anh mập quá di này!" cô nói.

"Mập hả?" Roy cười. "Đàn ông cần phải ăn to uống chứ". Anh quay về phía nhà bếp. "Nhắc mới nhớ... bia đầu nữa rồi mấy đứa?"

Anh vừa nói khỏi miệng thì Kezia xuất hiện với một thùng bia trên tay, cười vui vẻ. "Barry", chị nói bằng tiếng Anh, "đây là anh cả. Trưởng gia đình đấy".

Một phụ nữ khác mà tôi chưa thấy bao giờ, rất đầy đặn với bộ ngực đồ sộ, môi son đỏ chót, đi khép nép tới bên Roy và quàng tay quanh người anh. Nụ cười của Kezia lắng xuống, và chị quay trở về bếp.

“Anh yêu”, người phụ nữ nói với Roy, “có thuốc lá không?”

“Vâng, xem nào...” Roy vỗ nhẹ vào các túi áo. “Em gặp em trai anh, Barack chưa?” Barack, đây là Amy. Em nhớ Auma chứ?” Roy tìm thuốc lá và đốt một điếu cho Amy. Amy rít một hơi dài và nghiêng người về phía Auma, phả từng bùm khói khi nói chuyện.

“*Di nhiên* em nhớ Auma. Chị khỏe không? Để em xem nào, trông chị thật tuyệt vời! Và em thích mái tóc của chị. Thật sự rất... tự nhiên!”

Auma với lấy chai của Roy, và Roy đi lại bàn ăn. Anh chộp lấy một đĩa và cúi xuống ngửi những cái nổi nghi ngút khói. “*Chapos!*” anh reo lên, để rơi ba giọt vào đĩa. “*Sukuwa - wiki!*” anh la lên khi gặp món cải xoăn collard trước khi múc đầy vào đĩa mình. “*Ugali!*” anh vừa kêu, vừa xắt hai miếng lớn bánh bột bắp. Bernard và bọn trẻ leo đèo theo mọi bước đi, bắt chước từng lời Roy nói với âm lượng ngập ngừng hơn. Ngồi quanh bàn, những cô dì của chúng tôi và Kezia rạng rỡ mãn nguyện. Đó là niềm hạnh phúc nhất tôi thấy nơi họ từ ngày tôi đến đây.

Sau bữa tối, trong khi Amy giúp các dì rửa chén, Roy ngồi giữa Auma và tôi và tuyên bố anh đã quay lại với những kế hoạch lớn. Anh sắp khởi sự một công ty xuất nhập khẩu, anh nói, bán những món hàng quý của Kenya vào Mỹ. “*Chondos*. Vải. Đồ điêu khắc gỗ. Những thứ này rất *có giá* ở đó! Anh bán chúng tại những ngày lễ hội, những cuộc biểu diễn nghệ thuật, những cửa hiệu đặc sản. Tôi đã mua vài mẫu vật để mang theo trở lại”.

“Ý tưởng thật tuyệt”, Auma nói. “Cho tôi xem anh có gì nào”.

Roy bảo Bernard lấy ra mấy cái giỏ bằng chất dẻo màu hồng trong buồng ngủ của anh. Trong những cái giỏ là vài món đồ điêu khắc gỗ, những món đồ bóng loáng, sản xuất hàng loạt được bán số lượng lớn cho những du khách ở khu thương mại. Auma xoay xoay chúng trong tay với một nét hơi ngờ vực trên mặt.

“Anh đã trả bao nhiêu tiền cho những cái này?”

“Chỉ có bốn trăm đồng siling mỗi cái”.

“Đắt quá! Anh ơi, em nghĩ anh bị lừa rồi. Bernard, sao để anh ấy mua mắc dữ vậy?”

Bernard nhún vai. Roy trông có vẻ bị tổn thương.

“Tôi nói cho nghe, đây chỉ là hàng mẫu”, anh nói khi cuốn những đồ điêu khắc vào bọc của chúng. “Một sự đầu tư, từ đó tôi sẽ biết thị trường cần gì. Em không thể làm ra tiền trừ phi chịu bỏ tiền, đúng không, Barack?”

“Người ta nói như vậy”.

Roy lập tức hăng hái trở lại. “Chú hiểu chứ? Một khi tôi nắm bắt thị trường, bấy giờ tôi sẽ gọi đơn đặt hàng về cho Zeituni. Chúng ta sẽ xây dựng cơ sở một cách từ từ, hiểu chứ. *Từ từ*. Sau đó, khi chúng ta có một hệ thống chính thức, Bernard và Abo có thể đi làm việc cho công ty. Sao hả Bernard? Chú có thể làm việc cho anh”.

Bernard lơ đãng gật gù. Auma nhìn chăm chú cậu em, đoạn quay qua Roy. “Thế dự định lớn khác là gì?”

Roy mỉm cười. “Amy”, anh nói.

“Amy?”

“Amy. Anh sẽ lấy cô ấy”.

“*Cái gì?* Đã bao lâu rồi từ khi anh gặp cô ấy lần cuối cùng?”

“Hai năm. Ba. Có hề gì đâu?”

“Anh còn chẳng có nhiều thời gian để nghĩ về chuyện đó nữa”.

“Cô ấy là một phụ nữ châu Phi. Anh biết *điều đó!* Cô ấy *hiểu* anh. Không như những phụ nữ châu Âu, luôn cãi cọ với chồng”. Roy gật đầu dứt khoát, và rồi, như thể bị một sợi dây vô hình giật mạnh, anh đứng phắt khỏi ghế và lao về phía nhà bếp. Một tay dắt Amy, tay kia anh giơ chai bia lên cao.

“Nghe này, mọi người! Tất cả chúng ta ở đây rồi, chúng ta phải nâng cốc chúc mừng! Với những người giờ đây không ở bên chúng

ta! Và cho một kết thúc tốt đẹp!” Bằng một sự khoan thai kiểu cách, anh đổ chai bia lên sàn. Ít nhất phân nửa bia đã bắn tóe lên giày của Auma.

“Úi!” Auma la lên, nhảy lùi lại. “Anh làm gì vậy?”

“Các vị tổ tiên phải uống mừng chứ”, Roy vui vẻ nói. “Đó là cách của người châu Phi”.

Auma giật một chiếc khăn ăn để lau bia trên chân mình. “Đó là ở ngoài trời, Roy! Không phải trong nhà một ai đó! Thề có trời, đôi khi anh ẩu quá! Ai sẽ lau sạch chỗ này đây? Anh ư?”

Roy dợm trả lời thì Jane lao tới với cái giẻ trong tay. “Đừng lo, đừng lo!” cô vừa nói, vừa lau. “Những chuyện này trong nhà chỉ càng vui thôi mà”.

Tất cả đã quyết định rằng sau bữa ăn tối chúng tôi sẽ đi khiêu vũ tại một câu lạc bộ gần đó. Khi Auma và tôi bước xuống cầu thang trước những người khác, tôi nghe chị khẽ cằn nhằn trong bóng tối.

“Những gã Obama nhà các anh!” chị nói với tôi. “Cậu tình bơ trước tất cả mọi chuyện! Cậu có thấy họ đối xử với anh ấy thế nào không? Trong mắt họ, anh ấy chẳng thế nào sai trật chuyện gì. Cũng như chuyện với Amy này vậy. Đó chỉ là một ý tưởng bất chợt nổi lên trong đầu anh ta vì anh ta cô đơn. Tôi chẳng mắc mớ gì với Amy, nhưng cô ấy vô trách nhiệm như anh ấy vậy. Khi họ ở với nhau, họ sẽ khiến người kia tồi tệ thêm. Mẹ tôi, Jane, Zeituni - tất cả họ đều biết điều này. Nhưng liệu họ sẽ nói gì với anh ấy? Không. Vì họ sợ làm anh ấy bực mình, ngay cho dù vì tốt cho anh ấy”.

Auma mở cửa xe và nhìn lại cả gia đình. Họ chỉ vừa ló ra khỏi bóng tối của căn hộ, dáng dấp của Roy vượt hẳn trên những người khác như một thân cây, đôi tay anh dang rộng như những cành cây trên vai các dì cô. Sự xuất hiện của anh chỉ làm gương mặt Auma dịu lại một chút.

“Ồ, đó không thật sự là lỗi của anh ấy, tôi nghĩ vậy”, chị nói, khởi động xe, “cậu nhìn anh ấy với họ kìa. Anh ấy luôn là một người thân thiện hơn tôi. Họ không muốn xét đoán anh ấy”.

Câu lạc bộ, Garden Square, hóa ra là một ngôi nhà mái thấp, ánh sáng mập mờ. Nó đã đông nghẹt khi chúng tôi đến, không khí sặc sụa khói thuốc. Khách khứa hầu hết là người châu Phi, một đám thư ký, nhân viên, cán bộ nhà nước ngồi tụ tập quanh những cái bàn phoocmica liêu xiêu. Chúng tôi xô nhau đến hai cái bàn trống cách xa một sân khấu nhỏ, và người hầu bàn đến chờ chúng tôi. Auma ngồi xuống bên cạnh Amy.

“Amy này. Roy nói với tôi là hai người sắp cưới nhau”.

“Vâng, điều đó không tuyệt vời sao! Anh ấy rất vui về! Khi anh ấy ổn định, anh nói em có thể đến sống với anh ấy ở Mỹ”.

“Cô không bận tâm chuyện phải xa cách sao? Ý tôi là...”

“Những phụ nữ khác?” Amy cười và nháy mắt với Roy. “Nói thật lòng với chị, em không lo điều đó”. Cô quàng cánh tay chắc nịch lên vai Roy. “Miễn anh ấy đối xử tốt với em, anh ấy có thể làm bất kỳ điều gì theo ý thích. Phải không, anh yêu?”

Roy giữ một bộ mặt phớt tỉnh, như thể cuộc trò chuyện không làm anh ấy bận tâm. Cả anh và Amy đều đã nốc quá nhiều bia, và tôi thấy Jane lén trao cho Kezia một cái liếc nhìn lo lắng. Tôi quyết định thay đổi đề tài, và hỏi Zeituni trước đây cô đã đến Garden Square bao giờ chưa.

“Tôi?” Zeituni nhướn đôi mày trước sự xác xược của tôi. “Nói cho anh nghe, Barry - nếu ở đâu có khiêu vũ, thì tôi ở đó. Những người ở đây sẽ nói cho anh biết rằng tôi là tay khiêu vũ vô địch. Cô nói sao, Auma?”

“Zeituni là nhất”.

Zeituni tự mãn nghiêng đầu. “Anh thấy không? Thật sự, cô anh biết nhảy! Và anh muốn biết ai luôn là bạn tuyệt nhất của tôi không? Cha anh! Ông ấy luôn thích khiêu vũ. Chúng tôi đã nhiều lần xảy chuyện cãi cọ nhau khi chúng tôi còn nhỏ. Quả thật, tôi phải kể anh nghe chuyện này về việc khiêu vũ của ông ấy. Đó là khi có lần ông ấy đến Alego thăm ông của anh. Ông ấy đã hứa chiều hôm ấy sẽ làm vài việc vặt cho ông cụ - tôi không nhớ đó là gì - nhưng thay vì làm việc này, ông ấy ra ngoài để gặp Kezia và khiêu vũ với cô ấy.



Anh nhớ Kezia chứ? Đó là trước khi họ lấy nhau. Tôi muốn đi với họ, nhưng Barack nói tôi còn nhỏ quá.

“Thế rồi, đêm đó họ về khuya, và Barack đã uống bia hơi nhiều. Ông ấy cố lên đưa Kezia vào lều của mình, nhưng ông cụ vẫn thức và nghe tiếng bước chân họ trên sân. Ngay khi đã già, ông anh vẫn còn rất thính tai. Thế là ngay lúc đó ông quát bảo Barack vào. Khi Barack vào, ông cụ không hề nói một lời. Ông chỉ nhìn Barack và thở phì phì như một con bò giận dữ. Hừm! Hừm! Và suốt thời gian này, tôi đang liếc nhìn qua cửa sổ nhà ông cụ, vì tôi chắc ông cụ sẽ đánh đòn Barack và tôi vẫn còn giận Barack, vì không dẫn tôi tới phòng nhảy”.

“Điều xảy ra sau đó, tôi không tin được. Thay vì xin lỗi đã về trễ, Barack tiến lại chiếc máy quay đĩa của ông cụ và mở một đĩa! Rồi ông quay ra và hét gọi Kezia, đang trốn bên ngoài. ‘Em ơi!’ Barack kêu. ‘Vào đây!’ Ngay lập tức Kezia bước vào nhà, quá hoảng sợ để từ chối, và Barack nắm tay cô ấy và bắt đầu khiêu vũ, tới lui khắp nhà ông cụ, như thể mình đang ở trong phòng khiêu vũ của một cung điện vậy”.

Zeituni lắc đầu và bật cười. “Ồ vâng... chưa có ai dám như thế với ông cụ, ngay cả Barack. Bấy giờ tôi chắc là Barack phải no đòn vì chuyện này. Trong một lúc lâu, ông anh không nói gì. Ông chỉ ngồi đó, nhìn con trai mình. Thế rồi, như một con voi, ông gầm lên thậm chí còn to hơn Barack. ‘Bà ơi! Ra đây!’ Và ngay lập tức mẹ tôi, người anh gọi là bà, lao vào từ lều của mình, nơi bà đang vá vúi quần áo. Bà hỏi cố sao mọi người lại la hét, và ông anh đứng dậy và đưa tay ra. Bà lắc đầu và trách ông sao lại lôi bà ra làm trò hề, nhưng ông cụ kiên quyết đến độ chẳng mấy chốc bốn người đã khiêu vũ trong lều, hai người đàn ông thì trông rất nghiêm nghị, hai người phụ nữ thì nhìn nhau như thể họ đoán chắc những người đàn ông của mình điên hết rồi”.

Tất cả chúng tôi phá lên cười, và Roy kêu một tuần rượu khác cho mọi người. Tôi bắt đầu hỏi thêm Zeituni về ông chúng tôi, nhưng ngay lúc đó ban nhạc đã chuẩn bị tư thế trên sân khấu. Thoạt đầu nhìn họ có vẻ lờ lờ, nhưng vào giây phút họ tấu lên nốt nhạc đầu tiên, không gian liền thay đổi. Ngay lập tức, mọi người tràn ra sàn nhảy, bước chân theo điệu vũ *soukous*. Zeituni nắm tay tôi, và Roy

nắm tay Auma, và Amy nắm tay Bernard, và chẳng mấy chốc tất cả chúng tôi đều nhảy đến vuốt mỗ hời, tay và hông và mông mọi người nhẹ nhàng lắc lư; những người Luos cao lớn, đen đũi và những người Kikuyu thấp, da nâu, người Kamba và Meru và Kalenjin, mọi người đều cười vui và hò hét và nhảy nhót. Roy đưa đôi tay qua đầu để làm một cú xoay chậm chạp, điệu nghệ quanh Auma, đang cười đùa trước sự ngỡ ngẩn của ông anh mình, và ngay lúc ấy tôi nhìn thấy trong gương mặt anh tôi cùng cái vẻ tôi đã thấy nhiều năm trước trong căn hộ của Toot và Gramps ở Hawaii, khi Ông Già lần đầu tiên dạy tôi học nhảy - một dáng vẻ tự do đến mù quáng.

Sau ba bốn bài, Roy và tôi rời bạn nhảy và mang bia ra ngoài sân sau thoáng đãng. Không khí mát lạnh cù vào mũi tôi, và tôi thấy hơi ngà ngà.

“Ở đây tuyệt quá”, tôi nói.

“Chú biết đấy. Như một bài thơ”. Roy cười, nốc bia.

“Không, thật ra, ý em. Thật tuyệt khi ở đây, với anh và Auma và mọi người. Cứ như thể chúng ta...”

Trước khi tôi kịp nói hết câu, chúng tôi nghe một cái chai vỡ trên sàn đằng sau chúng tôi. Tôi quay lại thì thấy hai người đàn ông từ mặt kia sân đang xô ngã một người nhỏ con hơn. Một tay người đang nằm trên đất này dường như đang bụm một vết cắt trên đầu mình; tay còn lại thì gắng gượng đỡ những cú dùi cui quật tới tấp. Tôi tiến một bước tới, nhưng Roy kéo tôi lại.

“Đừng lo chuyện thiên hạ, em trai”, anh thì thầm.

“Nhưng...”

“Họ có thể là cảnh sát. Tôi nói chú nghe, Barack, chú không biết ở một đêm trong khám Nairobi là thế nào đâu”.

Giờ đây, người nằm trên đất đã cuộn mình lại như quả banh tròn, gắng gượng trần mình trước những cú đánh tới tấp điên cuồng. Thế rồi, như một con thú sa bẫy đã thấy một lối thoát, người đàn ông bất ngờ vùng dậy và nhảy lên đồng bàn để được hàng rào gỗ ấy che chắn chút đỉnh. Hai người tấn công anh ta nhìn có vẻ sắp đuổi đánh

nhưng hình như họ thấy chẳng đáng. Một trong hai người nhìn tôi và Roy nhưng không nói gì, và cả hai ung dung trở lại bên trong. Tôi chợt tỉnh người.

“Kính khủng quá”, tôi nói.

“Chà... chú có biết gã kia đã làm gì trước đó đâu”.

Tôi xoa xoa gáy. “Anh phải ngồi khám là khi nào thế?”

Roy nhấp một tợp bia và thả người trên ghế sắt. “Đêm David chết”.

Tôi ngồi cạnh nghe anh kể chuyện. Họ đã ra ngoài uống rượu, anh kể, trong khi tìm đến một bữa tiệc. Họ đã đi chiếc mô tô của Roy đến một câu lạc bộ gần đó, ở đấy Roy gặp một phụ nữ. Anh bỗng thích cô ta và họ bắt đầu nói chuyện. Anh mời cô ta một chai bia, nhưng không lâu sau một người đàn ông tiến đến và đâm vào mặt Roy. Gã nói gã là chồng cô ta và nắm tay cô ta lôi đi. Người đàn bà vùng vẫy rồi ngã, và Roy bảo gã hãy để cô ta yên. Một trận ẩu đả diễn ra. Cảnh sát đến, và Roy không có giấy tờ tùy thân, thế là họ đưa anh về đồn. Anh bị ném vào một phòng giam và ở đó nhiều giờ, đến khi David cuối cùng xoay sở để vào thăm được anh.

*Hãy đưa em chìa khóa chiếc mô tô, David nói, em có thể lấy mấy cái giấy anh cần.*

*Không. Về nhà đi thôi.*

*Anh không thể ở đây cả đêm được. Đưa em chìa khóa.*

Roy ngừng kể. Chúng tôi ngồi nhìn đăm đăm vào bóng tối, trái nhẹ nhàng trên hàng rào mắt cáo.

“Đó là một tai nạn, Roy”, cuối cùng tôi nói. “Đó không phải lỗi của anh. Anh cần phải quên chuyện đó đi”.

Trước khi tôi kịp nói thêm, tôi nghe Amy gọi to đằng sau, giọng cô hơi lú lú vì tiếng nhạc.

“Này, hai anh! Chúng tôi tìm hai anh khắp nơi!”

Tôi vẫy cô, nhưng Roy đứng bật dậy khỏi ghế, làm nó đổ chổng.

“Nào, em”, anh nói, ôm eo Amy. “Nhảy thôi”.

## Chương mười tám

VÀO LÚC năm rưỡi chiều, chuyến xe lửa của chúng tôi gầm gào rời khỏi ga Nairobi cổ lỗ hướng về phía tây đến Kisumu. Jane quyết định ở lại, nhưng cả gia đình đều lên tàu - Kezia, Zeituni, và Auma trong một ngăn riêng; Roy, Bernard, và tôi ở ngăn kế. Trong khi mọi người bận rộn sắp xếp hành lý, tôi mở cửa sổ và nhìn ra những con đường uốn lượn sau lưng mình, một con đường tàu hỏa đã góp phần mở ra trang mới trong lịch sử thuộc địa Kenya.

Đường sắt là nỗ lực lớn nhất về mặt công trình trong lịch sử của đế quốc Anh vào thời nó được xây dựng - dài sáu trăm dặm, từ Mombasa ở Ấn Độ Dương đến những bờ biển phía đông của Hồ Victoria. Dự án mất năm năm để hoàn thành, cũng như là sinh mạng của hàng trăm công nhân nhập khẩu Ấn Độ. Khi nó hoàn tất, người Anh thấy chẳng có hành khách để thanh toán những chi phí cho sự tự phụ của họ. Và vì vậy dẫn đến một sự thu hút những người khai khẩn da trắng; sự hợp nhất những vùng đất có thể hữu dụng trong việc góp phần cám dỗ người mới đến; sự cạnh tranh những vụ mùa thu hoa lợi như cà phê và trà; sự cần thiết của một bộ máy hành chính vốn có thể mở rộng đến chỗ đường sắt, trong trái tim của một lục địa còn xa lạ. Và những hội truyền giáo và nhà thờ để chế ngự nỗi sợ hãi mà một vùng đất lạ lẫm tạo ra.

Đó dường như là một lịch sử cổ xưa. Thế nhưng tôi biết rằng năm 1895, năm mà thanh ray đầu tiên được hạ xuống, cũng là năm ông tôi chào đời. Đó là những vùng đất của cùng một người, Hussein Onyango, mà chúng tôi đang đi đây. Suy tưởng đã làm cho lịch sử đường sắt trở nên sống động trong tôi, và tôi đã cố hình dung cảm giác của một quan chức Anh vô danh nào đó trên chuyến du hành đầu tiên, khi anh ta ngồi trong gian được thắp sáng bằng khí đốt và nhìn hàng nhiều dặm ra ngoài những bụi cây đang lùi xa. Hẳn anh ta có được một cảm giác chiến thắng, một niềm tin rằng ánh sáng đưa đường của nền văn minh Phương Tây cuối cùng đã tỏa chiếu trên Phi Châu tăm tối? Tôi cũng hình dung một người Phi Châu bên kia ô kính cửa sổ, đang nhìn con rắn thép phả khói đen này lần đầu tiên bằng qua ngôi làng của mình. Hẳn anh ta đã nhìn đoàn tàu với sự đổ ỹ, hình dung một ngày nào đó mình cũng được ngồi vào toa mà ông người Anh kia đang ngồi, và gánh nặng của đời mình sẽ được nhẹ nhõm đôi chút? Hoặc liệu anh ta có rung mình với những ảo ảnh của tàn phá và chiến tranh?

Trí tưởng tượng đã rời tôi, và tôi trở về với phong cảnh hiện tại, không còn những bụi cây thay vào đó là những mái nhà của dãy ổ chuột Mathare trải dài theo những đồi thấp phía trước. Qua một trong những khu chợ lộ thiên của khu ổ chuột, tôi thấy một đám trẻ nít vẫy vẫy đoàn tàu. Tôi vẫy lại, và nghe giọng Kezia, bằng tiếng Luo, sau lưng. Bernard kéo mạnh áo tôi.

"Thím kêu anh thụt đầu vào trong. Những đứa nhỏ đó sẽ ném đá anh đó".

Một nhân viên trên tàu đến sắp xếp chỗ ngủ cho chúng tôi và nói rằng bữa ăn đã sẵn sàng, và tất cả chúng tôi đi đến toa ăn và tìm cho mình một bàn. Toa ăn là một bức tranh tao nhã đã nhặt mớ - gỗ lốt ván còn nguyên vẹn nhưng xỉn màu, đồ dùng bằng bạc nhưng hoàn toàn không hợp. Tuy vậy, thức ăn ngon và bia thì lạnh, và khi ăn xong tôi cảm thấy hài lòng.

"Bao lâu mới đến Home Square?" tôi hỏi, vết sạch chút nước xốt cuối cùng trong đĩa.

"Mất cả đêm để tới Kisumu", Auma nói. "Từ đó chúng ta sẽ đón xe buýt hoặc *matatu* từ đó - đi năm tiếng nữa, có lẽ vậy".

“Nhân thể”, Roy nói với tôi, đốt một điếu thuốc lá, “đó không phải Home Square. Mà là Home Squared”.

“Nghĩa là gì vậy?”

“Đó là cách bọn trẻ ở Nairobi thường nói”, Auma giải thích. “Anh có ngôi nhà ở Nairobi. Và anh cũng có nhà ở miền nông thôn, nơi dân tộc anh xuất thân. Quê nhà của tổ tiên anh. Ngay một ông bộ trưởng hoặc thương nhân bự nhất cũng nghĩ như thế. Ông ta có thể có một biệt thự ở Nairobi và chỉ dựng một cái lều nhỏ trên đất của mình ở nông thôn. Ông ta có thể đến đó chỉ hai lần một năm. Nhưng nếu anh hỏi ông ta đến từ đâu, ông ta sẽ nói với anh rằng túp lều đó là ngôi nhà đích thực của ông ta. Vì vậy, khi chúng tôi còn đi học và muốn nói với ai đó chúng tôi sắp đến Alego, đó còn gấp hai lần nhà nữa, anh hiểu chứ. Home Squared”.

Roy nhấp một ngụm bia. “Với chú, Barack, chúng tôi có thể gọi đó là Home Cubed (nhà gấp ba)”.

Auma mỉm cười và tựa người trên ghế, lắng nghe nhịp đoàn tàu lăn trên đường ray. “Con tàu này nhắc lại quá nhiều kỷ niệm. Anh nhớ không, Roy, chúng ta đã thường mong đợi được về nhà đến thế nào? Điều đó thật tuyệt, Barack! Hoàn toàn không như Nairobi. Và bà - bà thật vui tính! Ô, cậu sẽ thích bà lắm, Barack. Bà rất hài hước”.

“Bà buộc phải có tính hài hước thôi”, Roy nói, “sống với Ông Kinh Khủng lâu như thế”.

“Ai là Ông Kinh Khủng?”

Auma nói, “Đó là cách chúng tôi thường gọi ông chúng ta. Vì ông ấy tiểu tiết từng ly từng tí”.

Roy lắc đầu cười. “Ồi chao, ông ấy mới *vật mắc* làm sao! Ông bắt chú ngồi vào bàn ăn, và bày thức ăn bằng đồ sứ, như một người Anh. Nếu chú nói sai một điều gì, hoặc dùng muỗng nĩa không đúng cách - ôi! Ông sẽ cầm gậy quát chú. Đôi khi ông đánh chú, mà mãi đến ngày hôm sau chú cũng chẳng hiểu tại sao”.

Zeituni chen ngang, hờ hững. “Ồi, bọn trẻ con các cậu chỉ biết ông khi ông đã già yếu. Khi ông ấy trẻ hơn, khiếp! Tôi được ông ấy cưng

nhất, các cậu biết đấy. Cún cưng của ông ấy. Nhưng thế mà, nếu tôi làm gì sai, tôi phải trốn ông cả ngày, tôi sợ lắm. Các cậu biết đấy, ông nghiêm khắc thậm chí với cả khách khứa. Nếu họ đến nhà ông, ông sẽ giết cả bầy gà để tỏ ra tôn trọng họ. Nhưng nếu họ phá vỡ phong tục, như rửa tay trước mặt ai đó lớn hơn, ông sẽ đập họ mà chẳng hề do dự, ngay cả với người lớn”.

“Nghe có vẻ như ông không thật sự được lòng mọi người lắm”, tôi nói.

Zeituni lắc đầu. “Thật ra, ông rất được kính trọng vì ông là một nông dân rất giỏi. Đất đai của ông ở Alego là một trong những nơi rộng nhất vùng. Ông có tay trồng trọt, ông có thể khiến cho bất kỳ thứ gì cũng mọc lên được. Ông đã nghiên cứu những kỹ thuật này từ Anh, anh biết chứ. Khi ông làm đầu bếp ở đó”.

“Con không biết ông ấy từng là một đầu bếp”.

“Ông có đất, nhưng trong thời gian dài ông làm đầu bếp cho những ông lớn ở Nairobi. Ông làm việc cho một số nhân vật rất quan trọng. Trong suốt chiến tranh thế giới ông đã phục vụ một đại úy trong quân đội Anh”.

Roy kêu một tuần bìa khác. “Có lẽ điều đó đã biến ông trở nên quá keo cú”.

“Ta không biết”, Zeituni nói. “Ta nghĩ cha ta luôn là vậy. Rất nghiêm khắc. Nhưng công bằng. Ta kể các cậu nghe một chuyện ta còn nhớ, từ khi ta chỉ là một cô bé. Ngày nọ một người đàn ông đến bên cạnh khu đất của chúng ta trên tay dắt theo một con dê. Anh ta muốn vượt qua khu đất, vì anh ta sống ở mặt bên kia, và không muốn đi vòng. Thế là ông anh nói với người kia như vậy, ‘Nếu anh một mình, anh mặc sức mà băng qua đất của tôi. Nhưng hôm nay anh không băng qua được, vì con dê của anh sẽ ăn cây của tôi.’ Vâng, anh này không nghe. Anh ta cãi cọ rất lâu với ông, nói rằng anh ta sẽ cắn thận trông chừng con dê. Anh này cứ nói mãi không thôi và ông anh cuối cùng đã gọi ta đến nói, ‘Đi lấy cho tao cái Alego.’ Đó là cách ông gọi *con dao to* của mình, cậu hiểu...”

“Dao rựa”.

“Vâng, dao rựa. Ông có hai con dao mà ông giữ rất kỹ, rất sắc. Ông mài chúng trên đá cả ngày. Một cái ông gọi là Alego. Cái kia gọi là Kogelo. Thế là tôi chạy vào lều và mang cho ông cái ông gọi là Alego. Và bây giờ ông anh nói với gã kia, ‘Xem này. Tôi đã nói là anh không nên qua, nhưng anh quá cứng đầu. Vì vậy tôi có một thỏa thuận với anh. Anh có thể dắt con dê qua. Nhưng nếu chỉ cần một cái lá bị tổn hại - chỉ cần *một nửa* lá cây bị hại - lúc đó tôi sẽ chặt con dê của anh.’

“Vâng, ngay khi bấy giờ ta còn rất nhỏ, ta đã biết người đàn ông này hẳn phải ngu ngốc lắm, vì anh ta đã nhận lời. Chúng tôi bắt đầu đi bộ, anh kia và con dê của anh ta đi trước, tôi và ông cụ theo sát anh ta. Chúng tôi đi được chừng hai mươi bước thì con dê giật cổ và bắt đầu gặm một cái lá. Roét! Cha ta chặt đứt lia đầu con dê. Chú con dê sững sốt, và bắt đầu khóc rống lên. ‘Aaa! Aaa! Ông làm gì thế này, lão già Hussein Onyango.’ Và ông anh vừa lau con dao rựa vừa nói, ‘Nếu ta đã nói sẽ làm gì, ta nhất định phải làm. Bằng không người ta còn coi lời ta ra thế nào?’ Về sau, anh ta kiện ông anh trước hội đồng trưởng lão. Các trưởng lão thấy thương người đàn ông, trước cái chết của một con dê vì một chuyện chẳng ra gì. Nhưng khi họ nghe chuyện của ông, họ đã thả ông đi. Họ biết rằng ông anh đúng, vì người kia đã được cảnh báo”.

Auma lắc đầu. “Cậu tưởng tượng được không, Barack?” chị nói, nhìn tôi. “Tôi thề, đôi lúc tôi nghĩ rằng mọi rắc rối trong gia đình này đều bắt đầu từ ông ấy. Duy nhất ý kiến của ông làm Ông Già thật sự bận tâm. Người duy nhất ông già sợ”.

Đến lúc này, toa ăn đã trống và người bồi bước tới bước lui một cách sốt ruột, vì vậy tất cả chúng tôi quyết định đi ngủ. Giường ngủ thì hẹp, nhưng khăn trải thì mát mẻ và mền mọc, và tôi nằm thao thức nghe nhịp rung đều đều của đoàn tàu và tiếng thở của các anh em, và nghĩ đến những câu chuyện về ông chúng tôi. Tất cả từ ông mà ra, Auma đã nói. Điều đó phần nào nghe có vẻ đúng. Nếu tôi có thể chấp lại toàn bộ câu chuyện về ông, tôi nghĩ, thì những sự việc khác có thể sẽ đầu vào đó ngay.

Cuối cùng tôi chìm vào giấc ngủ, và mơ thấy tôi đang dạo bước đơn độc trên một con đường làng. Bọn trẻ con, chẳng mặc gì ngoài



những chuỗi hạt, chơi đùa trước những túp lều tròn, và nhiều cụ già vẫy tay khi tôi bước ngang qua. Nhưng khi tôi đi tiếp, tôi bắt đầu nhận thấy mọi người đang sợ sệt nhìn mình, nháy vội vào lều khi tôi đi qua. Tôi nghe tiếng gầm gừ của một con báo và bắt đầu chạy vào rừng, thoăn thoắt qua những rễ và gốc cây và dây leo, đến khi tôi không thể nào chạy nữa và đổ phịch trên hai đầu gối giữa một quang cảnh sáng sủa. Thở hào hển, tôi nhìn quanh thì thấy ngày đã trở thành đêm, và một nhân vật cao lớn lù lù như cái cây, ở trần tới thắt lưng và mang mặt nạ ma quái. Đôi mắt vô hồn xoáy vào tôi, và tôi nghe một giọng nói như sấm rền bảo rằng đã đến lúc rồi, và toàn thân tôi bỗng rung lên dữ dội khi nghe tiếng ấy, như thể tôi đang bị xé thành từng mảnh...”

Tôi giật mình thức dậy ướt đẫm mồ hôi, đầu tôi cụng vào cái đèn treo tường nhô ra khỏi giường. Trong bóng tối, tim tôi vẫn đập chậm rãi, nhưng tôi không thể đi ngủ trở lại.

Chúng tôi đến Kisumu khi ngày đã ló dạng và đi bộ nửa dặm đến trạm xe buýt. Những xe buýt và xe buýt mi ni *matatu* đang chen lấn và bóp còi inh ỏi để giành chỗ trong một khoảnh đất lộ thiên đầy bụi, lá chắn của chúng sơn những cái tên như “Love Bandit” và “Bush Baby”. Chúng tôi thấy một chiếc xe trông tồi tàn với những cái lốp nứt nẻ, sơn gai đang tróc trên đường chúng tôi. Auma bước lên trước hết, đoạn nhảy xuống, trông rầu rĩ.

“Không có ghế”, chị nói.

“Đừng lo”, Roy nói khi hành lý của chúng tôi được kéo lên nóc xe bởi một loạt bàn tay. “Đây là châu Phi, Auma... không phải châu Âu”. Anh quay qua mỉm cười với người thanh niên đang thu tiền xe. “Cậu có thể kiếm cho chúng tôi vài ghế ngồi chứ, người anh em?”

Anh ta gật đầu. “Không vấn đề gì. Đây là xe buýt hạng nhất đó”.

Một giờ sau Auma ngồi lên người tôi, cùng với một giỏ khoai mỡ và một bé gái nào khác nữa.

“Tôi tự hỏi xe hạng ba thì thế nào đây”, tôi nói, lau sạch một bợn nước dãi trên tay.

Auma đẩy khuỷu tay của một người lạ khỏi mặt mình. “Cậu sẽ không thể đùa nổi sau khi chúng ta giậm ở gà đầu tiên”.

May thay, con đường được lát phẳng phiu, phong cảnh chủ yếu là những bụi cây khô và đồi thấp, ngôi nhà bằng gạch thô thỉnh thoảng mới thấy đã sớm bị thay thế bởi những túp lều tranh, mái hình nón. Chúng tôi xuống xe ở Ndori và dành hai tiếng tiếp theo để nháp sơ đa ẩm và nhìn những con chó lạc cắn nhau trong bụi mù, đến khi chiếc *matatu* xuất hiện chở chúng tôi trên con đường đất đi về phía bắc. Khi chúng tôi leo lên con dốc đá có vài đứa trẻ đi chân không vẫy chúng tôi nhưng không cười, và một bầy dê chạy trước mặt chúng tôi, đến uống nước tại một con suối cạn. Đoạn con đường mở rộng ra và cuối cùng kết thúc tại một khoảnh rừng thưa. Hai người đàn ông trẻ đang ngồi ở đó, dưới một tàn cây, và gương mặt họ bừng nở nụ cười khi họ gặp chúng tôi. Roy nhảy khỏi xe quàng tay ôm hai người họ.

“Barack”, Roy cười phấn khởi, “đây hai chú của chúng ta. Đây là chú Yusuf”, anh nói, chỉ người đàn ông mảnh khảnh với bộ ria. “Và đây”, anh nói, chỉ vào người to con hơn, râu cạo nhẵn, “đây là em út của cha, chú Sayid”.

“A, chúng ta đã nghe nhiều điều tuyệt vời về anh này rồi”, Sayid nói, mỉm cười với tôi. “Chào mừng, Barry. Chào mừng. Lại đây, để ta xách hành lý cho”.

Chúng tôi đi theo chú Yusuf và Sayid xuống một đường nhỏ chạy vuông góc với con đường chính, đến khi chúng tôi gặp một hàng rào những bờ giậu cao và tiến vào một khu đất rộng lớn. Giữa khu đất là một ngôi nhà thấp, hình chữ nhật với mái tôn và tường bê tông vốn đã sụp đổ ở một mặt, để lộ ra móng nhà bừa bộn đất nâu. Cây hoa giấy, với những bông hoa màu đỏ, hồng và vàng, trải dọc một bên theo hướng một hồ chứa nước lớn bằng bê tông, và bên kia khu đất dày đặc là một túp lều tròn nhỏ xếp hàng hàng những nỗi đất nơi mấy con gà mổ mổ theo một nhịp luân phiên đều đều. Tôi có thể thấy hai căn lều nữa trong sân cỏ rộng chạy dài ra sau ngôi nhà. Dưới một cây xoài cao, một cặp bò đỏ xương xẩu ngược nhìn chúng tôi rồi cúi xuống gặm cỏ tiếp.

Home Squared.

"Ê, Obama!" Một phụ nữ to lớn quấn khăn xuất sải bước từ ngôi nhà chính đang lau khô đôi tay vào hai bên chiếc váy hoa của mình. Bà có gương mặt giống chú Sayid, dáng người uyển chuyển và to xương, với đôi mắt lấp lánh ánh cười. Bà ôm chặt Auma và Roy cứ như sắp vật họ lăn quay xuống đất vậy, đoạn quay sang tôi và bắt tay một cách thân mật.

"Halo!" bà nói, cố dùng tiếng Anh.

"*Musawa!*" tôi nói bằng tiếng Luo.

Bà cười, nói gì đó với Auma.

"Bà nói bà đã mơ tới ngày này, khi mà cuối cùng bà cũng được gặp con trai của con trai bà. Bà nói cậu đã mang tới cho bà một hạnh phúc to lớn. Bà nói rằng giờ thì cuối cùng cậu đã trở về nhà".

Bà cúi đầu và ôm tôi vào lòng trước khi đưa chúng tôi vào nhà. Những ô cửa sổ nhỏ để lọt chút ánh sáng chiều, và ngôi nhà được bày biện thưa thớt đồ đạc - vài cái ghế gỗ, một bàn cà phê, một cái tràng kỷ đã mòn. Trên tường là những đồ tạo tác khác nhau của gia đình: văn bằng trường Harvard của Ông Già; những tấm hình của ông và của Omar, ông bác đã bỏ nhà đi đến Mỹ hai mươi lăm năm trước và không bao giờ trở lại. Cạnh chúng là hai tấm hình cũ kỹ, vàng vọt hơn, tấm đầu tiên chụp một phụ nữ cao lớn với đôi mắt tóe lửa, một đứa bé bụ bẫm trong lòng, một bé gái đứng cạnh cô ta; tấm thứ hai của một người đàn ông lớn tuổi hơn trong cái ghế dựa cao. Người đàn ông mặc một cái áo sơ mi kiểu cách và một bộ lễ phục sặc sỡ; chân ông vắt chéo như một người Anh, nhưng trong vòng tay khoanh lại của ông hình như lộ ra một cây dùi cui, một đầu nặng nề của nó bọc trong một mảnh da thú. Đôi lưỡng quyền nhô cao và cặp mắt lơo khiến gương mặt ông mang một nét hầu như của phương Đông. Auma bước tới sát tôi.

"Ông ấy đấy. Ông chúng ta. Người trong tấm hình là bà khác của chúng ta, Akumu. Bé gái là Sarah. Và đứa nhỏ... đó là Ông Già".

Tôi ngắm nghía những tấm hình một lúc, đến khi tôi nhận thấy tấm cuối cùng trên tường. Đó là một bức ảnh cũ, một mẫu quảng cáo Coca-Cola cũ thanh lịch, của một phụ nữ da trắng với mái tóc đen dày và

đôi mắt hơi mơ màng. Tôi hỏi ở đó đang treo hình gì vậy, và Auma quay qua bà, đang trả lời bằng tiếng Luo.

“Bà nói rằng đó là hình của một trong những người vợ của ông. Ông kể với mọi người rằng ông đã cưới bà ấy ở Burma khi bà kẹt trong một cuộc chiến tranh”.

Roy cười. “Bà ấy không giống một người Myanmar, phải không Barack?”

Tôi lắc đầu. Bà ấy giống mẹ tôi.

Chúng tôi ngồi xuống trong phòng khách và bà pha trà cho chúng tôi. Bà giải thích rằng mọi chuyện vẫn tốt, mặc dù bà đã cho đi một số đất đai cho bà con họ hàng, vì bà và chú Yusuf không thể tự mình canh tác tất cả. Bà bù đắp khoản thu nhập mất mát bằng cách bán cơm trưa cho bọn trẻ ở trường học gần bên và đưa hàng từ Kisumu đến chợ địa phương bất cứ khi nào bà có dư chút tiền mặt. Vấn đề thực sự duy nhất của bà là với mái nhà - bà chỉ mấy tia nắng chiếu từ trần xuống nền nhà - và rằng bà đã không nghe tin tức gì từ con trai Omar cả năm nay. Bà hỏi tôi có gặp chú ấy không, và tôi trả lời không. Bà lẩm bẩm gì đó bằng tiếng Luo, đoạn bắt đầu dọn tách.

“Bà nói nếu cậu thấy chú ấy, cậu hãy nói với chú là bà không cần gì cả”, Auma thì thầm. “Chỉ mong chú ấy về thăm mẹ”.

Tôi nhìn bà, và lần đầu tiên từ khi chúng tôi đến, dấu hiệu tuổi tác hiện rõ trên gương mặt bà.

Sau khi chúng tôi mở các giỏ đồ, Roy ra hiệu tôi bước theo anh ra sân sau. Trên một bờ ruộng ngô lảng giềng, dưới gốc cây xoài, tôi thấy hai hình chữ nhật xây bằng xi măng nhô ra khỏi mặt đất như một cặp quan tài bị khai quật. Trên một phần mộ có tấm bài vị ghi: HUSSEIN ONYANGO OBAMA, sinh 1895, mất 1979. Phần mộ kia được bao bọc bằng đá lát phòng tấm màu vàng, với một chỗ trống trên bia nơi bài vị được đặt vào đó. Roy cúi xuống và phủi sạch một vệt kiến bò dài dọc theo ngôi mộ.

“Sáu năm”, Roy nói. “Sáu năm, và vẫn chẳng có gì để nói về người được chôn ở đây. Tôi nói chú biết, Barack - khi tôi chết, chú phải

chắc chắn rằng tên tôi phải ghi trên bia mộ". Anh chậm chậm lắc đầu trước khi quay vào nhà.

Làm sao để diễn tả những cảm xúc của ngày hôm đó? Tôi có thể gợi lại như in trong trí mỗi một khoảnh khắc. Tôi nhớ Auma và tôi đã đi cùng bà đến chợ chiều, khoảng đất trống nơi chiếc *matatu* đầu tiên thả chúng tôi xuống, bây giờ có đầy những phụ nữ đang ngồi trên những chiếc chiếu rơm, những đôi chân rám nắng mịn màng của họ duỗi thẳng trước mặt từ những chiếc váy xòe rộng; tiếng họ cười đùa khi họ nhìn tôi giúp bà vật cái xoắn collard mà bà mang từ Kisumu, và vị ngọt đậm đà của một cây mía mà một phụ nữ đặt vào tay tôi. Tôi nhớ tiếng sột soạt của những lá ngô, sự tập trung trên những gương mặt của các chú tôi, mùi mồ hôi nhễ nhại trên người khi chúng tôi vá lại một cái lỗ hàng rào vây mặt phía tây của khu đất. Tôi nhớ làm sao, vào buổi chiều, một cậu bé tên Godfrey xuất hiện trong khu đất, cậu bé mà Auma giải thích là ở với bà vì gia đình cậu sống trong một ngôi làng không có trường học; tôi nhớ những bước chân điên cuồng của cậu khi cậu đuổi theo một con gà trống đen lớn qua những cây chuối và cây đu đủ, cục u trên vầng trán trẻ con của cậu khi con vật đập cánh đen đét để thoát thân khỏi tay cậu, ánh mắt cậu nhìn khi cuối cùng bà đã chộp được con gà từ phía sau bằng một tay và lạnh lùng cắt cổ con vật - một ánh nhìn mà tôi nhớ như của chính tôi vậy.

Đó không đơn thuần là một niềm vui mà tôi cảm thấy trong mỗi giây phút đó. Đúng hơn, đó là một cảm giác rằng mọi thứ đang làm, mọi cái với tay và nhịp thở và lời nói, đều mang trọn vẹn ý nghĩa cuộc đời tôi; rằng một vòng tròn đang bắt đầu khép lại, để cuối cùng tôi có thể nhận ra chính tôi đang ở đây, trên một nơi chốn. Cũng chỉ trong chiều ấy tôi đã cảm nhận một tâm trạng gầy đổ bẽ bàng, khi, trên đường về từ chợ, Auma băng lên trước để lấy chiếc camera của mình, bỏ lại bà và tôi một mình giữa đường. Sau một hồi im lặng dài, bà nhìn tôi và mỉm cười "Halo!" bà nói. "*Musawa!*" Tôi nói. Vốn từ vựng giữa chúng tôi cạn kiệt, chúng tôi rầu rĩ nhìn xuống mặt đường bụi đến khi Auma quay lại. Và bây giờ bà quay sang Auma nói, bằng

một giọng tôi có thể hiểu, rằng bà đau đớn khi không nói chuyện được với con trai của con trai bà.

“Nói với bà rằng em rất thích học tiếng Luo, nhưng thật khó mà kiếm đâu ra thời gian ở Mỹ”, tôi nói. “Nói với bà rằng em rất bận”.

“Bà hiểu điều đó”, Auma đáp. “Nhưng bà cũng nói rằng một người không bao giờ là quá bận để biết về người thân của mình”.

Tôi nhìn bà, và bà gật đầu với tôi, và bấy giờ tôi biết rằng có những thời điểm niềm vui mà tôi cảm nhận đã trôi qua và rằng đó cũng là một phần của vòng tròn: sự kiện rằng cuộc đời tôi không ngăn nắp cũng như tĩnh tại, và rằng ngay cả sau chuyến đi này những sự lựa chọn khó khăn vẫn cứ luôn tồn tại.

Màn đêm buông nhanh, gió thổi rào rạt trong bóng tối. Bernard, Roy, và tôi đến bể nước dội tắm ngoài trời, những thân thể đầy xà phòng của chúng tôi ánh lên dưới ánh sáng trắng gần tròn. Khi chúng tôi trở vào nhà, thức ăn đã dọn sẵn chờ, và chúng tôi ăn một mạch, không nói lời nào. Sau bữa ăn, Roy đi, khẽ nói rằng anh có mấy người muốn đi thăm. Chú Yusuf đi vào lều của mình và mang ra một chiếc đài bán dẫn cũ mà chú nói là từng thuộc về ông chúng tôi. Vặn vẹo cái nút, chú bắt được một bản tin BBC kêu sột sạo, khó nghe và lộn xộn, tiếng nghe như những mảnh vụn đầy ảo giác từ một thế giới khác. Một lúc sau chúng tôi nghe một tiếng rền rĩ kỳ lạ, khẽ khàng từ xa.

“Chắc có bọn ma đêm ở ngoài đó”, Auma nói.

Bọn chạy đêm là gì vậy?”

“Họ như những thầy phù thủy ấy”, Auma đáp. “Những kẻ ma quái. Khi chúng tôi còn nhỏ, những người ở đây” - chị chỉ bà và Zeituni - đã đem những câu chuyện đó ra để dọa cho chúng tôi ngoan. Họ kể rằng vào ban ngày những con ma đêm ấy cũng như người bình thường. Anh có thể tình cờ thấy họ trong chợ, hoặc thậm chí mời họ đến nhà dùng bữa, và không bao giờ biết bản chất của họ. Nhưng vào ban đêm họ lột những con báo và nói chuyện với thú vật. Những con ma đêm hùng mạnh nhất còn có thể rời bỏ thân xác và bay được đến những nơi xa. Hoặc bỏ bùa mê anh chỉ bằng một cái

liếc nhìn. Anh cứ đi hỏi hàng xóm, họ sẽ nói anh nghe rằng vẫn còn có rất nhiều ma đêm ở quanh đây”.

“Auma! Chị làm ra vẻ như điều đó không thực vậy!”

Trong ánh sáng lập lờ của đèn dầu, tôi không biết có phải Zeituni đang đùa không. “Để ta kể anh nghe, Barry”, cô nói, “Khi ta còn nhỏ những con ma đêm gây cho người ta rất nhiều rắc rối. Chúng ăn trộm dê của chúng ta. Lắm lúc chúng thậm chí bắt cả trâu bò nữa. Chỉ có ông anh là không sợ bọn chúng. Ta nhớ có lần ông nghe tiếng dê mình kêu be be trong bãi vậy, khi ông đi ra xem, ông thấy cái gì như một con báo khổng lồ đang đứng trên hai chân sau, như một con người. Nó ngoạm một con dê non trong hàm, và khi nó thấy ông anh, nó thét lên bằng tiếng Luo trước khi băng mình chạy vào rừng. Ông anh đuổi theo nó vào tận vùng đồi, nhưng ngay khi ông định chém nó bằng con dao rựa lớn của mình, con ma đêm nhảy vọt lên đám cây. May mắn thay, nó nhả con dê lại khi nhảy lên, và con dê chỉ bị thương ở một chân. Ông anh mang con dê về khu đất và dạy ta cách buộc nẹp. Ta tự mình chăm sóc con dê đó đến khi nó khỏe lại”.

Chúng tôi yên lặng trở lại; ngọn đèn bắt đầu lu mờ và mọi người kéo đi ngủ. Bà mang ra chăn mền và một chiếc giường cũ đòi cho Bernard và tôi, và chúng tôi xoay sở trên chiếc giường hẹp trước khi thổi tắt đèn. Người tôi đau dần vì kiệt sức; trong buồng ngủ của bà, tôi có thể nghe tiếng bà và Auma thăm thì nói chuyện. Tôi tự hỏi Roy đã đi đâu, và nghĩ về đám ngói vàng vọt trên mộ của Ông Già.

“Barry”, Bernard thì thầm. “Anh còn thức không?”

“Vâng”.

“Anh có tin điều Zeituni nói với anh? Về những con ma đêm ấy?”

“Tôi không biết nữa”.

“Còn tôi, tôi không nghĩ có cái gì như một con ma đêm đâu. Chúng có lẽ chỉ là những tên trộm đã lợi dụng chuyện này để khiến người ta sợ”.

“Có thể cậu đúng”.

Im lặng một lúc lâu.

“Barry?”

“Cái gì?”

“Điều gì đã đưa anh về nhà?”

“Tôi không chắc nữa, Bernard. Một cái gì đó nói với tôi đã đến lúc rồi”.

Bernard trở mình mà không đáp. Một lúc sau, tôi nghe tiếng ngáy nhẹ nhàng bên cạnh, và tôi mở mắt nhìn vào bóng tối, chờ Roy trở về.

Vào buổi sáng, chú Sayid và Yusuf đề nghị Auma và tôi nên đi thăm thú đất đai. Khi chúng tôi bước theo họ qua sân sau và xuống một con đường mòn bụi bặm, qua những cánh đồng ngô và kê, Yusuf quay sang tôi và nói, “Nó hẳn có vẻ rất thô sơ đối với cháu, so với những trang trại ở Mỹ”.

Tôi trả lời với chú rằng tôi không biết nhiều về nông trại nhưng, nếu tôi có thể nói, vùng đất này có vẻ khá màu mỡ.

“Đúng đúng”, Yusuf nói, gật đầu. “Đất thì tốt. Vấn đề là người ở đây không có học. Họ không hiểu nhiều về sự phát triển. Những kỹ thuật nông nghiệp đúng cách và nhiều thứ. Tôi cố giải thích cho họ về việc cải thiện vốn và thủy lợi, nhưng họ không chịu nghe. Người Luo rất bướng bỉnh về khía cạnh này”.

Tôi để ý thấy Sayid đang nghiêm trang lườm anh mình, nhưng không nói gì. Sau ít phút chúng tôi đến một con suối nhỏ, màu nâu. Sayid thân mật gọi to, và hai phụ nữ trẻ xuất hiện trên bờ bên kia, quần những bộ xà-rông sặc sỡ, và tóc họ vẫn còn ánh lên sau buổi tắm sớm. Họ cười bên lên và bước lui vào một đám cây cối, và Sayid chỉ những hàng rào chạy dọc con suối.

“Đến đây là hết đất”, chú nói. “Trước kia, khi cha ta còn sống, những cánh đồng còn lớn hơn thế này nhiều. Nhưng như mẹ đã nói, phần lớn đất đai giờ đã được cho đi”.

Yusuf quyết định quay trở về từ chỗ này, nhưng Sayid dẫn Auma và tôi đi dọc con suối một lúc, sau đó băng qua nhiều cánh đồng



nữa, vượt qua những khu đất vầy thỉnh thoảng gặp. Trước vài ngôi lều, chúng tôi thấy những phụ nữ đang phân loại hạt kê trên những mảnh vải vuông, và chúng tôi dừng lại nói chuyện với một người trong họ, một phụ nữ trung niên mặc áo đỏ nhạt và mang đôi giày đế mềm, không dây màu đỏ. Chị bỏ dở việc để bắt tay chúng tôi và nói rằng chị còn nhớ cha chúng tôi - hồi còn nhỏ họ đã chăn dê cùng nhau, chị nói. Khi Auma hỏi cuộc sống của chị thế nào, chị chăm chăm lắc đầu.

"Mọi thứ đã thay đổi", chị nói giọng chán nản. "Những đàn ông trẻ đã rời quê để vào thành phố. Chỉ còn lại người già, đàn bà, và trẻ con. Tất cả sự sung túc đã rời bỏ chúng tôi". Khi chị nói, một cụ già với chiếc xe đạp ọp ẹp trở tới cạnh chúng tôi, kể đến là một người đàn ông khẳng khiu hơi thở nồng nặc mùi rượu. Họ lặp lại điều mà người phụ nữ kia vừa nói về đời sống khắc nghiệt ở Alego, về những người con đã bỏ họ lại như thế nào. Họ hỏi chúng tôi có thể cho họ chút gì để giúp họ khắc phục các khó khăn đó, và Auma bỏ mấy đồng vào tay họ trước khi chúng tôi cáo lỗi và quay trở về nhà.

"Chuyện gì đã xảy ra ở đây, Sayid?" Auma nói sau khi chúng tôi ra khỏi tầm nghe của họ. "Ở đó trước kia chẳng có chuyện xin xỏ như thế".

Sayid cúi xuống và dọn sạch mấy cành cây rơi giữa luống bắp. "Đúng vậy", chú ấy đáp. "Ta tin họ đã học điều này từ những người ở thành phố. Những người trở về từ Nairobi hoặc Kisumu và nói với họ, 'Các anh nghèo quá.' Thế là bấy giờ chúng ta có ý niệm về cái nghèo này. Trước đó chúng ta không hề có khái niệm đó. Hãy nhìn mẹ ta xem. Bà không bao giờ xin xỏ điều gì. Những gì bà có luôn là do bà làm ra. Tiền bạc thì chẳng nhiều nhận gì, nhưng đó là điều đáng nói, các cậu hiểu chứ. Điều đó làm cho bà kiêu hãnh. Bất kỳ ai cũng có thể làm tương tự, nhưng nhiều người ở đây, họ thích bỏ cuộc hơn".

"Còn Yusuf thì sao?" Auma hỏi. "Chú ấy không thể làm gì hơn?"

Sayid lắc đầu. "Anh tôi, anh ấy nói chuyện như một quyển sách, nhưng ta e rằng anh ấy không thích được dẫn dắt bởi những tấm gương".

Auma quay qua tôi. “Cậu biết không, Yusuf thật sự đã làm việc rất khá trong một thời gian. Chú ấy công tác tốt ở trường, phải không, Sayid? Chú ấy nhận được vài đề nghị công việc hấp dẫn. Thế rồi, tôi không biết điều gì đã xảy ra. Đơn giản là chú ấy buông xuôi. Bây giờ chú ấy chỉ ở với bà, làm những việc vặt trong nhà cho bà. Cứ như thể chú ấy sợ phải thử để thành công vậy”.

Sayid gật gù. “Ta nghĩ giáo dục chẳng tốt gì cho chúng ta trừ phi nó được trộn lẫn với mồ hôi”.

Tôi nghĩ về điều Sayid nói khi chúng tôi tiếp tục bước đi. Có lẽ chú đúng; có lẽ ý niệm về sự nghèo nàn đã xâm nhập vào nơi này, một tiêu chuẩn mới về nhu cầu và mong muốn đã tiềm ẩn như bệnh sốt, bởi tôi, bởi Auma, bởi cái đói cổ lỗ sĩ của Yusuf. Nói sự nghèo nàn chỉ là một ý niệm không phải nói rằng nó không là sự thực; những người chúng tôi vừa gặp không thể lờ đi sự thật rằng một vài người có phòng vệ sinh trong nhà hoặc ăn thịt mỗi ngày, chẳng khác nào bọn trẻ ở Altgeld không thể không để ý đến những chiếc xe hộp chạy nhanh và những ngôi nhà bóng lộn lướt qua tivi nhà chúng.

Nhưng có lẽ họ có thể dè bẹp cái ý niệm về sự bất hạnh của mình. Sayid giờ đây nói với chúng tôi về cuộc đời mình: sự thất vọng của chú vì không bao giờ được vào đại học, cũng như những người anh của chú, vì thiếu vốn; công việc của chú trong Đoàn thanh niên quốc gia, có trách nhiệm phát triển những dự án quanh miền thôn quê, một phần việc ba năm mà giờ đang đến lúc kết thúc. Chú đã bỏ ra hai ngày nghỉ cuối cùng của mình để gõ cửa những doanh nghiệp khác nhau ở Nairobi, mà chẳng chút thành công. Thế mà, chú vẫn tỏ ra ngoan cường trước hoàn cảnh, tin chắc rằng sự kiên trì cuối cùng rồi sẽ được đền đáp.

“Để tìm được việc trong thời buổi này, dù là một chân thư ký, anh cần phải quen biết ai đó”, Sayid nói khi chúng tôi đến gần khu đất của bà. “Hoặc anh phải dứt lốt rất đậm cho kẻ nào đó. Đó là lý do tôi muốn bắt đầu một công việc kinh doanh của chính tôi. Một cái gì đó nhỏ thôi. Nhưng của tôi. Đó là sai lầm của cha anh, tôi nghĩ vậy. Với tất cả sự tài giỏi của mình, anh ấy không bao giờ có được cái gì

cho bản thân". Chú ngẫm nghĩ giây lát. "Dĩ nhiên, lãng phí thời gian để ưu tư về những lỗi lầm của quá khứ thì chẳng nghĩa lý gì, tôi nói đúng không? Cũng như vụ tranh cãi về quyền thừa kế của cha anh. Ngay từ đầu, tôi đã nói với các chị hãy quên chuyện này đi. Chúng ta phải tiếp tục sống cuộc sống của mình. Tuy vậy, họ không nghe tôi. Và trong khi đó, tiền bạc mà họ tranh giành ấy đi đâu? Vào túi những gã luật sư. Những gã ấy ăn rất đậm trong vụ này, tôi biết. Tục ngữ có câu gì nhỉ? Khi hai châu chấu đá nhau, chỉ có con quạ luôn no bụng".

"Đó là một cách diễn đạt của người Luo?" tôi hỏi. Chú Sayid bẽn lẽn cười.

"Mọi người có chung một cách diễn đạt ở Luo", chú ấy nói, "nhưng thật sự tôi phải thừa nhận tôi đã đọc thấy lối diễn đạt này trong một quyển sách của Chinua Achebe. Một nhà văn người Nigeria. Tôi rất thích sách của ông này. Ông nói rất thật về tình cảnh khó khăn của Châu Phi. Người Nigeria, người Kenya - như nhau thôi. Chúng tôi có nhiều điểm chung hơn là điểm phân biệt.

Bà và Roy đang ngồi ngoài nhà và nói chuyện với một người đàn ông mặc trang phục rất nghiêm chỉnh khi chúng tôi trở lại. Người này hóa ra là hiệu trưởng của một trường gần đó, và ông đã dừng đây để chia sẻ tin tức từ thành phố và thưởng thức món gà hầm còn lại từ đêm trước. Tôi để ý thấy giỏ của Roy đầy cứng, và hỏi anh sắp đi đâu.

"Tối Vĩnh Kendu", anh nói. "Vị hiệu trưởng đây sắp đi đến đó, vậy là tôi, Bernard, và mẹ tôi, sẽ đi cùng ông để đưa Abo về đây. Chú cũng nên đi, để tỏ ra quan tâm đến gia đình ở đó".

Auma quyết định ở lại với bà, nhưng Sayid và tôi đi gom một mớ đồ và nhét vào chiếc ô tô cộc cạch cổ lỗ sĩ của ông hiệu trưởng. Chuyến đi tới Kendu hóa ra chỉ mất một vài giờ dọc theo đường quốc lộ; về phía tây, Hồ Victoria hiện ra dần dần, dòng nước bạc tĩnh lặng của nó đổ thót vào một đầm lầy xanh um cạn cợt. Đến cuối buổi chiều chúng tôi lăn bánh trên đường chính của Vĩnh Kendu, một con

đường rộng, bụi bặm san sát những cửa hiệu màu cát. Sau khi cảm ơn ông hiệu trưởng, chúng tôi bắt một chiếc *matatu* xuống một mê cung những con đường bên, đến khi tất cả những bảng hiệu của thị trấn biến mất và phong cảnh một lần nữa là đồng cỏ và những cánh đồng bắp bao la. Tại một ngã đường, Kezia báo chúng tôi xuống xe, và chúng tôi bắt đầu đi bộ dọc một rãnh nước sâu, màu phấn, tại đầu nguồn của một con sông rộng màu nâu sô-cô-la chảy róc rách. Dọc bờ sông, chúng tôi có thể thấy những phụ nữ đang đập quần áo ướt trên những tảng đá trơ ra; trên một thềm cao, một bầy dê đang gặm cỏ trên khoảnh cỏ vàng úa, những đốm trắng, đen và lang của chúng trông như địa y mọc trên đất. Chúng tôi rẽ xuống một con đường nhỏ hẹp hơn và đến lối vào của một khu đất có hàng rào vây quanh. Kezia dừng lại và chỉ vào cái trông như một đồng hồ họa những đá và gậy gộc, nói gì đó với Roy bằng tiếng Luo.

“Đó là mộ của Obama”, Roy giải thích. “Ông cố chúng ta. Tất cả đất đai quanh đây đều được gọi là *K’Obama* - ‘Đất của Obama.’ Chúng ta là *fok’Obama* - ‘người của Obama.’ Cha của ông cố chúng ta lớn lên ở Alego, nhưng ông đã đến đây khi còn trẻ. Đây là nơi Obama sinh sống, và nơi tất cả con cái ông sinh ra”.

“Vậy thì tại sao ông chúng ta lại trở về Alego?”

Roy quay sang Kezia, đang lắc đầu. “Chú phải hỏi bà câu đó”, Roy nói. “Mẹ tôi nghĩ có thể ông không hợp với các anh em. Thật ra, một người em của ông vẫn sống ở đây. Giờ đây ông đã già, nhưng có lẽ chúng ta gặp được ông”.

Chúng tôi đến một gian nhà gỗ nhỏ thì thấy một phụ nữ cao lớn, ưa nhìn đang quét sân. Sau cô, một người đàn ông còn trẻ, cởi trần, đang ngồi trên hiên. Người phụ nữ lấy tay che mắt và bắt đầu vẫy, và người đàn ông chậm chậm nhìn về phía chúng tôi. Roy bước tới bắt tay người phụ nữ, tên Salina, và người đàn ông trẻ đứng dậy chào chúng tôi.

“Ồ, các anh cuối cùng đã chịu đến với tôi rồi”, Abo nói, ôm lần lượt mỗi người chúng tôi. Anh với lấy áo. “Tôi nghe tin anh và Barry về nhà lâu rồi!”

“Vâng, anh cũng biết đó”, Roy nói. “Chúng tôi phải thu xếp mất bao lâu”.

“Tôi thật vui khi các anh đến. Tôi nói anh hay, tôi cần phải trở lại Nairobi”.

“Anh không thích ở đây sao?”

“Ở đây chán quá, anh không tin được đâu. Không ti vi. Không câu lạc bộ. Những người trong miền quê này hủ, tôi nghĩ họ trì độn quá. Nếu Billy không xuất hiện, chắc tôi đến điên mất”.

“Billy ở đây?”

“Ồ, anh ta quanh quẩn ở đâu đó...” Abo vẫy tay một cách lơ đãng, đoạn quay sang tôi mỉm cười. “Thế, Barry. Anh mang gì cho tôi từ Mỹ đây?”

Tôi lần trong giỏ và lôi ra một trong hai máy cát xét di động mà tôi đã mua cho anh ta và Bernard. Anh ta lần giở nó trong tay với một cái nhìn hơi che đậy sự thất vọng.

“Cái này đâu phải nhãn Sony, đúng không?” anh ta nói. Đoạn, nhìn lên, anh ta lập tức trấn tĩnh trở lại và vỗ lưng tôi. “Vay được rồi, Barry. Cảm ơn! Cảm ơn”.

Tôi gật đầu đáp lại, cố để không nổi giận. Anh ta đang đứng cạnh Bernard và họ giống nhau một cách ấn tượng: cùng chiều cao, cùng vóc dáng mảnh khảnh, cùng sự uyển chuyển, thậm chí cả đến nét mặt. Chỉ cần cạo sạch bộ ria của Abo, tôi nghĩ, và họ gần như có thể trở thành một cặp song sinh. Ngoại trừ...gì nhỉ? Cái nhìn trong mắt Abo. Chính thế. Không chỉ là thứ sắc đỏ tiết lộ một loại tính cách hung hãn nhưng có phần sâu kín hơn, điều gì đó nhắc tôi nhớ đến những người đàn ông còn trẻ ở Chicago. Cái nhìn của một người đã nhận thức ngay từ đầu đời rằng anh ta đã bị đối xử bất công.

Chúng tôi theo Salina vào nhà, và cô mang ra một khay sô đa và bánh quy. Khi cô đặt khay xuống, một thanh niên lực lưỡng, để ria, dễ nhìn như Salina và cao lớn như Roy, bước vô cửa và kêu lên.

“Roy! Anh làm gì ở đây?”

Roy đứng dậy và họ ôm nhau. “Biết tôi rồi mà. Chỉ đang kiểm một bữa. Tôi hỏi anh câu đó mới đúng”.

“Tôi à, tôi chỉ đang thăm mẹ. Nếu tôi không thường đến, bà kêu ca ngay cho mà coi”. Anh ta hôn lên má Salina và bắt riết tay tôi. “Ê tôi thấy là anh đã đưa người anh em họ của tôi từ Mỹ về đây! Tôi đã nghe rất nhiều về anh, Barry, tôi không thể tin là anh đang ở đây”. Anh ta quay sang Salina. “Có cho Barry ăn uống gì chưa?”

“Ngay thôi, Billy. Ngay thôi”. Salina nắm tay Kezia và quay sang Roy. “Anh thấy các bà mẹ phải chịu đựng những gì chưa? Bà anh có khỏe không?”

“Cũng vậy”.

Cô trầm tư gật gù. “Điều đó không tệ”, cô nói.

Cùng với Kezia, cô bước ra khỏi phòng, và Billy buông người lên tường kỷ cạnh Roy.

“Thế nào, vẫn điên như xưa chứ, *ông tướng*? Hãy xem anh này! Béo tốt, như một chú bò thi giải! Ở Mỹ chắc anh phải sung sướng lắm”.

“Cũng được thôi”, Roy nói. “Ở Mombasa thế nào rồi? Tôi nghe nói anh đang làm trong bưu điện”.

Billy nhún vai. “Lương cộ thì được. Không phải suy nghĩ nhiều, anh biết đấy, nhưng đều đều”. Anh quay sang tôi. “Tôi nói anh nghe, Barry, ông anh này của anh, hấn điên lắm! Thành thật mà nói, tất cả chúng tôi hồi ấy đều rồ cả. Chúng tôi bỏ cả thời gian vào chuyện săn bắn thú hoang, hả Roy!” Anh ta vỗ đùi Roy và cười. “Nói tôi nghe, phụ nữ Mỹ thế nào hả?”

Roy bật cười to, nhưng hình như anh hạ giọng khi Salina và Kezia mang bữa tối vào. “Anh biết không, Barry”, Billy nói, đặt đĩa xuống cái bàn thấp trước mặt mình, “cha anh và cha tôi là bạn cùng trang lứa. Rất thân. Khi Roy và tôi lớn lên, chúng tôi cũng là những bạn cùng trang lứa, vì vậy tự nhiên chúng tôi cũng rất thân nhau. Nói cho anh nghe, cha anh, ông ấy là một người rất vĩ đại. Tôi gần gũi ông còn hơn cả cha tôi. Nếu tôi gặp rắc rối, chỗ tôi chạy đến trước tiên là Bác Barack. Và Roy, anh cũng sẽ chạy đến chỗ cha tôi, tôi tin vậy”.

“Những người đàn ông trong gia đình chúng ta rất tốt với con cái người khác”, Roy thản nhiên nói. “Với con mình, họ không muốn tỏ ra mềm yếu”.

Billy gật gù và mút ngón tay. “Anh biết không, Roy, tôi nghĩ lời anh nói có phần đúng. Chính tôi, tôi không muốn mắc những lỗi lầm tương tự. Tôi không muốn ngược đãi gia đình mình”. Với bàn tay sạch còn lại, Billy lôi ví ra khỏi túi và đưa tôi xem một tấm hình vợ và hai con nhỏ của anh. “Tôi thề, *thưa ông tướng*, hôn nhân sẽ *nắm lấy* ông! Nên nhìn tôi bây giờ này, Roy. Tôi đã trở nên rất điềm đạm. Một người đàn ông có gia đình. Dĩ nhiên, có những ranh giới một người đàn ông nên giữ lấy. Vợ tôi, cô ấy biết không nên thường xuyên đi quá xa. Chú nói sao, Sayid?”

Tôi nhận thấy Sayid không nói gì nhiều từ khi chúng tôi đến. Chú lau sạch tay rồi quay qua Billy.

“Tôi vẫn chưa lấy vợ”, chú nói, “vì vậy có lẽ tôi không nên nói. Nhưng thú thật, tôi đã vài lần suy nghĩ về những chuyện này. Tôi đã kết luận rằng vấn đề quan trọng nhất ở châu Phi là gì?” Chú dừng lại, nhìn quanh phòng. “Vấn đề giữa đàn ông và đàn bà. Đàn ông chúng ta, chúng ta gắng trở nên mạnh mẽ, nhưng sức mạnh của chúng ta thường bị đặt sai chỗ. Điều đó cũng tương tự như việc có hơn một người đàn bà. Những người cha của chúng ta có nhiều vợ, thế là chúng ta cũng có thật nhiều phụ nữ. Nhưng chúng ta không dừng lại và nhìn vào hậu quả. Điều gì xảy ra với tất cả những phụ nữ này? Họ trở nên ghen ghét nhau. Còn con cái, chúng không gần gũi với cha mình. Đó là...”

Sayid chột khựng lại và mỉm cười. “Dĩ nhiên, tôi thậm chí không có lấy một người vợ, vì vậy tôi không nên nói nữa. Ở chỗ mình không có kinh nghiệm, tôi nghĩ người khôn ngoan nên im lặng”.

“Của Achebe?” Tôi hỏi.

Sayid bật cười và bắt tay tôi. “Không, Barry. Chỉ của tôi thôi”.

Trời đã tối khi chúng tôi ăn xong bữa, và, sau khi cảm ơn Salina và Kezia vì bữa ăn, chúng tôi bước theo Billy ra một con đường nhỏ hẹp. Tán bộ dưới ánh trăng tròn, chẳng mấy chốc chúng tôi đến một ngôi

nhà nhỏ hơn nơi những chiếc bóng của loài bướm đêm chập chờn trên ô cửa sổ vàng vọt. Billy gõ cửa, và một người đàn ông thấp bé với vết sẹo dọc trán trả lời, môi ông ta mỉm cười nhưng đôi mắt ông ta quắc lên như một người sắp đánh nhau. Sau ông ta là một người nữa, cao lớn, rất ốm, với chòm râu dê thưa thưa và bộ ria bạc làm ông trông như một *thánh nhân* Ấn Độ. Hai người đàn ông bồng bế tay chúng tôi một cách linh quýnh, nói với tôi bằng thứ tiếng Anh thậm hại.

“Cháu trai anh!” người râu bạc nói, chỉ vào mình.

Người thấp lùn cười to nói, “Anh ta râu bạc trắng, nhưng anh ta gọi anh là chú! Ha ha. Anh thích thứ tiếng Anh này chứ? Vào vào”.

Họ dẫn chúng tôi đến một chiếc bàn gỗ đặt một cái chai không nhãn đựng thứ chất lỏng trong suốt và ba cái cốc. Người râu bạc cầm chai lên, đoạn cẩn thận rót ra thứ gì như là rượu vào mỗi cốc. “Cái này còn ngon hơn whiskey nữa, Barry”, Billy nói khi nâng cốc. “Nó khiến người đàn ông trở nên rất mạnh mẽ”. Anh ta dốc tuốt ly rượu xuống cổ, và Roy và tôi dốc theo. Tôi cảm thấy lỏng ngực nổ tung, bắn từng mảnh vụn xuống dạ dày tôi. Những cái cốc lại đầy, nhưng Sayid qua một tua, vì vậy người thấp bé dứ dứ chỗ rượu dư trước mắt tôi, mặt ông ta méo mó qua chiếc cốc.

“Thêm nhé?”

“Không phải ngay bây giờ”, tôi nói, dẫn một cú ho. “Cám ơn”.

“Có lẽ anh có cái gì đó cho tôi chứ?” người râu bạc nói. “Áo phông? Giày?”

“Tôi xin lỗi... tôi để mọi thứ lại ở Alego”.

Người thấp bé vẫn mỉm cười như thể ông không hiểu gì và một lần nữa mời tôi uống. Lần này Billy gạt tay ông ta.

“Tha anh ta đi!” Billy quát. “Chúng tôi có thể uống tiếp sau. Trước hết chúng tôi phải đi gặp ông chúng tôi đã”.

Hai người họ dẫn chúng tôi vào một phòng nhỏ sâu bên trong. Ở đó, trước ngọn đèn dầu, ngồi một hình hài như thể là người đàn ông già nhất tôi từng thấy. Tóc ông trắng như tuyết, da ông nhăn rúm. Ông bất động, mắt khép kín, đôi tay gầy trơ xương của ông tựa trên



tay dựa ghế. Tôi nghĩ có lẽ ông đang ngủ, nhưng khi Billy bước tới thì đầu ông nghiêng về phía chúng tôi, và tôi thấy một hình phản chiếu của gương mặt tôi đã thấy hôm qua ở Alego, trong tấm hình mờ nhạt trên tường nhà bà.

Billy giải thích ai ở đó, và ông cụ gật đầu và nói bằng yếu ớt, run rẩy như thể phát ra từ một cái hốc dưới sàn nhà.

“Ông nói rằng ông rất vui khi chú đến đây”, Roy dịch. “Ông là em của ông anh. Ông mong anh hạnh phúc”.

Tôi nói rằng tôi rất vui khi gặp ông, ông lại gật đầu lần nữa.

“Ông nói rằng nhiều người trẻ đã bị mất hút trong... đất nước của người da trắng. Ông nói rằng con trai ông ở Mỹ và đã không về nhà nhiều năm rồi. Những người như vậy chẳng khác nào bóng ma, ông nói. Khi họ chết, không ai ở đó để than khóc họ. Không có tổ tiên nào ở đó để chào đón họ. Vì vậy... ông nói thật là tốt khi anh trở về”.

Ông cụ đưa tay và tôi bắt nhẹ nhàng. Khi chúng tôi đứng dậy đi, ông cụ nói gì đó nữa, và Roy gật đầu trước khi đóng cửa lại sau lưng chúng tôi.

“Ông nói nếu anh nghe tin về con trai ông”, Roy giải thích, “anh hãy bảo chú ấy nên về nhà”.

Có lẽ là vì tác động của rượu nặng, hoặc sự thật rằng người xung quanh tôi đang nói bằng một ngôn ngữ tôi không thể hiểu. Nhưng khi tôi cố nhớ lại toàn bộ tối hôm đó, thì cứ như thể tôi đang trải qua một giấc mơ vậy. Ánh trăng treo lững lờ trên bầu trời, trong khi dáng hình Roy và mọi người in bóng trên ruộng bắp. Chúng tôi vào một ngôi nhà nhỏ khác và thấy thêm nhiều người nữa, có lẽ sáu, có lẽ mười, những con số cứ liên tục thay đổi khi đêm trôi qua. Giữa cái bàn gỗ thô ráp là ba chai nữa, và họ bắt đầu rót rượu ra những cái cốc, đầu tiên còn khách sáo, sau đó thì tới tấp hơn, suốt mười hơn; cái chai không nhãn mờ đục được chuyển từ tay này qua tay khác. Sau hai ngụm rượu nữa thì tôi ngừng uống, nhưng hình như không ai để ý. Những gương mặt già nua và trẻ trung đều ửng lên như ma trôi dưới ánh sáng đèn chập chờn, cười cợt và la hét, ngồi sụp trong những góc tối hoặc vầy tàn thuốc lung tung hoặc tu một ngụm nữa,

giận dữ hoặc giận cợt đều thể hiện cực điểm, đoạn nhanh như một làn sóng triều rút, là những từ bằng tiếng Luo và Swahili và tiếng Anh tuôn ra trong những cơn lốc méo mó, những tràng vòi vĩnh tiền bạc hoặc áo iếc hoặc chai lọ, những tràng cười cợt và thốn thức tí tê, những bàn tay duỗi ra, những giọng giận dữ về tuổi trẻ u mê của tôi, về Harlem và South Side; những giọng nói của cha tôi.

Tôi không biết chắc chúng tôi đã ở đó bao lâu. Tôi biết rằng có một lúc, Sayid tiến tới lắc tay tôi.

“Barry, chúng ta đi thôi”, chú nói. “Bernard thấy không khỏe”.

Tôi nói tôi phải đi với họ, nhưng khi tôi đứng dậy, Abo nghiêng về phía tôi và chụp vai tôi.

“Barry! Anh đi đâu đó?”

“Đi ngủ, Abo”.

“Anh phải ở lại đây với chúng tôi! Với tôi! Và Roy!”

Tôi nhìn lên thấy Roy đổ người trên trường kỷ. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi gạt đầu làm hiệu ra phía cửa. Hình như bấy giờ cả căn phòng trở nên tĩnh lặng, như thể tôi đang xem những cảnh tượng trên tivi và âm thanh bị tắt mất. Tôi thấy người râu bạc rút đầy cốc của Roy, và tôi nghĩ tới chuyện lôi Roy ra khỏi phòng. Nhưng ánh mắt Roy trượt qua khỏi tôi; anh ta cười to và dốc tuột rượu xuống cổ họng trong tràng hoan hô tán thưởng, tràng hoan hô mà tôi vẫn còn nghe thấy sau khi Sayid, Bernard và tôi bắt đầu cuộc bộ về hướng nhà Salina.

“Những người đó say quá rồi”, Bernard nói yếu ớt khi chúng tôi đi dọc cánh đồng.

Sayid gạt gù và quay qua tôi. “Tôi sợ Roy giống ông anh cả của tôi nhiều quá. Cậu biết đấy, cha cậu rất nổi tiếng trong những chuyện này. Ở Alego cũng vậy. Hễ khi nào về nhà, anh ta lại chuốc cho mọi người say khướt và ngủ dậy rất trễ. Người ở đây rất cảm kích điều đó. Họ nói với anh ta, ‘Anh là một nhân vật quan trọng, nhưng anh đã không quên chúng tôi.’ Những lời đó làm anh ta hạnh phúc, tôi nghĩ. Tôi nhớ có lần, anh ấy đưa tôi đến thị trấn Kisumu bằng xe Mercedes của anh. Trên đường, anh thấy một chiếc *matanu* đang đón

khách, và anh nói với tôi, “Sayid, chiều nay chúng ta sẽ là những tài xế *matanu*!” Tại trạm *matanu* kế tiếp, anh đón những người còn lại và bảo tôi thu họ tiền vé theo giá thường. Tôi nghĩ chúng tôi đã nhét tám người vào xe hơi của anh ấy. Anh ấy chở họ không chỉ đến Kusumu mà còn về nhà họ, hoặc bất cứ đâu họ cần đi. Và khi mỗi người đã xuống xe, anh ấy trả hết tiền lại cho họ. Người ta không hiểu tại sao anh làm điều này, và tôi bấy giờ cũng không hiểu. Sau khi xong xuôi, chúng tôi vào quán rượu, và anh ấy kể chuyện mình đã làm cho tất cả bạn bè ở đó nghe. Đêm đó anh đã cười vui thả cửa”.

Sayid ngừng nói, cẩn thận lựa lời.

“Đây là điều làm cho anh tôi trở thành một người tốt như vậy, những chuyện như thế. Nhưng tôi cũng nghĩ rằng khi anh đã là một cái này, anh không thể đòi hỏi mình trở thành cái gì khác nữa. Anh làm sao có thể trở thành một tài xế xe *matatu*, hoặc ra ngoài uống rượu cả đêm, đồng thời viết được một hoạch định kinh tế cho Kenya? Một người phải phục vụ dân tộc mình bằng cách làm những gì hợp với mình, không phải sao? Chứ không phải bằng cách làm những gì người khác nghĩ mình nên làm. Nhưng anh tôi, mặc dù kiêu hãnh với tính độc lập của mình, tôi cũng nghĩ rằng anh e ngại một số điều. Ngại những gì người ta có thể nói về mình nếu anh ấy rời quán rượu quá sớm. Rằng có lẽ anh ấy không còn thuộc về những người anh ấy đã lớn lên cùng”.

“Con không muốn mình phải như vậy”, Bernard nói.

Sayid nhìn đứa cháu với vẻ như ân hận. “Ta không có ý nói năng một cách tùy tiện, Bernard. Chúng tôi phải tôn trọng bậc trưởng bối. Họ dọn đường cho anh để anh bước đi dễ dàng hơn. Nhưng nếu anh thấy họ sa vào hố, bấy giờ anh phải học điều gì?”

“Dừng lại”, Bernard nói.

“Anh nói đúng. Rẽ khỏi đường đó và đi đường của mình”.

Sayid đặt tay lên vai người đồng hành trẻ hơn. Khi chúng tôi về đến nhà Salina, tôi nhìn lại sau lưng. Tôi có thể thấy làn ánh sáng mờ mờ hắt ra từ ô cửa sổ của ông cụ, và cảm thấy đôi mắt đui mù của ông đang dõi dăm dăm vào bóng tối.

## Chương mười chín

**R**OY VÀ ABO đều thức dậy với cái đầu nhức búa bổ, và cùng với Kezia ở lại Kendu một ngày nữa. Trong bộ dạng hơi khá hơn, tôi quyết định lên đường trở về Home Squared với Sayid và Bernard bằng xe buýt, một quyết định mà tôi sớm phải hối hận. Chúng tôi phải đứng trên hầu hết đoạn đường, đầu chúng tôi cúi xuống bởi trần xe buýt quá thấp. Để làm cho tình hình thêm tệ, tôi kiệt sức với chứng tiêu chảy. Bụng tôi lắc lư theo từng cơn xóc nảy. Đầu tôi văng lên tại mỗi khúc ngoặt khó điều khiển. Và chính trong sự nhấp nhóm khi bị Tào Tháo đuổi tôi gặp bà và Auma, vẫy chào họ một cách cộc lốc trước khi lao bắn ra phía sân sau, chạy vòng qua một con bò cái thơ thẩn, và phóng vào nhà vệ sinh.

Hai mươi phút sau tôi xuất hiện, thảm hại như một tù nhân trong ánh sáng xế chiều. Những phụ nữ ngồi túm tụm trên những chiếc chiếu cỏ dưới bóng cây xoài trong khi Bà tết tóc cho Auma và Zeituni tết tóc cho một cô gái hàng xóm.

“Vui chứ?” Auma nói, găng không cười.

“Tuyệt”. Tôi ngồi xuống cạnh họ và nhìn xem khi một bà lão gầy rnhom bước ra khỏi nhà và ngồi kế bên bà tôi. Bà lão trong độ tuổi đầu thất tuần, tôi đoán, nhưng mặc một cái áo nịt len màu hồng sáng,

bà ngồi gập chân sang bên như một nữ sinh e lệ. Bà nhìn tôi sẫm soi và nói với Auma bằng tiếng Luo.

“Bà ấy nói sắc mặt cậu không được tốt lắm”.

Bà lão cười với tôi, lộ ra hai cái răng cửa hàm dưới bị khuyết.

“Đây là em của ông chúng ta, Dorsila”, Auma tiếp. “Con út của cụ cố Obama của chúng ta. Bà sống trong một làng khác, nhưng khi bà nghe - ồ! Nói cậu nghe, Barack, cậu thật may mắn vì không phải tết tóc. Tôi đang nói gì nhỉ? À... Dorsila nói rằng khi nghe tin chúng ta đến bà đã đi bộ cả quãng đường đến thăm chúng ta. Bà mang theo lời chào từ tất cả những người trong làng của bà”.

Dorsila và tôi bắt tay, và tôi nhắc tôi đã gặp anh bà ở Vịnh Kendu. Bà gật đầu và nói.

“Bà nói anh bà già lắm rồi”, Auma dịch. “Khi ông ấy còn trẻ hơn, ông trông hết như ông chúng tôi. Đôi khi thậm chí bà không thể phân biệt nổi họ”.

Tôi xác nhận và rút bật lửa ra. Khi tôi châm lửa, bà di tôi kêu lên và nói ào ào với Auma.

“Bà muốn biết lửa đến từ đâu”.

Tôi đưa Dorsila cái bật lửa và chỉ bà cách nó hoạt động trong khi bà tiếp tục nói. Auma giải thích, “Bà nói rằng mọi chuyện cứ xoay như chong chóng đến khiến đầu bà quay cuồng. Bà nói rằng lần đầu tiên xem ti vi, bà ngỡ mọi người trong hộp ấy cũng có thể thấy bà. Bà nghĩ họ thật bất lịch sự, vì khi bà nói chuyện với họ, họ không bao giờ đáp lại”.

Dorsila cười tủm tỉm vì sự vui tính của chính mình, trong khi Zeituni vào lều bếp. Vài phút sau, Zeituni trở ra với một cái vại. Tôi hỏi cô Sayid và Bernard sao rồi.

“Họ đang ngủ”, cô nói, đưa tôi cái cốc. “Đây. Uống thứ này đi”.

Tôi ngửi chất lỏng màu xanh nghi ngút khói. Nó có mùi như đầm lầy vậy.

“Nó là gì vậy?”

“Nó làm từ một loại cây mọc ở đây. Tin ta đi... chút nữa thôi nó làm bụng anh khỏe lại ngay”.

Tôi ngáp ngừng nhấp ngụm đầu tiên. Cái vị trà tẻ như vẽ ngoài của nó, nhưng Zeituni đứng nhìn tôi cho đến khi tôi nuốt đến giọt cuối cùng. “Đó là công thức của ông anh”, cô nói. “Nói anh biết ông là một nhà nghiên cứu thảo mộc đấy”.

Tôi kéo một hơi thuốc nữa và quay sang Auma. “Kêu bà kể em nghe thêm về ông đi”, tôi nói. “Ý em là, ông chúng ta ấy. Roy nói rằng thật ra ông lớn lên ở Kendu, sau đó chuyển đến Alego một mình”.

Bà gật đầu khi Auma dịch lại. “Bà có biết tại sao ông rời Kendu không?”

Bà nhún vai. “Bà nói rằng ban đầu người thân của ông xuất xứ từ vùng đất này”, Auma nói.

Tôi kêu bà hãy kể từ đầu. Cụ cố chúng tôi Obama đến sống ở Kendu như thế nào? Ông chúng tôi làm việc ở đâu? Tại sao mẹ của Ông Già bỏ đi? Khi bà bắt đầu đáp, tôi cảm nhận một cơn gió nổi lên, rồi lắng xuống. Một dãy những đám mây cao băng qua những ngọn đồi. Và dưới bóng cây xoài râm mát, khi những bàn tay dẹt những lọn tóc đen thành những hàng đều nhau, tôi nghe tất cả những tiếng nói bắt đầu quyen lại, âm thanh của ba thế hệ hòa vào nhau như dòng chảy của một con suối trôi lững lờ, những câu hỏi của tôi cứ như những hòn đá khuấy đục nước, những rạn nứt trong ký ức chia cách dòng chảy, nhưng luôn luôn những giọng nói vẫn hòa lại thành dòng duy nhất, một câu chuyện duy nhất...

Đầu tiên là Miwiru. Không ai biết người trước đó nữa. Miwiru sinh Sigoma, Sigoma sinh Owiny, Owiny sinh Kisodhi, Kisodhi sinh Ogelo, Ogelo sinh Otondi, Otondi sinh Obongo, Obongo sinh Ototh, và Okoth sinh Opiyo. Những phụ nữ sinh ra họ, tên tuổi bị quên lãng, đó là cách sống của dân tộc chúng tôi.

Okoth sống ở Alego. Trước đó, chỉ biết được rằng gia đình đã đi một quãng đường xa, từ hướng của Uganda bây giờ, và chúng tôi giống như những người Masai, di cư để tìm kiếm

nước và đất chăn thả cho những bầy gia súc lớn. Ở Alego, mọi người định cư và bắt đầu trồng trọt mùa màng. Những người Luo khác định cư bên hồ và học đánh bắt cá. Có những bộ tộc khác, nói tiếng Bantu, họ đã sống ở Alego khi người Luo đến, và những cuộc chiến lớn đã nổ ra. Tổ tiên chúng tôi Owiny được biết như một chiến binh và lãnh tụ vĩ đại của bộ tộc mình. Ông đã giúp sức đánh bại quân đội Bantu, nhưng người Bantu được phép ở lại và kết hôn với người Luo, và dạy chúng tôi nhiều điều về việc trồng trọt và về vùng đất mới.

Một khi người ta bắt đầu định cư và cày cấy, đất đai ở Alego trở nên đông đúc. Opiyo, con trai của Okoth, là một người em, có lẽ đó là lý do ông quyết định chuyển đến Vịnh Kendu. Khi ông đến đó, ông là người không đất đai, nhưng theo phong tục của bộ tộc chúng tôi, một người có thể sử dụng bất kỳ đất đai nào chưa được dùng. Phần đất nào không dùng được trả lại cho bộ tộc. Vì vậy hoàn cảnh của Opiyo chẳng có gì đáng xấu hổ. Ông làm việc trên đất vẫy của những người khác và khai quang đất để lập nông trại của chính mình. Nhưng trước khi ông kịp phát đạt, ông mất quá sớm, bỏ lại hai vợ và mấy đứa con. Một người vợ được anh của Opiyo lấy, theo phong tục bấy giờ - bà trở thành vợ của anh, con bà trở thành con ông ấy. Nhưng người vợ còn lại cũng chết, và con cả của bà, Obama, sống cảnh mồ côi cha mẹ khi vẫn là một cậu bé. Cậu cũng sống với bác, nhưng vì gia cảnh eo hẹp, và vậy là khi Obama lớn lên một chút, cậu bắt đầu đi làm việc cho những người khác như cha cậu trước kia đã làm.

Gia đình mà ông làm việc rất giàu, với nhiều gia súc. Nhưng rồi họ trở nên khâm phục Obama, vì ông là người táo bạo và là nông dân rất giỏi. Khi ông muốn lấy người con gái cả của họ, họ đồng ý, và những chú bác trong gia đình này cho họ những của hồi môn cần thiết. Và khi cô con gái cả chết, họ đồng ý rằng Obama có thể lấy cô em gái, tên là Nyanke. Rốt cuộc thì Obama có bốn vợ, họ sinh cho ông rất nhiều con. Ông khai quang đất của mình và trở nên giàu có, với một vùng đất vẫy lớn và nhiều trâu bò và dê. Và vì phẩm chất lễ độ và cách sống đáng tin cậy, ông trở thành một tiền bối được trọng vọng

ở Kendu, và nhiều người đến với ông để tìm lời khuyên.

Ông của anh, Onyango, là con trai thứ năm của Nyaoke. Dorsila, đang ngồi đây, là con út của bà vợ cuối của Obama.

Đây là thời trước khi người da trắng đến. Mỗi gia đình có khu đất vẫy riêng của mình, nhưng tất cả họ đều sống dưới những lễ luật của các vị trưởng lão. Đàn ông có những lều riêng, nhưng có bốn phận khai hoang và canh tác đất của mình, cũng như bảo vệ gia súc khỏi thú dữ và những cuộc cướp bóc từ các bộ tộc khác. Mỗi bà vợ có riêng khoảnh đất trồng rau, mà chỉ cô ta cùng các con gái canh tác. Cô ta nấu nướng thức ăn, xách nước, và trông coi các lều. Các trưởng lão quy định mọi việc gieo cấy và thu hoạch. Họ tổ chức các gia đình luân phiên nhau công việc, để gia đình này có thể giúp gia đình kia. Các trưởng lão phân phối thức ăn cho những quả phụ hoặc những ai lâm vào hoàn cảnh khó khăn, cung cấp gia súc như của hồi môn cho những đàn ông không có gia súc, và dàn xếp mọi cuộc xung đột. Lời của các trưởng lão là luật và được tuân thủ nghiêm ngặt - những ai bất tuân sẽ phải ra đi và bắt đầu lại trong một làng khác.

Trẻ con không đến trường, nhưng học hỏi sát cạnh cha mẹ chúng. Các cô gái ở cạnh mẹ mình và học cách xay hạt kê thành cháo đặc, học cách trồng rau và nhồi đất sét dựng lều. Con trai thì theo cha học cách chăn giữ và làm *dao rựa* và phóng lao. Khi một người mẹ chết, một người khác sẽ chăm nom bọn trẻ và cho nó bú như con mình. Ban đêm, con gái sẽ ăn chung với mẹ, còn con trai thì ở trong lều với cha, nghe kể chuyện và học biết về lối sống của bộ tộc mình. Thỉnh thoảng một người chơi đàn hạc xuất hiện, và cả làng sẽ đến nghe những bài hát của anh ta. Những khúc hát ca ngợi những kỳ công trong quá khứ, những chiến binh anh hùng và những trưởng lão thông thái. Chúng tán dương những đàn ông là nông dân giỏi, hoặc những đàn bà xinh đẹp, và quở trách những kẻ tàn ác hoặc hung bạo. Tất cả đều được hiện thân trong những bài hát này vì những đóng góp của mình cho làng, tốt và xấu, và bằng cách này truyền



thống của tổ tiên vẫn sống động trong tất cả người nghe. Khi bọn trẻ và phụ nữ đi khỏi, những người đàn ông trong làng sẽ tụ tập lại và quyết định những vấn đề trong làng.

Ngay từ khi còn là một cậu bé, ông của anh - Onyango đã kỳ lạ rồi. Người ta nói rằng ông ấy bị kiến bỏ, vì ông không thể ngồi yên một chỗ. Ông đi thơ thẩn trong nhiều ngày, và khi trở về ông sẽ không nói mình đã ở đâu. Ông luôn rất nghiêm nghị - ông không bao giờ cười đùa hoặc chơi với bọn trẻ khác, và không bao giờ bỡn cợt. Ông luôn muốn tìm hiểu về công việc của những người khác, đó là cách ông đã học để trở thành một nhà nghiên cứu thảo mộc. Anh nên biết rằng một nhà nghiên cứu thảo mộc thì khác với một pháp sư - mà người da trắng gọi là một bác sĩ phù thủy. Một pháp sư đọc thần chú và nói chuyện với thế giới tâm linh. Một nhà thảo mộc biết những loại cây khác nhau để chữa trị một số căn bệnh hoặc thương tích nào đó, biết cách trộn một thứ bùn đặc biệt để chữa lành một vết cắt. Khi còn niên thiếu, ông của anh thường ngồi trong lều của nhà nghiên cứu thảo mộc trong làng, nhìn xem và lắng nghe chăm chú trong khi những đứa trẻ khác chơi đùa, và ông đã thu thập kiến thức bằng cách này.

Khi ông anh còn niên thiếu, chúng tôi bắt đầu hay tin người da trắng đã đến thị trấn Kisumu. Người ta nói rằng những người da trắng này có làn da mềm mại như trẻ nhỏ, nhưng họ cười trên một con tàu lướt đi như sấm và có những chiếc gậy bắn ra lửa. Trước thời đó, không ai trong làng từng thấy người da trắng - chỉ những thương nhân Ả Rập thỉnh thoảng đến để bán đường và quần áo cho chúng ta. Nhưng rất hiếm, vì người của chúng ta không dùng nhiều đường, và chúng ta không mặc quần áo, chỉ có một miếng da dê che chỗ kín của chúng ta. Khi các trưởng lão nghe những chuyện này, họ bàn tán và khuyên mọi người tránh xa Kisumu đến khi nào hiểu rõ hơn về người da trắng.

Bất chấp lời cảnh báo này, Onyango tò mò và quyết định chính ông phải nhìn thấy người da trắng. Ngày nọ ông biến mất, và không ai biết ông đã đi đâu. Rồi thì, nhiều tháng sau,

trong khi những con trai khác của Obama đang làm việc trên đồng, Onyango trở về làng. Ông mặc quần của người da trắng, và áo sơ mi của người da trắng, và chân ông thì mang giày. Những đứa nhỏ sợ hãi, và các anh chúng thì chẳng biết do đâu có sự thay đổi này. Họ gọi Obama, vừa ló ra khỏi lều, và gia đình túm tụm xung quanh để nhìn chòng chọc vào diện mạo quái gở của Onyango.

“Chuyện gì xảy ra với con vậy?” Obama hỏi. “Tại sao con mang những thứ da kỳ quái này?” Onyango không nói gì, và Obama cho rằng hẳn Onyango phải mặc quần là để che giấu sự thật rằng nó đã cất bao quy đầu, một việc đi ngược phong tục Luo. Ông nghĩ rằng chiếc áo của Onyango hẳn là đang che đậy những ung nhọt, bệnh tật gì đấy. Obama quay sang các con trai và nói, “Đừng đến gần nó. Nó dơ bẩn”. Rồi ông quay vào lều, và những người kia cười cợt và xa lánh Onyango. Vì chuyện này Onyango đã trở lại Kisumu, và hẳn vẫn phải chịu sự ghê lạnh từ cha suốt quãng đời còn lại.

Bấy giờ không ai nhận thức rằng người da trắng đã có ý định ở lại vùng đất này. Chúng ta nghĩ rằng họ đến đây chỉ để bán hàng hóa. Chẳng mấy chốc chúng ta đã tiếm nhiệm một số phong tục của họ, như là uống trà. Với trà, chúng ta thấy rằng chúng ta cần đường, và ấm nấu nước pha trà, và tách. Tất cả những thứ này chúng ta mua bằng da và thịt và rau quả. Sau này chúng ta học cách chấp nhận đồng tiền của người da trắng. Nhưng những thứ đó chúng ta không thích lắm. Cũng như người Ả rập, người da trắng hầy còn ít ỏi, và chúng ta nghĩ rằng họ rốt cuộc sẽ trở về với xứ sở của mình. Ở Kisumu, một số người da trắng ở lại và xây dựng một hội truyền giáo. Những người này nói về Chúa của họ, mà họ tôn sùng là đáng toàn năng. Nhưng hầu hết mọi người phớt lờ họ và nghĩ công việc của họ thật ngớ ngẩn. Ngay khi những người da trắng xuất hiện với súng trường, chẳng ai kháng cự vì bấy giờ chúng ta vẫn chưa nếm qua cái chết do những món vũ khí đó có thể mang lại. Nhiều người trong chúng ta nghĩ những khẩu súng đó chỉ là những chiếc thìa khuấy *ugali* kỳ lạ.

Mọi thứ bỗng nhiên thay đổi với những cuộc chiến đầu tiên của người da trắng. Nhiều súng hơn được mang đến, cùng với một người tự gọi mình là ủy viên hội đồng khu vực. Chúng tôi gọi người này là *Bwana Ogallo*, vốn có nghĩa là "Kẻ áp bức". Ông ta áp đặt một khoản thuế lều phải nộp bằng tiền cho người da trắng. Điều này buộc nhiều người đàn ông phải đi làm để có lương. Ông ta thẳng tay ách cổ nhiều đàn ông của chúng ta vào đạo quân của ông ta để mang đồ tiếp liệu và xây một con đường cho xe hơi chạy. Ông ta vây quanh mình những người Luo mặc đồ như những gã da trắng làm nhân viên hoặc tay thu thuế của ông ta. Chúng ta học biết rằng giờ đây chúng ta đã có những thủ lĩnh, những kẻ thậm chí không có mặt trong hội đồng trưởng lão. Tất cả những điều đó bị kháng cự, và nhiều người bắt đầu chiến đấu. Nhưng ai làm thế liền bị đánh đập hoặc bắn chết. Những người không nộp nổi thuế thì đứng nhìn những căn lều của mình bị cháy rụi. Một số gia đình lần tránh xa hơn vào miền thôn quê để khai khẩn những làng mới. Nhưng hầu hết ở lại và học cách sống trong hoàn cảnh mới này, mặc dù giờ đây tất cả chúng ta đều thấy thật ngu ngốc khi phớt lờ sự đổ bộ của người da trắng.

Suốt thời gian này, ông của anh làm việc cho người da trắng. Chẳng mấy người có thể nói tiếng Anh hoặc tiếng Swahili thời đó - người ta không thích gửi con cái họ đến trường của người da trắng, thà để chúng làm việc với mình trên ruộng đồng. Nhưng Onyango đã học đọc và viết, và hiểu hệ thống cấp đất và hồ sơ giấy tờ của người da trắng. Điều này khiến ông trở nên hữu ích cho người da trắng, và trong suốt chiến tranh ông được cử làm giám sát đội công nhân cầu đường. Cuối cùng ông được gửi đến Tanganyika, nơi ông ở lại vài năm. Khi cuối cùng ông quay lại, ông đã khai hoang đất cho chính mình ở Kendu, nhưng nó nằm xa khu đất của cha ông và ông hiếm khi nói chuyện với các anh em. Ông không dựng một căn lều bình thường cho mình, thay vì vậy ông sống trong một cái rạp. Người ta chưa từng thấy cái gì như vậy và họ cho ông điên rồ. Sau khi cấm cộc giành quyền sở hữu, ông đi đến Nairobi, nơi một người da trắng đề nghị ông một công việc.

Trong những ngày đó, chẳng mấy người châu Phi có thể đi tàu hỏa, vậy là Onyango đi bộ suốt quãng đường đến Nairobi. Chuyến đi mất của ông hai tuần. Về sau ông hẳn đã kể chúng tôi nghe về những cuộc phiêu lưu ông đã trải qua trong hành trình này. Có nhiều lần ông đã săn đuổi báo bằng con dao rựa của mình. Có lần ông bị rượt phải trèo lên cây bởi một con trâu điên và phải ngủ trên đó hai ngày. Có lần ông tìm thấy một cái trống nằm giữa đường rừng và khi ông dựng nó lên, một con rắn bò ra và trườn lên chân ông vào bụi rậm. Nhưng ông không hề gì, và cuối cùng đã đặt chân đến Nairobi để bắt đầu công việc của mình trong nhà người da trắng.

Ông không phải là người duy nhất đi vào thành thị. Sau chiến tranh, nhiều người châu Phi bắt đầu làm việc ăn lương, nhất là những người từng nhập ngũ hoặc sống gần các thành phố hoặc đã tham gia vào những hội truyền giáo da trắng. Nhiều người đã bị sa thải trong và ngay sau chiến tranh. Chiến tranh đã mang sự đói kém và bệnh tật vào trong ý thức của nó, và nó đã mang vào rất nhiều những người định cư da trắng, vốn được phép tịch thu những phần đất tốt nhất.

\*Người Kikuyu cảm nhận những thay đổi này nhiều nhất, vì họ sống ở những vùng cao quanh Nairobi, nơi có đông những người da trắng nhất. Nhưng người Luo cũng cảm nhận được sự cai trị của người da trắng. Mọi nhân khẩu đều phải đăng ký với nhà chức trách thuộc địa và thuế lũy tiến đều đặn tăng lên. Điều này ngày càng bức bách những đàn ông phải làm công trên các nông trại của người da trắng. Trong làng chúng ta, giờ đây ngày càng nhiều gia đình mặc quần áo của người da trắng hơn, và ngày càng nhiều những người cha đồng ý gởi con đến học ở trường truyền giáo. Dĩ nhiên, ngay cả những người được đi học cũng không thể làm được những điều người da trắng làm. Chỉ những người da trắng được phép mua những khoảnh đất hoặc điều hành cơ sở kinh doanh nào đó. Các xí nghiệp khác được dành riêng cho người Hindu và người Ả Rập.

Một số người bắt đầu muốn chống lại những chính sách này, bằng cách kiến nghị và biểu tình. Nhưng con số thật ít ỏi, và

phần lớn mọi người chỉ vật lộn để sống mà thôi. Những người châu Phi không làm công nhân thì ở lại làng mạc của mình, cố gắng duy trì lối sống cũ. Nhưng ngay trong chính những ngôi làng, lối sống đã thay đổi. Đất đai đông đúc, vì với những chế độ mới về quyền sở hữu đất, không còn chỗ cho những con trai muốn khởi sự trên khoảnh đất của chính mình - mọi thứ đều được sở hữu bởi một ai đó. Sự tôn trọng truyền thống suy yếu, vì những người trẻ thấy rằng các trưởng lão chẳng có thực quyền. Bia, vốn từng được làm từ mật ong và người ta chỉ thỉnh thoảng mới uống, giờ đây được đóng chai, và nhiều người trở nên say xỉn. Nhiều người trong chúng ta bắt đầu hưởng thụ cuộc sống của người da trắng, và chúng ta thấy rằng so với họ, cuộc sống chúng ta quả nghèo nàn.

Theo những tiêu chuẩn này, ông của anh đã thành đạt. Trong công việc của ông ở Nairobi, ông đã học cách chuẩn bị bữa ăn và thu xếp nhà cửa cho người da trắng. Vì điều đó, ông quen biết với những công nhân và những người làm trong các dinh cơ của một số nhân vật da trắng quan trọng nhất, thậm chí là tướng công Delamere. Ông tiết kiệm tiền lương, mua đất và gia súc ở Kendu. Trên những mảnh đất này, ông rốt cuộc đã dựng cho mình một ngôi lều. Nhưng cách ông giữ lều thật khác với thiên hạ. Lều của ông sạch sẽ tinh tươm, ông một mực bắt mọi người rửa chân hoặc cởi giày trước khi bước vào. Trong đó, ông ăn uống trên một cái bàn và một cái ghế, trong mùng giăng muỗi, với dao và nĩa. Ông không đụng tới thức ăn không được rửa sạch kỹ lưỡng và được đẩy lại ngay khi nấu. Ông tắm rửa liên tục, và giặt đồ hàng đêm. Đến cuối đời ông vẫn như thế, rất ngăn nắp và vệ sinh, và ông sẽ nổi giận nếu anh đặt cái gì sai chỗ hoặc chà rửa cái gì một cách cẩu thả.

Và ông rất nghiêm khắc với đồ đạc của mình. Nếu anh hỏi xin ông, ông luôn cho anh một cái gì đó của mình - thực phẩm, tiền bạc, thậm chí đồ đạc. Nhưng nếu anh đụng vào đồ của ông mà không hỏi, ông sẽ rất tức giận. Thậm chí sau này, khi con cái ông chào đời, ông luôn nói với chúng rằng không được đụng vào đồ đạc của người khác.

Những người ở Kendu cho phong cách của ông là quái gở. Họ đến nhà ông vì ông rộng rãi chuyện ăn uống và luôn có cái để ăn. Nhưng khi họ với nhau, họ cười cợt ông vì ông chẳng có vợ và đứa con nào. Có lẽ Onyango nghe được điều đó, thế là chẳng mấy chốc ông quyết định rằng mình cần một người vợ. Vấn đề của ông là, không phụ nữ nào có thể quán xuyến nhà cửa được như ông muốn. Ông đã trao của hồi môn cho vài cô gái, nhưng hễ khi họ lười biếng hoặc đánh vỡ một cái đĩa, ông lại đánh đập họ dữ dội. Với người Luo thì việc đàn ông đánh vợ khi họ sai quấy là bình thường, nhưng ngay cả với họ cách xử sự của Onyango vẫn bị coi là khắc nghiệt, và cuối cùng thì những phụ nữ mà ông đưa về đều bỏ trốn hết về nhà cha mẹ. Ông anh đã mất nhiều trâu bò bằng cách này, vì ông quá kiêu hãnh để đòi lại những khoản hồi môn của mình.

Cuối cùng, ông tìm thấy một người vợ có thể sống với ông. Bà ấy tên Helima. Không biết bà cảm thấy sao đối với ông, nhưng bà lặng lẽ, lễ độ - và quan trọng nhất, bà có thể quán xuyến việc nhà theo những tiêu chuẩn rất cao của ông. Ông dựng một lều cho bà ở Kendu, nơi bà sống phần lớn thời gian. Đôi khi ông đưa bà đến Nairobi ở trong nhà mà ông làm việc. Vài năm trôi qua, sự thể vỡ ra rằng Helima không thể mang thai. Với người Luo, đây là cái cơ chính đáng rất thường để ly dị - một người có thể gởi trả một người vợ không sinh đẻ về nhà bố mẹ vợ và đòi lại của hồi môn. Nhưng ông anh quyết định giữ Helima, và trong ý nghĩa đó, ông đối xử tốt với bà.

Tuy vậy, Helima hẳn phải cô đơn lắm, vì ông anh làm việc cả ngày và không có thời gian cho bạn bè hoặc giải trí. Ông không uống rượu với người khác, và ông không hút thuốc lá. Thú vui duy nhất của ông là đến sàn nhảy ở Nairobi mỗi tháng một lần, vì ông thích khiêu vũ. Nhưng ông cũng không phải là một người nhảy giỏi - ông vụng về, và hay đụng người khác và giẫm chân họ. Hầu hết mọi người không nói gì về điều này vì họ biết Onyango và tính khí ông. Tuy vậy, đêm nọ, một gã say bắt đầu ca cẩm về sự vụng về của Onyango. Anh ta trở nên khiếm nhã, và nói với ông, "Onyango, ông già rồi đấy. Ông có

“nhiều trâu bò, và ông có một người vợ, vậy mà ông chẳng có con. Nói tôi nghe, giữa hai chân ông có vấn đề gì vậy?”

Những người nghe lóm được chuyện này bắt đầu phá lên cười, và Onyango đập gã này thê thảm. Nhưng những lời của gã say hần là ông không quên được, vì tháng đó ông thu xếp tìm một người vợ khác. Ông trở lại Kendu và tìm hiểu tất cả phụ nữ trong làng. Cuối cùng ông chấm một cô gái trẻ tên Akumu, người rất chăm chút vẻ đẹp của mình. Cô đã được hứa gả cho một người khác, người này đã trả cho cha mẹ cô sáu con bò làm của hồi môn, hứa trong tương lai sẽ đưa sáu con nữa. Nhưng Onyango biết cha cô gái và thuyết phục ông trả sáu con bò lại. Đổi lại, Onyango đưa ông mười lăm con bò ngay lập tức. Ngày hôm sau, các bạn của ông bắt Akumu khi cô đang tản bộ trong rừng và lôi cô về lều của Onyango.

Cậu bé Godfrey, xuất hiện với cái chậu rửa, và tất cả chúng tôi rửa tay ăn trưa. Auma, đứng dậy duỗi lưng, tóc chị vẫn còn một nửa chưa tết, một nét bồn chồn trên mặt chị. Chị nói điều gì đó với Dorsila và bà, và nghe một câu trả lời lê thê từ cả hai.

“Tôi đang hỏi họ có phải ông chúng ta lấy Akumu bằng vũ lực không.”, Auma nói, múc mấy miếng thịt vào đĩa.

“Họ nói gì?”

“Họ nói việc bắt một phụ nữ kiểu này cũng là một phong tục của người Luo. Theo truyền thống, một khi người đàn ông đã đưa của hồi môn, người phụ nữ không được tỏ ra quá thiết tha với anh ta. Cô ta phải tỏ vẻ từ chối, và thế là những bạn bè của người đàn ông phải bắt cô đem về lều anh ta. Chỉ sau nghi thức này họ mới làm một lễ cưới hợp thức”. Auma nhâm một miếng nhỏ thức ăn. “Tôi nói với họ rằng trong một tục lệ như thế một số phụ nữ có thể không phải đang giả vờ đâu”.

Zeituni nhúng miếng bánh bột bắp vào món hầm. “Chà chà, Auma, không tệ như con nghĩ đâu. Nếu chồng cô ta đối xử quá tệ, cô gái có thể bỏ đi mọi lúc”.

“Nhưng có tốt đẹp gì nếu cha cô cứ mãi chọn một người nào khác cho cô? Nói con nghe, điều gì xảy ra nếu một cô gái từ chối sự lựa chọn chàng rể của cha mình?”

Zeituni nhún vai. “Cô ta hạ nhục chính mình và gia đình”.

“Anh thấy không?” Auma quay qua hỏi bà điều gì đó, và bất luận bà nói gì để trả lời thì Auma đều đánh vào tay bà - có lẽ chỉ một nửa là đùa.

“Tôi hỏi bà liệu người đàn ông có buộc cô gái ngủ với mình ngay đêm bắt cô ta về”, Auma giải thích, “và bà đáp rằng không ai biết chuyện gì xảy ra trong lều người đàn ông. Nhưng bà cũng hỏi lại tôi một người làm sao biết được mình có muốn ăn cả bát súp không trừ phi trước hết phải nếm thử một miếng”.

Tôi hỏi bà rằng khi lấy ông chúng tôi bà được mấy tuổi. Câu hỏi này làm bà thích thú đến độ đã lặp lại nó với Dorsila, bà này cười khúc khích và vỗ đét vào chân bà tôi.

“Bà nói với Dorsila anh muốn biết Onyango quyến rũ bà là vào khi nào”, Auma nói.

Bà nháy mắt với tôi, đoạn kể rằng bà chỉ mới mười sáu tuổi thì kết hôn; ông chúng tôi là bạn của cha bà, bà nói. Tôi hỏi điều đó có làm bà bức mình không, và bà lắc đầu.

“Bà nói rằng lấy một người đàn ông già hơn chỉ là thường thôi”, Auma giải thích. “Bà nói vào thời đó, lấy nhau không chỉ là việc của hai người. Nó mang hai gia đình lại với nhau và ảnh hưởng đến cả làng. Bạn không được kêu ca, hoặc bận tâm đến tình yêu. Nếu bạn không học cách yêu chồng, thì hãy học cách phục tùng ông ta”.

Đến chỗ này, Auma và bà bắt đầu nói đông dài, và bà nói điều gì đó mà một lần nữa khiến những người khác bật cười. Mọi người ngoại trừ Auma, chị chợt đứng dậy và dọn đĩa.

“Tôi chịu thua”, Auma nói, bực tức.

“Bà nói gì vậy?”

“Tôi hỏi bà tại sao phụ nữ chúng ta chịu đựng những cuộc hôn



nhân kiểu đặt đầu gối đầy thế. Cái cách mà đàn ông ra tất cả quyết định. Chuyện đánh vợ. Cậu biết bà trả lời sao không? Bà nói rằng thường thì người phụ nữ cần phải bị ăn đòn, nếu không họ sẽ chẳng làm những gì thuộc bốn phận mình. Cậu thấy chúng tôi ra sao chứ? Chúng tôi than phiền, nhưng chúng tôi vẫn khuyến khích đàn ông đối xử với chúng tôi như cũt. Hãy nhìn Godfrey đằng kia. Cậu nghĩ coi, khi nó nghe những điều mà bà và Dorsila vừa nói này, thái độ của nó không bị ảnh hưởng sao?”

Bà không thể hiểu ý nghĩa chính xác trong những lời của Auma, nhưng bà hẳn đã nghe tiếng, vì giọng bà bất chợt trở nên nghiêm trang.

“Phần nhiều những gì con nói là đúng, Auma”, bà nói bằng tiếng Luo. “Đàn bà chúng ta đã mang một gánh quá nặng. Nếu người ta là cá, người ta không cần phải cố để bay - người ta bơi với những con cá khác. Người ta chỉ biết cái gì người ta biết. Có lẽ nếu hôm nay ta còn trẻ, ta sẽ không chấp nhận những chuyện này. Có lẽ ta chỉ quan tâm đến tình cảm của mình, và ta sẽ yêu đương. Nhưng đó không phải là cái thế giới mà ta lớn lên. Ta chỉ biết cái gì ta đã nhìn thấy. Cái gì ta chưa từng thấy thì không làm trái tim ta trĩu nặng”.

Tôi ngả người xuống chiếu và nghĩ về điều bà nói. Những lời này có một sự khôn ngoan nào đó, tôi nghĩ; bà đang nói về một thời khác, một nơi khác. Nhưng tôi cũng hiểu sự thất vọng của Auma. Tôi biết rằng, như tôi được nghe câu chuyện về tuổi trẻ của ông chúng tôi, tôi cũng có cảm giác bị phản bội. Hình dung của tôi về Onyango, có thể nói rất nhạt mờ, luôn như là một con người độc đoán - một người hung tợn, có thể. Nhưng tôi cũng tưởng tượng ông là một người độc lập, người của bộ tộc mình, chống lại sự cai trị của người da trắng. Không có cơ sở thật sự nào cho hình dung này, giờ đây tôi nhận thấy - ngoài duy nhất lá thư ông đã viết cho Gramps nói rằng ông không muốn con trai mình lấy người da trắng. Điều đó, và tín ngưỡng hồi giáo của ông, mà trong ý nghĩ của tôi đã trở thành cầu nối với *phong trào hồi giáo da đen* ở Mỹ. Điều bà nói đã hoàn toàn xáo trộn hình dung trong tôi, khiến những từ xấu xí cứ quẩn quanh trong óc tôi.

Túp Lều Bác Tôm. Nhà Nô Lệ. Mật Thám.

Tôi cố giải thích một số điều này với bà, hỏi bà rằng liệu ông chúng tôi có bao giờ thể hiện cảm nhận của mình về người da trắng. Ngay lúc đó, Sayid và Bernard xuất hiện, mắt lơ mờ ngái ngủ, từ trong nhà, và Zeituni chỉ họ những đĩa thức ăn đã được dành riêng cho họ. Không đợi họ ngồi xuống ăn, và Auma và cô gái hàng xóm lấy lại chỗ ngồi trước mặt hai bà già, bà đã trở lại với câu chuyện của mình.

Ta cũng không luôn hiểu những gì ông các con nghĩ. Điều đó thật khó, vì ông không thích người ta biết nhiều về ông. Ngay khi ông nói chuyện với anh, ông cũng quay đi vì sợ anh sẽ biết ông nghĩ gì. Ông cũng vậy với thái độ của mình về người da trắng. Hôm nay ông nói một đằng, và ngày hôm sau cứ như thể ông đang nói một đằng khác. Ta biết ông tôn trọng người da trắng vì sức mạnh của họ, vì máy móc và vũ khí và cách họ tổ chức cuộc sống của mình. Ông nói rằng người da trắng luôn luôn cải thiện mình, trong khi người châu Phi thì ngờ vực bất kỳ điều gì mới mẻ. “Người châu Phi thật trì độn”, đôi khi ông nói với ta. “Y phải ăn đòn mới chịu mó tay làm cái gì đó”.

Nhưng bất chấp những lời đó, ta không nghĩ ông ấy từng có lúc nào tin người da trắng được sinh ra ưu việt hơn người châu Phi. Thật ra, ông không coi trọng nhiều điều trong lối sống của người da trắng hoặc những phong tục của họ. Ông nghĩ nhiều điều họ làm thật ngu xuẩn hoặc không đúng. Bản thân ông, ông không bao giờ để một người da trắng đánh mình. Cũng vì vậy mà ông nhiều lần mất việc. Nếu người da trắng ông làm việc mà lăng nhục ông, ông liền rửa quý tha ma bắt gã đó đi và đi tìm việc khác. Có lần, một ông chủ định dùng gậy đánh ông, và ông đã giật lại cây gậy của y và đập y. Vì điều đó ông bị bắt, nhưng khi ông giải thích sự việc, chính quyền đã thả ông đi với một số tiền phạt và cảnh cáo.

Điều ông ấy coi trọng là sức mạnh. Sự kỷ luật. Đó là lý do, ngay cho dù đã học rất nhiều về lối sống của người da trắng, ông luôn duy trì nghiêm ngặt những truyền thống của Luo. Tôn trọng bề trên. Tôn trọng quyền thế. Trật tự và phong tục có mặt

trong mọi công việc của ông. Đây cũng là lý do ông bỏ đạo Cơ đốc, ta nghĩ vậy. Trong một thời gian ngắn, ông đã cải đạo, và thậm chí đổi tên mình thành Johnson. Nhưng ông không thể hiểu những ý niệm như lòng thương xót với kẻ thù, hoặc chuyện ông Jesus này có thể rửa sạch tội lỗi con người. Với ông, đó là một sự ủy mị ngu xuẩn, một cái gì đó để đồ dành đàn bà. Và thế là ông cải sang đạo hồi - ông nghĩ những tín điều của nó phù hợp gần gũi hơn với những niềm tin của ông.

Thật ra, chính sự cứng rắn này đã gây nên quá nhiều vấn đề giữa ông và Akumu. Đến thời gian ta về sống với ông, bà ấy đã sinh cho Onyango hai đứa con. Đứa đầu là Sarah. Ba năm sau đẻ ra cha anh, Barack. Ta không biết nhiều về Akumu, vì bà ấy và con bà ấy sống với Helima trong khu đất của ông anh ở Kendu, trong khi ta sống với ông ở Nairobi, để giúp ông làm việc ở đó. Nhưng kể khi nào ta cùng đi với ông đến Kendu, ta có thể thấy Akumu chẳng hề hạnh phúc. Tâm hồn bà nổi loạn, và bà thấy Onyango quá đòi hỏi. Ông luôn than phiền rằng bà quán xuyên nhà cửa thật tệ. Ngay trong việc nuôi dạy con, ông cũng nghiêm khắc với bà. Ông bảo bà giữ bọn trẻ trong cũi và mặc cho chúng những quần áo ngộ nghĩnh mà ông mang về từ Nairobi. Bất cứ thứ gì bọn trẻ chạm vào đều phải sạch sẽ hơn trước đó. Helima cố giúp Akumu, và chăm sóc bọn trẻ như thể chúng là con bà, nhưng điều đó chẳng ích gì. Akumu chỉ hơn ta có vài tuổi, và áp lực trên vai bà quá lớn. Và có lẽ Auma đúng... có lẽ bà vẫn còn yêu người đàn ông bà đã lấy trước khi Onyango đưa bà đi.

Bất luận là gì, đã hơn một lần bà cố rời bỏ Onyango. Một lần sau khi Sarah chào đời, và một lần nữa khi sinh Barack. Bất chấp lòng kiêu hãnh, Onyango đuổi theo bà cả hai lần đó, vì ông tin trẻ con thì cần có mẹ. Cả hai lần, gia đình Akumu đều đứng về phía ông, và bà ấy chẳng còn lựa chọn nào ngoài việc quay lại. Rốt cuộc bà đã học cách thực hiện điều được chờ đợi nơi mình. Nhưng bà lặng lẽ gặm nhấm nỗi cay đắng của mình.

Cuộc sống trở nên dễ dàng hơn với bà khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra. Ông anh ra nước ngoài làm đầu bếp cho viên đại úy người Anh, và ta đến sống với Akumu và Helima, giúp hai người trông nom con cái và vụ mùa. Chúng ta không gặp Onyango một thời gian. Ông ta đi khắp nơi cùng những trung đoàn Anh - đến Myanma và Sri Lanka, đến Ả rập, và một số nơi khác ở châu Âu. Ông trở về sau ba năm với chiếc máy hát và tấm hình của người phụ nữ mà ông nhận là đã lấy ở Myanma. Những tấm hình này anh thấy trên tường của ta - chúng được chụp trong thời gian này.

Onyango bảy giờ gần năm mươi. Càng ngày ông càng nghĩ tới việc không làm việc cho người da trắng nữa và trở về với nông trại và đất đai. Mặc dù vậy, ông thấy rằng đất đai quanh Kendu thì đông đúc và bị chặn thả quá mức. Vì vậy tâm trí ông về lại Alego, vùng đất mà ông của ông đã bỏ đi. Ngày nọ ông đến và nói với chúng ta rằng chúng ta nên sửa soạn để rời đến Alego. Ta còn trẻ và thích nghi tốt, nhưng tin đó đến như một cú sốc cho Helima và Akumu. Cả hai gia đình của họ đều sống ở Kendu, và họ đã quen sống ở đó. Helima đặc biệt lo sợ bà sẽ bị bỏ mặc một mình ở nơi mới này, vì bà già gần bằng Onyango và không có con cái riêng mình. Vì vậy bà không chịu đi, Akumu ban đầu cũng từ chối, nhưng một lần nữa gia đình bà thuyết phục bà phải nghe theo chồng và chăm sóc con cái.

Khi chúng ta đến Alego, hầu hết vùng đất mà giờ đây anh thấy là cây bụi, và cuộc sống thật khắc nghiệt với tất cả chúng ta nhưng ông đã nghiên cứu những kỹ thuật nông trại hiện đại trong khi ở Nairobi và ông áp dụng những ý tưởng đó vào thực tế. Ông có thể làm cho bất cứ thứ gì lớn lên, và trong không đầy một năm ông đã phát triển đủ hoa màu để đem bán ở chợ. Ông san phẳng mặt đất để tạo thành bãi cỏ rộng này, và dọn quang đồng ruộng nơi hoa màu của ông mọc cao và sum suê. Ông đã trồng những cây xoài và chuối và đu đủ mà anh thấy ngày nay.

Ông thậm chí bán gần hết gia súc vì ông nói việc chặn thả chúng khiến đất cằn cỗi và bị rửa trôi. Với số tiền này, ông

dựng những lều lớn cho Akumu và ta và một lều cho chính ông. Ông đã mang về một bộ máy thu thanh từ Anh mà ông trưng trên cái kệ, và trên chiếc máy hát của mình ông mở những bản nhạc kỳ lạ đến tận khuya. Khi những đứa con đầu tiên của ta, Omar và Zeituni, chào đời, ông mua cho chúng những cái cũi và áo choàng và mũm giăng muối, cũng như ông đã dành cho Barack và Sarah. Trong lều nấu ăn, ông xây một cái lò trong đó ông nướng bánh mì và bánh ngọt như anh mua ở hiệu.

Hàng xóm của ông ở Alego chưa bao giờ thấy những thứ đó. Ban đầu họ nghi ngờ ông và nghĩ ông ngu ngốc - nhất là khi ông bán đàn gia súc. Nhưng chẳng mấy chốc họ trở nên kính trọng vì sự hào phóng của ông, cũng như những gì ông đã dạy họ về việc nông trại và thảo dược. Họ thậm chí trở nên thông cảm với tính khí ông, vì họ nhận ra rằng ông có thể bảo vệ họ trước yêu thuật phù thủy. Thời đó, người ta thường hỏi ý kiến các pháp sư và rất đổi kính sợ họ. Người ta nói họ có thể cho anh một lá bùa yêu dành cho người anh say mê và những lá bùa khác khiến kẻ thù anh lăn đùng ra chết. Nhưng ông anh, vì đã đi nhiều nơi và đọc nhiều sách, không tin vào những chuyện đó. Ông nghĩ họ là những tên bịp bợm đang lừa gạt tiền mọi người.

Ngay cả bây giờ, nhiều người ở Alego có thể kể anh nghe về cái ngày mà một pháp sư từ tỉnh khác đến để giết một người hàng xóm của chúng ta. Anh này đã tán tỉnh một cô gái gần đó, và hai bên gia đình đã nhất trí rằng họ nên cưới nhau. Tuy nhiên, có một người nữa ham muốn cô gái này, và thế là kẻ theo đuổi đầy dố kỵ ấy đã thuê một pháp sư giết kẻ tình địch. Khi anh hàng xóm của chúng ta nghe kế hoạch này, anh ta trở nên rất sợ sệt, và đến Onyango xin lời khuyên. Ông nghe chuyện của người đàn ông, đoạn chụp lấy cây dao rựa và cây roi da hà mã, và chạy tới đầu đường chờ tay pháp sư.

Chẳng phải đợi lâu, Onyango đã thấy lão pháp sư đang tiến tới, tay mang một chiếc rương nhỏ đựng những lá bùa. Khi lão pháp sư đã đến gần, ông anh đứng giữa đường và nói, "Hãy

quay về nơi ông đã ra đi". Lão pháp sư không biết Onyango là ai, và làm như ông ta sắp đi qua, nhưng Onyango chặn đường ông ta và nói, "Nếu ông có quyền lực như ông tuyên bố, giờ đây ông hãy cho sấm sét đánh tôi. Nếu không, ông nên chạy đi, đi khỏi làng nay ngay lập tức, bằng không tôi sẽ đập ông". Một lần nữa, lão pháp sư làm như thể ông ta sắp đi qua, nhưng trước khi lão có thể bước tiếp, Onyango đã đánh lão lăn ra đất, giật lấy chiếc rương của lão, và chạy về khu đất của mình.

Ồ, đây là một chuyện rất nghiêm trọng, nhất là khi ông của anh không chịu trả lại những lá bùa của lão pháp sư. Ngày hôm sau, hội đồng trưởng lão tụ tập dưới bóng cây để giải quyết vụ gây lộn này, và Onyango và lão pháp sư đều được triệu đến và điều trần sự việc. Đầu tiên lão pháp sư đứng dậy và nói với các trưởng lão rằng nếu Onyango không lập tức trả lại cái rương, một tai ương sẽ giáng lên cả làng này. Bấy giờ Onyango đứng dậy, và lặp lại những lời ông đã nói trước đó. "Nếu người này có phép yêu thuật, hãy để lão ta nguyện rửa tội ngay bây giờ và vật tôi chết trước". Các trưởng lão nghiêng người đi vì sợ quỷ thần có thể đánh trượt mục tiêu. Nhưng họ sớm thấy rằng chẳng có quỷ thần nào đến cả. Thế là Onyango quay qua người đã thuê lão pháp sư và nói, "Đi mà tìm cho mình một người đàn bà khác, và để người này yên với người đàn ông cô ấy đã hứa hôn". Và với lão pháp sư Onyango nói, "Hãy trở về nơi của ông, vì sẽ chẳng có giết chóc gì ở đây cả".

Tất cả các trưởng lão nhất trí với những điều đó. Nhưng họ một mực đòi Onyango phải trả cái rương cho lão pháp sư, vì họ không muốn chịu bất cứ rủi ro nào cả. Onyango cũng đồng ý, và khi cuộc họp kết thúc, ông đưa lão pháp sư về lều của mình. Ông sai ta giết một con gà dãi lão pháp sư, và thậm chí cho tiền lão để chuyển đi đến Alego của lão không đến nỗi uổng công. Nhưng trước khi ông anh để lão đi, ông bắt lão cho ông thấy những thứ bên trong cái rương và giải thích đặc tính của mỗi loại thuốc bùa, để ông có thể biết tất cả những trò bịp bợm mà bọn pháp sư thực hiện.

Ngay cho dù Onyango có dùng một trong những thứ bùa này trên Akumu đi nữa, tôi không nghĩ ông có thể làm cho bà ấy vui. Bất luận ông đánh đập bà đến thế nào, bà vẫn chống đối ông. Bà cũng rất kiêu hãnh và tỏ ra khinh miệt ta, và thường không chịu mớ tay giúp đỡ những việc vặt vãnh trong nhà. Bà ấy có một đứa con thứ ba - tên Auma, như Auma đang ngồi ở đây - và khi bà cho đứa nhỏ này bú, bà đã ngấm ngấm tính chuyện bỏ trốn. Đêm nọ, khi Sarah được mười hai và Barack được chín tuổi, bà ta lên đường ra đi. Bà đập Sarah dậy và nói rằng bà đang trốn đến Kendu. Bà bảo Sarah rằng cuộc hành trình vào ban đêm với một đứa trẻ thật là khó khăn, nhưng bảo chúng nên theo bà ngay khi chúng lớn hơn một chút. Đoạn bà biến mất cùng đứa nhỏ vào bóng tối.

Khi Onyango hay chuyện gì đã xảy ra, ông diên tiết. Ban đầu ông nghĩ mình rất cuộc nên để Akumu đi, nhưng khi ông thấy Barack và Sarah hầy còn bé, và thậm chí tôi, với hai đứa con của mình, vẫn chẳng hơn gì một cô gái, ông một lần nữa đến nhà Akumu ở Kendu và yêu cầu bà trở lại. Nhưng lần này gia đình đã từ chối. Thật ra, họ đã nhận của hồi môn để Akumu tái hôn với một người khác, và Akumu cùng người chồng mới đã rời đến Tanganyika. Onyango chẳng làm sao được nữa, ông trở về Alego. Ông tự nói với mình, "Chẳng là gì cả", và ông bảo ta rằng giờ đây ta là mẹ của tất cả những đứa con ông.

Cả ông lẫn ta không ai biết về lần thăm cuối cùng của Akumu với Sarah. Nhưng Sarah đã nhớ những lời dặn dò của mẹ, và chỉ vài tuần trôi qua trước khi nó đánh thức Barack vào nửa đêm, cũng như mẹ nó đã làm với nó. Nó suýt Barack hầy im lặng, giúp thẳng nhỏ mặc đồ, và cả hai bắt đầu cuộc bộ trên đường đến Kendu. Ta vẫn lấy làm lạ là cả hai vẫn còn sống. Chúng đi gần hai tuần ròng rã, đi nhiều dặm mỗi ngày, trốn tránh những ai tình cờ thấy chúng trên đường, ngủ trên ruộng đồng và xin ăn. Không cách Kendu bao xa, chúng lạc đường, và một phụ nữ tốt cuộc trông thấy chúng và rủ lòng thương, vì chúng bẩn thỉu nhếch nhác và sắp chết đói. Người này đưa chúng về và cho chúng ăn, và hỏi tên chúng; và khi bà nhận ra

chúng liền gởi chúng về cho ông của anh. Và khi Onyango đến đón chúng, và thấy vẻ thảm hại của chúng, đây là lần đầu tiên mà người ta thấy ông khóc.

Bọn trẻ không bao giờ tìm cách trốn chạy lần nữa. Nhưng ta không nghĩ chúng quên được cuộc hành trình của mình. Sarah giữ một khoảng cách thận trọng với Onyango, và trong trái tim nó vẫn giữ lòng trung thành với Akumu, vì nó là đứa lớn hơn, và có lẽ đã thấy cách ông già đối xử với mẹ nó. Ta tin nó cũng oán giận ta đã thế chỗ mẹ nó. Barack phản ứng khác. Nó không thể tha thứ việc mình bị bỏ rơi, và hành động như thể Akumu không tồn tại. Nó nói với mọi người rằng ta là mẹ nó, và mặc dù vẫn gởi tiền cho Akumu khi nó đã trở thành một người đàn ông, đến cuối đời nó vẫn luôn đối xử lạnh nhạt với bà ấy.

Điều lạ là trong nhiều phương diện Sarah giống cha nhất là cá tính. Nghiêm khắc, tích cực và chu đáo, dễ nổi giận. Trong khi Barack thì man dại và bướng bỉnh như Akumu. Nhưng dĩ nhiên những điều như vậy người ta không tự mình thấy được.

Như anh có thể nghĩ, Onyango rất nghiêm khắc với con cái. Ông bắt chúng làm việc vất vả, và không cho phép chúng chơi bên ngoài khu đất, vì ông nói những đứa trẻ khác thì bẩn thỉu và mất dạy. Hễ khi nào Onyango đi xa, ta lại lờ đi những chỉ thị này, vì trẻ con thì cần phải chơi với trẻ con, cũng như phải ăn và ngủ vậy. Nhưng ta không bao giờ kể cho ông ấy nghe chuyện ta làm, và ta phải tắm rửa chúng sạch bong trước khi ông ấy về nhà.

Điều này không dễ, nhất là với Barack. Thành bé này thật tinh quái! Khi có mặt Onyango, nó tỏ ra dễ bảo và ngoan ngoãn, và không bao giờ trả lời lại khi cha bảo nó làm điều gì. Nhưng sau lưng ông cụ, Barack toàn làm theo ý mình. Khi Onyango đi xa vì công việc, Barack liền cởi bỏ áo quần tử tế và lĩnh đi với những đứa trẻ khác để chơi đấu vật hoặc bơi trên sông, đi hái trộm trái cây của hàng xóm hoặc cưỡi bò của họ. Những người hàng xóm ngại mách trực tiếp Onyango, vì vậy họ đến với ta và than phiền về những chuyện này. Nhưng ta không thể nổi giận



với Barack, và luôn che đậy những trò đại dột của nó khỏi con mắt Onyango, vì ta yêu nó như con ruột mình.

Mặc dù không thích biểu lộ ra, ông cháu rất cưng Barack, vì đứa trẻ này rất sáng dạ. Khi Barack hãy còn bé bỏng, Onyango đã dạy nó bảng chữ cái và các con số, và chẳng lâu la gì nó đã vượt cha mình những môn này. Điều này khiến Onyango hài lòng, vì với ông tri thức là nguồn sức mạnh người da trắng, và ông muốn đảm bảo rằng con trai ông phải được ăn học như bất kỳ người da trắng nào. Ông ít bận tâm đến chuyện học hành của Sarah hơn, mặc dù Sarah cũng lanh lợi như Barack. Hầu hết đàn ông đều cho rằng việc cho con gái học hành chỉ lãng phí tiền bạc. Khi Sarah hoàn tất bậc tiểu học, nó đến nài xin Onyango học phí để vào trường trung học. Ông ấy nói với nó, "Sao ta phải cho mày tiền học để rồi rốt cuộc mày sẽ đến sống trong nhà một người đàn ông khác? Hãy đi giúp mẹ mày và học cách trở thành một người vợ đảm đang".

Điều đó tạo thêm nhiều va chạm giữa Sarah và em trai nó, nhất là vì nó biết rằng Barack không phải luôn nghiêm túc trong chuyện học của mình. Mọi thứ đều quá dễ dàng với nó. Ban đầu nó đến học một trường truyền giáo gần đó, nhưng trở về sau ngày đầu tiên và nói với cha rằng mình không thể học ở đó vì lớp cậu do một phụ nữ dạy và nó biết hết mọi thứ mà bà ta phải dạy. Thái độ này là nó học từ cha mình, vì vậy Onyango không thể nói gì. Trường gần nhất kế tiếp cách nhà sáu dặm, và tôi bắt đầu phải đi bộ với nó đến trường này mỗi sáng. Giáo viên ở đó là đàn ông, nhưng Barack nhận ra rằng điều này không giải quyết vấn đề của nó. Nó luôn biết câu trả lời, và đôi khi thậm chí còn chữa những sai lầm của thầy giáo trước cả lớp. Thầy giáo rất gắt gỏng với Barack vì sự xấc xược của mình, nhưng Barack tuyệt không chịu chùn bước. Điều này khiến Barack nhiều lần bị thầy hiệu trưởng đánh đòn. Nhưng đồng thời hắn đã dạy cho nó một điều gì đó, vì năm sau, khi chuyển sang một lớp học với giáo viên nữ, ta thấy nó chẳng kêu ca gì.

Tuy vậy, nó rất chán trường học, và khi lớn hơn, nó đã bỏ học mỗi lần đến mấy tuần liền. Vài ngày trước khi thi, nó tìm một bạn cùng lớp và đọc hết bài học. Nó có thể ngồi tự học mọi thứ chỉ trong một vài ngày, và khi điểm phát ra, nó luôn đứng đầu. Có lần không được đứng nhất, nó đến với ta trong bộ dạng đầm đìa nước mắt, vì nó đã không dùng hết sức của mình. Nhưng điều này diễn ra chỉ có một hai lần - thường thì nó về nhà trong tiếng cười đùa và khoe khoang về sự thông minh của mình.

Barack chẳng có thâm ý gì trong những lời khoe khoang của mình - nó luôn tốt bụng với bạn bè, và giúp đỡ mỗi khi họ cần. Sự khoe khoang của nó như là của một đứa trẻ nhận thấy mình có thể chạy nhanh hoặc săn bắn giỏi vậy. Vì vậy nó không hiểu là người khác có thể oán giận sự thành thoi của nó. Ngay khi đã là một người đàn ông, nó vẫn không hiểu những điều đó. Trong một quán rượu hoặc một nhà hàng, nó thấy những bạn cùng lớp của mình giờ đã là bộ trưởng hoặc doanh nhân, và trước mặt mọi người nó vẫn nói với họ rằng những ý tưởng của họ thật ngớ ngẩn. Nó những nói với họ, "Ồi, tôi nhớ tôi đã phải dạy anh môn số học, thế mà làm thế nào giờ đây anh lại là một nhân vật lớn thế này?" Rồi cười và mua bia cho họ, vì nó cũng quý mến họ. Nhưng những gã này vẫn còn nhớ cái thời đi học, và biết những gì Barack nói thật đúng, và mặc dù không thể hiện ra, lời của anh ta làm họ tức giận.

Lúc cha cháu là một thanh thiếu niên, mọi chuyện thay đổi rất nhanh ở Kenya. Nhiều người châu Phi đã chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Họ mang vũ khí và tự phân biệt mình như những chiến binh vĩ đại ở Myanmar và Palestine. Họ đã thấy người da trắng đánh nhau với chính đồng loại mình, và đã chết bên cạnh người da trắng, và bản thân cũng giết nhiều người da trắng. Họ đã học được rằng một người châu Phi cũng có thể sử dụng máy móc của người da trắng và đã gặp nhiều người da đen từ Mỹ lái máy bay và thực hiện phẫu thuật. Khi họ trở lại Kenya, họ hăm hở chia sẻ sự hiểu biết mới này và không còn bằng lòng với sự cai trị của người da trắng nữa.

Người ta bắt đầu nói về sự độc lập. Những cuộc mít tinh và biểu tình được tổ chức, và những đơn thỉnh cầu được đệ trình lên nhà chức trách kêu ca về sự ỷ quyền tước đoạt đất và quyền của những thủ lĩnh được chỉ định lao động tự do cho những dự án của nhà nước. Cả những người châu Phi được học hành trong những trường truyền giáo giờ đây cũng phản lại giáo hội nhà mình và buộc tội người da trắng đã bóp méo giáo lý Cơ đốc để hạ thấp phẩm giá người Phi Châu. Cũng như trước kia, hầu hết những động thái này tập trung ở vùng Kikuyu, vì bộ lạc đó phải chịu đựng sự đè nén của người da trắng nặng nề nhất. Nhưng người Luo cũng bị áp bức, một nguồn lao động cưỡng bức. Những đàn ông trong vùng chúng ta bắt đầu tham gia vào các cuộc biểu tình của người Kikuyu. Và về sau, khi người Anh tuyên bố Tình trạng khẩn cấp, nhiều người đã bị bắt bớ giam cầm, một số họ không bao giờ trở về nữa.

Như những thanh niên khác, cha cháu hẳn đã bị những lời xì xào đầu tiên về sự độc lập tác động, và từ trường về nhà nó đã nói về những cuộc mít tinh mà mình đã thấy. Ông cháu tán đồng với nhiều yêu sách của những đảng phái đầu tiên như Liên minh dân tộc châu Phi Kenya (KANU), nhưng ông vẫn ngờ vực rằng phong trào độc lập có thể dẫn đến bất cứ chuyện gì, vì ông nghĩ người châu Phi không bao giờ có thể thắng quân đội người da trắng. “Người châu Phi làm sao có thể đánh bại người da trắng”, ông nói với Barack, “khi mà anh ta thậm chí không tự làm nổi một chiếc xe đạp?” Và ông nói rằng người châu Phi không bao giờ có thể thắng người da trắng vì người da đen chỉ muốn làm việc với chính gia đình hoặc thị tộc mình, trong khi tất cả người da trắng đều nỗ lực tăng cường sức mạnh của mình. “Mỗi một người da trắng như một con kiến vậy”, Onyango nói. “Anh ta có thể dễ dàng bị đè bẹp. Nhưng như con kiến, người da trắng cộng tác với nhau. Quốc gia anh ta, công việc anh ta - những thứ đó quan trọng với anh ta hơn bản thân anh ta. Anh ta sẽ phục tùng lãnh đạo của mình một cách tuyệt đối không thắc mắc. Người da đen không giống như thế. Ngay đến một người da đen ngu xuẩn

nhất cũng nghĩ mình hiểu biết hơn người thông thái. Đó là lý do tại sao người da đen luôn thua thiệt”.

Mặc dù thái độ của mình, ông cháu có lần đã bị bắt giam. Một người châu Phi làm việc cho ủy viên hội đồng quận đổ kị với đất đai của ông. Gã này từng bị ông quở trách vì đã thu thuế quá mức và cho tiền vào túi riêng. Trong suốt Thời kỳ khẩn cấp, người này đã đưa tên Onyango vào danh sách những người ủng hộ đảng Kanu và báo với người da trắng rằng Onyango là một kẻ muốn lật đổ. Toán vệ binh bản địa của người da trắng đến đưa Onyango đi, và ông bị đưa vào một trại giam. Cuối cùng ông bị ra hầu tòa, và người ta nhìn nhận ông vô tội. Nhưng ông đã phải ở trại giam hơn sáu tháng, và khi ông trở lại Alego ông rất ốm yếu và bần thủ. Ông đi lại khó khăn, và đầu ông đầy chấy rận. Ông rất đổi xấu hổ, và ông không chịu bước vào nhà hoặc kể chúng ta nghe chuyện gì đã xảy ra. Thay vì vậy, ông sai ta đun nước và đưa ông một con dao cạo. Ông cạo trọc đầu, và ta đã phải giúp ông tắm rửa một thời gian dài, ngay nơi cháu đang ngồi đây. Và kể từ ngày đó, ta thấy bấy giờ ông đã là một người già.

Barack lúc ấy xa nhà và chỉ nghe về việc giam cầm này sau đó. Cha cháu đã dự kỳ thi quận, và được nhận vào Trường truyền giáo Maseno, khoảng năm mươi dặm về phía nam, gần đường xích đạo. Đây lẽ ra là một vinh dự lớn đối với Barack, vì rất ít người châu Phi học được đến trung học, và chỉ những học sinh giỏi nhất mới vào được trường Maseno, nhưng bản tính nổi loạn của cha cháu gây cho trường rất nhiều rắc rối. Nó lên đưa con gái vào phòng ngủ tập thể của mình, vì nó nói chuyện rất có duyên với các cô gái và hứa hẹn tất cả những gì họ mong ước. Cha cháu và bạn bè đã ăn trộm gà và khoai mỡ trong những nông trại gần đó, vì họ không thích đồ ăn của ký túc xá. Các giáo viên ở trường đã lơ đi nhiều sự vi phạm này, vì họ thấy cha cháu quả thông minh làm sao. Nhưng rốt cuộc Barack đã đi quá xa với sự tai quái của mình và cuối cùng bị đuổi.

Onyango giận dữ đến độ khi ông biết ra, ông lấy roi đánh Barack đến độ lưng Barack rướm máu. Nhưng Barack không thèm chạy hoặc kêu la, hoặc thậm chí mở miệng phân trần với cha. Cuối cùng, Onyango nói với Barack, "Nếu con không thể cư xử đàng hoàng trong khu đất này, thì con ở đây chẳng có ích gì nữa!" Tuần sau, Onyango bảo Barack rằng đã thu xếp cho nó đi ra miền biển, nó sẽ làm một thư ký ở đó. "Giờ đây con sẽ học biết giá trị của giáo dục", ông nói. "Ta sẽ thấy con tận hưởng cuộc sống thế nào, tự kiếm cái ăn thế nào".

Barack chẳng có lựa chọn nào ngoài việc vâng lời cha. Nó đi đến Mombasa và nhận việc, trong văn phòng của một thương nhân Ả Rập. Nhưng một thời gian ngắn sau, nó cãi vã với ông này và ra đi mà không thèm nhận lương. Sau đó cha cháu tìm được một việc thư ký khác, nhưng lương bèo hơn. Nó quá kiêu hãnh để nhờ cha giúp đỡ hoặc nhận là mình đã sai. Tuy nhiên, tin tức đã đến tai Onyango, và khi Barack về thăm nhà, ông đã quát tháo rằng rồi cha cháu sẽ chẳng nên trò trống gì. Barack cố cãi Onyango rằng công việc mới lương cao hơn nhiều so với cái việc mà Onyango đã thu xếp. Nó nói mình đang kiếm được hơn một trăm rưỡi đồng mỗi tháng. Onyango nói, "Đưa ta coi bảng lương của anh, nếu quả thật anh giàu như vậy". Và khi Barack không nói gì, Onyango biết rằng con trai mình đã nói dối. Ông đi vào lều và bảo Barack hãy đi đi vì nó đã khiến ông nhục nhã quá.

Barack đến Nairobi và tìm được một chân thư ký cho ngành đường sắt. Nhưng nó lại buồn chán, và bị xao lãng bởi đời sống chính trị của miền quê. Người Kikuyu đã bắt đầu những cuộc chiến đấu trong rừng. Khắp mọi nơi có những đại hội gọi là giải phóng lao tù Kenyatta. Barack bắt đầu tham gia những cuộc mít tinh chính trị sau khi làm việc và quen biết một số nhân vật lãnh đạo đảng KANU. Tại một trong những cuộc mít tinh này, cảnh sát ập đến, và Barack bị bắt vì tội vi phạm luật mít tinh. Nó bị tống giam, và nhận tin về cha rằng anh cần tiền để được bảo lãnh. Nhưng Onyango từ chối và nói với ta rằng con trai mình cần phải học tốt những bài học của mình.

Vì không phải một người lãnh đạo trong đảng KANU, Barack được phóng thích vài ngày sau. Nhưng chẳng thấy hạnh phúc gì, vì nó bắt đầu nghĩ rằng có lẽ lời cha nói là đúng - anh sẽ chẳng làm nên trò trống gì. Anh đã là một người đàn ông hai mươi tuổi và anh có được gì? Anh đã bị sa thải khỏi ngành đường sắt. Anh bị cha ghê lạnh, và không tiền bạc không hy vọng. Và bây giờ anh có một vợ và một con. Nó đã gặp Kezia khi chỉ mới mười tám. Khi ấy cô sống ở Kendu với gia đình mình. Nó say mê vẻ đẹp của cô, và sau một thời gian tìm hiểu gần gũi đã quyết định sẽ lấy cô. Làm vậy, nó biết rằng cha sẽ không chịu giúp thanh toán khoản hồi môn, và vì vậy nhờ ta xin giúp. Ban đầu Onyango cự tuyệt, và Sarah, vốn đã trở lại Alego sau khi người chồng đầu tiên chết, cũng không tán thành. Con bé nói với ông rằng Kezia chỉ muốn kiểm soát tài sản gia đình này. Nhưng ta bảo Onyango rằng thật không ổn khi để Barack phải xin xỏ của hồi môn từ những người họ hàng khi ai ai cũng biết nó là con trai của một người đàn ông phong lưu giàu có. Onyango thấy rằng ta nói đúng, và ông ấy mỉm cười. Một năm sau khi Barack và Kezia lấy nhau, Roy chào đời. Hai năm sau đó đến lượt Auma.

Để nuôi nấng gia đình, Barack đã phải làm bất kỳ công việc gì tìm được, và cuối cùng nó đã thuyết phục được một người Ả Rập khác, tên Suleiman, nhận vào làm chân chạy việc vặt ở cơ quan. Nhưng Barack vẫn ngā lòng sâu sắc, đến độ gần như tuyệt vọng. Nhiều người trạc tuổi nó ở trường Maseno, những kẻ chẳng được thiên bẩm như anh, đã xong đại học Makerere ở Uganda rồi. Một số họ thậm chí đã đến Luân Đôn nghiên cứu. Họ có thể chờ đợi những công việc quan trọng khi họ trở lại một Kenya tự do. Barack nhận thấy mình có khi mình phải tiếp tục làm một chân thư ký cho những người này đến mãi đời.

Bây giờ, vận tốt đã điểm, trong hình dạng của hai phụ nữ Mỹ. Họ đang dạy học ở Nairobi, có liên hệ với một tổ chức tôn giáo nào đó, ta nghĩ, và ngày nọ họ đến cơ quan nơi Barack đang làm việc. Cha cháu nói chuyện làm quen với họ, và chẳng mấy chốc hai người này đã trở thành bạn của nó. Họ cho nó

mượn sách đọc và mời nó đến nhà họ, và khi họ nhận thấy sự thông minh ở nó, họ bảo lẽ ra nó nên vào đại học. Nó giải thích rằng mình không có tiền và cũng chẳng có chứng chỉ trung học, nhưng họ nói họ có thể thu xếp cho nó một khóa học hàm thụ vốn có thể mang lại giấy chứng chỉ nó cần. Nếu nó đạt, họ nói, họ sẽ ráng giúp nó vào được một trường đại học ở Mỹ.

Barack trở nên rất phấn khích và lập tức viết đơn xin học hàm thụ. Lần đầu tiên trong đời nó làm việc một cách sốt sắng. Hàng đêm, và suốt những giờ ăn trưa, nó nghiền cứu sách và làm bài tập trong vở. Vài tháng sau, nó dự thi tại đại sứ quán Mỹ. Cuộc thi phải mấy tháng sau mới có điểm, và suốt thời gian chờ đợi này cha anh căng thẳng đến độ hầu như không ăn uống gì được. Nó trở nên gầy ốm đến mức chúng ta nghĩ nó chẳng thể sống nổi. Ngày nọ, thư báo đến. Ta không có ở đó để thấy nó mở thư. Ta biết rằng khi báo tin cho ta, cha cháu vẫn còn thét lên vì hạnh phúc. Và ta cũng cười theo, vì đây chẳng khác nào những lần của nhiều năm về trước, khi cha cháu thường về nhà sau giờ học để khoe khoang về những điểm số của mình.

Mặc dầu vậy, cha cháu vẫn không có tiền, và chưa trường đại học nào nhận nó. Onyango đã mềm lòng với con trai khi ông thấy nó đang trở nên có trách nhiệm hơn, nhưng thậm chí ông vẫn không lo đủ tiền đóng học phí đại học và chi phí ra nước ngoài. Vài người trong làng sẵn lòng giúp đỡ, nhưng nhiều người ngại khi Barack cầm tiền đi rồi họ sẽ chẳng bao giờ thấy lại nó nữa. Vì vậy Barack đã viết thư cho các trường đại học ở Mỹ. Cha cháu viết và viết. Cuối cùng, một trường đại học ở Hawaii hồi đáp rằng họ sẽ cấp cho nó một học bổng. Không ai biết trường này ở đâu, nhưng Barack bắt chấp. Cha cháu thu xếp người vợ đang có mang và đưa con trai đến ở với ta, và không đầy một tháng sau nó lên đường.

Chuyện gì xảy ra ở Mỹ, ta không thể biết. Ta biết rằng sau chưa đến hai năm chúng ta nhận được một lá thư từ Barack nói rằng mình đã gặp cô gái Mỹ, tên Ann, và nó muốn lấy cô ấy.

Bấy giờ, Barry, cháu đã biết rằng ông cháu phản đối cuộc hôn nhân này. Đó là sự thực, nhưng không phải vì những lý do anh kể. Cháu hiểu không, Onyango không tin cha cháu đang cư xử một cách có trách nhiệm. Ông viết lại cho Barack, nói, “Anh sao có thể lấy người phụ nữ da trắng này khi anh còn những trách nhiệm ở quê nhà? Liệu người này sẽ quay về cùng anh và sống như một phụ nữ Luo? Liệu cô ấy có chấp nhận chuyện anh đã có vợ và con? Ta chưa từng nghe người da trắng hiểu được những chuyện như thế. Phụ nữ của họ ghen tuông và thường được nuông chiều. Nhưng nếu ta sai trong vấn đề này, hãy để cha cô gái đến lều ta và bàn bạc chuyện này đầu ra đó. Vì đây là chuyện của người lớn, không phải của bọn trẻ con”. Ông cũng viết cho ông ngoại cháu Stanley và nói nhiều điều tương tự như vậy.

Như cháu biết, cha cháu đã thẳng tiến tới hôn nhân. Nó chỉ báo với Onyango chuyện gì xảy ra sau khi cháu chào đời. Tất cả chúng ta lấy làm hạnh phúc trước cuộc hôn nhân này, vì nếu không có nó làm sao chúng ta có cháu đang ngồi đây với chúng ta. Nhưng bấy giờ ông cháu rất giận, và dọa sẽ hủy bỏ thị thực lưu trú của Barack. Và vì đã sống với người da trắng, có lẽ Onyango hiểu phong tục người da trắng hơn Barack. Vì khi Barack cuối cùng trở lại Kenya, chúng ta thấy rằng cháu và mẹ cháu đã ở lại phía sau, đúng như lời Onyango đã cảnh cáo.

Chẳng mấy lâu sau khi Barack về, một phụ nữ da trắng đã đến Kisumu tìm nó. Ban đầu chúng ta nghĩ đây hẳn là mẹ anh, Ann. Brack phải giải thích rằng đó là một người khác, Ruth. Nó đã gặp cô ta tại Harvard và rằng cô ta đã theo đến Kenya mà nó không biết. Ông cháu không tin chuyện này và nghĩ rằng một lần nữa Barack đã không nghe lời ông. Nhưng ta không chắc như thế vì, thật ra, ban đầu Barack có vẻ miễn cưỡng phải lấy Ruth. Ta không biết rốt cuộc cái gì đã ảnh hưởng nó. Có lẽ anh ta thấy Ruth sẽ hợp hơn với cuộc sống mới của nó. Hoặc có thể nó nghe đồn đại rằng Kezia đã có nhiều trò vui thú trong thời gian nó vắng mặt, ngay khi ta bảo rằng những lời đồn thổi đó không đúng. Hoặc có lẽ nó quan tâm đến Ruth nhiều hơn



nó muốn thú nhận.

Bất luận lý do gì, ta biết rằng Barack đồng ý lấy Ruth, cô ta không thể chấp nhận cái điều cha cháu đã có một vợ nữa là Kezia. Đó là hoàn cảnh mà bọn trẻ phải đến sống với cha chúng và cuộc sống mới của cha cháu ở Nairobi. Khi Barack đưa Auma và Roy trở về thăm nhà, Ruth không chịu đi cùng và không để Barack đưa David hoặc Mark đi. Onyango không tranh luận trực tiếp với Barack chuyện này. Nhưng ông đã nói với bạn bè mình, trong một cung cách mà Barack có thể nghe ông, "Con trai tôi đã là một người đàn ông rồi, nhưng khi nó về nhà thì chính mẹ phải nấu cho nó ăn chứ không phải vợ".

Những người khác đã nói cháu hay chuyện gì đã xảy ra với cha cháu ở Nairobi. Chúng ta hiếm khi gặp cha cháu, và nó luôn ở lại chỉ trong thời gian ngắn ngủi. Hễ khi nào về, nó đều mang cho chúng ta những món quà đắt giá và gây ấn tượng mọi người với chiếc xé hộp to và quần áo sang trọng. Nhưng ông cháu vẫn cứ nói chuyện một cách khắc nghiệt với cha cháu, như thể nó vẫn là một đứa trẻ. Onyango bấy giờ đã rất già. Ông ấy phải đi lại bằng gậy và gần như lòa. Ông thậm chí không thể tắm rửa được nếu không có ta giúp, điều ta nghĩ làm ông xấu hổ. Nhưng tuổi tác không làm dịu đi tính khí của ông.

Sau này, khi Barack suy sụp, nó cố giấu giếm vấn đề của mình với ông cụ. Cha cháu tiếp tục mang tới những món quà mà nó không thể kham nổi nữa, mặc dù chúng ta thấy rằng nó đến bằng taxi thay vì xe hơi của mình. Chỉ duy nhất với ta nó chịu thổ lộ sự bất hạnh và thất vọng của mình. Ta nói với cha cháu rằng nó quá ương ngạnh khi làm việc với nhà nước. Nó nói với ta về những nguyên tắc, và ta nói với nó rằng những nguyên tắc ấy đã đè nặng lên các con của mình. Nó nói rằng ta không hiểu chuyện, thật y như kiểu ông cháu đã nói với ta. Thế là ta thôi không khuyên nhủ mà chỉ lắng nghe.

Đó là điều Barack cần nhất, ta nghĩ - một người nào đó biết lắng nghe. Ngay sau khi mọi chuyện một lần nữa đã cải thiện đối với nó, và nó đã xây dựng ngôi nhà này cho chúng ta, nó vẫn rất

phiền muộn. Với con cái, cha anh đối xử y như cách Onyango đã đối xử với nó. Nó thấy đang tự đẩy chúng đi xa vòng tay mình, nhưng chẳng thể làm gì. Cha cháu vẫn thích khoác lác và cười đùa và uống rượu với những gã đàn ông. Nhưng tiếng cười của nó trống rỗng. Ta nhớ lần cuối cùng nó đến thăm Onyango trước khi ông cụ mất. Hai người họ ngồi trên ghế của mình, đối mặt nhau và mạnh ai nấy ăn, không nói một lời. Vài tháng sau, khi cuối cùng Onyango đã về với tổ tiên, Barack về nhà để thu xếp tất cả. Nó rất ít nói, và chỉ khi nó soạn ra vài thứ đồ dùng cá nhân của ông cụ và ta thấy nó bắt đầu khóc.

Bà đứng dậy và phủi những cọng cỏ trên váy. Sân im ắng, sự tĩnh lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng rung khắc khoải của một con chim. “Trời sắp mưa rồi”, bà nói, và tất cả chúng tôi dọn chiếu tách và đưa chúng vào nhà.

Trong nhà, tôi hỏi bà có còn giữ di vật gì của Ông Già hoặc ông tôi không. Bà vào buồng ngủ, sắp xếp các thứ trong một cái rương bằng da cũ. Vài phút sau, bà xuất hiện với một quyển sổ màu gì kích cỡ bằng một tấm hộ chiếu, cùng vài tờ giấy có màu sắc khác biệt, kẹp lại với nhau, và bị găm mất một góc dọc theo cạnh.

“Ta e rằng đây là tất cả những gì ta có thể tìm thấy”, bà nói với Auma. “Bọn chuột đã tấn công trước khi ta kịp giấu kỹ chúng”.

Auma và tôi ngồi xuống và xếp quyển sách cùng những tờ giấy trên cái bàn thấp trước mặt chúng tôi. Bìa quyển sách màu đỏ đã rách vụn, nhưng những chữ trên đó vẫn rõ ràng: *Sổ tay đăng ký của người làm trong nhà*, và dưới dòng chữ nhỏ hơn, *Phát hành dưới quy định của Cơ quan quản lý người làm trong nhà, 1928, Thuộc địa và chính phủ bảo hộ Kenya*. Bìa trong của quyển sách, chúng tôi thấy một con tem hai đồng phía trên hai dấu ấn chỉ ngón cái tay trái và phải của Onyango. Những hình xoắn vẫn rõ ràng, như một vết hằn của san hô vậy. Cái hộp vốn từng đựng những tấm ảnh giờ đây trống không.

Lời tựa giải thích: *Mục đích của quy định này là cung cấp cho mọi người làm công việc trong nhà một chứng nhận về khả năng đối với công*

việc đặc thù, và bảo vệ quyền lợi của anh hoặc cô ấy cũng như để bảo đảm những người chủ khỏi gặp phải những người không thích hợp làm việc đó.

Mục người làm được xác định: đầu bếp, người làm trong nhà, người hầu bàn, quản gia, vú em, đầy tớ, hầu rượu, người hầu, tài xế, hoặc thợ giặt nam. Luật quy định việc mang theo những sổ tay này: người làm được phát hiện đang làm việc mà không có sổ này, hoặc làm tổn hại nó dưới mọi hình thức, có thể bị phạt không quá một trăm đồng hoặc bị phạt tù không quá sáu tháng hoặc cả hai. Và sau đó, những chi tiết của một người làm được đăng ký, điền bằng một nét chữ thanh nhã, khoan thai của một thư ký vô danh:

Tên: *Hussein II Onyango.*

Số đăng ký bản địa: *Rwl A NBI 0976717.*

Chủng tộc hoặc Bộ tộc: *Luo.*

Nơi trường trú khi không làm việc: *Kisumu.*

Giới tính: *Nam.*

Tuổi: *35.*

Chiều cao và vóc người: *1m93, vùa người.*

Nước da: *Đen.*

Mũi: *Tẹt.*

Miệng: *Rộng.*

Tóc: *Xoăn.*

Răng: *Khuyết sáu cái.*

Seo, dấu bộ tộc hoặc những dị hình khác: *Không.*

Về cuối quyển sách, chúng tôi thấy những chi tiết về công việc, được ký và xác nhận bởi nhiều ông chủ khác nhau. Đại úy C. Harford của Dinh thống đốc Nairobi nói rằng Onyango đã làm bốn phần của một người giúp việc với sự cần cù đáng khen. Ông A. G. Dickson khen

ông nấu ăn tuyệt vời - ông có thể đọc và viết tiếng Anh và làm theo bất kỳ công thức nào ngoài những món khác bánh ngọt của ông ngon tuyệt. Ông ta không còn cần Onyango phục vụ nữa vì Tôi không còn ở Safari. Bác sĩ H. H. Sherry cho rằng Onyango là một người nấu bếp tài năng nhưng việc đó không xứng với ông. Mặt khác, ông Arthur W. H. Cole của Ban khảo sát Đông Phi nói rằng sau một tuần làm việc, Onyango tỏ ra kém cỏi và dĩ nhiên không đáng trả 60 đồng mỗi tháng.

Chúng tôi quay qua xấp thư. Đó là thư của cha tôi, gửi đến nhiều trường đại học khác nhau ở Mỹ. Có hơn ba mươi lá, gửi đến những hiệu trưởng của trường Quốc lập Morgan, đại học Santa Barbara Junior, Quốc lập San Francisco.

Thư ngài hiệu trưởng Calhoun, một lá thư mở đầu. Tôi đã nghe về trường của ngài từ bà Helen Roberts của Palo Alto, California, người hiện ở Nairobi đây. Bà Roberts biết tôi khao khát đến thế nào được tiếp tục học ở Mỹ, đã bảo tôi viết thư xin được nhận vào ngôi trường đáng kính của ngài. Vì vậy tôi sẽ rất mừng nếu ngài vui lòng gửi đến tôi mẫu đơn và thông tin liên quan đến những khoản học bổng có thể có mà có lẽ ngài biết rành. Kèm với vài lá thư là những thư giới thiệu từ Cô Elizabeth Mooney, một giáo viên dạy đọc viết từ Maryland. Không thể lấy được bản sao học bạ của ông Obama, cô viết, vì cô đã rời trường vài năm rồi. Tuy nhiên, cô cũng bày tỏ lòng niềm tin vào năng lực của cha tôi, nhận xét rằng cô đã thấy ông làm toán đại số và hình học. Cô thêm rằng ở Kenya người ta đang cần những giáo viên giỏi và tận tụy và rằng, miễn khao khát của ông O'Bama là được phục vụ quê hương mình, ông sẽ có một cơ hội, có lẽ trên cơ sở một năm.

Chính là đây, tôi thầm nghĩ. Của thừa kế của tôi. Tôi sắp xếp lại những lá thư này thành xấp gọn gàng và để chúng dưới quyền sở đăng ký. Đoạn tôi bước ra sân sau. Đứng trước hai ngôi mộ, tôi cảm nhận những thứ xung quanh mình - những cánh đồng bắp, cây xoài, bầu trời buông xuống, đến khi trong tôi chỉ còn lại một loạt những hành ảnh của tâm trí, những câu chuyện của bà chợt trở nên sống động.

Tôi nhìn thấy ông, đang đứng trước lều cha tôi, một cậu trai đeo đai linh lợi, gương mặt dữ tợn, gần như buồn cười trong chiếc quần to quá khổ và áo sơ mi không có nút. Tôi thấy cha tôi quay đi khỏi

Ông và nghe các anh em cười nhạo mình. Tôi cảm thấy trán ông bừng lửa, tay chân ông hằn gân guốc và trống ngực ông chợt đập loạn. Và khi dáng ông quay đi và bắt đầu sỏi trên con đường đất đỏ, tôi biết rằng đường đời với ông giờ đây đã rẽ ngoặt một cách triệt để, bất khả vãn hồi.

Ông sẽ phải tìm lại mình trong cái nơi chốn hoang liêu, cô độc này. Bằng sức mạnh của ý chí, ông sẽ tạo dựng một cuộc sống tách biệt khỏi những hỗn tạp của một thế giới xa lạ, và những kỷ ức về một thế giới đã xưa cũ. Vậy mà, khi ông ngồi một mình trong căn lều sạch sẽ tinh tươm, một ông già giờ đây với đôi mắt đã mờ đục, tôi biết rằng ông vẫn nghe cha và các anh em đang cười nhạo sau lưng mình. Ông vẫn nghe tiếng nói cộc lốc của một đại tá người Anh, giải thích lần thứ ba và lần cuối cùng tỉ lệ chính xác nước hương vị trong rượu gin. Những sợi thần kinh nơi cổ ông thắt chặt lại - cơn giận bùng lên - ông chụp lấy cây gậy chỉ để quật một cái gì đó, bất kỳ cái gì. Đến khi cuối cùng tay ông trở nên yếu ớt với nhận thức với tất cả sức mạnh trong tay và sức mạnh ý chí, những tràng cười, những lời quở trách kia sẽ không làm khổ ông lâu. Ông biết rằng ông sẽ không sống tiếp một số phận nhạo báng. Ông chờ đợi cái chết, trong cô đơn.

Bức tranh mờ dần, thay thế bằng hình ảnh một cậu bé chín tuổi - cha tôi. Cậu ta dói lá, mệt mỏi, núm chặt tay chị mình, đang tìm người mẹ thất lạc. Cái đói, cái kiệt sức quá ghê gớm với cậu; đến cuối cùng cái hy vọng mong manh được rúc vào lòng mẹ đã trôi tuột, trôi tuột vào cõi hư không. Cậu bé bắt đầu khóc; cậu lắc tay chị. Cậu muốn về nhà, cậu thét lên, về nhà cha. Cậu sẽ tìm một người mẹ mới. Cậu sẽ chịu thua trong những trò chơi và học lấy sức mạnh tinh thần.

Nhưng anh ta không quên sự tuyệt vọng của ngày đó. Mười hai năm sau, ngồi tại chiếc bàn hẹp, anh ta đưa mắt nhìn từ xấp đơn đến bầu trời thao thức và cảm thấy cùng nỗi hoảng loạn đó đã trở lại. Anh cũng sẽ phải tự khám phá mình. Ông chủ anh không có trong văn phòng; anh để những lá đơn qua một bên và từ một ngăn kéo dựng hồ sơ cũ anh lôi ra một danh sách những địa chỉ. Anh giật cái máy đánh chữ về phía mình và bắt đầu đánh, từng chữ từng chữ, đánh lên phong bì, phong kín những lá thư lại như những thông điệp

trong chai vốn sẽ trôi từ một khe thư bưu điện vào một đại dương bao la và có thể đưa anh trốn thoát khỏi hòn đảo của nỗi nhục nhã của cha.

Ông hẳn đã cảm thấy mình may mắn biết bao khi con thuyền của ông cập bến! Ông hẳn đã biết, khi lá thư sau đến từ Hawaii, rằng rốt cuộc ông đã được chọn; rằng ông đã có được niềm vinh dự của cái tên mình, *vận may*, phúc lành của Chúa. Với tám bằng, cà vạt, người vợ Mỹ, xe hơi, những lời nói, đáng vẻ, chiếc ví, tỉ lệ thích đáng của nước hương liệu trong rượu gin, sự lịch thiệp, kiểu cách, một tổng thể những sự việc liên lạc và tự nhiên, không có sự chấp vá kệt cớm, với cái bản chất bừa bãi của một cuộc sống trước kia - cái gì còn có thể cản đường ông?

Ông gần như đã thành công, một cách mà cha ông chưa bao giờ hy vọng tới. Và rồi, sau khi hình như đã đi được quá xa, để thấy ra rằng ông rốt cuộc vẫn chưa trốn thoát. Để thấy ông vẫn còn bị giam cầm trên hòn đảo của cha, với những vết rạn nứt của sự giận dữ và ngờ vực và thất bại, những cảm xúc vẫn còn trông thấy bên dưới bề mặt, nóng bỏng, sôi sục và sống động, như một cái mồm độc ác đang há hốc, và mẹ ông đi xa, đi xa...

Tôi ngồi phịch xuống đất và quét tay lên lớp gạch lát vàng trơn mượt. Ôi Cha, tôi kêu lên. Chẳng có gì xấu hổ trong sự bối rối của anh. Cũng như chẳng có sự xấu hổ trong sự bối rối của người cha trước mặt anh. Chẳng có gì tủi hổ trong sự sợ hãi, hoặc trong sự sợ hãi của người cha trước anh. Duy chỉ có sự cảm lạnh do sợ hãi gây ra là đáng hổ thẹn. Đó chính là sự cảm lạnh đã phản bội chúng ta. Nếu không vì sự cảm lạnh đó, ông anh hẳn đã nói với cha anh rằng ông ấy có thể không bao giờ tự giải thoát, hoặc tự sáng tạo lại chính mình. Cha anh hẳn đã dạy cùng những bài học đó cho anh. Và anh, là con, có thể đã dạy cho cha anh biết rằng cái thế giới mới đang vẫy gọi tất cả chúng ta đây không chỉ là những chiếc tàu lửa và buồng vệ sinh trong nhà và những nương rãnh tưới tiêu và máy hát, những công cụ vô hồn có thể bị mê đắm trong cung cách xưa cũ. Anh có thể nói với ông rằng những công cụ này mang theo chúng một sức mạnh nguy hiểm, rằng chúng đòi hỏi một cách nhìn khác về thế giới. Rằng

sức mạnh này có thể được hấp thu chỉ khi song hành với một niềm tin sinh ra từ gian khổ, một niềm tin không mới mẻ, nó không thuộc về người da đen hoặc trắng hoặc người Cơ đốc hoặc đạo hồi nhưng nó rung động trong trái tim một ngôi làng Phi Châu cũng như một trang ấp nào đó ở Kansas - một niềm tin nơi người khác.

Sự cảm lạnh giết chết niềm tin của anh. Và vì thiếu niềm tin anh bám víu quá nhiều và quá ít vào quá khứ của mình. Quá nhiều vào sự khắc khe, ngờ vực, sự hung ác của nó. Quá ít vào tiếng cười trong giọng nói của bà, những niềm vui trong sự bầu bạn khi chân dề, tiếng rì rầm của phiên chợ, những câu chuyện bên ngọn lửa. Lòng trung thành có thể đền bù cho sự thiếu thốn máy bay hoặc súng trường. Những lời khích lệ. Một cái ôm. Một tình yêu mãnh liệt, chân thật. Với tất cả những năng khiếu của anh - trí óc lanh lợi, khả năng tập trung, sức lôi cuốn - anh có thể không bao giờ tiến triển thành một người đàn ông hoàn toàn bằng cách để những thứ đó lại phía sau...

Tôi đã ngồi giữa hai nắm mộ và khóc rất lâu. Khi nước mắt đã khô, tôi cảm nhận một sự bình tĩnh gột rửa mình. Tôi cảm nhận cái vòng tròn cuối cùng đã khép lại. Tôi nhận ra rằng việc tôi là ai, điều gì tôi quan tâm, không còn chỉ là một vấn đề của trí tuệ hoặc bốn phận, không còn là một cơ cấu những lời nói. Tôi thấy rằng cuộc sống của tôi ở Mỹ - cuộc sống người da đen, cuộc sống người da trắng, cảm giác bị ruồng bỏ mà tôi cảm thấy khi là một cậu bé, sự ngã lòng và hy vọng mà tôi đã chứng kiến ở Chicago - tất cả đều có liên hệ với mảnh đất nhỏ nhoi này dù qua một đại dương xa cách, liên hệ bởi không chỉ vì cái tên hoặc màu da tình cờ của tôi. Nỗi đau mà tôi cảm nhận là nỗi đau của cha tôi. Vấn nạn của tôi là vấn nạn của anh em tôi. Sự xung đột của họ, quyền thừa kế của tôi.

Một cơn mưa nhẹ rơi, từng giọt tí tách trên lá. Tôi sắp đốt một điều thuốc thì cảm thấy một bàn tay trên cánh tay mình. Tôi quay lại thấy Bernard ngồi xổm cạnh tôi, cố che cho cả hai bằng một cây dù cũ vẹo vọ.

"Họ kêu em tìm coi anh có ổn không", cậu ta nói.

Tôi cười. "Vâng. Anh vẫn ổn mà".

Cậu ta gạt đầu, mắt cậu liếc nhìn những đám mây. Cậu ta quay lại tôi, và nói, "Sao không cho em một điếu thuốc, em sẽ ngồi đây hút với anh".

Tôi nhìn cái miệng, gương mặt đen đúa của cậu, và bỏ điếu thuốc vào gói trở lại. "Cậu cần đi", tôi nói. "Đi nào, chúng ta tản bộ hay hơn".

Chúng tôi đứng lên và bắt đầu hướng về lối vào khu đất. Cậu bé Godfrey đang đứng cạnh lều nấu ăn, một chân tựa lên vách bùn như con sếu. Nó nhìn chúng tôi và nở nụ cười ngập ngừng.

"Đi nào", Bernard nói, tay vẫy cậu bé. "Cậu có thể đi với các anh". Và thế là ba chúng tôi bước đi trên con đường rộng đầy bụi bẩn, nhặt những chiếc lá rơi dọc đường, nhìn nước mưa chảy xuống dọc các thung lũng.



## Phần kết

TÔI Ở LẠI KENYA hai tuần nữa. Tất cả chúng tôi trở lại Nairobi và ở đó có nhiều bữa tiệc, nhiều tranh cãi, nhiều câu chuyện hơn. Bà ở trong căn hộ của Auma, và mỗi tối tôi thiếp ngủ trong những tiếng thì thầm của họ. Ngày nọ chúng tôi tập trung tại một hiệu ảnh để chụp một tấm hình gia đình, và tất cả phụ nữ đều dập dờn trong những chiếc áo đầm dài Phi Châu màu xanh sáng, vàng và lục, và đàn ông thì đều cao lớn, mày râu nhẵn nhụi và ăn mặc gọn gàng, và người thợ ảnh, một người Ấn Độ mảnh khảnh với đôi lông mày rậm, nhận xét chúng tôi đã làm nên một bức hình thật đẹp.

Roy bay về Washington, D.C, không lâu sau đó; bà trở lại Home Squared. Thời gian chợt trở nên tĩnh lặng quá đỗi, và một nỗi sầu muộn nào đó đã rũ lên Auma và tôi, như thể chúng tôi vừa ra khỏi một giấc mơ. Và có lẽ cái ý thức rằng chúng tôi cũng sẽ sớm quay trở lại với những cuộc sống khác nhau của mình, một lần nữa lại cách biệt nhau, đã khiến chúng tôi ngày nọ quyết định đến thăm George, con út của cha chúng tôi.

Đó hóa ra là một việc chán ngắt, thu xếp vội vã và không cho người mẹ biết: chúng tôi đơn giản lái xe với Zeituni đến một ngôi

trường nhỏ gọn, một tầng, nơi một nhóm học sinh đang chơi đùa trên một sân cỏ rộng. Sau vài câu trao đổi với giáo viên giám sát giờ giải lao, Zeituni dắt một đứa trẻ ra với chúng tôi. Đó là một cậu bé dễ thương, đầu tròn với cái nhìn cảnh giác. Zeituni cúi xuống và chỉ vào Auma và tôi.

“Đây là chị con”, cô nói với cậu bé, “con đã chơi đùa suốt trên đầu gối chị ấy. Đây là anh trai con, đã lặn lội từ Mỹ về đây thăm con”.

Cậu bé bắt tay chúng tôi một cách mạnh dạn nhưng vẫn ngoái nhìn lại cuộc chơi cậu vừa bỏ đi. Bấy giờ tôi nhận thấy chúng tôi đã phạm một sai lầm. Chẳng mấy chốc hiệu trưởng trường xuất hiện từ văn phòng và nói rằng trừ phi chúng tôi được mẹ thằng bé cho phép, bằng không chúng tôi buộc phải đi. Zeituni bắt đầu tranh cãi với bà ta, nhưng Auma nói, “Không, dì à, bà ấy đúng. Chúng ta nên đi”. Từ xe hơi, chúng tôi nhìn George quay lại với bạn bè mình, chẳng mấy chốc không thể phân biệt được với những cái đầu tròn và những đôi chân khác đang đuổi theo một quả bóng tròn vệt trên cỏ. Bấy giờ tôi bỗng nhớ lại lần đầu tiên tôi gặp Ông Già, nỗi sợ hãi và lo lắng mà sự có mặt của ông đã gây cho tôi, đã buộc tôi lần đầu tiên phải nhìn vào tấm màn bí mật của cuộc đời mình. Và tôi thấy dễ chịu trong sự kiện rằng có lẽ một ngày nào đó, khi lớn hơn, George cũng có thể muốn biết cha mình là ai, và các anh chị mình là ai, và rằng nếu có lúc nó tìm đến tôi thì tôi sẽ ở đó chờ nó, để kể nó nghe câu chuyện mà tôi biết.

Chiều hôm đó, tôi hỏi Auma chị có biết quyển sách hay nào nói về Luo không, và chị đề nghị chúng tôi đến thăm cô giáo dạy sử trước kia của chị, một phụ nữ cao, đáng thương tha gọi là tiến sĩ Rukia Odero, người đã từng là bạn của Ông Già. Khi chúng tôi đến nhà, tiến sĩ Odero sắp ngồi vào bàn ăn, và cô một mực mời chúng tôi cùng dùng bữa. Sau bữa ăn với món cá tilapia và món bánh bột bắp ugali, cô bắt tôi gọi mình là Rukia, đoạn hỏi tôi cho biết ấn tượng về đất nước này. Liệu tôi có thấy thất vọng? Cô tự hỏi vậy. Tôi nói rằng không hề, mặc dù tôi sắp ra đi với quá nhiều thắc mắc cũng như câu trả lời.

“Tốt”, Rukia nói, đẩy cặp kính lên khỏi sống mũi. “Đó là cách những sử gia chúng tôi kiếm sống, anh biết đấy. Chúng tôi ngồi cả

ngày dài, gặng tìm ra những câu hỏi mới. Việc đó trên thực tế có thể rất buồn chán. Điều đó đòi hỏi tính hóm hỉnh. Anh biết đấy, những thanh niên Mỹ da đen thường lãng mạn hóa châu Phi quá mức. Khi cha anh và tôi còn trẻ, sự thể trái hẳn - chúng tôi chờ đợi tìm thấy tất cả câu trả lời ở Mỹ. Harlem. Chicago. Langston Hughes và James Baldwin. Đó là nơi chúng tôi rút lấy niềm cảm hứng. Và nhà Kennedy - họ rất nổi tiếng. Cơ hội để học ở Mỹ rất quan trọng. Một khoảng thời gian đầy hy vọng. Dĩ nhiên, khi trở lại chúng tôi nhận thấy rằng học vấn không phải luôn giúp nhiều được chúng tôi. Hoặc những người đã gửi chúng tôi đi. Có cả một lịch sử hỗn độn để đối mặt”.

Tôi hỏi vì sao cô nghĩ người Mỹ da đen thường thất vọng khi họ về thăm châu Phi. Cô lắc đầu và cười. “Vì họ đến đây để tìm kiếm sự xác thực”, cô nói. “Nó chắc chắn làm người ta nản lòng. Hãy nhìn bữa ăn chúng ta đang ăn. Nhiều người sẽ nói với anh rằng Luo là một bộ tộc ăn cá. Nhưng điều đó không đúng với tất cả người Luo. Chỉ với những người sống gần hồ thôi. Và ngay với những người Luo này, điều đó cũng không luôn đúng. Trước khi họ định cư quanh hồ, họ là những người chăn thả, như người Masai vậy. Giờ đây, nếu anh và chị anh cư xử lịch sự và ăn một phần ra trò món này, tôi sẽ mời trà hai người. Người Kenya rất thích khoe khoang về chất lượng trà của họ, anh thấy đó. Nhưng dĩ nhiên chúng ta nhiễm thói quen này từ người Anh. Tổ tiên chúng ta không uống thứ đó. Rồi thì có những món mà chúng ta thường chế biến với cá này. Chúng xuất xứ từ Ấn Độ, hoặc Indonesia. Vì vậy ngay cả bữa ăn đơn giản này, anh sẽ thấy thật khó mà xác thực hóa nó - mặc dù đây tất nhiên là món ăn châu Phi”.

Rukia cuộn một miếng bánh ugali trong tay và chấm vào món hầm của mình. “Anh khó mà trách tội người Mỹ da đen, dĩ nhiên, chỉ vì họ mong muốn một quá khứ không tì vết. Sau những ác nghiệt họ đã chịu đựng - vẫn phải chịu đựng, từ những gì tôi đọc thấy trên báo chí. Khao khát này của họ chẳng lạ gì cả. Người châu Âu cũng muốn điều đó. Người Đức, người Anh... tất cả họ đều tuyên bố Athens và Rome như là của mình, trong khi, trên thực tế, tổ tiên của họ đã góp phần hủy diệt những nền văn hóa kinh điển

đó. Nhưng điều đó xảy ra đã quá lâu rồi, nên trách nhiệm của họ dễ dàng hơn. Trong các trường học của họ, anh hiếm khi nghe về sự cơ cực của người nông dân châu Âu xuyên suốt hầu hết chiều dài lịch sử đã ghi nhận. Sự hủ bại và bóc lột của Cuộc Cách mạng Công nghiệp, những cuộc chiến tranh bộ lạc vô nghĩa - thật xấu hổ làm sao cái cách người châu Âu đối xử với đồng loại mình, vốn là những người ít màu hơn nhiều. Thế nên cái ý niệm về một thời đại hoàng kim ở Phi Châu, trước khi người da trắng đến, xem ra chỉ là điều tự nhiên”.

“Một sự hiệu chỉnh”, Auma nói.

“Sự thật thường là sự hiệu chỉnh tốt nhất”, Rukia nói với một nụ cười. “Các bạn biết đấy, đôi khi tôi nghĩ điều tồi tệ nhất mà chủ nghĩa thực dân đã làm là che mờ tầm nhìn về quá khứ của chúng ta. Không có người da trắng, chúng ta có thể đã tận dụng tốt hơn lịch sử của mình. Chúng ta có thể nhìn vào một vài thực tế trước kia của mình và quyết định việc chúng đáng duy trì. Những cái khác, chúng ta có thể vượt bỏ. Rủi thay, người da trắng đã khiến chúng ta trở nên quá tự vệ. Chúng ta bám víu đến cùng vào mọi thứ vốn sống dai hơn tính hữu dụng của chúng. Chế độ đa thê. Quyền sở hữu đất tập thể. Những thứ này hoạt động tốt trong thời của chúng, nhưng giờ đây hầu hết chúng thường trở thành công cụ cho sự lạm dụng. Bởi con người. Bởi chính phủ. Thế nhưng, nếu anh nói những điều này, tức thị anh đã bị tiêm nhiễm bởi ý thức hệ Phương Tây”.

“Thế chúng ta nên thích nghi làm sao?” Auma nói.

Rukia nhún vai. “Tôi để những câu trả lời đó cho các nhà làm chính sách. Tôi chỉ là một sử gia. Nhưng tôi e là ta không thể vờ coi như những mâu thuẫn trong hoàn cảnh chúng ta là không tồn tại. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là lựa chọn. Chẳng hạn, việc cắt âm vật phụ nữ là một phong tục quan trọng của người Kikuyu. Với người Masai cũng vậy. Đối với sự đa cảm thời hiện đại, điều đó man rợ. Có lẽ chúng ta có thể thu xếp để tất cả những hoạt động này thực hiện trong các bệnh viện và giảm thiểu tỉ lệ tử vong. Giảm thiểu sự mất máu. Nhưng bạn thật sự không thể thực hiện cắt âm

vật một nửa. Chẳng ai chịu được như vậy. Vì thế chúng ta phải lựa chọn. Điều tương tự cũng đúng đối với sự thống trị của luật pháp, ý niệm về yêu cầu độc lập - những điều này có thể xung đột với lòng trung thành bộ tộc. Bạn không thể có luật pháp và sau đó khinh miệt những thành viên nào đó trong bộ tộc mình. Phải làm gì? Một lần nữa bạn lựa chọn. Nếu bạn lựa chọn sai, bây giờ bạn phải học từ lỗi lầm của mình. Bạn sẽ thấy những gì xảy ra”.

Tôi mút ngón tay và rửa tay. “Nhưng phải chăng không còn bất kỳ thứ gì thật sự thuộc về người châu Phi?”

“A, đó là một vấn đề, phải không?” Rukia nói. “Hình như có cái gì đó khác về điểm này. Tôi không biết đó là gì. Có lẽ người Phi Châu, đã đi quá xa quá nhanh, đến lúc nào đó sẽ có một viễn quan độc đáo vô song. Hoặc có lẽ đó là việc chúng ta biết đến nhiều nỗi thống khổ hơn hầu hết người khác. Có lẽ đó chỉ là đất đai. Tôi không biết. Có lẽ vì tôi cũng quá lãng mạn. Tôi biết rằng tôi không thể sống xa đây quá lâu. Ở đây người ta vẫn nói chuyện với nhau. Khi tôi đến thăm nước Mỹ, đó dường như là một nơi rất cô đơn...”

Bỗng nhiên, tất cả ánh sáng trong nhà đều tan biến. Rukia thờ dãi - cúp điện ở đây ngày càng trở nên thường hơn, cô nói - và tôi đưa cô cái bật lửa để thắp mấy ngọn nến cô để trên bệ lò sưởi. Ngồi trong bóng tối, tôi nhớ lại những câu chuyện mà Zeituni đã kể với chúng tôi, và nhận xét rằng chắc hẳn bọn ma đêm giờ này đang ra ngoài. Rukia thắp những ngọn nến, ánh sáng đỏ rực hắt lên gương mặt cô một chiếc mặt nạ cười.

“Anh biết về những con ma đêm à! Vâng, trong bóng tối chúng rất có quyền lực. Thường là có rất nhiều trong vùng chúng ta. Người ta nói rằng chúng thường đi với những con hà mã vào ban đêm. Tôi nhớ có lần...”

Bỗng đột ngột như khi tắt, bóng đèn bật sáng trở lại. Rukia thổi những ngọn nến và lắc đầu. “Ồi, ánh sáng rồi cuộc đã thắp lên trong thành phố. Con gái tôi, nó không ưa bọn ma đêm. Anh biết đấy, bản ngữ của nó không phải tiếng Luo. Thậm chí không phải Swahili. Đó là tiếng Anh. Khi nghe nó nói chuyện với bạn bè, với tôi nghe như những câu nói lấp vấp. Chúng nói rời rạc và lắt nhắt

về mọi thứ - bằng tiếng Anh, Swahili, tiếng Đức, Luo. Đôi khi, tôi ngán ngẩm với điều đó. Hãy học nói một ngôn ngữ cho đúng, tôi bảo chúng". Rukia cười một mình. "Nhưng tôi đang bắt đầu nhượng bộ - thật sự không có gì để làm. Chúng sống trong một thế giới hỗn loạn. Cũng như vậy, tôi nghĩ. Rốt cuộc, tôi ít quan tâm con gái tôi liệu có là một người Châu Phi chính cống cho bằng bản thân nó thật sự là ai".

Đêm đã về khuya; chúng tôi cảm ơn lòng mến khách của Rukia và ra về. Nhưng những lời của cô vẫn vang vọng bên tôi, đi sâu vào trung tâm những ký ức của tôi, những khúc mắc còn rơi rớt của tôi. Vào cái tuần cuối cùng tôi ở lại, Auma và tôi bắt chuyến tàu đến miền duyên hải và ở tại một khách sạn cũ hương ra biển ở Mombasa vốn từng là nơi ở ưa thích của Ông Già. Đó là một nơi giản dị, sạch sẽ, vào tháng Tám đầy những du khách Đức và những thủy thủ Mỹ đến nghỉ phép. Chúng tôi không làm gì nhiều, chỉ đọc và bơi và đi bộ trên bờ biển, xem những con còng chạy hối hả như những bóng ma vào những cái hang cát của chúng. Ngày hôm sau chúng tôi viếng thăm Thành phố cổ kính Mombasa và leo lên những bậc thang mòn vẹt của Pháo đài Jesus, xây dựng lần đầu tiên bởi người Bồ Đào Nha để hợp nhất việc kiểm soát những tuyến đường thông thương dọc Ấn Độ Dương, về sau đã bị tàn phá bởi hạm đội Omani thần tốc, sau này vẫn còn là một vị trí đầu cầu của người Anh khi họ di chuyển vào nội địa để tìm ngà voi và vàng, giờ chỉ là một hộp đá trống rỗng, những bức tường đổ sộ của nó bong ra như những mảnh giấy bồi màu cam, xanh và hồng nhợt nhạt, những khẩu thần công im lìm của nó chìa thẳng ra mặt biển tĩnh lặng nơi một người đánh cá đang đơn độc quăng lưới.

Trên đường trở về Nairobi, Auma và tôi đã quyết định tiêu xài thoải mái, mua những chiếc vé xe buýt thật sự dành cho ghế ngồi. Cảm giác xa xỉ đã chẳng tồn tại lâu; đầu gối tôi đã bị đè cứng bởi một hành khách những muốn số tiền của mình cũng đáng với những chiếc ghế tựa, và một cơn mưa giông bất chợt làm nước chảy ròng qua những lỗ đột trên nóc, mà chúng tôi đã cố - một cách vô hiệu bịt lại bằng khăn giấy.

Rốt cuộc, cơn mưa đã ngừng, và bảy giờ chúng tôi nhìn ra một quang cảnh cần cỗi với sỏi đá và cây bụi và những cây baobab mọc thưa thớt, những cành nhánh trơ trụi, khẳng khiu của nó được trang trí bằng những tổ chim sâu hình cầu. Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó rằng cây baobab có thể trải qua nhiều năm không ra hoa, có thể sống sót nhờ lượng mưa thưa thớt nhất; và nhìn những cái cây đứng đó trong ánh tà dương mờ mờ, tôi hiểu vì sao có những người tin rằng mình sở hữu một sức mạnh đặc biệt - rằng họ là ngôi nhà của những linh hồn tổ tiên và quỷ thần, rằng con người đầu tiên đã xuất hiện dưới hình dạng một cái cây như thế. Đó không chỉ vì sự kỳ hoặc trong hình dáng chúng, cái vẻ ngoài gần như thuộc thời tiền sử của chúng đứng trước bầu trời trơ trụi. "Trông như thể mỗi cái cây có thể kể nên một câu chuyện" Auma nói, và quả thực, mỗi cái cây dường như có một tính cách, một tính cách không hiện từ cũng chẳng hung bạo nhưng đơn giản là nhẫn nại, với những bí mật mà chiều sâu của nó tôi không bao giờ dò tới, một sự khôn ngoan tôi không bao giờ thấu thị. Chúng vừa xáo động vừa an ủi lòng tôi, những cái cây trông như có thể tự nhổ bật rễ lên và bước đi, nếu không vì ý thức rằng những quy luật tự nhiên trên mặt đất này không có mấy khác nhau - ý thức rằng một khoảnh khắc mang trong mình nó tất cả những gì đã diễn ra trước đó.

Đã sáu năm trôi qua kể từ chuyến đi đầu tiên của tôi đến Kenya, và thế giới đã đổi thay khá nhiều.

Với tôi, đó là một giai đoạn khá yên tĩnh, một thời kỳ của sự hợp nhất hơn là khám phá, của việc thực hiện những điều mà ta tự nói với mình rằng rốt cuộc cần phải làm để lớn lên. Tôi đã vào Khoa luật Harvard, trải qua phần lớn thời gian của ba năm trong những thư viện thấp sáng mờ mờ, mê mải với những vụ kiện và đạo luật. Học luật bảy giờ có thể rất chán, một vấn đề áp dụng những điều luật tỉ mỉ và những thủ tục khó hiểu trên một thực tế bất hợp tác; một thứ tính toán được vẽ văng vác nhằm phụng sự việc điều chỉnh những vấn đề của những kẻ có quyền - và như thế nó quá thường tìm cách

thanh minh - cho những kẻ không có - sự khôn ngoan và công bằng tối thượng trong vị thế của mình.

Nhưng luật không phải là tất cả. Luật cũng là một kỷ ước; luật cũng là những ghi nhận về một cuộc đàm luận lâu dài, một quốc gia tranh cãi với chính lương tâm của nó.

*Chúng ta để sự thật tự lên tiếng.* Trong những lời này, tôi nghe thấy âm vang tinh thần của Douglass và Delany, cũng như Jefferson và Lincoln; những cuộc tranh đấu của Martin và Malcolm và những cuộc diễu hành bất ngờ nhằm đưa những lời này vào đời sống. Tôi nghe tiếng của những gia đình người Nhật bị nhốt đằng sau hàng rào kẽm gai; những người Nga gốc Do Thái cất máy trong những xí nghiệp bóc lột công nhân tàn tệ ở Khu Hạ Đông; những nông dân vùng bão bụi chất nặng trên xe tải những gì còn lại của những sinh mệnh tàn úa. Tôi nghe tiếng của dân chúng trong Vườn Altgeld, và tiếng nói của những người đứng bên ngoài ranh giới vùng đất này, những đoàn người mệt lã, đói khát, đang vượt sông Rio Grande. Tôi nghe tất cả những tiếng kêu thét đòi được thừa nhận, tất cả họ đều thốt lên cùng những vấn đề đã đến khắc họa cuộc đời tôi, những vấn nạn mà đôi khi, giữa đêm khuya, tôi thấy mình đang truy vấn Ông Già. Cộng đồng của chúng tôi là gì, và cộng đồng đó làm sao có thể hòa giải với tự do của chúng tôi? Những nghĩa vụ của chúng tôi vươn xa đến đâu? Chúng tôi làm thế nào để biến đổi sức mạnh đơn thuần thành sự công bằng, sự đa cảm đơn thuần thành tình yêu? Những câu trả lời tôi tìm thấy trong sách luật luôn không làm tôi hài lòng - vì mọi *phán quyết bước ngoặt trong vụ án giáo dục - Brown của tòa án tối cao* tôi đều thấy một vài trường hợp nơi mà lương tâm bị bán rẻ cho động cơ cá nhân và lòng tham. Và tuy vậy, trong bản thân cuộc đàm luận, trong sự gặp nhau của những giọng nói, tôi thấy mình được khích lệ đôi chút, tin rằng chừng nào những vấn nạn kia còn được truy vấn, những gì gắn kết chúng ta lại với nhau rồi cuộc bằng cách nào đó có thể vượt thắng.

Niềm tin đó, rất khác sự ngây thơ, đôi khi có thể khó mà kéo dài. Vào lúc tôi trở lại Chicago, tôi nhìn thấy những biểu hiện của sự suy đồi rảo nhanh khắp South Side - những hàng xóm hèn hạ hơn, bọn



trẻ cái kinh và thiếu kiểm chế hơn, nhiều gia đình trung lưu tràn ra vùng ngoại ô hơn, những nhà tù muốn nổ tung bởi những thanh niên cuồng nộ, những anh em không ngày mai của tôi. Tôi cũng rất hiếm khi nghe người ta tự hỏi chúng ta đã làm gì để khiến con tim của nhiều đứa trẻ trở nên quá chai đá, hoặc chúng ta có thể cùng nhau làm gì để uốn nắn lại quy phạm đạo đức của chúng - những giá trị nào *chúng ta* phải sống theo. Thay vì vậy tôi thấy chúng ta đang làm những gì chúng ta đã làm - vờ như bọn trẻ bằng cách nào đó không can hệ gì đến chúng ta vậy.

Tôi đã cố góp chút sức mọn của mình trong việc đảo chiều con sóng này. Trong những hoạt động hợp pháp của mình, tôi chủ yếu làm việc với những nhà thờ và những nhóm cộng đồng, những đàn ông và đàn bà đã lặn lội dựng lên những cửa hàng tạp phẩm và phòng khám sức khỏe trong nội thành, và nhà ở cho người nghèo. Thịnh thoảng tôi cũng làm việc với một vụ kiện phân biệt đối xử, đại diện cho những thân chủ vốn có mặt tại văn phòng hãng luật của tôi với những câu chuyện mà chúng tôi muốn tự nhủ với mình là lẽ ra đừng nên có nữa. Phần lớn khách hàng này hơi bối rối bởi những gì đã xảy ra với họ, như nơi những công nhân đồng nghiệp bằng lòng làm chứng cho họ; không ai muốn bị coi là kẻ gây phiền hà. Thế nhưng có lúc nào đó cả nguyên đơn và nhân chứng đều nhất quyết cho rằng một phép tắc đạo đức đang lâm nguy, rằng bất chấp mọi thứ đã diễn ra, những lời ghi trên giấy cách đây hai trăm năm hẳn rất cục có một ngụ ý gì đó. Da đen và da trắng, họ tuyên bố những quyền hạn của mình trong cái cộng đồng mà ta gọi là nước Mỹ này. Họ lựa chọn thứ lịch sử tốt hơn của chúng ta.

Tôi nghĩ tôi đã học kiên nhẫn hơn trong vài năm qua, với những người khác cũng như với bản thân. Nếu quả vậy, đó là một trong vài sự cải thiện tính cách bản thân mà tôi quy là nhờ vợ mình, Michelle. Nàng là con gái của South Side, lớn lên trong một trong những căn nhà gỗ kiểu một tầng mà tôi đã dành nhiều giờ thăm viếng suốt năm đầu tiên của tôi ở Chicago. Nàng không luôn biết phải làm điều gì với tôi, cũng như Gramps và Ông già, tôi gần

giống như một kẻ mơ tưởng hảo huyền. Thật ra, trong tính cách thiết thực xuất chúng và phong cách miền trung tây của mình, nàng không ít nhắc tôi về Toot. Tôi nhớ làm sao, lần đầu tiên tôi đưa nàng về Hawaii, Gramps thúc vào hông tôi và nói Michelle quả là một “người đẹp”. Toot, mặt khác, miêu tả vị hôn thê tương lai của tôi là “một cô gái rất biết điều” - mà Michelle hiểu là lối tán thưởng cao nhất của bà tôi.

Sau khi đính hôn, tôi đưa Michelle về Kenya để gặp gia đình bên nội của tôi. Nàng ngay lập tức là một người thành công ở đó, phần nào vì số từ Luo trong vốn từ vựng của nàng rất nhanh chóng vượt qua tôi. Chúng tôi đã có một thời gian tốt đẹp ở Alego, giúp Auma trong một dự án phim ảnh của chị ấy, nghe nhiều hơn những câu chuyện của bà, gặp gỡ những bà con mà tôi chưa gặp được trong lần đầu tiên. Tuy nhiên, xa miền nông thôn, đời sống ở Kenya dường như trở nên khắc nghiệt hơn. Nền kinh tế suy sụp, với sự gia tăng tương ứng về mức độ hủ bại và tội phạm đường phố. Trường hợp thừa kế của Ông Già vẫn chưa giải quyết, và Sarah và Kezia vẫn chưa thống nhất được với nhau. Cả Bernard, Abo và Sayid đều chưa có công việc ổn định, mặc dù họ vẫn còn hy vọng - họ đang nói về việc học lái xe, có lẽ là cùng nhau mua một chiếc *matatu*. Một lần nữa chúng tôi cố gặp George, em trai út của chúng tôi, và chúng tôi lại thất bại. Và Billy, con người cường tráng, người anh em họ thích đàn đúm mà tôi gặp lần đầu ở Vịnh Kendu, đã mắc bệnh AIDS.

Khi tôi gặp trông anh rất hốc hác, và muốn ngủ gật giữa lúc nói chuyện. Tuy vậy, anh tỏ ra trầm tĩnh, và vui vẻ khi thấy tôi, và kêu tôi gởi cho anh một tấm hình của hai chúng tôi trong ngày hạnh phúc. Anh đã ra đi trong giấc ngủ trước khi tôi kịp gởi.

Năm đó còn có những cái chết khác. Cha của Michelle, người đàn ông rất tử tế mà tôi từng biết, đã chết trước khi kịp tiễn chân con gái. Gramps chết vài tháng sau đó, sau một cuộc vật vã kéo dài với căn bệnh ung thư tuyến tiền liệt. Là một cựu binh của Chiến tranh thế giới lần thứ hai, ông được mai táng trong Nghĩa trang quốc gia Punchbowl, trên một ngọn đồi nhìn xuống Honolulu. Đó là một đám

tang nhỏ với sự có mặt của mấy người bạn chơi bài và chơi gôn của ông, và ba phát đạn tiền đưa, và một bản kèn đồng.

Bất chấp những nỗi đau buồn này, Michelle và tôi vẫn quyết định tiến tới những kế hoạch đám cưới của mình. Đức cha Jeremiah A. Wright, Jr., đã làm lễ trong thánh đường của Giáo hội Chúa ba ngôi nhất thể, tại Đường 95 và Parnell. Trông mọi người rất bảnh bao tại bữa tiệc, những cô dì mới của tôi khen chiếc bánh cưới, những chú bác mới của tôi tự tán thưởng mình trong những chiếc áo vét thuê. Johnnie cũng ở đó, đang tươi cười với Jeff và Scott, những bạn cũ của tôi từ Hawaii và Hasan, bạn cùng phòng với tôi trong trường đại học. Cùng hiện diện là Angela, Shirley, và Mona, đã bảo mẹ tôi rằng bà nuôi tôi mới chu đáo làm sao. (Mẹ tôi trả lời bằng một tràng cười.) Tôi nhìn Maya lễ độ né tránh những lời tán tỉnh của một số anh em cứ ngỡ mình khéo léo nhưng thật ra quá già đối với cô và lẽ ra nên biết điều đó, nhưng khi tôi cất tiếng lầm bầm, Michelle bảo tôi hãy thư giãn, em gái tôi có thể tự lo lấy mình. Dĩ nhiên, nàng đúng; tôi nhìn cô em bé bông và nhận ra một phụ nữ đã hoàn toàn trưởng thành, xinh đẹp và khôn ngoan và trông như một nữ bá tước Latinh với nước da màu ôliu và mái tóc đen dài và chiếc áo phù dâu dài màu đen. Auma đang đứng cạnh cô bé, trông cũng duyên dáng không kém, mặc dù đôi mắt hơi sưng - tôi kinh ngạc vì chị là người duy nhất khóc trong suốt buổi lễ này. Khi ban nhạc bắt đầu chơi, hai người họ tìm sự che chở nơi hai cậu bé năm và sáu tuổi em họ của Michelle, chúng thể hiện một cách ấn tượng vai trò là người mang nhẫn cho chúng tôi. Nhìn hai cậu bé nghiêm trang đưa hai chị và em gái của tôi lên sàn nhảy, tôi ngỡ chúng trông như những chàng hoàng tử Phi Châu trẻ tuổi trong chiếc mũ vải Kente hợp với dải cap rộng và nơ con bướm rủ xuống.

Tuy nhiên, người làm tôi thấy hạnh diện hơn hết là Roy. Thậm chí, giờ đây chúng tôi gọi anh là Abongo, tên tiếng Luo của anh, vì hai năm trước anh quyết định lên tiếng đòi tài sản thừa kế ở châu Phi của anh. Anh đã cải sang đạo hồi, và đã thẻ kiêng thịt lợn và thuốc lá và rượu. Anh vẫn làm việc trong công ty kế toán của mình, nhưng nói về việc trở lại Kenya mỗi khi anh có đủ tiền. Thật ra, khi chúng tôi gặp nhau ở Home Squared, anh đang bận dựng một ngôi lều cho anh

và cho mẹ, xa khu đất của ông chúng tôi, phù hợp với truyền thống Luo. Anh kể tôi nghe rằng anh đã tiến triển với công ty nhập khẩu của mình và hy vọng chẳng mấy chốc sẽ đủ điều kiện thuê Bernard và Abo làm việc trọn thời gian. Và khi chúng tôi cùng nhau đứng trước mộ Ông Già, tôi nhận thấy cuối cùng đã có một bài vị nơi trước kia là mặt xi măng chổng chơ.

Lối sống mới của Abongo đã cho anh cơ thể gầy ốm và đôi mắt tinh tường, và tại bữa tiệc cưới, trông anh thật quý phái với chiếc áo dài Phi Châu màu đen với đồ trang trí màu trắng hợp với chiếc mũ vải đến nổi một số vị khách mời lầm anh ta là cha tôi. Anh dĩ nhiên vẫn là ông anh ngày nào, đã trò chuyện để trấn an sự bồn chồn trước khi cưới của tôi, đã nhẫn nại lặp lại với tôi năm sáu lần là được rồi, anh vẫn giữ chiếc nhẫn, thúc tôi tiến ra cửa với cái nhìn rằng nếu tôi còn trì hoãn phút giây nào trước gương thì bất luận tôi trông ra sao cũng chẳng quan trọng vì chắc chắn chúng tôi sẽ muộn.

Không phải những sự thay đổi nơi anh là không tạo nên sự căng thẳng. Anh thường có những tuyên bố dông dài về sự cần thiết của việc người da đen tự giải phóng mình khỏi những ảnh hưởng độc hại của nền văn hóa châu Âu, và quở trách Auma về cái anh gọi là lối sống châu Âu của cô. Những lời anh nói không hoàn toàn là của bản thân anh, và trong sự đổi giọng của anh thỉnh thoảng có thể nghe thấy sự giả tạo và cứng nhắc. Nhưng ma lực trong nụ cười của anh vẫn còn, và chúng tôi có thể bất đồng nhưng không thể ác ý. Sự cải giáo đã cho anh cái cơ sở vững chắc để dựa vào, một niềm kiêu hãnh nơi vị thế anh đứng trên đời. Từ nền tảng đó tôi thấy niềm tin của anh xây nên; anh bắt đầu đánh bạo và truy đến những vấn đề gay go hơn; anh bắt đầu vứt hết những công thức và khẩu hiệu và quyết định cái gì tốt nhất cho mình. Anh không thể tự dừng được quá trình này, vì trái tim anh quá rộng lượng và đầy phẫn chấn, thái độ anh đối với mọi người quá dịu dàng và tha thứ, hòng tìm kiếm những giải pháp giản đơn cho vấn nạn hóc búa phải là một người da đen.

Đến cuối bữa tiệc, tôi thấy anh đang ngoác mồm cười trước ống kính quay phim, đôi tay dài của anh choàng lên vai mẹ tôi và Toot, mà đỉnh đầu họ chỉ vừa vạm vỡ tới ngực anh. “Ê, chú em”, anh nói

với tôi khi tôi bước tới ba người họ. “Cứ như thể giờ đây tôi có thêm hai người mẹ nữa vậy”. Toot vỗ lưng anh ta. “Và chúng ta có một thằng con mới”, bà nói, mặc dù khi cố nói từ “Abongo” giọng Kansas của bà đã đọc trệch nó một cách thê thảm. Cầm mẹ tôi một lần nữa nấc lên, và Abongo nâng cốc rượu pân trái cây uống mừng.

“Cho những ai không có ở đây với chúng ta”, anh nói.

“Và cho một cái kết tốt đẹp”, tôi nói.

Chúng tôi làm chảy những giọt rượu lên sàn nhà lát gạch ca rô. Và trong khoảnh khắc đó, ít ra, tôi thấy mình như người đàn ông hạnh phúc nhất sống trên đời.

# Mục lục

|                         |     |
|-------------------------|-----|
| LỜI TỰA CHO ẤN BẢN 2004 | 5   |
| GIỚI THIỆU              | II  |
| PHẦN MỘT: NGUỒN GỐC     | 17  |
| PHẦN HAI: CHICAGO       | 155 |
| PHẦN BA: KENYA          | 331 |
| PHẦN KẾT                | 465 |

# Những giấc mơ từ cha tôi

BARACK OBAMA

Dịch giả: NGUYỄN QUANG

---

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**NGUYỄN CỬ**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**NGUYỄN THỊ HẠNH**

Biên tập: **TUẤN THÀNH**

Sửa bản in: **THIÊN TỬ**

Bìa: **VŨ ĐÌNH GIANG**

Trình bày: **THÁI THÀNH**

## **NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC**

18 Nguyễn Trường Tộ, Quận Ba Đình, Hà Nội

ĐT: 04.7161.518 – 04.7161.190 Fax: (04) 8294781

Email: [nxbvanhoc@nn.vnn.vn](mailto:nxbvanhoc@nn.vnn.vn)

## **CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3

ĐT: 08.8469.858 Fax: 08.8483481

**Liên kết xuất bản: Công ty CP TMDV Mê Kông Com**

---

In lần thứ nhất. Số lượng: 1000 cuốn, Khổ: 16 x 24 cm. Tại nhà in  
Fahasa – 774 Trường Chinh, F.15, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Số đăng ký KHXB: 227-2008/CXB/18-25/ VH

QĐXB số: 724/QĐ – VH ngày 18/9/2008

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2008.

“Thật cuốn hút...cuốn sách miêu tả một cách thuyết phục hiện tượng phụ thuộc vào hai thế giới khác nhau, và rồi chẳng phụ thuộc vào bên nào cả.”

— *The New York Times Book Review*

“Với bút pháp trôi chảy, bình thản, thấu suốt, Obama đưa chúng ta tiến thẳng đến điểm giao nhau của những vấn đề hệ trọng nhất về nhân diện, giai cấp và chủng tộc.”

— *Washington Post Book World*

“Với cách thể hiện trong sáng... sống động và sâu sắc... Quyển sách này phải được đặt bên cạnh những tác phẩm như *Sắc Màu Của Nước* của James McBride và *Cuộc Sống Trên Ranh Giới Màu Da* của Greg William như một câu chuyện về cuộc sống bao quát toàn bộ những vấn đề chủng tộc tại Mỹ.”

— *Scott Turow*

“Một trong những cuốn sách đặc lực nhất về sự khám phá nội tâm mà tôi từng đọc, và hơn thế nữa nó khơi mở cho chúng ta đi sâu hơn vào những vấn đề không những về chủng tộc, giai cấp và màu da mà còn về văn hóa và tính chất sắc tộc. Cuốn sách được viết một cách sống động, trình bày khéo léo và tình tiết được sắp xếp như một quyển tiểu thuyết hay.”

— *Charlayne Hunter-Gault*





## những giấc mơ từ Cha tôi

"Trong **Những Giấc Mơ Từ Cha Tôi**, Barack Obama đưa chúng ta trên một chuyến hành trình tìm kiếm những sự thật về gia đình và chủng tộc. Bút pháp của Obama sắc bén nhưng khoan dung. Đây là một cuốn sách đáng đọc và nghiền ngẫm."

— Alex Kotlowitz

### "Những Giấc Mơ Từ Cha

**Tôi** là một cuộc nghiên cứu nhạy cảm và tinh tế về chuyến hành trình của tác giả trẻ tài hoa này vào thế giới tuổi trưởng thành, cuộc tìm kiếm của anh về cộng đồng và vai trò của mình trong đó, một cuộc tìm kiếm sự cảm thông đối với cội nguồn, và sự khám phá của anh về chất thi vị của cuộc sống con người. Mẫn cảm và uyên thâm, cuốn sách này sẽ nói với bạn một điều gì đó về chính mình dẫu bạn là da đen hay da trắng."

— Marian Wright Edelman

Trong cuốn hồi ký trữ tình, cuốn hút và không ủy mị này, con trai của một người cha châu Phi và người mẹ Mỹ da trắng đã đi tìm một ý nghĩa thực tế cho cuộc đời mình với tư cách là một người Mỹ da đen. Bắt đầu ở New York, nơi Barack Obama nghe tin về cha mình - một hình tượng ông biết như một huyền thoại đúng hơn là một con người - bị chết trong một tai nạn xe. Cái chết đột ngột này đã khơi dậy một cuộc phiêu lưu cảm xúc - thoát đầu đến thị trấn nhỏ ở Kansas, từ đó ông lần tìm về cuộc di cư của gia đình bên mẹ đến Hawaii, và rồi đến Kenya, nơi ông gặp gia đình bên nội ở châu Phi, đối mặt với sự thật đắng cay về cuộc đời của cha, và cuối cùng là hòa giải sự thừa hưởng được phân tách của mình.

**youbooks**  
books Read to change your life

Youbooks thuộc Mekongcom Corp.

*Dreams from my father*

Copyright © 1995, 2004 by Barack Obama. All rights reserved.

Bản dịch tiếng Việt do Youbooks thực hiện và xuất bản năm 2008.

Phát hành tại:

**vina**book.com  
Nhà sách trên mạng

426 Cao Thắng (nối dài), Q. 10, TP.HCM  
Tel: (84.8) 8624150 - Fax: (84.8) 8624065

Những Giấc Mơ Từ Cha Tôi



8 935201 510213

90.000 đ